

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

NHIỀU TÁC GIẢ



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN”

(1920 - 2020)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

HỘI THẢO KHOA HỌC
“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN”
(1920 - 2020)

HLUV

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN”
(1920 - 2020)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Huế, 2020

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “100 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin” (1920 - 2020) / Vũ Công Thương, Bùi Ngọc Quang, Đoàn Sỹ Tuấn... - Huế : Đại học Huế, 2020. - 671tr. ; 27cm

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. Trường Đại học Hoa Lư

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Chủ nghĩa Mác - Lênin 3. Hội thảo khoa học 4. Việt Nam 5. Kỷ yếu hội thảo

335.4346 - dc23

DUM0360p-CIP

Mã số sách: NC/238-2020

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP

1. TS. NGUYỄN MẠNH QUỲNH Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Hoa Lư
Trưởng Ban Chỉ đạo Hội thảo
2. TS. ĐOÀN SỸ TUẤN Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị,
Trường Đại học Hoa Lư
P. Trưởng Ban Chỉ đạo Hội thảo
3. TS. PHẠM THÀNH TRUNG P. Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị,
Trường Đại học Hoa Lư
UVTT Ban Chỉ đạo Hội thảo

BAN BIÊN TẬP

1. TS. ĐOÀN SỸ TUẤN
2. TS. HOÀNG DIỆU THÚY
3. TS. PHAN THỊ HỒNG DUYÊN
4. TS. ĐINH VĂN VIỄN
5. ThS. LÊ THỊ LAN ANH

THƯ KÝ BIÊN TẬP

ThS. LÊ THỊ NGỌC THÙY
ThS. NGUYỄN THỊ THU DUNG

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC

“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN” (1920 - 2020)

*TS. Đoàn Sỹ Tuấn**

Kính thưa các vị đại biểu khách quý!

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các quan điểm, học thuyết “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”¹; lấy khoa học làm nền tảng, động lực, lấy cách mạng làm mục tiêu nhằm giải phóng giai cấp, dân tộc và con người; là kho tàng tri thức phong phú, đồ sộ, kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa, khoa học, trí tuệ nhân loại và thực tiễn thời đại; do C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin - những vĩ nhân của lịch sử, những nhà khoa học kiêm chiến sĩ cách mạng, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và nhân loại tiến bộ, khởi thảo, sáng lập, bổ sung, phát triển.

Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc - Người con ưu tú của dân tộc Việt Nam đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V.I. Lênin. Đây là sự kiện lịch sử vô cùng trọng đại trong cuộc đời hoạt động đấu tranh cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh và của cả dân tộc Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất trong tư tưởng, lập trường; quan điểm, tình cảm; phương pháp và hành động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc; giúp Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc được coi là duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Người đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, từ “Ái Quốc”, đến “Chí Minh”, từ người đi “tìm đường”, trở thành người “chỉ đường”, “dẫn đường” của cả dân tộc. Giáo sư Trần Văn Giàu dùng hình ảnh: “Ruộng đồng đã có nước” (Chỉ vốn văn hóa Quốc học, phương Đông, phương Tây nhen nhúm trong Nguyễn Ái Quốc trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin), “nước sông đầy lên” (để diễn tả bước phát triển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc khi gặp chủ nghĩa Mác - Lênin). Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao của tư duy, trí tuệ, khoa học loài người, Hồ Chí Minh không dừng ở đỉnh cao, mà còn tiếp tục phát triển đỉnh cao lên một đỉnh cao mới, vận dụng và phát triển sáng tạo, làm phong phú chủ nghĩa

* Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Hội thảo; Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Hoa Lư

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

Mác - Lênin. Với tư duy chiến lược, tầm nhìn sáng tạo, Người đã góp phần quan trọng vào việc vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. ***Có thể nói, sau V.I. Lênin, Hồ Chí Minh là một trong số ít những lãnh tụ cộng sản để lại nhiều dấu ấn sâu đậm nhất trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin.***

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc, toàn diện đến cách mạng Việt Nam. Sự xâm nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta diễn ra rất khó khăn, phức tạp, lâu dài - do sự ngăn cản quyết liệt của chủ nghĩa thực dân. Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định: Người ta thường nói, mặt trời tuy sáng nhưng không soi sáng được phía bên trong cái chậu úp. Hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, không đến nỗi phía bên trong cái chậu úp (sự bùng phát, ngăn cản của các thế lực thực dân, đế quốc), chủ nghĩa Mác - Lênin qua bàn tay và khối óc tài tình của Nguyễn Ái Quốc và đội ngũ những cộng sự đặc lực đã chọc xuyên qua “lưới sắt” của chủ nghĩa thực dân xâm nhập vào Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một bộ phận, bộ phận quan trọng trong các bộ phận hợp thành, đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930), gieo mầm cho hạt giống cách mạng đầu tiên, tạo ra một bước ngoặt vô cùng quan trọng; mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng nước ta đã đạt được những thắng lợi, những thành quả to lớn, quan trọng, có ý nghĩa lịch sử và mang tầm vóc thời đại trong xuyên suốt chiều dài lịch sử thế kỷ XX và nay là đầu thế kỷ XXI. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945; thắng lợi của 30 năm kháng chiến, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi trong công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước (1986 - 2020), đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ; góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ và phát triển xã hội.

Năm 2020, nhân sự kiện lịch sử “đặc biệt” quan trọng - “*Tròn 100 năm Bác Hồ đến với chủ nghĩa Mác - Lênin*”, hướng đến chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng; thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII; chào mừng khai giảng năm học 2020 - 2021; ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Trường Đại học Hoa Lư tổ chức Hội thảo khoa học: “***100 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin***” (1920 - 2020).

Hội thảo vô cùng vui mừng, phấn khởi và vinh dự được đón tiếp các vị đại biểu khách quý; các nhà lãnh đạo, quản lý; các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu; và đông đảo các cán bộ, giảng viên trực tiếp nghiên cứu, dạy học, góp phần bảo vệ chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng thuộc 35 học viện, đại học, trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục và đào tạo tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, cho phép tôi gửi đến tất cả quý vị lời kính chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Hội thảo nhằm đánh giá toàn diện, sâu sắc hơn về sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng trong cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh và trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam; trao đổi, chia sẻ chuyên môn, học thuật; tăng cường giao lưu, hợp tác giữa Trường Đại học Hoa Lư với các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục và đào tạo trong và ngoài tỉnh; góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu, dạy học, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng trong các học viện, đại học, trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Hội thảo quy tụ đông đảo các nhà quản lý, các nhà khoa học, các nhà giáo với trên 60 bài viết xoay quanh chủ đề, đề cập những nội dung cơ bản như sau: 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - Giá trị bền vững và sức sống thời đại; 2. Hồ Chí Minh tiếp thu, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam; 3. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại; 4. Nghiên cứu, dạy học và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng trong các trường đại học. Và nhiều vấn đề khác có liên quan đến chủ đề hội thảo.

Các báo cáo tham luận gửi về Hội thảo đã bám sát chủ đề, trong đó nhiều tham luận, có nhiều điểm mới phong phú cả về chất liệu nội dung, cả về phương pháp, cách thức tiếp cận góp phần làm sáng rõ nhiều mặt của sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng này. Cũng không ít vấn đề gợi mở được đặt ra trong các bài viết tham luận, chúng tôi xin được chất lọc, tổng hợp thể hiện dưới hình thức đặt câu hỏi, để các quý vị đại biểu trao đổi nhiều hơn, sâu sắc hơn trong Hội thảo hôm nay:

1. Giá trị và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin trong bối cảnh thời đại, thế giới và Việt Nam có nhiều thay đổi nhanh chóng, căn bản, mạnh mẽ, sâu sắc? Những sự thay đổi (Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ; lực lượng sản xuất trên thế giới; Cách mạng công nghiệp 4.0; toàn cầu hóa, quốc tế hóa; chủ nghĩa xã hội thế giới bị thoái trào, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ; nhiều vấn đề toàn cầu, quốc tế được đặt ra; quá trình đổi mới đất nước đồng bộ, toàn diện, sâu, rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội...), tất cả có làm thay đổi bản chất, giá trị và sức sống thực sự của chủ nghĩa Mác - Lênin?

2. Cần có nghiên cứu, đánh giá toàn diện hơn, sâu sắc hơn, đúng đắn hơn vai trò, vị thế, tầm vóc, cống hiến và đóng góp nổi bật của Hồ Chí Minh trong vận dụng, phát

triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam? Sự am tường, hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng của Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào? Tại sao, Hồ Chí Minh có thể kiên trì, vận dụng, phát triển sáng tạo phong phú, nhiều mặt, sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam?

3. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã tác động, tạo ra những bước ngoặt trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại như thế nào? Tại sao, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định cứ mỗi bước dân tộc ta “nâng mình” đi lên phía trước; cứ mỗi bước đi lên của tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại càng thấy rõ vai trò, công lao to lớn, không thể tách rời chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng Việt Nam?

4. Tầm quan trọng, thuận lợi, khó khăn và giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc nghiên cứu, dạy học, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các nhà trường ở nước ta hiện nay? Nhất là trong điều kiện hiện nay, mũi nhọn của sự tấn công, chống phá điên cuồng, quyết liệt, tinh vi vào trận địa tư tưởng, văn hóa, thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch lại tập trung hướng vào thế hệ trẻ, trong đó có sinh viên của các trường đại học?

Kính thưa các vị đại biểu khách quý!

Hội thảo khoa học về sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng, diễn ra ở một thời điểm và địa điểm mang nhiều ý nghĩa. Hội thảo khoa học về sự kiện: **“100 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin” (1920 - 2020)** - sự kiện khơi nguồn, phát tích để Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, mở ra một thời đại mới trong lịch sử Việt Nam hiện đại; lại diễn ra tại mảnh đất Cổ đô - Hoa Lư - Ninh Bình lịch sử - Nơi Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn 12 xứ quân, đóng đô, dựng nước, lập Quốc Hiệu - Đại Cồ Việt (chữ Hán: 大瞿越, 968 - 1054), mở nền “chính thống thủy”, khơi nguồn, phát tích của 3 triều đại phong kiến trong lịch sử Việt Nam.

Về dự Hội thảo khoa học mang nhiều ý nghĩa lần này, rất mong các đại biểu khách quý cho nhiều ý kiến tâm huyết, nhiệt tình, trách nhiệm; góp phần làm rõ chủ đề Hội thảo cùng những vấn đề vừa được đặt ra, gợi mở trên đây.

Kính chúc các quý vị đại biểu khách quý về tham dự Hội thảo lời chúc sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn.

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN VÀ SỨC SỐNG THỜI ĐẠI

1

PGS.TS. VŨ CÔNG THƯƠNG

BẢN CHẤT KHOA HỌC, CÁCH MẠNG CỦA TRIẾT HỌC MÁC VÀ VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

2

BÙI NGỌC QUANG

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN VÀ SỨC SỐNG THỜI ĐẠI

13

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - TS. MAI THU TRANG

NHỮNG CỐT LÕI TẠO NÊN SỨC SỐNG TRƯỜNG TỒN VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

26

TS. PHAN THỊ HỒNG DUYÊN

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀO HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỤ THỂ CỦA ĐẤT NƯỚC

40

ThS. LÊ THỊ LAN ANH

VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỚI VIỆT NAM - QUA NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ CỦA HỒ CHÍ MINH

51

ThS. BÙI THỊ THU HIỀN

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

63

ThS. NGUYỄN THỊ HOA NHÀI

CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA V.I. LÊNIN - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

70

Thiếu tá, TS. HOÀNG THỊ THÚY - Đại úy, TS. NGUYỄN THỊ HIỀN

TẬP TRUNG DÂN CHỦ - TỪ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG MỘT ĐẢNG MÁC XÍT CÁCH MẠNG KIỂU MỚI CỦA V.I. LÊNIN ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC ĐÓ VÀO XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

78

PHẦN II. HỒ CHÍ MINH TIẾP THU, KIÊN ĐỊNH, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

87

TS. TRẦN BÌNH TUYẾN

NHỮNG CƠ SỞ CƠ BẢN ĐỂ HỒ CHÍ MINH TIẾP XÚC, KHẲNG ĐỊNH, ĐI THEO, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

88

TS. MAI THU TRANG

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN ĐỂ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO NƯỚC TA

97

TS. HOÀNG THỊ THUẬN

HÀNH TRÌNH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ ÁNH SÁNG ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

107

TS. PHẠM ĐỨC TIẾN

NGUYỄN ÁI QUỐC LỰA CHỌN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐỂ XÁC LẬP HỆ TƯ TƯỞNG MỚI CHO DÂN TỘC

117

PGS.TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG - GV. NGÔ HẢO NHI

SƠ THẢO LUẬN CƯƠNG CỦA V.I. LÊNIN - BƯỚC NGOẶT TRONG HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

131

GVC.TS. PHẠM QUANG TRUNG - GVC.TS. TRẦN VĂN LỰC

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

138

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - ThS. ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

149

TS. ĐINH VĂN VIỆN

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VÀO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

160

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - ThS. LÊ THỊ NGỌC THÙY

HỒ CHÍ MINH VỚI LUẬN CƯƠNG CỦA V.I. LÊNIN, CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - QUA LĂNG KÍNH CỦA CÁC NHÀ VĂN, NHÀ THƠ

170

TS. NGÔ XUÂN DƯƠNG - TS. LÊ TRUNG KIÊN

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, BỔ SUNG VÀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ GIAI CẤP Ở THUỘC ĐỊA TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

180

TS. DƯƠNG VĂN KHOA

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

186

TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

SỰ TIẾP NỐI TỪ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VẤN ĐỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

194

ThS. VŨ THỊ BÍCH HẠNH

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

201

TS. TRẦN TRỌNG ĐẠO

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẶC TRƯNG BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

210

ThS. NGUYỄN KHÁNH LY - ThS. HOÀNG NAM HƯNG

HỒ CHÍ MINH TIẾP CẬN, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

218

PGS.TS.GVCC. TRẦN THỊ MINH TUYẾT

HỆ ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN HỒ CHÍ MINH

226

TS. VŨ THỊ MINH TÂM

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

237

TS. NGUYỄN THỊ LAN

SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO SƠ KỲ ĐỐI VỚI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÃ HỘI LÝ TƯỞNG

248

TS. TRẦN THỊ ĐIỀU

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT HỒ CHÍ MINH - DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ ĐOÀN KẾT VÀO VIỆT NAM

256

TS. NGUYỄN KHẮC TRAI

NÉT ĐỘC ĐÁO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

268

ThS. NGUYỄN THỊ ANH

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO ĐIỀU KIỆN THỰC TIỄN VIỆT NAM

277

ThS. VŨ THỊ THU HÀ

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

286

ThS. BÙI ĐỨC DŨNG

TÌM HIỂU SỰ VẬN DỤNG, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRÊN CƠ SỞ "DÂN TỘC HỌC PHƯƠNG ĐÔNG" VÀ THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI

293

**PHẦN III. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỚI TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

301

TS. KHUẤT THỊ THANH VÂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG "TRƯỚC HẾT PHẢI CÓ ĐẢNG CÁCH MẠNG" - Ý NGHĨA TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

302

ThS. PHẠM THANH XUÂN - ThS. TRƯƠNG MẠNH TIẾN

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - "CỘI NGUỒN LÝ LUẬN", ÁNH SÁNG SOI ĐƯỜNG CHO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

313

ThS. ĐINH KHẮC TRUNG

QUÁ TRÌNH KIẾN TẠO, XÁC LẬP, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG - QUA CÁC VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

325

ThS. NGUYỄN THỊ THU DUNG

ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI

336

NCS. NGÔ VĂN AN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

344

ThS. LÊ VĂN THUẬT

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN BỔ SUNG VÀ LÀM PHONG PHÚ THÊM KHO TÀNG LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ QUYỀN ĐỘC LẬP, TỰ DO CỦA DÂN TỘC

351

TS. LÊ THỊ KHUYÊN

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI SOI ĐƯỜNG ĐƯA CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIÀNH THẮNG LỢI

359

ThS. PHAN BÁ LINH

VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

366

TS. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG - ThS. LÊ ĐỨC THUẬN

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP HÒA HỢP DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ 1945 - 1946

373

TS. LƯU MAI HOA

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC - SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA VIỆT NAM

382

ThS. TRẦN THỊ TÂN

PHÁT HUY TINH THẦN YÊU NƯỚC CHO THANH NIÊN VIỆT NAM THÔNG QUA NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

390

ThS. PHẠM THỊ THU HẰNG

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO VẬN DỤNG Ở NINH BÌNH HIỆN NAY

398

ThS. NCS. VI VĂN THẢO - ThS. NCS. TRỊNH THỊ VÂN

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

406

Thượng tá, TS. BÙI XUÂN QUỲNH

GIÁ TRỊ NHÂN VĂN QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH VỚI XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỀ CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

414

ThS. NGÔ THỊ HƯỜNG

VẤN ĐỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

424

ThS. NGUYỄN VĂN MÃO

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC VẬN DỤNG Ở NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

431

TS. HOÀNG DIỆU THÚY

VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

441

ĐÀM THỊ THƯ - TRẦN QUANG CHUNG

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN MÓNG TƯ TƯỞNG CỦA NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỐT LÕI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

449

**PHẦN IV. NGHIÊN CỨU, DẠY HỌC VÀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG
CỦA ĐẢNG - CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG CÁC HỌC VIỆN, CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

461

PGS.TS. NGUYỄN THÁI SƠN - TS. PHẠM THÀNH TRUNG

GIÁ TRỊ KHOA HỌC BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

462

TS. NGUYỄN HỮU TÂM

NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ QUAN ĐIỂM "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LẤY CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH LÀM NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH"

470

ThS. VŨ TUỆ MINH - ThS. PHẠM THANH XUÂN

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

478

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - ThS. TRẦN ĐỨC TUẤN - ThS. TRƯƠNG MẠNH TIẾN

DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - BẢN TRƯỜNG CA CÁCH MẠNG, ĐỊNH HƯỚNG, SOI ĐƯỜNG CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM

486

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - ThS. TRẦN ĐỨC TUẤN - ThS. TRƯƠNG MẠNH TIẾN

TƯ TƯỞNG, TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC VÀ SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ KHOA HỌC KỸ THUẬT

495

ThS. NGUYỄN THANH HÒA - ThS. DƯƠNG TRỌNG HẠNH

NHỮNG CỐNG HIẾN NỔI BẬT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CHỦ NGHĨA DÂN TỘC VIỆT NAM

504

ThS. ĐỖ THỊ YÊN - ThS. NGUYỄN THỊ HÀO

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

514

ThS. NGUYỄN THÚY MAI - ThS. VŨ THỊ HƯƠNG GIANG

SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

526

ThS. CAO THÀNH TẤN

TÍCH CỰC HÓA PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH BẰNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

535

TS. DƯƠNG VĂN KHOA - ThS. NGUYỄN HẢI TRUNG

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

548

ThS. TƯỜNG THỊ THẨM

MỘT SỐ YÊU CẦU NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

560

ThS. NGUYỄN XUÂN DŨNG - ThS. NGUYỄN VĂN TRÁNG

VẬN DỤNG GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY

569

TS. PHAN THỊ HỒNG DUYÊN

GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY - MỘT VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

579

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - CN. NGUYỄN THỊ THU THỦY

DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÀM THOẠI TÌM TÒI Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

591

TS. ĐOÀN SỸ TUẤN - ThS. LÊ THỊ LAN ANH - ThS. LƯƠNG DUY QUYỀN

NGHIÊN CỨU, TÌM HIỂU VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH MỚI MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

605

ThS. NGUYỄN BẰNG ĐĂNG NGỌC - ThS. DƯƠNG THỊ LIỆU LINH

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

616

ThS. NGUYỄN THỊ MỸ LANG

NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

622

TS. NGUYỄN MINH HẢI - ThS. NGUYỄN THỊ THU HIỀN

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

636

ThS. LÊ THỊ SÁU

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

651

ThS. BÙI DUY BÌNH - BẾ THỊ HƯƠNG

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

660

PHẦN I

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN VÀ SỨC SỐNG THỜI ĐẠI

BẢN CHẤT KHOA HỌC, CÁCH MẠNG CỦA TRIẾT HỌC MÁC VÀ VẤN ĐỀ GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

PGS.TS. Vũ Công Thương

Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt

Chủ nghĩa Mác do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập vào giữa thế kỷ XIX với ba bộ phận cấu thành (Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học), đầu thế kỷ XX đã được V.I. Lênin phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lênin là đỉnh cao của tư duy nhân loại, được thừa nhận là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận duy nhất đúng đắn và khoa học. Mặc dù đến nay, nhân loại đã trải qua nhiều biến cố, quanh co, phức tạp, song với bản chất khoa học, cách mạng chủ nghĩa Mác nói chung, triết học Mác nói riêng vẫn thể hiện sức sống trong xã hội hiện đại. Bài viết trình bày bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác và vấn đề giảng dạy triết học Mác - Lênin trong trường đại học hiện nay.

Từ khóa: Bản chất khoa học, cách mạng; triết học Mác, giảng dạy triết học Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng thực sự trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại. Với bản chất tự nó - bản chất cách mạng và khoa học và với tư cách là “một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị, nó cung cấp cho loài người và nhất là giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại” [6; tr.54], nó là hệ thống mở, luôn tự đổi mới như một nhu cầu tự thân để đáp ứng sự biến đổi không ngừng của thực tiễn cuộc sống. Hiện nay, triết học Mác vẫn thực sự là một công cụ nhận thức sắc bén, mang tầm thời đại. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy triết học Mác phù hợp với điều kiện đổi mới đất nước hiện nay có ý nghĩa quan trọng và cần thiết.

II. NỘI DUNG

2.1. Bản chất cách mạng và khoa học của triết học Mác

2.1.1. Thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác

Thứ nhất, thế giới quan duy vật và phép biện chứng duy vật là tinh hoa của trí tuệ nhân loại được C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, tiếp

thu một cách sáng tạo những thành tựu của tư duy nhân loại, những thành quả của các nhà triết học tiền bối, nhất là phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc, đồng thời khái quát những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại và thực tiễn xã hội - lịch sử toàn nhân loại. Sau này đã được V.I. Lênin bổ sung và phát triển trên cơ sở tổng kết thực tiễn cách mạng, nhất là thực tiễn cách mạng Nga và dựa vào những thành quả mới nhất của khoa học, trước hết là khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Những khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật, phương pháp luận cơ bản của triết học Mác mang tính phổ quát, bao quát và có ảnh hưởng đối với giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy con người trong mọi giai đoạn lịch sử. Do đó, phép biện chứng duy vật trở thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, là kim chỉ nam cho suy nghĩ và hành động của con người trong nhận thức và cải tạo thế giới.

Trong nhiều năm qua, kể từ khi phép biện chứng duy vật ra đời cho đến nay, nhân loại đã chứng kiến những biến đổi to lớn trong khoa học cũng như trong đời sống xã hội. Những thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 hiện nay không chỉ đóng vai trò trọng yếu của nền sản xuất xã hội, mà còn tác động trực tiếp đến làm biến đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy năng suất lao động tăng lên vượt bậc. Trong điều kiện đó đòi hỏi triết học Mác phải được bổ sung và phát triển hơn nữa, như V.I. Lênin đã khẳng định “Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành hẳn, có sẵn đầu vào đáy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động, chính vì thế nó không thể không phản ánh sự biến đổi mạnh mẽ của điều kiện sinh hoạt xã hội” [5; tr.103].

Thứ hai, chủ nghĩa duy vật lịch sử - một trong hai phát kiến vĩ đại của C. Mác là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học của hoạt động nhận thức và cải tạo xã hội.

Để xây dựng triết học duy vật biện chứng, C. Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa có chọn lọc những tư tưởng biện chứng trong triết học Hêghen, đem phép biện chứng thống nhất với chủ nghĩa duy vật, tạo nên phép biện chứng duy vật - khoa học về mối liên hệ phổ biến và phát triển, sử dụng nó để cải tạo thế giới. Đây là hình thức cao của phép biện chứng, đối lập căn bản với phép biện chứng của Hêghen, mở rộng vào tất cả các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy và giải thoát chủ nghĩa duy vật khỏi tính hạn chế siêu hình, làm cho nó trở nên “hoàn bị” và được mở rộng “từ chỗ nhận thức thế giới tự nhiên đến chỗ nhận thức xã hội loài người”, sáng tạo chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là “thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học”.

Thời đại ngày nay thế giới có nhiều diễn biến phức tạp “Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực... Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế... Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới... Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp” [4; tr.70-73]. Tất cả những biến đổi đó không mâu thuẫn và “xung đột” với những nguyên lý và quy luật của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của nhận thức và cải tạo xã hội.

Trong xã hội hiện đại, sản xuất vật chất vẫn giữ vai trò quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội. Nguồn gốc của sự vận động phát triển của xã hội, của lịch sử nhân loại trên mọi phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa,... suy đến cùng đều là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất đã dẫn đến sự thay đổi của quan hệ sản xuất. Đến lượt mình, quan hệ sản xuất làm cho kiến trúc thượng tầng thay đổi theo, do đó mà hình thái kinh tế - xã hội cũ được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn. Sự phát triển của xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác được thực hiện thông qua cuộc cách mạng xã hội (với những hình thức và phương pháp cách mạng phong phú và thích hợp). Trong xã hội có giai cấp thì đấu tranh giai cấp vẫn là một trong những động lực phát triển của xã hội. Nói cách khác, quan điểm của triết học Mác về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp và đấu tranh giai cấp, về cách mạng xã hội, nhà nước, tồn tại xã hội, ý thức xã hội, con người,... vẫn là cơ sở khoa học cho việc xem xét và giải quyết những vấn đề căn bản của xã hội hiện đại hiện nay.

2.1.2. Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác

Triết học Mác không chỉ là sự kế thừa những giá trị của các hệ thống triết học trước đó, mà điều quan trọng là sự khái quát kinh nghiệm thực tiễn của loài người, nhất là thực tiễn cách mạng. C. Mác và Ph. Ăngghen đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề lý luận, thực tiễn và mối quan hệ giữa chúng. Các ông đã tích cực trực tiếp tham gia vào hoạt động thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản, thành lập các tổ chức cộng sản, đồng thời từ thực tiễn để khái quát, phát triển và kiểm nghiệm lý luận, nhờ đó làm cho lý luận thống nhất với thực tiễn.

Việc đưa phạm trù thực tiễn vào hệ thống lý luận của mình với tính cách là nền tảng của toàn bộ đời sống xã hội, là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức, là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thực hiện một bước ngoặt cách mạng trong lĩnh vực lý luận, đem lại cho lý luận một nội dung mới, khác về chất so với các hệ thống tư duy trước đó. Điều đó đã được C. Mác đã khẳng định: “Các nhà triết học đã chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là *cải tạo* thế giới” [8; tr.12]. Ở luận đề 8, “Luận cương về Phoiobắc”, C. Mác viết: “Đời sống xã hội, về thực chất, là *có tính chất thực tiễn*. Tất cả những sự thần bí đang đưa lý luận đến chủ nghĩa thần bí, đều được giải đáp một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết thực tiễn ấy” [8; tr.12].

Khẳng định vai trò quyết định của thực tiễn, song C. Mác và Ph. Ăngghen không hạ thấp hay bỏ qua vai trò của lý luận, mà luận giải sâu sắc về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. C. Mác viết: “Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [7; tr.580]. Chính vì vậy, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trở thành nguyên tắc nền tảng của triết học Mác.

Trong điều kiện đổi mới hiện nay, sự phát triển của cuộc cách mạng 4.0, sự ra đời của kinh tế tri thức... Song, triết học Mác luôn giữ vai trò định hướng thế giới quan và phương pháp luận cho hoạt động của con người; đồng thời, được thực tiễn kiểm nghiệm, chứng minh và làm phong phú thêm bằng chính “hơi thở” của thời đại. Chính vì vậy, Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh rằng lý luận của các ông không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động. Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh lịch sử quy định nên khi vận dụng triết học vào thực tiễn cách mạng ở mỗi dân tộc, quốc gia là khác nhau. Việc vận dụng, bổ sung, phát triển triết học Mác phải dựa trên cơ sở bảo vệ, kế

thừa, phát huy bản chất cách mạng, khoa học vốn có của triết học Mác, không hoang mang, dao động, mất phương hướng. Cần chống việc nhân danh vận dụng, bổ sung, phát triển triết học Mác để phủ định bản chất khoa học cách mạng vốn có của nó, rơi vào chủ nghĩa xét lại; hoặc là nhân danh “bảo vệ” triết học Mác, không nhìn thấy những đổi thay của thực tiễn, rơi vào giáo điều, kinh viện, bảo thủ. Vấn đề này, V.I. Lênin đã chỉ rõ, tuyệt đối không coi lý luận của Mác là một cái gì đó nhất thành bất biến và không thể xâm phạm, mà trái lại chúng ta tin rằng nó chỉ đặt cơ sở cho một khoa học, và những người xã hội chủ nghĩa, nếu không muốn lạc hậu với đời sống thực tế, cần tiếp tục bổ sung, phát triển triết học Mác phù hợp với thực tiễn.

2.1.3. Sự thống nhất giữa ổn định và tính phát triển, tính mở trong hệ thống lý luận của triết học Mác

Là hệ thống lý luận khoa học, triết học Mác - Lênin là sự khái quát thực tiễn cách mạng và lịch sử xã hội, là sự đúc kết những tri thức kinh nghiệm và tri thức lý luận. Sức mạnh của lý luận đó chính là ở chỗ nó gắn bó hữu cơ với thực tiễn, được thực tiễn kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển trong thực tiễn. Toàn bộ các khái niệm, phạm trù, nguyên lý và quy luật của triết học Mác là hệ thống lý luận mở và phát triển, đem lại một cơ sở khoa học đúng đắn cho việc luận chứng và giải thích những hiện tượng của đời sống xã hội, nhất là cho việc cải tạo thế giới hiện thực. Nó đem lại cho chúng ta quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử - cụ thể trong nhận thức, xem xét các sự vật, hiện tượng cũng như trong hoạt động thực tiễn để có cách thức giải quyết mọi vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Tính mở và phát triển của triết học Mác được thể hiện: *một là*, triết học Mác luôn hướng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, cải tạo xã hội, phát triển khoa học - công nghệ và phát triển sản xuất chứ không phải chỉ là thứ lý luận giáo điều, kinh viện; *hai là*, triết học Mác ra đời là do C. Mác và Ph. Ăngghen đã kế thừa có chọn lọc những tinh hoa của triết học trước đó, đặc biệt là phép biện chứng của Hêghen và chủ nghĩa duy vật của Phoiobắc để xây dựng hệ thống lý luận của mình. Hiện nay, hoàn cảnh lịch sử - xã hội đã có những biến đổi to lớn, vì vậy để xem xét, tiếp thu một cách có phê phán những giá trị nhằm mở rộng tầm nhìn, phát triển và hoàn thiện triết học Mác cần phải đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng; *ba là*, thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật của triết học Mác là kim chỉ nam cho hành động, mở đường và chỉ dẫn cho con người tiếp tục nhận thức chân lý chứ không đi tới chân lý tuyệt đích, cuối cùng.

Trong triết học Mác, tính mở và tính phát triển thống nhất biện chứng với tính ổn định của lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận cơ bản của nó. Mặc dù, hiện nay thế giới đã, đang và tiếp tục có những biến đổi to lớn và phức tạp. Song, do triết học Mác ra đời là tinh hoa trí tuệ của toàn nhân loại, thế giới quan và phương pháp luận khoa học của triết học Mác vẫn là kim chỉ nam cho hoạt động nhận thức, cải tạo xã hội, nên ở bất cứ quốc gia, dân tộc nào đều có thể vận dụng sáng tạo triết học Mác phù hợp thực tiễn đất nước mình; đồng thời, do bản chất khoa học, cách mạng và đòi hỏi bức thiết của thực tiễn thời đại tất yếu dẫn đến việc đổi mới lý luận triết học mácxít. Tuy nhiên, việc đổi mới không phải là xét lại, phủ định, mà là tiếp tục khẳng định và làm sâu sắc hơn bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác trong điều kiện mới.

2.2. Vấn đề đổi mới giảng dạy triết học Mác - Lênin trong trường đại học hiện nay

2.2.1. Sự cần thiết đổi mới giảng dạy triết học Mác - Lênin

Trong thời đại hiện nay, trí tuệ được coi là sức mạnh hàng đầu, khẳng định vai trò, vị thế của một quốc gia, dân tộc. Vì vậy, bất kỳ quốc gia, dân tộc, ở giai đoạn phát triển nào, muốn thúc đẩy và phát triển kinh tế không thể không quan tâm và đầu tư cho giáo dục. Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững” [2; tr.108-109].

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, xu thế toàn cầu hóa thâm nhập ngày càng sâu rộng vào mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Điều đó, tạo ra những thay đổi lớn trong đời sống kinh tế - xã hội của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới. Trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục dùng mọi thủ đoạn và âm mưu “diễn biến hòa bình” tác động vào xã hội nước ta, nhất là vào thanh niên, sinh viên, trí thức,... nhằm làm tan rã hệ tư tưởng, làm mất niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, thực tế ở các trường đại học vẫn còn một số sinh viên có thái độ thờ ơ, coi nhẹ, thiếu niềm tin đối với các môn Lý luận chính trị, có nhận thức lệch lạc về mục đích, lý tưởng sống làm ảnh hưởng đến quá trình giáo dục, đào tạo của nhà trường cũng như việc hình thành nhân cách mỗi sinh viên. Vấn đề bức xúc nhất trong giáo dục nước ta hiện nay là “chất lượng giáo dục toàn diện, trước hết là chất lượng giáo dục chính trị, lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt ở bậc cao đẳng, đại học” [3; tr.40-41]. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức,

mờ nhạt lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước” [1; tr.24]. Tình hình đó do nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, song một trong những nguyên nhân cơ bản là do: “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và nhân cách cũng như việc giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn,... bị xem nhẹ. Hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin bị hạn chế” [1; tr.26]. Điều đó, đặt ra yêu cầu phải chú trọng hơn nữa công tác giảng dạy, học tập các môn Lý luận chính trị nhằm hình thành cho sinh viên thế giới quan và phương pháp luận khoa học, xây dựng cho sinh viên niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin vào đường lối đổi mới của Đảng, vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: “Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề” [2; tr.110-111].

2.2.2. Một số giải pháp chủ yếu đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy triết học Mác - Lênin trong trường đại học hiện nay

Thứ nhất, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng sinh viên.

Với chức năng là môn khoa học cung cấp thế giới quan và phương pháp luận cũng như tư duy biện chứng cho người học, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy triết học Mác - Lênin phù hợp với đối tượng sinh viên là một yêu cầu bức thiết, một nhiệm vụ quan trọng. Việc xây dựng nội dung chương trình phù hợp với đối tượng dạy học quyết định đến việc lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Đối với sinh viên các trường đại học, họ cần được trang bị kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận khoa học chung nhất. Song, do mục tiêu đào tạo của mỗi trường, mỗi ngành khác nhau. Do đó, trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra của mỗi trường, mỗi ngành đào tạo, giảng viên phải xác định đối tượng để vận dụng những phương pháp giảng dạy và đáp ứng các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Trước những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn và qua 12 năm giảng dạy các môn Lý luận chính trị theo 3 môn ở trường đại học bộc lộ một số hạn chế, gây áp lực rất lớn bởi sự quá tải về nội dung chương trình. Môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần 1) so với nội dung môn Triết học Mác - Lênin trước đây thì gần như không có sự thay đổi, trong khi đó thời gian giảng dạy chương trình mới chỉ bằng

một nửa so với chương trình cũ. Việc nghiên cứu triết học Mác - Lênin chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước đặt ra. Nhiều vấn đề cấp bách về sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được giải đáp. Từ thực tế đó, Ban Bí thư đã có Kết luận 94-KL/TW ngày 28/3/2014 về “*Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*”. Trong đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được giao nhiệm vụ tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị dùng chung trong đào tạo trình độ đại học đối với tất cả các cơ sở giáo dục đại học và có Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị bắt đầu từ năm học 2019 - 2020. Trong đó, môn Triết học Mác - Lênin được bố trí 3 tín chỉ.

Việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung, giảng dạy môn triết học Mác - Lênin nói riêng là một thách thức rất lớn. Vì vậy, để kích thích, khơi dậy được tính sáng tạo, say mê của sinh viên trong học tập triết học Mác - Lênin, đòi hỏi cần quan tâm đến phương pháp giảng dạy, từng bước cải tiến phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, chuyển từ “việc truyền đạt thông tin khoa học sang việc tổ chức quá trình nhận thức cho sinh viên phù hợp với tình hình mới hiện nay. Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy cần chú ý về cách tiếp cận, nhận thức đối tượng khoa học; cách chuyển tải thông tin về đối tượng khoa học đến người học; cách vận dụng tri thức triết học của sinh viên vào thực tiễn. Đồng thời, trong giảng dạy triết học Mác - Lênin cần đáp ứng yêu cầu làm hình thành ở sinh viên một thế giới quan theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; và cung cấp cho người học một phương pháp luận triết học đúng đắn, hợp lý triết để.

Thứ hai, trong giảng dạy triết học Mác - Lênin cần cung cấp cho người học phương pháp luận triết học đúng đắn, hợp lý.

Trong triết học Mác - Lênin, lý luận và phương pháp thống nhất hữu cơ với nhau. Ở đây, các quan điểm của chủ nghĩa duy vật mácxít trở thành những nguyên tắc xuất phát và phương pháp luận. Trên cơ sở giải thích một cách đúng đắn, triệt để về thế giới và con người trong thế giới ấy, triết học Mác - Lênin đã thể hiện chức năng phương pháp luận của nó, trở thành cái định hướng cho nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Nhờ phương pháp luận mácxít, con người lựa chọn, xác định đúng đắn, hợp lý con đường cần thiết chung nhất cho một phương hướng, cách thức để định hướng, xác định và giải thích những vấn đề mà con người đang quan tâm. Triết học Mác - Lênin góp phần bồi dưỡng nhân sinh quan, đạo đức cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nhân cách, phẩm chất, năng lực và niềm tin cho sinh viên.

Thứ ba, bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong dạy học triết học Mác - Lênin.

Hệ thống các quan niệm, quan điểm, nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác - Lênin, do tính đúng đắn và triệt để của nó mang lại, đã trở thành nhân tố định hướng cho hoạt động nhận thức và thực tiễn, trở thành nguyên tắc xuất phát của phương pháp luận. Do vậy, giảng dạy triết học Mác - Lênin người dạy phải luôn gắn chặt nội dung tri thức của khoa học triết học với bản chất, xu hướng vận động của lịch sử, quan tâm đưa dẫn người học có năng lực lý luận chung để tiếp cận thực tiễn, làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động thực tiễn; gợi mở, định hướng cho sinh viên phương pháp luận đúng đắn trong cách xem xét, đánh giá những gì đang diễn ra trong đời sống hiện thực, tránh tiếp nhận triết học một cách giáo điều. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết tốt cho những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta. Như thế chúng ta học tập lý luận là cốt để áp dụng vào thực tế” [9; tr.497].

Thứ tư, phải đảm bảo mục đích của việc dạy học môn triết học Mác - Lênin.

Do chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo khác nhau nên việc xác định mục đích giảng dạy triết học ngày càng có nhiều yêu cầu và đòi hỏi mang tính đặc thù hơn. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, giảng dạy triết học Mác - Lênin ngoài việc phải gắn với mục tiêu đào tạo của từng ngành, giảng dạy triết học Mác - Lênin còn phải gắn với việc nhận diện, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc và các thủ đoạn chống phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhằm thực hiện thành công chiến lược “đổi mới hòa bình” trên lĩnh vực chính trị tư tưởng của Đảng. Từ đó, giúp sinh viên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhất là trước âm mưu, thủ đoạn hoạt động “đổi mới hòa bình”, bạo loạn, lật đổ, phá hoại nền tảng văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên trước yêu cầu mới.

Đây là điều kiện quan trọng cho việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Người giảng viên giỏi phải là người truyền được cảm hứng tới người học, dẫn dắt sinh viên học tập môn học có hiệu quả. Muốn nâng cao chất lượng đào tạo thì một trong những yếu tố có tính quyết định là đội ngũ giảng viên phải có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực và phương pháp giảng dạy. Do vậy, đội ngũ giảng viên cần được đào tạo, bồi dưỡng, tiếp tục nâng cao trình độ để có đủ khả năng đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy.

Để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, ngoài việc nắm vững, trang bị và cập nhật những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành theo chiều sâu, *một mặt*, người giảng viên cần trang bị kiến thức liên ngành để có tầm hiểu biết rộng, đủ sức luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra; *mặt khác*, mỗi giảng viên còn phải không ngừng nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, thực sự tâm huyết trong việc nghiên cứu, giảng dạy, tự vươn lên để khẳng định vị thế của mình, khắc phục mọi biểu hiện thỏa mãn, thiếu nhạy bén, thiếu tích cực.

Thứ sáu, khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Đây chính là một yêu cầu cơ bản trong phương pháp giáo dục hiện đại. Bởi lẽ, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc căn bản của triết học Mác - Lênin. Vì vậy, mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận. Để sinh viên vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống, đòi hỏi họ phải chủ động, tích cực, tự giác học tập. Tuy nhiên, để sinh viên thực hiện tốt việc tự học, tự rèn luyện, *một mặt*, sinh viên phải xác định rõ mục đích học tập, xây dựng động cơ học tập đúng đắn, có kế hoạch sắp xếp thời gian học tập và kiên trì thực hiện kế hoạch; *mặt khác*, giảng viên bộ môn cần chủ động giao bài tập về nhà cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu và nghiên cứu bài học trước khi lên lớp.

III. KẾT LUẬN

Triết học Mác với bản chất tự nó - bản chất cách mạng và khoa học “luôn là một triết học mà không một thứ triết học nào có thể vượt qua được của thời đại chúng ta”. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, triết học Mác - cơ sở lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã thực sự trở thành cơ sở lý luận và phương pháp khoa học giúp Đảng và Nhà nước ta xây dựng và từng bước hoàn chỉnh đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân dân, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Vì vậy, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của triết học Mác - Lênin, nghiên cứu, giảng dạy, học tập triết học Mác - Lênin giữ vai trò hết sức quan trọng, góp phần vào sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, để giữ vững độc lập dân tộc và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia Hà nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội.
5. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
6. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ Mátxcova.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN VÀ SỨC SỐNG THỜI ĐẠI

Bùi Ngọc Quang

Tổng Biên tập Báo Ninh Bình

Tóm tắt

Ra đời cách đây đã 172 năm, trải qua bao thăng trầm và biến cố của lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết khoa học, cách mạng, hoàn bị, triệt để, nhân văn, sáng tạo, do C. Mác và Ph. Ăngghen khởi thảo, sáng lập; V.I. Lênin bảo vệ, bổ sung và phát triển, không ngừng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện. Bài viết bước đầu, đi sâu nghiên cứu, tập trung làm rõ: 1) Giá trị trường tồn, đặc sắc, phong phú, nhiều mặt của chủ nghĩa Mác - Lênin trên các phương diện nổi bật về triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học; 2) Làm rõ sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin với tư cách kho tàng tri thức đồ sộ và phong phú, học thuyết khoa học và cách mạng, triệt để và hoàn bị, nhân văn và sáng tạo; cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân “những công cụ nhận thức vĩ đại” để “giải thích thế giới” và “cải tạo thế giới”; góp phần mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; phản ánh khát vọng loài người, cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì mục tiêu cao cả.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, giá trị trường tồn, sức sống thời đại.

I. MỞ ĐẦU

“Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng; V.I. Lênin bảo vệ và phát triển; được hình thành và phát triển trên cơ sở thực tiễn và kế thừa những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người”¹. Bài viết bước đầu, tập trung, nghiên cứu, tìm hiểu giá trị trường tồn và sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin; qua đó làm rõ những đóng góp quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.10-11.

II. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - những giá trị trường tồn

2.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực triết học, tìm ra quy luật vận động chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy

- Triết học Mác - Lênin đã phát hiện và giải quyết thành công vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng.

Với nhận thức “các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học”², “mọi triết học chân chính đều là tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại mình”³, C. Mác và Ph. Ăngghen nhấn mạnh tính kế thừa có chọn lọc tinh hoa tri thức triết học nhân loại, tạo ra bước ngoặt cách mạng trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tổng kết toàn bộ dòng chảy tư duy triết học của nhân loại, C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng bước phát hiện và giải quyết thành công vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng. Trong *Hệ tư tưởng Đức* (1845 - 1846), Ph. Ăngghen và C. Mác đã khẳng định: “Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức... Không phải ý thức quyết định đời sống mà chính đời sống quyết định ý thức”⁴. Trong *Lútviích Phoio bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, trên cơ sở phân tích đối tượng của triết học, lịch sử xuất hiện các học thuyết triết học, Ph. Ăngghen định nghĩa: “Vấn đề tối cao của toàn bộ triết học”, “vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại”, “giữa tinh thần với tự nhiên”⁵. Đó là định nghĩa kinh điển về vấn đề cơ bản của triết học. Phát hiện và giải quyết thành công vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng, C. Mác và Ph. Ăngghen, vừa tạo ra “chiếc chìa khóa”, then chốt để đi sâu nghiên cứu, khám phá, thấu thái những hạt nhân hợp lý trong hệ thống triết học nhân loại; vừa tạo ra cơ sở nền tảng để xây dựng, hoàn thiện, phát triển hệ thống triết học Mác - Lênin.

- Triết học Mác - Lênin đã sáng lập ra phép biện chứng duy vật, cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để nhân loại nhận thức và cải tạo thế giới.

Trước khi triết học Mác - Lênin ra đời, trong suốt chiều dài lịch sử triết học, chủ nghĩa duy vật thường tách khỏi phương pháp biện chứng. Trước triết học Mác - Lênin

² C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.156.

³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.57.

⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.37-38.

⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.403-404.

đỉnh cao của phép biện chứng là phép biện chứng duy tâm của Hêghen, đỉnh cao của chủ nghĩa duy vật là chủ nghĩa duy vật nhân bản siêu hình của L. Phoiơbắc. C. Mác và Ph. Ăngghen đã tiếp thu cái “hạt nhân hợp lý” phép biện chứng của triết học Hêghen và đặt nó trên nền tảng duy vật triệt để. C. Mác và Ph. Ăngghen đã đánh giá cái “hạt nhân hợp lý” - chủ nghĩa duy vật nhân bản, “đoạn tuyệt hoàn toàn” với giới hạn duy vật siêu hình của triết học L. Phoiơbắc. Trong triết học Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật gắn kết hữu cơ với phương pháp biện chứng; được phát triển lên một trình độ mới làm cho *phép biện chứng duy vật* trở thành một *khoa học*. Với phép biện chứng duy vật khoa học, “Phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy”⁶. Trên nền tảng của *phép biện chứng duy vật* khoa học, triết học Mác - Lênin đã phát triển những nguyên lý nền tảng của phép biện chứng duy vật, trình bày các quy luật cơ bản của phép biện chứng; luận giải sâu sắc về những phạm trù nền tảng của phép biện chứng này, như tất yếu và ngẫu nhiên, bản chất và hiện tượng, nguyên nhân và kết quả... Triết học Mác - Lênin đem lại cho nhân loại tiến bộ và giai cấp công nhân cách mạng toàn thế giới một “công cụ nhận thức vĩ đại” để “cải tạo thế giới” trong thời đại ngày nay. V.I. Lênin đã khẳng định: “Học thuyết C. Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản”⁷.

- Triết học Mác - Lênin đã sáng lập ra quan niệm duy vật về lịch sử với tư cách phát kiến vĩ đại của tư tưởng khoa học.

Triết học Mác - Lênin sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử. Triết học Mác - Lênin nghiên cứu xã hội bắt đầu từ việc xác định các hành vi lịch sử đầu tiên của con người, những hành vi quyết định sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội loài người. “Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì dĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống”. Nhưng muốn sống được thì trước hết cá nhân con người sống cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa” rồi mới có khả năng “làm ra lịch sử”. Để thỏa mãn nhu cầu tất yếu, thường xuyên, phát triển không ngừng đó, con người phải sản xuất vật chất. Tham vào quá trình sản xuất vật chất, “hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái,

⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.35-36.

⁷ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.49-50.

đó là *gia đình*⁸. Triết học Mác - Lênin khẳng định, việc con người sản xuất ra đời sống của bản thân mình bằng lao động và sản xuất ra đời sống của người khác bằng việc sinh con đẻ cái (cụ thể là hành vi lao động và hành vi sinh con đẻ cái) là hai hành vi lịch sử đầu tiên và mãi mãi của con người. Sản xuất vật chất - lao động và sinh con đẻ cái quyết định sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội, lịch sử nhân loại. Đây là một chân lý đơn giản, dễ hiểu nhưng chỉ đến triết học Mác - Lênin, chân lý đó mới được phát hiện.

Trên nền tảng chân lý sản xuất vật chất - lao động và sinh con đẻ cái là cơ sở của tồn tại và phát triển xã hội, đi sâu nghiên cứu khám phá hoạt động sản xuất vật chất của nhân loại, triết học Mác - Lênin phát hiện ra hệ thống các quy luật chi phối sự tồn tại, vận động và phát triển của lịch sử; ra học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, khẳng định lịch sử loài người chẳng qua chỉ là sự phát triển, thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất; cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội; cách mạng xã hội, quần chúng nhân dân là động lực, sáng tạo lịch sử; sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên...

Triết học Mác - Lênin phát hiện ra và giải thích khoa học, nguyên nhân, hệ thống động lực thúc đẩy phát triển của lịch sử. Khẳng định ý nghĩa khoa học to lớn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong *Lời tựa* của tác phẩm *Góp phần phê phán kinh tế chính trị học*, Ph. Ăngghen viết: “Giống như Đác-uyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người...”⁹. Với *chủ nghĩa duy vật lịch sử*, triết học Mác - Lênin đã giải thích một cách duy vật, khoa học không chỉ thế giới tự nhiên, mà cả lĩnh vực xã hội, lịch sử, tinh thần. V.I. Lênin khẳng định: “Triết học của Mác là một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị”¹⁰, triệt để nhất; “*Chủ nghĩa duy vật lịch sử* của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ đã thay cho sự lộn xộn và tùy tiện, vẫn ngự trị từ trước đến nay trong các quan niệm về lịch sử và chính trị; lý luận đó chỉ cho ta thấy rằng, do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ chức đời sống xã hội khác, cao hơn”¹¹.

⁸ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.28-29.

⁹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.499-450.

¹⁰ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.54.

¹¹ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.53.

2.1.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra quy luật sản xuất giá trị thặng dư - quy luật vận động cơ bản chủ nghĩa tư bản

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào nghiên cứu, vạch ra những quy luật kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, nhìn nhận chủ nghĩa tư bản trong cả quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong của nó. “Sau khi nhận thấy rằng chế độ kinh tế là cơ sở trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng lên thì Mác chú ý nhiều nhất đến việc nghiên cứu chế độ kinh tế ấy”¹² - chế độ kinh tế của xã hội hiện đại - xã hội tư bản chủ nghĩa... Được bảo vệ và phát triển bởi Lênin, học thuyết kinh tế Mác phát triển thành học thuyết kinh tế Mác - Lênin bao gồm học thuyết giá trị và giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, độc quyền và độc quyền nhà nước. Học thuyết kinh tế Mác - Lênin là “nội dung chủ yếu”¹³ của chủ nghĩa Mác - Lênin; “học thuyết giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế”¹⁴ của chủ nghĩa Mác - Lênin. Học thuyết giá trị thặng dư, vạch ra quy luật sản xuất giá trị thặng dư - “quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra”¹⁵; “là mục đích trực tiếp và là động cơ quyết định của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa”¹⁶; dẫn đến “sự tha hóa của lao động, tha hóa con người”¹⁷. Với việc phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm nên cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế chính trị học. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ quan hệ kinh tế bản chất nhất của chủ nghĩa tư bản - quan hệ tư bản bóc lột lao động làm thuê, vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, bác bỏ những luận điệu về “tự nguyện”, “công bằng” trong quan hệ giữa nhà tư bản và người công nhân; chỉ rõ những mâu thuẫn không thể giải quyết được của xã hội tư bản - là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng xã hội hóa cao với chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Để tồn tại và vượt qua các cuộc khủng hoảng, chủ nghĩa tư bản luôn phải tự điều chỉnh để điều hòa mâu thuẫn này. Điều đó cho thấy, phát kiến vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn đúng, ngay cả khi chủ nghĩa tư bản hiện đại bước vào thời đại toàn cầu hóa và chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

¹² V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.54.

¹³ V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.60.

¹⁴ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.55.

¹⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.500.

¹⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 25 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.370.

¹⁷ C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.131-132.

2.1.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra quy luật thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đưa chủ nghĩa xã hội từ “không tưởng” thành “khoa học”

Trước chủ nghĩa Mác - Lênin, nhiều nhà tư tưởng đã đề cập đến giai cấp vô sản, song, do điều kiện về lịch sử "những người đó lại không nhận thấy, ở phía giai cấp vô sản, một tính chủ động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị nào của bản thân giai cấp vô sản cả", "họ càng không thấy những điều kiện vật chất cần cho sự giải phóng của giai cấp vô sản", "đối với họ, giai cấp vô sản chỉ tồn tại với tư cách là giai cấp đau khổ nhất"¹⁸.

Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận hình thái kinh tế - xã hội và học thuyết sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở lý luận tất yếu và trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở phân tích khách quan, khoa học những điều kiện kinh tế - xã hội của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng như những điều kiện chính trị, xã hội đã tạo nên các quan hệ giai cấp trong xã hội tư bản, C. Mác đã làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản - giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến; giai cấp có đủ điều kiện khách quan quy định sứ mệnh của mình, có đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện sứ mệnh giải phóng chính bản thân mình tiến tới giải phóng toàn thể nhân loại: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu”¹⁹.

V.I. Lênin đánh giá: “Điểm chủ yếu trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa”²⁰. Trải qua thử thách của thời gian và kiểm nghiệm của thực tiễn, cho đến nay, phát minh vĩ đại của C. Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản gắn liền với vai trò của Đảng Cộng sản còn nguyên giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh cách mạng với chủ nghĩa tư bản, với những điều kiện xã hội hạ thấp, làm hư hỏng con người, là phương tiện mạnh mẽ để con người cải biến hiện thực vì lợi ích của con người.

2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin - sức sống thời đại

2.2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - kho tàng tri thức đồ sộ và phong phú, học thuyết khoa học và cách mạng, triệt để và hoàn bị, nhân văn và sáng tạo

Xét về lịch sử, sau 1,7 thế kỷ so với thời điểm trước khi chủ nghĩa Mác ra đời và 1,2 thế kỷ trước khi có chủ nghĩa Lênin, đến nay, thế giới có những biến đổi vô cùng

¹⁸ C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.640.

¹⁹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.613.

²⁰ V.I. Lênin (1980) *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr.1.

sâu sắc: Sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0, văn minh tin học, kinh tế tri thức, kinh tế số, lực lượng sản xuất và năng suất lao động; sự tiến bộ vượt bậc của khoa học công nghệ; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, khủng hoảng, bệnh dịch, chiến tranh, xung đột vũ trang, tranh chấp lãnh thổ,... không những không làm mất đi, mà trái lại càng chứng minh chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng, triệt để và hoàn bị, nhân văn và sáng tạo.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng, triệt để và hoàn bị. Chủ nghĩa Mác - Lênin là sự kế thừa tất cả những gì ưu tú nhất mà nhân loại trong lĩnh vực nhận thức tự nhiên và đời sống xã hội, tư tưởng xã hội, đặc biệt là trên những thành tựu của triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp; là kết quả của sự tổng kết thực tiễn và khái quát lý luận về phong trào công nhân châu Âu cực kỳ sôi động lúc bấy giờ. Nhưng trên hết và trước hết, đó là sự sáng tạo tuyệt vời của những bộ óc thiên tài, những vĩ nhân, có ảnh hưởng to lớn nhất trong mọi thời đại của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học, cách mạng to lớn, đồ sộ, mà hạt nhân giá trị của nó là làm cho phép biện chứng duy vật trở thành một khoa học và sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - "một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới", một "quan niệm khoa học duy nhất về lịch sử"; "thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học", "một lý luận khoa học hết sức hoàn chỉnh và chặt chẽ". Chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực triết học, tìm ra quy luật vận động chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy và lịch sử; quy luật sản xuất giá trị thặng dư - quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại; quy luật thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đưa chủ nghĩa xã hội từ "không tưởng" thành "khoa học", từ "khoa học" thành "hiện thực". Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học "cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân những công cụ nhận thức vĩ đại"²¹ để không chỉ "*giải thích* thế giới", mà còn "*cải tạo* thế giới" bằng cách mạng, bằng thực tiễn.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết nhân văn, sáng tạo. Chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra bước ngoặt cách mạng trong quan niệm về con người và giải phóng con người. Chủ nghĩa Mác - Lênin lấy con người làm trung tâm, lấy giải phóng con người, giải phóng nhân loại và phát triển con người toàn diện, "phát triển sự phong phú của bản chất con người", coi "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự

²¹ C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.22.

do của tất cả mọi người" và "con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do", là "mục đích tự thân" của sự phát triển và tiến bộ xã hội"²², làm mục tiêu cuối cùng: "Chủ nghĩa Mác có một ý nghĩa triết học; nó là một triết học: một "chủ nghĩa nhân bản",... chủ yếu nó là triết học về sự giải phóng và của tự do"²³. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận có sự thống nhất giữa tính mở, tính phát triển của hệ thống lý luận và tính ổn định của lập trường duy vật biện chứng, ý nghĩa phương pháp luận của nó; luôn hướng về thực tiễn - xã hội và lịch sử, hướng về thời đại, về tương lai, chứ tuyệt nhiên không phải là thứ lý luận kinh viện, khép kín, ngưng đọng và bất biến. Theo đà phát triển không ngừng của thực tiễn và khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin phải luôn luôn được bổ sung, phát triển, hoàn thiện không ngừng. Ph. Ăngghen đã viết: "Toàn bộ quan điểm của Mác không phải là một học thuyết, mà là một phương pháp, nó không đưa ra những giáo điều có sẵn, mà là những điểm xuất phát cho việc nghiên cứu thêm và phương pháp cho sự nghiên cứu này"²⁴. V. Lênin cũng khẳng định: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu như họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi..."²⁵.

Chủ nghĩa Mác - Lênin - được xác lập bởi những thiên tài sáng tạo, những nhà bác học có tri thức bách khoa; là một kho tàng tri thức đồ sộ và phong phú, bao trùm một lĩnh vực hết sức rộng hơn và phong phú; chứa đựng những quan điểm, tư tưởng, lý luận có tính chất vượt thời đại. Đó là các nguyên lý, quy luật của phép biện chứng duy vật, của lý luận nhận thức mácxít, của học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và năng suất lao động; về sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, phát triển bền vững; những tư tưởng khoa

²² C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.168.

²³ Michel Vadée (1996), *C. Mác - nhà tư tưởng của cái có thể*, tập II, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.336.

²⁴ C. Mác - Ph. Ăngghen (1981), *Tuyển tập*, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.808.

²⁵ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.232.

học về nhà nước, cách mạng xã hội, về chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân chủ; về con người, giải phóng và phát triển toàn diện con người; về vấn đề dân tộc, tôn giáo; về quốc tế hóa, toàn cầu hóa...

Là người có nhiều năm nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, học giả người Bỉ Phrăng-xoa U-ta cho rằng: “Chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn không ngừng được đổi mới và phát triển. Những quan điểm cho rằng học thuyết này đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp với xu thế thời đại là hoàn toàn sai lầm. Việc các thế lực bài bác chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ càng chứng tỏ tính đúng đắn, tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và cứ mỗi lần phải đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng đối lập thì chủ nghĩa Mác - Lênin lại một lần nữa tỏ rõ sức sống mãnh liệt của mình”²⁶. TS. Nguyễn Đình Bắc viết: “Chủ nghĩa Mác - Lênin tồn tại qua thế kỷ XIX, thế kỷ XX và nay đã, đang lại bước vào thế kỷ XXI, vượt qua bao nhiêu phong ba, bão táp của thời cuộc nhưng nó vẫn đứng vững và tỏa sáng, chứng tỏ sức sống và sự thiên biến vạn hóa của nó rất kỳ diệu, dựa trên sự thống nhất giữa kiên định và vận dụng sáng tạo”²⁷.

2.2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân “những công cụ nhận thức vĩ đại” để “giải thích thế giới” và “cải tạo thế giới” [18; tr.22]

Nhân loại đang bước vào thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI, đang sống trong điều kiện có nhiều cái rất khác, với những biến động vô cùng sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội so với thời mà V.I. Lênin và nhất là C. Mác và Ph. Ăngghen, đã sống và sáng tạo: Lực lượng sản xuất và năng suất lao động phát triển mạnh mẽ; khoa học và công nghệ có những bước tiến nhảy vọt; nền kinh tế tri thức đã ra đời và đang vận hành khá hiệu quả ở nhiều nước phát triển; quá trình quốc tế hoá, toàn cầu hóa đang diễn ra sâu sắc, vấn đề an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường,... có nhiều diễn biến phức tạp; sự trì trệ dẫn đến khủng hoảng rồi sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và tất cả các nước Đông Âu, cục diện thế giới có nhiều đổi thay... Thế giới và Việt Nam đã có nhiều đổi thay, nhiều vấn đề đặt ra như trên, nhưng tựu chung, khái quát lại, vấn đề độc lập dân tộc, phát triển xã hội và đảm bảo quyền con người vẫn là những vấn

²⁶ Báo Quân đội nhân dân, “*Càng bị bài bác, chủ nghĩa Mác - Lênin càng chứng tỏ sức sống mãnh liệt*”, thứ 2, ngày 18/8/2014, số 19168, tr.7-8, <http://www.qdnd.vn>)

²⁷ TS. Nguyễn Đình Bắc, “*Đảng Cộng sản Việt Nam với sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn cách mạng mới*”, nguồn: <https://www.nxbctqg.org.vn>.

đề lớn, trung tâm, chủ đạo, mang tính thời sự. Hiện nay, dựa vào những sự biến đổi đó, có nhiều quan điểm phủ nhận cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lạc hậu, lỗi thời, không phù hợp trong bối cảnh mới. Đứng trên quan điểm khách quan mà xét có một số luận điểm cụ thể của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin không còn phù hợp, đã bị thực tiễn lịch sử vượt qua, song những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong bản chất khoa học và cách mạng của nó, vẫn giữ nguyên giá trị. Trong bối cảnh ấy, chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục cung cấp nhiều bài học quý, có giá trị giúp chúng ta nhận thức và giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề, đặc biệt là những vấn đề lớn, trung tâm, chủ đạo, mang tính thời sự của thế giới đương đại đang đặt ra. Ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn đóng vai trò là học thuyết duy nhất chân chính nhất, cách mạng nhất, triệt để, hoàn bị nhất về giải phóng con người, phản ánh được khát vọng của thời đại là hòa bình, hợp tác, hữu nghị, độc lập dân tộc và phát triển xã hội. Điều đó chứng tỏ ý nghĩa, giá trị lịch sử và sức sống thời đại, trường tồn chủ nghĩa Mác - Lênin. Hoàn cảnh lịch sử - cụ thể luôn luôn thay đổi, song những quy luật phát triển cơ bản, phổ biến của lịch sử loài người mà chủ nghĩa Mác - Lênin nêu lên là không thay đổi, có giá trị bền vững, lâu dài.

Có một thực tế là trong khi có những người xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác thì cũng tại các nước tư bản phát triển, nhiều học giả tư sản như Giaccơ Đêrिđa, Tery Igoleton, Didiê Êribông,... vẫn thừa nhận chủ nghĩa Mác, đề cao C. Mác, kêu gọi nhân loại hãy “trở về với Mác”, “nhân loại không thể thiếu Mác”, “không có tương lai nếu không có Mác, nếu không có các di sản của Mác”²⁸, kêu gọi: “chúng ta hãy đọc ông (di sản của Mác) như đọc một nhà triết học vĩ đại”²⁹. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi chủ nghĩa Mác - Lênin là “Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất”, là “cái cảm nang thần kỳ”, “mặt trời chói lọi” soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Trả lời phỏng vấn báo *Nhân đạo* (L'Humanite') vào ngày 15-7-1969, Người khẳng định: "Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin"³⁰.

²⁸ Giaccơ Đêrिđa (1984), *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.16.

²⁹ Giaccơ Đêrिđa (1984), *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.78.

³⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.589-590.

2.2.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin - góp phần mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; phản ánh khát vọng loài người, cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì mục tiêu cao cả

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời giữa thế kỷ XIX đánh dấu bằng sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* (2/1848), không ngừng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện. Từ khi ra đời cho đến 69 năm sau với sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) - do Lênin và Đảng Xã hội - Dân chủ Nga lãnh đạo, chủ nghĩa Mác - Lênin từ lý luận khoa học trở thành hiện thực, góp phần mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người. Cách mạng tháng 10 Nga vĩ đại, mang nhiều ý nghĩa: 1) Tạo ra một bước ngoặt phát triển, căn bản, về chất trong lịch sử loài người; lần đầu tiên trên diễn đàn lịch sử nhân loại xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội mới; đưa nhân dân lao động lên nắm quyền lãnh đạo; đưa thế giới bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 2) Chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin; vai trò cách mạng to lớn và sứ mệnh lịch sử vẻ vang của giai cấp công nhân, chính đảng của nó trong thời đại mới. 3) Đem lại niềm tin, sự cổ vũ lớn lao cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động; cho các dân tộc thuộc địa, nửa thuộc địa và phụ thuộc trên toàn thế giới...

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, các Đảng cộng sản trên thế giới được thành lập ngày càng đông đảo; sự ra đời của Quốc tế cộng sản (Quốc tế III) do Lênin sáng lập (3/1919), tạo động lực mới cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; chủ nghĩa xã hội từng bước phát triển mạnh mẽ hình thành hệ thống trên thế giới, trở thành trụ cột của thế giới trong đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, tiến bộ, phát triển trên thế giới. Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, phần nào làm ảnh hưởng đến sự phát triển, nhưng không làm thay đổi bản chất khoa học và cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin; xu thế phát triển khách quan của thời đại. Những thành tựu không thể phủ nhận được của hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới; của công cuộc cải cách, đổi mới của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới hiện nay; vai trò tích cực của những nhân tố vật chất được tạo ra trong suốt chiều dài của tiến trình phát triển phong trào cộng sản và công nhân quốc tế - các Đảng cộng sản trên thế giới hiện nay trong đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, kiến tạo hòa bình và thúc đẩy phát triển chứng tỏ giá trị trường tồn và sức sống thời đại của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay, với hệ giá trị lý luận và thực tiễn phong phú được tạo ra trong suốt tiến trình phát triển, chủ nghĩa Mác - Lênin đang góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu khát vọng cao cả của loài người, của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phát triển.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, giá trị trường tồn và sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin được tập trung thể hiện: Chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực triết học, tìm ra quy luật vận động chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy; tìm ra quy luật sản xuất giá trị thặng dư - quy luật vận động cơ bản chủ nghĩa tư bản; phát hiện ra quy luật thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; là kho tàng tri thức đồ sộ và phong phú, học thuyết khoa học và cách mạng, triệt để và hoàn bị, nhân văn và sáng tạo; cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân “những công cụ nhận thức vĩ đại” để “giải thích thế giới” và “cải tạo thế giới”, góp phần mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; phản ánh khát vọng loài người, cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì mục tiêu cao cả. Chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự là sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa trí tuệ, tư tưởng, văn hóa, khoa học và thực tiễn thời đại. Qua thực tiễn gần 2 thế kỷ giá trị trường tồn và sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh. Trong bài viết tác giả nghiên cứu, tìm hiểu, luận giải những cơ sở, nội dung để khẳng định giá trị trường tồn và sức sống thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua đó, làm rõ đóng góp quan trọng, nhiều mặt của chủ nghĩa Mác - Lênin trong tiến trình lịch sử cách mạng nhân loại; góp phần vào việc củng cố niềm tin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Báo Quân đội nhân dân, “*Càng bị bài bác, chủ nghĩa Mác - Lênin càng chứng tỏ sức sống mãnh liệt*”, thứ 2, ngày 18/8/2014, số 191 68, tr.7-8. <http://www.qdnd.vn>
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, tập 3; tập 19; tập 23; tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 3; tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 4; tập 25, phần I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. C. Mác - Ph. Ăngghen (1981), *Tuyển tập*, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Giắcơ Đêrिđã (1994), *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
13. V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 23, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
14. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 4, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. TS. Nguyễn Đình Bắc, “*Đảng Cộng sản Việt Nam với sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn cách mạng mới*”, nguồn: <https://www.nxbctqg.org.vn>
16. Michel Vadée (1996), *C. Mác - nhà tư tưởng của cái có thể*, tập II, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

NHỮNG CỐT LÕI TẠO NÊN SỨC SỐNG TRƯỜNG TỒN VÀ GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

TS. Đoàn Sỹ Tuấn*

Trường Đại học Hoa Lư

TS. Mai Thu Trang**

Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Bài viết tác giả tập trung đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá những phương diện cốt lõi, nền tảng, chủ yếu tạo nên sức sống trường tồn và giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin như: Chủ nghĩa Mác - Lênin là tinh hoa văn hóa nhân loại, tinh thần thời đại; kho tàng tri thức phong phú, quý báu của nhân loại, có bộ phận hạt nhân, cốt lõi, nền tảng là triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học; vẫn giữ nguyên giá trị đương đại, là ngọn đuốc của văn minh nhân loại.

Từ khóa: Sức sống trường tồn và giá trị thời đại, chủ nghĩa Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các học thuyết, quan điểm khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen khởi thảo, xây dựng; V.I. Lênin bảo vệ và phát triển; là sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa giá trị văn hóa, tư tưởng, trí tuệ, khoa học của nhân loại và thực tiễn của thời đại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người. Bài viết bước đầu, nghiên cứu, tìm hiểu những cốt lõi, nền tảng tạo nên sức sống trường tồn và giá trị thời đại của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

II. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - tinh hoa văn hóa nhân loại, tinh thần thời đại

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, do C. Mác và Ph. Ăngghen khởi thảo, sáng lập, đặt nền móng và Lênin bổ sung, phát triển. Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn kế thừa và phát triển di sản văn hóa tinh thần nhân loại; là sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa giá trị văn hóa, tư tưởng, trí tuệ, khoa học của nhân

* Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Hoa Lư

** Phó Khoa Giáo dục chính trị - Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

loại và thực tiễn của thời đại. Trong lịch sử phát triển của lịch sử, hiếm có một chủ nghĩa, học thuyết nào mà lại có bề dày, chiều sâu, độ phong phú trong việc đấu tranh, phê phán, kế thừa có chọn lọc tinh hoa giá trị văn hóa, văn minh, trí tuệ nhân loại, từ cổ đại đến các bậc tiền bối trực tiếp và thực tiễn của thời đại như chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các học thuyết của C. Mác và Ph. Ăng ghen, V.I. Lênin. Cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, lúc đầu là C. Mác và Ph. Ăng ghen, sau đó là Lênin đã: 1) Phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, luận chứng sâu sắc điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị và làm rõ vai trò, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản (giai cấp công nhân) - giai cấp tiên phong của thời đại; 2) Kế thừa và hoàn chỉnh một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng chủ yếu của thế kỷ XIX, thuộc ba nước tiên tiến nhất của loài người: Triết học cổ điển Đức (quan điểm triết học Hêghen và Phơ bách), kinh tế chính trị cổ điển Anh (quan điểm kinh tế của W. Petty, Adam Xmit và Đavít Ricácđô) và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp (Xanh Ximông, Phuriê; Ôoen). Không chỉ kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác - Lênin còn không ngừng làm giàu, phát triển bản thân bằng cách bổ sung thực tiễn phát triển phong phú của nhân loại, những thành tựu của khoa học tự nhiên như: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng của Lômônôxốp, Lenxơ, Maye, Gorốp, Giuloôn và Cômđinhgơ; thuyết tế bào của Svanno và Solâyden, Húc, Vonphơ, Gôriannhinốp, Púckin; thuyết tiến hóa của Đác-uyn; và những thành tựu khoa học như phát hiện ra tia X là sóng điện từ có bước sóng rất ngắn của Ronghen; phát hiện ra hiện tượng sau khi bức xạ ra hạt Anpha, nguyên tố Urani chuyển thành nguyên tố khác của Béccoren; phát hiện ra điện tử và chứng minh được rằng điện tử là một trong những thành phần tạo nên nguyên tử của Tôm xơn... Trong các tác phẩm nổi tiếng của C. Mác và Ph. Ăng ghen¹, V.I. Lênin² chứa đầy tính chất luận chiến, phê phán, các ông đấu tranh với những quan điểm, tư tưởng sai lầm, tiêu cực, kế thừa, tiếp thu những tư tưởng đúng đắn, tích cực, tiến bộ của các nhà tư tưởng, các chủ nghĩa, các học thuyết, các tác phẩm của các nhà tư tưởng khác trên tinh thần khoa học và cách mạng. Trên nền tảng đó, các ông đã sáng

¹ Bản thảo Kinh tế - triết học năm 1844; Gia đình thần thánh 1845; Hệ tư tưởng Đức (1845 - 1846); Sự bần cùng của triết học (1847); Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêgen; Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản; Góp phần phê phán môn chính trị kinh tế học (1859), Bộ Tư bản 1867, Biện chứng của tự nhiên 1870; Phê phán cương lĩnh Gôta (1875); Chống Duyrinh 1878,... của C. Mác và Ph. Ăng ghen.

² “Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao” (1894); “Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ” (1905); Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán (1908); Bút ký triết học của Lênin (1914 - 1915); “Cách mạng vô sản và tên phản bội Causky”; Bệnh ấu trĩ “tả khuynh” trong phong trào cộng sản (1918); Thà ít mà tốt (3/1923); Nhà nước và cách mạng; Chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lênin...

lập ra chủ nghĩa Mác - Lênin (xin được nhấn mạnh) với tư cách là một “hệ thống các học thuyết khoa học và cách mạng” và phát triển trong đó một sự phong phú, đồ sộ, sâu sắc về mặt văn hóa, tư tưởng khoa học và cách mạng mà đến nay không một hệ thống tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa nào có thể vượt qua. Đánh giá về tinh thần phê phán, thái độ và tầm vóc khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Lênin đã từng nói: “Tất cả những thứ xã hội loài người sáng tạo ra Mác đều nghiên cứu, suy xét lại trên tinh thần phê phán, không bác bỏ qua bất kỳ điểm nào. Mọi thành quả tư tưởng của nhân loại đều được Mác đưa vào kiểm nghiệm trong phong trào công nhân, rồi đi nghiên cứu sâu sắc, phê phán sâu sắc, trên cơ sở đó rút ra được những kết luận mà những người chịu sự hạn chế, ràng buộc bởi tính hạn hẹp, tầm nhìn phiến diện của giai cấp tư sản trước đó không đúc rút được”³. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ lúc mới hình thành, chức năng hệ tư tưởng đã không tách rời chức năng văn hóa. T.I. Ôigiecmán cho rằng, khi đề cập đến chức năng hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta cần nhấn mạnh tính định hướng của nó đối với giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chống ý thức hệ tư sản; song, chớ nên quên rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa những gì tốt đẹp nhất trong triết học tư sản cổ điển, mà đó lại chính là những yếu tố đã đóng góp vào kho báu tinh thần của nhân loại⁴.

Chủ nghĩa Mác - Lênin được sáng lập, bổ sung và phát triển bởi C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin. Những người sáng lập, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin là C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin - là những nhà bác học anh minh, nhà tư tưởng thiên tài, nhà cách mạng vĩ đại; là lãnh tụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. C. Mác là một bậc tài danh, có trí tuệ siêu việt, “một nhân vật khổng lồ của loài người”, đã tìm ra lục địa mới trong vũ trụ khoa học của loài người. Viên Giám đốc cảnh sát Béclin đã phải thừa nhận: “*Bản thân Mác là một người nổi tiếng và cần phải thừa nhận rằng trí tuệ trong đầu ngón tay của ông ta còn nhiều hơn trí tuệ trong đầu của toàn bộ phe đảng khác*” (xem tiểu sử Ăngghen). Nhà nghiên cứu Trần Tích Hỷ, trong cuốn *Mác nói gì với chúng ta*, đã viết: “Có thể nói rằng, xét từ góc độ tầm uyên bác về mặt tri thức và độ sâu sắc trong tư tưởng, thì tự cổ chí kim, chưa ai có thể sánh ngang với Mác”⁵. Ph. Ăngghen là nhà bác học và nhà tư tưởng vĩ đại, “cây vĩ cầm thứ hai” bên cạnh C. Mác, con người có “khối óc sắc sảo”, “một kho bách khoa toàn thư”, là một trong những nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, và cùng hợp sức với

³ Văn tuyển Lênin (2009), *Bàn về chính đảng của giai cấp vô sản*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, tr.281.

⁴ T.I. Ôigiecmán (1982), *Những vấn đề của khoa học lịch sử triết học*, Nxb Tư tưởng, Mátxcova, tr.248 (Tiếng Nga).

⁵ Trần Tích Hỷ (2017), *Mác nói gì với chúng ta* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, tr.50. (Người dịch: Thanh Huyền, Văn Tân).

C. Mác, ông đã để lại cho nhân loại ngày nay một kho tàng lý luận phong phú về triết học mácxít, về kinh tế mácxít, về chiến lược và sách lược của cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp công nhân: “Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến toàn bộ những tác phẩm của Ph. Ăngghen”⁶. V.I. Lênin - nhà hoạt động chính trị kiệt xuất, nhà tư tưởng lỗi lạc; lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân Quốc tế; *một trong những vĩ nhân xuất sắc nhất của lịch sử nhân loại*, “linh hồn” của Cách mạng tháng Mười vĩ đại, đã phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác - Lênin; và hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lênin bằng thực tiễn cách mạng sống động, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người. Nghiên cứu, am hiểu sâu rộng về toàn bộ quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại, về các lĩnh vực tri thức; cùng với tri thức hiểu biết thực tiễn cách mạng thời đại phong phú, làm cho C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin có một kho tàng tri thức vô cùng uyên bác và nguồn tri thức uyên bác đó lại chính là nền tảng trí tuệ để các ông sáng lập, bổ sung, phát triển học thuyết, chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin là tinh hoa văn hóa nhân loại, tinh thần thời đại, thực sự là sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa nhân loại, tinh thần thời đại; đã tiếp thu, hấp thụ được tối đa những thành quả của văn minh và di sản văn hóa ưu tú của nhân loại. C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin - những người sáng lập, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin đã kế thừa tinh hoa tư tưởng nhân loại từ sự “tỏa sáng rực rỡ của những ngôi sao trên bầu trời tư tưởng của nhân loại”⁷. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là thứ lý luận kinh viện, khép kín, nó luôn hướng về thực tiễn, thời đại; tiếp thu không ngừng nghỉ những thành tựu tư tưởng, khoa học ưu tú của nhân loại; trở thành “tinh hoa” của thời đại, linh hồn sống của văn hóa. Lênin đã nói: “Hệ tư tưởng cách mạng của giai cấp vô sản của chủ nghĩa Mác có ý nghĩa mang tính lịch sử thế giới, bởi vì nó không bài trừ những thành tựu đáng quý nhất của giai cấp tư sản, ngược lại đã tiếp thu và cải tạo tất cả những thứ có giá trị trong lịch sử hơn 2.000 năm phát triển tư tưởng và văn hóa nhân loại”⁸. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lênin mang trong mình những giá trị tiêu biểu của tiến trình phát triển lịch sử nhận thức của nhân loại, thực sự là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử tư tưởng loài người; giá trị của

⁶ V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.110.

⁷ Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2008), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường Đại học, Cao đẳng), Nxb Đại học kinh tế quốc dân, tr.13.

⁸ Văn tuyển Lênin (2009), *Bàn về chủ nghĩa xã hội*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 2009, tr.167.

cuộc cách mạng đó không bao giờ bị phai mờ trong suốt chiều dài sương gió của lịch sử tư tưởng nhân loại. Trong *Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác*, V.I. Lênin đã chỉ rõ rằng, mọi toan tính xem xét chủ nghĩa Mác bên ngoài con đường phát triển của văn hóa nhân loại, biến nó thành một học thuyết biệt phái, “đóng kín và cứng nhắc, nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới” đều là biểu hiện của cách tiếp cận mang tính xuyên tạc, trái với chân lý”⁹.

2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin - kho tàng tri thức phong phú, quý báu của nhân loại; những bộ phận hạt nhân, cốt lõi, những giá trị nền tảng

Chủ nghĩa Mác - Lênin - là hệ thống tư tưởng, lý luận khoa học, “hệ thống các quan điểm và học thuyết”¹⁰ khoa học, cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động do C. Mác và Ph. Ăngghen khởi thảo, sáng lập, V.I. Lênin bảo vệ và phát triển. Chủ nghĩa Mác - Lênin hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển biện chứng những giá trị lịch sử tư tưởng nhân loại để giải thích, nhận thức thực tiễn thời đại; là thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp tự giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người, về những quy luật chung nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tạo nên hệ tư tưởng khoa học của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa Mác - Lênin, bao gồm khối lượng di sản tri thức vô cùng đồ sộ, phong phú và đa dạng: 1/ Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen và V.I. Lênin, được phản ánh trong di sản đồ sộ 105 tập (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập* (50 tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản, 3/1995 và V.I. Lênin, *Toàn tập*, (55 tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản, 2005). 2/ Chủ nghĩa Mác - Lênin có nội dung bao gồm hệ thống các học thuyết, chứa đựng những tri thức phong phú, sâu sắc về triết học, kinh tế, chính trị, lịch sử, quân sự, luật học, dân tộc học, xã hội học, mỹ học, logic học, mối quan hệ giữa sự phát triển xã hội với giới tự nhiên...; bao quát nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; là cội nguồn tri thức để hình thành nên rất nhiều bộ môn khoa học với những giá trị lịch sử, thời đại và khoa học to lớn. 3/. Chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra một cuộc cách mạng vĩ đại trong tiến trình lịch sử của nhân loại; để lại những giá trị không bao giờ bị phai mờ trong suốt chiều dài sương gió của lịch sử tư tưởng nhân loại; lan tỏa rộng khắp toàn cầu, có sức cuốn hút tư tưởng vô cùng mạnh mẽ và kỳ lạ trên phạm vi toàn thế giới.

⁹ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.49-50.

¹⁰ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.59.

Chủ nghĩa Mác - Lênin được cấu thành từ một loạt các lý luận cơ bản, các quan điểm cơ bản, phương pháp cơ bản; nó là một chỉnh thể hoàn chỉnh, trong đó triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học là bộ phận hạt nhân, cốt lõi.

Triết học Mác - Lênin ra đời đã tạo nên sự biến đổi có ý nghĩa cách mạng trong lịch sử phát triển triết học của nhân loại: Triết học Mác - Lênin đã kế thừa một cách có phê phán những thành tựu của tư duy nhân loại, sáng tạo nên chủ nghĩa duy vật triết học triệt để, khắc phục sự tách rời thế giới quan duy vật và phép biện chứng trong lịch sử phát triển của triết học, không điều hòa với chủ nghĩa duy tâm và phép siêu hình chằm dút tham vọng ở nhiều nhà triết học coi triết học là "khoa học của các khoa học", đứng trên mọi khoa học; với sự ra đời của triết học Mác - Lênin, vai trò xã hội của triết học cũng như vị trí của triết học trong hệ thống tri thức khoa học cũng biến đổi. “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”; triết học Mác - Lênin là thế giới quan khoa học của giai cấp công nhân, giai cấp tiến bộ và cách mạng nhất, một giai cấp có lợi ích phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động và sự phát triển xã hội. Triết học Mác - Lênin là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy. Thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác - Lênin là bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin; là sự kế thừa và phát triển những thành quả vĩ đại nhất của tư tưởng triết học trong lịch sử nhân loại. C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã phát triển chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng đến trình độ sâu sắc nhất và hoàn bị nhất, đó là: *chủ nghĩa duy vật biện chứng* với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; là *phép biện chứng duy vật* với tư cách “học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người”¹¹; và do đó, nó cũng chính là phép biện chứng của nhận thức hay là “cái mà ngày nay người ta gọi là *lý luận nhận thức*”¹²; đó còn là *chủ nghĩa duy vật lịch sử* với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động, phát triển của xã hội loài người. "Giống như Đác-uyn (Charles Darwin) đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, C. Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người"¹³ và đây là một

¹¹ V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.53.

¹² V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.65.

¹³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995) *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.499.

trong những phát kiến vĩ đại nhất của C. Mác đối với nhân loại, như V. Lênin khẳng định: "Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học"¹⁴.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin ra đời đã tạo nên sự biến đổi có ý nghĩa cách mạng trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại. Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã đưa ra nhiều quan điểm mới về kinh tế chính trị học thực hiện một cách mạng về học thuyết giá trị - lao động; xây dựng học thuyết giá trị thặng dư; dự đoán những đặc trưng kinh tế cơ bản của xã hội tương lai... Kinh tế chính trị Mác - Lênin là sự vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu và chỉ ra những quy luật kinh tế, quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư - "quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra"¹⁵; chỉ rõ mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng xã hội hóa cao với chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chủ yếu, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, mà "sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu"¹⁶. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của C. Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm *học thuyết kinh tế của V.I Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước*. Bộ *Tư bản* chính là công trình khoa học vĩ đại nhất của C. Mác. V.I. Lênin đã khẳng định: "Mục đích cuối cùng của bộ sách này là phát hiện ra quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại", nghĩa là của xã hội tư bản chủ nghĩa, của xã hội tư sản. Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác"¹⁷. Đánh giá về khám phá vĩ đại trên của C. Mác, V. Lênin khẳng định: "Học thuyết giá trị thặng dư là viên đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác"¹⁸.

Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời đã khắc phục triệt để những hạn chế và kế thừa những hạt nhân hợp lý của chủ nghĩa xã hội không tưởng, tạo ra một cuộc cách mạng

¹⁴ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.53.

¹⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.500.

¹⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.613.

¹⁷ V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.72.

¹⁸ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.55.

trong lĩnh vực tư tưởng chủ nghĩa xã hội của nhân loại, đưa chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học. Chủ nghĩa xã hội khoa học là hệ thống tri thức chung nhất về cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong sự nghiệp xây dựng hình thái kinh tế - xã hội đó. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản, phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản và tìm thấy lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới, phát hiện ra học thuyết khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, khi nói về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “... phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tạo ra một lực lượng bị buộc phải hoàn thành cuộc cách mạng ấy, nếu không thì sẽ bị diệt vong”¹⁹ và “thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại”²⁰. V.I. Lênin cho rằng: “Điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa”²¹.

Với hệ thống lý luận hoàn chỉnh gồm ba bộ phận cấu thành là Triết học mácxít, Kinh tế chính trị mácxít và Chủ nghĩa xã hội khoa học gắn kết chặt chẽ với nhau, C. Mác và Ph. Ăngghen đã xây dựng nên một thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng để nhận thức và cải tạo thế giới “cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân, những công cụ nhận thức vĩ đại”²². V.I. Lênin khẳng định: “Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác. Nó là một học thuyết hoàn bị và chặt chẽ; nó cung cấp cho người ta một thế giới quan hoàn chỉnh, không thỏa hiệp với bất cứ một sự mê tín nào, một thế lực phản động nào, một hành vi nào bảo vệ sự áp bức của tư sản”²³.

2.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin - giá trị đương đại, ngọn đuốc của văn minh nhân loại

2.3.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng để nhận thức và cải tạo thế giới

Chủ nghĩa Mác - Lênin xây dựng, phát triển trên cơ sở những thành tựu cao nhất của tư tưởng nhân loại, của khoa học tự nhiên hiện đại và của kinh nghiệm thực tiễn xã hội loài người. Thực tiễn lịch sử xã hội đã xác nhận, gần hai thế kỷ qua chủ nghĩa Mác

¹⁹ C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.388-389.

²⁰ C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.393.

²¹ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, tr.1.

²² V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.54.

²³ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.50.

- Lênin đã thể hiện được ưu thế vượt trội và sức sống mãnh liệt với bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn trong đời sống xã hội nhân loại. Từ sau chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời đã có nhiều chủ nghĩa, học thuyết ra đời, có một giá trị, một ảnh hưởng nhất định ở một phương diện nhất định, trong một phạm vi nhất định của đời sống xã hội; song không thể trở thành chủ thuyết phát triển của thời đại. Các chủ nghĩa, học thuyết đó không phản ánh được những quy luật phát triển khách quan của lịch sử loài người và không thể hiện được nhu cầu, lợi ích, sức mạnh của lực lượng tiên phong của nhân loại (giai cấp công nhân) thúc đẩy lịch sử tiến lên. Sự phát triển của khoa học và thực tiễn xã hội nhân loại gần hai thế kỷ qua không những không làm mất đi, mà trái lại càng tô thắm, chứng minh sinh động, có sức thuyết phục cho giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nguyên lý, khái niệm, phạm trù, quy luật và phương pháp luận cơ bản của nó mang tính phổ biến và phổ quát. Chúng bao quát, tác động, chi phối cả giới tự nhiên, đời sống xã hội và tư duy, trí tuệ nhân loại ở tất cả các chế độ xã hội và trong mọi giai đoạn lịch sử. Vì vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho hoạt động của con người và nhân loại tiến bộ. Ngày nay, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng để nhận thức và cải tạo thế giới “cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân, những công cụ nhận thức vĩ đại”²⁴. Đanien Benxaidơ - một nhà triết học đã nhấn mạnh tính “vượt trước thời đại” của chủ nghĩa Mác - Lênin là ở chỗ, chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát minh ra “cách viết mới về lịch sử”. “Cách viết mới” ấy không xem xét lịch sử như những “lát cắt” tách rời nhau, đứt đoạn, thiếu những mối liên hệ và tác động lẫn nhau giữa các thời đại, hoặc rơi vào quan điểm tất định luận mỹ miều, theo kiểu “sau cái này ắt là cái kia”, hoặc “thi vị hóa” lịch sử, biến lịch sử thành bản trường ca của tinh thần phổ biến, siêu việt, “hoàn toàn lý tưởng chủ nghĩa”. Đánh giá về chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách hạt nhân thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, một nhóm nhà nghiên cứu triết học Liên Xô khẳng định: “Chủ nghĩa duy vật biện chứng là phương pháp duy nhất có giá trị của các khoa học hiện đại, là lý luận duy nhất khoa học để giải thích và cải tạo tự nhiên và xã hội”²⁵.

Thế giới đầu thế kỷ XXI ngày nay, có nhiều điểm mới khác xa thế giới cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, lúc chủ nghĩa Mác - Lênin sinh ra, hình thành và phát triển.

²⁴ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.54.

²⁵ Theo *Từ điển Triết học* (Liên Xô), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.828.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật công nghệ diễn ra như vũ bão làm biến đổi nhanh chóng cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần của xã hội, tạo ra một nền văn minh mới, thường được gọi là “văn minh trí tuệ”. CNXH hiện thực nửa đầu thế kỷ XX đã chinh phục được trái tim và khối óc con người ở đông đảo các quốc gia dân tộc trên toàn thế giới vì nó chứng tỏ rằng có thể giải quyết được những vấn đề xã hội nan giải mà CNTB không thể giải quyết được. Cuộc khủng hoảng trầm trọng của CNXH với sự sụp đổ chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu tạo nên sự biến đổi to lớn cục diện chính trị - xã hội của thế giới, gây ấn tượng mạnh mẽ nhất ở những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX. Thế giới ngày nay có nhiều vấn đề nổi cộm, toàn cầu như: Biến đổi khí hậu; ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên; toàn cầu hóa; chiến tranh, xung đột; hòa bình; tôn giáo; bất bình đẳng; nghèo đói; tham nhũng; thất nghiệp; độc lập chủ quyền; Phát triển xã hội; đảm bảo quyền con người; phát triển bền vững... Trong bối cảnh đó với bản chất khoa học, cách mạng của mình, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn giữ vững vai trò là cơ sở thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng để nhận thức và cải tạo nhiều vấn đề của thế giới đương đại; thậm chí còn cả những vấn đề trọng yếu có liên quan đến sự sống còn của nhân loại, của các dân tộc đang phát triển như mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, vấn đề hòa bình, phát triển và môi trường... Chủ nghĩa Mác - Lênin được hình thành trên cơ sở những tư tưởng mang tính phê phán đối với “lịch sử thế giới” và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng sự phát triển của nền sản xuất xã hội hóa và nền kinh tế hàng hóa của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra “thị trường thế giới”, một mặt nó thúc đẩy sự phát triển lịch sử, đưa các dân tộc bước vào nền văn minh mới, nhưng cũng đem đến những tai họa “máu và lửa” cho các dân tộc khác. Tiếp thu tinh thần thời đại của chủ nghĩa tư bản là cải tạo, làm chủ tự nhiên chủ nghĩa Mác - Lênin đưa ra tư tưởng con người thống nhất, hài hòa với tự nhiên, cho rằng, không thể mãi mãi say sưa với thắng lợi của nền văn minh đối với giới tự nhiên, vì giới tự nhiên sẽ phản kháng lại nhân loại, hơn nữa, phía sau những mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên là sự hài hòa trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên, mà căn cốt vẫn nằm ở sự hài hòa của mối quan hệ giữa con người với con người. Là người có nhiều năm nghiên cứu về Chủ nghĩa Mác - Lênin, học giả Phrăng-xoa U-ta cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn không ngừng được đổi mới và phát triển. Sức sống của học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay thể hiện ở chỗ các giá trị bền vững trong những học thuyết cơ bản của các ông vẫn sẽ là lý luận và phương pháp luận để nhận thức, cải tạo thế giới. Còn, với tư cách là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động thực tiễn của những

người vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin đòi hỏi phải luôn biết vận dụng sáng tạo để đi tới thành công”²⁶.

2.3.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí sắc bén nhất trong việc phê phán hệ thống tư bản chủ nghĩa

Hệ thống lý luận khoa học, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin là vũ khí sắc bén phê phán hệ thống tư bản chủ nghĩa. Triết học Mác - Lênin đã vạch ra những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy; đem “chân lý” khoa học thay cho “mộng tưởng”, bác bỏ lý thuyết sai lầm về sự tồn tại tuyệt đối, vĩnh cửu của chủ nghĩa tư bản. Kinh tế chính trị Mác - Lênin là kết tinh những thành tựu của kinh tế chính trị học nhân loại, được phát triển lên đỉnh cao với học thuyết giá trị thặng dư gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh tiến đến giai đoạn độc quyền và chủ nghĩa đế quốc. Kinh tế chính trị Mác - Lênin không chỉ vạch ra mục đích và bản chất của chủ nghĩa tư bản là bóc lột giá trị thặng dư và theo đuổi lợi nhuận tối đa, mà còn chỉ rõ những quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản cùng những mâu thuẫn và khuyết tật cố hữu của nó mà trong phạm vi chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết được. Thực tiễn phát triển của phương thức sản xuất và xã hội tư bản chủ nghĩa gần hai thế kỷ qua đã là minh chứng sinh động và sâu sắc cho tính đúng đắn, khoa học của lý luận kinh tế chính trị học Mác - Lênin. Trên thực tế, chủ nghĩa tư bản hiện đại càng phát triển thì càng làm cho những khuyết tật, mâu thuẫn, xung đột cố hữu của nó thêm trầm trọng. Một số học giả cho rằng các chuẩn đoán của kinh tế chính trị Mác - Lênin về những căn bệnh của chủ nghĩa tư bản sâu sắc hơn bất kỳ một hệ thống lý luận nào của giai cấp tư sản. Học giả người Mỹ Giêmxon (Jameson), trong bài viết: “Luận bàn về chủ nghĩa Mác đang tồn tại hiện nay” có chỉ ra rằng chủ nghĩa Mác - Lênin chính là khoa học về những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản²⁷. Tác giả G. Đêrida. trong tác phẩm *Những bóng ma của Mác*, viết: “những vết loét” của xã hội tư sản, trong đó có tình trạng tha hóa con người, được C. Mác luận giải trong nhiều tác phẩm của ông, không hề mất đi, mà ngược lại, còn trở nên phổ biến và sinh sôi nảy nở trong cái gọi là “trật tự thế giới mới” hôm nay. Đó là: 1) từ nạn thất nghiệp theo nghĩa truyền thống đến “nạn thất nghiệp mới” và “nạn nghèo đói mới” trong cuộc cạnh tranh toàn cầu hiện đại; 2) tình trạng vô gia cư, không quốc tịch gắn với thí nghiệm mới về

²⁶ “Càng bị bài bác, chủ nghĩa Mác - Lênin càng chứng tỏ sức sống mãnh liệt”, Báo Quân đội nhân dân, thứ 2, ngày 18/8/2014, số 19168, tr7-8. <http://www.qdnd.vn>

²⁷ Dẫn theo Du Khả Bình (2008), *Chủ nghĩa Mác trong thời đại toàn cầu hóa*, Nxb Biên dịch Trung ương, Bắc Kinh.

lãnh thổ quốc gia và công dân; 3) chiến tranh kinh tế trên phạm vi toàn cầu đã và đang chi phối quan niệm thực tế về luật pháp quốc tế và sự thực thi luật pháp quốc tế một cách không bình đẳng và thiếu nhất quán; 4) sự bất lực trong việc chế ngự những mâu thuẫn về khái niệm, chuẩn mực và thực tế của thị trường tự do, sự can thiệp của các nước phát triển vào các nước đang phát triển vì lợi ích vị kỷ của họ; 5) sự gia tăng tình trạng nợ nước ngoài và những cơ chế gắn liền với nó làm cho một phần lớn nhân loại bị đói và bị đẩy tới tình trạng thất vọng; 6) nền công nghiệp vũ khí và tình trạng buôn bán vũ khí chi phối cả các hoạt động nghiên cứu khoa học - mâu thuẫn giữa nghiên cứu vì lợi ích dân sinh và nghiên cứu nhằm hoàn thiện phương tiện giết người hàng loạt; 7) tình trạng phát tán vũ khí nguyên tử đang đe dọa sự tồn vong của nhân loại; 8) chiến tranh sắc tộc dưới chiêu bài bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; 9) quyền lực ngày càng lớn và vô hạn mang tính toàn cầu của những nhà nước ma, siêu hiệu lực và đặc biệt tư bản chủ nghĩa tức maphia và côngxoócxiom buôn bán ma tuý trên tất cả các lục địa; 10) tình trạng nhất thời, không bền vững của luật pháp quốc tế và các thiết chế của nó do những khác biệt về văn hóa và sự không chế của một số nước lớn²⁸. Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã vạch ra những quy luật kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, nhìn nhận chủ nghĩa tư bản trong cả quá trình phát sinh, phát triển và diệt vong của nó. Chủ nghĩa xã hội khoa học đặt nền móng vững chắc cho việc hiện thực hóa tư tưởng về chủ nghĩa xã hội khoa học - học thuyết về sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng loài người khỏi mọi hình thức nô dịch, áp bức, bóc lột và tha hóa. Nhà lý luận được vinh danh là người có sức ảnh hưởng lớn nhất thế giới hiện tại Eagleton trong cuốn sách *Vì sao Mác đúng* đã nhận định về địa vị, vai trò lịch sử của chủ nghĩa Mác như sau: “Với vai trò là người phê phán chủ nghĩa tư bản kể từ khi xuất hiện một cách triệt để nhất, nghiêm khắc nhất, toàn diện nhất, chủ nghĩa Mác đã làm cho thế giới của chúng ta thay đổi mạnh mẽ. Từ đó, có thể đoán định rằng, chừng nào chế độ chủ nghĩa tư bản còn tồn tại thì chủ nghĩa xã hội sẽ còn không bị diệt vong”²⁹.

2.3.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin là sức mạnh tinh thần, nguyên tắc chỉ đạo để tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng loài người

Lập trường chính trị về giải phóng giai cấp vô sản và mục tiêu giá trị về sự phát triển tự do, toàn diện con người là xuất phát điểm và đích đến của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thế kỷ XVIII - XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển đã thực hiện công cuộc giải phóng chính trị đối với chủ nghĩa chuyên chế phong kiến nhưng họ lại lấy “tư bản” là

²⁸ G. Êrêđiđ (1994), *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.172-177, 218.

²⁹ Terry Eagleton (Anh) (2011), *Vì sao Mác đúng*, Nxb Tân Tinh, tr.6-7.

gốc, con người trở thành nô lệ của “vật chất”, đặc biệt của “tư bản”, đó chỉ là những bước đầu tiên trong sự nghiệp giải phóng loài người. Chủ nghĩa Mác - Lênin là đỉnh cao trí tuệ nhân loại được xây dựng, phát triển dựa trên những thành tựu cao nhất của triết học, kinh tế chính trị học, lý luận xã hội chủ nghĩa và khoa học xã hội - nhân văn hiện đại. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã: Chỉ ra quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; khẳng định sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên; quy luật sản xuất giá trị thặng dư trong mọi giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, tạo ra mâu thuẫn không thể điều hòa, tự giải quyết trong lòng xã hội tư bản; địa vị kinh tế - xã hội, phẩm chất chính trị, vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản trong đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu thế kỷ XX, đã chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo, khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự biến sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, qua lăng kính của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự sụp đổ của một mô hình về chủ nghĩa xã hội (mô hình chủ nghĩa xã hội dựa trên nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu và bao cấp), chứ không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa xã hội mục tiêu lý tưởng, xu thế thời đại vẫn là động lực thôi thúc giai cấp công nhân, các Đảng Cộng sản và hàng triệu triệu người lao động trên thế giới hành động để biến nó thành hiện thực sinh động. Trên thực tế, chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là lý luận khoa học vẫn đã và đang là kim chỉ nam cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của nhân loại tiến bộ; còn chủ nghĩa xã hội hiện thực đang được nảy sinh, phát triển sinh động, đa dạng trong thực tiễn lịch sử nhân loại. Jacques Derrida nhà tư tưởng người Pháp đã khẳng định: Xã hội đương “không thể không có Mác, không có Mác, không có ký ức về Mác, không có di sản của Mác sẽ không có tương lai; bất luận như thế nào cũng phải có Mác, phải có sự tài hoa của ông, ít nhất là phải có tinh thần nào đó của ông”. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, trải qua bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn là sức mạnh tinh thần, nguyên tắc chỉ đạo để tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng loài người. “Chủ nghĩa Mác - Lênin tồn tại qua thế kỷ XIX, thế kỷ XX và nay đã, đang lại bước vào thế kỷ XXI, vượt qua bao nhiêu phong ba, bão táp của thời cuộc nhưng nó vẫn đứng vững và tỏa sáng, chứng tỏ sức sống và sự thiên biến vạn hóa của nó rất kỳ diệu, dựa trên sự thống nhất giữa kiên định và vận dụng sáng tạo”³⁰.

³⁰ TS. Nguyễn Đình Bắc, “Đảng Cộng sản Việt Nam với sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn cách mạng mới”, Nguồn: <https://www.nxbctqg.org.vn>

III. KẾT LUẬN

Sức sống trường tồn và giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin được thể hiện trên nhiều phương diện nhưng theo tác giả bài viết phương diện cốt lõi, nền tảng là: Chủ nghĩa Mác - Lênin là tinh hoa văn hóa nhân loại, tinh thần thời đại; kho tàng tri thức phong phú, quý báu của nhân loại, có bộ phận hạt nhân, cốt lõi, nền tảng là triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học; giữ nguyên giá trị đương đại, là ngọn đuốc của văn minh nhân loại là cơ sở thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng để nhận thức và cải tạo thế giới; là vũ khí sắc bén nhất trong việc phê phán hệ thống tư bản chủ nghĩa; là sức mạnh tinh thần, nguyên tắc chỉ đạo để tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, giải phóng loài người. Bài viết tập trung, đi sâu nghiên cứu, phân tích đánh giá sức sống trường tồn và giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lênin được thể hiện trên các phương diện cơ bản, cốt lõi, chủ yếu trên; qua đó góp phần vào bảo vệ “nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, theo Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Trần Tích Hỷ (2017), *Mác nói gì với chúng ta* (Sách tham khảo), Người dịch: Thanh Huyền, Văn Tân, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hội đồng lý luận Trung ương (2004), *Lẽ phải của chúng ta*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hội đồng lý luận Trung ương, PGS.TS. Tô Huy Rúa, GS.TS. Hoàng Chí Bảo (Đồng chủ biên) (2017), *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. PGS.TS Đặng Hữu Toàn (2002), *Chủ nghĩa Mác - Lênin và công cuộc đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. GS. Trần Nhâm (2011), *Chủ nghĩa Mác - Lênin học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀO HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỤ THỂ CỦA ĐẤT NƯỚC

TS. Phan Thị Hồng Duyên*

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Chủ nghĩa Mác - Lênin là “hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học của C. Mác, Ph.Ăngghen và sự phát triển của Lênin; được hình thành và phát triển trên cơ sở kế thừa và phát triển những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại và tổng kết thực tiễn của thời đại; là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức bóc lột tiến tới giải phóng con người. Bài viết trình bày chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng, phát triển sáng tạo, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, hoàn cảnh cụ thể của đất nước.

I. MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học và cách mạng hoàn chỉnh, là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để nhận thức và cải tạo thế giới. Hiện nay, cuộc đấu tranh tư tưởng và thực tiễn mới xây dựng đất nước đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục tìm hiểu và nhận thức sâu sắc hơn những giá trị đích thực của chủ nghĩa Mác - Lênin để kế thừa, phát triển và vận dụng học thuyết cách mạng và khoa học đó một cách sáng tạo trong hoạt động thực tiễn. Vì vậy, việc nghiên cứu tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng, phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước là vấn đề quan trọng.

II. NỘI DUNG

2.1. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời vào những năm 40 của thế kỷ XIX, khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh mẽ và trở thành lực lượng kinh tế

* Phó trưởng Phòng Đào tạo và Quản lý nghiên cứu khoa học

thống trị ở các nước Tây Âu (như Anh, Pháp...). Điều đó một mặt, đánh dấu bước chuyển hóa từ nền sản xuất thủ công tư bản chủ nghĩa sang nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa; mặt khác, làm thay đổi sâu sắc cục diện xã hội, trước hết là sự hình thành và phát triển của giai cấp vô sản.

Thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước Tây Âu đòi hỏi phải có lý luận khoa học dẫn đường, trong điều kiện đó chủ nghĩa Mác đã ra đời; đồng thời, chính thực tiễn cách mạng đó cũng trở thành tiền đề thực tiễn cho sự khái quát và phát triển không ngừng lý luận của chủ nghĩa Mác.

Ngoài ra, sự ra đời của chủ nghĩa Mác còn là kết quả của sự kế thừa tinh hoa văn hóa của nhân loại, trong đó trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức; kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp và Anh cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, đặc biệt là những thành tựu của khoa học tự nhiên với ba phát minh vĩ đại là: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; học thuyết tế bào; học thuyết tiến hóa của Đác-uyn.

Có thể nói, sự ra đời của chủ nghĩa Mác nói chung và triết học Mác nói riêng không phải là ngẫu nhiên, mà là một hiện tượng hợp quy luật; nó vừa là sản phẩm của tình hình kinh tế - xã hội đương thời, của tri thức nhân loại thể hiện trong các lĩnh vực khoa học, vừa là kết quả của năng lực tư duy và tinh thần nhân văn của những nhà khoa học sáng lập nên nó. Khái quát những kinh nghiệm của phong trào công nhân và những thành tựu của khoa học tự nhiên, có nghiên cứu phê phán những tư tưởng triết học trước đó, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thực hiện bước ngoặt cách mạng vĩ đại trong triết học, đúng như V.I. Lênin đã viết: “Chủ nghĩa Mác là hệ thống các quan điểm và học thuyết của Mác. Mác đã kế thừa và hoàn chỉnh một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng chủ yếu của thế kỷ XIX, thuộc ba nước tiên tiến nhất của loài người: triết học cổ điển Đức, môn kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp gắn liền với các học thuyết cách mạng nói chung. Tính triệt để và tính hoàn chỉnh tuyệt vời (mà ngay cả kẻ thù của Mác cũng phải thừa nhận) của những quan điểm của ông (mà toàn bộ hợp thành chủ nghĩa duy vật hiện đại và chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, tức là lý luận và cương lĩnh của phong trào công nhân ở tất cả các nước văn minh trên thế giới”¹.

2.2. V.I. Lênin bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Bản chất bóc lột và thống trị của chủ nghĩa tư bản ngày

¹ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.59-60.

càng bộc lộ rõ nét; mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản ngày càng sâu sắc, nhất là mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư sản và vô sản. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc tại các nước thuộc địa phát triển đã tạo nên sự thống nhất với phong trào vô sản. Các phong trào của nông dân chống địa chủ phong kiến và phong trào giải phóng dân tộc có mối quan hệ chặt chẽ với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản.

Để làm suy yếu phong trào cách mạng và chống lại giai cấp vô sản, giai cấp tư sản đế quốc đã sử dụng một cách triệt để bạo cơ hội trong phong trào công nhân và chủ nghĩa xét lại. Giai cấp vô sản Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích đã trở thành ngọn cờ đầu của cách mạng thế giới. Giai cấp công nhân cùng với nông dân đã làm cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1905 - 1907; cuộc cách mạng tháng Hai 1917, phát triển thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười 1917 vĩ đại đã mở đầu thời đại mới trong lịch sử thế giới.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên, nhất là trong lĩnh vực vật lý học đã đặt ra cho triết học những yêu cầu phát triển mới về thế giới quan, phương pháp luận và phải trả lời những vấn đề mà khoa học đặt ra.

Cũng trong thời kỳ này chủ nghĩa Mác đang được truyền bá rộng rãi vào nước Nga. Song, để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, những trào lưu tư tưởng trên thế giới như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán (Makhor), chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa thực dụng,... mượn cơ hội mới chủ nghĩa Mác nhằm mục đích xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa Mác; thay đổi chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử bằng các biến dạng của chủ nghĩa duy tâm tôn giáo. Bọn xét lại trong Quốc tế II, bọn Mensêvích, những người Nga theo chủ nghĩa Makhor, thì cố gắng chứng minh rằng, chủ nghĩa Mác không có cơ sở triết học nên không phải là một học thuyết. Vì vậy, chúng định hợp nhất chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa Cantơ mới.

Trong bối cảnh đó, thực tiễn đặt ra nhu cầu là phải khái quát những thành tựu khoa học tự nhiên để tiếp tục bảo vệ và phát triển thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác, nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng trong vật lý học; thực hiện cuộc đấu tranh lý luận để chống sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác, qua đó bảo vệ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác; vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác nhằm đáp ứng nhu cầu đặt ra từ thực tiễn.

Để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin đã kịch liệt phê phán và kiên quyết đấu tranh với những quan điểm cơ hội, xét lại của các nhà lãnh đạo Quốc tế II như Cauxki, Becxtanh, Plêkhanốp, Bukkharin, Torôt-xki; phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm của E.Makhor, Avênariut... Đồng thời, vận dụng chủ

ngĩa Mác một cách sáng tạo vào thực tiễn nước Nga, V.I. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo giai cấp công nhân và Nhân dân Nga tiến hành cuộc cách mạng tháng Mười vĩ đại, mở đầu cho một thời kỳ lịch sử mới của sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời, kết quả lịch sử đó đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của giai cấp vô sản và cá nhân tộc bị áp bức vì độc lập, tự do.

Vận dụng phép biện chứng mácxít vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, V.I. Lênin đã đề ra Chính sách kinh tế mới, với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, áp dụng chính sách thuế lương thực thay cho chính sách cộng sản thời chiến, áp dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, phát triển thương mại, sử dụng chuyên gia tư sản, áp dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước, học tập kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản, thực hiện luân chuyển cán bộ từ trung ương về địa phương và thực hiện các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước (tôn nhượng và hợp tác xã); coi trọng người nông dân và phát triển kinh tế nông thôn. Chính sách kinh tế mới của V.I. Lênin đã đưa nước Nga thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội năm 1921, bước sang một giai đoạn phát triển mới.

2.3. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể đất nước

Trên hành trình vạn dặm đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường cách mạng chân chính, con đường cứu nước đúng đắn. Người đã nhận thức rằng, chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin là "chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất"², từ đó Người khẳng định: "Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi mới hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"³ và đặt trọn niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy lý luận đó làm ngọn đèn soi đường, làm kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy, đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin và ra sức truyền bá lý luận đó thông qua những luận đề tư tưởng của mình vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, giác ngộ giai cấp công nhân và cá nhân tộc Việt Nam đấu tranh để giành độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động cùng khổ, xây dựng xã hội mới vì Nhân dân, vì con người.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

Theo Nguyễn Ái Quốc, muốn đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, cần phải nắm vững mục tiêu, bản chất và phương thức tiến hành cuộc cách mạng đó, đặc biệt ở một nước thuộc địa, phong kiến như ở Việt Nam, các nước Đông Dương và cả châu Á nói chung “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay”⁴. Người cho rằng: “Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁵. Đồng thời, nhấn mạnh sự cần thiết phải quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa cộng sản, tức chủ nghĩa Bôn-sê-vích có nghĩa là hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. “Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản”⁶. Điều đó cho thấy, việc truyền bá, giáo dục về chủ nghĩa cộng sản trong công nhân và Nhân dân có tầm quan trọng đặc biệt. Do đó, Nguyễn Ái Quốc đã chú trọng vận dụng sáng tạo vào điều kiện của Việt Nam. Trăn trở của Người “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”⁷. Vì vậy, Người đặt vấn đề cần phải “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc theo phương Đông”⁸. Đồng thời, từ thực tiễn Việt Nam, Người đã thấy rằng “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây,... nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có tài sản gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có torót. Người thì cam chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó, không thể chối cãi được”⁹.

Khác với C. Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thì Nguyễn Ái Quốc dành sự

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.45.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.80-81.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.509-510.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.510.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.508-509.

quan tâm đặc biệt đến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Nếu như các nhà sáng lập học thuyết mácxít nhấn mạnh cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản, thì Nguyễn Ái Quốc lại tập trung vào cuộc đấu tranh dân tộc ở thuộc địa. Theo Người, độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng. Mục tiêu cao nhất của mọi cuộc đấu tranh là nhằm thoát khỏi ách áp bức bóc lột của giặc ngoại xâm, giành độc lập, tự do, hòa bình để xây dựng đất nước, đảm bảo cho Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và đó cũng là mục tiêu cao cả của Người “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu”¹⁰.

Nói về chiến lược cách mạng ở các nước thuộc địa, Người khẳng định chưa phải là đấu tranh giai cấp, mà là đấu tranh dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người phân biệt ba loại cách mạng: Cách mạng tư sản, cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Điều nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam là sự kết hợp biện chứng tư tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước. Cuộc cách mạng duy nhất giải phóng triệt để và vĩnh viễn người lao động là cuộc cách mạng vô sản, song nó được tiến hành và có đặc điểm riêng như thế nào lại phụ thuộc vào hoàn cảnh thời đại, của riêng mỗi nước, đồng thời Người xác định tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là *cách mạng giải phóng dân tộc*. Lực lượng của cuộc cách mạng đó là toàn dân tộc, trong đó công nhân và nông dân là “chủ cách mệnh”, “gốc cách mệnh”, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là “bầu bạn cách mệnh của công nông”...

Đầu năm 1930, khi soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã hoạch định con đường phát triển của dân tộc từ một nước thuộc địa đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua nhiều giai đoạn chiến lược cách mạng khác nhau: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹¹. “Tư sản dân quyền cách mạng” là nhằm giải phóng dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc, giành độc lập dân tộc (không bao gồm nhiệm vụ ruộng đất). “Thổ địa cách mạng” với nhiệm vụ chủ yếu là cách mạng ruộng đất. “Đi tới xã hội cộng sản” lại là giai đoạn phát triển kế tiếp để từng bước đạt mục tiêu chủ nghĩa xã hội, đó là hướng phát triển lâu dài. Cương lĩnh chủ trương tập hợp lực lượng rộng rãi, bao gồm toàn dân tộc để tiến hành các cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến triệt để.

¹⁰ Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.52.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

Trên cơ sở những điều kiện lịch sử xã hội của châu Âu, khi ở đó những nước công nghiệp và chủ nghĩa tư bản cũng đã phát triển, C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã vạch ra con đường cách mạng vô sản giải phóng giai cấp công nhân và Nhân dân lao động. Các ông đều lấy việc giải phóng giai cấp vô sản ở các nước tư bản làm nhiệm vụ trọng tâm và là điều kiện cho giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động ở thuộc địa, thì Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lý luận giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin, giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và giai cấp, vạch ra nhiệm vụ cụ thể của từng giai đoạn cách mạng, đề ra con đường giải phóng người lao động ở thuộc địa, phù hợp với điều kiện xã hội, với nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân lao động: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Người đã nhận thức muốn giải phóng xã hội, giải phóng người lao động nhất thiết phải có đấu tranh giai cấp. Song, ở Việt Nam “Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”¹², bởi vì điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam khác với châu Âu; văn hóa phương Đông khác với văn hóa phương Tây. Đồng thời, nhận rõ đấu tranh giai cấp ở cả ở Đông Dương, Trung Quốc, Ấn Độ, châu Á và phương Đông, Người đã cho rằng: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngằm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”¹³. “Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ”¹⁴.

Đặt lên hàng đầu mục tiêu, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là điều mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã kêu gọi trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”¹⁵.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhân dân lao động đoàn kết đấu tranh giành độc lập dân tộc, ở đầu bằng Cách mạng tháng Tám năm 1945.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.508.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.551.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

¹⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.623-624.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam đã bắt đầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951) xác định rõ con đường hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong khi miền Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trong điều kiện miền Bắc vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến, nền kinh tế hết sức lạc hậu và đất nước đang bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội?... Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”¹⁶.

Quán triệt những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta từ khi ra đời cho tới nay luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn kết chặt chẽ, hài hòa các mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và đã giành được những thắng lợi to lớn trong cả ba cuộc giải phóng đó. Đại hội lần thứ III (9/1960) và Đại hội IV (12/1976) của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cả nước. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta bước đầu đã đạt được những thành tựu nhất định, đồng thời cũng bộc lộ những khuyết tật, yếu kém. Điều đó đã đặt ra yêu cầu là phải tiến hành đổi mới đất nước, mà bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và những quy luật khách quan của thời kỳ quá độ.

Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) với quan điểm nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật đã đánh dấu bước ngoặt của quá trình đổi mới, nhất là đổi mới tư duy kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với sự đổi mới cơ chế quản lý chuyển dần sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển một cách vững chắc, từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng từ cuối những năm 70 và suốt những năm 80 của thế kỷ XX.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.92.

Đại hội VII của Đảng (6/1991) đã đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Trong đó, nêu rõ về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng gồm 6 đặc trưng. Đầu những năm 90, với chính sách kinh tế đúng đắn, với đường lối đối ngoại độc lập tự chủ phù hợp, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới của Việt Nam đã vượt qua những thách thức hiểm nghèo do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng chính là sự phát triển sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chứng minh giá trị khoa học, tính cách mạng của lý luận, tư tưởng đó. Trải qua hơn 20 năm đổi mới trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với sự sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, Việt Nam đã tiến những bước dài có những biến đổi sâu sắc và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Cùng với những thành tựu về tăng trưởng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, thực hiện chính sách xã hội, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, Việt Nam còn đạt được thành tựu quan trọng về lý luận, “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”¹⁷, trước hết là về mục tiêu và mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đại hội XI của Đảng (01/2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, tiếp tục làm rõ và khẳng định những quan điểm và phương hướng cơ bản con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011 - 2020) với những mục tiêu dựa trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ.

Trải qua 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã khẳng định những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), vượt qua

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.68.

tình trạng một nước nghèo kém phát triển (2008); đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế khá; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những nhận thức rõ và đầy đủ hơn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị.

Giữa thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã dự báo sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp, của khoa học công nghệ dưới chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của thị trường thế giới. “Tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng mất đi”, “sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy sẽ mãi đi nhanh hơn”¹⁸. Trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhằm sử dụng kinh tế thị trường như là công cụ, phương tiện để thực hiện mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay. Đó là một sự sáng tạo hết sức quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đóng góp to lớn trong quá trình phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về nhiều vấn đề, trong đó cơ bản là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Không có sự vận dụng, phát triển sáng tạo đó thì không có những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Nhân dân Việt Nam đã đạt được 33 năm đổi mới đất nước.

III. KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập vào giữa thế kỷ XIX và đã được V.I. Lênin phát triển vào đầu thế kỷ XX thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Trải qua quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và lãnh đạo cách mạng Việt Nam đem lại độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, khi nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, xu thế toàn cầu hóa, sự hội nhập khu vực,

¹⁸ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.620.

quốc tế, sự hợp tác và cạnh tranh vẫn sẽ nuôi dưỡng ý thức độc lập dân tộc, tính tự giác trong giải phóng giai cấp, giải phóng con người theo mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh". "Tư tưởng của Mác đã làm nên lịch sử thế kỷ XX. Tư tưởng của Mác vẫn là tư tưởng của thế kỷ XXI. Nhân loại sẽ không có tương lai nếu không có tư tưởng của Mác"¹⁹. Vì vậy, việc tìm hiểu và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong xây dựng, phát triển đất nước ở Việt Nam hiện nay là việc làm quan trọng và cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Học viện Chính trị quân sự (2008), *Học thuyết Mác và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.85.
6. Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

¹⁹ Học viện Chính trị quân sự (2008), *Học thuyết Mác và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.85.

VAI TRÒ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỚI VIỆT NAM - QUA NHẬN ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ CỦA HỒ CHÍ MINH

ThS. Lê Thị Lan Anh
Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết bước đầu, nghiên cứu, tìm hiểu những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam, nhìn nhận vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam qua nhận định, đánh giá, lăng kính của Hồ Chí Minh. Qua đó làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam qua lăng kính, nhận định, đánh giá của tâm vĩ nhân - Hồ Chí Minh và cũng làm rõ vai trò của Người trong việc nhận định, đánh giá, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, góp phần tạo động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, to lớn sự nghiệp cách mạng Việt Nam xuyên suốt chiều dài lịch sử, vượt qua bao thăng trầm, biến cố lịch sử.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, Việt Nam, nhận định, đánh giá, Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

“Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng; V.I. Lênin bảo vệ và phát triển; được hình thành và phát triển trên cơ sở thực tiễn và kế thừa những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người”¹. Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng, nhà lý luận lớn, vĩ đại, thông thái, hiếm có của thế giới ngày nay. Người sớm tiếp cận, khẳng định, đi theo, thủy chung, son sắt, trung thành, kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, nguồn gốc lý luận quan trọng, trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, Hồ Chí Minh có cơ sở, điều kiện đưa ra những quan điểm đúng đắn, độc đáo, sâu sắc, sáng tạo về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam. Bài viết bước đầu, nghiên cứu, tìm hiểu những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

với Việt Nam. Qua đó, làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam qua lăng kính, nhận định, đánh giá của tầm vĩ nhân - Hồ Chí Minh.

II. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin - nơi trú ngụ, tiềm ẩn, khơi nguồn, phát tích con đường cứu nước, giải phóng dân tộc; “ngọn lửa” chấm dứt sự “tăm tối” - khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX

Gần 32 năm khi Pháp xâm lược Việt Nam, năm 1890, Nguyễn Tất Thành được sinh ra trong một gia đình nhà nho tiến bộ, có tinh thần yêu nước, thương dân. Kế thừa truyền thống yêu nước, thương dân của dân tộc, quê hương và gia đình Nguyễn Tất Thành sớm hình thành tấm lòng yêu nước, thương dân. Khảo nghiệm tình hình thực tiễn trong nước, tổng kết các con đường cứu nước của các nhà cách mạng Việt Nam tiên bối theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau, Người rất kính yêu, khâm phục, nhưng sớm nhận ra những hạn chế, không tán thành con đường cứu nước của các nhà cách mạng Việt Nam. Người quyết định ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân. Trong hành trình ấy, Người đã trực tiếp quan sát những chuyển biến cách mạng tại nhiều nước ở châu Âu, châu Phi, châu Á, Bắc Mỹ và Trung Đông, Người khảo sát các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới như cách mạng Anh, Pháp, Mỹ, Cách mạng tháng Mười Nga... “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục, công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”²; “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam”³. Tháng 7/1920, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Sau này, trong một bài báo Người tâm sự, trước khi đến với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, “tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết”⁴. Trong một cuộc họp, một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. “Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.296.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.651.

Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”⁵. Đánh giá về Cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa Mác - Lênin, Người viết: “Cách mạng tháng Mười vĩ đại là ngọn đèn pha soi sáng cuộc đấu tranh cho tự do và hạnh phúc. Cách mạng tháng Mười đã đem lại cho chúng tôi chủ nghĩa Mác - Lênin. Học thuyết bất hủ đó đã vạch ra con đường mà chúng tôi phải đi theo”⁶; “Cách mạng tháng Mười thắng lợi là như sấm sét giáng vào nền tảng chủ nghĩa thực dân. Bản luận cương của Lênin về vấn đề thuộc địa đã soi sáng con đường đấu tranh giải phóng cho các dân tộc bị áp bức”⁷; “Ánh sáng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại xua tan màn đêm bao phủ, chiếu sáng chân trời; Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa đã trở thành ngôi sao dẫn đường trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chúng tôi”⁸; “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁹. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh được cử hành trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội sáng ngày 9/9/1969, khẳng định: “Với tấm lòng yêu nước nồng nàn, Hồ Chủ tịch đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin ánh sáng soi đường cứu dân, cứu nước”¹⁰. Như vậy, Cách mạng tháng Mười vĩ đại, chủ nghĩa Mác - Lênin, *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin - nơi trú ngụ, tiềm ẩn, khơi nguồn, phát tích để Nguyễn Ái Quốc con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam. “Trong lúc đó thì Cách mạng tháng Mười vĩ đại thành công ở Nga. Lênin tổ chức Quốc tế Cộng sản. Rồi Lênin phát biểu Luận cương cách mạng thuộc địa. Những việc đó làm cho tôi thấy rằng: Nhân dân lao động Đông Dương, nhân dân các thuộc địa và nhân dân lao động muốn tự giải phóng thì phải đoàn kết lại và làm cách mạng. Vì vậy, tôi trở nên người theo chủ nghĩa Mác - Lênin”¹¹.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.652.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.709.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.557.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.626.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.700.

2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học, “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”; là chủ nghĩa vạch ra con đường duy nhất đúng cho cách mạng Việt Nam

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã có vốn văn hóa Quốc học, phương Đông, phương Tây, vốn sống thực tiễn, kinh nghiệm từng trải phong phú, sâu sắc. Với tư duy rộng mở, Người nghiên cứu nhiều học thuyết, nhiều chủ nghĩa khác nhau; tự nhận mình là “học trò nhỏ” của Phật, Chúa Jesu, C. Mác, Tôn Dật Tiên. Người khẳng định: chủ nghĩa Mác - Lênin là “phát minh vĩ đại nhất”¹² của thời đại, của tư tưởng khoa học về giải phóng loài người. Dẫn lại lời Xtalin, Người khẳng định: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin là: “Khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản”¹³. Như vậy, theo Người, chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết khoa học, cách mạng, triệt để.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết chân chính, nhân văn nhất; học thuyết duy nhất khoa học hướng đến giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Theo Người, chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết, chủ nghĩa đứng về chính nghĩa, bênh vực, bảo vệ và hướng đến giải phóng nhân dân lao động cần lao khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Người viết: “Trong con mắt của các dân tộc thuộc địa, trong lịch sử cuộc đời khổ đau và bị mất quyền của các dân tộc thuộc địa, Lênin là người sáng tạo ra cuộc đời mới, là ngọn hải đăng chỉ dẫn con đường đi tới giải phóng cho toàn thể nhân loại bị áp bức”¹⁴; “Khi còn sống, Lênin là người thầy, người cha của nhân dân bị áp bức. Sau khi mất, Người là ngôi sao chỉ đường tiến tới sự nghiệp giải phóng vĩ đại của nhân dân bị áp bức. Lênin sống mãi trong lòng mọi người dân nô lệ ở các nước thuộc địa!”¹⁵; “Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lênin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử cuộc đời đau khổ và bị mất quyền của họ, là tượng trưng cho một tương lai mới, xán lạn”¹⁶. Nắm vững, thấu đáo tinh thần, hạt nhân, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người, có cách giải thích độc đáo, sáng tạo: Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin tức là “hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.299.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95-96.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.148.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.224.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.235.

quốc; bất kỳ việc to việc nhỏ cũng nhằm mục đích ấy; đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu không hết lòng hết sức phụng sự nhân dân, tự kiêu, tự đại, tự tư tự lợi, như thế là trái với chủ nghĩa Mác - Lênin,... chủ nghĩa Mác - Lênin là phải đi đúng đường, phải phụng sự lợi ích chung, chứ không có gì cao xa”¹⁷; là “cách mạng phân công cho việc gì,... đều phải làm tròn nhiệm vụ”¹⁸; là “... phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”¹⁹.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, từ trong sâu thẳm bản chất nó, Hồ Chí Minh khẳng định là chủ nghĩa, học thuyết khoa học vạch ra con đường duy nhất đúng cho cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”²⁰; “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới”²¹; “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là cách mạng vô sản”²²; “Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”²³; “Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc. Không có lực lượng gì ngăn trở được lịch sử loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được chủ nghĩa xã hội phát triển”²⁴; “Con đường tiến tới chủ nghĩa xã hội của các dân tộc là con đường chung của thời đại, của lịch sử, không ai ngăn cản nổi”²⁵.

2.3. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nhân tố hình thành và một trong các nhân tố, thành tố hạt nhân cấu trúc nên nền tảng tư tưởng, cốt lõi đảm bảo sự vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Hồ Chí Minh - là người Việt Nam đầu tiên đến và tìm thấy con đường cứu nước,

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.290.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.668.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.669.

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.441.

²² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.158.

²⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.19.

giải phóng dân tộc, được coi là con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam; đồng thời lại là người đầu tiên, có công lớn nhất trong tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam để sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Là người sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh thấy được vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Người, chủ nghĩa Mác - Lênin nhân tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (9/1953), Người viết: “Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin”²⁶. Trong tác phẩm *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*²⁷, Người tiếp tục khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”²⁸. Với tầm nhìn xuyên thấu lịch sử, trước lúc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Hồ Chí Minh đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, đảm bảo cho sự vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người viết: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”²⁹. Như vậy, đối với Người chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là nhân tố hình thành và nền tảng tư tưởng, mà còn là nhân tố then chốt, ngọn nguồn đảm bảo cho Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh, cách mạng đi tới thành công. Vì vậy, ta mới hiểu vì sao trong suốt cả cuộc đời, Người lại luôn luôn chăm lo, coi trọng công tác xây dựng Đảng. Với mong muốn, khát vọng cháy bỏng: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³⁰, trước lúc đi xa Người căn dặn: “Trước hết nói về Đảng... Các đồng chí từ

²⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.275.

²⁷ Bài viết cho tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội* (số 2/1960), nhân dịp kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng.

²⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.406.

²⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

³⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.623.

Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình... Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”³¹.

2.4. Chủ nghĩa Mác - Lênin phải được nhận thức và vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam

Suốt cả cuộc đời kiên trì, kiên định, thủy chung, son sắt đi theo, nắm vững bản chất, linh hồn, giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh: Chủ nghĩa Mác - Lênin phải được nhận thức và vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. Người theo chủ nghĩa Mác - Lênin phải là người tỉnh táo, sáng tạo, vừa tránh giáo điều, dập khuôn máy móc, vừa tránh cơ hội, xét lại. Nắm vững những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người khẳng định: “Chủ nghĩa Mác - Lênin nhận rằng: Trong cả tổng quá trình phát triển tuyệt đối của toàn thể vũ trụ thì những quá trình phát triển cụ thể chỉ là tương đối. Do đó, những sự hiểu biết của người ta trong từng giai đoạn nhất định chỉ là những sự thật tương đối trong cái sự thật tuyệt đối to lớn. Vô số sự thật tương đối hợp lại thành sự thật tuyệt đối. Sự phát triển của quá trình khách quan chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Sự phát triển của hiểu biết cũng đầy mâu thuẫn và đấu tranh. Công việc xã hội phát sinh, phát triển và tiêu diệt là vô cùng. Sự hiểu biết phát sinh, phát triển cũng là vô cùng. Cứ tiến lên mãi, thì sự hiểu biết cũng sâu sắc thêm mãi. Sự biến đổi trong thế giới không bao giờ hết, cho nên sự hiểu biết trong thực hành cũng không bao giờ hết, chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn mở rộng đường hiểu biết sự thật trong thực hành, chứ không hạn chế nó. Chủ quan và khách quan, lý luận và thực hành, biết và làm, là thống nhất. Chúng ta chống sai lầm tả khuynh và hữu khuynh, vì nó trái với điều kiện lịch sử”³².

Người khẳng định tính sáng tạo không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập trung thể hiện ở nguyên tắc căn bản thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Dẫn lại lời của Lênin, Người nói: “... trong khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận, đã nhiều lần đồng chí Lênin nhắc đi nhắc lại rằng lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc,

³¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611-612.

³² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.129.

nó đầy tính sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”³³. Theo Người, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sáng tạo, là học lập trường, quan điểm, phương pháp, học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình. Người nhấn mạnh: “Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”³⁴. “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn. Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song, khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là chủ nghĩa cá nhân”³⁵. Vì vậy, nhiều lần Người nhắc nhở phải coi trọng việc học tập, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nói: “Phải học tập...”³⁶, “cố gắng học tập...”³⁷, “ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin”³⁸ để “... áp dụng vào công tác hàng ngày”³⁹, “... áp dụng nó vào công tác cách mạng thực tế”⁴⁰.

Cùng với việc nhấn mạnh phải coi trọng việc học tập, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người cũng phê bình, cảnh báo tránh dập khuôn, máy móc, giáo điều trong học tập và áp dụng chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nhắc nhở: “Chủ nghĩa

³³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95.

³⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.92.

³⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

³⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.474.

³⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.610.

³⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.603.

³⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.100.

⁴⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

Mác - Lênin không phải ở đâu người ta cũng làm cộng sản, cũng làm Xô viết⁴¹; “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác. Các cô, các chú có thảo luận về Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XX không? Đại hội đã chỉ cho ta thấy ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội⁴². Học chủ nghĩa Mác - Lênin “không nên nói trên trời dưới đất, nào là khách quan, chủ quan, nào là tích cực, tiêu cực, không đâu vào đâu cả... Không nên lúc nào cũng trích C. Mác, cũng trích Lênin...”⁴³; “... chúng ta phải học chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho hợp với điều kiện đặc biệt của nước ta”⁴⁴.

2.5. Chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng con đường, góp phần quan trọng vào mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, vạch đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, giúp Đảng Cộng sản Việt Nam giành quyền lãnh đạo cách mạng ngay từ khi mới ra đời. Người nói: “Cách mạng tháng Mười vĩ đại là ngọn đèn pha soi sáng cuộc đấu tranh cho tự do và hạnh phúc. Cách mạng tháng Mười đã đem lại cho chúng tôi chủ nghĩa Mác - Lênin. Học thuyết bất hủ đó đã vạch ra con đường mà chúng tôi phải đi theo”⁴⁵; “Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong bản *Cương lĩnh cách mạng tư sản dân quyền* năm 1930, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập, người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường”⁴⁶.

Sau này, trong mỗi chặng đường cách mạng, khi tổng kết, đánh giá về những thành tựu, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh đến tính “đúng đắn”, vai trò chỉ lối, đưa đường, góp phần quyết định vào những thắng lợi

⁴¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.573.

⁴² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.39.

⁴³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.161.

⁴⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95-96.

⁴⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12.

⁴⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.407.

cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Người nói thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam: "... một lần nữa đã chứng tỏ tính chất đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, tính chất đúng đắn của đường lối mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917 đã vạch ra"⁴⁷. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, nhiều lần Người khẳng định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chiến thắng Điện Biên Phủ, chứng minh tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người khẳng định: "Thắng lợi của, ... cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ rằng một dân tộc dù nhỏ yếu, nhưng đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng của nó, đi đúng đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì nhất định đánh thắng được đế quốc xâm lược"⁴⁸; "Chiến thắng Điện Biên Phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay: Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công"⁴⁹; "Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ... Chúng tôi coi chiến thắng này là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin được áp dụng một cách đúng đắn trong những điều kiện dân tộc của Việt Nam"⁵⁰. Người kết luận: "Nói tóm lại, chín năm trước nhân dân ta bị làm nô lệ, ngày nay nhân dân ta là chủ nhân ông. Kết quả ấy cũng vì có chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng con đường cách mạng của chúng ta"⁵¹; vì "Đảng ta thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin"⁵².

Tổng kết lịch sử ba mươi năm đấu tranh của Đảng, Người đã dạy chúng ta rằng: "Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản và của dân tộc; giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản, giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, đó là cái bảo đảm chắc chắn nhất cho cách mạng thắng lợi"⁵³. Trả lời phỏng vấn của Sácơ Phuốcniô, phóng viên báo *l'Humanité* (Pháp) ngày 15/7/1969, Người nhấn mạnh: "Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành

⁴⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.175.

⁴⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.367.

⁴⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.271.

⁵⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.657

⁵¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.300.

⁵² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.34.

⁵³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.673.

được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”⁵⁴.

Với niềm tin sâu sắc vào tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, của sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: “Từ trong học thuyết dạt dào sức sống của chủ nghĩa Lênin, chúng tôi khơi nguồn sức mạnh để giành thắng lợi cho sự nghiệp thiêng liêng là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, để giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội!”⁵⁵; “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁵⁶; “Chúng tôi là những kẻ chiến thắng hiện tại cũng như trong tương lai, vì con đường đi của chúng tôi được học thuyết vĩ đại của chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng”⁵⁷. Thực tiễn của sự vận động lịch sử cách mạng Việt Nam với những thắng lợi vĩ đại xuyên suốt chiều dài lịch sử chúng ta chứng tỏ tính đúng đắn trong niềm tin son sắt của Người đối với chủ nghĩa Mác - Lênin.

III. KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ, bậc thầy, có bề dày thực tiễn của cách mạng Việt Nam; lại là nhà tư tưởng, nhà lý luận vĩ đại hiếm có của thế giới ngày nay. Người có công lao đầu tiên, lớn nhất trong việc tuyên truyền, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Vì vậy, Người có cơ sở, điều kiện đưa ra những quan điểm đúng đắn, độc đáo, sâu sắc, sáng tạo về mối quan hệ giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam, khẳng định những giá trị, vai trò hạt nhân, cốt lõi tiêu biểu, nổi bật của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam. Bài viết bước đầu, nghiên cứu, tìm hiểu những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam: Chủ nghĩa Mác - Lênin - chính là nơi trú ngụ, tiềm ẩn, khơi nguồn, phát tích con đường cứu nước, giải phóng dân tộc; “ngọn lửa” chấm dứt sự “tăm tối” - khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX; là một học thuyết khoa học, “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất”; là chủ

⁵⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.590.

⁵⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.415.

⁵⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

⁵⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.313.

nghĩa vạch ra con đường duy nhất đúng cho cách mạng Việt Nam; là nhân tố hình thành và một trong các nhân tố, thành tố hạt nhân cấu trúc nên nền tảng tư tưởng, cốt lõi đảm bảo sự vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam; phải được nhận thức và vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, soi sáng con đường, góp phần quan trọng vào mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam... Qua đó, làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin với Việt Nam qua lăng kính, nhận định, đánh giá của tầm vĩ nhân - Hồ Chí Minh và cũng làm rõ vai trò của Người trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ, to lớn sự nghiệp cách mạng Việt Nam qua bao thăng trầm, biến cố lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Mác - Lênin thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (1975), *Các Mác - Tiểu sử*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, bản tiếng Đức, tập 1 bổ sung, tr.594// Trích lại từ H. Ghem-cốp (2000), *Cuộc đời của chúng tôi - Tiểu sử của C. Mác và Ph. Ăngghen*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. GS.TS. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) (2010), *Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, (50 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, (55 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY

ThS. Bùi Thị Thu Hiền

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng đã và đang vượt qua mọi sự phê phán, xuyên tạc của các thế lực thù địch từ đó tiếp tục khẳng định bản chất khoa học và cách mạng của mình. Trước những biến động to lớn mang tính cách mạng của kỷ nguyên toàn cầu hóa hiện nay, triết học Mác - Lênin vẫn chứng tỏ được sức sống bền vững và giá trị thời đại trong việc nhận thức và giải quyết những vấn đề của toàn cầu.

Từ khóa: Triết học Mác - Lênin, toàn cầu hóa, khoa học, cách mạng, sức sống bền vững, giá trị thời đại.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân loại đang chứng kiến những biến động to lớn, có tác động sâu sắc, nhiều mặt đến cả tự nhiên, xã hội và con người. Cùng với những biến động đó, sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, các thành tựu của khoa học công nghệ trong kỷ nguyên toàn cầu hóa đã và đang tạo nên những bước tiến mới trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống đương đại, tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, khu vực và toàn thể nhân loại.

Nhưng thực tế cho thấy rằng, các thành tựu to lớn mà nhân loại đạt được trong các lĩnh vực khác nhau nhất là trong kinh tế, khoa học công nghệ vừa là động lực thúc đẩy xã hội phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt xã hội và con người trước những sự bất thường, những đe dọa và những rủi ro khó lường. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, những mâu thuẫn lớn của thời đại không hề mất đi mà vẫn tồn tại và biến đổi ngày càng sâu sắc. Những vấn đề toàn cầu đang nổi lên chính là thách thức cho các khoa học nghiên cứu, nhận thức và giải quyết nó để làm cho xã hội ngày càng phát triển. Trong bối cảnh đó, triết học Mác - Lênin với bản chất khoa học và cách mạng, đã chứng tỏ sức sống bền vững và giá trị thời đại của nó trong việc nhận thức và giải quyết những vấn đề lớn của toàn cầu.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Toàn cầu hóa và những thời cơ, thách thức do toàn cầu hóa mang lại

Khái niệm “toàn cầu hóa”

Toàn cầu hóa không phải là một hiện tượng mới, mà nó có quá trình lịch sử lâu dài. Có nhiều cuộc tranh luận diễn ra xoay quanh câu hỏi: toàn cầu hóa là gì và hiện tượng này bắt đầu từ khi nào? Nhiều người cho rằng toàn cầu hóa đã manh nha xuất hiện từ rất sớm, gắn liền với làn sóng thực dân hóa đầu tiên của các cường quốc châu Âu thế kỷ XV - XVI. Một số khác lại cho rằng, toàn cầu hóa diễn ra từ cuối thế kỷ XIX cùng với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp tạo nên sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cho đến nay, khái niệm toàn cầu hóa vẫn là một khái niệm đa diện, đa nghĩa, tùy theo góc độ tiếp cận, phạm vi và mục đích nghiên cứu mà sẽ có nhiều cách hiểu khác nhau. Nhưng dù có nhiều sự khác biệt thì nội hàm của khái niệm toàn cầu hóa vẫn thống nhất ở một số đặc tính chung nhất định. Theo nghĩa chung nhất, toàn cầu hóa là một quá trình tăng lên không ngừng những mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, tác động chi phối và ảnh hưởng lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau, diễn ra trong tất cả các các quốc gia, dân tộc, các khu vực và trên toàn thế giới, làm biến đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó làm nảy sinh hàng loạt khả năng mới và điều kiện mới.

Nói đến toàn cầu hóa, trước hết người ta nói đến toàn cầu hóa kinh tế. Sau lĩnh vực kinh tế, mọi lĩnh vực khác của đời sống xã hội, từ chính trị, an ninh, văn hóa đến môi trường,... cũng đều chịu ảnh hưởng với những mức độ khác nhau của cơn lốc toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là một quá trình chứa đựng trong nó nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh, vừa tạo ra cơ hội nhưng cũng đồng thời tạo ra những thách thức. Đó chính là cơ sở của các khuynh hướng nhìn nhận và đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau về toàn cầu hóa.

Những thời cơ và thách thức do toàn cầu hóa mang lại

Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho việc mở rộng, đa dạng hóa các mối quan hệ hợp tác đa phương và song phương trên nhiều lĩnh vực khác nhau giữa các quốc gia, nhờ đó mà đẩy mạnh sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất trên phạm vi toàn cầu; Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội hợp tác đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật chất, làm cho năng suất lao động tăng lên không ngừng, góp phần quan trọng làm chuyển biến nền kinh tế của mỗi quốc gia, mỗi khu vực và toàn thế giới; toàn cầu hóa tạo điều kiện và khả năng phát triển rút ngắn đối với các nước đang phát triển, giúp các nước này tranh thủ thời cơ “đi tắt đón đầu” từ các

nguồn vật chất đến các nguồn tri thức và kinh nghiệm; toàn cầu hóa tạo điều kiện cho các quốc gia dân tộc học hỏi lẫn nhau, kích thích giao lưu cập nhật thông tin, nhờ đó góp phần nâng cao giáo dục, phát triển khoa học công nghệ, nâng cao trình độ dân trí, năng lực sáng tạo của con người và sự tự khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia dân tộc trên thế giới...

Nhưng mặt khác, toàn cầu hóa cũng khiến cho thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn: Trước hết, toàn cầu hóa đặt các nước chậm phát triển, đang phát triển trước nguy cơ tụt hậu, nhất là tụt hậu ngày càng xa về sự phát triển kinh tế - yếu tố vật chất - kỹ thuật đảm bảo cho độc lập chủ quyền và an ninh quốc gia; toàn cầu hóa khiến sự phân hóa giàu - nghèo ngày càng tăng nhanh về tốc độ và khoảng cách; tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc, đe dọa hòa bình, ổn định thế giới và độc lập chủ quyền của mỗi quốc gia; toàn cầu hóa hiện nay còn là cơ hội cho các cường quốc đế quốc hùng mạnh về kinh tế và quân sự, tiếp tay cho các thế lực phản động gây ra các cuộc chiến tranh tôn giáo, chiến tranh sắc tộc ngay trong nội bộ quốc gia hoặc giữa các quốc gia với nhau, phá hoại văn hóa, đe dọa an ninh quốc gia, an ninh khu vực và an ninh toàn thế giới; toàn cầu hóa tạo ra nguy cơ “quốc tế hóa các hiện tượng tiêu cực” như buôn bán ma túy, mại dâm, lây lan dịch bệnh, lối sống đồi trụy, cá nhân vị kỷ, tuyệt đối hóa chủ nghĩa cá nhân, ngăn cản tiến bộ xã hội; chưa hết, toàn cầu hóa còn tạo ra nguy cơ phá hoại thiên nhiên, hủy hoại môi trường, cạn kiệt nguồn năng lượng; Thiên tai, dịch bệnh ngày nay không chỉ là do tự nhiên gây ra mà còn do chính con người tạo ra với những hậu quả trầm trọng, khó lường hơn rất nhiều.

Như vậy, trong xã hội toàn cầu hóa hiện nay đang tồn tại những nghịch lý mà mọi người có thể dễ dàng nhận ra nhưng lại không dễ để đưa ra các giải pháp, phương hướng giải quyết. Việc giải đáp và chỉ ra nguyên nhân của tình trạng mâu thuẫn, của những nghịch lý trong xã hội nằm ngoài tầm kiểm soát và giải quyết của khoa học công nghệ. Cùng với các khoa học xã hội khác, triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, với bản chất khoa học và cách mạng đã góp phần vào việc nhận thức và giải quyết những vấn đề do toàn cầu hóa đặt ra.

2.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay

Phép biện chứng duy vật - tinh hoa của trí tuệ nhân loại được C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng, V.I. Lênin phát triển trên cơ sở kế thừa những thành tựu cao nhất của triết học, của khoa học hiện đại và sự tổng kết thực tiễn lịch sử - xã hội toàn nhân loại. Những khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật của nó mang tính phổ quát,

trở thành thể giới quan và phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Từ khi phép biện chứng duy vật ra đời cho đến nay, nhân loại đã chứng kiến những biến đổi to lớn trong khoa học cũng như trong đời sống xã hội. Ngày nay, những thành tựu của khoa học công nghệ không chỉ đóng vai trò trọng yếu trong nền sản xuất xã hội, mà còn tác động trực tiếp đến con người, làm biến đổi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Theo nhận định của nhiều nhà khoa học hàng đầu thế giới, trong những thập niên tới, khoa học tiếp tục phát triển mạnh mẽ gắn liền với cuộc cách mạng kỹ thuật số có khả năng tạo ra những phát minh kỳ diệu, những ứng dụng rộng rãi, những biến đổi mang tính cách mạng. Có thể nói, trong thời đại ngày nay, khoa học về thực chất, đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp đúng như dự báo của Mác cách đây hơn một thế kỷ rưỡi.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa đầy biến động với những mối liên hệ đan xen chằng chịt như hiện nay thì phương pháp biện chứng duy vật giúp chúng ta *nhận thức* những gì đang diễn ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội một cách khách quan, toàn diện và cụ thể. Vai trò này được thể hiện trước hết trong việc nhận thức đầy đủ về bản chất của toàn cầu hóa thông qua những biểu hiện và những mâu thuẫn của nó.

Những biểu hiện của toàn cầu hóa bao gồm: *Thứ nhất*, sự gia tăng ngày càng mạnh mẽ của các luồng giao lưu quốc tế về hàng hoá, dịch vụ và các yếu tố sản xuất như vốn, công nghệ, nhân công,... những yếu tố này chính là thước đo đầu tiên của mức độ toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau của các nước. Khi các nước trao đổi hàng hóa và dịch vụ cho nhau đó cũng chính là quá trình các nước làm giảm dần sự biệt lập giữa các nền kinh tế. *Thứ hai*, sự hình thành và phát triển các thị trường thống nhất trên phạm vi khu vực và toàn cầu gắn với sự ra đời và hoạt động mạnh mẽ của hàng loạt các tổ chức hợp tác kinh tế đa phương như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Khu vực Mậu dịch tự do Bắc Hoa Kỳ (NAFTA), Liên minh châu Phi (AU)... *Thứ ba*, sự gia tăng số lượng, quy mô và vai trò ảnh hưởng các công ty xuyên quốc gia tới nền kinh tế thế giới. Chính hệ thống dày đặc các công ty xuyên quốc gia hiện nay đã tạo ra một bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất thế giới đồng thời liên kết các quốc gia lại với nhau ngày càng chặt chẽ hơn, góp phần làm cho quá trình toàn cầu hóa trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

Bằng phương pháp tiếp cận duy vật biện chứng, những *mâu thuẫn của toàn cầu hóa* cũng được bộc lộ rõ ràng và sâu sắc hơn bao giờ hết. Những mâu thuẫn đó bao gồm: Mâu thuẫn giữa sự tiếp tục bùng nổ của khoa học công nghệ hiện đại với tư cách

là lực lượng sản xuất trực tiếp và sự lợi dụng nó vì mục đích phi nhân đạo; mâu thuẫn giữa xu thế hội nhập, liên kết và hợp tác quốc tế ngày một trở nên phổ biến với nguy cơ tha hoá, đánh mất bản sắc dân tộc; mâu thuẫn giữa sự phát triển của các mối quan hệ vốn có giữa tự nhiên, xã hội và con người với trạng thái mất thăng bằng ngày càng rõ nét trong chính các mối quan hệ ấy...

Rõ ràng, không ai có thể phủ nhận những thành tựu mà toàn cầu hóa mang lại trong mọi lĩnh vực từ kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, giáo dục... Nhưng dưới ánh sáng của triết học mácxít, thì toàn cầu hóa không chỉ là một thế giới màu hồng mà còn thể hiện ra là một thế giới ẩn chứa đầy nguy cơ và hiểm họa. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, những vấn đề như chiến tranh, khủng bố, bùng nổ dân số, thiên tai, dịch bệnh,... vẫn sẽ tiếp tục tồn tại, vận động và biến đổi khó lường, hơn nữa có thể nảy sinh thêm những vấn đề toàn cầu mới với quy mô rộng lớn hơn, mức độ ảnh hưởng gay gắt hơn đến sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, khu vực và của toàn thế giới, đe dọa trực tiếp hơn đến sự tồn vong của mỗi con người, của cả cộng đồng nhân loại. Khi đó, triết học nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ “giải thích thế giới”, mà hơn bao giờ hết cần thực hiện nhiệm vụ “cải tạo thế giới” như C. Mác đã nói, tức là phải tìm ra những phương thức hợp lý để giải quyết những vấn đề toàn cầu đó. Do vậy, triết học Mác - Lênin trong thời đại ngày nay còn có vai trò định hướng trong việc giải quyết các vấn đề do toàn cầu hóa tạo ra.

Vai trò *định hướng* của triết học Mác - Lênin trong kỷ nguyên toàn cầu hóa được thể hiện thông qua việc xác định đúng xu hướng phát triển và khả năng giải quyết những vấn đề do toàn cầu hóa đặt ra. Trong đó, hòa bình và phát triển vẫn là xu hướng trung tâm của thời đại nhằm xây dựng một thế giới hòa bình, thịnh vượng, công bằng, dân chủ và văn minh. Trong xu hướng chung đó, tất cả các dân tộc đều đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu nhằm củng cố và tăng cường vị thế độc lập tự chủ của mình, đồng thời các dân tộc tích cực, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế, tăng cường đoàn kết, phối hợp để loại trừ mọi đe dọa của chủ nghĩa khủng bố quốc tế đối với nền an ninh và phát triển của mỗi dân tộc và của toàn thế giới; cùng với đó là xu hướng vươn lên của các nước vừa và nhỏ trong nền kinh tế chính trị thế giới, góp phần tạo nên tính đa phương, đa diện của tình hình thế giới trong thời gian tới. Chỉ có trên cơ sở của những nhận thức khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin về những biến đổi đang diễn ra trong thời đại toàn cầu hóa thì mới có thể chỉ ra được chính xác những xu hướng phát triển tiếp theo của thế giới, từ đó có những định hướng hợp lý cho sự phát triển bền vững và sự tồn vong của cả cộng đồng.

Nhưng để thực hiện tốt vai trò định hướng thì triết học Mác - Lênin không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra những xu hướng của toàn cầu hóa mà còn phải tham gia trực tiếp vào việc giải quyết những vấn đề do toàn cầu hóa đặt ra. Có thể nói, trước đây, con đường phát triển chỉ bó hẹp trong mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, mỗi khu vực thì giờ đây dưới tác động của toàn cầu hóa, con đường phát triển đã mang tính toàn cầu vì mục tiêu tạo dựng những giá trị nhân loại chung. Khi đó, mọi triết học hiện đại cần phải xác định đối tượng nghiên cứu không chỉ là sự phát triển hay tồn vong của một quốc gia dân tộc mà phải là sự phát triển thống nhất, bền vững của thế giới. Trong sự phát triển đó, con người phải được đặt ở vị trí trung tâm, mang vị thế của những người làm chủ tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình. Do vậy, các hệ thống triết học hiện đại nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng cần hướng mỗi con người tìm về bản chất nhân văn nhân đạo vốn có; giúp con người nhận thức rõ vị thế làm chủ và vai trò chủ động, tích cực của mình trong sự biến động không ngừng của thế giới toàn cầu hóa, thức tỉnh con người sống có khát vọng, lý tưởng tốt đẹp. Chỉ có như thế mới làm thay đổi nhận thức từ đó thay đổi hành động của mỗi con người và của toàn nhân loại trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Như vậy, muốn thực hiện được vai trò nhận thức và cải tạo thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay thì đòi hỏi triết học Mác - Lênin cần phải được đổi mới. Đổi mới ở đây không phải là xét lại, cũng không phải là phủ nhận triết học Mác - Lênin mà là quá trình bổ sung, phát triển, làm sâu sắc hơn, cao hơn và sống động hơn bản chất khoa học và cách mạng của nó cho phù hợp với thời đại mới. Đổi mới triết học Mác - Lênin phải đứng trên lập trường duy vật biện chứng và sử dụng phương pháp biện chứng duy vật để xác định cần khẳng định cái gì, bổ sung cái gì và phát triển cái gì. Trong khi bổ sung, phát triển triết học Mác - Lênin, cần phải kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, thù địch, tránh xu hướng giáo điều, cơ hội nhằm lợi dụng đổi mới để bác bỏ triết học Mác.

III. KẾT LUẬN

Trong sự biến thiên của dòng chảy lịch sử, triết học Mác - Lênin dù đã ra đời hơn một thế kỷ rưỡi nhưng không hề lỗi thời và đánh mất giá trị của mình mà ngược lại, nó đã thực hiện được sứ mệnh “giải thích thế giới” và “cải tạo thế giới”. Thông qua việc phân tích sâu sắc, đầy đủ, bản chất những mâu thuẫn của thời đại, định hướng giải quyết các vấn đề do toàn cầu hóa tạo ra, triết học Mác - Lênin vẫn thể hiện là thế giới quan và phương pháp luận phổ biến cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Phạm Văn Đức, PGS.TS. Đặng Hữu Toàn (2007), *Triết học trong kỷ nguyên toàn cầu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Trần Quế (1999), *Những vấn đề toàn cầu ngày nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Quý (2006), “*Triết học với việc xác định bản chất của toàn cầu hóa*”, Tạp chí Triết học, số 9 (184), tháng 9.
4. Trần Việt Phương (2000), “*Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế*”, Tạp chí Cộng sản, số 20.
5. https://vi.wikipedia.org/wiki/To%C3%A0n_c%E1%BA%A7u_h

CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA V.I. LÊNIN - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Hoa Nhài*

Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình

Tóm tắt

Bài viết làm rõ hoàn cảnh ra đời, khái quát những nội dung chính về chính sách kinh tế mới của V.I. Lênin. Từ đó, rút ra ý nghĩa lý luận và thực tiễn chính sách kinh tế mới của V.I. Lênin - trong công cuộc đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Chính sách kinh tế mới, lý luận và thực tiễn, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

I. MỞ ĐẦU

Chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lênin được ban hành và áp dụng ở nước Nga Xô viết cách đây gần 100 năm. NEP có rất nhiều nội dung mang tính đột phá về chính sách kinh tế, thể hiện tầm nhìn và bản lĩnh vượt thời đại của V.I. Lênin. NEP đã được Đảng ta nhận thức và vận dụng thành công trong công cuộc đổi mới đất nước. Quá trình vận dụng NEP luôn đòi hỏi phải sáng tạo, tìm tòi những biện pháp phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của nước ta, không được rập khuôn, máy móc mà cần tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Bài viết làm rõ ý nghĩa lý luận và thực tiễn chính sách kinh tế mới của V.I. Lênin - trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Hoàn cảnh ra đời và những nội dung chính về Chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lênin

Lịch sử của nước Nga đã phản ánh, khi kết thúc cuộc nội chiến và chiến tranh thế giới lần thứ nhất, hậu quả để lại cho nước Nga Xô viết hết sức nặng nề. Đầu năm 1921, sản lượng công nghiệp giảm gần 6 lần so với trước chiến tranh; sản lượng nông nghiệp bị giảm sút nghiêm trọng, điều đó đã tác động đến đời sống của người dân, khiến cho

* Trường Khoa Lý luận cơ sở

họ cực kỳ khó khăn. Và ngay trong Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích Nga cũng có một số biểu hiện khủng hoảng, rạn nứt sâu sắc, phản đối lại đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước Nga Xô viết do V.I. Lênin đề xướng. Điều đó đã thôi thúc mạnh mẽ cần phải có tư tưởng đột phá về kinh tế để thúc đẩy cả một cơ cấu kinh tế - xã hội và cả một nền hành chính đang hỗn loạn đi vào ổn định và bứt phá vươn lên mới có thể vực dậy kinh tế - xã hội của nước Nga thời bấy giờ. Tháng 3/1921, Đại hội X Đảng Cộng sản Nga đã quyết định thực hiện NEP của V.I. Lênin. NEP được xem là khâu chính của thời kỳ quá độ, cũng là đối sách của V.I. Lênin do hoàn cảnh khách quan những năm 1920 - 1921 tạo ra. Những ý tưởng sáng tạo của V.I. Lênin về NEP đã được quyết định áp dụng ở nước Nga Xô viết như những biện pháp khẩn cấp, kiên quyết nhằm cải thiện tình cảnh của nông dân và phát triển lực lượng sản xuất ở nông thôn.

Có thể khái quát những nội dung chính về NEP của V.I. Lênin như sau:

Trước hết, về phát triển kinh tế nhiều thành phần: V.I. Lênin đã thấy rõ có nhiều mảnh ghép, nhiều thành phần kinh tế của xã hội cũ còn tồn tại đan xen với những yếu tố của CNXH. Từ đó, Người khái quát kết cấu kinh tế của nước Nga lúc bấy giờ - gồm 5 thành phần: kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên; sản xuất hàng hóa nhỏ; chủ nghĩa tư bản tư nhân; chủ nghĩa tư bản nhà nước (CNTBNN); CNXH. Điều đó chứng tỏ V.I. Lênin đã có tư tưởng sử dụng kinh tế nhiều thành phần, thực chất là triển khai những nội dung của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh nước Nga có muôn vàn khó khăn lúc bấy giờ.

Thứ hai, về chính sách thuế lương thực: Khó khăn lớn nhất khi đó của nước Nga là thiếu lương thực trầm trọng và nhiên liệu - gỗ là nhiên liệu chính, mà sản xuất và đời sống xã hội phụ thuộc vào nông nghiệp. Tình hình đó buộc phải “dùng những biện pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất để cải thiện đời sống của nông dân và nâng cao lực lượng sản xuất của họ”¹. Do vậy, dứt khoát phải bắt đầu từ nông dân, nông nghiệp chứ không thể khác được. V.I. Lênin đã đưa ra biện pháp mang tính đột phá để thúc đẩy phát triển kinh tế: “Phải sửa đổi lớn trong chính sách lương thực. Một trong những điều sửa đổi đó là thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chính sách thuế lương thực, do đó có sự tự do buôn bán, ít nhất cũng là trong phạm vi địa phương, sau khi đã nộp đủ thuế”². Theo chính sách này, người nông dân chỉ nộp thuế lương thực với một mức cố định trong nhiều năm. Mức thuế này căn cứ vào điều kiện tự nhiên của đất canh tác. Số

¹ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.262.

² V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.264.

lượng thực còn lại sau khi nộp thuế, người nông dân được tự do trao đổi, mua bán trên thị trường. Với mức thuế thấp, ổn định, nông dân hăng hái sản xuất, mở rộng diện tích xen canh gối vụ, nên tổng sản lượng lương thực của xã hội và các nông sản khác tăng lên đáng kể. Nhà nước qua con đường trao đổi với nông dân để có được khối lượng lương thực nhiều hơn, đặc biệt vấn đề thu thuế cũng trở nên dễ dàng, thuận lợi, kịp thời hơn. Với cải cách đó, thuế lương thực là một trong những hình thức quá độ từ "chế độ cộng sản thời chiến" sang chế độ trao đổi sản phẩm XHCN. Điều này cũng đồng nghĩa với việc chuyển từ tư duy và biện pháp hành chính khô cứng, chỉ hợp với giai đoạn thời chiến sang biện pháp kinh tế năng động của thời bình.

Thứ ba, về khôi phục và tổ chức lại nền sản xuất công nghiệp: cùng với việc khôi phục và phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất của nông dân và cải thiện đời sống của họ, V.I. Lênin cũng nhấn mạnh tất yếu phải khôi phục công nghiệp, trước hết là tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp nhỏ, "giúp đỡ tiểu công nghiệp - ngành đang phục vụ kinh tế nông dân bằng cách cung cấp nguyên liệu cho nó"³.

Không chỉ như vậy, V.I. Lênin còn khẳng định cần phải có cơ chế, chính sách để khôi phục công nghiệp lớn và tiểu công nghiệp: giao lại cho chủ cũ và cho phép họ tự do kinh doanh, có sự kiểm soát của Nhà nước Xô viết những xí nghiệp công nghiệp dưới 20 công nhân trước đây bị trưng thu hay quốc hữu hóa; các tư bản nước ngoài có thể thuê một số xí nghiệp, hầm mỏ,... dưới hình thức tô nhượng; cần phải sớm chuyển sang chế độ hạch toán kinh tế; cải cách chế độ tiền lương; ban hành chế độ tiền thưởng,... nhằm nâng cao năng suất lao động trong các xí nghiệp công nghiệp.

Thứ tư, đổi mới tổ chức quá trình lưu thông hàng hóa, thực hiện các hình thức của CNTBNN: cùng với thúc đẩy sản xuất phát triển, V.I. Lênin cũng rất quan tâm tới thúc đẩy lưu thông hàng hóa. V.I. Lênin cho rằng, cần phải khôi phục trao đổi hàng hóa và phát triển CNTBNN. Đây là một bước tiến rất quan trọng trong tư duy kinh tế thời bấy giờ, điều đó đã thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy lưu thông hàng hóa mạnh mẽ. Chính sách có thể áp dụng được và duy nhất hợp lý là không được tìm cách ngăn cấm hay chặn đứng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản mà cần tìm cách hướng nó vào con đường CNTBNN.

V.I. Lênin đã chỉ rõ CNTBNN là điều kiện để xây dựng CNXH, là phương tiện để phát triển lực lượng sản xuất ở nước Nga Xô viết trong những năm 20 của thế kỷ XX.

³ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.295.

Thành phần kinh tế này có vai trò đặc biệt và vị trí cần thiết đối với nền kinh tế nước Nga lúc bấy giờ. Ông viết: “Chủ nghĩa tư bản nhà nước về kinh tế cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta... Chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền Xô viết, vì nước Xô viết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm”⁴. Mặt khác, cần thiết phải sử dụng không những chủ nghĩa tư bản trong nước, mà cả ở nước ngoài nữa, khi cần phải học tập kinh nghiệm của phương Tây và nói chung, cả kinh nghiệm của những nước phát triển. V.I. Lênin vạch ra công thức: “Chính quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các torót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. + + = tổng số = chủ nghĩa xã hội”⁵.

Thứ năm, về luân chuyển cán bộ: V.I. Lênin đã đề cập đến việc thuyên chuyển một số cán bộ cấp cao về nhận công tác ở huyện, thậm chí ở tổng. Việc này không phải là "hạ cấp bậc" cán bộ, mà nhằm tạo ra sự năng động, nắm bắt thực tế tốt hơn, trưởng thành nhanh hơn cho đội ngũ cán bộ các cấp.

NEP có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, nó khôi phục được nền kinh tế Xô viết sau chiến tranh. Chỉ trong một thời gian ngắn đã tạo ra một bước phát triển to lớn, biến "nước Nga đói" thành một đất nước có nguồn lương thực dồi dào. Từ đó, đã khắc phục được khủng hoảng kinh tế, chính trị; củng cố lòng tin cho nhân dân vào sự thắng lợi tất yếu và bản chất tốt đẹp của CNXH theo những nguyên lý mà chủ nghĩa Mác đã vạch ra. Rất tiếc những tư tưởng đó của V.I. Lênin không được những người kế tục sau này phát triển tiếp tục mà lại đưa nền kinh tế đi sang quỹ đạo của nền kinh tế chỉ huy. Việc nóng vội xác lập sự thống trị tuyệt đối của quan hệ sản xuất dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, thực hiện một cách phổ biến kế hoạch hoá tập trung, bao cấp và phủ nhận kinh tế thị trường trong khi lực lượng sản xuất phát triển chưa cao là một trong những nguyên nhân chính kìm hãm sức sản xuất của xã hội, sau đó dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội của Liên Xô cũ và hàng loạt các nước XHCN.

NEP cũng đánh dấu một bước phát triển mới về lý luận kinh tế XHCN. Theo tư tưởng này, nền kinh tế nhiều thành phần, các hình thức kinh tế quá độ, việc duy trì và phát triển quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan tâm tới lợi ích kinh tế cá nhân trước hết là của nông dân, là những vấn đề có tính chất nguyên tắc trong việc xây dựng mô hình kinh tế XHCN.

⁴ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.252.

⁵ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.684.

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo Chính sách kinh tế mới (NEP) của V.I. Lênin trong công cuộc đổi mới đất nước

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã nhận thức và vận dụng sáng tạo NEP của V.I. Lênin vào điều kiện lịch sử - cụ thể của Việt Nam. Từ Đại hội VI (năm 1986), Đảng đã thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là đặc trưng của cơ cấu kinh tế quá độ lên CNXH ở nước ta và đưa ra chủ trương chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế nhiều thành phần. Nếu thời kỳ trước đổi mới, ở nước ta chỉ có một thành phần kinh tế là “thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể”, thì giờ đây, phải “bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa”⁶. Đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI), Đảng ta khẳng định: phát triển kinh tế nhiều thành phần là chính sách nhất quán có ý nghĩa chiến lược lâu dài và các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật.

Xuyên suốt 7 kỳ Đại hội của Đảng từ khi đổi mới (từ Đại hội VI đến Đại hội XII), cả “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” thông qua năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011, đều khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng trong đổi mới là phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đây là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ,

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.41.

chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”⁷.

Bên cạnh tiếp tục khẳng định yêu cầu xây dựng quan hệ sản xuất mới với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, định hướng trên còn thể hiện sự vận dụng NEP vào nước ta trên các khía cạnh: (i) Lân đầu tiên Đảng ta coi kinh tế tư nhân là một động lực “quan trọng” của nền kinh tế; (ii) Thị trường đóng “vai trò chủ yếu” trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất. Nhà nước chuyển từ chức năng phân phối sang chức năng dự báo, quy hoạch, thông tin và cân đối; can thiệp và điều tiết “bàn tay vô hình” của cơ chế thị trường bằng các chính sách đòn bẩy kinh tế, bằng chính sản phẩm và dịch vụ của mình là những hàng hoá, dịch vụ công... Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng về quốc phòng an ninh, những lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Còn các nguồn lực nhà nước (tài nguyên, đất đai, ngân sách nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia...), cùng với các công cụ, cơ chế, chính sách được Nhà nước sử dụng để định hướng, điều tiết nền kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (iii) *Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân* trong phát triển kinh tế - xã hội. Đảng yêu cầu Nhà nước nhanh chóng đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo đúng Hiến pháp, pháp luật. Bảo đảm mọi người đều được bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội và điều kiện phát triển, được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển. Mở rộng thu thập ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp và người dân đối với quá trình triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Quá trình vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm của NEP đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước khi Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.103.

củng cố và tăng cường; chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được giữ vững. Từ những bài học kinh nghiệm của NEP và sự vận dụng thành công trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam, có thể thấy, mặc dù ra đời cách đây gần 100 năm nhưng NEP vẫn còn nhiều gợi ý quý báu đối với cách mạng Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên toàn cầu. Quá trình vận dụng NEP luôn đòi hỏi phải sáng tạo, tìm tòi những biện pháp phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của nước ta, không bao giờ được rập khuôn, máy móc, bảo thủ, trì trệ, luôn đề cao tính cầu thị, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, xây dựng đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc tiếp tục bổ sung, phát triển NEP luôn cần được quan tâm thường xuyên và là nhiệm vụ quan trọng đặt ra hiện nay đối với những nước đang phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, muốn vận dụng thành công NEP trong bối cảnh chúng ta đang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại và hội nhập quốc tế, cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện hơn nữa thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó đặc biệt là cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Chính phủ kiến tạo và phát triển. Hoàn thiện thể chế để thực hiện có hiệu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc “Nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - doanh nghiệp, người dân và xã hội năng động, sáng tạo”. Chuyển mạnh hệ thống hành chính chủ yếu từ quản lý, kiểm soát bằng các quyết định hành chính sang nền hành chính quản trị phát triển, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước. Tạo cơ chế để nhân dân tăng cường giám sát cán bộ, đảng viên, công chức.

Hai là, hỗ trợ và phát triển mạnh mẽ hơn khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Cần quan tâm nhiều hơn tới sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, các tổ chức xã hội nghề nghiệp... Ưu tiên hơn nữa cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, cần phải hỗ trợ kinh phí và điều kiện để thực hiện chương trình đào tạo về kỹ năng quản lý cho các cán bộ hợp tác xã nông nghiệp, vì đa phần đội ngũ cán bộ quản lý ở các hợp tác xã hiện nay đều rất yếu về kỹ năng quản lý và kỹ năng tiếp thị sản phẩm. Cần phải mạnh dạn hơn nữa trong việc áp dụng hình thức tô nhượng trong NEP của V.I. Lênin trong việc cho đấu thầu, khoán một số hầm mỏ, ao hồ, thác nước đẹp ở các địa phương... để khai thác du lịch, với nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

Ba là, giảm thiểu can thiệp của Nhà nước vào giá cả để tăng cường điều tiết thông qua các công cụ thị trường như doanh nghiệp nhà nước cạnh tranh bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác. Nhà nước sử dụng chính sách tài chính, tiền tệ, thương mại quốc tế để điều tiết phân bổ nguồn lực và phân phối của cải xã hội...

Bốn là, xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển lực lượng sản xuất, gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phù hợp và hiệu quả trong từng lĩnh vực; đồng thời, nghiên cứu xây dựng và đổi mới hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp, hiệu quả, thích ứng với yêu cầu của bước phát triển cao hơn và hội nhập quốc tế.

Năm là, phải quan tâm đầu tư hỗ trợ cho các chương trình đào tạo khởi nghiệp ở các thành phần kinh tế, khuyến khích cho thanh niên, học sinh, sinh viên tham gia. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển đội ngũ doanh nhân biết gắn sự phát triển và lợi ích của mình với lợi ích của dân tộc, góp phần quan trọng vào “định vị” nền kinh tế Việt Nam trên thế giới.

Sáu là, cần phải cải tiến công tác luân chuyển cán bộ hai chiều, có chế độ phù hợp để cán bộ luân chuyển có thể quay trở lại công tác tại cơ quan, địa phương cũ sau một đến hai nhiệm kỳ.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, chính sách kinh tế mới của V.I. Lênin có ý nghĩa to lớn đối với các nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử sau gần 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tạo đà cho đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Điều đó đã và đang khẳng định chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra trên tinh thần vận dụng sáng tạo chính sách kinh tế mới là đúng đắn và cần thiết để đưa nền kinh tế nước ta từng bước tiến lên, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1, 2, 3, 4. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.262; tr.264, tr.295, tr.252.

5. V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.684.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.41.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.103.

TẬP TRUNG DÂN CHỦ - TỪ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG MỘT ĐẢNG MÁC XÍT CÁCH MẠNG KIỂU MỚI CỦA V.I. LÊNIN ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG NGUYÊN TẮC ĐÓ VÀO XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Thiếu tá, TS. Hoàng Thị Thúy*

Đại úy, TS. Nguyễn Thị Hiền**

Học viện Chính trị Công an nhân dân

Tóm tắt

Tập trung dân chủ là nguyên tắc do V.I. Lênin khởi thảo. Nguyên tắc này đặt nền móng cho việc xây dựng đảng vô sản kiểu mới ở Nga, sau đó đã được các đảng trong Quốc tế Cộng sản thừa nhận. Ở Việt Nam, với vai trò là người sáng lập, điều dắt Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng một Đảng cách mạng, chân chính. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích quan điểm của V.I. Lênin về nguyên tắc tập trung dân chủ gắn với thực tiễn xây dựng một đảng mácxít cách mạng kiểu mới ở Nga, từ đó làm rõ vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc vận dụng nguyên tắc này vào xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khóa: Tập trung dân chủ, V.I. Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng trong xây dựng các Đảng Cộng sản, nguyên tắc này sẽ giúp phân biệt đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân với các đảng chính trị khác. Theo V.I. Lênin, đây là nguyên tắc cốt lõi khi xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân ở Nga, phân biệt với các đảng cơ hội trong Quốc tế II đầu thế kỷ XX. Thừa nhận và tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ là một dấu hiệu, một điều kiện cơ bản bảo đảm cho một chính đảng đi theo và trung thành với những nguyên tắc của một đảng mácxít - lêninnít. Chính vì vậy, Chủ

* Phó trưởng Khoa Khoa học xã hội nhân văn và Tâm lý - Học viện Chính trị CAND

** Giảng viên Khoa Khoa học xã hội nhân văn và Tâm lý - Học viện Chính trị CAND

tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam coi nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc rường cột, chỉ đạo toàn bộ, xuyên suốt quá trình xây dựng, tổ chức, sinh hoạt và hoạt động lãnh đạo của Đảng.

II. NỘI DUNG

2.1. Tập trung dân chủ - nguyên tắc cơ bản về xây dựng một Đảng mácxít cách mạng kiểu mới của V.I. Lênin

Thời kỳ của C. Mác, những nội dung dự kiến về nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng đảng chưa được hình thành như một khái niệm khoa học, mà mới chỉ dừng lại ở quan điểm về cách thức lãnh đạo của Quốc tế I. Đó là sự lãnh đạo theo một đường lối và mục đích chung, được các hội công nhân các nước thảo luận để mọi hành động thực tiễn đều được tiến hành đồng thời trên cơ sở thống nhất ý chí. Năm 1864, trong dự thảo *Điều lệ của Hội liên hiệp công nhân quốc tế*, C. Mác viết: “Hội đồng trung ương là cơ quan quốc tế, thực hiện mối liên hệ giữa các tổ chức khác nhau đang hợp tác,... để cho công tác điều tra về những điều kiện xã hội trong các nước khác nhau ở châu Âu có thể được tiến hành đồng thời và dưới sự chỉ đạo chung đều được tất cả các đoàn thể thảo luận, để khi cần phải có những biện pháp thực tiễn ngay lập tức, thì những đoàn thể tham gia Hội Liên hiệp đều có thể hành động đồng thời và ăn khớp được”¹.

Đến đầu thế kỷ XX, những dự kiến của C. Mác đã trở thành tiền đề tư tưởng cho V.I. Lênin. Người đã coi tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản về xây dựng một đảng mácxít cách mạng kiểu mới ở Nga. Thông qua nhiều bài viết trên báo *Tia lửa* và các tác phẩm *Làm gì?*, *Một bước tiến, hai bước lùi*, *Hai sách lược của Đảng dân chủ - Xã hội trong cách mạng dân chủ* được viết trong những năm 1903 - 1905, V.I. Lênin đã luận giải về nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng đảng và qua đó chống lại những khuynh hướng cơ hội, cải lương, dân tộc chủ nghĩa trong Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga.

V.I. Lênin đã kế thừa, phát triển những quan điểm dân chủ của C. Mác vào điều kiện cụ thể nước Nga để giác ngộ giai cấp vô sản Nga. V.I. Lênin một mặt đã chỉ rõ tầm quan trọng của những giá trị dân chủ tư sản; mặt khác, phát triển về lý luận và thực tiễn để khắc phục nạn vô chính phủ và nêu lên nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 16, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.26.

Năm 1905, tại Hội nghị lần thứ I của những người Bôn-sê-vích và năm 1906 tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga, nguyên tắc tập trung dân chủ đã được V.I. Lênin nêu ra. Nguyên tắc này đã trở thành nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng Cộng sản Liên Xô và được ghi trong Điều lệ của Đảng và Điều lệ của Quốc tế cộng sản.

V.I. Lênin giải thích rằng: *Tập trung dân chủ là tự do trong thảo luận nhưng thống nhất trong hành động*. Theo V.I. Lênin, chế độ tập trung dân chủ đòi hỏi mọi đảng viên và tổ chức của đảng phải dựa trên cương lĩnh và điều lệ đảng mà hoạt động; phải hoạt động theo các nghị quyết của đại hội đảng - cơ quan tối cao của đảng - và các nghị quyết của ban chấp hành trung ương giữa hai kỳ đại hội, toàn đảng phục tùng đại hội toàn quốc, địa phương phục tùng trung ương, cấp dưới phục tùng cấp trên, số ít phục tùng số nhiều, bộ phận phục tùng toàn bộ, cá nhân phục tùng tổ chức. “Tất cả những người thừa nhận cương lĩnh của đảng và ủng hộ đảng bằng những phương tiện vật chất cũng như bằng cách tự mình tham gia một trong những tổ chức của đảng, được coi là đảng viên của Đảng”².

Công thức ấy của V.I. Lênin được nêu ngay trong Điều 1 của Điều lệ đảng nhằm bảo đảm chế độ tập trung dân chủ, tính ổn định và vững chắc của Đảng, ngăn chặn mọi biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật. V.I. Lênin kiên quyết phản bác quan điểm của Máctốp - một phần tử mensêvich trong đảng - muốn thay cụm từ “tự mình tham gia một trong những tổ chức của đảng” bằng cụm từ “tự mình giúp đỡ đảng một cách đều đặn”, vì đó là biểu hiện của chủ nghĩa tự do, vô tổ chức.

Theo V.I. Lênin, nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác xây dựng Đảng gồm các nội dung cơ bản³:

Một là, thiếu số phục tùng đa số. V.I. Lênin viết: “Sự thống nhất trong những vấn đề cương lĩnh và sách lược là điều kiện tất yếu, nhưng chưa đầy đủ để đảm bảo sự thống nhất của đảng và sự tập trung hóa công tác đảng. Muốn đạt được sự thống nhất trên đây, thì còn phải có sự thống nhất về tổ chức nữa, điều này không thể thực hiện được đối với một đảng vừa mới ít nhiều vượt ra khỏi khuôn khổ chật hẹp của một tiểu tổ và chưa có một bản điều lệ đã được chính thức quy định, chưa có nguyên tắc thiếu số phục tùng đa số, bộ phận phục tùng toàn bộ”⁴; *hai là*, cơ quan tối cao của đảng phải là

² V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 7, Nxb, Tiến bộ, Mátxcova, tr.312.

³ V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.207-208.

⁴ V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.454-455.

đại hội, tức là cuộc họp của những người được tất cả các tổ chức có thẩm quyền bầu ra và các nghị quyết của những người ấy phải có tính chất tối hậu quyết định. “sự tham gia tích cực của tất cả các đảng viên trong việc thảo và chuẩn bị các báo cáo và nghị quyết về các vấn đề quan trọng này và khác (cũng như trong việc thu thập tài liệu để làm báo cáo) là tuyệt đối cần thiết cho đại hội thành công”⁵; *ba là*, bầu cử cơ quan trung ương của đảng (hay các cơ quan trung ương của đảng) phải trực tiếp và tiến hành tại đại hội; *bốn là*, tuyệt đối phải phục tùng đại hội của đảng và phục tùng tổ chức trung ương của đảng ở trung ương hay ở địa phương; *năm là*, khái niệm tư cách đảng viên phải được quy định thật rõ ràng; *sáu là*, quyền hạn của mọi người phải thiếu số trong đảng cũng phải được quy định rõ ràng như thế trong điều lệ đảng.

Với sáu nội dung nêu trên đòi hỏi tập thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phải sáng tạo, nhưng phải bảo đảm đúng nguyên tắc, phải vận dụng phù hợp với đặc điểm hoàn cảnh cụ thể.

Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917 gắn liền với quá trình hình thành và phát triển một đảng mácxít kiểu mới của giai cấp công nhân do V.I. Lênin sáng lập. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga đã được đổi tên thành Đảng Cộng sản Nga, một đảng cầm quyền trong nhà nước công - nông đầu tiên xuất hiện trên thế giới.

Với nhiệm vụ lịch sử mới đặt ra cho Đảng là củng cố Chính quyền Xô viết, tổ chức việc bảo vệ chính quyền, bảo vệ Tổ quốc, tăng cường hơn nữa mối quan hệ với giai cấp công nhân các nước khác, cải thiện những mối quan hệ với các chính phủ nước ngoài, bước đầu thử nghiệm công cuộc xây dựng và cải tạo cuộc sống theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì trước hết Đảng phải triệt để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hành động.

Kinh nghiệm thực tế của Đảng Bôn-sê-vích Nga đã cho thấy: Không phải lúc nào Đảng cũng có thể mở rộng dân chủ nội bộ một cách đầy đủ, không phải mọi quy tắc hoạt động của Đảng đều được thực hiện một cách hoàn toàn, ví dụ như trong điều kiện hoạt động bí mật, bất hợp pháp, trong hoàn cảnh nội chiến và chống can thiệp của nước ngoài... Tuy nhiên, chính trong những điều kiện khó khăn ấy, Đảng Bôn-sê-vích Nga, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của V.I. Lênin vẫn tận dụng mọi khả năng để tiến hành những cuộc trao đổi ý kiến tập thể trong Đảng về những vấn đề trọng đại có liên quan đến sự nghiệp cách mạng và vận mệnh của Đảng. để giữ vững chế độ lãnh đạo tập thể và chế độ dân chủ bầu cử trong các tổ chức của Đảng.

⁵ V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.134, 355.

Bước sang thời kỳ chuyên chính vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ mở rộng dân chủ trong nội bộ Đảng lại càng phải coi trọng. Vì vậy, yêu cầu mở rộng dân chủ nội bộ trong thời kỳ chuyên chính vô sản đã được quán triệt trong các nghị quyết của Đảng Bôn-sê-vích Nga lần thứ X. Và với V.I. Lênin quyền làm chủ của đảng viên rất được đề cao và coi trọng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, V.I. Lênin đã đấu tranh kiên quyết để mở rộng dân chủ nội bộ của Đảng, để giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập thể, đề cao phê bình và tự phê bình. V.I. Lênin yêu cầu các tổ chức của Đảng phải quan tâm, giáo dục và động viên ý thức làm chủ trong Đảng của mỗi đảng viên, phát huy một cách có hệ thống, kiên nhẫn, bền bỉ, tính chủ động và tinh thần sáng tạo của quần chúng trong Đảng, mọi vi phạm đối với những quy tắc sinh hoạt nội bộ của Đảng đều bị V.I. Lênin lên án một cách nghiêm khắc. Như vậy, tập trung dân chủ khác xa tập trung quan liêu, mặt khác tập trung dân chủ cũng khác xa chủ nghĩa tự do vô chính phủ.

Kinh nghiệm xây dựng Đảng Bôn-sê-vích Nga và thắng lợi của sự nghiệp chuyên chính vô sản ở Liên xô, cũng như kinh nghiệm chung của phong trào cộng sản quốc tế đã minh chứng cho sự trường tồn của nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng Đảng vô sản kiểu mới.

2.2. Vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hành động của Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh người sáng lập và rèn luyện Đảng ta luôn khẳng định “trước hết phải có Đảng cách mệnh”, nên khi gặp Chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã chuẩn bị mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930. Đồng thời, Người đặc biệt chú trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong đó, tập trung dân chủ là nguyên tắc số một, bảo đảm cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trung thành với nguyên lý xây dựng đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng, củng cố Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng.

Khi bàn về tập trung dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dùng 2 khái niệm “tập trung dân chủ” và “dân chủ tập trung”. Ví dụ, Người đã viết “Tập thể lãnh đạo là dân chủ. Cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là dân chủ tập trung”⁶. Ở chỗ khác, Người viết, “Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.620.

độ dân chủ tập trung”⁷. Mặc dù, có thay đổi các từ trong cụm từ nhưng có thể khẳng định rằng “tập trung dân chủ” và “dân chủ tập trung” là hai khái niệm được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng là thống nhất với nhau cả về bản chất và nội dung.

Trước hết, tập trung dân chủ phải được thể hiện ngay trong hoạt động lãnh đạo của Đảng và ngay trong vai trò của người lãnh đạo trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm túc nguyên tắc này. Riêng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, mà trước tiên là vai trò của người lãnh đạo trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh lưu ý: “Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau”⁸. Theo Người, lãnh đạo không tuân thủ nguyên tắc tập thể sẽ đi đến tẻ độc đoán, chuyên quyền, quan liêu và không tránh khỏi dẫn đến hỏng việc. Phụ trách mà không do từng cá nhân đảm đương sẽ đi đến bừa bãi, lộn xộn, tùy tiện, người này gạt việc cho người kia, người kia lại đẩy việc cho người nọ, rốt cuộc không ai chịu trách nhiệm.

Thực tiễn đã chứng minh, phải trên cơ sở thảo luận dân chủ nội bộ mới hình thành sự thống nhất về nhận thức, ý chí và đoàn kết trong hành động. Sự thống nhất, đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn vì mục tiêu của Đảng, lợi ích chung của toàn thể nhân dân, vận mệnh và tương lai của Tổ quốc.

Tập trung dân chủ được thực hiện trong việc hình thành, hoàn thiện các Nghị quyết của Đảng. Trong Điều 3 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã ghi rõ, trong bốn quyền của người đảng viên, quyền thứ nhất là được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, biểu quyết công việc của Đảng. Quyền thảo luận và quyền tự do tư tưởng chính đáng của mỗi cán bộ, đảng viên, xuất phát từ lập trường chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ niềm tin vào lý tưởng cách mạng của bản thân và từ ý thức trung thực muốn tiếp cận chân lý khoa học và nhân văn của từng người. Thực hiện quyền dân chủ nội bộ, tôn trọng tự do tư tưởng chính đáng và có nguyên tắc vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên. Trên tinh thần ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý”⁹. Đây chính là ý kiến khái quát của Người về tập trung dân chủ trong việc hình thành, hoàn thiện các nghị quyết của Đảng.

Cách thức tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ, công tác kiểm tra trong Đảng nhất thiết phải tuân thủ đúng đắn, nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.41.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.620.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.378.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích”¹⁰. Ba điều ấy chính là tổ chức công việc, lựa chọn cán bộ và công tác kiểm tra. Theo Người, chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi, những từ đó đến thắng lợi thật sự còn phải đề cao vai trò của công tác tổ chức. Sự thành công hoặc thất bại của chính sách còn do cách thức tổ chức công việc, do sự lựa chọn cán bộ và do công tác kiểm tra. Để thực hiện đúng nguyên tắc này, yếu tố quyết định nhất là mỗi người cán bộ, đảng viên phải có ý thức tự rèn luyện, luôn luôn đề cao ý thức tổ chức kỷ luật, “có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng”¹¹.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng về nguyên tắc tập trung dân chủ trong xây dựng Đảng và Nhà nước vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo thực tiễn đối với mọi hoạt động của Đảng.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, các đối tượng chống phá cách mạng, do nắm được sức mạnh của nguyên tắc tập trung dân chủ của các đảng cộng sản, chúng đã tìm đủ mọi thủ đoạn xuyên tạc nguyên tắc này. Trong đó, chủ yếu xuyên tạc các luận điểm như: Đã tập trung thì không còn dân chủ và đã dân chủ thì không cần tập trung; rằng tập trung càng cao thì dân chủ càng giảm, muốn tăng cường dân chủ thì phải giảm bớt tập trung. Những quan điểm này là không đúng với bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tại các kỳ Đại hội và Hội nghị Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tự phê bình và phê bình nghiêm túc việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hành động của Đảng. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 02/02/1999 Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”, Đảng đã thừa nhận: “Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm”. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng cũng nhận định: “Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung, dân chủ, làm cho một số nghị quyết của Đảng khó vào cuộc sống”¹². Đại hội đại biểu toàn quốc

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.636.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.140.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.76.

lần thứ XII (2016) của Đảng cũng chỉ rõ: “Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, pháp luật còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”¹³. Những quan điểm nêu trên cho thấy, ngoài những nguyên nhân thuộc về tổ chức còn có nguyên nhân sâu xa từ sự thoái hóa, biến chất, tình trạng thiếu nghiêm túc trong rèn luyện đạo đức cách mạng, để chủ nghĩa cá nhân chi phối của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Vì vậy, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện quy chế cụ thể để thực hiện nghiêm túc, đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong các hoạt động của Đảng, việc tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, trong đó có tập trung dân chủ - nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hành động của Đảng - đang là yêu cầu cấp bách và thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng. Thực tiễn đã chứng minh, ở đâu tổ chức đảng triệt để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt và hành động thì ở đó vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy, thống nhất và đoàn kết được nội bộ.

III. KẾT LUẬN

Bài viết tập trung làm rõ vấn đề tập trung dân chủ - từ nguyên tắc cơ bản về xây dựng một đảng mácxít cách mạng kiểu mới của V.I. Lênin đến việc vận dụng nguyên tắc đó vào xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, làm rõ công lao, cống hiến lý luận và thực hành to lớn của V.I. Lênin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào việc xây dựng một đảng mácxít cách mạng kiểu mới nói chung, cũng như xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Điều đó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn trong bối cảnh Đảng Cộng sản Việt Nam đang thực hiện việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ cách mạng then chốt, đẩy mạnh phong trào chống tự diễn biến, tự chuyển hóa nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đổi mới toàn diện đất nước, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh thời đại có những thay đổi hết sức nhanh chóng, mau lẹ, khó lường hiện nay.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.168.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Văn Thống (Sưu tầm và biên soạn, 2014), *Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đỗ Tư (2004), *Tư tưởng chính trị của Lênin từ cách mạng Nga đến cách mạng Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

PHẦN II

HỒ CHÍ MINH TIẾP THU, KIÊN ĐỊNH, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

NHỮNG CƠ SỞ CƠ BẢN ĐỂ HỒ CHÍ MINH TIẾP XÚC, KHẲNG ĐỊNH, ĐI THEO, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

TS. Trần Bình Tuyên
Nhà xuất bản Đại học Huế

Tóm tắt

Trong bài viết, tác giả tập trung đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá những cơ sở cơ bản, nền tảng, hạt nhân, then chốt để Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Từ khóa: Cơ sở, vận dụng và phát triển, Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng, khoa học, sáng tạo, nhân văn, triệt để; đỉnh cao của tri thức nhân loại, trí tuệ thời đại. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (7/1920), đánh dấu bằng sự kiện Người gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao của tri thức nhân loại, trí tuệ thời đại, nhưng Người không dừng ở đỉnh cao, mà tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo đỉnh cao lên một đỉnh cao mới. Bài viết bước đầu, tập trung đi sâu nghiên cứu góp phần làm rõ những cơ sở, điều kiện cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Bối cảnh thực tiễn lịch sử và những yêu cầu bức thiết của quốc tế và dân tộc Việt Nam, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

a. Bối cảnh thực tiễn lịch sử của quốc tế và dân tộc Việt Nam, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản (CNTB) từ tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ). CNĐQ đã tiến hành xâm lược thuộc địa, hình thành hệ thống thuộc địa khổng lồ, phụ thuộc vào các nước tư bản. Đầu thế kỷ XX, Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập Chính quyền Xô viết mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người, đã làm thức tỉnh và đem đến nhiều niềm tin, hy vọng cho các dân tộc thuộc địa trên thế giới. Quốc tế

Cộng sản III (3/1919) do Lênin sáng lập ra đời, có trụ sở đóng ở Mátxcova, có vai trò lãnh đạo các Đảng cộng sản và phong trào cộng sản quốc tế là trường học cộng sản, có vai trò đào luyện những cán bộ cộng sản. Hồ Chí Minh làm việc và được đào luyện trong trường học này. Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mặt dù có sự phát triển mạnh mẽ, nhưng bộc lộ những hạn chế nhất định như xuất hiện bọn cơ hội chủ nghĩa theo khuynh hướng tư sản, nghi kỵ, coi thường cách mạng thuộc địa, không thấy được sự cần thiết phải đoàn kết giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc... Trong bối cảnh ấy, để khắc phục những hạn chế trên, thúc đẩy cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển đúng hướng, V.I. Lênin đã viết *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* để thông qua tại Đại hội 2, của Quốc tế cộng sản.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, từ một nước phong kiến độc lập, khi Pháp xâm lược (1858), Việt Nam trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, tiên bộ, gần gũi với nhân dân, quý trọng con người, đề cao sự học; trong một vùng quê giàu truyền thống văn hóa, cách mạng, kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc, Nguyễn Tất Thành đã hình thành tấm lòng yêu nước, thương dân, ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Trước khi ra đi, Người tổng kết các các phong trào yêu nước, các con đường cứu nước của các nhà cách mạng Việt Nam tiền bối theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau ở nước ta đã diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại. Người kính yêu, khâm phục tấm lòng yêu nước nhiệt thành của các nhà cách mạng Việt Nam tiền bối, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ. Khi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân, Người đã đi nhiều nước trên thế giới, để khảo sát các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới và cho rằng cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ tuy là thành công, nhưng chưa triệt để, chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga là thành công, thành công triệt để. Người khẳng định: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”¹. Từ Cách mạng tháng Mười Nga, Người bắt gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin (1920), và

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304.

tim ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc từ chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* năm 1927, Người viết: “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khố Tư và Lênin”². “Ngọn đuốc lý luận Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười vĩ đại soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”³. “Ở nước ta và ở Trung Quốc cũng vậy, có câu chuyện đời xa về cái “cắm nang” đầy phép lạ thần tình. Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cắm nang ra, thì thấy ngay cách giải quyết. Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cắm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁴. Tóm lại, bối cảnh quốc tế và dân tộc, lòng yêu nước, thương dân, tổng kết các phong trào yêu nước và khảo sát cuộc cách mạng diễn hình trên thế giới, là cơ sở cơ bản, quan trọng đầu tiên tạo động lực để Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã đến, tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Những yêu cầu bức thiết của quốc tế và dân tộc Việt Nam, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Thực tiễn lịch sử thế giới, dân tộc, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đặt ra những vấn đề lớn như chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, vấn đề dân tộc thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa, xu thế phát triển thời đại, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhu cầu, khát vọng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam... Bối cảnh quốc tế và dân tộc trên đây, đã đặt ra hàng loạt vấn đề cần giải quyết, trong đó có vấn đề lớn là làm thế nào để giải phóng và phát triển các dân tộc thuộc địa trên thế giới, trong đó có dân tộc Việt Nam. Chính bối cảnh đó đã thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân và là “cơ duyên” lịch sử đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Là một người yêu nước và có tinh thần quốc tế sâu sắc, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến những vấn đề lớn của dân tộc và thời đại là chủ nghĩa thực dân, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa, chủ nghĩa xã hội... Là người đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người luôn luôn

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

nung nấu tìm cách giải quyết những vấn đề đó theo lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin để cứu nước, giải phóng dân tộc và nhân loại khổ đau. Người tâm niệm: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁵; “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”⁶. “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁷. Đó là thông điệp Hồ Chí Minh gửi đến quốc dân đồng bào mục đích phấn đấu suốt đời của mình. Chính mục đích cuộc sống vì dân tộc, nhân loại, đòi hỏi phải, thôi thúc Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nói: “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta... Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”⁸. GS. Đặng Xuân Kỳ, trong cuốn *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, viết: “Thực tiễn sống động của phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới là căn cứ xuất phát để suy nghĩ, hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Người đã đặt các dữ kiện tư tưởng trên mảnh đất thực tiễn ấy để từng bước xác lập một hệ thống tư tưởng, luận điểm có ý nghĩa quyết định vận mệnh của dân tộc và đóng góp

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.187.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.272

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.614.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.92.

to lớn vào phong trào cách mạng thế giới”⁹. Như vậy, những yêu cầu bức thiết của quốc tế và dân tộc “thực tiễn sống động của phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới”, nhu cầu “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do”, “quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân”,... là cơ sở, động lực để Hồ Chí Minh đã đến, tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh.

2.2. Tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, trí tuệ của thời đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Trong quá trình tồn tại và phát triển, dân tộc Việt Nam đã kiến trúc, hun đúc, tạo dựng cho mình một hệ thống thang bậc các giá trị truyền thống mà nổi bật là: Chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước; tinh thần nhân nghĩa và truyền thống đoàn kết; truyền thống lạc quan yêu đời; truyền thống cần cù, dũng cảm, thông minh, sáng tạo, ham học hỏi... Trong hệ thống đó, truyền thống yêu nước đứng ở vị trí hàng đầu, là tư tưởng, tình cảm thiêng liêng nhất; là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo và lòng dũng cảm, chuẩn mực đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam; biểu trưng cho tiềm năng, khả năng, sức mạnh, trí tuệ, bản lĩnh, tầm vóc Việt Nam... Truyền thống dân tộc nói chung, truyền thống yêu nước nói riêng, đó là động lực mạnh mẽ thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, không ngừng học hỏi, tiếp thu, thấu thái tinh hoa văn hóa nhân loại làm giàu cho “hành lý trí tuệ và hành trang tinh thần” để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng... Sau này, Người nói: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹⁰.

Ngoài tinh hoa văn hóa dân tộc, Người còn không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại: Hồ Chí Minh tiếp thu một cách có phê phán, gạn lọc tinh hoa văn hóa Đông, Tây, Kim, Cổ, truyền thống và hiện đại. Tinh hoa văn hóa nhân loại, cùng với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam tạo nên ở Hồ Chí Minh - “Một con người gồm kim, cổ, Tây, Đông. Giàu quốc tế, đậm Việt Nam từng nét”¹¹, một bản lĩnh trí tuệ, một tầm vóc văn hóa hiếm có khi Người mới ở độ tuổi 34. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước trước Oxít Mandaxtem - một nhà thơ cộng sản người Nga đã nhận xét: Dân

⁹ GS. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên) (1997), “*Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.164. Hồ Chí Minh - Truyện. Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thúc, Bát nguyệt xuất bản xã Thượng Hải, 1949.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

¹¹ Dựa theo PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc, bài “*Sự khởi đầu và mãi mãi*”, [http:// cpv.org.vn](http://cpv.org.vn).

tộc An Nam là một dân tộc rất giản dị và lịch thiệp, rất ghét những gì thái quá. “Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hoá, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”¹². “Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”¹³. Nhà báo, nhà văn Mỹ, Đayvít Hanbocstơn nhận xét: “Hồ Chí Minh gần với Lênin, Găngđi, Oasinhton - một Lênin phương Đông, một Găngđi mácxít, một Oasinhton Việt Nam, nhưng lại rất Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam”¹⁴, “Cụ Hồ là Oasinhton của Việt Nam”¹⁵. Chính tinh hoa văn hóa nhân loại, cùng với truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam là cơ sở để Người so sánh, sàng lọc các học thuyết, chủ nghĩa trên thế giới, là nền tảng tạo nên tầm vóc và bản lĩnh trí tuệ, nâng cao tư duy, độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc tiếp thu sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao trí tuệ thời đại. Sau này, Người nói: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹⁶. Trả lời phỏng vấn báo *Nhân đạo* (L'Humanite') vào ngày 15/7/1969, Hồ Chí Minh khẳng định: “Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”¹⁷.

Đánh giá về vai trò của tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại đối với quá trình Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, trong bài “*Tư tưởng Hồ Chí Minh: Sinh khí của một học thuyết*”, tác giả Trần Bạch Đằng viết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh được ấp ủ lâu dài trong cái nôi chủ nghĩa yêu nước, tâm mình sâu sắc trong hồn dân tộc, là kết tinh của truyền thống nhiều nghìn năm

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 463.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.463.

¹⁴ Đayvít Hanbocxtam (1971), *Hồ*, Nxb Răngđôm Haosơ, 1971.

¹⁵ Xã luận báo Thế giới hàng ngày, ngày 5/9/1969.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.589-590.

dụng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Trên cái nền kiên cố ấy, trên mảnh đất phì nhiêu ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh gạn lọc các hạt giống trí tuệ cổ kim phương Đông, phương Tây và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, sản phẩm khoa học hiện đại vào một đất nước cụ thể. Người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc gia cực đoan, thủ cựu, hẹp hòi, vị kỷ, cũng như người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc tế không tưởng trong tư tưởng Hồ Chí Minh...”¹⁸. Như vậy, tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo nên “nền tảng kiên cố”, “mảnh đất phì nhiêu” tư tưởng, văn hóa cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp cận, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

2.3. Những nhân tố chủ quan, đặc biệt là phẩm chất và năng lực thuộc về cá nhân Hồ Chí Minh

Để tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, ngoài bối cảnh thực tiễn lịch sử và những yêu cầu bức thiết của quốc tế và dân tộc Việt Nam, cơ sở tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, trí tuệ của thời đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, không thể không kể đến nhân tố chủ quan thuộc về cá nhân Hồ Chí Minh. Nhân cách, phẩm chất, tài năng và trí tuệ của Hồ Chí Minh đã tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển tư tưởng của Người. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh là: tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, có óc phê phán tinh tường và sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu các cuộc cách mạng trong nước và trên thế giới; là trí tuệ lớn, bậc “đại trí” tinh thông, uyên bác trên nhiều lĩnh vực; sự khổ công học tập, rèn luyện chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại, vốn kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế để tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin với tư cách là học thuyết về cách mạng của giai cấp vô sản; có tâm hồn của một người yêu nước vĩ đại, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng; một trái tim yêu thương nhân dân, thương người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ Quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Hồ Chí Minh, đã từng tâm sự: “... cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa”¹⁹. Như vậy, cùng với tư duy, trí tuệ, phẩm chất, bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn, sự học tập và rèn luyện không ngừng của Người, đã giúp Người tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong cuốn *Hồ Chí*

¹⁸ Trần Bạch Đằng (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh: Sinh khí của một học thuyết, đến với Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, tháng 2/2007.

Minh nhà cách mạng sáng tạo, do GS.TS. Mạch Quang Thắng (Chủ biên), khẳng định: “Do có trí tuệ uyên bác, miệt mài học tập, nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, nghiên cứu các bài học và tổng kết kinh nghiệm của các cuộc cách mạng thế giới, hoạt động thực tiễn sôi nổi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh đã có những nhận thức mới. Từ đó, người đưa ra những quan điểm mới, những nhận định mới về sự phát triển của phong trào cách mạng, về đường lối và phương pháp cách mạng cho các nước thuộc địa và phụ thuộc, trước hết là cho đất nước của mình... Bằng thực tiễn cách mạng và năng lực thực tiễn, Người bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và thể hiện rõ sự sáng tạo lớn của mình”²⁰.

III. KẾT LUẬN

Việc Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là sự kiện lịch sử lớn, có ý nghĩa quan trọng, thu hút nhiều nhà khoa học đi sâu, nghiên cứu, tìm hiểu. Bài viết bước đầu, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ những cơ sở cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Trong bài viết, tác giả đã chỉ ra và phân tích 3 cơ sở cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là: Bối cảnh thực tiễn lịch sử và những yêu cầu bức thiết của quốc tế và dân tộc Việt Nam, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; tinh hoa văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, trí tuệ của thời đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; những nhân tố chủ quan, đặc biệt là phẩm chất và năng lực thuộc về cá nhân Hồ Chí Minh. Trên nền tảng của những cơ sở ấy, Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam; đặt cơ sở nền móng tư tưởng cho việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước ta; góp phần quan trọng vào những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (2003), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

²⁰ Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2009) *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.52.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
4. TS. Võ Văn Lộc (Biên soạn, tuyển chọn, giới thiệu). *Tài liệu nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh*, (2011), Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. PGS.TS. Đinh Xuân Lý, PGS.TS. Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên) (2008), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh* (Sách tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb Lý luận chính trị.
6. GS.TS. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh con người của sự sống* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. GS. Trần Nhâm (2011), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN ĐỂ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO NƯỚC TA

TS. Mai Thu Trang*

Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trong bài viết, tác giả khái quát việc Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Trên cơ sở đó, tập trung đi sâu nghiên cứu, phân tích, đánh giá những điều kiện cơ bản để Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển, chủ nghĩa Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng, khoa học, sáng tạo, nhân văn, triệt để; đỉnh cao của tri thức nhân loại, trí tuệ thời đại. Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo trên nhiều bình diện, góp phần quan trọng vào việc làm phong phú lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tạo dựng những thành công to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam. Bài viết bước đầu, tập trung đi sâu nghiên cứu góp phần làm rõ những điều kiện cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, nhằm: “Tiếp tục nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ sự bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh”¹ theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.

* Phó trưởng Khoa Giáo dục chính trị, Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh

¹ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.

II. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh

“Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng; V.I. Lênin bảo vệ và phát triển; được hình thành và phát triển trên cơ sở thực tiễn và kế thừa những giá trị của lịch sử tư tưởng nhân loại; là thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; là khoa học về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi chế độ áp bức, bóc lột và tiến tới giải phóng con người”². Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời vào giữa thế kỷ XIX - đánh dấu bằng sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn Đảng cộng sản* (1848) do C. Mác và Ăngghen viết. 72 năm sau, kể từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, vào năm 1920, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh dấu bằng việc Người gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Từ chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu, Người nhận ra: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”³; “Ngọn đuốc lý luận Mác - Lênin và kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười vĩ đại soi sáng con đường cách mạng Việt Nam. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁴. Từ đó, Người không ngừng đi sâu nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta hết sức phong phú, đa dạng trên nhiều lĩnh vực: “Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc”⁵. Trên nhiều văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng ta; nhiều công trình của nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong nước và ngoài nước đã khẳng định điều này. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng khóa VII, VIII, IX, X, XI, XII; Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ

² Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 289.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, tr.7.

quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (1991); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Bổ sung, phát triển (2011),... đều khẳng định Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: “Hồ Chủ tịch bao giờ cũng khái quát lý luận từ thực tiễn. Do đó, Người không chỉ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin một cách thiết thực”⁶; Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cũng khẳng định: “Bác Hồ là nhà lý luận kiệt xuất trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta”⁷... Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô, khẳng định: “Đồng chí Hồ Chí Minh đã biết áp dụng một cách tài tình các nguyên lý bất hủ của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam và lịch sử đã chứng minh Người có lý, bởi vì bằng cách khác thì không có một dân tộc nào có thể viết nên những trang sử rất anh hùng và vinh quang như trang sử nhân dân Việt Nam đã viết nên, nghĩa là đã đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp và sau đó là đánh bại đế quốc Mỹ”⁸; *Tiến sĩ John Callow*, Giám đốc Trung tâm Lưu trữ và Tưởng niệm Karl Marx ở Luân Đôn nhận xét: “Chủ nghĩa Mác là một hệ tư tưởng mà một trong những vẻ đẹp của nó là có thể thay đổi phù hợp với hoàn cảnh mà không hề cứng nhắc. Điều tuyệt vời của chủ nghĩa Mác là nó có thể điều chỉnh linh hoạt những con người khác nhau trên khắp thế giới; họ có thể suy nghĩ về những tư tưởng của Mác, thay đổi chúng, làm mới chúng, đôi khi còn say mê phát triển chúng cho hợp với chính hoàn cảnh của mình và đất nước mình. Hồ Chí Minh, theo tôi nghĩ, là một trong những người quan trọng nhất đã làm được việc đó”⁹.

2.2. Những điều kiện cơ bản để Hồ Chí Minh tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam

2.2.1. Hồ Chí Minh có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

Từ rất sớm, lúc Người còn thiếu thời và mới bước vào tuổi thanh niên. Trước khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, Người đã tổng kết các con đường cứu nước, các

⁶ Phạm Văn Đồng (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.23.

⁷ Nguyễn Văn Linh, *Bài phát biểu nhân dịp kỷ niệm 35 năm xuất bản Tạp chí cộng sản*, Báo Nhân dân, số ra ngày 5/12/1990.

⁸ Phi-đen Ca-xtơ-rô, Diễn văn tại thành phố Hà Nội, 9,1973. Dẫn theo *Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.111.

⁹ ThS. Cao Hải Yến, “*Những đóng góp của Hồ Chí Minh với cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại qua góc nhìn của các học giả phương Tây*”. Nguồn <http://ditichhochiminhphu.chutich.gov.vn>).

phong trào yêu nước theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau, nhận ra những hạn chế của chúng. Trả lời một nhà văn Mỹ, Người nói: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹⁰. Người khảo sát các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, rồi khẳng định: Cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ tuy là thành công, nhưng chưa triệt để, chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga là thành công, thành công triệt để: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”¹¹. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Người nhanh chóng hòa nhập với tính cách mạng triệt để và tính khoa học chặt chẽ của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Người được nâng cao, có bước phát triển nhảy vọt. Từ đây, tư duy của Người đã đến độ chín muồi để đối chiếu, so sánh, lựa chọn, chắt lọc và tổng hợp những cứ liệu thực tiễn lịch sử Việt Nam và thế giới cung cấp, những kinh nghiệm mà cuộc sống mang lại, những tư tưởng mà những người đi trước đã gợi mở, để đi đến những kết luận mới, những tư tưởng mới. Đánh giá về vai trò của tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, GS. Đặng Xuân Kỳ nhấn mạnh: “Bằng phong cách độc lập, tự chủ, sáng tạo, Người đã đi đến những tư tưởng lớn, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều mặt và đã nâng tư tưởng Việt Nam lên một tầm cao mới, đưa trí tuệ Việt Nam lên ngang hàng trí tuệ tiên phong của thời đại”¹².

2.2.2. Hồ Chí Minh có vốn văn hóa tinh thông, uyên bác, sâu rộng, Đông, Tây, kim, cổ, truyền thống, hiện đại

Người tiếp thu, thái độ có chọn lọc, vốn tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, văn hóa Quốc học, phương Đông và phương Tây phong phú từ rất sớm. Người tự nhận mình là “học trò nhỏ”, và tiếp thu có chọn lọc hạt nhân giá trị trong các học thuyết của Khổng Tử, Jêsu, Mác, Tôn Dật Tiên: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm

¹⁰ Báo Nhân dân, số 4062, ngày 18/5/1965.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304.

¹² GS. Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên) (1997), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.177.

lớn là tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Jêsu có ưu điểm lớn là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm lớn phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải có ưu điểm chung đó hay sao? Họ đều mưu phúc lớn cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm một người học trò nhỏ của các vị ấy”¹³. Với tư duy rộng mở, óc phê phán tinh tường, Người sẵn sàng tiếp thu, thấu thái cái hay, cái đẹp, cái có giá trị của mọi luồng tư tưởng, mọi học thuyết đã tạo nên ở Người một hành lý trí tuệ, hành trang tinh thần phong phú, một tầm vóc văn hóa sâu rộng. Đánh giá về việc Hồ Chí Minh là người tiếp thu tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, tác giả Trần Bạch Đằng, viết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh được ấp ủ lâu dài trong cái nôi chủ nghĩa yêu nước, tầm nhìn sâu sắc trong hồn dân tộc, là kết tinh của truyền thống nhiều nghìn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Trên cái nền kiên cố ấy, trên mảnh đất phì nhiêu ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh gạn lọc các hạt giống trí tuệ cổ kim phương Đông, phương Tây và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, sản phẩm khoa học hiện đại vào một đất nước cụ thể. Người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc gia cực đoan, thủ cựu, hẹp hòi, vị kỷ, cũng như người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc tế không tưởng trong tư tưởng Hồ Chí Minh”¹⁴. Chính vì vậy, đã hình thành ở Hồ Chí Minh một tầm vóc văn hóa, tri thức, trí tuệ lớn ngay từ khi Người còn rất trẻ: “Từ Nguyễn ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hoá, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai. Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”¹⁵. Chính nền tảng văn hóa phong phú, sâu rộng đã giúp Người khi tiếp xúc, khẳng định, đi theo, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Không có nền tảng văn hóa đó, Hồ Chí Minh khó tránh khỏi rơi vào sao chép, dập khuôn, máy móc khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin.

¹³ Hồ Chí Minh - Truyện. Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thúc. Bát nguyệt xuất bản xã Thượng Hải, 1949.

¹⁴ Trần Bạch Đằng (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh: Sinh khí của một học thuyết, đến với Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, tháng 2/2007.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.463.

2.2.3. Hồ Chí Minh nắm linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin - “phương pháp làm việc biện chứng” phương Tây, quan điểm “đắc ý vô ngôn” phương Đông

Thế giới quan và phương pháp luận khoa học, tính khoa học và biện chứng, cách mạng, sáng tạo là bản chất vốn có của Chủ nghĩa Mác - Lênin. C. Mác và Ph. Ăngghen nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng, “học thuyết của các ông không phải là một giáo điều mà là một kim chỉ nam cho hành động”. Lênin sau này cũng đã không ít lần nhắc lại luận điểm kinh điển ấy của chủ nghĩa Mác. Trong tác phẩm *Cương lĩnh của chúng ta*, Lênin đã khẳng định lại rằng: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải tự mình phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng nguyên lý ấy thì xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”¹⁶. Rõ ràng là cả Mác, Ăngghen, Lênin không bao giờ tự coi lý luận của các ông là “bất khả xâm phạm”, là hệ thống khép kín, là chân lý tuyệt đích. Trái lại, các ông luôn đòi hỏi những người cộng sản phải biết vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, truyền thống văn hóa,... của mỗi nước. Với chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử; thế giới quan gắn liền với phương pháp luận khoa học, lý luận gắn liền với thực tiễn, hiện thực sống động chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành học thuyết của sự không ngừng đổi mới, sáng tạo và phát triển. Đó là một trong những đặc trưng vốn có quyết định sức sống và sự sáng tạo không ngừng, sức sống trường tồn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì vậy chủ nghĩa Mác, phát triển thành chủ nghĩa Mác - Lênin; chủ nghĩa xã hội từ khoa học trở thành hiện thực thực tiễn sống động; chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành học thuyết phát triển, sáng tạo không ngừng, là đỉnh cao tri thức, khoa học, văn hóa nhân loại. Tiếp thu tinh thần đó, Hồ Chí Minh căn dặn chúng ta, học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là thuộc lòng từng câu chữ, mà là nắm lấy "tinh thần" và "phương pháp" để ứng xử với con người và công việc cho đúng. Đây là một năng lực sáng tạo, một bản lĩnh khoa học và văn hóa để trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo, bằng cách không ngừng tìm tòi, phát triển, sáng tạo nó trong thực tiễn. Bên cạnh đó, quan điểm “đắc ý vô ngôn” -

¹⁶ V.I. Lênin (1974), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Tiên bộ, Mátxcova, tr.232.

(cốt nắm được cái bản chất, tinh thần, ý tứ, không bị trói buộc bởi cái vỏ ngôn từ) của tư duy phương Đông mà Người thấm nhuần, cũng là cơ sở để Người vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Quán triệt thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm “đắc ý vô ngôn” của phương Đông, Người khẳng định: “Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là của cán bộ cốt cán của Đảng”¹⁷. “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông. Cho nên, trong khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận, đã nhiều lần đồng chí Lênin nhắc đi nhắc lại rằng lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn sinh động. Những người cộng sản các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi.”¹⁸. “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình. Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn. Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng”¹⁹. Tóm lại, thế giới quan và phương pháp luận khoa học, tính khoa học và biện chứng, cách mạng, sáng tạo vốn có của chủ nghĩa Mác - Lênin là điều

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.92.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

kiện cơ bản giúp Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh không thể vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, nếu không dựa trên thế giới quan và phương pháp luận khoa học, tính khoa học và biện chứng, cách mạng, sáng tạo vốn có của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thế giới quan và phương pháp luận khoa học, tính khoa học và biện chứng, cách mạng, sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin khơi nguồn cho sáng tạo của Hồ Chí Minh trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. GS Mạch Quang Thắng, trong cuốn *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, khẳng định: “ Tư tưởng lý luận Hồ Chí Minh thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, Hồ Chí Minh đã phân tích những đặc điểm kinh tế, chính trị và xã hội Việt Nam, xác định đường lối, mục tiêu, phương pháp và những vấn đề chiến lược, sách lược cách mạng từ giải phóng dân tộc lên chủ nghĩa xã hội. Hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh đã “Việt Nam hóa” nhưng rất trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời đã phát triển sáng tạo, bổ sung, làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin ở thời kỳ lịch sử hiện đại trong cuộc đấu tranh vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa”²⁰.

2.2.4. Hồ Chí Minh là người có chí lớn, có đạo đức cách mạng, có bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn trong đấu tranh cách mạng

Hồ Chí Minh là người có chí lớn, có đạo đức cách mạng, có bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn trong đấu tranh cách mạng. Người có tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc và tinh thần quốc tế rộng mở, chủ động dấn thân, tự nguyện dấn thân vào cuộc đời gian khổ để mưu việc lớn, tìm đường cứu nước, cứu dân và giải phóng nhân loại cần lao. Chính điều đó, là cơ sở quan trọng giúp Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Điểm xuất phát cho mọi suy nghĩ và hành động của Hồ Chí Minh là thực tế đất nước, dân tộc, truyền thống, con người Việt Nam, mối quan hệ của Việt Nam và thế giới. Hồ Chí Minh đi nhiều, hiểu nhiều, biết rộng, lăn lộn trong các phong trào đấu tranh cách mạng trên thế giới và Việt Nam, tất cả đã tạo nên ở Người bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn trong đấu tranh cách mạng, tạo cơ sở, điều kiện then chốt, thiết yếu giúp Người tiếp thu, tiếp biến chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng không rơi vào khuôn mẫu, dập khuôn, máy móc, giáo điều, trái lại, có thể vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Đánh giá

²⁰ Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. GS.TS. Mạch Quang Thắng (Chủ biên) (2009), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.58.

về vai trò bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn của Người, đối với việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, trong cuốn *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, do GS.TS. Mạch Quang Thắng (Chủ biên), khẳng định: “Do có trí tuệ uyên bác, miệt mài học tập, nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, nghiên cứu các bài học và tổng kết kinh nghiệm của các cuộc cách mạng thế giới, hoạt động thực tiễn sôi nổi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh đã có những nhận thức mới. Từ đó người đưa ra những quan điểm mới, những nhận định mới về sự phát triển của phong trào cách mạng, về đường lối và phương pháp cách mạng cho các nước thuộc địa và phụ thuộc, trước hết là cho đất nước của mình...Bằng thực tiễn cách mạng và năng lực thực tiễn, Người bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và thể hiện rõ sự sáng tạo lớn của mình”²¹.

III. KẾT LUẬN

Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiều nhà cách mạng, nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định, khi tiếp xúc, khẳng định, đi theo, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, góp phần quan trọng vào việc tạo nên những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam. Bài viết, tập trung đi sâu làm rõ điều kiện căn bản, then chốt để Người vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua nghiên cứu, bài viết đã xác định điều kiện căn bản, then chốt để Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin là: Người có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; vốn văn hóa tinh thông, uyên bác, sâu rộng, Đông, Tây, kim, cổ, truyền thống, hiện đại; nắm được “phương pháp làm việc biện chứng” của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm “đắc ý vô ngôn” phương Đông; có chí lớn, có đạo đức cách mạng, có bề dày thực tiễn và năng lực tổng kết thực tiễn trong đấu tranh cách mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Trần Tích Hỷ (2017), *Mác nói gì với chúng ta* (Sách tham khảo), Người dịch: Thanh Huyền, Văn Tân, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

²¹ Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2009), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.52.

3. Hội đồng lý luận Trung ương (2004), *Lẽ phải của chúng ta*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hội đồng lý luận Trung ương, PGS.TS. Tô Huy Rúa, GS.TS. Hoàng Chí Bảo (Đồng chủ biên) (2017), *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. PGS.TS. Đặng Hữu Toàn (2002), *Chủ nghĩa Mác - Lênin và công cuộc đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. GS. Trần Nhâm (2011), *Chủ nghĩa Mác - Lênin học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng*. (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HÀNH TRÌNH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ ÁNH SÁNG ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS. Hoàng Thị Thuận

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt

Dấu mốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với bản thân Hồ Chí Minh trên hành trình tìm đường giải phóng dân tộc, mà còn có tác động to lớn đối với cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Bài viết tập trung vào phân tích hành trình đầy gian khổ, khó khăn và thử thách của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, cứu dân. Đồng thời, làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin, cách mạng Việt Nam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tác phẩm *Lịch sử một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Jean Sainteny đã viết: “Ngay từ những cuộc tiếp xúc đầu tiên với Hồ Chí Minh, tôi đã có cảm tưởng rằng con người khắc khổ đó, với bộ mặt thể hiện đồng thời sự thông minh, mưu trí và tinh tế, là một nhân vật thượng đẳng” [14; tr.164]. Một trong những minh chứng thể hiện sự thượng đẳng của Hồ Chí Minh đó chính là hành trình vượt gian khó tìm ra được con đường giải phóng dân tộc Việt Nam. Con đường đó chính là đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra được “*cẩm nang thần kỳ*” để giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam vừa phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, vừa phù hợp với xu thế của thời đại. Chính vì vậy, tiếp nhận và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã mang lại ánh sáng cho dân tộc Việt Nam khi mà cách mạng đang lâm vào khủng hoảng và bế tắc về đường lối cách mạng.

II. NỘI DUNG

2.1. Hành trình đến với chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh

Năm 1884, với việc ký kết hiệp định Patonôt của triều đình nhà Nguyễn, Việt Nam đã chuyển từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Từ đây, một địa ngục trần gian được thực dân Pháp tạo ra trên lãnh thổ Việt Nam. Đất nước bị chia cắt làm ba kỳ, với ba chế độ chính trị khác nhau, người dân Việt Nam

quần quai dưới ách thống trị của thực dân Pháp, với hàng trăm thứ thuế vô lý, bị đầu độc bằng rượu cồn, thuốc phiện và chính sách ngu dân.

Khi Hồ Chí Minh sinh ra thì nước ta đã thành thuộc địa của thực dân Pháp. Do đó, thời thơ ấu của Người bên cạnh những kỷ niệm về cuộc sống đạm bạc của gia đình nhà nho yêu nước là những ký ức về cảnh đau thương, lầm than của nhân dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Với may mắn được nghe cha và các bậc sĩ phu yêu nước bàn chuyện chính trị, Hồ Chí Minh đã từng bước hiểu hơn về tình hình chính trị của đất nước. Hồ Chí Minh thấy được cuộc sống mất tự do, là nô lệ của dân tộc Việt Nam. Người chỉ rõ: “Người An Nam không có quyền xuất bản báo chí bằng tiếng mẹ đẻ, không có tự do hội họp và lập hội, bị tước đoạt cả quyền tự do đi lại từ tỉnh này sang tỉnh khác” [3; tr.314]; “Chúng tôi không có quyền cư trú và du lịch ra nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập” [3; tr.34-35]. Nhân dân Việt Nam bị kìm kẹp trong những chính sách khai thác và bóc lột của thực dân Pháp vô cùng oán thán.

Với truyền thống yêu nước được nuôi dưỡng qua hàng nghìn năm lịch sử, nhiều phong trào yêu nước đã diễn ra sôi nổi. Tuy nhiên, tất cả các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến hay tư sản cũng lần lượt thất bại do không có đường lối đúng đắn, không tìm được giai cấp lãnh đạo và không phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Chính vì vậy, khi nhận xét về con đường cứu nước của các vị tiền bối, Hồ Chí Minh khẳng định: con đường cứu nước của cụ Hoàng Hoa Thám, “mang nặng cốt cách phong kiến”, con đường cứu nước của cụ Phan Bội Châu chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau” và con đường cứu nước của cụ Phan Châu Trinh thì “chẳng khác nào xin giặc rửa lòng thương” [12; tr.12]. Từ đó, Người đã rút kinh nghiệm về con đường cứu nước của các thế hệ trước.

Làm thế nào để giải phóng được dân tộc và mang lại cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân? Có con đường nào khác so với con đường cứu nước của các vị tiền bối không? Sang phương Tây hay tiếp tục tìm kiếm con đường cứu nước ở phương Đông? Đây chính là những câu hỏi luôn ngự trị trong con người của Hồ Chí Minh. Những bài học ở trường Quốc học Huế đã giúp Hồ Chí Minh tiếp cận với những khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái mà thực dân Pháp rêu rao ở Việt Nam. Hồ Chí Minh đã từng chia sẻ: “vào trạc tuổi mười ba, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp *Tự do - Bình đẳng - Bác ái* ... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn dấu sau những từ ấy” [12; tr.12]. Do đó, Hồ Chí Minh quyết định phải đi sang nước Pháp xem họ làm như thế nào để quay về giúp đồng bào của mình. Bởi khi

đó, Pháp là kinh đô ánh sáng của cả thế giới, là nước văn minh và tiên bộ. Với nhãn quan chính trị của mình, Hồ Chí Minh đã quyết định “Tây du” để thực hiện hoài bão cứu nước, cứu dân, để mở rộng đầu óc, học hỏi và tìm kiếm con đường giải phóng và phát triển dân tộc.

Sau khi tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908), Hồ Chí Minh đã không tiếp tục học ở trường Quốc học mặc dù triển vọng thi ra làm công chức của Pháp rất cao. Hồ Chí Minh lựa chọn vào Sài Gòn vì lúc đó Sài Gòn là nơi phát triển nhộn nhịp và là đầu mối đường đi Âu châu. Tuy nhiên, làm thế nào có thể sang được phương Tây để học hỏi và giải phóng được dân tộc? Làm thế nào để có tiền đi và đi bằng cách nào? Với những trải nghiệm ở Sài Gòn, Hồ Chí Minh dần tìm ra câu trả lời, Người lựa chọn một công việc lao động đầu tiên đó là làm phụ bếp cho một con tàu để có thể đi được nhiều nước. Điều này thể hiện một tư duy độc lập của Hồ Chí Minh so với các vị tiền bối. Bởi cụ Phan Chu Trinh sang Pháp nhờ vào Hội nhân quyền của Pháp, cụ Phan Bội Châu sang Nhật nhờ vào lòng "hàng tâm hàng sản" thì Hồ Chí Minh sang phương Tây bằng chính sự nỗ lực của bản thân. Do đó, ngày 6/5/1911, trên con tàu Amiran Latusơ Torêvin của hãng Năm sao, từ bến cảng Nhà Rồng với tên gọi Nguyễn Văn Ba, Hồ Chí Minh đã bắt đầu cuộc hành trình lịch sử đi tìm đường cứu nước.

Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc mục tiêu của chuyến đi sang phương Tây là học hỏi, tìm kiếm và lựa chọn một con đường phù hợp cho dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, đi đến bất cứ quốc gia nào, châu lục nào, Hồ Chí Minh luôn hòa mình vào quần chúng nhân dân, tích cực nghiên cứu để rút ra những bài học quan trọng cho bản thân. Hồ Chí Minh có điều kiện tìm hiểu đời sống nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới và rút ra được kết luận: “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản” [3; tr.287]. Vậy là, chỉ những năm tháng đầu tiên trên hành trình khám phá thế giới, Hồ Chí Minh đã thấy được bức tranh đau thương của nhân dân thế giới. Mặt khác, kết luận đó còn đặt nền móng cho sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Đến Mỹ vào cuối năm 1912, để thực hiện được mục tiêu của mình, Hồ Chí Minh đã đi làm thuê để kiếm sống và tìm hiểu cuộc sống của nhân dân. Hồ Chí Minh đã đi tham quan nhiều nơi ở Mỹ, trong đó có tượng nữ thần Tự do ở Mỹ. Bằng cảm nhận của mình, Hồ Chí Minh đã cho mọi người thấy một sự khác biệt về tư duy. Nếu tất cả mọi người đến thăm tượng nữ thần Tự do đều ca ngợi thì Hồ Chí Minh lại có một cái nhìn hoàn toàn khác nó gắn với thực tiễn đời sống của nhân dân Mỹ. Hồ Chí Minh đã xem

và thấy ánh sáng trên đầu thân Tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thân tự do thì người da đen đang bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới? Những câu hỏi đó đã đi ngược lại với những gì tốt đẹp mà giai cấp tư sản đã rêu rao trong quá trình tập hợp quần chúng nhân dân để lật đổ chế độ phong kiến. Điều đó thể hiện một cái nhìn sâu sắc, thực tiễn như vạch trần tội ác của chủ nghĩa đế quốc.

Cuối năm 1913, Hồ Chí Minh rời Mỹ sang Anh. Để có thể sống và học tập ở Anh, Hồ Chí Minh đã bắt đầu từ công việc quét tuyết vô cùng nặng nhọc, đốt lò cho đến làm thuê ở khách sạn. Cùng với đó, Hồ Chí Minh bắt đầu tự học tiếng Anh với mục đích là có thể hiểu được văn hóa của người Anh. Điều đặc biệt là dù ở Pháp, Mỹ hay Anh, Hồ Chí Minh luôn nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình bởi sự cầu thị, ham học hỏi và lối sống vô cùng giản dị. Có thể thấy rõ, với trải nghiệm ở ba nước tư sản lớn là Anh, Pháp, Mỹ, Hồ Chí Minh đã từng bước nhận thấy rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân và nỗi khổ chung của nhân dân ở các nước chính quốc cũng như các nước thuộc địa.

Đến năm 1917, Hồ Chí Minh trở lại Pháp và tích cực học tiếng Pháp để nghiên cứu các tác phẩm chính trị nổi bật của các triết gia. Với sự đọc thông và viết thạo, Hồ Chí Minh đã bắt đầu viết truyện, viết báo, viết kịch và viết sách để tuyên truyền cho nhân dân Pháp từng bước hiểu được bản chất của Chính phủ Pháp. Đồng thời, giúp nhân dân Pháp thấu hiểu nỗi khổ nhân dân ở các nước thuộc địa. Họ không được khai hóa văn minh bằng bút mà bằng gươm, giáo và lưỡi lê. Qua đó, giúp nhân dân Pháp và nhân dân các nước chính quốc hiểu rõ một chân lý: “Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi - cùng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào - thì từ đầu đến cuối được viết bằng máu những người bản xứ” [3; tr.352]. Vì vậy, nhân dân các nước chính quốc phải ủng hộ nhân dân các nước thuộc địa trong công cuộc giải phóng hoàn toàn.

Khi Hồ Chí Minh đang hoạt động ở Pháp thì năm 1917, ở Nga, Cách mạng tháng Mười dưới sự lãnh đạo của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã nổ ra và giành thắng lợi. Cách mạng tháng Mười Nga là cuộc cách mạng vô sản điển hình đầu tiên trên thế giới. Cách mạng tháng Mười Nga là sự hiện thực hóa chủ nghĩa Mác - Lênin hướng tới giải phóng triệt để giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Do đó, sau này khi nói về Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với số phận các dân tộc phương Đông. Nó đã thức tỉnh các dân tộc bị áp bức ở châu Á, chỉ cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc con đường giải phóng, nêu gương tự do dân tộc thực sự”

[9; tr.179]. Cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới cho các dân tộc thuộc địa, đó là thời đại chống đế quốc và đi theo con đường cách mạng vô sản. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 1917 khi đang ở Pháp thì Hồ Chí Minh chưa biết gì đến chủ nghĩa Mác - Lênin, chưa thấu hiểu hết ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga mà Người chỉ mới thấy được ánh sáng của một cuộc cách mạng mà nó thu hút được nhân dân tham gia dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Từ năm 1914, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã nổ ra mà nguyên nhân là do tranh giành thuộc địa để khai thác và bóc lột. Đến năm 1917, Mỹ bắt đầu trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh và đứng về phía đồng minh Anh, Pháp. Năm 1918, Tổng thống Mỹ lúc đó là Wilson đã thông qua bản *Tuyên bố 14 điểm* hay còn gọi là *Chủ nghĩa Wilson*. Mục đích chính của *Tuyên bố 14 điểm* là nhằm vẽ lại bản đồ thế giới sau khi phe Đức, Áo, Hung, Thổ Nhĩ Kỳ bị đánh bại. Đối với Hồ Chí Minh, bản *Tuyên bố 14 điểm* có điểm nhấn đặc biệt ở nội dung số 5 đó là vấn đề quyền tự quyết của các dân tộc. Do đó, năm 1919, cùng với một số người Việt Nam yêu nước đang ở Pháp, Hồ Chí Minh đã thay mặt những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở Pháp, gửi tới Hội nghị Versailles bản *Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam* nhằm đòi các quyền lợi thiết thực. Việc gửi bản *Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam* cũng đã chứng tỏ Hồ Chí Minh tại thời điểm đó chưa chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, dù không được chấp nhận nhưng bản *Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam* đã gây một tiếng vang lớn, nó hướng các dân tộc thuộc địa tới một con đường mới không thể trông chờ vào chủ nghĩa Wilson trong công cuộc giải phóng hoàn toàn.

Sau Hội nghị Versailles, Hồ Chí Minh càng tích cực hoạt động chính trị thông qua viết báo, truyện, sách. Đồng thời, Hồ Chí Minh cùng với một số đảng viên xã hội đi quyên góp tiền trong các phố Paris để giúp cách mạng Nga vượt qua nạn đói do chính sách bao vây của Pháp và các nước Đồng minh. Từ đây, Hồ Chí Minh bắt đầu có sự thay đổi, cụ thể là hướng về Cách mạng tháng Mười Nga và ở Pháp là theo cánh tả trong Đảng xã hội Pháp.

Sự kiện đánh dấu việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh chính là ngày 17/7/1920, qua báo *Nhân đạo* (L'Humanité) của Pháp, Người đã đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin. Hồ Chí Minh đã kể lại: “Bài đó khó hiểu, vì có những từ ngữ tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đi đọc lại và dần dần tôi hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản luận cương làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao nhiêu! Tôi xúc động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng

đồng đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó, tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lenin” [12; tr.584]. Điều này chứng tỏ, *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lenin có những điểm đặc biệt, khác hẳn về chất so với những văn kiện và các tác phẩm nổi tiếng trước đó như *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp, *Khế ước xã hội* của J.J Rutxo... Chính điểm khác biệt đó đã giải quyết được những trăn trở của Hồ Chí Minh suốt gần 10 năm trên hành trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Bởi Hồ Chí Minh đã thấy được *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lenin nêu cao 5 tư tưởng lớn mà từ trước đến năm 1920 chưa ai đề cập đến. Đó chính là đặt vấn đề dân tộc đi đôi với vấn đề thuộc địa; những người cách mạng ở chính quốc phải ủng hộ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và lệ thuộc; các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc không chỉ có nhiệm vụ giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống các lực lượng phản động ở ngay trong xứ mình; một nhiệm vụ lớn của cách mạng thế giới, đoàn kết chặt chẽ giữa phong trào giải phóng dân tộc các dân tộc bị áp bức với các nước đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công; Quốc tế thứ 3 đóng vai trò bộ tham mưu chung của cách mạng thế giới. Với 5 điểm chiến lược này, lời giải cho bài toán về cách mạng Việt Nam đã được Hồ Chí Minh giải đáp một cách thấu đáo. Do đó, *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lenin đã giúp Hồ Chí Minh tìm ra được con đường giải phóng dân tộc là đi theo con đường cách mạng vô sản.

Có thể thấy, 9 năm trên hành trình đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã dành cả thanh xuân của mình để đi vào thực tiễn, trải qua vô vàn khó khăn thử thách để vừa mưu sinh, vừa hoạt động cách mạng. Chính nhờ trí tuệ uyên bác và sự kiên trì, cầu thị, Hồ Chí Minh đã tìm ra được lời giải cho cách mạng Việt Nam đó là đi theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tế lịch sử cũng đã chứng minh, chỉ có Hồ Chí Minh mới thấy được giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào cách mạng Việt Nam và mang lại ánh sáng cho dân tộc Việt Nam.

2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã mang lại ánh sáng cho cách mạng Việt Nam

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Bóng mây đen chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột bao trùm toàn bộ xã hội Việt Nam, bóp nghẹt sự sống của nhân dân Việt Nam. Sự thất bại của các con

đường cứu nước theo các khuynh hướng làm cho cách mạng Việt Nam rơi vào bế tắc, khủng hoảng. Nhưng với việc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra được con đường giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã mang lại ánh sáng cho dân tộc Việt Nam trên con đường đi tới mục tiêu độc lập dân tộc.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chia sẻ: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” [5; tr.187]. Vì vậy, khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã hiện thực hóa “ham muốn” của mình thông qua việc lan tỏa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đến cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhờ có Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc, những người cách mạng Việt Nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin.

Điều đó tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn” [9; tr.173]. Do đó, nếu chủ nghĩa Mác - Lênin được những người cách mạng Việt Nam tiếp nhận và vận dụng sáng tạo thì giải quyết được mọi khó khăn của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” [4; tr.289].

Hồ Chí Minh luôn tâm niệm, có lý luận soi đường thì quần chúng nhân dân hành động mới đúng đắn, mới phát triển được tài năng và lực lượng vô cùng vô tận của mình trong cách mạng. Khi đã tìm ra được “vũ khí lý luận” cho cách giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam, mà trước hết là cho giai cấp công nhân Việt Nam đó chính là chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin cho các thanh niên yêu nước tiên bộ để chấm dứt thời kỳ đen tối, khủng hoảng về đường lối cách mạng.

Để ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga đến với dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có những hoạt động thực tiễn vô cùng sôi nổi. Với những trải nghiệm và tri thức thu lượm được trong 10 năm tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh chủ trương phải trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh và đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành độc lập, tự do. Hồ Chí Minh đã gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới thông qua thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* (1921), xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925)... Đặc biệt là thành lập *Hội*

Việt Nam cách mạng thanh niên (1925), mở lớp huấn luyện cán bộ cho *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* (1925 - 1927) nhằm mục tiêu giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin. Tất cả những bài giảng của Hồ Chí Minh cho *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* đã được tập hợp và xuất bản thành tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Hồ Chí Minh muốn lan tỏa ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ đối với các hội viên của *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, mà còn muốn ánh sáng đó đi vào quần chúng nhân dân ở Việt Nam. Có như vậy, mới thổi bùng lên được ngọn lửa đấu tranh anh dũng theo con đường cách mạng vô sản.

Để chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, thức tỉnh quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh đã từng bước giải thích cho nhân dân những nội dung cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam. Điểm đặc biệt là Hồ Chí Minh luôn dùng những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, gần gũi với nhân dân để ai cũng hiểu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước hết, Hồ Chí Minh giúp nhân dân ý thức được vai trò của mình đối với cách mạng. Người khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào” [11; tr.672]. Do đó, trong cách mạng giải phóng dân tộc, quần chúng nhân dân là lực lượng chính của cách mạng và không ai quý trọng bằng nhân dân, không ai mạnh bằng sức mạnh của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, để quần chúng nhân dân phát huy được vai trò cần làm rõ cho nhân dân hiểu con đường cách mạng mà dân tộc Việt Nam sẽ thực hiện trong công cuộc giải phóng hoàn toàn. Mặt khác, cũng cần giúp quần chúng nhân dân thấy được sự ưu việt cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa so với các cuộc cách mạng tư sản. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta, nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân ta. Đó là cuộc cách mạng vĩ đại và vẻ vang nhất trong lịch sử loài người, nhưng đồng thời cũng là cuộc cách mạng gay go, phức tạp và khó khăn nhất” [9, tr.383]. Cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ giải phóng quần chúng nhân dân khỏi mọi áp bức, bóc lột và sống một cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa phải trường kỳ gian khổ mới đi đến thành công. Kết quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là dân tộc Việt Nam sẽ đoạn tuyệt với chế độ phong kiến, chế độ tư bản mà đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một xã hội mà mọi thứ đều là của chung, nhà nước của dân, do dân, vì dân và con người được phát triển toàn diện.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân

tộc đưa tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bàn về ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng tháng Tám đã giải phóng đồng bào ta ra khỏi chế độ quân chủ chuyên chế và xiềng xích thực dân.

Cách mạng tháng Tám đã xây dựng cho nhân dân ta cái nền tảng Dân chủ Cộng hòa và thống nhất độc lập” [6; tr.218]. Cách mạng tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự chủ và chủ nghĩa xã hội theo ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Sau Cách mạng tháng Tám, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng tiếp tục lãnh đạo quần chúng nhân dân xây dựng chế độ dân chủ mới để nhân dân thực sự là người làm chủ và là chủ đất nước. Hồ Chí Minh giải thích: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” [7; tr.382-383]. Trong đó, Hồ Chí Minh coi thực hành dân chủ là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi công việc vì nó phát huy tối đa vai trò của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh và Đảng còn thực hiện các chính sách kinh tế như giảm tô, chia lại ruộng đất cho nhân dân, tăng gia sản xuất để dân được ăn no mặc ấm. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: “Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để lừa dối dân ta và bóc lột dân ta” [5; tr.40]. Do đó, cần phải nâng cao dân trí để quần chúng nhân dân có kiến thức phổ thông và cũng là cơ sở để thực hiện vai trò làm chủ của mình. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tình thế ngàn cân treo sợi tóc của nước ta từng bước được giải quyết. Đồng thời, quần chúng nhân dân lại tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai để giải phóng hoàn toàn đất nước và đi tới hiện thực hóa lý tưởng xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa.

III. KẾT LUẬN

Đánh giá về hành trình đến với chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: “Luận cương những vấn đề dân tộc và thuộc địa đến với Người như một ánh sáng kỳ diệu nâng cao về chất tất cả những hiểu biết và tình cảm cách mạng mà Người hằng nung nấu” [1; tr.11]. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không chỉ thực hiện được tâm nguyện cứu nước, cứu dân của mình mà còn tạo ra sự thay đổi về chất trong tư duy và đưa đến công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam. Đó chính là tìm ra được con đường giải

phóng dân tộc là đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt cách mạng Việt Nam trong quỹ đạo của cách mạng vô sản. Từ đó, ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã dẫn lối cho cách mạng Việt Nam đi tới các thắng lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh (1980), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Trần Văn Giàu (2010), *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Dân Tiên (2004), *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Trẻ.
11. Song Thành (1999), *Hồ Chí Minh nhà văn hóa kiệt xuất*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Jean Sainteny (1953), *Lịch sử một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Paris, Amyot - dummont.

NGUYỄN ÁI QUỐC LỰA CHỌN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐỂ XÁC LẬP HỆ TƯ TƯỞNG MỚI CHO DÂN TỘC

TS. Phạm Đức Tiến

Ban Tuyên giáo Trung ương

Tóm tắt

Trong bài viết, tác giả nghiên cứu, làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trên phương diện: Nguyễn Ái Quốc là người suy nghiệm sâu sắc những bài học lịch sử, tìm đường, phác thảo và đưa đường lịch sử dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng tháng Mười Nga, con đường cách mạng vô sản.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng mới.

I. MỞ ĐẦU

Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác Lênin qua *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin vào ngày 16 - 17/7/1920, đến nay đã tròn 100 năm. Trong bài viết này, tác giả làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin để xác lập hệ tư tưởng mới cho dân tộc, qua các nội dung cơ bản: 1) Nguyễn Ái Quốc khẳng định cách mạng tư sản “là những cuộc cách mạng không đến nơi”; 2) Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng tháng Mười Nga, con đường cách mạng vô sản; 3) Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, xác lập cách nhìn mới, cách nghĩ mới, hệ tư tưởng mới cho dân tộc; 4) Nguyễn Ái Quốc phác thảo con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, định hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

II. NỘI DUNG

Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Tất Thành rất đau xót trước cảnh lầm than, cơ cực của đồng bào mình. Người sớm có ý chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Với mong muốn giải phóng cho dân tộc mình, cho đồng bào mình, Nguyễn Tất Thành đã tham gia nhiệt tình vào các phong trào đấu tranh yêu nước, song cũng sớm nhận ra hạn chế của các nhà yêu nước đương thời và đường lối cứu nước của họ. Người đã có những nhận xét tinh tế: Con đường cứu nước của Hoàng Hoa Thám thì mang nặng cốt cách phong kiến; Cụ Phan Bội Châu chống Pháp rất nhiệt tình nhưng lại muốn dựa vào Nhật để đuổi Pháp, điều đó chẳng khác nào "Đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau"; Cụ Phan Châu Trinh muốn dựa vào những cải cách tiến bộ của chính phủ Pháp, thật chẳng khác nào "Xin giặc rửa lòng thương"... Chính vì thế, ngày 5/6/1911,

Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước trên con tàu con tàu Latouche - Tréville, Người hướng sang phương Tây để tìm hiểu thực chất của những giá trị “tự do, bình đẳng, bác ái”, để “xem nước Pháp và các nước làm cách mạng như thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình”.

2.1. Cách mạng tư sản "là những cuộc cách mạng không đến nơi"...

Một cuộc khảo sát có một không hai qua nhiều nước thuộc Châu Âu, Châu Á, châu Phi và châu Mỹ đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận ra rằng "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột...". Càng đi nhiều, tìm hiểu nhiều, Người càng hiểu sâu sắc bản chất của chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ) - chủ nghĩa tư bản (CNTB) là nguyên nhân gây ra mọi đau khổ cho người lao động.

Điểm đặt chân đầu tiên của Nguyễn Tất Thành là nước Pháp hoa lệ, đất nước mà thực dân Pháp rêu rao là "nước mẹ văn minh", là "Tự do, bình đẳng, bác ái"... Nhưng hình ảnh của những phụ nữ, người lao động nghèo ở cảng Mác-xây, những khu nhà ổ chuột ở ngoại ô Pari,... buộc Nguyễn Tất Thành phải đặt câu hỏi "Tại sao người Pháp không "khai hoá" đồng bào của họ trước khi đi "khai hoá" chúng ta?".

Làm thuê trên chiếc tàu đi vòng quanh châu Phi, tận mắt trông thấy những cảnh khổ cực, chết chóc của người da đen dưới làn roi vọt của bọn thực dân đế quốc, Nguyễn Tất Thành đã khẳng định "Đối với bọn thực dân, tính mạng của người dân thuộc địa, dù da vàng hay da đen đều không đáng một xu".

Giữa tháng 12/1912, Nguyễn Tất Thành tới nước Mỹ. Ngoài thời gian lao động để kiếm sống, Người dành phần lớn thời gian cho học tập, nghiên cứu. Khi tới thăm tượng Nữ thần tự do - biểu tượng của nước Mỹ, nếu như nhiều người chỉ nhìn thấy ánh hào quang tỏa sáng trên cao thì Nguyễn Tất Thành lại đặt câu hỏi: Nữ thần tự do tỏa ánh hào quang trên cao xa liệu có nhìn thấy những người nô lệ da đen đói rách ở dưới chân...

Cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành từ Mỹ sang Anh, nơi nổi tiếng với khẩu hiệu "Mặt trời không bao giờ lặn trên đất nước Anh", đất nước được mệnh danh là "Công xưởng của thế giới", cái nôi của cách mạng tư sản Anh... Đến cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, Người đã cùng với những người yêu nước Việt Nam lập ra "Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp"...

Sự trải nghiệm thực tiễn cùng quá trình nghiên cứu lý luận cách mạng đã giúp Nguyễn Tất Thành học hỏi và phát hiện ra được nhiều điều. Người đưa ra những nhận định vô cùng chính xác:

- Cách mạng tư sản là những cuộc cách mạng không đến nơi, tiếng là cộng hòa dân chủ nhưng trong thì nó áp bức công nông, ngoài thì bóc lột thuộc địa... cách mạng ở các nước này hoàn thành được nhiều năm rồi mà công nông vẫn muốn làm cách mạng nữa...

- Nhân dân Việt Nam đã làm cách mạng thì phải làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mạng rồi thì quyền lợi giao cho dân chúng số nhiều,... thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, dân chúng mới được hưởng hạnh phúc...

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những “Hội những người Việt Nam yêu nước” gửi đến Hội nghị Véc-xây bản *Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam*. Bản yêu sách với những yêu cầu tối thiểu của nhân dân An Nam không được hội nghị để mắt tới. Điều đó thêm phần khẳng định bộ mặt giả dối của CNDQ - CNTB như Người vạch trần “Chủ nghĩa Uyn-xon chỉ là trò bịp bợm” và “các dân tộc muốn được giải phóng thì phải dựa vào sức mình là chính”...

2.2. Lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng tháng Mười Nga, con đường cách mạng vô sản

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, một đảng có xu hướng tiến bộ, chủ trương chống lại những chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp đối với công nhân chính quốc và nhân dân thuộc địa. Môi trường đó giúp Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân, tìm hiểu thêm nhiều vấn đề và có cơ hội tiếp xúc, hoạt động cùng nhiều nhà chính trị nổi tiếng như Mácxen Casanh, Pôn Vâyăng, Longghê...

Khi được biết cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, Nguyễn Ái Quốc đã hướng về nước Nga, hướng tới Lênin với tấm lòng đầy kính phục. Người đã tham gia nhiều cuộc vận động ủng hộ nhân dân Nga và bảo vệ thành quả cách mạng tháng Mười.

Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Luận cương đã giải đáp trúng những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đang trăn trở, tìm kiếm; nó giúp Người thấy rõ con đường thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc. Người đi đến quyết định dứt khoát “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản” và “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”.

Bác Hồ kể lại: Giữa mùa đông tuyết lạnh, sống trên một căn gác nhỏ, nhà số 9, ngõ Công-poăng, Pari; sưởi bằng một viên gạch hồng bọc giấy nhật trình, Nguyễn Ái

Quốc chăm chú đọc báo *Nhân đạo*, mê mải nghiên cứu từ đầu đến cuối bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Thế là từ trong lòng phát ra một nguồn năng lượng vô tận, đi tới thay đổi tương lai của cả một dân tộc. Xúc động đến trào nước mắt, Người nói to lên như đứng trước đông đảo quần chúng "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta!". Kể từ đây, Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin tưởng và đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đi theo con đường cách mạng vô sản.

Tháng 12/1920, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp tại Tua, vấn đề thành lập Đảng cộng sản và gia nhập Quốc tế cộng sản được đưa ra tranh luận rất gay gắt. Nguyễn Tất Thành bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III và thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Có nhiều người đã thắc mắc: Vì sao Nguyễn Ái Quốc. Người dân của một nước thuộc địa, lại bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế III và thành lập Đảng cộng sản Pháp? Người đã giải thích hành động đầy ý nghĩa đó như sau: "Đệ tam quốc tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn đệ nhị quốc tế không hề nhắc đến vận mệnh của các dân tộc thuộc địa. Vì vậy tôi tán thành đệ tam quốc tế. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đó là tất cả những điều tôi mong muốn."

Hành động bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế III và thành lập Đảng Cộng sản Pháp đánh dấu bước nhảy vọt trong lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Từ lập trường của chủ nghĩa yêu nước, từ một chiến sĩ yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển sang lập trường của chủ nghĩa cộng sản, trở thành người chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Đây cũng là bước ngoặt quan trọng của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, kể từ đây cách mạng Việt Nam đã gia nhập vào dòng chính của cách mạng thời đại - cách mạng vô sản - con đường duy nhất đúng đắn, mang lại độc lập, tự do cho dân tộc.

2.3. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, xác lập cách nhìn mới, cách nghĩ mới, hệ tư tưởng mới cho dân tộc

Sau khi trở thành người chiến sĩ cộng sản, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nguyễn Ái Quốc dành nhiều thời gian học tập và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, bắt đầu xây dựng hệ thống lý luận cách mạng giải phóng dân tộc truyền bá về nước, tích cực vận động phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

Từ năm 1921 đến tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp. Người viết nhiều báo đăng trên các báo *Nhân đạo*, *Đời sống thợ thuyền*, *Tạp chí cộng sản*,... tham

gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, xuất bản báo *Người cùng khổ*; làm trưởng ban nghiên cứu vấn đề Đông Dương trong "Ban nghiên cứu thuộc địa" của Đảng cộng sản Pháp, viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*... Tư tưởng của Người thời kỳ này nổi bật lên một số luận điểm sau:

- Người đánh giá rất cao vấn đề thuộc địa, thấy ở đó một sức mạnh to lớn, một lực lượng đông đảo,... cách mạng thuộc địa là một bộ phận quan trọng của cách mạng thế giới và cách mạng thế giới muốn thắng lợi phải thiết lập sự liên minh chặt chẽ với cách mạng thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng: nền tảng của CNĐQ, sức sống chủ yếu của CNĐQ là ở thuộc địa...

- Người phê phán sai lầm của một số Đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển "chưa quan tâm đến vấn đề thuộc địa". Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp cử cán bộ sang Đông Dương nghiên cứu tình hình tại chỗ và đưa ra những hành động thiết thực.

- Đánh giá chính xác tình hình thực tế ở các nước thuộc địa, để trả lời chủ nghĩa cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng? Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, cũng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Người Đông Dương không chết, đằng sau sự phục tùng tiêu cực ấy giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ ghê gớm khi thời cơ đến... Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi, chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi..."...

Tiếng nói tố cáo tội ác, tiếng nói tuyên truyền cách mạng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, vận động cách mạng, thức tỉnh quần chúng,... của Nguyễn Ái Quốc đã đến với nhân dân các nước chính quốc, các dân tộc thuộc địa qua báo chí, qua những hội viên của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, qua những người từng gặp, nói chuyện với Nguyễn Ái Quốc.

Bằng phương pháp kết hợp nhuần nhuyễn giữa thực tiễn và lý luận, lấy thực tiễn để chứng minh cho lý luận, lấy lý luận để soi rọi cho thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc đã thu được kết quả to lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến các dân tộc thuộc địa nói chung và Đông Dương nói riêng, xây dựng được mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động ở chính quốc với nhân dân các nước thuộc địa và giữa các dân tộc thuộc địa với nhau.

Từ tháng 6/1923 đến cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. Đây là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc có dịp đi sâu nghiên cứu có hệ thống chủ nghĩa Mác -

Lênin, học tập kinh nghiệm cách mạng tháng Mười Nga, khảo nghiệm thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và tìm hiểu thực tiễn hoạt động của Quốc tế III, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận cách mạng...

Khi rời Pháp để tới Liên Xô tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã gửi cho Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa và Ban biên tập báo "Người cùng khổ" một bức thư tổng kết hoạt động của Hội, đồng thời nêu rõ mục tiêu phấn đấu trước mắt của Người là "Trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra tranh đấu để giành độc lập, tự do". Mục tiêu ấy tuy chưa được thực hiện ngay nhưng đến Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra những khả năng chắc chắn hơn để thực hiện những mục tiêu ấy.

Đặt chân lên đất nước Liên Xô, Người đã tranh thủ khảo sát, tìm hiểu mọi mặt của chế độ Xô Viết, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm cách mạng tháng Mười Nga. "Tai nghe", giờ "mắt thấy" làm cho Nguyễn Ái Quốc càng hiểu sâu sắc hơn chủ nghĩa Mác - Lênin...

Người tham dự nhiều hội nghị quốc tế quan trọng như: Đại hội quốc tế nông dân, Đại hội quốc tế công hội đỏ, Đại hội quốc tế thanh niên, Đại hội quốc tế phụ nữ... Đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản. Trong Đại hội này, Người đã trình bày bản tham luận nhấn mạnh tầm quan trọng của cách mạng giải phóng dân tộc và những kiến nghị nhằm đẩy mạnh cuộc cách mạng ấy...

Đối với các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: cách mạng thuộc địa chỉ có thể thành công dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Người chỉ rõ: "Trong tất cả các nước thuộc địa của Pháp, nạn đói nghèo đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao, sự nổi dậy của người dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã nhiều lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị tắm trong máu. Nếu hiện nay, nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, nguyên nhân là vì họ thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế cộng sản cần giúp họ tổ chức nhau lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và hướng dẫn họ đi tới cách mạng, đi tới giải phóng". Nói một cách cụ thể, cách mạng Việt Nam, Đông Dương và cách mạng ở các nước thuộc địa cần có sự lãnh đạo của một Đảng cộng sản chân chính.

Kiến nghị của Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế cộng sản ủng hộ, Người được giao nhiệm vụ vận động thành lập một Đảng cộng sản ở Đông Dương.

Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu. Đây là thời gian Nguyễn Ái Quốc trực tiếp xác lập cách nhìn mới, cách nghĩ mới, hệ tư tưởng mới và phương châm hành động đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

Gần bốn tháng sau khi tới Quảng Châu, qua sự giới thiệu của cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc đã gặp và thảo luận với những thanh niên yêu nước thuộc tổ chức "Tâm tâm xã". Người tổ chức ra nhóm cách mạng đầu tiên - nhóm "Cộng sản đoàn" - gồm 9 người, trong đó có 5 người được kết nạp làm đảng viên dự bị như Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Hà Huy Tập... Những đầu mối liên lạc đầu tiên cho sự chỉ đạo phong trào đã được thiết lập.

Với cách mạng Việt Nam, ngày 19/2/1925 (ngày thành lập nhóm "Cộng sản đoàn" - theo như lá thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế cộng sản) được xem như một mốc lịch sử đánh dấu "Sự khởi điểm cho mọi sự kỳ diệu: nhân tố của mọi nhân tố thắng lợi đã bám rễ tươi rói vào lòng dân tộc và quê hương". Nhân tố ấy là nhóm "Cộng sản đoàn" - cái mầm đầu tiên của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Từ kinh nghiệm của "Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa", Nguyễn Ái Quốc đã cùng nhiều nhà cách mạng ở Ấn Độ, Trung Quốc, Triều Tiên... sáng lập ra "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông". Ngay lập tức, Hội trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết và lãnh đạo phong trào cách mạng ở Đông Nam Châu Á.

Tháng 6/1925, từ nhóm cộng sản đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc thành lập "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên" - trung tâm tập hợp những người yêu nước Việt Nam. Người cho ra tờ báo *Thanh niên* (21/6/1925), mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ cách mạng. Từ năm 1925 đến năm 1927, Nguyễn Ái Quốc tổ chức được 10 khóa học, đào tạo được khoảng 200 học viên. Sau khi kết thúc khóa học, một số học viên được gửi đi đào tạo ở Trường Đại học Phương Đông (Trần Phú, Lê Hồng Phong...), Trường Quân sự Hoàng Phố (Phùng Chí Kiên, Trương Văn Lệnh...); còn phần lớn được cử về nước tham gia hoạt động và lãnh đạo phong trào cách mạng.

Kể từ đây, cách mạng Việt Nam đã có người lãnh đạo chân chính - Một tổ chức yêu nước, đứng trên lập trường của chủ nghĩa cộng sản, hướng cách mạng nước ta đi theo con đường cách mạng tháng Mười Nga, con đường cách mạng vô sản.

Nguyễn Ái Quốc đã xác lập ở thế hệ cách mạng đầu tiên và sau đó là cả dân tộc một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới, một hệ tư tưởng mới theo lập trường của chủ nghĩa cộng sản.

Thực tế những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng đã kéo theo sự khủng hoảng tinh thần của nhiều thế hệ và của cả dân tộc. Chính sách lừa bịp, mị dân của thực dân Pháp đã làm biết bao người quên đường tìm về với dân tộc. Nhiều thanh niên xác định lý tưởng của mình ở học tập để làm quan, lấy vợ con nhà giàu, có lương cao, bổng lộc, được sung

sướng, quyền chức địa vị hơn người... Bộ phận thanh niên bỗng bật lại mái mê chơi bời trong những thú vui đánh đu, leo cột mỡ, bài bạc... Họ bỏ sau lưng cảnh lầm than của dân tộc để: "Con gái thì sột soạt quần lụa trắng, sặc sỡ nước hoa; con trai thì tóc chẻ tăng gô, đi giày Nhật Bản, miệng nhồm nhoàm bánh quy, áo quần súng sính xanh đỏ ngày ngày trên hoa ngheo nguyệt hoặc để hết tâm trí xác định lý tưởng của mình ở những đôi bít tất kẻ sọc, những gậy batoong, những mũ "mốt xăng" hay cà vạt màu... Nhiều người bị quan yếm thế, bế tắc trong chán trường thì vui đầu vào những thú vui chơi trụy lạc (thuốc phiện, gái...), hoặc cùng vợ con, người yêu,... tìm đến cái chết ở Hồ Tây, Hồ Gươm hay trên những căn gác nhỏ vắng lạnh... Cả dân tộc đang quay cuồng trong cơn bế tắc, hoang mang cực độ...

Đứng trước một thực tế như vậy, Nguyễn Ái Quốc trấn trở "Để phát động được một phong trào cách mạng mới, không phải chỉ có vấn đề định ra một đường lối, lập ra một tổ chức, tính toán đường đi nước bước mà có cả một vấn đề khó nhất là xác lập một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới, một hệ tư tưởng mới". Người quyết tâm làm việc ấy mà trước hết ở những con người thuộc thế hệ cách mạng đầu tiên; để rồi thông qua những con người này và hoạt động thực tiễn của họ sau này sẽ làm thay đổi nội dung hệ tư tưởng của cả dân tộc, thay đổi hẳn nội dung phong trào cách mạng Việt Nam, làm cho quần chúng cách mạng và cả dân tộc sáng mắt, sáng lòng đi mãi đến chiến thắng...

Lịch sử đã chọn những con người như: Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Hà Huy Tập, Vương Thúc Oánh, Trần Phú, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Đỗ Ngọc Du,... đi đầu trước hết để làm ra nó. Đến với "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên", được Nguyễn Ái Quốc huấn luyện, dìu dắt trong những lớp học ở Quảng Châu. Họ nhận ra tâm bệnh của mình (Bệnh mãn thời ưu thế...) và họ thấm thía rằng: là người cách mạng thì phải luôn lạc quan tin tưởng; tự mình phải cần kiệm, hòa mà không tư, cả quyết sửa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát; phải hay hỏi, nhẫn nại, hay nghiên cứu, xem xét, vị công vong tư, không hiếu danh kiêu ngạo, nói thì phải làm, phải giữ chủ nghĩa cho vững, sẵn sàng hy sinh, ít lòng ham muốn về vật chất, phải giữ bí mật; đối với từng người thì phải khoan thứ; với đoàn thể phải nghiêm...; đối với công việc thì phải luôn xem xét hoàn cảnh kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể...

Lớp học đặt ở Quảng Châu có một tác dụng to lớn về tư tưởng. Nguyễn Ái Quốc rèn luyện cho họ phương pháp đấu tranh cách mạng, phương pháp tuyên truyền, xây dựng tổ chức phong trào, phương pháp vận động từng đối tượng như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính, trí thức... Những năm 1925 - 1926, Quảng Châu là căn cứ địa cách mạng của Trung Quốc. Được sự ủng hộ của chính phủ cách mạng

Quảng Châu, cuộc bãi công của công nhân Hương Cảng kéo dài một năm rưỡi, 13 vạn công nhân rút về Quảng Châu, tràn ngập đường phố với tiếng hát "Vùng lên" vang dậy đường hành quân lên Bắc; đường phố Quảng Châu hùng hực khí thế cách mạng, thành phố sôi nổi những cuộc đấu tranh quần chúng. Giữa một thực tế sống động vĩ đại về cao trào cách mạng và đấu tranh giai cấp, đã bồi dưỡng niềm tin ở sức mạnh của quần chúng nhân dân và mài giũa giác quan chính trị của các đồng chí ta; nó nâng cao sức mạnh ý thức và quyết tâm chung về xây dựng thực lực và đấu tranh cách mạng nước nhà. Họ hiểu rằng để phát động phong trào cách mạng phải có đường lối đúng đắn, phải có sự lãnh đạo - tổ chức chặt chẽ, có đường đi nước bước,... phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, chứ không được hành động mù quáng...

Đường Kách mệnh - Những phác thảo con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, định hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.

Đường lối cứu nước đã được Nguyễn Ái Quốc phác thảo từ năm 1921, nhưng được thể hiện tập trung nhất trong Tập bài giảng ở các lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu. Năm 1927, những bài giảng này được tập hợp lại in thành tác phẩm *Đường Kách mệnh* với những nội dung cơ bản sau:

- Vạch trần bản chất của CNTD - CNDQ, xác định chúng là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất của nhân dân Đông Dương, của các dân tộc thuộc địa và của giai cấp công nhân, nhân dân lao động trên thế giới.

Thực dân Pháp nói rằng đến Việt Nam để "khai hóa văn minh" nhưng kỳ thực là đi ăn cướp, áp bức bóc lột nhân dân Việt Nam, biến nhân dân Việt Nam thành nô lệ. Điều đó vạch trần sự dối trá, lừa bịp của chúng và khẳng định chủ nghĩa thực dân Pháp "Khai hóa văn minh" cho Việt Nam bằng lưỡi lê, họng súng và đại bác...

Đi nhiều nơi đến nhiều nước, chứng kiến sự đói khổ cùng cực của những người lao động, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra rằng: ở đâu trên thế giới, những người lao động cũng bị áp bức bóc lột, ở đâu CNTB - CNDQ cũng tàn ác, dã man như nhau. Trên cuộc đời này chỉ có hai giống người: giống người bị bóc lột và giống người đi bóc lột, kẻ bị trị và bọn thống trị.

Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản ở các nước chính quốc để đánh đổ CNTB - CNDQ, đánh đổ kẻ áp bức bóc lột mình; đem lại độc lập tự do cho dân tộc, ấm no, hạnh phúc cho đồng bào.

- Chỉ có cách mạng vô sản là triệt để nhất và vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động.

Nguyễn Ái Quốc giới thiệu những cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, từ cách mạng tư sản Mỹ (1776) đến cách mạng tư sản Pháp (1789); từ Công xã Pari (1871) đến cách mạng tháng Mười Nga (1917). Sau khi so sánh cách mạng tư sản với cách mạng vô sản, Người khẳng định: "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã bốn lần rồi mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức".

Người khẳng định "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là thành công và thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc Pháp khoe khoang bên Việt Nam".

Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: Việt Nam đã làm cách mạng thì phải làm cho đến nơi, phải làm cách mạng giống như cách mạng Nga đã làm để "làm sao cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc".

Đây là điểm xuất phát và là điểm khác nhau cơ bản giữa con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với những con đường cứu nước trước kia.

- Mục tiêu và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội. Song trước hết phải giải phóng dân tộc, đánh đuổi bọn đế quốc, giành lấy độc lập tự do.

Vấn đề thay đổi chế độ áp bức bóc lột bằng một chế độ công bằng bình đẳng được làm rõ khi Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng: từ xưa đến nay, từ chiếm hữu nô lệ đến phong kiến, từ phong kiến lên TBCN - đó chẳng qua chỉ là sự thay đổi chế độ áp bức bóc lột này bằng một chế độ áp bức bóc lột khác mà thôi. Muốn xóa bỏ chế độ người bóc lột người, muốn có tự do, hạnh phúc, bình đẳng thật sự thì Việt Nam phải qua hai cuộc cách mạng: cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN. Hai cuộc cách mạng này có mối quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng giải phóng dân tộc đi trước một bước để mở đường, tạo ra những tiền đề cần thiết để tiến hành cách mạng XHCN; ngược lại cách mạng XHCN là mục tiêu, là động lực thúc đẩy cách mạng giải phóng dân tộc.

Điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc ở chỗ xác định tính chất cách mạng thuộc địa là "Dân tộc cách mệnh". Trong khi nhiều nhà cách mạng ở các nước chính quốc và Quốc tế cộng sản còn đề cao và đặt vấn đề "giải phóng giai cấp" lên hàng đầu thì

Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng thuộc địa, thực tiễn cách mạng Việt Nam để rồi khẳng định: Đối với cách mạng các nước thuộc địa thì vấn đề giải phóng dân tộc phải đặt lên hàng đầu.

Đây là cơ sở chắc chắn nhất để Nguyễn Ái Quốc xác định đúng đắn những vấn đề khác của cách mạng Việt Nam như: kẻ thù cách mạng, nhiệm vụ cách mạng, về lực lượng, phương pháp và đội tiên phong của cách mạng...

Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trở thành nền tảng, tiêu chuẩn để Nguyễn Ái Quốc, Đảng ta sau này hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn. Độc lập dân tộc gắn liền CNXH trở thành mục tiêu phấn đấu, thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam.

- Lực lượng cách mạng: Công nông là gốc cách mạng, là chủ cách mạng, giai cấp công nhân là giai cấp nắm giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ,... là bầu bạn của công nông.

Công nhân và nông dân là lực lượng bị áp bức bóc lột nặng nề nhất ở Việt Nam, họ là những người căm thù sâu sắc thực dân Pháp, đế quốc, phong kiến. Hơn nữa, ai bị áp bức càng nặng thì lòng cách mạng càng bền, chí cách mạng càng quyết... cho nên công nhân và nông dân là hai lực lượng đông đảo nhất, là gốc, là chủ cách mạng. Chỉ có giai cấp công nhân là có đầy đủ năng lực và phẩm chất để lãnh đạo cách mạng. Chỉ có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân với chính đảng của nó mới đảm bảo chắc chắn cách mạng giải phóng dân tộc sẽ tiến lên cách mạng XHCN. Giai cấp nông dân tuy đông đảo (trên 90% dân số) song không đại diện cho một phương thức sản xuất tiên bộ, không có một hệ tư tưởng riêng, ý thức tổ chức kỷ luật non kém,... cho nên không thể nắm giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Nguyễn Ái Quốc phê phán những trào lưu cơ hội chủ nghĩa nịnh dân, coi nông dân là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất... Trào lưu này sẽ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, cực đoan, vô chính phủ và đi đến phản bội chủ nghĩa Lênin.

Vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh giá đúng "tình đoàn kết nghĩa đồng bào" và truyền thống yêu nước chống quân xâm lược của dân tộc Việt Nam; mặt khác xuất phát từ sự phân tích địa vị kinh tế, chính trị và thái độ của các giai tầng trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá đúng khả năng cách mạng của học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ...

Khả năng phân tích khoa học, giúp Nguyễn Ái Quốc và những thế hệ cách mạng đầu tiên xây dựng được một lực lượng cách mạng đông đảo, đồng thời có sách lược đúng đắn để cô lập và phân hóa kẻ thù. Đây là điều kiện, là nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

- *Phương pháp cách mạng: sử dụng bạo lực cách mạng.*

Giải phóng công cùm nô lệ cho đồng bào là công việc "to tát". Cho nên, "phải dùng hết sức", phải "quyết tâm làm thì chắc được", "thà chết tự do hơn sống làm nô lệ"...

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, vì vậy phải tuyên truyền giáo dục họ về mục đích cách mạng, nhiệm vụ, phương pháp, kẻ thù nguy hiểm của cách mạng; phải tập duyệt, rèn luyện cho họ ý chí quyết tâm, bền gan chiến đấu lâu dài, sẵn sàng hy sinh mọi thứ vì sự nghiệp cách mạng; làm cho họ ý thức được rằng: phải đồng tâm hiệp lực thì mới mong "đánh đổ cái giai cấp áp bức mình", "giải phóng công cùm nô lệ cho đồng bào mình"...

Muốn cách mạng thắng lợi thì người cách mạng phải biết so sánh lực lượng, phải hiểu biết tình thế, phải biết "muru trước", dám bền gan, hy sinh,... phải "biết cách làm thì mới chóng". Đồng thời cuộc cách mạng đó phải có tổ chức, có đường lối đúng đắn, phải có đường đi nước bước,... chứ không phải là một cuộc nổi loạn, hành động mù quáng... Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Một cuộc khởi nghĩa vũ trang có khả năng nổ ra và thắng lợi ở Đông Dương.

Như vậy, quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về phương pháp cách mạng là quan điểm cách mạng bạo lực. Người phê phán thiếu sót của những người đi trước như "xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức" hoặc "làm cho dân quen tính ỷ lại mà quên tính tự cường",... phải làm sao để "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại được".

- *Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên "ai làm cách mạng trên thế giới cũng đều là đồng chí của nhân dân An Nam".*

Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như ở các nước thuộc địa và cách mạng chính quốc có chung một kẻ thù là CNTB - CNDQ. Còn CNTB - CNDQ như một con đĩa có hai cái vòi, một cái vòi bám lấy giai cấp vô sản ở chính quốc, một cái vòi hút máu của nhân dân thuộc địa. Cho nên cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc phải có mối quan hệ khăng khít với nhau như hai cái cánh của cách mạng thời đại, cùng phối hợp nhịp nhàng để giết con vật nguy hiểm ấy.

Nguyễn Ái Quốc đã phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin khi khẳng định tính độc lập, chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong khi chủ nghĩa Mác - Lênin và Quốc tế cộng sản còn cho rằng mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa mang tính thụ động một chiều diễn ra theo tuần tự: Cách mạng vô sản chính quốc thắng

lợi sẽ quyết định sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc,... thì Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua sự hạn chế của lịch sử để khẳng định: Cách mạng giải phóng dân tộc có thể nổ ra và thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc, nó không lệ thuộc hoàn toàn mà còn có tác dụng ngược lại, thúc đẩy cách mạng vô sản chính quốc tiến lên...

Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc phê phán thái độ trông chờ, ỉ lại vào sự giúp đỡ của chính quốc; Người kêu gọi các dân tộc thuộc địa phải chủ động "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", "tự cứu lấy mình trước khi người cứu"...

- Cách mạng muốn thành công, trước hết phải có đảng cách mạng.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân,... là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng. Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ngay từ khi tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã nắm vững quy luật "Đảng có vững cách mạng mới thành công cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy". Đảng muốn vững phải có lý luận soi đường (Không có lý luận cách mạng thì không có cách mạng vận động) Chỉ có theo lý luận cách mạng tiên phong, đảng cách mạng mới làm tròn vai trò tiên phong của mình, lý luận ấy là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Muốn cho Đảng vững, phải làm cho trong Đảng ai cũng hiểu, ai cũng theo chủ nghĩa ấy...

Đường lối cứu nước theo lập trường vô sản của Nguyễn Ái Quốc đã trở thành sự lựa chọn của lịch sử dân tộc. Những người trí thức cộng sản đã góp phần làm cho đường lối ấy đi sâu, bám chắc vào quần chúng; loại bỏ sự ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương tư sản, làm cho quần chúng thấy được, phân biệt được đâu là cải lương, không triệt để, nửa vời,... đâu là cách mạng, triệt để, chân chính... Lý luận kết hợp với thực tiễn làm thay đổi hẳn nội dung phong trào cách mạng Việt Nam. Sự thay đổi ấy buộc thực dân Pháp phải thừa nhận và khiếp sợ. Le'Macty, trùm mật thám Pháp thừa nhận "Cái kết quả đặc sắc nhất của những cố gắng của đảng trong những năm 1927 - 1928 là ở chỗ thay đổi tâm trí đảng viên. Năm 1926 thì những đảng viên ưu tú nhất của họ còn nghĩ rằng mình theo chủ nghĩa dân tộc. Tháng 5/1929, họ trở thành cộng sản và nóng lòng tỏ ra mình là cộng sản". Đến cuối năm 1929, Paxkiê - toàn quyền Đông Dương, tên sát nhân ở Yên Bái và Xô viết, Nghệ Tĩnh - cũng phải than thở "Chúng ta không còn đương đầu với những sĩ phu tiếc nuối một quá khứ tàn tạ. Trước mắt chúng ta bây giờ là cả một tổ chức mới lấy cảm hứng từ phương Tây". Nhưng Paxkiê nhầm to vì đó không phải là một "cảm hứng" như ông ta nghĩ mà đó là một tư duy khoa học và cách mạng, một cách nghĩ chính xác bắt nguồn từ *Đường Kách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc.

III. KẾT LUẬN

Trên hành trình tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin để xác lập một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới, một hệ tư tưởng mới, một phương châm hành động mới cho cách mạng Việt Nam. Không những nắm vững thực chất của chủ nghĩa Mác - Lênin mà ngay từ đầu Người đã vận dụng sáng tạo để vạch ra nhiệm vụ, phương hướng phát triển đúng đắn cho cách mạng nước ta trong thời đại mới. Đây là yếu tố quyết định làm cho đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc không chỉ phù hợp với xu thế thời đại, thực tiễn khách quan, mà đó chính là nguyện vọng của quần chúng nhân dân Việt Nam. Con đường ấy đã giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản vào nửa cuối năm 1929 và Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930, mở đường cho những thắng lợi to lớn và vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Sách tham khảo).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Trường Chinh (1992), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
4. Phạm Văn Đồng (1976), *Hồ Chủ tịch tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Thành Duy (2004), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đặng Xuân Kỳ (1997), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Song Thành (2006), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

SƠ THẢO LUẬN CƯƠNG CỦA V.I. LÊNIN - BƯỚC NGOẶT TRONG HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung

GV. Ngô Hảo Nhi

Học viện Chính trị Khu vực I

Tóm tắt

Bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (gọi tắt là Luận cương của Lênin) đã có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Luận cương của Lênin đã tạo ra bước ngoặt căn bản về chất trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước. Tròn 100 năm, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận và phát hiện chân lý thời đại trong bản Luận cương của Lênin. Đó là dấu mốc vàng mở ra tiền đồ mới cho dân tộc Việt Nam.

***Từ khóa:** Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin, hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.*

1. Con đường Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin

Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin hoàn toàn không phải ngẫu nhiên, đó là hành động đáp ứng nhu cầu của lịch sử dân tộc và xu thế thời đại, một tất yếu lịch sử.

Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước mất, nhà tan. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đất nước ta đắm chìm trong đêm trường nô lệ. Với ách đô hộ của thực dân Pháp, chúng đã biến nước ta thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Chúng dùng mọi thủ đoạn thâm độc khai thác tài nguyên và bóc lột dã man của cải và sức lao động của nhân dân ta để làm giàu cho chính quốc. Trước tình cảnh ấy, nhân dân ta đã phát huy truyền thống yêu nước từ bao đời để lại, đứng dậy tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai giành độc lập, tự do nhưng đều thất bại. Nhiều chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã xuất dương tìm đường cứu nước nhưng vẫn không tìm ra một con đường mang lại hiệu quả đích thực. Bằng nhãn quan chính trị, sớm nhận thức được hoàn cảnh đất nước, Người

đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, bởi trong Người đang nung nấu một quyết tâm cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”¹. Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi. Trước khi ra đi nước ngoài, Nguyễn Tất Thành được trang bị một vốn học vấn chắc chắn, một năng lực trí tuệ sắc sảo, một tâm lý của người đi tìm hiểu, khám phá nền văn minh Pháp và phương Tây kết hợp chặt chẽ với lòng yêu nước và bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo, Nguyễn Tất Thành đã đến tận nước Pháp và các nước Âu, Mỹ nơi có chủ nghĩa thực dân đang chà đạp lên quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của đồng bào để khám phá và làm quen với các nền văn minh, dùng nó làm vũ khí để chống lại thực dân.

Về mục đích ra đi của mình, năm 1923, Nguyễn Ái Quốc trả lời một nhà báo Nga Ôxíp Mandenxtan: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”². Một lần khác, trả lời một nhà văn Mỹ Aana Luy Xotorông, Người nói: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”³.

Năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê trên một chiếc tàu của hãng Sác-giơ Rê-ny-ni đi vòng quanh châu Phi, đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, An-giê-ri, Tuy-ni-di, Công-gô... Đi qua nhiều đất nước, nhiều nền văn minh, nhiều châu lục nhưng Nguyễn Ái Quốc đã chọn Mỹ, Anh, Pháp để được trải nghiệm. Nước Mỹ thu hút Người bởi *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 và tượng Nữ thần tự do đứng sừng sững trên vịnh Niu Oóc khi tàu và thuyền vào cảng trong khoảng 10km đã nhìn thấy. Người đã sống trên đất Mỹ từ cuối năm 1912 đến giữa năm 1913. Sau đó, Người sang Anh, đất nước giàu mạnh có nhiều thuộc địa trải rộng khắp trên mặt địa cầu thời đó, đúng như các thủy thủ mách bảo: Anh quốc là đất nước mặt trời không bao giờ lặn. Đến nước Anh, để kiếm tiền sinh sống, Người nhận việc cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ dệt lò. Người chưa hề biết, trước đó,

¹ Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.112.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.461.

³ Báo Nhân dân, số 4062, ngày 18/5/1965.

các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản như C. Mác, Ph. Ăngghen đã sống ở Luân Đôn, lấy đất nước Anh làm nguyên mẫu nghiên cứu giai cấp tư sản và giai cấp công nhân và cũng tại đây, đã hình thành một hệ tư tưởng đối lập với hệ tư tưởng tư sản - chủ nghĩa cộng sản với cuốn *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* năm 1848.

Sau nhiều tháng năm trong hành trình xuyên đại dương, Người trở lại nước Pháp - trung tâm văn hóa và chính trị của châu Âu và tham gia vào rất nhiều các tổ chức như Đảng Xã hội Pháp, Câu lạc bộ Phơbua, ngoài ra Người còn tham gia các phong trào đấu tranh. Sau này, khi được hỏi vì sao lại tham gia vào Đảng Xã hội Pháp, Người đã từng trả lời: “Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”⁴. Thông qua hoạt động thực tiễn, tận mắt thấy cuộc sống cực khổ của nhân dân các nước thuộc địa và cũng thấy được sự bất công ngay trên các nước tư bản phát triển, Người khẳng định: Ở Pháp cũng có những người Pháp tốt, cũng có người nghèo như ở bên ta, những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt, song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Qua đó, Người sớm hình thành tình cảm quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân; chủ nghĩa yêu nước của Người bắt đầu mang một tình cảm mới, làm cơ sở cho chủ nghĩa Quốc tế vô sản của dân tộc Việt Nam sau này. Những hoạt động thực tiễn và tiếp thu chân lý ban đầu đã làm sáng tỏ hơn con đường cứu nước mà Người hướng tới.

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi là sự kiện chính trị nổi bật của thế kỷ XX, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử loài người, đưa học thuyết cách mạng của C. Mác từ sách vở trở thành hiện thực đầu tiên, đưa cách mạng thế giới bước sang thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cũng thời gian đó, Hồ Chí Minh thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước gửi đến Hội nghị Véc-xây bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách không được chấp nhận, điều đó bóc trần tính giả dối, lừa bịp của Chủ nghĩa Uyn-xơn về quyền dân tộc tự quyết được đưa ra trong thời gian tiến hành Hội nghị Véc-xây. Đây là giai đoạn Nguyễn Ái Quốc có bước nhận thức mới về quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Lần đầu tiên những quyền lợi cơ bản, chính đáng, thiết thực của nhân dân Việt Nam được nêu ra trong diễn đàn quốc tế. Trong quá trình hoạt động, tư tưởng và lý luận của Nguyễn Ái Quốc đã hướng gần với Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác - Lênin.

⁴ Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.61.

Tháng 7/1920, Người đã được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) Pháp. Bản Luận cương đó như luồng tia sáng chiếu rọi vào tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, đem đến cho Người một nhãn quan chính trị mới. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc bản Luận cương của Lênin, cùng với những hoạt động sát cánh với các tầng lớp công nhân, trí thức Pháp và các đại biểu thuộc địa, là tiền đề có tính quyết định việc Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII tổ chức ở thành phố Tours, tháng 12/1920. Từ đây, Người chính thức trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là mốc lịch sử quan trọng trong hành trình tìm đường cứu nước của Người, đánh dấu bước chuyển biến quyết định, nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Người.

2. Sự chuyển biến trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam khi bắt gặp Luận cương của Lênin

Thứ nhất, Người đã xác định rõ đâu là kẻ thù của giai cấp, của dân tộc và phải chĩa ngọn cờ cách mạng vào đúng kẻ thù. Nhận thức về bản chất chế độ tư bản chủ nghĩa, Lênin viết: “*Chế độ dân chủ tư sản, do bản chất của nó, vốn có cái lõi đặt vấn đề một cách trừu tượng hoặc hình thức về quyền bình đẳng nói chung, trong đó bao gồm cả quyền dân tộc bình đẳng. Nấp dưới quyền bình đẳng của cá nhân nói chung, chế độ dân chủ tư sản tuyên bố quyền bình đẳng hình thức hoặc quyền bình đẳng trên pháp luật giữa kẻ hữu sản và người vô sản, giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột; do đó, làm cho những giai cấp bị áp bức bị lừa dối một cách ghê gớm*”⁵. Nội dung của Luận cương Lênin đã đánh giá đúng tình hình lịch sử cụ thể; phải phân biệt rõ rệt lợi ích giai cấp của những người lao động, những người bị bóc lột, làm sáng tỏ bức tranh của chế độ tư bản chủ nghĩa. Chính giai cấp tư bản chủ nghĩa áp bức, bóc lột nhân dân lao động chính quốc, đồng thời đô hộ đàn áp các nước thuộc địa. Về kẻ thù của cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* năm 1930, đó là: thực dân Pháp và bọn phong kiến. Đồng thời, phân tích rõ mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc để lôi kéo, đoàn kết tập trung mọi lực lượng tiến hành cách mạng, nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của giai cấp vô sản, nhân dân lao động.

Thứ hai, Sơ thảo luận cương của Lênin chỉ rõ cho Nguyễn Ái Quốc thấy động lực to lớn và lực lượng chính của cách mạng đó là giai cấp công nhân và nông dân. Từ ý

⁵ Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.198.

chí tìm lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, từ thực tiễn hoạt động cách mạng, thấy được sức mạnh to lớn của nhân dân trong các cuộc đấu tranh nhất là cuộc cách mạng tháng Mười Nga, lại được lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, Nguyễn Ái Quốc đã xác định động lực của cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân và nông dân: “*công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi*”⁶. Đồng thời, công - nông cũng là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

Thứ ba, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy hướng đi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa mà Sơ thảo luận cương của Lênin đã vạch ra, đó là: Con đường cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng con người. Đây cũng là nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Trong “*Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*”, Người đã nói: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”⁷. Khi ủng hộ Quốc tế III, tin theo Lênin Người vẫn chưa thực sự hiểu về cách mạng tháng Mười Nga, càng chưa thể hiểu được những học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin là gì. Nhưng sau khi đọc Sơ thảo luận cương của Lênin, Người khẳng định: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”⁸.

Thứ tư, Sơ thảo luận cương của Lênin đã chỉ ra tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ và đặc điểm giữa cách mạng chính quốc với các nước thuộc địa. Lênin viết: “... *Đối với các quốc gia, dân tộc chậm tiến hơn, ... nhất thiết phải có sự giúp đỡ của các đảng cộng sản đối với phong trào giải phóng dân tộc dân chủ tư sản của những nước ấy; công nhân của một nước đang thống trị một dân tộc chậm tiến về mặt thuộc địa hoặc về mặt tài chính phải có nhiệm vụ trước tiên ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng của dân tộc ấy!*”. Lênin là người đã phát hiện ra vai trò to lớn của cách mạng thuộc địa và Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận một cách sâu sắc. Tại Đại hội lần thứ I của Quốc tế III, Nguyễn Ái Quốc đã kêu gọi vô sản các nước đoàn kết lại. Trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.288.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.562.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

viết: “*Phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp*”.

Rõ ràng, trước khi đi ra nước ngoài, Người đã nhận thức được rằng: “*Cái mà dân tộc cần trước tiên chưa phải là súng đạn, của cải, mà là cách đuổi giặc cứu nước, là làm cách mạng, hay nói cách khác là lý luận cách mạng và phương pháp cách mạng*”. Sau 9 năm gian khổ đi tìm chân lý Người đã tìm thấy trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa* của Lênin: “*Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*”⁹.

Như vậy, sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng *Sơ thảo luận cương* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cách mạng giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Những lý luận cách mạng cách mạng đó được hiện thực hóa trong quá trình hoạt động thực tiễn tiếp theo của Người. Đặc biệt là trong công cuộc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam, để chuẩn bị những tiền đề về tổ chức, lãnh đạo, lực lượng cách mạng thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Có thể khẳng định, *Luận cương* của Lênin đã mở ra con đường đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Do nhu cầu của cách mạng, Người càng ra sức tìm hiểu và thấu suốt được tinh túy của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam nhằm giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cách mạng Việt Nam đặt ra. Như vậy, hoàn toàn có cơ sở để khẳng định rằng, *chính* *Luận cương* của Lênin đã tạo ra bước ngoặt căn bản về chất trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản. Qua *Luận cương* của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở đó con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, đó là *con đường cách mạng vô sản*. Chính Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, đã viết: “*Riêng về cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa*”¹⁰.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, tr.289.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, tr.740.

Luận cương của Lênin đến nay đã tròn một thế kỷ, nhưng giá trị của Luận cương vẫn còn trường tồn, soi sáng con đường đi tới thắng lợi của Đảng ta. Hiện nay, toàn Đảng và toàn dân ta đang ra sức tích cực thi đua, lao động sản xuất để chào mừng đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Trên con đường phát triển của mình, Đảng ta luôn trung thành với con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn - đó là con đường vững chắc để đưa đất nước ta ngày càng phát triển hùng mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân, số 4062, ngày 18/5/1965.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

GVC.TS. Phạm Quang Trung*

GVC.TS. Trần Văn Lực**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt

Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin là một đóng góp quan trọng vào học thuyết Mác - Lênin, vào quá trình hoạt động của Quốc tế Cộng sản, nhất là ở Đại hội II và vào sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Tư tưởng của Lênin trong Luận cương như ánh sáng cho Nguyễn Ái Quốc một niềm tin, đặt cơ sở, nền tảng vững chắc về mặt lý luận để Người có thể hình thành con đường cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Luận cương, con đường cách mạng, Nguyễn Ái Quốc.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lãnh tụ thiên tài V.I. Lênin (1870 - 1924) đã mãi mãi rời xa chúng ta nhưng tư tưởng và những đóng góp của Người cho phong trào cách mạng thế giới thì vẫn trường tồn cùng dòng chảy bất tận của lịch sử nhân loại. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Lênin đã tập trung toàn bộ tâm lực, trí lực cho sự nghiệp giải phóng loài người khỏi áp bức và bóc lột. Một trong những công hiến vĩ đại của Người là sáng lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III). Quốc tế Cộng sản có vai trò lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân thế giới. Đóng góp lớn nhất của tổ chức này là đặt vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa trong mối quan hệ với cách mạng ở các nước tư bản. Bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được thông qua tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản đã đặt nền tảng chính trị và tư tưởng cho việc giải quyết đúng đắn những vấn đề phức tạp của phong trào giải phóng

*,** Trường Khoa và Phó Trường Khoa Giáo dục Chính trị

dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, đặc biệt là đối với cách mạng Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc chính là người tiếp nhận và hình thành con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Nội dung cơ bản của Luận cương

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, đó là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới. Với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga, đó là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng “nước Nga là nhà tù của các dân tộc”. Cách mạng tháng Mười Nga đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức, đã “*mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc*” [4; tr.562]. Nó làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hiện thực, được truyền bá rộng rãi khắp nơi, dẫn đến sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa và thuộc địa vào năm 1918 như: Đảng Cộng sản Áchentina, Đảng Cộng sản Đức, Đảng Cộng sản Hunggari, Đảng Cộng sản Phần Lan, Đảng Cộng sản Áo, Đảng Cộng sản Ba Lan... Tháng 3/1919, theo sáng kiến của Lênin, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập tại Mátxcova để lãnh đạo thống nhất các Đảng Cộng sản và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

Từ Đại hội I (3/1919) đến Đại hội II (từ 19/7 đến 7/8/1920) của Quốc tế Cộng sản là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới và ngày càng có thêm nhiều quần chúng lao động được thu hút vào cuộc đấu tranh theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga. Trong điều kiện đó, Lênin soạn *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*¹. Tác phẩm tuy ngắn gọn nhưng vô cùng quan trọng. Nó đã củng cố những nguyên tắc mácxít về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, đồng thời phát triển thêm những luận điểm mới về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa. Những luận cương đó đã được Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua và coi là *Cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản trong tình hình lúc bấy giờ*.

Ngoài phần yêu cầu sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh, nội dung của *Sơ thảo lần thứ*

¹ Tác phẩm được in trong sách V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr.197-206.

nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa bao gồm 12 luận điểm. Phân tích những luận điểm đó, chúng ta nhận thấy rằng Luận cương của Lênin nêu lên một số vấn đề lớn:

- *Vạch rõ bản chất của dân chủ tư sản và tố cáo chiến tranh đế quốc.*

Luận điểm thứ nhất đã vạch rõ, chế độ dân chủ tư sản chỉ là hình thức và lừa dối, bình đẳng dân tộc là trừu tượng, hình thức không thực tế vì dân chủ tư sản chỉ núp dưới tự do, bình đẳng cá nhân nói chung. Tuyên bố tự do bình đẳng “giữa kẻ hữu sản và người vô sản, giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột” [1; tr.198] về thực chất chỉ là muốn thủ tiêu đấu tranh giai cấp, làm cho giai cấp bị áp bức bị lừa dối một cách ghê gớm.

Luận điểm thứ ba chỉ rõ, chiến tranh đế quốc - chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đã làm cho tất cả các dân tộc và các giai cấp bị áp bức thấy hết được “tính chất lừa dối trong những lời nói văn hoa của bọn dân chủ tư sản” [1; tr.199]².

- *Đặt vấn đề dân tộc gắn với vấn đề thuộc địa trong thời đại cách mạng vô sản.*

Theo Lênin, quyền tự quyết của các dân tộc bao gồm quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa phải đi đến công nhận, thực hiện quyền độc lập tự chủ chứ không phải chỉ có tự trị văn hóa. Quyền độc lập tự chủ này không phải riêng cho các dân tộc da trắng, mà cho tất cả các dân tộc thuộc mọi màu da.

- *Kết hợp chống đế quốc và chống các thế lực phản động ở trong nước.*

Trong các luận điểm, Lênin đều khẳng định: Nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc là đấu tranh chống đế quốc, đồng thời còn phải thực hiện nhiệm vụ chống các thế lực phản động trong nước như: “Đấu tranh chống giới tu hành cùng những phần tử phản động và trung cổ khác đang còn có ảnh hưởng trong các nước chậm tiến” [1; tr.203], “chống chủ nghĩa Đại Hồi và những xu hướng tương tự mưu toan liên hợp phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc châu Âu và châu Mỹ với việc củng cố địa vị của bọn vua chúa, bọn địa chủ, bọn mu-la” [1; tr.203-204].

- *Mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa.*

Khi bàn về mối quan hệ này, Lênin đề cập ở *luận điểm thứ mười một* như sau: Đối với các quốc gia dân tộc thuộc địa và phụ thuộc thì: “Nhất thiết phải có sự giúp đỡ

² Thông qua các hoạt động thực tiễn như: hòa ước Brét Litôpxơ (3/1918), Đức buộc Nga phải chịu những điều khoản rất nghiệt ngã; hòa ước Véc-xây (1919) của các nước dân chủ phương Tây khét tiếng với chương trình 14 điểm của Tổng thống Mỹ Uy-n-xơn là một trò bịp bợm, một hành vi đối trá với các dân tộc nhỏ yếu và các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc; Hội quốc liên và toàn bộ những chính sách của khối Đồng minh còn bộc lộ sự giả dối, lừa bịp của chế độ dân chủ tư sản một cách rõ ràng và đậm nét hơn.

của tất cả các đảng cộng sản đối với phong trào giải phóng dân chủ tư sản của những nước ấy; công nhân của một nước đang thống trị một dân tộc chậm tiến về mặt thuộc địa hoặc về mặt tài chính phải có nhiệm vụ trước tiên ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng của dân tộc ấy” [1; tr.203]³.

- Sự đoàn kết chặt chẽ giữa phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa bị áp bức với nhau và với các nước đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công.

Đây là một trong những nội dung quan trọng và là giải pháp liên kết các dân tộc bị áp bức lại với nhau theo tinh thần chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, tiến tới hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Quốc tế Cộng sản đã tạo ra bước chuyển biến lớn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như trong phong trào giải phóng dân tộc hiện đại. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế, Lênin và Quốc tế III đặt ra vấn đề liên minh giữa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước tư bản công nghiệp phát triển với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Khi chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa tư bản đế quốc với hệ thống thuộc địa trải rộng khắp thế giới, giai cấp vô sản ở các nước tư bản có trách nhiệm giúp đỡ người anh em của mình tại các nước thuộc địa, cuộc cách mạng ở vô sản chính quốc cần phải phối hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Trong *luận điểm thứ sáu*, Lênin đã nêu lên sự cần thiết phải thực hiện sự đoàn kết giữa các dân tộc và thuộc địa đối với nước Nga. Lênin cho rằng, những người lao động thuộc các dân tộc khác nhau “cần phải thi hành một chính sách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất của tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xô viết” [1; tr.200]. Từ đó, vấn đề đặt ra là cần tìm một hình thức phù hợp để thực hiện

³ Trong Đại hội II của *Quốc tế Cộng sản*, Lênin còn trình bày văn kiện *Điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản* với 21 điều, trong đó Điều 8 về vấn đề thuộc địa và dân tộc bị áp bức quy định: “Đảng nào muốn gia nhập Quốc tế III đều buộc phải thả tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc “nước mình” trong các thuộc địa, ủng hộ trên thực tế - chứ không phải bằng lời nói - mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa; đòi hỏi phải trục xuất bọn đế quốc nước mình ra khỏi các thuộc địa ấy; gây trong lòng công nhân nước mình thái độ anh em chân thành với nhân dân lao động các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức; và tiến hành tuyên truyền một cách có hệ thống trong quân đội nước mình chống mọi sự áp bức các dân tộc thuộc địa” [1; tr.252].

sự liên minh trên. Theo Lênin, hình thức đó chính là Liên bang - “hình thức quá độ tiến tới thống nhất hoàn toàn những người lao động thuộc các dân tộc khác nhau” [1; tr.200]⁴.

Ở *luận điểm thứ mười*, Lênin đặt vấn đề về sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản: “Lợi ích của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong một nước phải phục vụ lợi ích của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong phạm vi toàn thế giới” [1; tr.203].

Kết thúc bản Luận cương, Lênin khẳng định: “Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được” [1; tr.206].

- *Vai trò của chuyên chính vô sản.*

Luận điểm thứ năm khẳng định: “Tình hình chính trị thế giới hiện nay đã đặt vấn đề chuyên chính vô sản thành vấn đề trước mắt” [1; tr.199]. Vì thế, phải bảo vệ, giữ vững nền chuyên chính vô sản Nga. Đây là vấn đề rất quan trọng bởi lẽ nước Cộng hòa Xô viết Nga là nước tập hợp xung quanh mình các phong trào của công nhân tiên tiến ở tất cả các nước ủng hộ nhà nước Xô viết và tất cả các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

- *Nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản đối với vấn đề dân tộc và thuộc địa.*

Nhiệm vụ cơ bản của các Đảng Cộng sản là đấu tranh chống chế độ dân chủ tư sản, vạch trần sự dối trá và giả nhân giả nghĩa của nó; lãnh đạo giai cấp công nhân và quần chúng cần lao thực hiện sứ mệnh thiêng liêng, cao cả là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người.

- *Nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản đối với vấn đề dân tộc và thuộc địa.*

Giúp đỡ các dân tộc nhỏ yếu và các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc thành lập Đảng Cộng sản và chỉ đạo, uốn nắn quá trình trưởng thành của các Đảng non trẻ mới ra đời; “làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai

⁴ Trên thực tế, hình thức này đã tỏ rõ tính chất hợp lý trong mối liên hệ giữa Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa Xô viết Nga với các Cộng hòa Xô viết khác như: Hunggari, Phần Lan, Adécbaigian và Ucraina. Cho đến ngày 30/12/1922 tại Mátxcova, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang được tiến hành và nhất trí thông qua bản Tuyên ngôn thành lập *Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết* (Liên Xô). Sự kiện này đánh dấu sự thắng lợi của chính sách dân tộc theo chủ nghĩa Lênin, của tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong quốc gia công nông đầu tiên trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người tiến bộ đã thấy một con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc, đó là thủ tiêu mọi bất bình dân tộc và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

cấp tư sản. Bởi vì, chỉ có sự gắn gũi ấy mới bảo đảm việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng” [1; tr.199]; vạch rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc, nền dân chủ tư sản và chứng minh được tính ưu việt của chế độ và chuyên chính Cộng hòa Xô viết; tiếp tục phát triển, nghiên cứu và dùng kinh nghiệm để kiểm tra lại các liên bang đã được thành lập; tiếp tục tuyên truyền và hiện thực hiện những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thông qua Luận cương, Lênin đã nêu lên các luận điểm mới quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc là giai cấp vô sản các chính quốc và quần chúng lao động ở tất cả các dân tộc phải gắn gũi nhau để tiến hành cuộc cách mạng chung lật đổ bọn địa chủ và tư sản; là công nhân các chính quốc phải tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc; là chế độ Xô viết, một chế độ thật sự bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Đại hội II của Quốc tế Cộng sản đã đề ra được một chiến lược liên minh, đoàn kết của tất cả các lực lượng vô sản yêu nước và tiên bộ trên thế giới. Khẩu hiệu nổi tiếng của C. Mác nêu ra ở cuối tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “*Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại!*” đã được Đại hội II phát triển thành: “*Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*”. Đây là bước ngoặt to lớn trong nghệ thuật lãnh đạo chính trị của những người cộng sản, làm cho Quốc tế Cộng sản trở thành người lãnh đạo của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Luận cương đã giúp những người yêu nước và cộng sản trên toàn thế giới hiểu rõ hơn về vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa. Từ đó, họ có những suy nghĩ và hành động đúng đắn nhằm tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc mình và giúp đỡ, ủng hộ thiết thực đối với phong trào cách mạng chung của toàn thế giới. Hàng loạt các Đảng Cộng sản ở nhiều nước tư bản chủ nghĩa và thuộc địa được thành lập như: Đảng Cộng sản Anh, Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Ấn Độ (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Mông Cổ, Đảng Cộng sản Italia, Đảng Cộng sản Ai Cập, Đảng Cộng sản Nam Phi (1921), Đảng Cộng sản Nhật Bản, Đảng Cộng sản Braxin (1922), Đảng Cộng sản Cuba (1925), Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)...

2.2. Ảnh hưởng của Luận cương đối với sự hình thành con đường cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc

Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa đã giúp các dân tộc nhỏ yếu, thuộc địa và phụ thuộc tìm thấy con đường đi cho dân tộc mình: *con đường cách mạng vô sản*. Trong hàng loạt các nước tìm thấy và lựa chọn

con đường cách mạng vô sản vào những năm nửa đầu thế kỷ XX thì Việt Nam là một trong những nước sớm nhất và tiêu biểu nhất.

Việc tìm ra con đường cách mạng vô sản “để cho cả dân tộc theo đi” là một quá trình đấu tranh, lựa chọn đầy gian khổ chứ không phải ngẫu nhiên. Chỉ có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm sắt đá và phương pháp tư duy sáng suốt của một bậc anh minh mới đưa Người đến với sự lựa chọn lịch sử ấy. Tư duy về con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở nền tảng văn hoá, thực tiễn của dân tộc và thời đại và vào những phẩm chất cá nhân của Người.

Trước yêu cầu cấp bách phải tìm một con đường cứu nước mới, bằng thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén, ngày 05/6/1911, Nguyễn Ái Quốc ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Người đã qua nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước tư bản phát triển như Mỹ, Pháp, Anh. Qua nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Pháp, đồng thời tham gia lao động và đấu tranh trong hàng ngũ giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc đủ các màu da, Người nhận ra rằng, những cuộc cách mạng ấy là “những cuộc cách mạng chưa đến nơi”, nghĩa là cách mạng rồi mà nhân dân lao động ở đó vẫn chưa được giải phóng, vẫn còn bị áp bức, bóc lột và rất cực khổ. Vì vậy, sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi mọi áp bức, bóc lột không thể đi theo con đường của những cuộc cách mạng đó, mà phải theo con đường khác.

Cuối năm 1917, Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động xã hội, đặc biệt Người rất quan tâm tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga. Người ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Nga chống lại sự can thiệp của bọn đế quốc, nhưng chưa hiểu rõ ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười. Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp. Người tìm thấy sự chỉ dẫn về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa nói chung và ở Việt Nam nói riêng ở những luận điểm 5, 6, 8, 9, 11 của *Luận cương*. Những luận điểm ấy đã nhấn mạnh rằng, cần phải có sự giúp đỡ của các Đảng cộng sản và giai cấp công nhân ở các nước tiên tiến đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và lạc hậu; tất cả những người vô sản và quần chúng lao động của các nước trên thế giới cùng nhau tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng chung; đối với các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc và nhỏ yếu, không có con đường nào khác ngoài con đường liên minh với nước Cộng hòa Xô viết. Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở *Luận cương* của Lênin con đường giải phóng dân tộc và rút ra kết luận quan trọng: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*” [4; tr.314].

Đi theo con đường cách mạng vô sản có nghĩa là cần phải xây dựng khối đoàn kết và liên minh chiến đấu với giai cấp vô sản thế giới, trong đó có giai cấp công nhân và nhân dân lao động chính quốc. Người cho rằng: *“Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”* [2; tr.266].

Tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua, Nguyễn Ái Quốc đã *“bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III”* và *“hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III”* [5; tr.471]. Người từ chối Quốc tế II vì nó ủng hộ chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước thuộc địa, hoặc nếu có nói quyền tự quyết thì chỉ đáp ứng cho các dân tộc da trắng, lờ đi các dân tộc da đen hoặc chỉ nói quyền tự trị văn hóa. Nguyễn Ái Quốc đứng về phía Quốc tế III vì nó giải quyết hợp lý vấn đề giai cấp và dân tộc, không chỉ quan tâm giải phóng nhân dân lao động và vô sản chính quốc, mà còn giải phóng các dân tộc bị áp bức, trong đó có Việt Nam. Giải thích một cách ngắn gọn lý do ủng hộ Quốc tế III, Người nói: *“Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những gì tôi muốn, đấy là tất cả những gì tôi hiểu”* [7; tr.65].

Dưới ánh sáng Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy rằng, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc cần phải gắn bó chặt chẽ với tinh thần quốc tế vô sản và vấn đề độc lập dân tộc của Việt Nam cần phải gắn bó khăng khít với phong trào cách mạng thế giới. Muốn giành thắng lợi hoàn toàn, các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc phải thực hiện cuộc cách mạng không ngừng, phải giữ vững tính độc lập của phong trào vô sản, thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân - có thể liên minh với giai cấp tư sản dân tộc và các giai cấp, tầng lớp khác, nhưng không được xa rời mục tiêu của mình là thủ tiêu giai cấp. Trong lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc luôn nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Người viết: *“Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa, có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi”* [2; tr.298]; đồng thời, kêu gọi giai cấp công nhân ở các nước phương Tây phải đẩy mạnh việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Trong những bài phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản, Người nói: *“Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nạn độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các*

thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng” [2; tr.274]. Vì vậy, muốn đánh thắng chủ nghĩa đế quốc, trước hết cần xóa bỏ hệ thống thuộc địa của nó. Từ đó, Người đề xuất luận điểm: “*Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động và có thể giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và bằng thắng lợi đó, tác động mạnh mẽ đối với cách mạng ở chính quốc*”. Luận điểm này được coi là một sáng tạo lớn của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng giải phóng dân tộc, là sự bổ sung quan trọng vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin để truyền bá vào nước ta, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập chính Đảng Cộng sản ở Việt Nam

Từ năm 1921 đến tháng 2/1930, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng sôi nổi ở nhiều nước: Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm. Trong thời gian này, Người xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* năm 1925 và tác phẩm *Đường Kách mệnh* năm 1927. Thông qua hai tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc hình thành hệ thống luận điểm chính trị tuyên truyền về nước (sau này phát triển thành những nội dung cơ bản trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng) như sau:

Vạch rõ bản chất phản động của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, là kẻ thù trực tiếp và nguy hại nhất của nhân dân các nước thuộc địa...

Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hai giai đoạn cách mạng này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau.

Xác định cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và cách mạng chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc.

Về lực lượng cách mạng: Cách mạng là sự nghiệp chung của quần chúng nhân dân, chứ không phải việc của một vài người, công nông là chủ, là gốc của cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ, ... là bầu bạn cách mệnh của công nông.

Về phương pháp cách mạng: Người nhấn mạnh đến việc phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng, phải làm cho quần chúng hiểu rõ mục đích cách mạng, biết đồng tâm hiệp lực, làm cách mạng phải biết cách làm, phải có *murur churur*...

Về đoàn kết quốc tế: Đặt cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; phải thực hiện sự liên minh, đoàn kết với các lực lượng cách mạng thế giới.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng: Muốn đưa cách mạng đến thắng lợi, *trurur hét phải có Đảng cách mệnh. Đảng có vững thì cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy.* Đảng đó phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm hệ tư tưởng và vận dụng học thuyết đó vào Việt Nam.

Đururur Kách mệnh tạo nên bước ngoặt trong nhận thức về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh và của dân tộc. Điểm mới của cuốn sách so với lý luận cách mạng trước đó là trình bày một cách hệ thống về đối tượng cách mạng, các loại cách mạng trong lịch sử và điều cần thiết phải làm cách mạng “cho đến nơi” (tức cách mạng triệt để), về gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới và điều kiện phải có để bảo đảm cho cách mạng thắng lợi... Nội dung và thực chất của lý luận cách mạng trong cuốn sách là chưa từng có ở nước ta. Cuốn sách ra đời như là kết quả của hàng loạt thử nghiệm cách mạng trước đó của dân tộc. Lập trường yêu nước của Nguyễn Ái Quốc được sự dẫn đường của tư tưởng Lênin trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* đã giúp Người tạo ra một lý luận mới về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam - một bước ngoặt thật sự trong lý luận giải phóng dân tộc.

Có thể khẳng định, những tư tưởng cơ bản trong *Luận cương* có nhiều điểm phù hợp với tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, đặc biệt là sự đau xót của Người trước nỗi thống khổ của quần chúng lao động khắp thế giới và sự quan tâm đến vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa cũng như tinh thần đoàn kết của quần chúng lao động trong đấu tranh. Chính những nội dung lớn đó mang lại sự vui mừng, phấn khởi cho Nguyễn Ái Quốc khi tiếp cận, tiếp thu những tư tưởng cơ bản của Lênin trong *Sơ thảo luận cương*. Sau này, Người đã kể lại: “*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”*”. Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” [5; tr.471]. Chính Người đã viết thư bằng tiếng Pháp gửi Quốc tế Cộng sản cho biết, *Luận cương* này có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành thế giới quan và giúp Người dứt khoát đi theo Quốc tế III.

III. KẾT LUẬN

Vấn đề dân tộc - thuộc địa đã chiếm một vị trí to lớn trong công tác Đại hội II của Quốc tế Cộng sản. V.I. Lênin đã có vai trò quan trọng trong việc thảo các văn bản về mục này trong chương trình nghị sự. Người đã soạn *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* mà về sau Đại hội II thông qua và được coi là *Cương lĩnh hành động* của Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản. *Luận cương* có ý nghĩa sâu sắc, to lớn về cả lý luận và thực tiễn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Cũng chính từ bản *Luận cương* này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho Việt Nam.

Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước. Qua nghiên cứu *Luận cương*, Người đã hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế thứ ba. Đồng thời, vận dụng sáng tạo và phát triển *Luận cương* của Lênin, khẳng định con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản. Chính *Luận cương* của Lênin đã tạo ra bước ngoặt căn bản về chất trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc: *Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.*

Ngày nay, sau 100 năm, mặc dù tình hình thế giới có nhiều đổi thay, hầu hết các nước thuộc địa và phụ thuộc đã giành được độc lập tự do, chủ nghĩa tư bản vẫn đang phát triển cùng với những điều chỉnh chính sách của nó nhưng tư tưởng cơ bản trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin vẫn giữ nguyên giá trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
2. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,.
3. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Anh Thái (Chủ biên) (2003), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Mai Chí Thọ (1985), *Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS. Đoàn Sỹ Tuấn

ThS. Đào Thị Thu Phương

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin có ý nghĩa quan trọng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh (khi đó là Nguyễn Ái Quốc) và cách mạng Việt Nam. Nhân kỷ niệm 100 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin” (7/1920 - 7/2020), bài viết tập trung nghiên cứu, tìm hiểu góp phần làm sáng tỏ các vấn đề cơ bản: (1) Hoàn cảnh ra đời và nội dung cơ bản của Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin; (2) Quá trình lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gặp Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin; (3) Những tác động lớn của Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam. Qua đó, cho thấy giá trị, ảnh hưởng tích cực của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin nói riêng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin có ý nghĩa “đặc biệt” quan trọng. Nó tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất tình cảm, tư tưởng, quan điểm, lập trường cách mạng, giúp Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc; tìm ra cái “cẩm nang” thần kỳ cho cách mạng Việt Nam - chủ nghĩa Mác - Lênin; từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, trở thành một trong các nguồn gốc lý luận có ý nghĩa quyết định sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh,... góp phần đóng góp to lớn vào sự phát triển dân tộc Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Bài

viết tập trung nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin.

II. NỘI DUNG

2.1. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, chúng tiến hành xâm lược thuộc địa, hình thành hệ thống thuộc địa khổng lồ, phụ thuộc vào các nước tư bản. Nhằm tranh giành thuộc địa, giữa các nước tư bản đã diễn ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Sau chiến tranh các nước tư bản đế quốc đã lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, đã trút gánh nặng lên đầu giai cấp vô sản và quần chúng lao động cả ở chính quốc và thuộc địa, lòng căm phẫn của công nhân, quần chúng lao động bị áp bức thêm sục sôi, sâu sắc. Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Quốc tế Cộng sản (3/1919) do Lênin sáng lập ra đời, phong trào cách mạng vô sản phát triển mạnh, ngày càng thu hút nhiều quần chúng lao động được vào cuộc đấu tranh. Tuy nhiên, phong trào cách mạng vô sản lại xuất hiện những phần tử cơ hội chủ nghĩa. Chúng khơi dậy những thành kiến, chia rẽ các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, đây là điều vô cùng nguy hại cho phong trào cộng sản thế giới. Vào thời điểm này, bảo vệ nước Nga Xô viết, với chính quyền Nhà nước Xô viết non trẻ trước sự can thiệp vũ trang của liên minh các cường quốc tư bản đế quốc, là bảo vệ trung tâm của cách mạng vô sản thế giới, bảo vệ học thuyết cách mạng của C. Mác. Trong bối cảnh đó, để bảo vệ chính quyền Nhà nước Xô viết non trẻ, bảo vệ Cách mạng tháng Mười, trung tâm của cách mạng vô sản thế giới, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, đáp ứng nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chương trình nghị sự của Đại hội II Quốc tế Cộng sản, là củng cố các đảng chuẩn bị cho việc tiến hành chuyên chính vô sản trên phạm vi toàn thế giới và liên hiệp tất cả những người vô sản cách mạng ở những nước tư bản tiên tiến với quần chúng cách mạng bị áp bức, bóc lột ở các nước thuộc địa, ở các nước phương Đông, V.I. Lênin đã viết *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (sau đây gọi tắt là Luận cương của V.I. Lênin), để trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản vào tháng 7, 8/1920.

Luận cương của V.I. Lênin là văn kiện được V.I. Lênin viết để trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản, họp từ ngày 19/7 đến 07/8/1920; ngay sau đó, bản *Luận cương* này đã được đăng trên báo *Nhân đạo* (L' Humanité) - cơ quan ngôn luận của

Đảng Xã hội Pháp, số ra ngày 16 và 17/7/1920 với tiêu đề chạy suốt cả trang báo. Tác phẩm ngắn gọn, vô cùng quan trọng này đã củng cố những nguyên tắc mácxít về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, được Đại hội II Quốc tế Cộng sản thông qua và coi là cương lĩnh hành động của Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản. Luận cương của V.I. Lênin gồm 12 luận điểm trong đó chứa đựng những tư tưởng chiến lược lớn: *Một là*, V.I. Lênin phê phán giai cấp tư sản đã giải quyết một cách trừu tượng và hình thức vấn đề dân tộc và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đó là một sự dối trá, thủ tiêu đấu tranh giai cấp nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản; các đảng cộng sản ở các nước chính quốc chưa thấy tầm quan trọng, có tâm lý coi khinh các nước thuộc địa; giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước thuộc địa kỳ thị với giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở chính quốc. *Hai là*, đặt vấn đề dân tộc đi đôi với vấn đề thuộc địa; quyền tự quyết của các dân tộc gồm quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa phải đi đến công nhận, thực hiện quyền độc lập tự chủ chứ không chỉ có tự trị văn hóa. *Ba là*, chỉ rõ trách nhiệm trọng đại của các Đảng Cộng sản ở các nước đế quốc là phải ủng hộ, giúp đỡ một cách tích cực nhất đối với phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. *Bốn là*, khẳng định các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc không những có nhiệm vụ giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống lại các lực lượng phản động ở ngay trong nước mình, những lực lượng đó thường là đồng minh của đế quốc thực dân. *Năm là*, đề ra một nhiệm vụ lớn của cách mạng thế giới là sự đoàn kết chặt chẽ giữa phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa bị áp bức với các nước đã làm cách mạng XHCN thành công. *Sáu là*, Quốc tế III đóng vai trò bộ tham mưu chung của cách mạng thế giới, nước Nga xô viết là ngọn cờ đầu, căn cứ địa, thành trì của cách mạng thế giới.

2.2. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gặp Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, từ một nước phong kiến độc lập, khi Pháp xâm lược Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Các phong trào yêu nước, các con đường cứu nước của các nhà cách mạng Việt Nam tiền bối theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau đã diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại. Sự thất bại của các phong trào yêu nước, các con đường cứu nước làm cho Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Từ đó, đặt ra nhu cầu lịch sử, khách quan, bức bách của cách mạng Việt Nam lúc này là cần có đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc đúng đắn. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, tiến bộ, gần gũi với nhân dân, quý trọng con người, đề cao sự học, trong một vùng quê giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, Nguyễn Tất Thành sớm hình thành tâm lòng yêu nước, thương dân. Tổng kết các phong trào yêu nước, các con đường cứu nước của các nhà cách mạng Việt Nam tiền bối theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau, Người rất khâm phục, kính yêu tấm

lòng yêu nước nhiệt thành, nhưng phê phán và không tán thành con đường cứu nước của họ. Ngày 5/6/1911, Người đã ra nước ngoài, tìm đường cứu nước, cứu dân. Khảo sát các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, Người nhận ra rằng, cách mạng Mỹ, Pháp là “*những cuộc cách mạng chưa đến nơi*”... Người có một tình cảm đặc biệt với Cách mạng tháng Mười và V.I. Lênin - lãnh tụ của cuộc cách mạng đó. Sau 9 năm bôn ba tìm đường cứu nước, tháng 7/1920, tại Pari - Thủ đô của nước Pháp, Người tiếp cận *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin (sau đây gọi tắt là Luận cương của V.I. Lênin).

Luận cương của V.I. Lênin ảnh hưởng sâu sắc nhất đến tư tưởng, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Sau này trong nhiều tác phẩm, bài báo, bài nói, trả lời phỏng vấn... Người nhiều lần nhắc, đánh giá cao tầm quan trọng của Luận cương của V.I. Lênin: “*Chính sách thuộc địa*”¹ (1920); “*Phát biểu tại phiên họp thứ 22 đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản*”² (7/1924); “*Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa*”³ (1924); “*Lênin và các dân tộc thuộc địa*”⁴ (1924); “*Lênin và phương Đông*”⁵ (1/1926); “*Thư gửi Ban phương Đông*”⁶ (1/1935); “*Sức mạnh vô địch*”⁷(4/1960); “*Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*”⁸ (4/1960); “*Một lời nói, một khối vàng*”⁹ (10/1960); “*Trả lời phỏng vấn của tạp chí Thanh niên (Canada)*”¹⁰ (Trả lời khoảng tháng 12/1965); “*Trả lời phỏng vấn của Sáclo Phuócniô, phóng viên báo l'Humanité (Pháp)*”¹¹ (7/1969)...

2.3. Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin đối với Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam

2.3.1. Luận cương của V.I. Lênin giúp Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - con đường cách mạng vô sản, con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam

Luận cương của V.I. Lênin đã tác động mạnh mẽ đối với Nguyễn Ái Quốc cả về

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.31.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.320.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.256.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.233.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.254.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.557.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.561.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.708.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.699.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.583.

nhận thức và hoạt động thực tiễn. Về mặt nhận thức, Luận cương của V.I. Lênin đã chỉ rõ: Đây là kẻ thù của giai cấp, của dân tộc và phải chĩa ngọn cờ cách mạng vào đúng kẻ thù chung; động lực to lớn và lực lượng chính của cách mạng đó là giai cấp công nhân và nông dân; hướng đi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là cách mạng vô sản, giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng con người; chỉ ra tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ và đặc điểm giữa cách mạng chính quốc với các nước thuộc địa... Luận cương đã trực tiếp chỉ ra con đường cứu nước của các dân tộc thuộc địa là con đường cách mạng vô sản. Về mặt thực tiễn, Luận cương của V.I. Lênin đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc. Luận cương là động lực cho Người tham gia Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành việc Đảng gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp 12/1920; sáng lập ra "Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari" năm 1921; đọc nhiều tham luận tại các hội nghị quốc tế, trong đó nhấn mạnh phải hoạt động tích cực cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa theo đường lối của Lênin; tham gia sáng lập ra "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông", tại Quảng Châu, năm 1925...

Luận cương của V.I. Lênin tác động mạnh mẽ tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất trong tư tưởng, tình cảm, quan điểm, lập trường, cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, giúp Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản - được coi là con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Người chuyển từ lập trường yêu nước sang lập trường vô sản, từ “Ái Quốc”, đến “Chí Minh”, từ người đi “tìm đường”, trở thành người “dẫn đường” cho cả dân tộc: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”¹²; “Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa đã trở thành ngôi sao dẫn đường trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chúng tôi, thức tỉnh các dân tộc ở phương Đông”¹³. Trong bài thơ “*Người đi tìm hình của nước*”, Chế Lan Viên đã diễn đạt rất cảm động cái phút “lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin”: “Luận cương đến Bác Hồ. Và Người đã khóc/ Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin/ Bón bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp/ Tường bên

¹² Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.127.

¹³ Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.557

ngoài, đất nước đợi mong tin/ Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc: “Com áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!”/ Hình của Đảng lồng trong hình của Nước,/ Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”¹⁴.

Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản từ Luận cương của V.I. Lênin góp phần quan trọng vào việc giải quyết tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. ThS. Nguyễn Tấn Hưng nhận xét: “Trong quá trình hòa mình vào cuộc đấu tranh sôi nổi của phong trào công nhân và Đảng Xã hội Pháp để tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Người đón nhận những tư tưởng cách mạng của V.I. Lênin với niềm phấn khởi và tin tưởng của một người chiến sĩ cách mạng sau nhiều năm nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn. Tác phẩm đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy lời giải đáp cho những câu hỏi lớn về vận mệnh dân tộc, soi sáng con đường giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người đã tích cực xúc tiến công tác chuẩn bị những điều kiện cần thiết, hướng phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam vào quỹ đạo của cách mạng vô sản”¹⁵. Trong bài viết “*Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin - Bước ngoặt trong hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*”, tác giả ThS. Trương Thị Thu Hà, đã nhận xét: “Luận cương của Lênin đã tạo ra bước ngoặt căn bản về chất trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước. Hướng đi đúng đắn của sự nghiệp giải phóng dân tộc đã được xác định, chấm dứt cuộc khủng hoảng lâu dài, sâu sắc về đường lối của cách mạng Việt Nam”¹⁶. PGS.TS. Trần Viết Lưu, trong bài “*Nguyễn Ái Quốc và Luận cương của Lênin là nhịp cầu đưa Việt Nam theo dòng thời đại*”, đã khẳng định: “Cách đây 99 năm, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận và phát hiện chân lý thời đại trong bản Luận cương của Lênin. Đó là dấu mốc vàng mở ra tiền đồ mới cho dân tộc Việt Nam”¹⁷.

¹⁴ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dân Bác*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.162-163.

¹⁵ *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin và ảnh hưởng của nó đối với sự hình thành tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam. Nguồn: Tạp chí Triết học, số 9 (196), tháng 9/2007.

¹⁶ ThS. Trương Thị Thu Hà, *Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin - Bước ngoặt trong hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*.

¹⁷ PGS.TS. Trần Viết Lưu, *Nguyễn Ái Quốc và Luận cương của Lênin là nhịp cầu đưa Việt Nam theo dòng thời đại*.

2.3.2. Luận cương V.I. Lênin đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - cái "cẩm nang" thần kỳ của cách mạng Việt Nam; tạo ra tiền đề tư tưởng lý luận có ý nghĩa quyết định cho việc hình thành, phát triển hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh

Tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản từ Luận cương của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc có tình cảm đặc biệt với V.I. Lênin - Lãnh tụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Viết về V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người con vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa”¹⁸; “Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội”¹⁹; “Lênin đã mất!”. Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á. Đứng, những người da đen và da vàng có thể chưa biết rõ Lênin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết... Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Dahômây, cũng đã thâm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó gọi là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lênin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó. Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa”²⁰. Từ Luận cương của V.I. Lênin, tình cảm “đặc biệt” với V.I. Lênin, chủ nghĩa Lênin, từng bước vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu lý luận, Nguyễn Ái Quốc ngày càng đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu, tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nói: “Đồng chí Lênin là người đã dạy bảo chúng ta đường lối cách mạng chắc chắn thắng lợi”, “là người đã phát triển và đã thực hiện chủ nghĩa Mác và Ăngghen”²¹; “... Lênin phát biểu Luận cương cách mạng thuộc địa. Những việc đó làm cho tôi thấy rằng: Nhân dân lao động Đông Dương, nhân dân các thuộc địa và nhân dân lao động muốn tự giải phóng thì phải đoàn kết lại và làm cách mạng. Vì vậy, tôi trở nên người theo chủ nghĩa Mác -

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.317

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.257.

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.256.

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12.

Lênin”²². Qua Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở đó con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc: *con đường cách mạng vô sản*. Chính Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, đã viết: “... cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa”²³. ThS. Trương Thị Thu Hà, trong bài “*Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin - Bước ngoặt trong hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*”, đã khẳng định: “Luận cương của V.I. Lênin đã mở ra con đường đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin”²⁴. “Việc Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin “cái cần thiết” và “con đường” giải phóng dân tộc Việt Nam, “ngọn hải đăng soi đường cho toàn thể nhân loại bị áp bức đi tới giải phóng” là *bước quyết định* trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh”²⁵. Người khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là cái “cầm nang” thần kỳ, kim chỉ nam, mặt trời soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

Luận cương của V.I. Lênin, đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin. Người vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp tục tiếp thu kế thừa, phát triển tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa của nhân loại, trí tuệ của thời đại. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh hoa văn hóa của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại là 3 tiền đề tư tưởng lý luận hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, Chủ nghĩa Mác - Lênin đóng vai trò là tiền đề tư tưởng lý luận có ý nghĩa quyết định cho việc hình thành, phát triển hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”²⁶. Sau này, cùng với chủ nghĩa Mác -

²² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.700.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.740.

²⁴ ThS. Trương Thị Thu Hà, “*Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin - Bước ngoặt trong hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*”.

²⁵ GS. Nguyễn Đức Bình, “*Quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin*”.

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.88.

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của Đảng, soi đường cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

2.3.3. Luận cương V.I. Lênin đưa Nguyễn Ái Quốc đến và tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Năm 1920, đến với Luận cương của V.I. Lênin, tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc tin tưởng, đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, trong suốt những năm 20 của thế kỷ XX, Người và đội ngũ những cộng sự đặc lực của Người đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin thấm vào phong trào cách mạng Việt Nam, phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam đưa đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Năm 1930, (tại Hương Cảng - Trung Quốc), thực hiện chủ trương của Quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh triệu tập, thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, với phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam, là cơ sở để Đảng vạch ra Cương lĩnh, chủ trương, đường lối, soi đường cho cách mạng Việt Nam. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, Người soạn thảo *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình vắn tắt, Điều lệ vắn tắt* và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua lấy đó làm Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Như vậy, Luận cương của V.I. Lênin đưa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Từ đó, Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - gieo mầm cho “hạt giống cách mạng” đầu tiên của Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam thu được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; thắng lợi của công cuộc đổi mới 35 năm, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: “Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp

với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin”²⁷.

III. KẾT LUẬN

Luận cương của V.I. Lênin tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất tình cảm, tư tưởng, quan điểm, lập trường cách mạng, của Nguyễn Ái Quốc đi từ “Ái Quốc”, đến “Chí Minh”, từ người đi “tìm đường”, trở thành người “dẫn đường” chỉ đường cho cả dân tộc; tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc; góp phần giải quyết khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba; nghiên cứu, tìm hiểu sâu sắc, toàn diện hơn về V.I. Lênin, về chủ nghĩa Lênin, về chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, Người tìm ra cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường cách mạng Việt Nam; tạo ra tiền đề tư tưởng lý luận có ý nghĩa quyết định cho việc hình thành, phát triển hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh - với tư cách là là “một học thuyết” khoa học, cách mạng toàn diện, sâu sắc nhất về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Là “cầu nối” để Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, Người tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam - với tư cách là “hạt giống cách mạng” đầu tiên của Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành nhân tố hàng đầu có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Như vậy, Luận cương của V.I. Lênin có tác động, ảnh hưởng to lớn, sâu sắc đối với Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trường Chinh (1992), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.

²⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.584.

4. Phạm Văn Đồng (1976) *Hồ Chủ tịch tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Mạch Quang Thắng (2009), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Nhân (2011), *Chủ nghĩa Mác - Lênin học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I. Lênin và ảnh hưởng của nó đối với sự hình thành tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam. Nguồn: Tạp chí Triết học, số 9 (196), tháng 9/2007.
8. ThS. Trương Thị Thu Hà, “*Sơ thảo Luận cương của V.I. Lênin - Bước ngoặt trong hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*”.
9. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VÀO XÂY DỰNG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS. Đinh Văn Viễn

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết trình bày về nội dung Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin và phân tích sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh vào xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ khóa: Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo.

I. MỞ ĐẦU

Nguyễn Ái Quốc bắt gặp *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin (viết tắt là *Luận cương V.I. Lênin*) vào ngày 16 - 17/7/1920. *Luận cương V.I. Lênin* đã tác động mạnh mẽ, được Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo vào xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam. Trong bài viết, tác giả nghiên cứu vận dụng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin vào xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam. Qua đó, cho thấy công lao to lớn của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với tư cách là người “khai sáng”, vạch đường cho cách mạng Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin

Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa (viết tắt là *Luận cương*) của Lênin là một trong những văn kiện được V.I. Lênin viết xong vào tháng 6, 7/1920 để trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản, họp từ ngày 19/7 đến 07/8/1920; ngay sau đó, bản *Luận cương* này đã được đăng trên tạp chí *Quốc tế cộng sản* số 11, ngày 14/7/1920; và trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) - cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, số ra ngày 16 và 17/7/1920. Bản tiếng Anh văn kiện này có tựa đề “*Draft Theses on National and Colonial Questions For The Second Congress Of The Communist*

International” được Lênin soạn vào ngày 5/6/1920, được in trong Tuyển tập Lênin do Nhà xuất bản Tiến bộ in tại Mátxcova năm 1965, trang 144-151¹.

Luận cương của Lênin gồm 12 luận điểm chính: 1) Quan điểm tư sản về vấn đề dân tộc; 2) Quan điểm dân tộc của giai cấp vô sản; 3) Bối cảnh quốc tế để giải quyết vấn đề dân tộc của giai cấp vô sản; 4) Quốc tế Cộng sản phải xây dựng một liên minh giữa giai cấp vô sản toàn thế giới với các dân tộc bị áp bức bóc lột và thuộc địa; 5) Nền chuyên chính vô sản của nước Nga Cộng hòa Xô viết là con đường duy nhất đúng đối với các dân tộc bị áp bức, bóc lột, và thuộc địa; 6) Cần phải có một liên minh chặt chẽ hơn nữa giữa những người lao động của các dân tộc cũng như tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xô viết; 7) Liên bang là một hình thức quá độ để hoàn thành quá trình thống nhất những người lao động của các quốc gia khác nhau. Tính khả thi hình thức liên bang; 8) Nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản là giúp liên bang này phát triển xa hơn nữa; 9) Chính sách dân tộc của Quốc tế Cộng sản phải trực tiếp ủng hộ các phong trào các mạng của các dân tộc thuộc địa; 10) Chuyên chính vô sản không nên chỉ dừng lại trong phạm vi một dân tộc mà cần phải phát triển thành hệ thống thế giới; 11) 6 điểm cần lưu ý đối với các dân tộc và nhà nước chậm tiến; 12) Không thể nào có các chiến thắng tuyệt đối trước chủ nghĩa tư bản nếu giai cấp vô sản và quần chúng lao khổ của tất cả các nước và các dân tộc trên khắp thế giới không tự nguyện phấn đấu cho liên minh, sự thống nhất².

Trong 12 luận điểm mà Lênin nêu trong bản *Luận cương* thì luận điểm thứ 11 liên quan trực tiếp đến các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc mà Việt Nam là một trong số đó. Quan điểm dân tộc của Lênin đã kế thừa quan điểm giải phóng giai cấp của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848, vì “để giải phóng chính mình giai cấp vô sản gần như không còn con đường nào khác ngoài con đường bạo lực cách mạng. Trong cuộc đấu tranh này, những người vô sản không mất gì cả ngoài xiềng xích nô lệ trói buộc họ. Ngược lại, giai cấp vô sản còn có thể giành được cả một thế giới về mình”³. Hơn nữa, Lênin không chỉ đã kế thừa thành công trên phương diện lý luận quan điểm này trong tác phẩm *Luận cương* mà còn biến nó trở thành hiện thực thông qua thực tiễn cách

¹ Hiện nay, bản tiếng Anh có trên trang mạng theo đường link: (<https://www.marxists.org/archive/lenin/works/1920/jun/05.htm>). Bản tiếng Việt được in trong Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.197-206; bản điện tử tại đường link: (http://tulieu.vankien.dangcongsan.vn/Uploads/2018/6/3/6/LENINTOANTAP_TAP41.pdf)

² V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.197-206.

³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.646.

mạng ở Nga đầu thế kỷ XX và Lênin đã đề ra chương trình hành động cho các đảng cộng sản là phải giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi...

Như vậy, *Luận cương* không chỉ đã giải quyết thành công trên phương diện lý luận các vấn đề có liên quan của phong trào giải phóng dân tộc mà còn có ý nghĩa đối với các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc trong đó có Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tuy nhiên, điều mà Nguyễn Ái Quốc quan tâm nhất lúc bấy giờ là lực lượng nào ủng hộ việc giải phóng dân tộc của nhân dân các dân thuộc địa như Việt Nam. Tư tưởng của Lênin trong *Luận cương* không chỉ đã giải quyết được nhiều vấn đề bấy lâu nay đang ra sức kiếm tìm của chàng thanh niên yêu nước họ Nguyễn mà còn làm cho Nguyễn Ái Quốc trở nên phấn khởi, cảm động. Luận cương của Lênin chính “là cầu nối đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin”⁴ và là bước ngoặt quan trọng nhất trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc đầu thế kỷ XX. Người đã tìm thấy ở bản *Luận cương* con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “*Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta*”⁵. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế Cộng sản. Chính Hồ Chí Minh khẳng định: “Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mác Khố Tư và Lênin”⁶.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng đường lối cách mạng cho Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo những quan điểm của Lênin vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam, trong đó có sự vận dụng sáng tạo tư tưởng trong Luận cương của Lênin.

2.2. Sự vận dụng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam

Sự vận dụng sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương vấn đề dân tộc và thuộc địa* (viết tắt là *Luận cương*) của Lênin vào việc xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc được tập trung thể hiện:

a. Về vấn đề dân tộc

Một là, độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc.

⁴ Lại Quốc Khánh (2005), Hồ Chí Minh với sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội nhân văn Việt Nam*, T-XXI, số 1, tr.81.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.562.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304.

Trên cơ sở lòng yêu nước và chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc xác định: Độc lập, tự do là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Khát vọng độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam đã sớm được Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn; đấy là tất cả những điều tôi hiểu”⁷. Năm 1930, trong *Chính cương vắn tắt* của Đảng Nguyễn Ái Quốc xác định mục tiêu cách mạng: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”, “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”⁸. Cách mạng tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập*, long trọng khẳng định trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã là một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”⁹.

Khi Pháp xâm lược nước ta, nền độc lập và chủ quyền dân tộc bị đe dọa, Người kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹⁰. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc, Người khẳng định chân lý bất hủ, có giá trị cho mọi thời đại “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Không có gì quý hơn độc lập tự do thực sự là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, đoàn kết quốc tế, phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là một động lực lớn ở các nước đang đấu tranh giành độc lập.

Vấn đề đoàn kết giữa cách mạng giữa các nước trên thế giới được Lênin đề cập trong nội dung thứ 4 và thứ 6 của *Luận cương*. Nội dung thứ 4 nêu nhiệm vụ của Quốc tế cộng sản: “làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung”¹¹, bởi vì “chỉ sự gần gũi ấy mới đảm bảo việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản”¹². Một cách logic tự nhiên, có thể nhận thấy, sự “gần gũi” này chính là sự đồng cảm do cùng chung cảnh ngộ, sự giống nhau khi vô sản và nhân dân lao động ở các nước đều bị tư sản, đế quốc, áp bức, bóc lột.

⁷ Trần Dân Tiên (1994), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.44.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.3.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.534.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.99.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.199.

Sự “gắn gũi” này chính là cơ sở cho chính sách đoàn kết mà nội dung 6 của *Luận cương* nhắc đến: “thực hiện sự đoàn kết chặt chẽ nhất tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xô viết”¹³. Chính trên cơ sở sự “gắn gũi”, sự đồng cảnh ngộ này để rồi tập hợp vào mặt trận đoàn kết chống kẻ thù chung.

Từ nhận thức đúng về tình hình ở phương Đông, Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ trong cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”¹⁴. Từ đó, Người kiến nghị về cương lĩnh hành động của Quốc tế cộng sản là: “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế cộng sản... khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi,... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”¹⁵. Như vậy, xuất phát từ thực tiễn và truyền thống dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đánh giá cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc với ý nghĩa là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính. Theo Người, đó là một động lực to lớn góp phần đưa sự nghiệp cách mạng giải phóng thuộc địa đi tới thắng lợi.

Ba là, kết hợp nhuần nhuyễn việc giải quyết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trên lập trường của giai cấp công nhân.

Nội dung thứ 2 bản *Luận cương* của Lênin đề cập đến sự phân biệt lợi ích giai cấp bị áp bức với lợi ích nhân dân chung chung, phân biệt rõ dân tộc bị áp bức với dân tộc đi áp bức. Nội dung thứ 10 bản *Luận cương* của Lênin đề cập đến việc phân biệt chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa hòa bình tiểu tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Người viết: “Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó,... thì đó cũng là thắng lợi cho cả người An Nam”¹⁶. Theo Nguyễn Ái Quốc, giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội và “Cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới”¹⁷. Nếu chỉ xóa bỏ áp bức dân tộc mà không xóa bỏ bóc lột và áp bức giai cấp thì

¹³ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.200.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.250.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.441.

nhân dân lao động vẫn cực khổ. Chỉ có thiết lập được chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mới xóa bỏ tận gốc tình trạng áp bức bóc lột; chỉ có thiết lập được một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân mới bảo đảm tự do, hạnh phúc cho nhân dân. “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁸. Vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lênin vào điều kiện Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ vấn đề đặt ra trước mắt không phải là làm ngay một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà trước hết phải đấu tranh giành độc lập dân tộc, sau đó mới có điều kiện tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Điều đó được thể hiện trong *Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt* của Đảng, trong đó Người khẳng định cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn là: làm *tư sản dân quyền cách mạng* và *thổ địa cách mạng* để đi tới *xã hội cộng sản*. Giữa hai giai đoạn đó gắn bó chặt chẽ, không tách rời nhau.

Bốn là, Nguyễn Ái Quốc cho rằng, độc lập dân tộc còn phải hiểu là độc lập cho dân tộc mình, đồng thời là độc lập cho tất cả các dân tộc.

Nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết, nhưng Nguyễn Ái Quốc không quên nghĩa vụ quốc tế. Người luôn khẳng định sự ủng hộ nhiệt tình đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức trên thế giới và chủ trương bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà góp phần vào thắng lợi chung cho cách mạng thế giới.

b. Về vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc

Nguyễn Ái Quốc xác định các nội dung cơ bản:

Một là, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Qua đọc Luận cương của Lênin. Người khẳng định: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta. Đây là con đường giải phóng chúng ta”¹⁹. Theo Nguyễn Ái Quốc: Trong thời đại ngày nay, muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Con đường cách mạng vô sản theo quan điểm của Nguyễn Ái Quốc bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức là cách mạng dân tộc - dân chủ) và tiến dần từng bước “đi tới xã hội cộng sản”; Lực lượng cách mạng là khối đại đoàn kết toàn dân, nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và lao động trí óc; Lực lượng lãnh

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.562.

đạo cách mạng là giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản; Phương pháp cách mạng là sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân; Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, cho nên phải đoàn kết quốc tế.

Như vậy, vượt qua sự hạn chế của các nhà yêu nước đương thời, Nguyễn Ái Quốc đã đến với học thuyết Mác - Lênin và lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Đó là con đường cách mạng đúng đắn, đáp ứng đòi hỏi khách quan của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Hai là, cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo, phải liên minh giai cấp, phải bằng phương pháp bạo lực cách mạng.

Vấn đề Đảng cầm quyền được Lênin nhắc đến trong nội dung thứ 2 của *Luận cương*. “Đảng Cộng sản, người đại diện tự giác của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, ngay cả trong vấn đề dân tộc”²⁰. Nội dung thứ 10 của *Luận cương*: “Các quốc gia hoàn toàn tư bản chủ nghĩa đã có các đảng công nhân thực sự là đội tiên phong của giai cấp vô sản”²¹, nhiệm vụ trước tiên và quan trọng nhất của các Đảng này là “phải đấu tranh chống sự xuyên tạc của bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn tiểu tư sản và bọn hòa bình chủ nghĩa, đối với quan niệm và chính sách của chủ nghĩa quốc tế”²².

Tiếp thu tư tưởng của Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Muốn giải phóng dân tộc thành công “trước hết phải có Đảng cách mệnh”. Theo Người, “cách mệnh trước hết phải làm cho dân giác ngộ”, “phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”; “Cách mệnh phải hiểu phong trào cách mệnh thế giới, phải bày sách lược cho dân” và theo Người “... sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng cách mệnh”. Vai trò của Đảng là: “Trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản khắp mọi nơi”²³. Người còn chỉ rõ: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”²⁴.

²⁰ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 198.

²¹ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.203.

²² V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.203.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.89.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

Nguyễn Ái Quốc xác định động lực to lớn và lực lượng nòng cốt của cách mạng là liên minh công - nông, lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc là lực lượng toàn dân, cách mạng là sự nghiệp chung của dân chúng. “Một điều phải chú ý đặc biệt là vai trò của giai cấp tư sản nói chung tại các nước thuộc địa và phụ thuộc không giống vai trò của giai cấp tư sản tại các nước tư bản. Giai cấp tư sản dân tộc có thể tham gia tích cực vào cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ”²⁵. Người nhấn mạnh, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sỹ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền do bị áp bức mà sinh ra cách mạng, ai bị áp bức càng nặng, lòng cách mạng càng bền, chí cách mạng càng quyết. Do đó, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam: “công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông”²⁶. Theo Người, Việt Nam là một quốc gia ở phương Đông, có chung một dân tộc, một dòng máu, chung phong tục, chung lịch sử và truyền thống, tiếng nói... Ở Việt Nam, các giai cấp trong xã hội chưa phân chia sâu sắc như trong xã hội các nước tư bản phương Tây. Do đó, tất cả các lực lượng ấy cần được tập hợp dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Ba là, cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

Nội dung thứ 4 trong *Luận cương*, Lênin đề cập: “Điều quan trọng trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa phải là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản”²⁷. Đây là điểm quan trọng của *Luận cương* của Lênin và Nguyễn Ái Quốc đặc biệt chú ý điểm này. Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết: “Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được”²⁸. Tuy nhiên, Lênin vẫn cho rằng sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc bị lệ thuộc vào sự thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc: “Nếu không có chiến thắng đó thì không thể

²⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.171.

²⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.288.

²⁷ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.199.

²⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng”²⁹. Như vậy, với quan điểm trên, V.I. Lênin đã đề cao vai trò chủ động và quyết định của cách mạng chính quốc đối với cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định rằng cách mạng ở thuộc địa có thể giành thắng lợi trước ở chính quốc. Cơ sở của quan điểm này xuất phát từ nhận thức sâu sắc bản chất của chủ nghĩa đế quốc của Nguyễn Ái Quốc. Người viết: “chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nên muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”³⁰. Khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc và vai trò quan trọng của cách mạng ở thuộc địa, Người chỉ rõ: Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở thuộc địa. “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ”³¹. Theo Nguyễn Ái Quốc: “Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn các nước chính quốc”³², vì vậy nếu chỉ đề cao vai trò cách mạng vô sản ở chính quốc mà coi thường cách mạng thuộc địa tức là “muốn đánh chết rắn đàng đuôi”. Nguyễn Ái Quốc cho rằng cách mạng ở thuộc địa phải được tiến hành chủ động, vì: “công cuộc giải phóng anh em, (tức nhân dân thuộc địa) chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”³³. Người coi cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà còn có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Luận điểm trên là cống hiến rất quan trọng của Nguyễn Ái Quốc vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã được thực tiễn thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới trong gần một thế kỷ qua chứng minh là đúng đắn.

²⁹ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.199.

³⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

³¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 287.

³² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.96.

³³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.138.

III. KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo *Luận cương* của V.I. Lênin, một số tiêu kết được rút ra như sau: Thứ nhất, *Luận cương* của V.I. Lênin là một văn kiện có giá trị đối với nhà nước Xô viết nói riêng và các dân tộc, thuộc địa nhỏ yếu, chậm tiến đang bị chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột nói chung. Thứ hai, việc tiếp xúc với “ánh sáng” chân lý từ *Luận cương* của V.I. Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản. Thứ ba, những tư tưởng của Lênin trong *Luận cương* đã được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo trong hoàn cảnh của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và PhĂngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, tập 2, tập 3, tập 4, tập 11, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Lại Quốc Khánh (2005), “Hồ Chí Minh với sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội nhân văn Việt Nam*, T-XXI, Số 1, tr.74-82.
5. Trần Dân Tiên (1994), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

HỒ CHÍ MINH VỚI LUẬN CƯƠNG CỦA V.I. LÊNIN, CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN - QUA LĂNG KÍNH CỦA CÁC NHÀ VĂN, NHÀ THƠ

TS. Đoàn Sỹ Tuấn*

ThS. Lê Thị Ngọc Thùy**

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết tác giả nghiên cứu, tìm hiểu sự kiện Hồ Chí Minh đến với Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin qua lăng kính của các nhà văn, nhà thơ với các nội dung cơ bản: 1) Hồ Chí Minh - “Người đã khóc” khi đến với Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin; 2) Hồ Chí Minh - “Một con người chủ nghĩa Mác - Lênin sinh ra”, - Chung đức, kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại. 3) Hồ Chí Minh - “Một người rất Mác mà ngoài Mác”, kiên định, trung thành, thủy chung, son sắt; sáng tạo trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà thơ, nhà văn.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Người nhà thơ lớn, nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca. Nhà thơ Phêlich Pita Rôđri-ghét (Felix Pita Rodriguez) nói “tên Người là cả một niềm thơ”¹. Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là đề tài lớn cho sáng tác thi ca. Sự kiện lịch sử Hồ Chí Minh đến với Luận cương của V.I. Lênin², chủ nghĩa Mác - Lênin được nhiều nhà văn, nhà thơ đặc biệt quan tâm, chú ý. Bài viết bước đầu nghiên cứu,

* Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị

** Phó trưởng Bộ môn Lý luận chính trị

¹ Nguyên bản tác phẩm bằng tiếng Tây Ban Nha có nhan đề là “*Ho Chi Minh, su nombre puede escribir en poema*” (dịch nghĩa: “Hồ Chí Minh, tên của Người có thể viết thành thơ”). Dịch giả Hoàng Hiệp đã chuyển tác phẩm sang tiếng Việt một cách sáng tạo, diễn tả được thần thái của thi phẩm thành bài thơ mà nhiều người biết tới: “*Hồ chí Minh, tên Người là cả một niềm thơ*”. Tác giả bài thơ ấy là Phêlich Pita Rôđrighét (Felix Pita Rodriguez).

² “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V.I. Lênin.

tìm hiểu sự kiện Hồ Chí Minh đến với Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin qua lăng kính của các nhà văn, nhà thơ, góp phần nhận thức sâu sắc hơn và cung cấp một góc nhìn mới về sự kiện lịch sử quan trọng này.

II. NỘI DUNG

2.1. Hồ Chí Minh - “Người đã khóc” khi đến với Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin

Hồ Chí Minh (khi đó là Nguyễn Ái Quốc) đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh dấu bằng sự kiện Người bắt gặp *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin vào ngày 16 - 17/7/1920. Sự kiện lịch sử quan trọng Hồ Chí Minh khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà cách mạng, đồng bào, báo giới, giới nghiên cứu lý luận chính trị, lịch sử mà còn có sự thu hút đặc biệt của các nhà văn, nhà thơ. Trong *Bài ca dâng Đảng*, tác giả Nguyễn Hồ viết: “Vì yêu nước mưu tìm cứu nước/ Bước Lênin gọi bước chân Người/ Hào quang Cách mạng thắm Mười/ Bác đem soi sáng đất trời Việt Nam”³. Trong *“Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại”*, tác giả Chu Hà - Lã Xuân Choát viết: “Nguyễn Ái Quốc bừng ngôi sao sáng/ Người Việt Nam Cách mạng đầu tiên/ Đã tìm ở Mác, Lênin/ Nguồn chân lý đỏ con tim của mình/ Nguyễn Ái Quốc kết tinh truyền thống/ Tên Người mang sức sống toàn dân/ Tên Người thức tỉnh lương tâm/ Tên Người thôi thúc tinh thần đấu tranh/ Nguyễn Ái Quốc tên thành lửa đuốc/ Tên tượng trưng hồn nước thiêng liêng/ Ngọn cờ dân tộc trương lên/ Sáng vàng dương đỏ, ngời thiên sử vàng/ Đọc “Luận cương Lênin” kiệt tác/ Niềm vui mừng nước mắt trào êm/ Một mình phòng vắng nửa đêm/ Khoa tay Người nói hồn nhiên tự hào: Hỡi đồng bào khổ đau rên xiết/ Đây là điều cần thiết cho ta!/ Đây đường cứu nước cứu nhà/ Đây đường gian khổ chói lòa vinh quang”⁴. Trong bài thơ *“Người đi tìm hình của nước”*, nhà thơ Chế Lan Viên viết: “Luận cương đến với Bác Hồ. Và Người đã khóc/ Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin/ Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp/ Tường bên ngoài đất nước đợi mong tin/ Bác reo lên một mình như nói trước toàn dân tộc:/ “Cơm áo là đây, hạnh phúc đây rồi!””⁵... Trong bài thơ *“Lương tâm”*, nhà thơ Bằng Việt viết: “Bao chặng đường Các Mác đã đi qua/ Bao bài học Lênin còn nóng hổi/ Đã giúp Bác xóa cho mình

³ Nguyễn Hồ (1970), *Bài ca dâng Đảng* (Kỷ niệm lần thứ 40 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam), Nxb Phổ thông Hà Nội, tr.6.

⁴ Chu Hà - Lã Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, tr.28-29.

⁵ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dâng Bác*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.162-163.

dấu hỏi/ Trước phong trào dân tộc khắp năm châu”⁶. Trong bài “*Việt Nam bất khuất Việt Nam kiên cường*”, tác giả Hồng Lam Vũ Đình Hệ viết: “Nguyễn Ái Quốc đọc tới luận cương.../ Người xúc động ngất ngây, phấn khởi!/ Nói to lên như với đồng bào/, Tâm tư mừng rỡ khát khao/ Trong phòng riêng, vọng tiếng chào hăng say/ “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ!/ Đây là đường thoát khổ, dân ta!”⁷. Trong “*Việt Nam thi sử hùng ca*”, Hàn sĩ Trần Trí Trung viết: “Một ngàn chín trăm hai mươi/ Luận cương sơ thảo rọi soi tầm nhìn/ Của tác giả ký Lenin/ Vấn đề thuộc địa được in phát hành/ Con đường giải phóng dân mình/ Chủ nghĩa xã hội chứng minh rõ ràng”⁸. Những nội dung trong các đoạn trích trên của các nhà thơ đều đề cập đến niềm vui mừng, xúc động tuyệt cùng của Hồ Chí Minh (khi đó là Nguyễn Ái Quốc) đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa Mác - Lênin đã trào dâng trong Người “ánh sáng chân lý”, giúp Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Sự kiện lịch sử quan trọng Hồ Chí Minh khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, theo tác giả Chu Văn Sơn, nhà thơ Chế Lan Viên được đánh giá là một trong những người viết hay nhất về chủ đề này. Tác giả Chu Văn Sơn viết: Chế Lan Viên say mê cái anh hùng, cái siêu phàm, cái vĩ nhân; ông đã viết về Bác Hồ với tư cách là người anh hùng, siêu phàm, vĩ nhân thực hiện hành trình của con người lớn lao đi tìm hình hài cho đất nước: “*Người đi khắp bóng cờ châu Mỹ châu Phi*”, đi khắp “*những đất tự do những trời nô lệ*”, “*những con đường cách mạng đang đi tìm*”...; để “*vứt hết đau thương mà hóa thành vĩ đại*”, “*chịu đau thương mà hạ sinh những bài ca*”, “*thai nghén đau thương mà sinh nở cái oai hùng*”... Trên hành trình gian vất vả ấy, “*Người đã đến với Lenin*. Giờ phút tiếp cận Luận cương của Lenin là một trong những giờ phút trọng đại không chỉ đối với cá nhân người đang đánh đổi cả đời để tìm kiếm mà còn cả đối với số phận dân tộc - giờ phút ấy thật linh thiêng và chứa đựng trong đó cái huyền bí của sự hóa thân sinh nở”⁹. Đến với Luận cương của Lenin, Luận cương đã gieo vào nhu cầu, khát vọng nung nấu, cháy bỏng tìm đường cứu nước, cứu dân của Nguyễn Ái Quốc một sức sống mới. Luận cương của Lenin và nhu cầu, khát vọng nung nấu, cháy bỏng tìm đường cứu nước, cứu dân của Nguyễn Ái Quốc hòa quyện vào nhau trong cái thể giới mệnh mông của nhà ái quốc vĩ đại. Và thế là “*Hình của Đảng lồng trong hình của*

⁶ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dâng Bác*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.211.

⁷ Hồng Lam Vũ Đình Hệ (2005), *Việt Nam bất khuất Việt Nam kiên cường*, Nxb Văn hóa thông tin, tr.144-145.

⁸ Hàn sĩ Trần Trí Trung (2007), *Việt Nam thi sử hùng ca*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.65.

⁹ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dâng Bác*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.278.

Nước/ Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”¹⁰, cái “bào thai”, “núm ruột”, “chum rau”, “cái chứng non song”, “bọc hồng tổ quốc”, được “sinh nở”... Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở thành “Ngôi sao sáng đưa ta qua đêm trường thế kỷ/ Đã thành mặt trời chói lọi bình minh”; người “đẻ đất”, “đẻ nước”, “đẻ đời”, “làm sáng vũ trụ”; thành người đưa lịch sử “bước những bước đi khổng lồ” trong xuyên suốt chiều dài của lịch sử phát triển dân tộc dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Và thế là, theo Ché Lan Viên, “... danh hiệu Hồ Chí Minh xuất hiện trên xứ sở trống đồng bốn nghìn năm...”, cùng với Việt Nam - Tên Tổ quốc, tên Người “vang xa ngoài bờ cõi”.

2.2. Hồ Chí Minh - “Một con người chủ nghĩa Mác - Lênin sinh ra”, kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại

Với tư duy rộng mở, tinh thần cách mạng, Hồ Chí Minh tiếp thu một cách có phê phán, gạn lọc tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại, phương Đông và Tây, cổ và kim, truyền thống và hiện đại; cái hay, cái đẹp của nhiều luồng tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa để làm giàu, làm phong phú, sâu sắc “hành lý trí tuệ, hành trang tinh thần”, để phục vụ sự nghiệp cách mạng. Người là sự chung đúc, kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc và nhân loại.

Sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc, được các nhà thơ đánh giá: Tác giả Chu Hà - Lã Xuân Choát, trong “*Bông sen vàng - Diễm ca về Bác Hồ vĩ đại*” viết: “Sinh Cung hoa ngát bên nôi/ Khí thiêng hun đúc nên Người vĩ nhân/ Nơi văn hóa dân gian phong phú/ Sinh con người ưu tú non sông/ Về vang nôi giống Lạc Hồng/ Phát huy sự nghiệp bây giờ là đây”¹¹. Nhà thơ Xuân Diệu, trong bài “*Ảnh cụ Hồ*”, viết: “Cụ Hồ, ấy là Việt Nam sinh đẻ/ Nên nghìn xưa còn lại về nhà nho/ Trải thế gian qua biết mấy địa đò/ Môi bắt hủ vắn nụ cười nước Việt/ Vẫn cái trán non cao, vẫn mắt ngời nước biếc/ Vẫn chòm râu hòa nhã của phương Đông/ Dân sinh ra, nên nói tựa dân đồng/ Lời chuyện vẫn lại nôm na tục ngữ/ Áo màu xám vẫn giữ tro vụn thuở/ Cửa nương dâu, bãi đậu hoặc vườn ngô/ Sống rau dưa, giày mũ vải thô sơ/ Đời giản dị cũng đượm màu hiền triết...”¹². Nhà thơ Bằng Việt trong bài “*Lương Tâm*”, viết: “Tôi yêu từ truyền thuyết thừa sinh ra/ Những chuyện Bác, qua nhiều trang lịch sử/... Chất truyền thống hòa tan vào hiện tại/ Nét thần kỳ lảng giữa nét dân gian/...

¹⁰ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dân tộc*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.162.

¹¹ Chu Hà - Lã Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễm ca về Bác Hồ vĩ đại*, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, tr.8-9.

¹² Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dân tộc*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.142.

Đất nước bốn nghìn năm thành Bác Hồ đúc lại/ Đưa dân tộc ta vào kỷ nguyên vĩ đại”¹³. Trong bài “*Thăm một chiến sĩ quốc tế cộng sản- Nguyễn Ái Quốc*”, nhà thơ cộng sản người Nga, O. Mandenxtam, viết: “Tôi đã hình dung ra được một cách rất cụ thể,... dân tộc An Nam đáng yêu, một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá. Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới. Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai...”¹⁴. *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam*, nhận định: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân và đất nước ta. Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử...”¹⁵.

Sự kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa nhân loại trong con người Hồ Chí Minh, được thể hiện: Nhà báo, nhà văn Mỹ, Davit Hanbocston nhận xét: “Hồ Chí Minh gần với Lênin, Giăngđi, Oasinhton - một Lênin phương Đông, một Găngđi mácxít, một Oasinhton Việt Nam, nhưng lại rất Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam”, “Cụ Hồ là Oasinhton của Việt Nam”¹⁶. “Không phải thuần túy chỉ là Marx, là Lenin hay Mao Trạch Đông, mà chính là lịch sử 2.000 năm chống ngoại xâm của Việt Nam đã tạo nên ông Hồ... Cũng như một cái gì đó trong mỗi người Việt Nam đều có trong Hồ Chí Minh, một cái gì đó trong Hồ Chí Minh đều có trong hầu hết những người Việt Nam ngày nay, dấu ấn của ông trên dân tộc Việt Nam thật là sâu đậm”¹⁷. Và chính Người cũng tự bạch: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm lớn là tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Jêsu có ưu điểm lớn là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm lớn phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jêsu, Mác,

¹³ Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dânng Bác*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.208-214.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2002) *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.431.

¹⁵ Hồ Chí Minh (1996) *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.510.

¹⁶ Xem Davit Hanbocxtam, *Hồ*, Nxb Răngđôm Haosơ, 1971 và Xem *Xã luận báo Thế giới hàng ngày*, ngày 5/9/1969.

¹⁷ Trần Chung Ngọc/ *Vài nét về “Cụ Hồ”*. <http://sachhiem.net>

Tôn Dật Tiên chẳng phải có ưu điểm chung đó hay sao? Họ đều mưu phúc lớn cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm một người học trò nhỏ của các vị ấy”¹⁸. Đánh giá về sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại trong con Người Hồ Chí Minh, tác giả Trần Bạch Đằng viết: “ Tư tưởng Hồ Chí Minh được ấp ủ lâu dài trong cái nôi chủ nghĩa yêu nước, tắm mình sâu sắc trong hồn dân tộc, là kết tinh của truyền thống nhiều nghìn năm dựng nước và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Trên cái nền kiên cố ấy, trên mảnh đất phì nhiêu ấy, tư tưởng Hồ Chí Minh gạn lọc các hạt giống trí tuệ cổ kim phương Đông, phương Tây và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, sản phẩm khoa học hiện đại vào một đất nước cụ thể. Người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc gia cực đoan, thù cực, hẹp hòi, vị kỷ, cũng như người ta không thể tìm thấy chủ nghĩa quốc tế không tưởng trong tư tưởng Hồ Chí Minh”¹⁹. Nhà lãnh đạo ngoại giao - nhà thơ Xuân Thủy viết về Hồ Chí Minh: “Một con người gồm kim cổ Tây Đông/ Giàu quốc tế đậm Việt Nam từng nét”²⁰.

Tinh hoa văn hóa nhân loại, truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam góp phần làm phong phú “hành lý” trí tuệ, “hành trang” tinh thần, là nền tảng tạo nên tầm vóc và bản lĩnh trí tuệ của Hồ Chí Minh. Từ đó, nâng cao tư duy, độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc tiếp thu và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao trí tuệ thời đại, tạo ra sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm, quan điểm, lập trường và thế giới quan, phương pháp luận cách mạng Hồ Chí Minh; là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh, là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất, quá trình phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. GS. Nguyễn Đức Bình khẳng định: “Việc Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin “*cái cần thiết*” và “*con đường*” giải phóng dân tộc Việt Nam, “*ngọn hải đăng soi đường cho toàn thể nhân loại bị áp bức đi tới giải phóng*” là bước quyết định trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Bắt gặp chủ nghĩa Mác -

¹⁸ Hồ Chí Minh - Truyện. Bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thúc. Bát nguyệt xuất bản xã Thượng Hải, 1949.

¹⁹ Trần Bạch Đằng (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh: Sinh khí của một học thuyết đến với Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, tháng 2/2007.

²⁰ Dựa theo PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc, trong bài “*Sự khởi đầu và mãi mãi*”. <http://dangcong san.cpv.org.vn>

Lênin, tư tưởng yêu nước ở Nguyễn Ái Quốc có bước nhảy vọt về chất - tưởng yêu nước của Nguyễn Ái Quốc trở thành tư tưởng Hồ Chí Minh”²¹.

Đánh giá về ảnh hưởng to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với tư tưởng, nhân cách, con người Hồ Chí Minh, nhà thơ Hải Như, trong bài “*Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra*”, đã khẳng định chủ nghĩa Mác sinh ra Hồ Chí Minh và Hồ Chí Minh là sự kết tinh tinh hoa của chủ nghĩa Mác. Bài thơ đã khắc họa chân thực, phong phú, sinh động, sâu sắc, rõ nét bức chân dung Hồ Chí Minh - “Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra”. Đó là một con người: 1) Sống giản dị, hài hòa, trân trọng tự nhiên: “Ta sẽ đến thăm ngôi nhà Bác ở/ Thăm vườn cây còn ẩm mãi hơi Người/ Thăm bụi hoa nhài, nhớ Bác khôn nguôi/ Hoa vườn Bác, Bác tự tay chăm chút/ Bác không nhắc, ta quên hoa râm bụi/ Bởi trong ta, còn cỏ nội hoa hèn/ Đồi sẽ nghèo nếu trong bước đi lên/ Ta quên hết sắc hương ta đã có/ Hương dầu thoảng cũng khiến đời giàu có/ Biết ơn Người chủ nghĩa Mác sinh ra/ Đẹp thế đó nâng niu từng cây cỏ...”²²; 2) Giản dị, thanh bạch: “Đừng dẹt nhè chuyện thần kỳ về Bác/ Chữ thần kỳ Bác riêng tặng nhân dân/ Đảng ta lập ra gian khổ muôn phần/ Lập ra Đảng là một người giản dị/ Người nguyện sống trọn cuộc đời chiến sĩ/ Thăm vườn Người, ta cứ nghĩ vườn ta!/ Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra/ Đẹp thế đó, giữa nếp nhà thanh bạch...”²³; 3) Yêu thích tự do, độc lập: “Ta chẳng thấy Bác trồng hoa chậu nhỏ/ Có lẽ vì không muốn bó vào khuôn/ Hai chữ thiên đường ta hiểu đúng hơn/ Đâu phải chỉ những lầu đài cao ngất/ Mà trước hết là tự do, độc lập/ Cho mỗi cuộc đời, cho cả cỏ hoa!”²⁴; 4) Dân chủ, đoàn kết, quý trọng con người: “Xưa, người dân khi đến trước sân rồng/ Lung cúi gập vì thấy mình bé lại/ Ta đi giữa vườn Người, lòng thư thái./ Ngẩng cao, nghe dưới gót sỏi cười/ Ôi vui sao, ta thấy bên Người/ Như thấy lớn cạnh vua Hùng dựng nước/ Nhưng Người khác những vua hùng thuở trước/ Sống cuộc đời y hệt cuộc đời ta/ Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra/ Đẹp thế đó, ôi linh hồn của Đảng...”²⁵; “Bác đã cho ta, Bác đã cho đời/ Lẽ sống của ngày mai trên trái đất/ Lẽ sống đẹp, không coi mình cao nhất/ Mong kiếp người, ai cũng cất đầu cao/ Có thể con người chiếm lĩnh các vì sao/ Nhưng lẽ sống đến vườn Người mới thấy!”²⁶; “Đừng tưởng Bác Hồ chỉ có vui thôi/ Có những lúc Bác Hồ buồn ghê gớm/ Đây là lúc: ta sai lầm to lớn/ Quên mọi người, ta chỉ thấy mình ta!/ Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra/ Đẹp thế đó, không dung mình sống nhỏ...”²⁵.

²¹ Nguyễn Đức Bình (2010), *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay - Quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị - Hành chính.

^{22, 23, 24, 25} Nguyễn Cảnh Lạc (2000), *Thơ Dân Bác*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.218-220.

2.3. Hồ Chí Minh - “Một người rất Mác mà ngoài Mác”, vừa rất mực kiên định, trung thành, thủy chung, son sắt; vừa rất sáng tạo trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin

GS. Nguyễn Đức Bình khẳng định: “Việc Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin “cái cần thiết” và “con đường” giải phóng dân tộc Việt Nam, “ngọn hải đăng soi đường cho toàn thể nhân loại bị áp bức đi tới giải phóng” là bước quyết định trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Bất gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng yêu nước ở Nguyễn Ái Quốc có bước nhảy vọt về chất - tưởng yêu nước của Nguyễn Ái Quốc trở thành tư tưởng Hồ Chí Minh”. Trong cuốn *Hệ tư tưởng Việt Nam*, GS Trần Văn Giàu, đã viết: “Có thể đọc hàng trăm quyển sách Đông, Tây kim cổ, không ở đâu có một chiến lược giành rớt về vấn đề dân tộc thuộc địa như Luận cương của Lênin. Ruộng đồng đã “có nước” trước khi “nước sông” đầy lên”²⁶. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - đỉnh cao của tư duy, trí tuệ loài người, nhưng Người không dừng ở đỉnh cao mà tiếp tục phát triển đỉnh cao lên đỉnh cao mới. Người xuyên suốt, kiên định, trung thành vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều phương diện, cả trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhà thơ Việt Phương, trong bài thơ “*Người*”, đã viết: “Một người không Phật mà rất Phật. Không tắm Hoàng Hà tắm sông Lam. Một người rất Mác mà ngoài Mác. Nghèo như chút nhút ngọt như cam. Một người quốc tế vì dân tộc. Một lòng sau trước nghĩa kết đoàn. Một người hóa thân thành dân nước. Không là thần thánh chẳng vua quan. Một người mang đủ bao khao khát. Như mọi con người ở trần gian. Cuộc đời vạn biến mà không khác. Một người toàn vẹn chỉ Việt Nam”²⁷. Câu thơ “*Một người rất Mác mà ngoài Mác*”, khẳng định Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh “*rất Mác*”, rất trung thành, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời, Người “*ngoài Mác*”, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nói: “Dù sao thì cũng không thể cấm bỗ sung “*cơ sở lịch sử*” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”²⁸. “Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và

²⁶ Trần Văn Giàu, *Hệ tư tưởng Việt Nam*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.44.

²⁷ Việt Phương (2005), *Bài thơ Người*. <http://tuoitre.vn/> Bác Hồ trong Tôi.

²⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.509-510.

đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn. Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song, khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng”²⁹. Giáo sư sử học Trần Văn Giàu đã có lý khi đề cập đến phương pháp luận, phương pháp tư duy Hồ Chí Minh. Đây chính là cơ sở dẫn đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Ông viết: “Suốt đời mình, Cụ Hồ có tính quen là quan sát thực tế... Sát thực tế là tính Cụ Hồ”, “óc phân tích tổng hợp của Cụ Hồ rất sắc sảo”. Và, “Cụ Hồ là người Việt Nam đầu tiên đề cao tầm quan trọng của lý luận. Theo Cụ Hồ, lý luận đối với một chính đảng quan trọng như linh hồn đối với con người. Song, người ta thấy Cụ Hồ sau khi đã vạch ra tổng lộ tuyên thì chú trọng đặc biệt đến thực tiễn. Thực tiễn có thể chứng minh hoặc bác bỏ, hoặc đòi sửa đổi chủ trương mang tính lý luận. Thấy sai trái hay thiếu sót thì can đảm sửa, bổ sung, hay bỏ đi, đến đây thì thực tiễn là ưu tiên. Cụ Hồ là người dám nhìn thẳng vào sự thật. Cụ xem thực tiễn là trọng yếu số một. Cụ không thích lý luận tu biện cũng như không thích thực tiễn mù quáng”³⁰. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: “Hồ Chí Minh,... là một con người sáng tạo, rất sáng tạo, con người đổi mới, thường xuyên đổi mới, đổi mới rất táo bạo. Con người ấy “có sự dị ứng bẩm sinh với bệnh giáo điều rập khuôn, bệnh công thức sáo mòn”³¹. Nghị quyết của Bộ Chính trị khẳng định “Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc”³².

III. KẾT LUẬN

Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin vào ngày 16 - 17/7/1920.

²⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

³⁰ Nguyễn Huy, “*Đổi mới - linh hồn của tư tưởng Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Triết học.

³¹ Trương Lai, “*Tâm vóc Hồ Chí Minh*”, <http://daibieunhandan.vn/>

³² Đảng Cộng sản Việt Nam, “*Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*”, tr.7.

Qua lăng kính của các nhà thơ, nhà văn sự kiện lịch sử này thể hiện: 1. Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với riêng Người (tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm, quan điểm, lập trường cách mạng, giúp Người tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc, “thấp sáng và truyền lửa lịch sử”), mà còn có ý nghĩa to lớn, quan trọng đối với dân tộc Việt Nam (quyết định chiều hướng phát triển cách mạng của dân tộc ta theo con đường, khuynh hướng vô sản, góp phần thúc đẩy lịch sử - đi những bước đi “khổng lồ”); 2. Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra một Hồ Chí Minh - “Một con người chủ nghĩa Mác - Lênin sinh ra”; kết tinh, hội tụ, thăng hoa, tỏa sáng tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại; 3. Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra một Hồ Chí Minh - “Một người rất Mác mà ngoài Mác” vừa kiên định, trung thành, thủy chung, son sắt; vừa rất sáng tạo trong vận dụng và phát triển Luận cương của V.I. Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin. Qua đó, góp phần cung cấp một góc nhìn mới, nhận thức sâu sắc hơn, toàn diện hơn về sự kiện lịch sử “đặc biệt” quan trọng này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Đoàn Trọng Huy (2015), *Hồ Chí Minh niếm thơ cao cả*, Nxb Thanh niên.
2. Chu Hà - Lã Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, Nxb Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.
3. Hồng Lam - Vũ Đình Hệ (2005), *Việt Nam bất khuất Việt Nam kiên cường*, Nxb Văn hóa thông tin.
4. Hàn sĩ Trần Trí Trung (2007), *Việt Nam thi sử hùng ca*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Xuân Lạc (2000), *Thơ Dân Bác*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Trần Đình Huỳnh (2011), *Hồ Chí Minh - Đường trường muôn dặm dăng hiến và tỏa sáng*, Nxb Hà Nội.
7. Bùi Công Bính (2010), *Nhớ Bác lòng ta trong sáng hơn*, Nxb Hội nhà văn Vườn quốc gia Ba Vì.
8. Nhóm trí thức Việt (2016), *Hồ Chí Minh thơ và đời*, Nxb Văn học.

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, BỔ SUNG VÀ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN MÁC - LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ GIAI CẤP Ở THUỘC ĐỊA TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

TS. Ngô Xuân Dương - TS. Lê Trung Kiên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn đất nước và quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp; coi đây là yêu cầu khách quan, là cơ sở rất quan trọng để xác định đường lối cách mạng Việt Nam. Người đã có bổ sung, phát triển cho lý luận kinh điển Mác - Lênin, cũng như giải quyết một cách khéo léo, linh hoạt và đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, thống nhất lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, đảm bảo thành công của cách mạng giải phóng dân tộc.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc, vấn đề giai cấp.

I. MỞ ĐẦU

Nhìn lại phong trào yêu nước, chống Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đều được dẫn dắt bởi ý thức hệ phong kiến hoặc dân chủ tư sản, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam vẫn chủ yếu dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Đến Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc được tiến hành dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, giành độc lập dân tộc để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp được đặt ra và giải quyết một cách phù hợp, nhuần nhuyễn, biện chứng. Đây là một vấn đề lý luận quan trọng, có ý nghĩa thực tiễn to lớn trong thời đại cách mạng vô sản.

II. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Mác và Ăngghen về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, khi đề cập đến mối quan hệ giai cấp và dân tộc C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết: Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm lật

đồ ách thống trị của giai cấp tư sản, ở giai đoạn đầu của nó là mang tính chất dân tộc, vì: “Phong trào vô sản là phong trào độc lập của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số”¹. Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu mang hình thức đấu tranh dân tộc và Đảng của giai cấp công nhân, bên cạnh việc giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho quần chúng nhân dân, giai cấp công nhân không được quên rằng cuộc đấu tranh giải phóng của họ còn là cuộc đấu tranh dân tộc. Do đó, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu”².

Theo Mác - Ăngghen, trong thời đại ngày nay, chỉ có giai cấp vô sản mới thống nhất được lợi ích của giai cấp mình với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc, bởi mục tiêu cuộc cách mạng vô sản là xóa bỏ tình trạng bóc lột giữa người với người. Có triệt để xóa bỏ tình trạng bóc lột và áp bức giai cấp mới có điều kiện xóa bỏ ách áp bức dân tộc, mới đem lại độc lập thực sự cho dân tộc mình và cho các dân tộc khác. Chỉ có giai cấp vô sản với bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của mình mới có thể thực hiện được điều này. Chỉ có cuộc cách mạng do chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo mới thực hiện được sự thống nhất giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Từ đó, Mác đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản các nước đoàn kết lại”. “Xóa bỏ nạn bóc lột người thì nạn dân tộc này bóc lột nạn dân tộc khác không còn nữa, sự thù địch dân tộc cũng mất theo”.

Ở thời đại Mác - Ăngghen, các ông không đi sâu giải quyết vấn đề dân tộc vì về cơ bản, vấn đề dân tộc ở Tây Âu đã được giải quyết trong cách mạng tư sản; mâu thuẫn cơ bản trong xã hội là mâu thuẫn đối kháng của hai giai cấp tư sản và vô sản; chủ nghĩa đế quốc bắt đầu xuất hiện nhưng phong trào đấu tranh giành độc lập chưa phát triển mạnh, chưa có ảnh hưởng đến sự tồn tại và suy vong của chủ nghĩa tư bản. Trung tâm cách mạng thế giới vẫn ở châu Âu, vận mệnh loài người vẫn được coi là phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở các nước tư bản phát triển. Do đó, các ông chưa có điều kiện bàn nhiều về *vấn đề dân tộc thuộc địa*. Đúng như Lênin đã từng nhận xét, đối với Mác, so với vấn đề giai cấp vô sản thì vấn đề dân tộc chỉ là một vấn đề thứ yếu thôi.

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

² C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, tr.623-624.

2.2. Quan điểm của Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Thời kỳ này có những đặc điểm nổi bật là: Chủ nghĩa đế quốc đã phát triển thành một hệ thống thế giới và cách mạng giải phóng dân tộc đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới nên ông có điều kiện, có cơ sở thực tiễn để nghiên cứu sâu hơn về vấn đề dân tộc thuộc địa. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn. Đó là cách mạng vô sản Nga thắng lợi tạo điều kiện cho một loạt nước lúc bấy giờ là thuộc địa của Nga Hoàng được giải phóng, được thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Mâu thuẫn nổi bật ở nước Nga lúc bấy giờ là mâu thuẫn giai cấp trở nên gay gắt.

Lênin cho rằng: Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc sẽ không thể giành được thắng lợi nếu nó không biết liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Từ đó, ông đã bổ sung khẩu hiệu của Mác - Ăngghen thành “Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

Tuy nhiên, xuất phát từ yêu cầu và mục tiêu của cách mạng vô sản ở châu Âu, Lênin vẫn tập trung nhiều vào vấn đề giai cấp, vào đấu tranh giai cấp, vẫn đặt vấn đề giai cấp cao hơn vấn đề dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, năm 1919, Lênin phát biểu: “Giai cấp công nhân và nông dân các nước An Nam, Angheri, Bungari,... chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân Anh, Pháp nắm được chính quyền”. Điều đó đúng với thực tiễn của cách mạng vô sản châu Âu đang đặt ra lúc bấy giờ, nhưng sau này không còn mấy phù hợp, đặc biệt đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc các nước thuộc địa, bởi điều kiện thực tiễn lịch sử đã thay đổi.

Năm 1924, Lênin mất, đến năm 1928, Quốc tế Cộng sản ngày càng nghiêng sang “tả khuynh”, tính chỉ huy, tính áp đặt ngày càng lớn của lãnh tụ Stalin đối với dân tộc thuộc địa ở các nước phương Đông. Đặc biệt, khi nói về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, thì Đại hội VI (năm 1928) quá nhấn mạnh đến vấn đề giai cấp, họ cho rằng: “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”.

Như vậy, cả Mác - Ăngghen và Lênin đều khẳng định: Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối quan hệ mật thiết với nhau; dân tộc là địa bàn tồn tại của giai cấp, dân tộc chứa đựng trong lòng nó các giai cấp và các cuộc đấu tranh giai cấp. Vì vậy, để giải quyết vấn đề dân tộc bao giờ cũng theo lập trường của một giai cấp nhất định. Các nhà kinh điển đã đặt vấn đề giai cấp cao hơn vấn đề dân tộc, bởi vì: Vấn đề dân tộc đã được giải quyết từ cuộc cách mạng tư sản ở các nước Tây Âu; vấn đề mâu thuẫn giai cấp đang diễn ra gay gắt; các ông ít có điều kiện nghiên cứu về điều kiện các nước phương Đông.

2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định *tính tất yếu phải giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp*. Mối quan hệ dân tộc và giai cấp là mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp gắn bó với nhau. Giải phóng dân tộc đồng thời giải phóng giai cấp; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới, trước những thay đổi của tình hình cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh khẳng định rằng, nhiệm vụ đặt ra cho các nước thuộc địa không phải là làm ngay một cuộc cách mạng vô sản, mà trước hết là phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc; có độc lập dân tộc rồi, mới có điều kiện để tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh đặt vấn đề dân tộc lên trên hết và trước hết, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, trước hết, lợi ích của giai cấp phải phục tùng lợi ích của dân tộc. Người không tuyệt đối hóa vấn đề dân tộc. Bởi vì:

Một là, xuất phát từ lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Sự thất bại của các phong trào, các khuynh hướng đấu tranh theo con đường dân chủ tư sản, theo con đường phong kiến và các cuộc khởi nghĩa của nông dân diễn ra ở Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược đến nửa đầu thế kỷ XX, đều thất bại. Các cuộc cách mạng trên thế giới đều chưa triệt để (Cụ thể như cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ). Chỉ có lựa chọn con đường cách mạng vô sản (như Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917) là tất yếu, phù hợp với xu hướng phát triển của dân tộc và mới giải quyết triệt để mối quan hệ này.

Hai là, thực tiễn Việt Nam đòi hỏi phải giải quyết vấn đề dân tộc gắn với vấn đề giai cấp. Bối cảnh phân hóa giai cấp ở Việt Nam chưa trở nên gay gắt, vấn đề dân tộc lại nổi lên gay gắt, bởi mâu thuẫn nổi lên hàng đầu là: Toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Trong điều kiện lịch sử cụ thể là dân tộc mất độc lập, tự do, thì lợi ích dân tộc, quyền lợi đất nước lên trên lợi ích giai cấp, quyền lợi giai cấp, lợi ích bộ phận phục tùng lợi ích dân tộc. Vì mâu thuẫn cơ bản hàng đầu ở xã hội Việt Nam không phải là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, mà là mâu thuẫn giữa một bên là nhân dân Việt Nam mà tuyệt đại bộ phận là nông dân với một bên là đế quốc Pháp và bọn địa chủ phong kiến tay sai. Khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, dù là địa chủ hay nông dân, họ đều là người nô lệ mất nước, họ đều bị bóc lột. Do đó, không thể giải quyết vấn đề giai cấp rồi mới giải quyết vấn đề dân tộc như ở các nước

tư bản phương Tây. Ngược lại, chỉ có giải phóng dân tộc rồi mới giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc tạo tiền đề để giải phóng giai cấp. Vì vậy, trong cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh luôn động viên toàn dân tập trung đấu tranh cho quyền lợi dân tộc, qua đó từng bước đem lại quyền lợi dân chủ cho nhân dân, mà trước hết là ruộng đất cho nông dân.

Ba là, giải quyết được vấn đề dân tộc và giai cấp là cơ sở để xác lập được đúng đắn đường lối cho cách mạng Việt Nam. Đường lối đúng đắn như: Xác định mục tiêu, lực lượng cách mạng; những vấn đề về đoàn kết dân tộc; lý luận về Đảng và xây dựng Mặt trận...

Người khẳng định: Cách mạng Việt Nam phải là bộ phận của cách mạng thế giới. Tại diễn đàn của Đại hội V Quốc tế cộng sản (1924) ở Mátxcova (Liên Xô), Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành đấu tranh, phê phán quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản Tây Âu trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí, cũng như tương lai của cách mạng thuộc địa. Người cho rằng, nhân dân các dân tộc thuộc địa có thể tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở các nước chính quốc; phải dựa vào sức của chính mình, đồng thời biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để *trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc*, rồi từ thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp cách mạng vô sản thế giới. Những quan điểm của Hồ Chí Minh khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của Người trong về lý luận và thực tiễn cách mạng, về giải quyết mối quan hệ dân tộc với giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Người thực hiện nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, đó là: Phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. Coi việc giải quyết mối quan hệ này là vấn đề chiến lược gắn liền với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Giải quyết mối quan hệ này phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ này là cơ sở đảm bảo thống nhất, hài hòa về lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài giữa giai cấp công nhân và các giai tầng trong xã hội.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, từ lý luận kinh điển và xuất phát từ thực tiễn cách mạng trên thế giới và Việt Nam, quan điểm Hồ Chí Minh cho thấy được bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược mà Người đã nhận định và lựa chọn cho cách mạng Việt Nam. Và tất cả những quan điểm

đúng đắn đó của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giai cấp đã được khẳng định bởi thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ của dân tộc Việt Nam. Hiện nay, Đảng và dân tộc Việt Nam vận dụng những di sản của Người nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Nhu - Vũ Dương Ninh (1996), *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Phùng Hữu Phú (Chủ biên) (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Song Thành (1993), *Vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc từ Các Mác đến Hồ Chí Minh*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 6, tr.5-6.
4. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên) (2010), *Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Mậu Hãn (2010), *Phát huy sức mạnh dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

TS. Dương Văn Khoa
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt

Năm 1920, Hồ Chí Minh bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua bản Sơ thảo lần thứ nhất những vấn đề về dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin. Giây phút ấy đã làm cho Hồ Chí Minh hết sức xúc động và sung sướng vì đã tìm thấy con đường hồi sinh cho dân tộc. Để phù hợp hơn với hoàn cảnh của Việt Nam lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết của V.I. Lênin, trong đó có vấn đề dân tộc. Người tập trung lý giải vấn đề dân tộc thuộc địa, chỉ rõ thực chất của vấn đề ấy là đánh đuổi chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa là độc lập, tự do. Hồ Chí Minh cũng phát hiện ra sức mạnh to lớn ở các nước thuộc địa là chủ nghĩa dân tộc chân chính. Đặc trưng cơ bản của vấn đề độc lập dân tộc ở thuộc địa là: độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc.

I. MỞ ĐẦU

Năm 1911, Hồ Chí Minh (lúc đó lấy tên là Văn Ba) quyết định rời xa Tổ quốc tìm đường cứu nước. Quá trình bôn ba khắp nơi trên thế giới, khảo cứu các con đường cách mạng khác nhau đã giúp Hồ Chí Minh nhận ra chân tướng giả dối của chủ nghĩa tư bản; đồng thời cũng dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin vào năm 1920. Sau thời điểm ấy, Hồ Chí Minh xúc tiến mạnh mẽ công cuộc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước chuẩn bị cho sự ra đời của chính đảng mácxít, đặt nền móng, khởi xướng cho phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản ở Việt Nam. Trong suốt thời kỳ vận động cứu nước cũng như lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, phát triển tư tưởng của Lênin, nhất là tư tưởng về vấn đề dân tộc, dân tộc thuộc địa, chủ nghĩa xã hội, góp phần quyết định cho những thắng lợi quan trọng của cách mạng Việt Nam từ trước tới nay.

II. NỘI DUNG

Thời đại của C. Mác, chủ nghĩa tư bản đang ở giai đoạn tự do cạnh tranh, chúng chưa đẩy mạnh quá trình xâm lược và phân chia thị trường thế giới, vì vậy, C. Mác

chưa có điều kiện đề cập đến vấn đề dân tộc thuộc địa. Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc xuất hiện. Sự phát triển không đồng đều, cùng với nhu cầu ngày càng cao về nguồn nguyên liệu, nhân công và thị trường tiêu thụ hàng hóa và sự chi phối của một số quy luật khác đã dẫn đến các cuộc chiến tranh xâm lược, thống trị và bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc đối với các quốc gia, dân tộc khác ở khắp các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh. V.I. Lênin đã phát triển học thuyết của C. Mác trong tình hình mới. Người viết một số tác phẩm đề cập đến vấn đề dân tộc thuộc địa cũng như cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới, tiêu biểu có thể kể đến: *Vấn đề dân tộc tự quyết* năm 1914; *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* năm 1920... Nội dung cơ bản được đề cập trong các tác phẩm ấy là: cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có mối quan hệ mật thiết với nhau; cách mạng giải phóng dân tộc cần đi theo quỹ đạo của cuộc cách mạng vô sản để giành được thắng lợi “điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa phải là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản”¹.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo, phát triển tư tưởng của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc ở Việt Nam, nội dung cơ bản thể hiện như sau:

Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa. Chúng ta đã biết, do những quy định của điều kiện lịch sử và cả những sai lầm của yếu tố chủ quan, các vị tiền bối trước đó (tiêu biểu là nhà yêu nước Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh) đã không giải quyết thành công vấn đề dân tộc thuộc địa. Quốc tế Cộng sản ra đời năm 1919, sau một thời gian hoạt động đã mắc phải xu hướng tả khuynh. Vì vậy, đầu thế kỷ XX đã xuất hiện một số quan điểm không phù hợp, khách quan trong phong trào cộng sản quốc tế về vấn đề dân tộc thuộc địa. Họ cho rằng, điểm mấu chốt “cốt tử” của vấn đề dân tộc thuộc địa là vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Tuy Hồ Chí Minh là thành viên của Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản, nhưng quan điểm của Người có nhiều khác biệt. Người phê phán một số Đảng Cộng sản trên thế giới không quan tâm đến cách mạng thuộc địa và có cái nhìn lệch lạc về người dân, coi “người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết và lại càng không có khả năng hoạt động”².

¹ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.199.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.81.

Hồ Chí Minh cho rằng, nhu cầu bức thiết, trước mắt cũng như lâu dài của các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam là đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do cho dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường Kách mệnh*, đặc biệt là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo đã minh chứng rõ cho quan điểm này: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” - *Đường Kách mệnh*; “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” - *Cương lĩnh chính trị đầu tiên*...

Như vậy, các nhà yêu nước tiên bối đã dựa vào chủ nghĩa phong kiến, tư bản để giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa; còn Quốc tế Cộng sản, V.I. Lênin hướng cách mạng thuộc địa tập trung vào vấn đề đấu tranh giai cấp (chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc). Rút kinh nghiệm từ những sai lầm của những nhà cách mạng đi trước, kế thừa, phát triển tư tưởng của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách rõ ràng: thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa là chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do cho dân tộc. Cụ thể hơn, kẻ thù chính, trực tiếp của các dân tộc thuộc địa là chủ nghĩa thực dân chứ không phải là chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc nói chung như C. Mác và V.I. Lênin quan niệm. Theo Hồ Chí Minh “chủ nghĩa thực dân không chỉ là kẻ thù trực tiếp, nguy hại nhất của các thuộc địa mà còn là kẻ thù chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới”; mâu thuẫn nổi bật, quan trọng nhất ở xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với chủ nghĩa thực dân; nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng ở thuộc địa là giải phóng dân tộc; mục tiêu của cách mạng thuộc địa là chủ nghĩa xã hội.

Nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa. Lần đầu tiên trong lịch sử, V.I. Lênin đã nhắc và nhấn mạnh đến vấn đề thuộc địa, đến quyền bình đẳng, tự quyết của các dân tộc, vai trò của cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa “Giải phóng dân tộc thuộc địa không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ mà còn là điều kiện bảo đảm cho sự thắng lợi của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và những người cộng sản ở chính quốc”; đồng thời, cũng chỉ rõ, cách mạng giải phóng dân tộc các nước thuộc địa muốn thắng lợi cần phải hướng theo quỹ đạo của cách mạng vô sản. Nói cách khác, cách mạng vô sản ở chính quốc và giải phóng dân tộc ở thuộc địa có mối quan hệ khăng khít, biện chứng, hỗ trợ nhau phát triển, thắng lợi. Về cơ bản, V.I. Lênin đánh giá cao vai trò của

cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; đồng thời, có những chỉ dẫn mang tính vạch đường cho sự thắng lợi của cách mạng thuộc địa “với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”³. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, tư tưởng của V.I. Lênin đã có sự ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ, giúp cho Hồ Chí Minh nhận thức rõ được điều cốt yếu mà Người trần trở bấy lâu: “muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”.

Đối với Hồ Chí Minh, nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa là “độc lập dân tộc”. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (năm 1930) đã chủ trương: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Nhiệm vụ hàng đầu của tư sản dân quyền cách mạng là: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Cách mạng tư sản dân quyền sẽ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là đánh đuổi đế quốc, thực dân giành độc lập dân tộc; đánh đổ phong kiến tay sai giành ruộng đất cho dân cày nghèo. Trong hai nhiệm vụ ấy, giải phóng dân tộc cần được ưu tiên và đặt lên hàng đầu, đặc biệt khi điều kiện thuận lợi, thời cơ chín muồi. Năm 1941, chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám, Người đã cùng với Đảng ta đã đưa ra tư tưởng chỉ đạo quyết liệt: “Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁴.

Chủ nghĩa dân tộc. Đế quốc, thực dân cũng đề cao chủ nghĩa dân tộc, nhưng đó là chủ nghĩa dân tộc cực đoan, hẹp hòi, “sô vanh”. Theo Võ Nguyên Giáp, chủ nghĩa dân tộc ở thuộc địa theo quan điểm của Hồ Chí Minh “hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II, (càng không phải là chủ nghĩa dân tộc cải lương), mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính, theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người”⁵. Mặc dù đề cao vấn đề giải phóng dân

³ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.295.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.112-113.

⁵ Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.91.

tộc, lợi ích của dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh coi thắng lợi của dân tộc mình cũng là thắng lợi của các dân tộc bị áp khác, đề cao lợi ích của dân tộc mình, nhưng không xâm phạm, chà đạp lên lợi ích chính đáng của các dân tộc khác và góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới “khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ xô viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”⁶. Đế quốc, thực dân là kẻ thù của dân tộc và giai cấp, tiêu diệt được kẻ thù chung ấy, không chỉ có riêng dân tộc mà các giai cấp bị thống trị, bóc lột tất yếu sẽ được giải phóng và đòi lại được quyền lợi của giai cấp mình. Chỉ có thể đề cao, ưu tiên vấn đề dân tộc mới đoàn kết được đông đảo nhân dân và toàn dân tộc, tạo ra sức mạnh tổng hợp, to lớn nhất và các dân tộc thuộc địa như Việt Nam mới có điều kiện, khả năng giành thắng lợi trước những kẻ thù là đế quốc, thực dân. Ngay từ những năm tháng bôn ba, hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sức mạnh to lớn của chủ nghĩa dân tộc chân chính đối với các nước thuộc địa. trong bản *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngậm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”⁷. Chính vì vậy, Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản... Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ”⁸.

Đặc trưng của độc lập dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, độc lập phải là độc lập thật sự; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong nhiều bài nói, bài viết, Người đã đề cập đến vấn đề này, điển hình như: *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Người soạn thảo có đoạn: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Ngày 31/10/1966, phát biểu trong buổi chiêu đãi Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cuba, Hồ Chí Minh nêu: “hòa bình thật sự thì phải có độc lập thật sự”⁹. Năm 1969, trong thư gửi Tổng thống Mỹ R. Ních-xon, Hồ Chí Minh tiếp tục

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.511.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.615.

khẳng định: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thực sự”¹⁰...

Một dân tộc có được nền độc lập thật sự khi đánh đuổi hoàn toàn kẻ xâm lược, thống trị ra khỏi lãnh thổ, quốc gia của dân tộc mình và có toàn quyền quyết định vận mệnh và mọi vấn đề của dân tộc mình, trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia dân tộc mình, không có sự can thiệp của lực lượng bên ngoài quốc gia dân tộc, thực thi được chủ quyền của dân tộc. Năm 1947, khi trả lời phóng viên báo Roitơ, Hồ Chí Minh nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”¹¹. Bên cạnh đó, độc lập phải gắn với sự thống nhất và toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia dân tộc. Trong bức điện gửi các nhà lãnh đạo chính phủ các nước Á - Phi, Hồ Chí Minh viết: “Nhân dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình nhưng quyết không bao giờ lùi bước trước bất kỳ một sự đe dọa nào của bọn đế quốc. Hơn 30 triệu nhân dân Việt Nam, đoàn kết muôn người như một, quyết tâm đánh bại bọn xâm lược Mỹ cho đến thắng lợi cuối cùng để bảo vệ chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc mình”¹². Quán triệt tư tưởng của Hồ Chí Minh, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh bại đế quốc, thực dân xâm lược Pháp và Mỹ, khiến chúng phải cúi đầu ký Hiệp định Giơnevơ (1954) và Pari (1973) công nhận những quyền dân tộc cơ bản, thiêng liêng của dân tộc ta: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Độc lập dân tộc thật sự còn gắn với tự do, hạnh phúc của nhân dân (độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội). Giành lại độc lập cho dân tộc là nội dung quan trọng, nhưng mới là điểm khởi đầu của cuộc cách mạng vô sản mà Việt Nam đi theo. Mục tiêu cuối cùng của cuộc cách mạng là tự do, hạnh phúc của nhân dân. Năm 1945, sau Cách mạng tháng Tám, trong bức thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Hồ Chí Minh nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹³.

Tư tưởng “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” của Hồ Chí Minh đáp ứng được khát vọng của đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, vì vậy đã quy tụ được toàn

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.488.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.162.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.520.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

dân tộc đoàn kết dưới ngọn cờ của Đảng, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của cách mạng. Ở Việt Nam thời kỳ chiến tranh cách mạng, cũng như hiện nay, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn là mối quan hệ biện chứng. Độc lập dân tộc là tiền đề, điều kiện của chủ nghĩa xã hội (tự do, hạnh phúc của nhân dân); đồng thời, chủ nghĩa xã hội là điều kiện, sức mạnh để giành lại độc lập dân tộc (ngày nay là bảo vệ nền độc lập của dân tộc). “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”¹⁴.

III. KẾT LUẬN

V.I. Lênin đã phát triển học thuyết của C. Mác trong thời đại của chủ nghĩa đế quốc, Người cũng phát hiện ra vai trò quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc đối với cách mạng vô sản ở các nước chính quốc và chỉ ra những điều kiện hàng đầu cho việc giành thắng lợi của cách mạng thuộc địa là phải vận động theo xu hướng của cách mạng vô sản và đoàn kết chặt chẽ với cách mạng vô sản ở chính quốc.

Hồ Chí Minh là học trò xuất sắc của V.I. Lênin, Người đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết của Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Hồ Chí Minh không tìm hiểu vấn đề dân tộc nói chung, Người tập trung vào việc luận giải, cắt nghĩa làm sáng tỏ vấn đề dân tộc thuộc địa. Người chỉ rõ, thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa là đánh đuổi thực dân, giành độc lập cho dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cốt lõi mà cách mạng nơi đây cần tập trung, ưu tiên giải quyết là độc lập và tự do. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ những đặc trưng cơ bản của vấn đề độc lập dân tộc ở Việt Nam như: độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người đã phát hiện ra sức mạnh to lớn ở các thuộc địa đó là chủ nghĩa dân tộc chân chính và kêu gọi Quốc tế Cộng sản phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản.

Sự vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết V.I. Lênin vào Việt Nam của Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng về vấn đề dân tộc nói riêng đã giúp cho cách mạng Việt Nam phát triển và giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.563.

2. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
4. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

SỰ TIẾP NỐI TỪ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VẤN ĐỀ QUYỀN DÂN TỘC TỰ QUYẾT

TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Cùng với phong trào đấu tranh giai cấp, phong trào giải phóng dân tộc mà mục tiêu chính là đòi quyền tự quyết đã trở thành tiêu điểm của thế kỷ XX, trong đó Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh từ một quốc gia nhược tiểu, bị đô hộ đã trở thành ngọn cờ đầu của phong trào đấu tranh giải phóng, đấu tranh cho quyền tự quyết dân tộc. Trong bài viết, chúng tôi muốn bàn về sự kế thừa, tiếp nối Chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền dân tộc tự quyết trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây được coi là một trong những nội dung cơ bản, cốt lõi, có tính quyết định cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền dân tộc tự quyết.

I. MỞ ĐẦU

Trong lịch sử phát triển của loài người, quá trình đi xâm lấn, mở rộng biên giới diễn ra liên tục, các dân tộc nhược tiểu trở thành thuộc địa đã là một phần trong lịch sử thế giới. Quyền dân tộc tự quyết luôn là vấn đề mang tính thời sự, nhất là vào thế kỷ XX, khi mà phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển một cách mạnh mẽ. Hồ Chí Minh tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin vì mục tiêu giải phóng dân tộc và vấn đề quyền dân tộc tự quyết là vấn đề Người quan tâm, tiếp thu, áp dụng một cách có sáng tạo trong điều kiện Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Quyền dân tộc tự quyết trong chủ nghĩa Mác - Lênin

Cũng như nhiều hình thức cộng đồng khác, dân tộc là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất:

Một là, chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa, phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý

thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó. Theo nghĩa này, dân tộc được hiểu như một tộc người hay một dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc.

Hai là, chỉ một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ, nền kinh tế thống nhất, ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Như vậy, dân tộc đồng nghĩa với quốc gia - dân tộc.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng từ dân tộc theo nghĩa là một quốc gia dân tộc, có lịch sử hình thành và được phân định cương vực rõ ràng. Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu về vấn đề quyền dân tộc tự quyết trong chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là những người đi đầu trong việc ủng hộ quyền dân tộc tự quyết, thể hiện qua việc quan tâm đến vấn đề dân tộc và thuộc địa; từ thực tế nghiên cứu trường hợp các quốc gia thuộc địa vùng lên đấu tranh đòi lại quyền dân tộc như Ba Lan chống ách thống trị của Nga Hoàng, cách mạng ở Trung Quốc... Tuy nhiên, Mác - Ăngghen lại chưa đưa ra khái niệm cụ thể về quyền dân tộc tự quyết. Năm 1853, C. Mác viết bài báo có tiêu đề *Cách mạng ở Trung Quốc và châu Âu*, trong đó đề cập đến mối quan hệ giữa việc phải đảm bảo quyền độc lập dân tộc của nhân dân Trung Quốc và của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc khác với phong trào cộng sản ở châu Âu. Sau đó 4 năm, năm 1857, Ăngghen kêu gọi ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển ở nhiều quốc gia như: Ấn Độ, Trung Quốc, Iran, Ai Cập... Hai ông cũng luôn bày tỏ thái độ phê phán với những trường hợp các nhà lãnh đạo từ chối trao trả độc lập cho những nước thuộc địa như trường hợp Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha; lên tiếng bênh vực quyền lợi của Airolen - một nước đang nằm dưới ách thống trị của Anh... Từ quan điểm của những bài viết và cuộc đấu tranh nêu trên, có thể thấy Mác và Ăngghen coi quyền dân tộc tự quyết được thể hiện chủ yếu dưới hình thức quyền độc lập về mặt chính trị. Bên cạnh đó, các ông cũng gián tiếp đề cập đến vấn đề độc lập về kinh tế và văn hóa, tuy nhiên đây chỉ là hai vấn đề đi sau, là hệ quả tất yếu của độc lập chính trị.

Độc lập về chính trị ở một góc độ nhất định mang ý nghĩa rộng lớn hơn, bao quát hơn nhưng về bản chất có thể coi đó là quyền tự quyết về chính trị. Đây không phải là yếu tố duy nhất về vấn đề quyền dân tộc tự quyết theo quan niệm của hai ông như đã phân tích ở trên mà do những điều kiện khách quan nên hai ông tập trung nhấn mạnh lĩnh vực mấu chốt đó nhằm phục vụ những nhu cầu cấp bách của phong trào cộng sản quốc tế lúc bấy giờ và vấn đề kinh tế, xã hội cũng được đề cập đến ngay sau đó.

Trên cơ sở lập luận rằng: nguyên tắc dân tộc có nội dung chủ yếu gồm quyền tự quyết mà việc thực thi nó một cách triệt để là điều kiện để có hòa bình và hợp tác quốc tế giữa các dân tộc [1; tr.711], Mác - Ăngghen không chỉ đấu tranh hết mình cho phong trào cách mạng vô sản mà còn góp phần vô cùng quan trọng trong cuộc cách mạng đòi quyền tự quyết của các dân tộc.

Tiếp thu quan điểm của Mác - Ăngghen, khi bàn về vấn đề quyền dân tộc tự quyết, Lênin đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt là tình trạng ly khai của các dân tộc trong liên hiệp quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới thời kỳ lúc bấy giờ, khi chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc đi xâm chiếm thuộc địa, biến các quốc gia, dân tộc nhỏ yếu hơn trở thành thuộc địa của mình, hay nói cách khác, tình trạng áp bức của quốc gia này lên quốc gia khác ngày càng phổ biến “Một phần lớn của châu Á, bộ phận đông đảo nhất của thế giới, hiện đang ở trong tình trạng, hoặc là thuộc địa của các “cường quốc lớn”, hoặc là quốc gia hết sức bị phụ thuộc và bị áp bức về mặt dân tộc” [6; tr.55] thì sau này, ông đặt nhiều sự quan tâm vào vấn đề này và đưa ra những luận điểm cụ thể, mang tính định hướng. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tập trung vào khai thác vấn đề quyền tự quyết dân tộc liên quan đến vấn đề dân tộc và thuộc địa do có ảnh hưởng trực tiếp đến Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam.

Năm 1914, trong một chuyên khảo riêng biệt với tiêu đề: *Về quyền dân tộc tự quyết*, Lênin đã đi thẳng vào câu hỏi: Quyền dân tộc tự quyết là gì? Ông chỉ ra rằng: “Lẽ tự nhiên, đây là vấn đề được đặt ra trước tiên khi người ta định nghiên cứu theo quan điểm Mác xít, cái mà người ta gọi là quyền tự quyết. Nên hiểu quyền dân tộc tự quyết là như thế nào? Chúng ta sẽ tìm lời giải đáp trong các định nghĩa pháp lý rút ở mọi thứ “khái niệm” về pháp quyền ra chăng? Hay phải tìm lời giải đáp trong sự nghiên cứu có tính chất lịch sử, kinh tế về phong trào dân tộc?” [7; tr.302] và “Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị, khỏi dân tộc áp bức họ” [8; tr.327]. Như vậy, chúng ta có thể thấy, cũng như Mác - Ăngghen, Lênin cho rằng về bản chất, quyền tự quyết của dân tộc thể hiện trên phương diện chính trị. Tuy nhiên, trong nhiều tác phẩm sau đó, ông cũng đề cập trực tiếp đến khía cạnh tự quyết về văn hóa, kinh tế,... nhưng quan điểm có tính chất xuyên suốt là: *quyền tự quyết - về bản chất - là quyền của các dân tộc bị áp bức được tự do tách khỏi các dân tộc đang áp bức họ để thành lập ra quốc gia độc lập riêng.*

Với Lênin, trên lập trường Mácxít, ông kiên quyết chống các hình thức cực đoan của chủ nghĩa dân tộc, nhất là chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Lênin nêu quyền dân tộc tự quyết trong đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức nhưng trên cương lĩnh của chủ nghĩa Mác về dân tộc: “các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại” [7; tr.375]. Như vậy, đấu tranh giải phóng dân tộc không phải để chia rẽ nhân dân lao động hay giai cấp công nhân tại các dân tộc mà đoàn kết giai cấp chính là yếu tố quan trọng nhất trong đấu tranh đòi quyền dân tộc tự quyết.

Đi sâu bàn về vấn đề quyền tự quyết của các dân tộc thuộc địa, trong văn bản mang tính chất quan trọng: *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* lần đầu tiên đăng trên báo *Nhân đạo* - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp tháng 7/1920, Lênin đã chỉ ra vấn đề căn cốt trong việc giải quyết vấn đề thuộc địa là việc trao trả cho các dân tộc quyền được tự quyết định lấy vận mệnh của nước mình, bên cạnh trách nhiệm liên minh, liên kết với các giai cấp, tầng lớp khác trong công cuộc tự giải phóng. Trong tác phẩm này, Lênin từ việc lên án các quan điểm sai lầm của những người đứng đầu quốc tế II về vấn đề dân tộc và thuộc địa, lên án chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đã khẳng định quyền bình đẳng, quyền độc lập và quyền tự do của tất cả các dân tộc trên thế giới, nhất là các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Để đi đến thắng lợi trong công cuộc đấu tranh vì quyền tự quyết của các dân tộc, Lênin một lần nữa nhấn mạnh đến sức mạnh đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tự bản và các nước thuộc địa, khởi xướng sự kết hợp giữa phong trào đấu tranh giai cấp và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Như vậy, có thể thấy, trên lập trường mácxít, Lênin đã phát triển và hoàn thiện khái niệm quyền tự quyết dân tộc nhất là đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc. Ông quan niệm để đi tới tự quyết dân tộc cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong bối cảnh thế kỷ XX, khi vấn đề thuộc địa đang là vấn đề bức thiết thì việc đưa ra yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phong trào đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng, đòi quyền tự quyết dân tộc mang tính chất tháo bỏ những vướng mắc, trở thành lời giải đáp, hướng đi cho nhiều cuộc cách mạng lúc bấy giờ, trong đó có cách mạng Việt Nam.

2.2. Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng vấn đề quyền dân tộc tự quyết trong điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam

Sinh ra và lớn lên trong bối cảnh đất nước đã trở thành thuộc địa của Pháp, quyền dân tộc bị chà đạp, đặc biệt không có bất kỳ một tiếng nói nào trên cương vị một quốc

gia. Việt Nam nghiêm nhiên trở thành “con” của nước mẹ đại Pháp và đương nhiên được nước mẹ bảo trợ trên danh nghĩa nhưng thực tế chủ yếu là o bế. Phụ thuộc chính quốc về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, chính trị...; người dân Việt Nam không những không được tự do mà ngược lại còn bị bóc lột một cách dã man. Các phong trào yêu nước, đòi độc lập tự do của người dân Việt Nam lớp này, lớp khác, theo chân các vị lãnh đạo như Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Hoàng Hoa Thám,... đều bị chìm trong biển máu. Các nhà yêu nước theo khuynh hướng khác như Phan Bội Châu hay Phan Chu Trinh cũng đi đến kết cục bị giam cầm, đàn áp mà con đường đi đến độc lập tự do của dân tộc vẫn mịt mù.

Ra đi tìm đường cứu nước với mục đích đòi lại quyền tự quyết dân tộc, nhân quyền cho người dân. Năm 1919, hy vọng và như là một phép thử với lời hứa trong tuyên bố 14 điểm của Tổng thống Mỹ Uyn-xơn, trong đó điểm thứ 5 đảm bảo “giải quyết rộng rãi, tự do và hoàn toàn vô tư tất cả các yêu sách về thuộc địa”; Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* yêu cầu những quyền tối thiểu đối với người dân, với một dân tộc bởi: “Từ ngày đồng minh thắng trận, tất cả các dân tộc bị lệ thuộc đều chứa chan hy vọng rằng theo những lời cam kết chính thức và trịnh trọng mà các cường quốc đồng minh đã tuyên bố với toàn thế giới, trong cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man, thì tiền đề một thời đại công lý và chính nghĩa nhất định là phải đến với họ” và đó là lúc mà “quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc được thừa nhận thật sự” [2; tr.469]. Như vậy, xuất phát từ lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc thể hiện ngay trong chính ý nghĩa của tên gọi “Nguyễn Ái Quốc”, Yêu sách đã nêu lên những yêu cầu cơ bản của quyền dân tộc, là những quyền lợi tối thiểu làm tiền đề cho vấn đề một dân tộc được tự quyết định lấy vận mệnh của chính quốc gia mình. Tuy nhiên, chính từ sự thờ ơ của các nước đế quốc trước đề nghị của mình, của dân tộc mình, Người nhận thấy con đường cần phải đi đến dân tộc tự quyết là con đường dân thân, tranh đấu chứ không thể chỉ trông chờ vào thỉnh nguyện thư và lời hứa “màu mè” của các nước lớn.

Sự kiện tháng 7/1920, khi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh gặp được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin* được coi là thời khắc quan trọng, đánh dấu bước ngoặt trong hành trình tìm đường cứu nước, đòi quyền dân tộc tự quyết của Người. Thời khắc Người thốt lên “đây là con đường giải phóng chúng ta” chính là thời khắc hoàn thiện, là lúc Người nhận biết đầy đủ con đường cần hướng tới để đấu tranh thành công cho quyền dân tộc tự quyết theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ kinh nghiệm của mình với phong trào đấu tranh của nhân dân các nước đã đi qua, và đặc biệt từ thực tế của đất

nước, Hồ Chí Minh nhận thấy để có quyền tự quyết dân tộc cần phải có sự liên minh giai cấp trước hết trong phạm vi quốc gia và sau đó là trên phạm vi toàn thế giới, như lời kêu gọi “vô sản các dân tộc đoàn kết lại” nhưng quan trọng nhất vẫn là sức mạnh nội sinh. Để đảm bảo cho con đường đi tới độc lập, tự do, đòi quyền tự quyết, Người có những sáng lập quan trọng trong cuộc đời cũng như với dân tộc mình, bao gồm: thành lập Đảng Cộng sản, thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ba sáng lập này là những thành tố hợp thành, dẫn tới sáng lập thứ 4, khẳng định thắng lợi trong cuộc đấu tranh đòi quyền dân tộc tự quyết: sáng lập ra nước Việt Nam mới.

Sau Cách mạng tháng Tám, trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước, Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố: “nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” [3; tr.522].

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ. Thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi và khẳng định: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [3; tr.534].

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh, ồ ạt đổ quân viễn chinh và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam, đồng thời tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc với quy mô và cường độ ngày càng ác liệt, Hồ Chí Minh nêu cao chân lý lớn nhất của thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [4; tr.131]. Đây là lời khẳng định chắc chắn nhất cho lẽ phải, cho việc bảo vệ quyền dân tộc tự quyết của người đứng đầu quốc gia vốn có truyền thống yêu nước ý chí độc lập, tự cường.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hành trình đòi lại quyền tự quyết dân tộc, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trước những đế quốc lớn như Pháp và Mỹ là thành quả khẳng định sự kế thừa sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc tự quyết từ chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền tự quyết dân tộc phải được đảm bảo đầy đủ các yếu tố:

Thứ nhất, quyền dân tộc tự quyết phải được đảm bảo trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ trong đó quan trọng nhất là độc lập về chính trị.

Thứ hai, quyền tự quyết dân tộc chỉ có ý nghĩa thực sự khi người dân được đảm bảo nhân quyền, phải có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thứ ba, quyền tự quyết dân tộc là tiền đề cho vấn đề nhân quyền và nhân quyền, ngược lại là một mặt phản ánh quan trọng của tự quyết dân tộc đúng như trong các văn bản của quốc tế sau này.

Đến những năm 60 của thế kỷ XX, với thắng lợi chung của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới mà Việt Nam là một trong những ngọn cờ đầu thì việc ban hành Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (1966), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966); Tuyên bố Viên và chương trình hành động (1993),... đã xác định quyền dân tộc tự quyết là một loại quyền con người - quyền tập thể của quyền con người: “Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Với quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do theo đuổi con đường phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của mình...” [5; tr.656].

III. KẾT LUẬN

Ngày nay, dù tình hình đất nước và quốc tế có những đổi thay nhanh chóng, nhưng những nội hàm trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề quyền tự quyết dân tộc vẫn giữ nguyên giá trị. Tiếp thu và kế thừa các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng từ thực tế dân tộc mình cũng như cách mạng các nước thuộc địa khác, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vấn đề quyền dân tộc tự quyết trong đó nhấn mạnh đến sức mạnh nội lực, nhấn mạnh đến các yếu tố độc lập và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Đây cũng kim chỉ nam để toàn Đảng, toàn dân thực hiện lời di huấn của Người trong *Di chúc*: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [4; tr.624].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào (Chủ biên) (1995), *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. V.I. Lênin (1980) *Những vấn đề chính sách dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
7. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
8. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG, PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM

ThS. Vũ Thị Bích Hạnh

Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là bộ phận tư tưởng hạt nhân, mấu chốt trong hệ thống tư tưởng của Người. Đó là di sản vô cùng quý báu của dân tộc ta. Trong bài viết, tác giả tập trung góp phần làm rõ một số nội dung cơ bản của sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc vào thực tiễn cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó góp phần khắc họa rõ nét chân dung, tầm vóc tư tưởng, công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

“Hồ Chí Minh nghiên cứu, tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin không phải theo lối giáo điều, kinh viện, mà có sự phát triển, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Người không bao giờ coi chủ nghĩa Mác - Lênin là “cái gì đã xong xuôi hẳn”, là “đơn thuốc vạn năng”, mà như Người nói: “Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”¹. Và thành công vang dội của cách mạng Việt Nam là minh chứng rõ nét nhất cho sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.509-510.

II. NỘI DUNG

2.1. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

Thứ nhất, giải quyết hài hòa, nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

Khi xác định đối tượng cách mạng, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa nói chung, ở Việt Nam nói riêng có những điểm khác với các nước phương Tây. Mâu thuẫn chủ yếu ở các nước phương Tây là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, mâu thuẫn chủ yếu ở xã hội thuộc địa phương Đông lại là giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân; do vậy, cuộc đấu tranh giai cấp không giống như các nước phương Tây. Đối tượng cách mạng mà các dân tộc thuộc địa cần tập trung đánh đổ không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải là giai cấp địa chủ nói chung, mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động.

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn đặc điểm xã hội Việt Nam, xác định đúng đối tượng chính của cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng sáng tạo trong giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp. Nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao đấu tranh giai cấp thì Nguyễn Ái Quốc đặt ưu tiên hàng đầu cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giành độc lập, tự do cho đất nước.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc. Người cho rằng giải quyết vấn đề dân tộc phải đặt trên lập trường giai cấp tiến bộ, cách mạng; song với điều kiện cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa Việt Nam phải “đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích giai cấp, lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm mục tiêu hàng đầu”. Khẳng định tính dân tộc nổi trội hơn tính giai cấp là tư tưởng đúng đắn, sáng tạo phản ánh đúng tình hình thực tế Việt Nam cũng như các nước thuộc địa nói chung. Đó là một trong các sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Thứ hai, xác định cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa là độc lập dân tộc, đặt vấn đề giành độc lập dân tộc là mục tiêu quan trọng hàng đầu.

Chủ nghĩa Mác - Lênin tập trung đến đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, đấu tranh giai cấp; Hồ Chí Minh tập trung đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng thuộc địa. Người quan tâm vạch ra thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức,

bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Dưới ánh sáng chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận định: Thứ nhất, khi phân chia các loại cách mạng, nếu lấy tư tưởng làm tiêu chí thì có ba loại: tư bản cách mạng, dân tộc cách mạng, giai cấp cách mạng; nếu lấy mục tiêu của từng dân tộc và nhân loại thì có hai loại: dân tộc cách mạng và thế giới cách mạng. Thứ hai, lý luận do phân tích kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta từ trước đến nay kết luận thành. Vì vậy, “Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải nhắc như con vẹt “Vô sản thế giới liên hiệp lại” mà phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin không phải ở đâu người ta cũng làm cộng sản, cũng làm Xô viết”². Nếu thấy người ta làm thế nào mình cũng bắt chước một mực làm theo thế ấy, thì đó vừa là lý luận suông, vô ích, vừa chưa biết khéo lợi dụng kinh nghiệm: “nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”³.

Những nhận thức trên giúp chúng ta hiểu vì sao đối với dân tộc Việt Nam thì trước hết phải giành cho kỳ được độc lập dân tộc; là phải làm dân tộc cách mạng chứ không phải giai cấp cách mạng như Cách mạng Pháp năm 1789 hay Cách mạng Nga năm 1917. Tư bản cách mạng thì phải có tư bản ở thành phố (tư bản mới) và tư bản ở hương thôn (địa chủ). Việt Nam chưa đủ những điều kiện này. Đó là câu chuyện của Pháp năm 1789, Mỹ năm 1776, Nhật năm 1864. Giai cấp cách mạng nỏ ra khi giai cấp công nhân và nông dân bị áp bức không chịu nổi, đoàn kết đánh đuổi giai cấp áp bức mình (tư bản). Đó là câu chuyện của cách mạng Nga năm 1917. Dân tộc cách mạng là khi “bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy không chịu nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình”⁴.

Từ thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định chúng ta phải làm dân tộc cách mạng là vì mâu thuẫn dân tộc giữa một bên là toàn thể dân tộc Việt Nam sống thân phận nô lệ với một bên là bọn cướp nước là mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa. Giải quyết mâu thuẫn ấy để giành lại độc lập, tự do là nhiệm vụ hàng đầu, không giành được độc lập dân tộc thì không có gì hết.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.368-369.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.312.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.286.

2.2. Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo về cách mạng giải phóng dân tộc

Thứ nhất, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

Tận mắt chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, nhân dân đói khổ lầm than, ngày 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. Mang trong mình khát vọng giải phóng dân tộc, qua nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã đi và sống ở nhiều nước thuộc châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, chứng kiến cuộc sống bị bóc lột, bị đàn áp của nhân dân các nước thuộc địa và Người cũng đã trực tiếp tìm hiểu đời sống của nhân dân lao động các nước tư bản. Người cũng đã khảo sát và tìm hiểu cuộc cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tham gia Đảng Xã hội Pháp (1919), tìm hiểu cách mạng tháng Mười Nga. Năm 1920, đọc Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và các vấn đề thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cách mạng đúng đắn - con đường cách mạng vô sản và Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁵.

Trong quá trình vận dụng lý luận cách mạng vô sản vào Việt Nam, Hồ Chí Minh đã kiên trì khắc phục những trở ngại của khuynh hướng giáo điều, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp trong nửa sau những năm 20 và nửa đầu những năm 30 của thế kỷ XX, làm cho lý luận cách mạng giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản có sức sống mạnh mẽ, thâm nhập trong đông đảo quần chúng nhân dân. Đi theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh sớm xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁶. Sau khi giành độc lập, phải tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, Người dành nhiều tâm trí vào sự nghiệp cách mạng XHCN và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, hình thành nên những quan điểm hết sức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa, với những tàn tích phong kiến nặng nề; xác định những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, mục tiêu và bước đi để đạt tới chủ nghĩa xã hội. Đó là một quá trình cải biến cách mạng lâu dài, gian khổ, phải trải qua nhiều chặng đường khác nhau, tất cả vì sự nghiệp giải phóng con người, làm cho con người phát triển toàn diện, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

Thực tiễn đó cho thấy, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản là một trong những sáng tạo nổi bật về mặt lý luận của Hồ Chí Minh. Chính theo con đường cách mạng vô sản, nhân dân Việt Nam đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 “long trời lở đất”, dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945). Trong *Tuyên ngôn độc lập* đọc trước quốc dân đồng bào vào ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”⁷. Với *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã tuyên bố với toàn thế giới về quyền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam. Trong đó, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ vừa là tiền đề, vừa là điều kiện tiên quyết của chế độ dân chủ, cho việc xác lập và bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đây là một sáng tạo của Hồ Chí Minh về lý luận cách mạng giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng, “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”⁸. Đảng đó phải được xây dựng theo nguyên tắc đảng kiểu mới của V.I. Lênin, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng Cộng sản là: Xác định mục tiêu của cách mạng, xây dựng đường lối cách mạng giải phóng dân tộc; thông qua cương lĩnh, tổ chức vận động, tập hợp các lực lượng cách mạng, xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đối với cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: chống đế quốc và chống phong kiến, giành độc lập dân tộc, đem lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

V.I. Lênin đưa ra quan điểm Đảng Cộng sản ra đời là sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân. Hồ Chí Minh khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người nói: “Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ

⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.3.

⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

ngĩa Mác - Lênin”⁹; “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”¹⁰. Từ nhận thức đó, sau này Người khẳng định: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị”¹¹. Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh so với chủ nghĩa Lênin không chỉ bổ sung yếu tố phong trào yêu nước vào sự ra đời của Đảng Cộng sản mà còn cho thấy phong trào yêu nước có khả năng kết hợp với phong trào công nhân, vì cả hai phong trào cùng một nhiệm vụ và mục tiêu trước mắt là chống xâm lược, giành độc lập dân tộc. Sự xuất hiện một yếu tố mới là phong trào yêu nước không những không hạ thấp vai trò của chủ nghĩa xã hội khoa học, ngược lại tỏ rõ rằng ở các nước thuộc địa như Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin có một mảnh đất màu mỡ, “lực lượng vật chất” không chỉ là phong trào công nhân mà còn có cả phong trào yêu nước. Ngược lại, phong trào yêu nước phải được tiếp nhận lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới thành phong trào yêu nước triệt để. Sáng tạo ở về “đồng thời là Đảng của dân tộc” ở chỗ: Cơ sở xã hội của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà là toàn thể dân tộc; Đảng không chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà vì lợi ích cả dân tộc; Đảng không chỉ trong tim của người đảng viên đảng cộng sản, mà phải “gắn gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta”.

Thứ ba, cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân trên cơ sở liên minh công nông.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: Cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông làm nòng cốt... Trong đó, “thực hiện cho được liên minh công nông vì đó là sự bảo đảm chắc chắn nhất những thắng lợi của cách mạng”¹². Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin nêu khẩu hiệu “Giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!”. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công”¹³.

Khẩu hiệu đoàn kết của Hồ Chí Minh chứa đựng ba tầng đoàn kết: đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế và tỷ lệ thuận giữa sức mạnh đoàn kết và khả năng thành công. Người chỉ rõ: “Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị

⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.275.

¹⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.406.

¹¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.275.

¹² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.391.

¹³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.119.

áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết”¹⁴. Khái niệm “dân tộc cách mệnh” trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng một hàm lượng khoa học, sáng tạo lớn trong việc tổ chức lực lượng cách mạng, chính xác là xây dựng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Toàn thể dân tộc Việt Nam bị áp bức đồng tâm hiệp lực đánh đuổi thực dân Pháp, “thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ”¹⁵. Người cũng luôn khẳng định tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em”¹⁶.

Từ thực tiễn Việt Nam, với tuyệt đại đa số dân số là nông dân, Hồ Chí Minh cho rằng, nông dân là những người chịu nhiều tầng áp bức, bị bần cùng hóa nên họ luôn có ý thức phản kháng, sẵn sàng tham gia cách mạng. Do đó, cách mạng giải phóng dân tộc phải có sự tham gia của giai cấp nông dân và là sự nghiệp của toàn dân. Đánh giá cao vai trò, sứ mệnh của giai cấp nông dân, nhưng Hồ Chí Minh luôn khẳng định, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng và Đảng phải lãnh đạo xây dựng khối liên minh công - nông làm nòng cốt cho Mặt trận Dân tộc thống nhất. Hồ Chí Minh chủ trương vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam, những người dân mất nước, đang phải chịu thân phận nô lệ, tham gia vào Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Đây là luận điểm rất mới, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc. Đó là sự bổ sung kịp thời vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thứ tư, cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực, nhân văn, hòa bình, kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang.

Trên cơ sở nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc bản chất của chế độ thực dân: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi”¹⁷, “Lũ giặc cướp nước, chết thì chết, nét không chừa. Càng gần thất bại thì chúng càng hung ác. Do đó, càng gần thắng lợi thì ta càng gặp nhiều khó khăn”¹⁸. Người khẳng định: Độc lập tự do không thể cầu xin mà có được”. Vì vậy, để thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân

¹⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.288.

¹⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.286.

¹⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.670.

¹⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.

¹⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.254.

tộc, cũng như cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, tất yếu phải "... đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"¹⁹.

Quan điểm bạo lực cách mạng của Hồ Chí Minh không hề đối lập với tinh thần yêu chuộng hòa bình và chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc Việt Nam mà là sự tiếp nối truyền thống nhân nghĩa của cha ông ta. Đối với Hồ Chí Minh, trong cuộc đấu tranh chính nghĩa để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, việc sử dụng bạo lực cũng nhằm mục đích hòa bình: "Vẫn biết dụng binh là việc nhân nghĩa, muốn cứu dân, cứu nước"²⁰. Theo Người, hòa bình phải là nền hòa bình thật sự, gắn liền với độc lập, chủ quyền của Tổ quốc và tự do, dân chủ của nhân dân. Nếu mục tiêu đó không được đáp ứng, phương thức tiến hành chiến tranh tất yếu là bạo lực cách mạng. Đó chính là nghệ thuật khéo léo dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của Người. Quan điểm trên đã thể hiện tư duy độc lập, tự chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong vận dụng sáng tạo quan điểm cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm cách mạng thế giới, truyền thống dân tộc vào xác định phương pháp cách mạng Việt Nam. Thực tiễn của cách mạng Việt Nam, đã chứng minh quan điểm của Hồ Chí Minh về phương pháp cách mạng là đúng đắn, sáng tạo.

III. KẾT LUẬN

Sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc vào thực tiễn cách mạng Việt Nam đã phản ánh nguyện vọng được sống trong độc lập, tự do và công bằng, bình đẳng của không chỉ dân tộc Việt Nam mà còn là ý chí, nguyện vọng của mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột trên thế giới, như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"²¹. Có thể nói, giải phóng dân tộc là nguyện vọng cháy bỏng hơn bất cứ yêu cầu nào khác. Nó là điều kiện tiên quyết cho mọi quyền tự do, dân chủ của con người.

Hồ Chí Minh không chỉ là người xây dựng cơ sở lý luận cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam mà còn là người tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trong quá trình tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách

¹⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.391.

²⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.286.

²¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

mạng giải phóng dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã thể hiện trách nhiệm của người đứng đầu.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng chính trị vô sản, nhưng Hồ Chí Minh không áp dụng rập khuôn, máy móc những nguyên lý có sẵn.

Lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng thuộc địa: Vận dụng phương pháp làm việc biện chứng của học thuyết Mác - Lênin, Người đã phân tích thực tiễn xã hội thuộc địa, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện lịch sử cụ thể, xây dựng nên lý luận cách mạng giải phóng dân tộc và truyền bá vào Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, yêu cầu khách quan của cách mạng ở thuộc địa không phải là chống chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chống chủ nghĩa thực dân và tay sai của nó.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 và 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam đã chứng minh tinh thần độc lập, tự chủ, tính khoa học, tính cách mạng và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường giải phóng dân tộc vào thực tiễn cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Vũ Đình Hòe - Bùi Đình Phong (2010). *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Đoàn Sỹ Tuấn, Trần Trọng Đạo, Tường Thị Thắm (2018), *Hướng dẫn nghiên cứu Giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. PGS.TS. Nguyễn Thanh Tuấn (2011), *Triết lý phát triển trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với Việt Nam ngày nay*, Nxb Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
5. www.hcma.vn; www.lyluanchinhtri.vn

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẶC TRƯNG BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

TS. Trần Trọng Đạo
Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Bài viết tập trung làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội, đặc trưng bản chất, vận dụng sáng tạo.

I. MỞ ĐẦU

Hồ Chí Minh - người sáng lập, rèn luyện và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, luôn vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và tinh hoa văn hóa nhân loại vào Việt Nam để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn cách mạng và định hướng sự phát triển tương lai. Bên cạnh việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm vận dụng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh sớm hình thành tư tưởng về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó nội dung cốt lõi là các đặc trưng bản chất của chế độ thể hiện trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, con người, quan hệ quốc tế.

II. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã luận giải một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội - với tư cách là một chế độ xã hội, là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản trên một số nội dung cơ bản sau:

Chủ nghĩa xã hội là xã hội thực hiện được việc xóa bỏ từng bước chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ sở hữu công cộng - sở hữu toàn dân để giải phóng cho sức sản xuất xã hội phát triển.

Chủ nghĩa xã hội là xã hội có một nền đại công nghiệp cơ khí với trình độ khoa học và công nghệ hiện đại có khả năng cải tạo nông nghiệp, tạo ra năng suất lao động cao hơn chủ nghĩa tư bản. Như vậy, chủ nghĩa xã hội sẽ hoàn toàn thắng thế khi tạo ra được năng suất lao động cao hơn, xã hội giàu có và văn minh, thịnh vượng hơn chủ nghĩa tư bản.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thực hiện việc sản xuất có kế hoạch, tiến tới xóa bỏ sản xuất hàng hóa trao đổi tiền tệ. Về sau, quan điểm này của Mác được Lênin phát triển trong Chính sách kinh tế mới với việc duy trì kinh tế nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường.

Về phân phối lao động, chủ nghĩa xã hội là xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, thể hiện sự công bằng và bình đẳng về lao động và hưởng thụ giữa mọi cá nhân trong xã hội. Như vậy, xã hội làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu là giai đoạn phát triển cao của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội là xã hội phải khắc phục dần sự khác biệt giữa các giai cấp, giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay, tiến tới một xã hội tương đối thuần nhất về giai cấp.

Về con người, chủ nghĩa xã hội là xã hội hướng đến giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, nâng cao trình độ tư tưởng và văn hóa cho nhân dân, tạo điều kiện cho con người phát triển mọi khả năng sẵn có của mình.

Khi những đặc trưng tốt đẹp trên đạt được và giai cấp không còn nữa, xã hội là một thực thể thống nhất, thì chức năng chính trị của Nhà nước - chức năng chuyên chính vô sản sẽ dần dần tiêu vong. Lúc này, nhà nước chỉ còn chức năng quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống cho mọi người¹.

Nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội của các nhà kinh điển Mác - Lênin từ khát vọng giải phóng dân tộc với những đặc điểm riêng về văn hóa, đạo đức và con người Việt Nam, Hồ Chí Minh sớm nhận thấy sự cần thiết phải bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác.

2.2. Hồ Chí Minh vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, Người cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung

¹ Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.96-97.

sống, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ (ví dụ: lấy vợ, lấy chồng sớm quá, cúng bái, liên hoan lu bù, lười biếng...). Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”². Như vậy, chủ nghĩa xã hội là những cái rất cụ thể, vừa mang tính trước mắt, vừa lâu dài, vừa là công việc hàng ngày của mỗi người dân và cũng là của toàn dân tộc. Chủ nghĩa xã hội theo Hồ Chí Minh là xóa bỏ những cái xấu, phát triển những cái tốt với mục đích vì con người và hướng tới xây dựng một xã hội hòa thuận, hạnh phúc.

Từ định nghĩa trên, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về những đặc trưng thể hiện bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, với 5 nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, về chế độ chính trị. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Hồ Chí Minh cho rằng: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”³. Vì dân là chủ, nên dân là người có vị thế cao nhất trong xã hội và mọi quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân.

Trong chế độ chính trị dân chủ, dân là người bầu ra chính phủ, quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, “Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ”, “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”⁴, thậm chí, “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁵. Chính bởi dân là chủ nhân của đất nước, nên nhà nước phải là của dân, do dân, vì dân và “Cán bộ từ Trung ương đến xã đều phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân”⁶; “Cán bộ từ Trung ương đến khu, đến tỉnh, huyện và xã đều phải một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của nhân dân, chứ không phải là “quan cách mạng””⁷.

Dân là chủ, nên các cơ quan nhà nước phải luôn dựa vào dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân... Nhà nước phải có trách nhiệm quan tâm đến việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, không lạm dụng quyền lực, không đặc quyền, đặc lợi, không được “đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.438.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.434.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.375.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.75.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.110.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.93.

Pháp, Nhật”⁸ mà phải thực sự trong sạch, cần, kiệm, liêm, chính và “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”⁹ - làm tốt được điều này, thì nhà nước mới xứng đáng là nhà nước vì dân và cán bộ, đảng viên mới xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Thứ hai, về nền kinh tế. Chủ nghĩa xã hội là xây dựng nền kinh tế phát triển cao với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến. Sự phát triển của kinh tế được dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu với “nhà máy, xe lửa, ngân hàng,... làm của chung”.

Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong phát triển kinh tế, theo quan điểm Hồ Chí Minh là: “trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xóa bỏ dần, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng được cải thiện”¹⁰. Như vậy, xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nhằm mục đích xóa bỏ dần bóc lột và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân - tức là đảm bảo đem lại tự do, hạnh phúc thật sự cho mọi người.

Thứ ba, về văn hóa. Chủ nghĩa xã hội là xã hội phát triển cao về văn hóa và đạo đức. Theo Hồ Chí Minh, nền văn hóa mới ở Việt Nam phải có tính chất: “xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”¹¹.

Xã hội chủ nghĩa về nội dung thể hiện ở tính khoa học, hiện đại của nền văn hóa. Đồng thời, để có nền hóa mới, hiện đại thì cần tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để góp phần làm phong phú, đa dạng nền văn hóa dân tộc. Nền văn hóa mới phải luôn phù hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại trong thời đại mới.

Tính dân tộc của nền văn hóa là giữ gìn, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong điều kiện lịch sử mới. Nền văn hóa mới phải phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân, mang đậm tính nhân văn, nhân đạo của dân tộc và do nhân dân xây dựng. Đồng thời, văn hóa phải "thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi lành mạnh của quần chúng"¹². Như vậy, nền văn hóa mới ở Việt Nam là sự tổng hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và quốc tế.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.65.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.51.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.376.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.471.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.470.

Thứ tư, về con người. Hồ Chí Minh cho rằng: chủ nghĩa xã hội là "một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động..."¹³. Đặc trưng tốt đẹp nhất của chủ nghĩa xã hội chính là xã hội do con người và vì con người, là một xã hội mà ở đó con người được giải phóng triệt để, mọi người đều được tự do, hạnh phúc và có điều kiện phát triển mọi khả năng của bản thân.

Trong nhiệm vụ giải phóng con người nói chung, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến giải phóng phụ nữ, bởi: "Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"¹⁴. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, giải phóng phụ nữ có tầm quan trọng đặc biệt và chính là một nửa của chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng phụ nữ phải luôn đi song hành với nhau bởi họ chính là một nửa nhân loại, một lực lượng có sức mạnh quyết định đến sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, nếu không giải phóng phụ nữ thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ khó thành công và cũng không thể gọi là có chủ nghĩa xã hội. Có thể nói, tư tưởng về giải phóng phụ nữ của Hồ Chí Minh đã khắc phục được hạn chế của Nho giáo và thực tiễn xã hội lúc bấy giờ - xã hội trọng nam, khinh nữ. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương, đường lối và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giải phóng phụ nữ Việt Nam.

Bên cạnh đề cao sự nghiệp giải phóng con người, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự công bằng, bình đẳng xã hội. Chủ nghĩa xã hội là xã hội phải thực sự công bằng, bình đẳng giữa mọi người với nhau. Sự công bằng được thể hiện trước tiên trong phân phối thu nhập của xã hội, thể hiện ở: "Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em..."¹⁵. Từ quan điểm này của Hồ Chí Minh, có thể thấy sự công bằng, bình đẳng trong lao động và hưởng thụ - "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" là vấn đề tất yếu giữa những con người bình thường với nhau. Với những đối tượng đặc biệt như: "già cả, đau yếu và trẻ em..." thì cần chế độ chính sách của Nhà nước và sự quan tâm hỗ trợ của cộng đồng. Xem công bằng, bình đẳng là động lực cho sự phát triển của xã hội, nên Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.241.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.300.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.390.

“Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng,
Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”¹⁶.

Như vậy, công bằng không phải là cào bằng bình quân chủ nghĩa, giỏi kém như nhau, làm triệt tiêu động lực phát triển kinh tế - xã hội, là “trái với chủ nghĩa xã hội”.

Thứ năm, về quan hệ quốc tế. Việt Nam luôn nhất quán đường lối đối ngoại rộng mở, “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹⁷.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, chính sách đối ngoại của Việt Nam là “làm bạn với mọi nước dân chủ” - làm bạn với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa (*dân chủ nhân dân*) và tư bản chủ nghĩa (*dân chủ tư sản*) để cùng nhau “giữ gìn hòa bình” cho thế giới.

Trên cơ sở quan điểm về đường lối đối ngoại rộng mở, Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa thành quan điểm chỉ đạo trong quan hệ với các nước trên thế giới từ nửa cuối những năm 40 của thế kỷ XX. Trong “*Lời kêu gọi Liên hợp quốc*” năm 1946, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt Nam sẽ tuân thủ những nguyên tắc dưới đây:

1. Đối với Lào và Miên, Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ lòng mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối giữa các nước có chủ quyền.

2. Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trên mọi lĩnh vực:

a) Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận sự tham gia của mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc.

d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân”¹⁸.

Từ những nguyên tắc trên, Hồ Chí Minh đã xác định quan điểm về mối quan hệ với một số quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn và gần gũi với Việt Nam như: với ngũ

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.224.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.256.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.523.

cường - Việt Nam giữ “thái độ bạn bè”; với các nước châu Á - coi như những người “anh em”; với nước Pháp - Việt Nam sẵn sàng cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp, với tư bản hay công nhân, thương gia hay trí thức, nếu họ muốn thật thà cộng tác với Việt Nam thì sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh họ như anh em bầu bạn. Với Trung Quốc - một nước có quan hệ lịch sử lâu đời và có nhiều điểm tương đồng về văn hóa với Việt Nam, phát huy tinh thần hòa hiếu của cha ông, Hồ Chí Minh đã hoạt động tích cực cùng với lãnh đạo Trung Quốc xây dựng và vun đắp cho mối quan hệ “vừa là đồng chí, vừa là anh em”.

Để xây dựng khối đoàn kết chặt chẽ với tất cả các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự cần thiết phải quán triệt những nguyên tắc cơ bản: đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình - đoàn kết phải luôn đảm bảo đem lại lợi ích chung cho mọi quốc gia, coi đây chính là mẫu số chung quan trọng nhất. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường - đoàn kết quốc tế nhưng không trông chờ, ỷ nại vào người khác, mà “Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã”¹⁹.

Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh là tư tưởng chỉ đạo, “nền móng” cho đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm: Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước trong thời kỳ đổi mới, tại Đại hội VII (6/1991), lần đầu tiên, Đảng đã xác định các đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sau đó tiếp tục được bổ sung, phát triển qua các Đại hội, đặc biệt tại Đại hội XI (1/2011). Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng xác định có 8 đặc trưng cơ bản: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới²⁰.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.320.

²⁰ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bo-sung-phat-trien-nam-2011-1528>

III. KẾT LUẬN

Thực tiễn thắng lợi của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt kể từ khi thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Đại hội VII, 6/1991) cho thấy sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỒ CHÍ MINH TIẾP CẬN, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

ThS. Nguyễn Khánh Ly

ThS. Hoàng Nam Hưng

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Tóm tắt

Lý luận về chủ nghĩa xã hội (CNXH) là một bộ phận quan trọng trong học thuyết Mác - Lênin, đáp ứng nhu cầu phát triển của các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thuộc địa trong thời đại mới. Dưới ánh sáng của Cách mạng tháng Mười và Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin đã đưa Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy con đường giải phóng dân tộc (GPDT). Tuy nhiên, cách tiếp cận của Người về CNXH cũng không hoàn toàn giống kiểu của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập tới những sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách tiếp cận CNXH so với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, tiếp cận, sáng tạo, CNXH, Mác - Lênin.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh các dân tộc thuộc địa vùng lên thực hiện sự nghiệp giải phóng. Sứ mệnh lịch sử đặt lên vai Người là tìm đường GPDT mình và các dân tộc thuộc địa. Để thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc (CMGPDT), Hồ Chí Minh quyết tâm đi theo con đường cách mạng vô sản (CMVS) nhưng chưa làm ngay cách mạng vô sản kiểu Cách mạng tháng Mười. Đồng thời, Người nhận thức rõ chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản (CNCS) mới cứu được các dân tộc khỏi ách nô lệ, mới đưa con người tới hạnh phúc thật sự (nhưng không thể thực hiện kiểu “quá độ trực tiếp”). Do điểm xuất phát của Hồ Chí Minh không giống với C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin nên cách tiếp cận của Người về CNXH cũng không hoàn toàn giống kiểu của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin... Những vấn đề này cần được lý giải thấu đáo không phải chỉ trong một vài công trình mà phải huy động sức mạnh tổng hợp của nhiều nhà khoa học. Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng ta khẳng định “lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng

kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”¹. Trong bài viết này, chúng tôi không tham vọng và không đủ sức giải quyết hết mọi vấn đề. Chúng tôi chỉ cố gắng làm rõ những sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách tiếp cận CNXH so với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng chắc chắn vẫn chưa lý giải thấu đáo và lột tả hết những sáng tạo của Người. Chúng tôi hy vọng nhận được những góp ý và bổ sung quý báu về vấn đề này.

II. NỘI DUNG

2.1. Cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Nghiên cứu sự phát triển của xã hội loài người, đặc biệt trên cơ sở phân tích mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản (CNTB) - mâu thuẫn giữa sản xuất ngày càng mang tính chất xã hội, trong khi chiếm hữu lại mang tính chất tư nhân TBCN, C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) đã phát hiện ra xu thế phát triển của xã hội loài người thông qua những kiến giải kinh tế, chính trị, xã hội. Đó là XHTBCN tất yếu sẽ bị thay thế bởi một xã hội mới mà các ông gọi là XHCSCN.

Trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác tập trung phân tích hình thái kinh tế - xã hội TBCN. Điều này giúp ông hiểu thấu được các hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Ông viết: “Xã hội tư sản là một tổ chức sản xuất phát triển nhất và đại diện nhất trong lịch sử. Vì vậy, các phạm trù biểu thị những quan hệ của xã hội đó, kết cấu của xã hội đó, đồng thời cũng cho ta cái khả năng hiểu thấu được kết cấu và các quan hệ sản xuất trên tất cả các hình thái xã hội đã diệt vong”². Chính sự giải phẫu của C. Mác đối với xã hội tư bản và các quy luật vận động của nó đã cho phép ông dự báo một cách khoa học về xã hội tương lai.

Cũng theo C. Mác, mỗi hình thái kinh tế - xã hội đều có tính chất quá độ và tính chất lịch sử, nghĩa là đều phải trải qua quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong để chuyển sang hình thái cao hơn. Bằng việc phân tích khoa học các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội TBCN và những vấn đề gắn liền với nó, các nhà kinh điển Mác - Lênin đã cung cấp chìa khóa phương pháp luận để tìm hiểu vấn đề phân kỳ kinh tế - xã hội CSCN.

V.I. Lênin (1870 - 1924) đã vận dụng học thuyết Mác để giải quyết những vấn đề của CMVS trong thời đại chủ nghĩa đế quốc và bước đầu xây dựng CNXH. Ông nhận

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.67.

² C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.883.

định “tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang đặc điểm hoặc về hình thức hoặc về trình tự của sự phát triển đó”³. Theo quan điểm biện chứng, tất cả con đường phát triển cụ thể của các nước đều là con đường riêng mà trong đó bao hàm những quy luật chung, những quá trình có tính phổ biến của sự phát triển xã hội.

Trên cơ sở phân tích chế độ xã hội của nước Nga đầu thế kỷ XX trong mối quan hệ chặt chẽ với lịch sử thế giới đương đại, V.I. Lênin đã kết luận về một cuộc CMVS có thể nổ ra và thắng lợi ở một nước là khâu yếu nhất trong hệ thống TBCN. Đồng thời, ông đã cụ thể hóa quan điểm của C. Mác về thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH; về sự phát triển hai giai đoạn của CNCS và khả năng phát triển không trải qua giai đoạn TBCN.

2.1.2. Công hiến của C. Mác và Ph. Ăngghen còn ở tư tưởng nhân văn, nhân đạo, là lý tưởng giải phóng con người và nhân loại, xây dựng một xã hội tốt đẹp không còn áp bức, bóc lột, tạo điều kiện cho con người và nhân loại, xây dựng một xã hội tốt đẹp không còn áp bức, bóc lột, tạo điều kiện cho con người có thể phát triển mọi khả năng sẵn có. Theo hai ông, mục đích của CNCS không phải xóa bỏ hoàn toàn mọi thứ sở hữu, không tước bỏ quyền chiếm hữu sản phẩm xã hội của những người lao động mà chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác. Do đó, việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã tồn tại trước kia không phải là đặc trưng vốn có của CNCS mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản. C. Mác viết: “sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân, ... khỏi sự nô dịch, trở thành hình thức chính trị của sự giải phóng công nhân, và lại vẫn đề ở đây không chỉ là sự giải phóng của họ, vì sự giải phóng của họ bao hàm sự giải phóng toàn thể loài người”⁴.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin đã nhận thấy sự cần thiết phải xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Ông viết: “Để thực sự giải phóng giai cấp công nhân, cần phải có một cuộc cách mạng xã hội, xuất phát một cách tự nhiên từ toàn bộ sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức là phải thủ tiêu chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, chuyển các tư liệu đó thành sở hữu công cộng và thay thế nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa bằng việc tổ chức sản xuất sản phẩm theo lối xã hội chủ nghĩa”⁵.

³ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 45, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.431.

⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.143.

⁵ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.518.

2.1.3. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định, chỉ có giai cấp vô sản là “giai cấp thực sự cách mạng” là “giai cấp nắm tương lao trong tay” cùng với đội tiên phong của nó là Đảng của giai cấp vô sản mới có thể làm thay đổi một cách căn bản tình cảnh của giai cấp mình và các tầng lớp nhân dân lao động khác bằng một cuộc cách mạng toàn xã hội, bằng việc lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và thiết lập một xã hội mới không có áp bức bóc lột.

Tiếp thu tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin khẳng định sự áp bức, bóc lột là tai họa lớn đối với người lao động. Sự thay thế các xã hội trước CNXH chẳng qua chỉ là sự thay thế của các hình thức áp bức, bóc lột đối với người lao động. Chỉ có CNXH mới có khả năng giải phóng con người khỏi các hình thức bóc lột đó. Ông viết: “Chúng ta đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, nghĩa là cho sự giải phóng hoàn toàn nhân dân lao động khỏi mọi ách áp bức, không những chỉ ách áp bức chính trị mà cả ách áp bức kinh tế nữa. Chúng ta chỉ liên hợp vào trong đảng chúng ta những kẻ nào thừa nhận mục đích vĩ đại ấy và không phút nào quên chuẩn bị lực lượng để đạt tới mục đích ấy”⁶.

Bên cạnh đó, V.I. Lênin cũng khẳng định, dưới CNXH chưa thể thực hiện được công bằng và bình đẳng hoàn toàn: Về mặt của cải còn sự chênh lệch, nhưng tình trạng người bóc lột người thì không thể còn nữa bởi vì không ai có thể chiếm tư liệu sản xuất, công xưởng, máy móc, đất đai làm của riêng được.

Như vậy, theo các nhà kinh điển C. Mác - V.I. Lênin, CNXH luôn vì con người, coi sự giải phóng con người, giải phóng giai cấp bị áp bức là một quá trình lâu dài, gian khổ, đầy phức tạp, song nhất định đi đến thắng lợi cuối cùng. Quá trình đòi hỏi phải được thực hiện bằng một cuộc cách mạng xã hội, bằng việc lật đổ trật tự xã hội cũ và sáng lập ra một xã hội mới.

2.2. Sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội

2.2.1. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong bối cảnh CNTB chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc (CNDQ), với sự xuất hiện mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với CNDQ. Mâu thuẫn này ngày càng trở nên gay gắt dẫn tới phong trào đấu tranh GPDT ở các nước thuộc địa ngày càng phát triển, nhưng chưa nơi nào giành được thắng lợi. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, những tiền đề và điều kiện mới đã thúc đẩy phong trào GPDT ở các nước, trong đó có Việt Nam phát triển nhanh chóng.

⁶ V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.132.

Trên cơ sở học thuyết C. Mác - V.I. Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định con đường tiến lên CNXH là quy luật vận động khách quan của lịch sử, “Từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - nói chung thì loài người phát triển theo *quy luật nhất định* như vậy”⁷.

Từ lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân - giai cấp trung tâm của thời đại mới trong học thuyết C. Mác - V.I. Lênin, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên xác định vai trò, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam. Đó là lực lượng có khả năng lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên CNXH “Trong thời đại ngày nay chỉ có giai cấp công nhân là người có sứ mệnh duy nhất lãnh đạo cách mạng”.

Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH xuất phát từ hoàn cảnh một nước thuộc địa mất độc lập, tự do. Từ khát vọng giải phóng dân tộc, trải qua nhiều năm khảo sát, tìm tòi, Người biết tới Cách mạng tháng Mười và Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin. Từ đó, Người tin theo V.I. Lênin, cũng tức là tiếp cận CNXH. Người khẳng định, chỉ có CMVS và CNXH mới có thể giải phóng các dân tộc một cách triệt để. Như vậy, với khát vọng, hoài bão ra đi tìm đường cứu nước, Người đã đến với CNXH.

2.2.2. Theo Hồ Chí Minh, sức hấp dẫn của CNXH vừa ở mức sống vật chất cao, vừa ở giá trị đạo đức của xã hội, ở phẩm chất đạo đức của những người cộng sản ưu tú. Người cổ vũ: “Có gì sung sướng vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”⁸. Đối với Hồ Chí Minh, đạo đức cao cả là đạo đức cách mạng, đạo đức giải phóng dân tộc, giải phóng loài người.

CNXH là một chế độ xã hội được xây dựng dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (TLSX) chủ yếu, đảm bảo cho sự phát triển hài hòa giữa cá nhân và xã hội. Do đó, CNXH đối lập với chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”⁹; “Muốn giữ gìn sự trong sáng chủ nghĩa Mác - V.I. Lênin thì trước hết mình phải trong sáng. Muốn đánh thắng kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc, muốn xây dựng thắng lợi chủ

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.293.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.612.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.609.

nghĩa xã hội, thì trước hết phải chiến thắng kẻ thù bên trong của mỗi chúng ta là chủ nghĩa cá nhân”¹⁰.

Bên cạnh đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh cũng rất chăm lo đến nhu cầu, lợi ích, đề cao năng lực, phẩm chất của mỗi cá nhân. Theo Người, “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”¹¹. Người luôn khuyến khích lợi ích cá nhân chính đáng và đặt nó trong mối quan hệ thống nhất với lợi ích tập thể và xã hội “... lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm... Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể”¹². Đây là một quan điểm đúng đắn và cách mạng. GPDT, tiến lên CNXH là bước nhảy vọt trong lịch sử Việt Nam. Quyền lợi tối cao của Tổ quốc, lợi ích sống còn của nhân dân phải được đặt lên trên hết. Nhận thức đúng đắn điều đó sẽ là cơ sở để giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích chung và lợi ích riêng.

2.2.3. Hồ Chí Minh còn tiếp cận CNXH từ truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam. Nghiên cứu giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh sớm khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”¹³. Khi nói đến chủ nghĩa yêu nước, Người viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹⁴.

Truyền thống tốt đẹp của văn hóa, con người Việt Nam là một trong những cơ sở dẫn dắt Hồ Chí Minh đến với CNXH. Người từng nói: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba”¹⁵. Đối với Hồ Chí Minh, CNXH mang bản chất nhân văn, văn hóa cao đẹp, là giai đoạn phát triển cao hơn CNTB về mặt văn hóa và giải phóng con người.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.468.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.610.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.610.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.511.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.38.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

2.2.4. Bên cạnh truyền thống văn hóa Việt Nam, Hồ Chí Minh còn tiếp cận CNXH từ truyền thống văn hóa phương Đông. Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, Hồ Chí Minh am tường Khổng giáo. Ngay từ những năm 20, Người đã bàn tới thuyết đại đồng của Khổng Tử (551 trước Công nguyên). Thực chất, Người muốn gắn cuộc đấu tranh vì công bằng và bình đẳng với những nét đẹp của xã hội mới. Những vấn đề trong tư tưởng Khổng, Mạnh mà Hồ Chí Minh nhắc lại như “sự bình đẳng về tài sản”, “Thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng”, “sự bảo vệ và phát triển lành mạnh của trẻ em, sự giáo dục và lao động cường bức đối với người lớn”, “sự lên án nghiêm khắc thói ăn bám, sự nghi ngại của người già, việc thủ tiêu bất bình đẳng về hưởng thụ, hạnh phúc không phải cho một số đông mà cho tất cả mọi người”,... được hiểu như những “lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”. Đó là một cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về CNXH từ chất liệu văn hóa phương Đông, mà ở thời đại Khổng Tử, có người gọi là “chủ nghĩa xã hội không tưởng”.

2.2.5. Trải qua hành trình khảo sát chính trị vô cùng phong phú, Hồ Chí Minh có một bề dày kinh nghiệm và bản lĩnh cách mạng trong cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp, tích lũy được vốn tri thức dồi dào về chính trị, làm cơ sở vững chắc cho Người đi đến sự so sánh, chọn lựa đúng con đường GPDT: Muốn cứu nước và GPDT, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.

Ngay trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Người khẳng định “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹⁶. Việc đặt CMGPDT nằm trong phạm trù CMVS, gắn độc lập dân tộc với CNXH đã khiến quan điểm GPDT của Hồ Chí Minh mang tính toàn diện và triệt để. Người khẳng định: “Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”¹⁷. Logic lịch sử tự nhiên của sự vận động phong trào GPDT tất yếu dẫn tới CNXH do bản chất cách mạng triệt để của nó.

Dưới góc độ giải phóng, độc lập dân tộc mới chỉ là bước đầu. Giải phóng về mặt chính trị, tự bản thân nó chưa phải là một công cuộc giải phóng hoàn toàn. Hay nói cách khác, trong điều kiện Việt Nam, độc lập dân tộc là tiền đề để tiến lên CNXH, đi tới cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.392.

Như vậy, Hồ Chí Minh đến với CNXH trên cơ sở của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc kết hợp của nhiều nền văn hóa, thấm đượm truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị nhân văn của loài người. Đường lối cách mạng do Người lựa chọn đã đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng cần lao nước ta và đáp ứng đòi hỏi khách quan trong sự phát triển của dân tộc Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta. Nghiên cứu, làm rõ nội dung tư tưởng của Người, nhất là những luận điểm sáng tạo của Người là một trong những nhiệm vụ cơ bản, có tầm quan trọng hàng đầu của công tác tổng kết lý luận nhằm đưa cách mạng Việt Nam vượt qua thách thức, chớp lấy thời cơ, nhanh chóng vươn lên trong khu vực và trên thế giới.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã tiếp cận CNXH từ những kiến giải kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nhằm mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và cả loài người. Trên cơ sở kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tiếp cận CNXH từ khát vọng GPDT, từ phương diện đạo đức, từ chủ nghĩa yêu nước và truyền thống nhân văn, văn hóa dân tộc nhằm giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc Đại học chuyên ngành lý luận chính trị)*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 6, tập 12, tập 45, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăng ghen, *Toàn tập*, tập 12, tập 42, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỆ ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - TỪ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN ĐẾN HỒ CHÍ MINH

PGS.TS.GVCC. Trần Thị Minh Tuyết

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt

Với bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều khẳng định tính tất yếu và mục tiêu thiết lập trên thực tế xã hội cộng sản, xã hội xã hội chủ nghĩa. Để giành được thắng lợi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải nhận thức đầy đủ và phát huy cao độ hệ động lực của chủ nghĩa xã hội. Tác giả bài viết đi sâu phân tích vấn đề động lực của chủ nghĩa xã hội trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và qua đó khẳng định năng lực vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của nhà tư tưởng vĩ đại Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Động lực, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...

Với phương pháp luận duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định tính tất yếu trong sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Ra đi từ một nước phương Đông bị nô dịch, trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin - chân lý lớn của thời đại và trở thành người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam (12/1920). Từ đây, “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” không chỉ là “sợi chỉ đỏ” trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là con đường cứu nước và phương hướng dựng nước của nhân dân Việt Nam. Khẳng định tính tất yếu, tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội là quan điểm nhất quán của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh nhưng để mục tiêu đó mau chóng trở thành hiện thực, cần phải có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó lý luận về hệ động lực của chủ nghĩa xã hội là một nội dung quan trọng. Công cuộc *Đổi mới* đang đi vào chiều sâu trên đất nước ta hiện nay đòi hỏi phải tiếp tục phát huy cao độ hệ động lực của chủ nghĩa xã hội. Vì thế, cần phải nghiên cứu hệ động lực của chủ nghĩa xã hội trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm ra ở đó những gợi mở về phương hướng hành động.

1. Hệ động lực của chủ nghĩa xã hội - khái niệm và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin

Để nhận diện chính xác *hệ thống động lực của chủ nghĩa xã hội*, trước hết phải luận giải các khái niệm có liên quan. “Động lực” là khái niệm được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Nếu trong kỹ thuật, “động lực” là năng lực làm cho máy móc chuyển động thì trong xã hội, “động lực” là các nhân tố thúc đẩy sự phát triển của con người và xã hội theo chiều hướng tích cực. Vì thế, động lực ở đây là động lực xã hội, gắn với con người và đặc tính của xã hội đó. Nói đến “*hệ động lực của chủ nghĩa xã hội*” là nói đến các nhân tố *thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội* nhằm đạt tới mục tiêu thiết lập trên thực tế chế độ xã hội chủ nghĩa theo những nguyên lý, quy luật mà chủ nghĩa xã hội khoa học đã đề ra.

Sinh thời, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin không viết tác phẩm chuyên biệt nào về hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội mặc dù đã ý thức rõ về sự cần thiết phải tìm ra động lực. Ph. Ăngghen từng nhấn mạnh: “Muốn nhận thức được các quy luật chi phối lịch sử phải tìm được những yếu tố kích thích, thúc đẩy con người hành động trên thực tế đưa đến những biến đổi lịch sử, tức là tìm ra những động lực phát triển xã hội”¹. Như vậy, động lực với tư cách là nhân tố thúc đẩy sự phát triển chính là “chìa khóa” để “giải mã” quy luật lịch sử. Bằng phán đoán khoa học và từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, trong nhiều tác phẩm, C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã chỉ ra một số nhân tố chủ đạo đóng vai trò thúc đẩy tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và làm gia tăng tính tích cực của những người xây dựng chế độ mới. Đó thực chất chính là *hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội* trong quan điểm của các ông. Nổi bật hơn cả là một số động lực sau đây:

Thứ nhất, đứng trên lập trường duy vật và phương pháp biện chứng, đầu tiên, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định tầm quan trọng của *động lực kinh tế* đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Ra đời với tư cách là một “nấc thang” phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội muốn tồn tại và phát triển nhất thiết phải có nền kinh tế phát triển cao với lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Vì thế, xét về bản chất, cách mạng xã hội chủ nghĩa có nội dung kinh tế.

Tuy nhiên, lợi ích vật chất luôn là cái “huyết đạo” nhạy cảm nhất của một nền kinh tế; tức là trong động lực kinh tế, có *động lực lợi ích*. Nói về tầm quan trọng của

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.438.

động lực lợi ích, C. Mác từng tổng kết: “Tất cả cái gì mà con người đấu tranh để giành lấy, đều dính liền đến lợi ích của họ”² và “một khi “tư tưởng” tách rời “lợi ích” thì nhất định nó sẽ tự làm nhục nó”³. Khi con người là “tổng hòa các quan hệ xã hội” thì thực chất quan hệ xã hội chính là *quan hệ lợi ích* với một số dạng thức cơ bản như lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, lợi ích nhân loại, lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần... Ngay cả các cuộc đấu tranh giai cấp, xét đến cùng, đều là cuộc đấu tranh vì lợi ích của giai cấp mình. Các ông còn cho rằng “ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và không thể có sự thống nhất về hành động được”⁴. Như vậy, lợi ích vật chất không chỉ là nhân tố tạo lên tính tích cực của con người mà nó còn là “chất keo” tạo nên sự đoàn kết, đồng thuận của một tổ chức. Rõ ràng là không thể gia tăng tính tích cực của những con người xây dựng chế độ mới nếu không đảm bảo cho họ lợi ích chính đáng, “sát sườn”; cũng không thể tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và xã hội nếu như không làm cho “lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người”⁵.

Không chỉ khẳng định về mặt lý luận, bằng việc ban hành *Chính sách kinh tế mới* (NEP), V.I. Lênin đã dùng “đòn bẫy kinh tế”, “đòn bẫy lợi ích” để kích thích sáng kiến, nhiệt huyết của người sản xuất, đặc biệt là nông dân. Kết quả mà NEP mang lại đã chứng minh tính đúng đắn trong dự đoán của Lênin, rằng từ nước Nga của *Chính sách kinh tế mới* sẽ nảy sinh nước Nga xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định: *Dân chủ là một động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội*. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, dân chủ vừa là hình thức nhà nước với sự thừa nhận quyền lực thuộc về người dân, vừa là một giá trị vĩnh hằng mà loài người luôn hướng tới. Rất coi trọng vấn đề dân chủ nên trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết: “Bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ”⁶. Sau này, từ thực tế lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, V.I. Lênin đã so sánh dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Ông khẳng định rằng, mặc dù dân chủ tư sản là một bước tiến dài so với chế độ quân chủ phong kiến nhưng tựu chung, đó vẫn là nền dân chủ của số ít; sự tiến bộ của nền dân

² C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.109.

³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.122.

⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.21.

⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.199-200.

⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.626.

chủ đó là kết quả của cuộc đấu tranh bền bỉ của nhân dân lao động chứ không phải do “hảo tâm” của giai cấp tư sản. Ngược lại, dân chủ vô sản bảo đảm quyền làm chủ cho số đông và nó được xây dựng trên nền tảng của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất - cơ sở để xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội. Vì thế, “chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần”⁷.

Nói về vai trò của dân chủ với tư cách là một động lực của chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin nhấn mạnh: “Không thể có một chủ nghĩa xã hội thắng lợi mà lại không thực hiện dân chủ hoàn toàn”⁸. Điều này là đương nhiên bởi dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ phát huy quyền tự do cá nhân, tính tự giác, năng lực sáng tạo, tính hăng hái của đông đảo quần chúng lao động - chủ nhân của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khi mọi tiềm năng, tiềm lực trong quảng đại quần chúng nhân dân được giải phóng thì tất yếu xã hội sẽ chuyển động theo chiều hướng tích cực.

Thứ ba, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin rất coi trọng *động lực văn hóa*, đặc biệt là vai trò của giáo dục và khoa học- kỹ thuật đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Bàn về vai trò của văn hóa trong việc hình thành tư cách của người cộng sản - lực lượng tiên phong trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin đã nói: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”⁹. Rõ ràng là chủ nghĩa xã hội được thiết lập bằng quyết tâm chính trị của đông đảo quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhưng “một người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị”¹⁰. Do chủ nghĩa xã hội chỉ được tạo dựng bởi những con người có học vấn, có văn hóa nên “giai cấp vô sản không những chỉ tạo ra tầng lớp trí thức của riêng mình, mà còn thu nạp cả những người ủng hộ mình trong tất cả và mọi người có học thức”¹¹. V.I. Lênin lý giải: “Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được, vì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính quần chúng để đi đến một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đạt được”¹². Từ đó, V.I. Lênin đưa ra luận điểm

⁷ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 37, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.312.

⁸ V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 27, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.324.

⁹ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.362.

¹⁰ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.218.

¹¹ V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.480.

¹² V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.217.

“văn hóa vô sản = chủ nghĩa cộng sản”¹³, xây dựng văn hóa xã hội chủ nghĩa tức là xây dựng xã hội cộng sản. Như vậy, văn hóa vừa là đặc trưng, vừa là động lực của chủ nghĩa xã hội.

Muốn có chủ nghĩa xã hội, con người xây dựng nó phải là con người có tri thức, có đạo đức nhưng tri thức, đạo đức lại là sản phẩm của hoạt động giáo dục. Vì thế, *tất yếu giáo dục cũng là một động lực của chủ nghĩa xã hội*. Nói về vai trò của giáo dục, V.I. Lênin đã chỉ rõ: Một trong những con đường tất nhiên phải dẫn tới chủ nghĩa cộng sản thật sự là giáo dục, bởi một điều hiển nhiên dễ thấy là trong xã hội ấy, những thành viên đã được giáo dục làm lợi cho xã hội hơn là những thành viên ngu dốt, không có văn hóa. Từ thực tế đó, nhiệm vụ cấp thiết của chính quyền mới là thanh toán nạn mù chữ, tổ chức lại hệ thống giáo dục để từng bước nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân. Mặt khác, ông yêu cầu công dân của chế độ mới phải có trách nhiệm không ngừng học tập; mọi sự lơ là việc học đều là tội lỗi.

Chủ nghĩa xã hội nhất thiết phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến hơn, hiện đại hơn so với chủ nghĩa tư bản nên những người xây dựng chế độ mới nhất thiết phải “làm chủ được kỹ thuật cao nhất”, phải “cải tổ lao động của nhân dân theo thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật”¹⁴ hiện đại. Khi Lênin nhấn mạnh rằng, “kẻ nào có kỹ thuật cao hơn, có trình độ tổ chức và kỷ luật cao hơn, có những máy móc tốt hơn thì kẻ đó sẽ thắng”¹⁵, tức là ông đã khẳng định vai trò của khoa học kỹ thuật với tư cách là động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định động lực quan trọng nhất là *động lực con người* bởi các động lực khác phải thông qua động lực con người mới trở thành sức mạnh. Câu nói “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” không chỉ đúng trong cách mạng vô sản mà còn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho dù Đảng Cộng sản là lực lượng dẫn đường nhưng nếu “chỉ trông vào bàn tay những người cộng sản để xây dựng xã hội cộng sản, đó là một tư tưởng hết sức ngây thơ. Những người cộng sản chỉ là một giọt nước trong đại dương, một giọt nước trong đại dương nhân dân”¹⁶. Điều đó có nghĩa là, bản thân sự lãnh đạo của một Đảng tiên phong đã là một động lực nhưng quần chúng cách mạng cũng là động lực to lớn mà Đảng cần phát huy.

¹³ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 51, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.382.

¹⁴ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 37, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.220.

¹⁵ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.144.

¹⁶ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 45, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.117.

Một điều cần lưu ý: Bên cạnh động lực, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhận diện *các trở lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa* - các căn bệnh tồn tại trong chính thể mới như quan liêu, tham nhũng, lãng phí. V.I. Lênin từng khẳng định: Bản chất của căn bệnh quan liêu là tư tưởng địa vị, danh lợi, là việc thoát ly quần chúng và đứng trên quần chúng, là thói “kiêu ngạo cộng sản”. Thấu hiểu sự nguy hiểm của căn bệnh này đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, ông đã cảnh báo: “Toàn bộ công việc của tất cả các cơ quan kinh tế của chúng ta bị khốn khổ trước hết về tệ quan liêu... Nếu có cái gì sẽ làm tiêu vong chúng ta thì chính là cái đó”¹⁷. Từ đó, V.I. Lênin yêu cầu: “Bất cứ biểu hiện nào của thái độ quan liêu dù nhỏ đến đâu cũng sẽ bị thẳng tay trừng phạt”¹⁸. Do quan liêu, tham ô, lãng phí, hối lộ luôn là bạn đồng hành của nhau nên cùng lúc phải đấu tranh chống tất cả các vấn nạn đó trong hàng ngũ những người cộng sản.

Khi Mác và Ăngghen còn sống thì chưa có cuộc cách mạng vô sản nào giành thắng lợi; lý luận về chủ nghĩa xã hội mà các ông đưa ra chưa được kiểm chứng trên thực tế. Đến thời của V.I. Lênin, mặc dù có hơn 6 năm lãnh đạo nước Nga Xô viết nhưng ông đã mất nhiều thời gian, tâm lực vào việc chấm dứt tình trạng nội chiến và giữ vững chính quyền cách mạng. Vì thế, lý luận về hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội mới được các ông phác thảo trên nét lớn và phần lớn chỉ ở dạng *dự báo*. Tuy nhiên, với bộ óc thiên tài và sự mẫn cảm chính trị, những *dự báo* đó vẫn là những *dự báo khoa học*, mang giá trị của “kim chỉ nam” để những người mácxít của mọi thời đại tiếp tục bổ sung và phát triển.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về hệ động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trên cơ sở kế thừa, phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thấu tỏ tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm của mình về *hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội*.

Một là, Hồ Chí Minh khẳng định động lực quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội chính là *con người xã hội chủ nghĩa*. Người nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”¹⁹. Đó là những con người yêu nước, có ý thức làm chủ tập thể, có tinh thần “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, có tác phong làm việc khoa học... Dù con người xã hội chủ nghĩa là con người thấm

¹⁷ V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 54, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.235.

¹⁸ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.350.

¹⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 13, tr.66.

nhuần lý tưởng cộng sản nhưng là nhà duy vật mácxít, Hồ Chí Minh vẫn cho rằng phải *đảm bảo lợi ích*, trước hết là lợi ích vật chất chính đáng của người lao động. Để giải quyết vấn đề này, Người đã đề xuất chủ trương thực hiện chính sách khoán, thưởng, phạt công minh. Trong bài “*Nói chuyện với cán bộ, công nhân nhà máy dệt Nam Định*” (4/1957), Người nói: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng”²⁰.

Đề cao tầm quan trọng của các “đòn bẩy” kinh tế nhưng Hồ Chí Minh không coi đó là “chìa khóa vạn năng” để nâng cao tính tích cực của người lao động bởi nhiều khi cách mạng đòi hỏi sự hy sinh lớn đến mức không có giá trị vật chất nào có thể bù đắp được. Vì thế, cần phát huy cả *động lực chính trị, tinh thần* mà trước hết là sức mạnh của *dân chủ*. Hồ Chí Minh khẳng định *dân chủ* mang lại sáng kiến, sự hăng hái, đoàn kết và vì thế, “thực hành dân chủ cũng là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”²¹. Do đó, Đảng và Nhà nước phải thực sự coi trọng và đảm bảo quyền “là chủ” và “làm chủ” của nhân dân. Cũng cần phải sử dụng vai trò điều chỉnh của các yếu tố tinh thần khác như lý tưởng chính trị, văn hóa, đạo đức, sự hiểu biết về pháp luật để qua đó nâng cao ý thức tự giác và năng lực cống hiến của mỗi con người. Tóm lại, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, con người xã hội chủ nghĩa là *động lực trực tiếp của chủ nghĩa xã hội* nhưng để tạo dựng được những con người như thế thì cần có một chiến lược khoa học, toàn diện với hệ thống động lực vật chất và tinh thần thiết yếu nhằm nâng cao tính tích cực của con người.

Hai là, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao các động lực của văn hóa truyền thống là *chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc*. Từ năm 1924, khi Quốc tế Cộng sản đang đẩy cao vai trò của đấu tranh giai cấp, Hồ Chí Minh đã dũng cảm khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Người ta sẽ không thể làm gì cho người An Nam nếu không dựa trên cái *động lực vĩ đại và duy nhất* của đời sống xã hội của họ”²².

Chúng ta biết rằng: Điều kiện sinh tồn, công cuộc dựng nước, giữ nước gian khổ của dân tộc Việt Nam đã nâng *lòng yêu nước* - một sắc thái tình cảm mà dân tộc nào cũng có trở thành *chủ nghĩa yêu nước Việt Nam* - một khái niệm bao gồm cả lòng yêu nước, ý chí giữ nước, tri thức giữ nước và hệ lý luận về lòng yêu nước. Đây chính là

²⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 10, tr.537- 538.

²¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 15, tr.325.

²² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 1, tr.511-513.

dòng chủ lưu của văn hóa Việt Nam; là giá trị đạo đức đầu bảng, là kim chỉ nam hành động, là tiêu chuẩn để phân định mọi sự đúng - sai, tốt - xấu, nên - chẳng của người Việt. Thấu hiểu và tự hào về truyền thống đó, Hồ Chí Minh đã viết: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”²³. Để phát huy sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc”, Hồ Chí Minh đã phát động phong trào *Thi đua ái quốc* trong quảng đại quần chúng nhân dân. Bằng cách này, Người đã biến cái “quốc sự” thành cái “dân sự”, biến lòng yêu nước mang tính trừu tượng thành công việc thường nhật để ai ai cũng có thể tham gia.

Đáng chú ý là, mặc dù hoạt động trong bối cảnh *Quốc tế Cộng sản* đang rơi vào xu hướng “tả khuynh” với biểu hiện rõ nét là đề cao vai trò của giai cấp công nhân, đẩy cao nhiệm vụ đấu tranh giai cấp, Hồ Chí Minh vẫn đề cao *chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc*. Người đã khẳng định: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị”²⁴. Điều đó có nghĩa là mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải hướng đến mục tiêu củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; mọi tư tưởng giáo điều, tả khuynh làm tổn hại đến sức mạnh đoàn kết của dân tộc cần phải loại bỏ. Hồ Chí Minh đã phê phán hiện tượng ấu trĩ tả khuynh khi “nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”²⁵. Thực tế là ở Việt Nam, do kinh tế không phát triển nên cuộc đấu tranh giai cấp không gay gắt như ở phương Tây; trong khi đó, tinh thần dân tộc và khát vọng đổi đời chính là “mẫu số chung” để quy tụ toàn thể nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Tuy nhiên, để làm được điều đó thì Đảng phải biết cách khơi dậy trong nhân dân tinh thần dân tộc, phải có niềm tin thực sự vào lòng yêu nước của nhân dân và có tinh thần khoan dung, độ lượng theo nguyên tắc “bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”²⁶. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc do Hồ Chí Minh phát huy đã góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Ba là, Hồ Chí Minh đề cao *động lực chính trị*, bao gồm vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý nhà nước và vai trò tập hợp lực lượng của Mặt trận dân tộc thống nhất, trong đó, sự lãnh đạo của Đảng là động lực “hạt nhân” trong toàn bộ hệ động lực

²³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr.38.

²⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 9, tr.244.

²⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.312.

²⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 9, tr.244.

của chủ nghĩa xã hội. Điều này hoàn toàn hợp lý bởi mọi động lực luôn tồn tại dưới dạng tiềm năng; muốn phát huy nó thì lực lượng lãnh đạo phải biết khai thác và quy tụ nó một cách chủ động, khoa học. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh nói rõ: Không phải cứ có Đảng là mặc nhiên mọi việc thành công mà Đảng phải vững thì cách mạng mới thành công. Do đó, Đảng phải trung thành một cách sáng tạo với chủ nghĩa Mác - Lênin, biết phát huy sức mạnh của quần chúng và có chiến lược đoàn kết quốc tế đúng đắn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước sẽ thực hiện chức năng quản lý xã hội nhưng cán bộ nhà nước phải thực sự “làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”²⁷; họ phải hành động theo phương châm việc gì có lợi cho dân thì phải làm; việc gì có hại cho dân thì phải tránh; thước đo phẩm chất và năng lực của cán bộ chính là mức độ hài lòng của nhân dân. Các tổ chức chính trị xã hội thì phải làm tốt vai trò tập hợp và bảo vệ lợi ích của nhân dân. Việc gia tăng sức mạnh của từng thành tố trong hệ thống chính trị sẽ góp phần tạo lên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bốn là, do mọi hoạt động của xã hội đều dựa trên nền tảng kinh tế nên Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng việc phát huy *động lực kinh tế*. Người cho rằng muốn có tiềm lực kinh tế, đưa kinh tế trở thành động lực thì một mặt phải tăng gia sản xuất, mặt khác, phải ra sức thực hành tiết kiệm. Hồ Chí Minh nói rõ: Chúng ta phải tiết kiệm hơn các quốc gia khác vì cùng một lúc ta vừa kháng chiến, vừa kiến quốc; nhiệm vụ cách mạng nặng nề không cho phép chúng ta làm hao tổn nguồn lực vốn đã ít ỏi của mình. Hồ Chí Minh nói rõ: “Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng tai hại cho nhân dân, cho chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô”²⁸. Nó tai hại hơn bởi chỉ những cán bộ có chức có quyền mới có thể tham ô nhưng bất kể con người nào, ở vị trí nào cũng dễ dàng lãng phí tiền bạc, thời gian, sức lực của mình, của cơ quan và của xã hội nên sự thất thoát do lãng phí mang lại còn lớn hơn tham ô. Thực hiện lời dạy của Lênin, rằng người cán bộ đảng viên không có một đặc quyền nào trừ một quyền là luôn luôn ở phía trước, Hồ Chí Minh yêu cầu *cán bộ phải là lực lượng tiên phong* trong cuộc thi đua thực hành tiết kiệm. Người viết: “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước... Hồ hào dân tiết kiệm, mình phải tiết kiệm trước đã”²⁹

Năm là, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao *động lực quốc tế* với sức mạnh của sự đoàn kết, hợp tác quốc tế và thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Với tư duy mang

²⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 10, tr.572.

²⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr.357.

²⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 6, tr.16.

tầm thời đại, Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới; muốn giành được độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì Việt Nam phải tranh thủ sức mạnh của thời đại. Điều đáng nói là Hồ Chí Minh không dừng ở việc đoàn kết với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức như các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin chủ trương mà còn *đoàn kết với nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới*, đặc biệt là nhân dân các nước đang tiến hành xâm lược Việt Nam. Người còn cho rằng “các nước dù chế độ xã hội khác nhau và hình thái ý thức khác nhau cũng đều có thể chung sống hòa bình được”³⁰. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh đã xây dựng được mặt trận của nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam. Tuy nhiên, là người luôn đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, khi bàn về mối quan hệ giữa động lực bên trong và động lực bên ngoài, Hồ Chí Minh khẳng định *nội lực luôn đóng vai trò quyết định*; phát huy động lực bên ngoài là để nâng cao sức mạnh của động lực bên trong.

Trong tư duy Hồ Chí Minh, “xây” và “chống” luôn đi liền với nhau nên việc “khai thông” các động lực phải tiến hành song song với việc đẩy lùi các “trở lực” của chủ nghĩa xã hội như sự chống phá của lực lượng thù địch, các thói quen, truyền thống lạc hậu và chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức. Trong các trở lực nói trên thì chủ nghĩa cá nhân - thứ “giặc nội xâm”, “giặc ở trong lòng” là nguy hiểm nhất. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng: “Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”³¹.

Như vậy, hệ động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh hết sức phong phú. Xét về giá trị, đó là động lực vật chất và động lực tinh thần; xét về lĩnh vực tác động, đó là động lực kinh tế, chính trị, văn hóa; xét về cương vực địa lý, đó là động lực nội sinh và ngoại sinh; xét về chủ thể hành động thì đó là động lực con người với tư cách cá nhân và cộng đồng... Trong hệ động lực xác định, Đảng với tư cách là “động lực hạt nhân” có trách nhiệm tạo dựng môi trường để các “vector” động lực có thể vận động “cùng chiều” nhằm tạo ra hợp lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

3. Kết luận

Lật đổ chủ nghĩa tư bản, thiết lập xã hội cộng sản - một xã hội tốt đẹp mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người”³² là

³⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 10, tr.12.

³¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.609.

³² C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.628.

lý tưởng cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kế thừa tinh thần đó, Hồ Chí Minh luôn khẳng định chủ nghĩa xã hội là mục tiêu “bất biến” của cách mạng Việt Nam. Mặc dù khi Hồ Chí Minh còn sống, chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam chỉ là “chủ nghĩa xã hội thời chiến” với sự biến dạng của không ít quy luật kinh tế nhưng với trí tuệ kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã bước đầu xác định được hệ thống động lực rất phong phú của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nếu so sánh hệ động lực của chủ nghĩa Mác - Lênin và hệ động lực của Hồ Chí Minh thì rõ ràng là có nhiều điểm tương đồng như đều đề cao động lực kinh tế, động lực con người, động lực lợi ích, động lực khoa học kỹ thuật... Tuy nhiên, Ph. Ăngghen đã tuyên bố, rằng “lý luận của chúng tôi là lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc”³³; Lênin cũng khẳng định học thuyết Mác “không phải là một giáo điều mà là một kim chỉ nam hành động”³⁴. Với bản lĩnh sáng tạo và tinh thần tự chủ, Hồ Chí Minh cũng khẳng định “chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh”³⁵. Hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam đã thúc giục Hồ Chí Minh - người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam, phát triển sáng tạo lý luận về hệ động lực của chủ nghĩa xã hội. Căn cứ vào điều kiện dân tộc và thời đại, Hồ Chí Minh đã đặc biệt nhấn mạnh các động lực tinh thần như *chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và động lực quốc tế*. Bằng cách đó, Hồ Chí Minh đã làm giàu cho lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề này. Không chỉ là công hiến trên phương diện lý luận, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ năm 1960 đến nay, suy cho cùng, chính là quá trình triển khai hệ động lực của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Vì thế, Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế kinh nghiệm và hình mẫu quý báu về phương cách tiếp nhận và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

³³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.796.

³⁴ V.I. Lênin (1980) *Toàn tập*, tập 20, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.99.

³⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr.120.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI - SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

TS. Vũ Thị Minh Tâm

Học viện Kỹ thuật Quân sự

Tóm tắt

Có thể khẳng định, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội là nhân tố quyết định bản chất cách mạng, khoa học trong tư tưởng công bằng xã hội của Hồ Chí Minh. Sự kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội được thể hiện rõ ở một số nội dung cơ bản: công bằng xã hội là một phạm trù lịch sử, cần được thực hiện một cách hợp lý; chỉ có con đường cách mạng vô sản mới thực hiện được công bằng xã hội; nguyên tắc phân phối theo lao động được coi là công bằng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản; tách biệt hai phạm trù công bằng xã hội và bình đẳng xã hội... Từ đó, Hồ Chí Minh xây dựng tư tưởng công bằng xã hội rất sâu sắc và độc đáo, vượt xa các quan niệm về công bằng xã hội trước đó không chỉ về bản chất mà cả độ sâu sắc và toàn diện, nhất là về điều kiện thực hiện.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng xã hội.

I. MỞ ĐẦU

Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã đấu tranh không mệt mỏi vì sự công bằng, tiến bộ của xã hội loài người. Hồ Chí Minh sớm được trang bị những giá trị công bằng xã hội trong văn hóa truyền thống của dân tộc và bước đầu tiếp nhận những giá trị công bằng, bình đẳng của phương Tây trong trường học. Người lại sớm chứng kiến những áp bức, bất công tồn tại trong xã hội Việt Nam dưới chế độ thực dân phong kiến. Điều này thôi thúc Hồ Chí Minh tham gia vào phong trào đấu tranh yêu nước đòi dân chủ, công bằng cho nhân dân Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cuộc hành trình xuyên qua nhiều châu lục, khảo sát nhiều chế độ xã hội của Hồ Chí Minh nhằm mục đích tìm con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam đã giúp người có điều kiện tìm hiểu lý luận và thực tiễn thực hiện công bằng xã hội (CBXH) ở các nước trên thế giới. Kế thừa quan điểm của các nhà tư tưởng trong lịch sử, đặc biệt là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đề cập một cách khá toàn diện về công bằng xã hội, chỉ ra vai

trò, bản chất, nội dung, giá trị của việc thực hiện công bằng xã hội. Có thể khẳng định, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội là nhân tố quyết định bản chất cách mạng, khoa học trong tư tưởng công bằng xã hội của Hồ Chí Minh.

II. NỘI DUNG

Sự kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội được thể hiện rõ ở một số nội dung cơ bản sau:

2.1. Thứ nhất, công bằng xã hội là một phạm trù lịch sử, cần được thực hiện một cách hợp lý

Chủ nghĩa Mác - Lênin coi công bằng xã hội là một phạm trù có tính lịch sử. Tùy theo điều kiện lịch sử khác nhau mà công bằng xã hội được thực hiện tương xứng. Sẽ là sai lầm nếu mang thước đo công bằng ở thời kỳ lịch sử này áp đặt vào giai đoạn lịch sử khác. Theo các ông, công bằng xã hội gắn liền với lợi ích giai cấp, tầng lớp xã hội nhất định cùng với những điều kiện vật chất sinh ra nó.

Từ sự hiểu biết sâu sắc tính lịch sử của phạm trù công bằng xã hội, kế thừa quan điểm này của các nhà kinh điển Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tới việc thực hiện công bằng xã hội một cách hợp lý. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng quốc gia, từng giai đoạn lịch sử để đặt ra những vấn đề thực hiện công bằng xã hội, không được đưa ra những tiêu chí không phù hợp với thực tiễn. Người luôn nhắc nhở cán bộ ta phải tính toán một cách lâu dài, công bằng, hợp lý.

Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nói rõ quan điểm của mình: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý” [6]. Công bằng đi liền với hợp lý. Ngôn từ mà Hồ Chí Minh sử dụng rất đơn giản nhưng nó mang nhiều tầng ý nghĩa sâu sắc. Công bằng xã hội phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, mang tính tương đối. Nếu tách thực hiện công bằng xã hội ra khỏi hoàn cảnh cụ thể thì công bằng ấy có thể trở thành không hợp lý, bất công. Sự hợp lý ở đây được hiểu là sự phù hợp giữa thực hiện công bằng xã hội với điều kiện khách quan, thực tiễn kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, nhấn mạnh tới việc coi công bằng xã hội là mục tiêu quan trọng hàng đầu nhưng không thể nóng vội đòi đạt tới công bằng xã hội tuyệt đối ngay lập tức.

Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội phải được thực hiện từng bước, gia tăng cấp độ dần dần. Đây là một vấn đề tương chừng đơn giản nhưng cũng phải có những bài học thực tiễn để chúng ta nhận thức đúng đắn được chân lý này. Sự nóng vội, chủ quan duy ý chí mong muốn xóa bỏ mọi áp bức bất công, xóa bỏ sở hữu tư nhân, công

hữu hóa toàn bộ tư liệu sản xuất, bỏ qua nguyên tắc phân phối theo lao động để thực hiện phân phối bình quân,... mọi người đều được hưởng sự công bằng, tự do trong khi trình độ của lực lượng sản xuất còn hạn chế, kinh tế xã hội còn thấp kém đã đẩy nước ta và một số nước vào cuộc khủng hoảng trầm trọng và toàn diện. Đòi hỏi phải đổi mới toàn bộ trong đó có việc nhìn nhận lại cách hiểu về công bằng xã hội mà Hồ Chí Minh đã vạch ra. Công bằng xã hội mang tính hợp lý, việc thực hiện nó phải phù hợp với thực tiễn, tách rời hiện thực khách quan, thực hiện công bằng xã hội không còn đem lại công bằng cho mọi người nữa. Điều này thể hiện rõ nét tính sâu sắc, khoa học trong quan điểm về công bằng xã hội của Hồ Chí Minh.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về thực hiện công bằng xã hội hợp lý thể hiện khá đầy đủ trong *Chương trình Việt Minh*: “1. Công nhân. Ngày làm 8 giờ. Định tiền lương tối thiểu. Công việc làm như nhau nhận tiền lương ngang nhau. Cứu tế thất nghiệp. Xã hội bảo hiểm. Cấm đánh đập, chửi mắng... Công nhân già có lương hưu trí. 2. Nông dân. Nông dân ai cũng có ruộng cày. Giảm địa tô. Cứu tế nông dân trong những năm mất mùa. 3. Binh lính. Hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ. 4. Học sinh. Bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường học. Giúp đỡ học trò nghèo. 5. Phụ nữ. Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông. 6. Thương nhân và các nhà kinh doanh. Chính phủ hết sức giúp các nhà có vốn tự do kinh doanh. Bộ thuế môn bài và các thứ tạp thuế do đế quốc đặt ra. 7. Viên chức. Hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ. 8. Người già và kẻ tàn tật. Được chính phủ chăm nom và cấp dưỡng. 9. Nhi đồng. Được chính phủ săn sóc đặc biệt về thể dục và trí dục” [3]. Bên cạnh đó, còn phải: “Lập các nhà chiếu bóng, diễn kịch, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trình độ trí dục cho Nhân dân. Lập thêm nhà thương, nhà đỡ đẻ, nhà dưỡng lão” [3].

Trong *Chương trình Việt Minh*, Người đề cập đến từng đối tượng và cách thức thực hiện công bằng xã hội phù hợp với những đối tượng đó. Từ các tầng lớp Nhân dân lao động: công nhân, nông dân, thương nhân,... tới các đối tượng chính sách: người già, người tàn tật, trẻ em, thương binh,... đều cần được quan tâm chăm nom. Theo đó, thực hiện công bằng xã hội phải căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể để tiến hành cho hợp lý. Để đảm bảo công bằng xã hội đang được làm đúng phải tính tới nhiều yếu tố như: sự phát triển không đều giữa các nhóm người, các vùng, dân tộc khác nhau, các đối tượng chính sách... Từ đó, xây dựng những chính sách ưu tiên với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số, trợ giúp tầng lớp dân cư ở vùng khó khăn, người nghèo, người khuyết tật... Như vậy, công bằng xã hội chỉ thực sự có được khi nó hợp lý với hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Tư tưởng công bằng xã hội của Hồ Chí Minh mang tính nhân văn sâu sắc. Người quan tâm tới những chính sách xã hội cho những người yếu thế thiết thời ngay từ điểm xuất phát ban đầu. Sự quan tâm này không dừng lại ở cứu trợ nhất thời hay giúp đỡ thụ động theo lối bao cấp. Đây không phải là một giải pháp thực hiện công bằng xã hội bền vững. Nhà nước phải có những chính sách phát triển kinh tế, chăm lo ý tế, giáo dục, ổn định đời sống cho đồng bào. Nhà nước phải cử cán bộ giúp đồng bào định canh định cư, bảo vệ rừng, làm phân bón, làm ruộng bậc thang, cải tiến kỹ thuật canh tác để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh. Người chú trọng việc bồi dưỡng, giáo dục, cất nhắc cán bộ địa phương, cán bộ dân tộc và tin tưởng vào sự tiến bộ của đồng bào. Như vậy, không đồng nhất giữa các chính sách ưu đãi với việc bao cấp trong chính sách xã hội, giúp đồng bào tự lực vươn lên, “không nên chỉ ỷ lại vào Chính phủ” [6] chính là điểm hợp lý trong thực hiện công bằng xã hội của Hồ Chí Minh. Người luôn nhấn mạnh việc “phải tính toán một cách lâu dài, công bằng, hợp lý” [6].

Quan điểm công bằng hợp lý được Hồ Chí Minh khẳng định nhất quán. Nhất là trong điều kiện kinh tế còn chưa phát triển cao càng cần phải thực hiện công bằng xã hội, không được viện lý do kinh tế khó khăn để gạt bỏ vấn đề này. Người yêu cầu tránh việc cào bằng chia đều cái khổ cho mọi người hay tập trung hết cho phát triển kinh tế để Nhân dân sống quá kham khổ hoặc chờ tới khi kinh tế dư giả mới tính tới thực hiện công bằng xã hội.

Trong giai đoạn đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế nước ta còn nghèo nàn, kiệt quệ do hậu quả của chế độ thực dân phong kiến. Nhưng dù khó khăn đến đâu, Hồ Chí Minh cũng nhất quán quan điểm: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên” [9]. Ở đây, không phải Hồ Chí Minh coi nhẹ vai trò nhân tố kinh tế mà Người so sánh nhằm nhấn mạnh việc phát triển kinh tế phải gắn liền với thực hiện công bằng xã hội. Công bằng xã hội vừa là chính sách xã hội vừa là chính sách kinh tế. Giữa các yếu tố này có mối quan hệ biện chứng với nhau, tương trợ nhau cùng phát triển. Kinh tế là tiền đề vật chất để thực hiện công bằng xã hội, đồng thời, sự ổn định của xã hội là nền tảng, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Hồ Chí Minh rất sáng suốt, đánh giá đúng những khó khăn khi thực hiện công bằng xã hội. Trong chừng mực nhu cầu của con người và khả năng hiện thực của kinh tế xã hội còn mâu thuẫn chưa thể giải quyết thì không thể có được công bằng xã hội tuyệt đối. Ta chỉ có thể đòi hỏi công bằng xã hội ở mức độ hợp lý. Tức là những cống hiến trí tuệ và sức lực của chúng ta cho xã hội được đền đáp tương xứng. Người lười lao động, cống hiến thì không được hưởng thụ và không chấp nhận những kẻ trục lợi,

buôn gian, bán lận, tham nhũng, hưởng lợi không chính đáng “Ngồi mát ăn bát vàng, tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải quét đi” [6]. Trong xã hội sẽ còn tồn tại những bất công mà chúng ta phải tạm thời chấp nhận và khắc phục dần dần “cố nhiên phải tìm cách làm cho công bằng hợp lý, nhưng cũng khó hoàn toàn” [6].

2.2. Thứ hai, chỉ có con đường cách mạng vô sản mới thực hiện được công bằng xã hội

Đến với các quốc gia tư bản nổi tiếng với những giá trị về dân chủ, công bằng, bình đẳng, bác ái như: Anh, Pháp, Mỹ, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu thực tiễn đời sống Nhân dân ở các quốc gia này và hiểu rõ thực chất của nền dân chủ tư sản. Bản chất bóc lột, bất công ẩn sau tuyên ngôn dân chủ, công bằng của nền dân chủ tư sản đã được Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá bằng chính những trải nghiệm thực tiễn của bản thân. Người nói: “Khi sang các nước Châu Âu, tôi thấy ở đó cũng có một số người rất giàu “ngồi mát ăn bát vàng”, và lớp người Nhân dân lao động rất nghèo khổ” [8]. Khi đến Mỹ, Người cũng nhận thấy tình cảnh tương tự: “Ở Mỹ có một số người rất giàu có, họ sống cực kỳ xa hoa,... và có rất đông người lao động rất cực khổ” [8]. Hồ Chí Minh đã nhận thấy bản chất bóc lột, bất công của nhà nước tư sản, tự nhận là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Người đánh giá tất cả những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái mà chúng giương cao đều là giả dối để che đậy bản chất ngược lại của chúng mà thôi. Theo Người, chúng dùng chữ tự do, bình đẳng, đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến, khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân. Sự kiện gửi Bản yêu sách tới Hội nghị Versailles đòi quyền dân chủ, công bằng cho Nhân dân Việt Nam bị chính những kẻ nhân danh chính nghĩa từ chối thì Hồ Chí Minh càng không thể tin tưởng vào lý tưởng công bằng xã hội của nền dân chủ tư sản.

Khi tiếp xúc với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận định đây là cái cần thiết cho đất nước, là con đường giải phóng cho dân tộc ta. Từ đó, Người nhất quán lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Con đường này sẽ đưa Nhân dân ta tới xây dựng một xã hội mới, ở đó vấn đề công bằng xã hội luôn được quan tâm thực hiện. Phát biểu tại Đại hội thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản, trong chủ nghĩa cộng sản ta mới có thể thực hiện được sự hòa hợp và hạnh phúc ở chính quốc và ở thuộc địa.

Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu những tư tưởng công bằng xã hội ở các quốc gia mà Người tìm đến trong hành trình cứu nước mà còn đấu tranh cho tự do, cho công

bằng một cách mạnh mẽ. Người đứng trong hàng ngũ đấu tranh của công nhân các nước tư sản đòi tăng lương, giảm giờ làm, tham gia hội họp, làm báo, tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội. Tất cả những hoạt động thực tiễn đấu tranh đòi quyền công bằng này cũng tác động không nhỏ tới sự hình thành tư tưởng công bằng xã hội của Hồ Chí Minh.

Khi đến nước Nga và trực tiếp tìm hiểu thực tế xây dựng xã hội mới ở Nga, Hồ Chí Minh đã thấy những khát vọng về một xã hội tốt đẹp, công bằng cho Nhân dân đang được thực hiện. Nhà nước Xô Viết là nhà nước của Nhân dân lao động; công bằng xã hội được thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh chỉ ra: “Nhu ở Nga bây giờ, công cụ sinh sản là của chung, không ai bóc lột ai, của cải làm ra theo nguyên tắc “ai không làm không ăn” mà chia cho người làm” [5]. Y tế, giáo dục, các chính sách xã hội cho Nhân dân được Nhà nước quan tâm. Người dân được miễn học phí, Nhân dân ai ốm thì được chữa trị, không mất tiền thầy tiền thuốc, giờ giấc lao động, chế độ nghỉ dưỡng, người già, trẻ nhỏ đều được sắp xếp hợp lý, công bằng. Hồ Chí Minh xác định đây là một mẫu hình Nhà nước đảm bảo công bằng xã hội cho Nhân dân. Từ đó, Người xác định độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội mới coi công bằng xã hội là một mục tiêu cần thực hiện. Chỉ có đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì công bằng xã hội mới được đảm bảo. Người nói: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết âm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình và hạnh phúc” [2]. Trong chủ nghĩa xã hội: “Nhà máy, xe lửa, ngân hàng,... làm của chung” [8]. Như vậy, mô hình Nhà nước mới được các nhà kinh điển vạch ra và được Hồ Chí Minh đón nhận vì nó đáp ứng được khát vọng giải phóng triệt để cho dân tộc của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh nhấn mạnh công bằng xã hội là một đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa xã hội và chỉ có trong chủ nghĩa xã hội, Nhân dân lao động mới được hưởng ngày càng nhiều hơn, đầy đủ hơn công bằng xã hội.

2.3. Thứ ba, nguyên tắc phân phối theo lao động được coi là công bằng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản

Từ việc đánh giá chế độ sở hữu tư nhân trong chủ nghĩa tư bản là nguyên nhân khách quan của tình trạng bất công xã hội, các nhà kinh điển thấy được nguyên tắc phân phối dựa trên lượng tài sản, vốn sở hữu là bất hợp lý. Hệ quả của nó là các nhà tư sản ngày càng giàu thêm trên sự nghèo đói của người lao động. Chủ nghĩa Mác - Lênin

khẳng định: nguyên tắc phân phối theo lao động được coi là công bằng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, nguyên tắc phân phối này không mang lại công bằng tuyệt đối mà vẫn còn hàm chứa tình trạng bất bình đẳng vì những người lao động không phải ai cũng như ai, người này khác người kia về thể chất và tinh thần, trình độ lao động, hoàn cảnh gia đình... Vì vậy: “Với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng xã hội, thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia” [1].

Theo nguyên tắc này thì mỗi người sản xuất sẽ được nhận trở lại từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng trị giá ngang với số lượng lao động mà họ cung cấp cho xã hội, sau khi những khoản cần thiết để duy trì sản xuất, tái sản xuất, cũng như duy trì đời sống cộng đồng đã được khấu trừ. Khi bước vào xây dựng chủ nghĩa cộng sản, Hồ Chí Minh khẳng định đây là nguyên tắc phân phối công bằng cần được áp dụng triệt để. Theo các nhà kinh điển, thực chất công bằng xã hội là mối quan hệ lợi ích của con người. Trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội thì lợi ích kinh tế là căn bản nhất. Vì vậy, thực hiện công bằng xã hội trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa quyết định tới vấn đề này ở các lĩnh vực khác.

Nguyên tắc phân phối lợi ích được Hồ Chí Minh chỉ ra như sau: “Lao động nhiều hưởng nhiều, lao động ít hưởng ít, không lao động thì không hưởng” [6]. Có thể thấy đây là nguyên tắc phân phối công bằng trong điều kiện nước ta hiện nay. Điều này thể hiện địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất của người lao động. Mọi người được hưởng quyền lợi ngang nhau ở những công hiến ngang nhau. Ngược với điều này là vô lý, không công bằng: “Lao động ít mà muốn thu nhập nhiều thì rất vô lý” [7]. Hưởng thụ không tương xứng với cống hiến, không cống hiến gì mà đòi hưởng thụ là đi ngược với nguyên tắc phân phối lợi ích công bằng của Hồ Chí Minh. Áp dụng nguyên tắc đúng đắn này trong nền kinh tế sẽ giúp việc thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực kinh tế đạt hiệu quả cao nhất.

Không dừng lại ở nguyên tắc phân phối lợi ích, Hồ Chí Minh còn yêu cầu việc phân phối phúc lợi xã hội cũng cần phải đảm bảo công bằng. Làm thế nào để mọi người dân đều được Nhà nước chăm lo, cải thiện đời sống: “Phải phân phối cho công bằng hợp lý, từng bước cải thiện việc ăn, mặc, ở, học, phục vụ sức khỏe và giải trí của Nhân dân” [9]. Những yêu cầu thiết yếu của Nhân dân cả về vật chất lẫn tinh thần đều cần có sự quan tâm của Nhà nước thông qua các quỹ phúc lợi xã hội. Điều này làm nổi bật tính nhân văn, triệt để trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội. Nhóm

những người thiệt thòi, yếu thế, không có khả năng lao động càng cần tới sự giúp đỡ đùm bọc của toàn xã hội: “Người tàn tật, già yếu, cháu bé không phải không lao động được mà không được ăn. Nhà nước, xã hội giúp đỡ họ” [6]. Như vậy phân phối lợi ích và phân phối phúc lợi xã hội phải đi liền với nhau. Thiếu một phần là đã hiểu không đúng bản chất nguyên tắc trong thực hiện công bằng xã hội của Hồ Chí Minh.

Theo Mác, xã hội mới sẽ còn tồn tại những bất công khi nó mới lọt lòng từ xã hội tư bản chủ nghĩa sau những cơn đau đẻ kéo dài. Ông khẳng định: “Nhưng đó là những thiếu sót không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, lúc nó vừa mới lọt lòng từ xã hội tư bản chủ nghĩa ra sau những cơn đau đẻ kéo dài. Quyền không bao giờ có thể ở một mức độ cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định” [1]. Mác cho rằng không thể ngay lập tức có được công bằng xã hội tuyệt đối do xã hội mới vừa thoát thai khỏi xã hội tư sản còn rất nhiều khó khăn tồn tại. Khi nền tảng kinh tế không cho phép thì xã hội buộc phải chấp nhận những bất công nhất định. Khi xã hội bước vào giai đoạn phát triển cao hơn, lao động không đơn thuần là phương tiện sinh sống mà là nhu cầu hoạt động và phát triển, người lao động có thể làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.

Tiếp nối quan điểm này Hồ Chí Minh cũng khẳng định những bất công sẽ vẫn còn tồn tại trong giai đoạn chúng ta quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, thậm chí khắc phục bất công này sẽ có thể làm nảy sinh bất công khác. Có những bất công chúng ta phải tập trung giải quyết ngay nhưng vẫn phải chấp nhận có những điều chưa công bằng còn tồn tại.

2.4. Thứ tư, tách biệt hai phạm trù công bằng xã hội và bình đẳng xã hội

Theo Ph. Ăngghen, công bằng và bình đẳng là hai phạm trù tách biệt với nhau. Ông đánh giá nếu cho rằng luận điểm (bình đẳng = công bằng) là một nguyên tắc tối cao và là một chân lý cuối cùng thì thật là ngu xuẩn. Bình đẳng chỉ tồn tại trong khuôn khổ đối lập với bất bình đẳng, công bằng chỉ tồn tại trong khuôn khổ đối lập với không công bằng. Kế thừa quan điểm này, Hồ Chí Minh khẳng định không thể đồng nhất hai phạm trù công bằng xã hội và bình đẳng xã hội. Trong điều kiện kinh tế xã hội chưa thể tương xứng với các nhu cầu của con người thì chỉ có thể từng bước thực hiện công bằng xã hội hướng tới sự như nhau trong hưởng thụ của những người có cùng cống hiến chứ chưa thể làm cho mọi người đều ngang nhau ở các phương diện. Nếu nhận thức sai lầm về vấn đề này sẽ dẫn tới những hành động sai lầm. Người viết: “Cái gì cũng muốn "bình đẳng". Ví dụ: Cấp trên vì công việc phải cưỡi ngựa, đi xe. Cấp dưới

cũng muốn cưỡi ngựa, đi xe. Người phụ trách nhiều việc, cần có nhà rộng. Người không phụ trách nhiều việc, cũng đòi nhà rộng. Phụ cấp cho thương binh cũng muốn nhất luật, không kể thương nặng hay nhẹ. Làm việc gì, thì muốn già, trẻ, mạnh, yếu đều làm bằng nhau. Có việc, một người làm cũng được, nhưng cũng chờ có đủ mọi người mới chịu làm. Bệnh này sinh ra vì hiểu lầm hai chữ bình đẳng. Không hiểu rằng: người khỏe gánh nặng, người yếu gánh nhẹ. Người làm việc nặng phải ăn nhiều, người làm việc nhẹ thì ăn ít” [4].

Người lấy ví dụ cụ thể: “nếu một chiến sĩ bị thương được đi xe, ăn ngon, các chiến sĩ khác đều đòi đi xe, đòi ăn ngon. Hoặc vì bình đẳng mà bắt buộc một trẻ em cũng ăn nhiều, cũng gánh nặng, như một người lớn. Nếu như thế là bình đẳng, thì bình đẳng đó rất vô lý, rất xấu, chúng ta phải kiên quyết chống lại thứ bình đẳng đó” (4). Như vậy, để mỗi người đều có thể hưởng theo nhu cầu, nguyện vọng của mình là chưa thể có ngay được trong điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, đòi hỏi bình đẳng ai cũng như ai là không phù hợp với hiện thực khách quan. Ta chỉ có thể từng bước đảm bảo công bằng xã hội để tiến dần lên bình đẳng xã hội hoàn toàn.

Chính sai lầm trong việc đồng nhất giữa công bằng xã hội với bình đẳng xã hội đã dẫn tới nguyên tắc phân phối bình quân, chia đều cho tất cả mọi người. Hậu quả là triệt tiêu động lực của sự phát triển kinh tế và trên thực tế lại trở thành bất công. Theo Hồ Chí Minh, bình đẳng không phải là bình quân mà xác định trên cơ sở công bằng: ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Không dừng lại ở đó, tiếp thu lý luận của Mác trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gô ta*, Hồ Chí Minh nhận thức được sự bất bình đẳng của nguyên tắc: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. C. Mác lý giải: với một công việc ngang nhau và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội thì trên thực tế người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia là vì bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như những người khác nhưng nó lại mặc nhiên thừa nhận sự không ngang nhau về năng khiếu cá nhân, do đó về năng lực lao động của những người lao động. Đó là những thiếu sót không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội chủ nghĩa cộng sản. Do đó, Hồ Chí Minh đã bổ sung thêm cho nguyên tắc này để đảm bảo công bằng xã hội được thực hiện. Chấp nhận việc chưa thể đạt được công bằng xã hội và bình đẳng xã hội tuyệt đối nhưng vẫn thực hiện công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Người vạch rõ: “Phân phối phải theo mức lao động, lao động nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít thì được phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ

thì được phân phối ít. Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau” [7].

Có thể thấy rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phạm trù công bằng xã hội và bình đẳng xã hội đều là mục tiêu phấn đấu của nhân loại nói chung và Nhân dân ta nói riêng. Hai phạm trù này gắn kết chặt chẽ với nhau, có những khía cạnh tương đồng với nhau nhưng không trùng khít với nhau. Phải triệt để tránh việc đồng nhất hai phạm trù này trong nhận thức và hành động thực tiễn.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công bằng xã hội mang tính khoa học, cách mạng và toàn diện. Các ông khẳng định công bằng xã hội nằm trong chính cơ sở kinh tế xã hội hiện thực; vạch ra nguyên tắc phân phối công bằng là nền tảng để thực hiện công bằng xã hội; nhấn mạnh vai trò quan trọng của công bằng xã hội đối với sự phát triển xã hội. Kế thừa và phát triển sáng tạo những quan điểm công bằng xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã nâng tư tưởng công bằng xã hội của Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới: khoa học và cách mạng. Đánh giá một cách tổng quát, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội rất sâu sắc và độc đáo, vừa khái quát vừa cụ thể các khía cạnh, các vấn đề rất căn bản của con người và của xã hội. Công bằng xã hội theo Hồ Chí Minh là phạm trù thuộc bản chất con người - xã hội, ở đó thể hiện khát vọng, nhu cầu tự nhiên của con người, đồng thời là quyền chính đáng, thiêng liêng của con người. Bởi công bằng xã hội theo người là quan hệ ngang nhau về quyền và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ,... giữa người với người trong xã hội. Sự ngang nhau này phải theo nguyên tắc hợp lý, phù hợp với tình hình, điều kiện của xã hội ở thời điểm hiện tại; trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sống của con người (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội). Công bằng xã hội được tập trung thực hiện trong quá trình phân phối lợi ích, phúc lợi và trong các cơ hội phát triển. Theo Hồ Chí Minh, công bằng xã hội chỉ trở thành hiện thực trong xã hội bảo đảm cho nó các điều kiện hiện thực - đó là chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng quan niệm và nội hàm về công bằng xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh vượt xa các quan niệm về công bằng xã hội trước đó không chỉ về bản chất mà cả độ sâu sắc và toàn diện, nhất là về điều kiện thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.35-36.

2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.496.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.630-631.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.300.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.535.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.404, tr.438, tr.525, tr.607.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.216, tr.443.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.390, tr.699-700.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.224, tr.596.

SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO SƠ KỲ ĐỐI VỚI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÃ HỘI LÝ TƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Lan

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
- Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt

Trước khi đến với chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã từng biết đến tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở phương Đông qua thuyết đại đồng với các mệnh đề thiên hạ vi công, dân vi quý,... của Nho giáo. Trong quá trình tiếp thu Nho giáo, Người đã cải biến nhiều khái niệm của Nho giáo, làm cho những khái niệm ấy chứa đựng một nội dung mới trong hình thức cũ. Ví thế, tư tưởng Mácxít - Lêninnít của Người có sắc thái độc đáo, tư tưởng đó được xây dựng và phát triển trên cơ sở những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, mà trong đó, Nho giáo chiếm vị trí không nhỏ. Do đó, trong phong cách và tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều yếu tố của Nho giáo, mà chính những yếu tố Nho giáo ấy dung hòa nhuần nhuyễn với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã tạo nên con người Mácxít - Lêninnít vĩ đại được cả thế giới ngưỡng mộ. Bài viết phân tích, chỉ ra sự ảnh hưởng của Nho giáo sơ kỳ về xã hội lý tưởng đối với tư tưởng Hồ Chí Minh ở các khía cạnh như mô hình xã hội lý tưởng, những phẩm chất đạo đức của người cầm quyền.

Từ khóa: Nho giáo sơ kỳ, tư tưởng Hồ Chí Minh, xã hội lý tưởng.

I. MỞ ĐẦU

Xuất thân từ gia đình có truyền thống Nho học đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh nhiều lần nói đến những giá trị của Nho giáo với một thái độ trân trọng. Trong các trước tác của mình, Người đã hàng trăm lần sử dụng những câu chữ có liên quan đến những khái niệm và những mệnh đề của Nho giáo. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã cải tạo những từ ngữ ấy, đã đem lại cho chúng nội dung và ý nghĩa mới. Thái độ của chủ tịch Hồ Chí Minh với Nho giáo luôn nhất quán, luôn có quan điểm lịch sử cụ thể khi đánh giá Nho giáo, đồng thời khẳng định đúng mức những giá trị chân chính của Nho giáo. Mặt khác, Người cũng triệt để phê phán, bác bỏ những quan điểm của Nho giáo với tư cách là thành tố ý thức hệ của chế độ phong kiến. Người cũng vừa tiếp nhận, vừa cải tạo, nâng cao, khai

thác các “hạt nhân hợp lý” trong tư tưởng của người xưa. Thái độ của chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc khai thác những nhân tố hợp lý của Nho giáo rất đáng để chúng ta học tập.

II. NỘI DUNG

Xã hội *Đại đồng* mà các nhà nho mơ ước là xã hội mà trong đó thiên hạ là của chung, những người hiền tài được trọng dụng, trai lớn có vợ, gái lớn gả chồng, những người quan, quả, cô, độc được quan tâm chăm sóc, người già có thịt để ăn, có lụa để mặc, được yên hưởng tuổi già, trẻ em được nuôi dưỡng, giáo dục, xã hội không có trộm cắp, cướp đoạt, không có chiến tranh. Khổng Tử từng nói về ước nguyện của mình: “Ta mong sao những người già cả đều được an vui, bạn bè tin cậy ta, và trẻ thơ đều được thương yêu, dạy dỗ”¹. Hồ Chí Minh cũng từng nói Người có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, Người đã từng nói: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ”². Giữa Hồ Chí Minh và Nho giáo sơ kỳ tuy có những điểm tương đồng trong mong muốn về xã hội lý tưởng, nhưng các nhà nho lại muốn quay về xã hội tốt đẹp thời quá khứ là xã hội thời Nghiêu, Thuấn và duy trì một trật tự xã hội có đẳng cấp, còn Hồ Chí Minh lại đứng trên lập trường mácxít, nguyện suốt đời nỗ lực đấu tranh để thực hiện một xã hội tiến bộ hơn các xã hội trước, đó là “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”³. Theo Hồ Chí Minh, trong xã hội đó “mọi người đều có đạo đức; đối với mọi việc, ai cũng xung phong. Sản xuất thứ gì cũng phong phú. Cho nên, ai cần gì có nấy”⁴, và điều quan trọng hơn cả là trong xã hội đó nhân dân lao động thực sự được làm chủ và thực sự có tự do.

Trong xã hội lý tưởng của mình, các nhà sáng lập Nho giáo sơ kỳ hướng tới sự phân phối của cải sao cho không có sự phân biệt giàu nghèo thái quá, bởi đó là nguồn gốc của bất ổn xã hội. Khổng Tử nói, “Khâu này từng nghe rằng, những bậc vua chư hầu hoặc quan đại phu chẳng lo chuyện tài sản ít ỏi, mà lo chia không đều, chẳng lo

¹ Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Lâm dịch và chú giải, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.312.

² Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.591.

³ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.591.

⁴ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.245.

dân nghèo mà lo dân không được yên ổn. Của cải chia đều thì dân không nghèo, dân hòa hợp thì của không ít, dân yên ổn thì nước không nghiêng đổ”⁵. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh nhắc nhở việc phân phối, lưu thông phải luôn luôn nhớ hai điều: *Một là*, không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; *hai là*, không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên. Tuy nhiên, Người cũng lưu ý, công bằng không phải là cào bằng một cách máy móc, giỏi kém như nhau, làm triệt tiêu mất động lực phát triển kinh tế xã hội, mà Người cho rằng phải hướng tới phân phối theo lao động, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, trừ những người già, người ốm đau và các em nhỏ, những người cần sự bảo trợ của xã hội.

Nho giáo sơ kỳ cho rằng, muốn xây dựng xã hội lý tưởng phải xây dựng mẫu người lý tưởng, đó là người quân tử với những phẩm chất đạo đức như *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí*. Trong quá trình đào tạo, sử dụng người cầm quyền, Nho giáo sơ kỳ yêu cầu người cầm quyền phải tu thân, phải không ngừng học tập, phải ngay thẳng, gương mẫu, yêu thương và lo lắng cho cuộc sống của dân, giúp đỡ dân, “phải làm trước dân, chịu khó giúp dân” (*Tiên chi, lao chi*) mà không bao giờ biết mệt mỏi (*Vô quyện*)⁶. Hồ Chí Minh cho rằng, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁷. Mẫu người lý tưởng mà Hồ Chí Minh muốn xây dựng là mẫu người vừa có đức, vừa có tài (vừa *hồng* vừa *chuyên*). Khổng Tử và các nhà sáng lập Nho giáo sơ kỳ lấy mẫu hình lý tưởng người xưa, các ông luôn khen Nghiêu, Thuấn, phục Chu Công, coi đó là những khuôn mẫu cho mọi người noi theo. Nhưng đó là những mẫu người quá lý tưởng, khó ai có thể với tới được và không phù hợp với hiện thực xã hội đương thời. Hồ Chí Minh xây dựng mẫu người vừa *hồng*, vừa *chuyên* trên cơ sở của hiện thực xã hội, xuất phát từ nhiệm vụ cụ thể của cách mạng, phù hợp với tính tất yếu lịch sử của nhân loại trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cũng giống như các nhà sáng lập Nho giáo sơ kỳ, Hồ Chí Minh cũng cho rằng, đạo đức giữ vai trò nền tảng trong xây dựng mẫu người lý tưởng, đạo đức là gốc của con người, nhất là người cách mạng, người cán bộ. Một mặt, người khẳng định: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁸. “Có tài mà

⁵ Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Lâm dịch và chú giải, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.592.

⁶ Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Lâm dịch và chú giải, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.496.

⁷ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.310.

⁸ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.253.

không có đức là hồng” và “Đức phải có trước tài”⁹. Mặt khác, Người cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của trí tuệ, năng lực để thực thi công việc có hiệu quả. Người cho rằng có đức mà không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp gì được cho ai. Trong bài *Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội*, Người nhấn mạnh rằng, con người xã hội chủ nghĩa là người có ý thức làm chủ nhà nước, có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, phải thật thà, ngay thẳng, phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng, phải “*chí công vô tư*” và có tinh thần “*lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ*”¹⁰, có tinh thần kỷ luật tự giác và ý thức tổ chức nghiêm chỉnh, phải nên gương “*cần kiệm liêm chính*”¹¹.

Khổng Tử và Hồ Chí Minh đều nêu cao vai trò đạo đức của người cầm quyền, đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng của đạo đức và tu dưỡng đạo đức. Khổng Tử cho rằng, từ thiên tử cho đến thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc. Hồ Chí Minh cũng cho rằng “cũng như sông có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”¹². Hồ Chí Minh coi đức là gốc, “người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹³.

Trên nền tảng một xã hội chịu ảnh hưởng lâu dài của Nho giáo và trong hoàn cảnh lịch sử mới, Hồ Chí Minh đã “tái cấu trúc” đạo đức Nho giáo, tức là đưa vào đó những nội dung mới cho phù hợp với mục tiêu xây dựng xã hội mới. Khổng Tử cho rằng, những phẩm chất đạo đức cần có của mẫu người lý tưởng là *Nhân, Trí, Dũng*. Đến Mạnh Tử, ông đã kế thừa “Tam đức” của Khổng Tử và phát triển thành “Tứ đức”: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí*. Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển thêm tư tưởng đó khi cho rằng, những phẩm chất đạo đức cách mạng cần có của người cách mạng là: “*Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm*”¹⁴. Nhưng trong các phẩm chất đạo đức ấy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phẩm chất *Dũng* và *Liêm* mà ít đề cập đến *Lễ* của Nho giáo. Có thể nói, lễ giáo của Nho giáo rất nặng nề và thậm chí mang tính cổ hủ, lỗi thời, song tác dụng của *Lễ*

⁹ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.492.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.311.

¹¹ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.309.

¹² Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.252-253.

¹³ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.283.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.251.

về phương diện ứng xử văn hóa vẫn được Người quan tâm. Cụ thể là, trong thư gửi đồng chí Hoàng Mai, Giám đốc Sở Công an khu 12, vào tháng 3/1948, Người nói về tư cách người công an cách mạng là:

“Đối với tự mình phải cần, kiệm, liêm, chính

Đối với đồng sự phải thân ái, giúp đỡ

Đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép

Đối với công việc phải tận tụy

Đối với địch phải cương quyết, khôn khéo”.

(*Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân*)

Nhân trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ là lòng yêu thương con người (*ái nhân*), là *khắc kỷ phục lễ*, là *trung thứ*, điều gì mình không muốn thì đừng đem áp dụng cho người khác, mình muốn lập thân thì cũng giúp người khác lập thân, mình muốn thành đạt thì cũng giúp cho người khác thành đạt. Tuy vậy, mặt hạn chế trong tư tưởng của Khổng Tử và các môn đệ của ông về *Nhân* xuất phát từ lập trường giai cấp của các ông, tuy nêu quan điểm yêu thương con người, nhưng lại không đem đến sự giải phóng cho con người. Trên thực tế, các nhà sáng lập Nho giáo sơ kỳ vẫn muốn duy trì một xã hội có sự phân biệt đẳng cấp, trong đó đa số quần chúng lao động vẫn bị áp bức, bóc lột. *Nhân* trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang nội dung mới, cụ thể, thiết thực hơn, đó là lòng yêu thương vô hạn với Tổ quốc, với đồng bào, nhân dân lao động, lòng tận trung vô hạn đối với sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động. *Nhân* trong tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa chủ động hơn, thể hiện ở tinh thần kiên quyết đấu tranh chống lại những cái có hại cho người khác, cho nhân dân. *Nhân* ở Hồ Chí Minh là một chủ nghĩa nhân văn hoàn chỉnh thể hiện không chỉ ở tấm lòng yêu quý nhân dân mà còn ở niềm tin vô hạn đối với sức mạnh của quần chúng khi quần chúng tự giác đứng lên để tự giải phóng chính mình.

Nghĩa, trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ có quan hệ mật thiết với *Nhân*. Nếu *Nhân* thể hiện tình cảm sâu sắc nhất của con người thì *Nghĩa* là trách nhiệm để thực hiện tình cảm đó, cho nên tình vua tôi, cha con, chồng vợ chưa đủ mà còn phải có nghĩa vụ nữa, đó là nghĩa vua tôi, nghĩa cho con, nghĩa chồng vợ. Nho giáo nhấn mạnh vai trò của *Nghĩa*. Mạnh Tử nói: “Sống là điều ta ham muốn, nghĩa cũng là điều ta ham muốn; hai điều đó không thể giữ lại cả hai, thì ta bỏ mạng sống để giữ điều nghĩa vậy”¹⁵. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *Nghĩa* là tinh thần vì dân, vì nước, vì sự nghiệp giải phóng nhân dân lao động. “Nghĩa là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc

¹⁵ Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Lâm dịch và chú giải, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.1221.

bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ, đều ra sức làm cẩn thận”¹⁶.

Trí trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ là năng lực tư duy và ứng xử, đặc biệt nhấn mạnh hiểu biết *Lễ* và thực hành *Lễ* nhằm duy trì trật tự xã hội mà Nho giáo sơ kỳ cho là lý tưởng. Hồ Chí Minh quan niệm rằng, *Trí* trong đạo đức cách mạng là không ngừng học tập, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, nhận thức đúng quy luật vận động phát triển tất yếu của lịch sử, tiền đề của Tổ quốc và nhiệm vụ của cá nhân. *Trí* là có tinh thần mưu trí sáng tạo, giải quyết được mọi công việc khó khăn, sáng suốt vượt qua được mọi thử thách, biết thiên biến vạn hóa, biết biến nguy thành yên. Trong quan niệm về *Trí* của Hồ Chí Minh và Nho giáo sơ kỳ có nét tương đồng. Nho giáo sơ kỳ cho rằng *Trí* là biết người, để yêu người và ghét người một cách chính đáng, để sử dụng con người, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực của họ. Trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ, *Trí* là biết cất nhắc người ngay thẳng, loại bỏ kẻ gian tà nhằm đem lại lợi ích cho dân. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh, *Trí* là “Biết xem người. Biết xét việc. Vì vậy mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian”¹⁷.

Dũng trong quan niệm của Nho giáo sơ kỳ là lòng can đảm, không sợ sệt, dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải, thực thi đạo nghĩa. *Dũng* trong tư tưởng Hồ Chí Minh là thể hiện ý chí cách mạng, không ngại gian khổ hy sinh, nêu cao ý chí cách mạng, quyết tâm thực hiện lý tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Người nhấn mạnh: “Dũng là dũng cảm, gan góc, gặp việc khó có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát”¹⁸.

Liêm trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ra sức giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần *cần kiệm liêm chính, chí công vô tư*, chống tham ô lãng phí, sống trong sạch, khiêm tốn, giản dị. Người nói: “Liêm là không tham địa vị, không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không tham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa”¹⁹.

Trong *Tam cương*, Nho giáo đặt lên hàng đầu quan hệ vua tôi và cha con. Do đó, tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của con người là *Trung* với vua và *Hiếu* với cha mẹ.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.252.

^{17, 18, 19} Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.252.

Nguyên tắc ứng xử vua tôi là: “quân xử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung”. Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu mối quan hệ giữa con người với Tổ quốc và nhân dân. Do đó, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *Trung* là trung với nước và *Hiếu* với dân. *Trung* không phải để phục vụ vua chúa mà phục vụ cho Tổ quốc. Theo Hồ Chí Minh, *Trung* là trung thành tuyệt đối với tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, với Đảng, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết. Người nói: “Đạo đức ngày trước chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”²⁰. Hồ Chí Minh cho rằng, người làm cách mạng phải hiểu chữ *Hiếu* một cách rộng rãi, không bó hẹp trong phạm vi chỉ *Hiếu* với cha mẹ của mình mà còn *Hiếu* với cha mẹ của đồng bào mình. Như vậy, họ cũng là những người chí *Hiếu* nhất, bởi họ không chỉ biết thương cha mẹ của mình mà còn thương cha mẹ người và làm cho mọi người đều biết thương cha mẹ, cuộc cách mạng do họ tiến hành mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc, no ấm cho toàn dân tộc, đó là biểu hiện của chữ *Hiếu* triệt để nhất, rộng rãi và nhân văn nhất.

Kế thừa những giá trị tích cực của Nho giáo, Hồ Chí Minh đã đưa vào những phạm trù đạo đức Nho giáo những ý nghĩa mới, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới của thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong cấu trúc đạo đức mới, lợi phải gắn liền với nghĩa, nhà phải gắn liền với nước, quyền lợi cá nhân gắn liền với sự giàu mạnh của Tổ quốc.

Để xây dựng được xã hội lý tưởng, Nho giáo sơ kỳ cho rằng, phải có vua sáng, tôi hiền. Các nhà sáng lập Nho giáo đặt vấn đề tu dưỡng đạo đức lên hàng đầu, từ thiên tử đến thứ dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc. Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc vai trò của đạo đức trong việc kiến tạo một xã hội mới ở một xã hội mang đậm tính chất phương Đông và ảnh hưởng đậm nét của Nho giáo như Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu của cách mạng Việt Nam, Người đã nêu ý nghĩa quan trọng của việc tu dưỡng đạo đức ở những người chiến sĩ cộng sản: “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có thấm nhuần đạo đức cách mạng hay là không”²¹. Hồ Chí Minh cho rằng, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đạo đức là gốc, đã là người cách mạng phải có bản lĩnh đạo đức: “Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo... Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù có tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”²². Trong quá trình lãnh đạo nhân dân Việt Nam kháng chiến cứu nước và xây dựng

²⁰ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.149.

²¹ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.480.

²² Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.467.

chủ nghĩa xã hội, cho đến cuối đời, Người luôn nhắc nhở mọi người khắc phục chủ nghĩa cá nhân, trau dồi đạo đức cách mạng và chính Người đã nêu lên một tấm gương sáng về việc tu dưỡng đạo đức người chiến sĩ cộng sản cho Đảng và nhân dân ta.

Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, cùng là việc đề cao vai trò của đạo đức của người cầm quyền, nhưng giữa Hồ Chí Minh và các nhà Nho sơ kỳ lại có khác biệt về bản chất. Hồ Chí Minh nói: “Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời”²³.

III. KẾT LUẬN

Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội từ nền tảng xã hội truyền thống, xã hội đó chịu ảnh hưởng lâu dài của tư tưởng Nho giáo. Vì thế, chúng ta không thể không quan tâm xem xét đến việc chúng ta có thể kế thừa những giá trị nào của đạo đức Nho giáo để phát triển. Việc sử dụng những khái niệm, những từ ngữ vốn quen thuộc của Nho giáo để đưa vào những nội dung mới là một biện pháp giáo dục sáng tạo và dễ dàng thuyết phục. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, những chuẩn mực đạo đức của Nho giáo như *Nhân*, *Nghĩa*, *Lễ*, *Trí* nói trên vẫn giữ nguyên giá trị. Vấn đề là chúng ta cần khai thác những giá trị đạo đức Nho giáo đó như thế nào để biến nó thành những giá trị tinh thần và đạo đức cao đẹp của nhân dân ta hôm nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Lân dịch và chú giải, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

²³ Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.320-321.

TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT HỒ CHÍ MINH - DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ ĐOÀN KẾT VÀO VIỆT NAM

TS. Trần Thị Diệu*

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt

Đoàn kết không chỉ là nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đoàn kết luôn được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Với mục đích làm rõ sự kế thừa và phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về tư tưởng đoàn kết trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, bài viết tập trung phân tích những điểm giống (tương đồng) và phát triển sáng tạo (khác biệt) tư tưởng đoàn kết mà Hồ Chí Minh vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, đoàn kết, kế thừa, phát triển sáng tạo, chủ nghĩa Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Là một lãnh tụ cộng sản và nhà hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc, đó là một di sản quý của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đại đoàn kết là tư tưởng cơ bản, cốt lõi của Hồ Chí Minh, được thể hiện nhất quán từ lý luận đến thực tiễn. Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là một giá trị tinh thần to lớn, một truyền thống vô cùng quý báu của nhân dân Việt Nam, được hun đúc qua mấy ngàn năm lịch sử mà nó còn trở thành một động lực to lớn, một triết lý nhân sinh và hành động giúp dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển bền vững. Trong mọi giai đoạn lịch sử, tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh vẫn là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng, khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chấn hưng đất nước, từng bước đưa Việt Nam rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước

* Khoa Triết học - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

phát triển trên thế giới. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, làm rõ sự kế thừa, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ khẳng định, ghi nhận, biết ơn những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với dân tộc mà còn góp phần chỉ ra cơ sở, nền tảng của tư tưởng đoàn kết và sự cần thiết phải giữ gìn, phát triển sáng tạo trong giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Hồ Chí Minh kế thừa tư tưởng đoàn kết của chủ nghĩa Mác - Lênin

Thứ nhất, về mục đích của cách mạng. Học thuyết Mác - Lênin đã đưa tới sự phát triển triệt để và hoàn bị nhất trong lịch sử phát triển của các hình thức của chủ nghĩa duy vật. Tính khoa học của học thuyết không chỉ ở việc chỉ ra được các quy luật chi phối toàn bộ sự vận động, biến đổi và phát triển của thế giới vật chất mà nó còn khẳng định giá trị lớn hơn là trở thành học thuyết về sự giải phóng triệt để con người, đưa lại cuộc sống ấm no, tự do thực sự cho con người theo nghĩa làm người đích thực. Giá trị tư tưởng vượt thời đại của Mác - Ăngghen không chỉ là lý luận về cách mạng vô sản mà còn là phương pháp luận duy vật biện chứng và nhận thức từ chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Với Hồ Chí Minh, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin “phải học tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin,... để giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng”¹. Sự gặp gỡ của những bộ óc vĩ đại và nhân cách lớn lao đã giúp Mác - Lênin - Hồ Chí Minh tạo thành một dòng chảy lịch sử cho sự tương đồng về mục tiêu giải phóng con người. Tùy theo điều kiện khác nhau mà Mác - Lênin - Hồ Chí Minh có những phương cách phù hợp; tuy nhiên, họ đều gặp nhau ở tư tưởng coi đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cách mạng.

Từ quan điểm, cách mạng là sự nghiệp□p của quần chúng; sự thành công của phong trào công nhân trong mỗi nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sức mạnh của một tổ chức thống nhất, Mác - Lênin đều nhấn mạnh đến vị trí, vai trò của sự đoàn kết. Với Mác, để đạt được mục đích vĩ đại mà nhân loại đang hướng tới nhất định phải nhớ nguyên tắc cơ bản: “... chúng ta hãy nhớ một nguyên tắc cơ bản của Quốc tế: sự đoàn kết”².

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95.

² Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.212.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, V.I. Lênin đã kế thừa, tiếp thu và phát triển chủ nghĩa Mác về cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng nhà nước ở một quốc gia chưa kinh qua chủ nghĩa tư bản, đưa tới sự thắng lợi hoàn toàn của cách mạng Tháng Mười Nga và nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc trên toàn thế giới. Nói về tinh thần đoàn kết để thực hiện mục tiêu cách mạng, Lênin nhấn mạnh: “Thắng lợi của cách mạng vô sản thế giới đòi hỏi giai cấp công nhân các nước tiên tiến phải hết sức tin cậy lẫn nhau, đoàn kết anh em hết sức chặt chẽ với nhau và phải hết sức nhất trí trong các hành động cách mạng”³.

Với Hồ Chí Minh, trong bài “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin” Người viết: “Lúc bấy giờ... tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng cho đồng bào mình,... dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”⁴. Nhấn mạnh đến vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng, “chủ nghĩa Mác - Lênin như cái cẩm nang thần kỳ”⁵, là mặt trời soi sáng, là ngọn cờ đoàn kết, là cơ sở để vạch ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng mà mỗi khi gặp khó khăn người ta mở cẩm nang ra có ngay cách giải quyết. Do đó, muốn thực hiện mục tiêu lớn lao của cách mạng thì phải có tinh thần đoàn kết, mà ở đó, nền tảng gốc của tư tưởng đoàn kết Hồ Chí Minh là triết lý: dân là gốc. Chỉ cần thống kê trong Hồ Chí Minh toàn tập vấn đề đoàn kết dân tộc được thể hiện trong 839 bài viết, chiếm tỷ lệ 43%; sử dụng từ đoàn kết, đại đoàn kết tới 1.809 lần; đặc biệt, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được nhắc lại 16 lần trong “*Sửa đổi lối làm việc*”, 17 lần trong “*Bài nói tại buổi khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt*”, 19 lần trong “*Diễn văn kỷ niệm Quốc khánh 2/9/1957*”, 8 lần trong “*Di chúc*”,... những con số thống kê trên đã cho thấy, vai trò đặc biệt quan trọng của vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, xác định được vị trí, vai trò của đoàn kết trong cách mạng vô sản. Đoàn kết không chỉ là sức mạnh mà còn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, là nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của cách mạng. Với Mác, “Cách mạng là phải đoàn kết”⁶, nếu làm cách mạng mà không có tinh thần đoàn kết thì không thể thành công. Nhấn mạnh điều này,

³ V.I. Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 38, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.132.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.561.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.588.

⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.212.

Mác chỉ rõ: “Công xã Pari sở dĩ thất bại vì tất cả những trung tâm chính như Béc-lin, Ma-đrit,... đã không đồng thời bùng nổ một phong trào cách mạng to lớn tương xứng với trình độ đấu tranh cao của giai cấp vô sản Pari”⁷. Còn với V.I. Lênin thì cho rằng: “đoàn kết là nguồn gốc, sức mạnh chủ yếu, vô tư và vô địch của Đảng”⁸.

Theo Hồ Chí Minh, để thực hiện mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, nhất thiết phải xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết đóng vai trò “là lực lượng mạnh nhất”, “là sức mạnh vô địch”, hơn thế nữa “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”. Hồ Chí Minh khẳng định: “không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà”⁹. Hồ Chí Minh còn đúc kết thành triết lý hành động: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công”¹⁰.

Trong từng giai đoạn của cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới, phương pháp đoàn kết dân tộc cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đoàn kết phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng, là một chiến lược bất di bất dịch. Theo Hồ Chí Minh, “Nhờ đại đoàn kết mà nhân dân Việt Nam đã đánh thắng chủ nghĩa thực dân, làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã kháng chiến thắng lợi. Nhờ đại đoàn kết toàn dân mà nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất”¹¹. Vì vậy, phải đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết để đưa cách mạng đến thành công. Tinh thần ấy luôn nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đoàn kết là điểm xuất phát, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong toàn bộ đường lối, chủ trương của Đảng. Để xây dựng được khối đại đoàn kết, nhiệm vụ đầu tiên của Đảng cách mạng là tập hợp, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân ở trong nước, nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, hình thành nên khối đại đoàn kết to lớn, mạnh mẽ. Người chỉ rõ: “Đoàn kết là điểm mẹ. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt”¹². Để đoàn kết toàn dân, phải có sự lãnh đạo của Đảng, do đó muốn xây dựng được tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trước

⁷ C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.212.

⁸ V.I. Le-nin (1976), *Toàn tập*, tập 16, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.705.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.55.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.119.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.272.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.244.

hết Đảng phải giữ gìn được sự đoàn kết. Đây là điều Hồ Chí Minh luôn trăn trở, trong *Di chúc*, Người đã viết “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân tộc ta”¹³, và hơn nữa, đoàn kết trong Đảng còn là cơ sở, là hạt nhân cốt lõi để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Trong mối quan hệ giữa Đảng với dân, nếu không có nhân dân thì Đảng không đủ lực lượng, nếu không có Đảng, thì nhân dân không ai dẫn đường. Do đó, trong mọi hoàn cảnh Đảng và dân phải đoàn kết với nhau thành một khối.

2.2. Hồ Chí Minh phát triển sáng tạo tư tưởng đoàn kết của chủ nghĩa Mác - Lênin

Thứ nhất, về lực lượng tham gia cách mạng, Hồ Chí Minh đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin từ đoàn kết giai cấp tới đoàn kết dân tộc ở Việt Nam. Từ bản chất của giai cấp tư sản, từ mục đích xóa bỏ mọi hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất nhằm giải phóng con người, Mác nhận thấy vai trò to lớn của giai cấp công nhân trên toàn thế giới. Với Mác, sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và đội ngũ của giai cấp công nhân chính là nội dung cơ bản, nguyên tắc hàng đầu. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do Mác và Ăngghen thay mặt Liên đoàn những người cộng sản được công bố vào tháng 3/1848 có lời kêu gọi hành động của tất cả những người vô sản trên thế giới: Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại! Lời kêu gọi đó như một khẩu hiệu công khai tuyên bố tính chất quốc tế của cuộc đấu tranh.

C. Mác khẳng định: “Sự thống trị của tư bản là có tính chất quốc tế. Chính vì thế, cuộc đấu tranh của công nhân ở tất cả các nước để tự giải phóng, chỉ có thể thành công được, nếu công nhân cùng nhau đấu tranh chống lại tư bản quốc tế”¹⁴. Sự liên minh của giai cấp công nhân toàn thế giới không chỉ là sự đồng cảm của những người cùng bị tư bản bóc lột, mà còn khẳng định sức mạnh, sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân từ nhận thức về tư tưởng trong đấu tranh nội bộ tới hành động. Sự phát triển lớn mạnh và thống nhất của giai cấp công nhân trên toàn thế giới là là kết quả của chính phương thức sản xuất đại công nghiệp tạo ra. Sự thống nhất của giai cấp công nhân là nền tảng cho mối liên hệ bình đẳng về lợi ích, về tinh thần trách nhiệm với sự nghiệp chung của giai cấp công nhân ở các quốc gia dân tộc. Mác nhấn mạnh: “Giai cấp vô sản chiến thắng giai cấp tư sản đồng thời còn có nghĩa là khắc phục tất cả những cuộc xung đột dân tộc và xung đột công nghiệp hiện nay đang sinh ra sự thù hằn giữa các dân tộc. Vì vậy mà thắng lợi của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản đồng thời còn là dấu hiệu

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611-612.

¹⁴ V.I.Le-nin (1976), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.115.

giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức”¹⁵. Khẳng định thêm điều này, trong lời tựa viết cho bản tiếng Đức của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, tái bản năm 1890, Ăngghen viết: “Để đạt tới thắng lợi cuối cùng của những nguyên lý đã đề ra trong “Tuyên ngôn”, Mác chỉ tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và tranh luận chung nhất định sẽ mang lại”¹⁶.

Phân tích những điều kiện mới trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Lênin không chỉ nhấn mạnh đến sự liên minh giai cấp công nhân trên toàn thế giới mà còn đặc biệt nhấn mạnh đến sự gắn bó về lợi ích giữa giai cấp công nhân và mối quan hệ của các dân tộc bị áp bức: “công nhân đưa ra một thế giới mới, một thế giới trong đó những người lao động thuộc mọi dân tộc đoàn kết với nhau, trong đó không có chỗ cho bất cứ một đặc quyền đặc lợi nào, cũng như không có chỗ cho bất cứ một sự áp bức nào giữa người với người”¹⁷. Sự thống nhất của giai cấp công nhân và mối quan hệ của giai cấp công nhân với các dân tộc bị áp bức là sự thống nhất từ chiều sâu của nhận thức về nhu cầu phát triển của cuộc đấu tranh giải phóng mình và giải phóng nhân loại, đó còn là một nguyên tắc quốc tế như quan điểm của Mác “... đối lập với xã hội cũ cùng với sự bần cùng về kinh tế và sự điên rồ về chính trị của nó đang xuất hiện một xã hội mới mà nguyên tắc quốc tế phải là hòa bình, bởi vì cùng một nguyên tắc giống nhau ngự trị ở tất cả các dân tộc - lao động!”¹⁸. Trên cơ sở đó, Lênin đã phát triển khẩu hiệu vô sản tất cả các nước đoàn kết lại thành khẩu hiệu hành động chiến lược: *Giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới hãy đoàn kết lại!*

Hồ Chí Minh phân tích các sự phân hóa giai cấp ở các nước thuộc địa, phụ thuộc để thấy thực chất mâu thuẫn chủ yếu ở các nước phương Tây là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, còn ở xã hội thuộc địa phương Đông mâu thuẫn chủ yếu lại là mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa thực dân; do đó, đối tượng cách mạng mà các dân tộc thuộc địa cần tập trung đánh đổ trước hết là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động chứ không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải là giai cấp địa chủ nói chung. Trên cơ sở phân tích đúng đắn đặc điểm xã hội Việt Nam, xác định đúng đối tượng chính của cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo trong giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp. Nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin đề cao đấu

¹⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.526-527.

¹⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.524.

¹⁷ V.I. Le-nin (1976), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.194.

¹⁸ C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, t.3, tr.64.

tranh giai cấp thì Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, giải quyết triệt để mối quan hệ hài hòa giữa giải phóng giai cấp với giải phóng dân tộc, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, lấy mục tiêu độc lập dân tộc làm điểm tương đồng để tập hợp đoàn kết toàn dân tộc. Không chỉ nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa cách mạng vô sản với cách mạng giải phóng dân tộc đã được Lênin nêu ra, Hồ Chí Minh còn nhận thấy sự liên minh giữa giai cấp vô sản chính quốc và các dân tộc thuộc địa bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản là tất yếu. Ngoài việc nhận thấy giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức phải giúp đỡ nhau, sự giúp đỡ ấy đồng thời là sự tự cứu mình, là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, Hồ Chí Minh còn nhận thấy một hình thức liên minh quan trọng nữa là liên minh giữa các dân tộc thuộc địa với nhau. Đây là một sáng tạo đặc biệt của Người. Nếu như với các nước láng giềng, có cùng chung kẻ thù, chung nguyện vọng là độc lập, tự do cho mỗi dân tộc, Hồ Chí Minh lập Mặt trận Thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược; ngược lại, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em như Trung Quốc, Liên Xô, Cuba, Triều Tiên,... để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ đối với cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, vì hòa bình, chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, trên tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em”, Hồ Chí Minh xây dựng Liên minh hữu nghị hợp tác và tương trợ với các nước. Ngoài ra, đối với nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ trên thế giới, Hồ Chí Minh xây dựng Mặt trận đoàn kết với phong trào hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới như Mặt trận đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Á - Phi, Mỹ Latinh, Mặt trận thống nhất phản đế giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ...

Hồ Chí Minh còn đặc biệt chú ý đến việc xây dựng khối đoàn kết với các lực lượng cách mạng trên thế giới, tùy từng đối tượng để đề ra phương pháp đoàn kết phù hợp: Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đoàn kết trên tinh thần “bốn phương vô sản đều là anh em”; đối với phong trào giải phóng dân tộc, đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân lao động trên toàn thế giới, cùng chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân; đối với phong trào hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, đoàn kết vì hòa bình, ổn định và phát triển; coi trọng và xây dựng tình đoàn kết với các nước láng giềng, trên tinh thần “giúp bạn tức là tự giúp mình”, “vừa là đồng chí vừa là anh em”.

Nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh vào vai trò của liên minh công - nông, lực lượng chính của cách mạng, xét vào điều kiện thực tế của Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng cách mạng phải hướng tới ba mục tiêu là: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Để đạt được mục tiêu đó, cách mạng giải phóng dân tộc

“là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”, vì vậy, lực lượng cách mạng không chỉ đơn thuần là liên minh công nông mà còn cần sự tham gia của nhiều giai tầng khác, làm nên “lực lượng toàn dân”. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác”¹⁹. Với chủ trương đoàn kết các dân tộc thành một khối thống nhất, bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, độc lập, dân chủ thì chúng ta đều thật thà đoàn kết với họ, không có sự phân biệt dân tộc hay tôn giáo. Đây là một phát hiện của Hồ Chí Minh về vai trò, sứ mệnh và khả năng thực thi nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc của giai cấp nông dân và công nhân ở các nước thuộc địa nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

Thứ hai, đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất là sự sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh. Với mục tiêu đưa tới sự ra đời chính đảng của giai cấp công nhân, “Liên đoàn những người cộng sản” do Mác và Ăngghen xây dựng đã trở thành trung tâm quốc tế đầu tiên lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân các nước, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (3/1848) được coi là “bản khai sinh” của tổ chức quốc tế đầu tiên này, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cùng với sự phát triển về mọi mặt của giai cấp công nhân và yêu cầu mới của cuộc đấu tranh giai cấp, giai cấp công nhân và những người cộng sản trên toàn thế giới đã có nhiều sáng tạo về hình thức tổ chức như Quốc tế I (1864 - 1889), Quốc tế II (1889 - 1914), Quốc tế III (Quốc tế cộng sản 1919 - 1943) sau này đến các hình thức tổ chức quốc tế tương đương như Cục Thông tin quốc tế, Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân quốc tế, Diễn đàn thường niên của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế... Sự phối hợp hành động cách mạng không chỉ được hiểu là những biểu hiện, gần gũi nhất là sự ủng hộ, giúp đỡ, phối hợp hành động giữa giai cấp công nhân của các dân tộc đã được đoàn kết lại như Lênin từng trao nhiệm vụ cho Quốc tế III: “Quốc tế cộng sản còn phải xác định và chứng minh trên lý luận cho một nguyên tắc là: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”²⁰ mà sự phối hợp hành động

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.245.

²⁰ V.I. Le-nin (1976), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr. 294-295.

ấy còn bao gồm cả sự kết hợp cuộc cách mạng của giai cấp công nhân chính quốc với các phong trào dân tộc, dân chủ.

Với Hồ Chí Minh, Mặt trận là một liên minh chính trị nhằm đoàn kết rộng rãi các tổ chức yêu nước vào một khối thống nhất, đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Mặt trận là phương tiện để thực hiện mục đích đoàn kết. Mặt trận dân tộc thống nhất được xây dựng phải đảm bảo hai yêu cầu: Mặt trận phải lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng và phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong liên minh công - nông - trí phải lấy công - nông làm nòng cốt. Để đảm bảo mặt trận phát triển bền vững lâu dài, phải đảm bảo yếu tố cần là có Liên minh công - nông - trí vững chắc; mặt khác, Mặt trận phải đoàn kết với các tầng lớp yêu nước khác để mở rộng tổ chức, mở rộng khối đại đoàn kết, đây là yếu tố đủ. Không những thế, phải có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm tăng cường khối đại đoàn kết trong Mặt trận.

Trong lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam, ở mỗi thời kỳ, Đảng đều tổ chức và xây dựng Mặt trận với nhiều tên gọi khác nhau, như: Hội Phản đế (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955 ở miền Bắc), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960 ở miền Nam). Khi cả nước thống nhất đến nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1976). Nhân mạnh vai trò của Mặt trận với tư cách là một tổ chức để tập hợp lực lượng, Hồ Chí Minh viết: “Đoàn kết trong *Mặt trận Việt Minh*, nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn kết trong *Mặt trận Liên Việt*, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc. Đoàn kết trong *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”²¹.

Thứ ba, Hồ Chí Minh xây dựng được nguyên tắc đoàn kết và phương pháp đoàn kết phù hợp với cách mạng Việt Nam. Về nguyên tắc đoàn kết, Hồ Chí Minh xây dựng bốn nguyên tắc cơ bản. Một là, đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở thống nhất giữa lợi ích của quốc gia dân tộc với quyền lợi cơ bản của các giai tầng trong xã hội; giữa lợi ích dân tộc và quốc tế. Người nhấn mạnh, tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền tự do. Dân tộc Việt Nam có quyền được hưởng tự do, độc lập: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.452.

độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”²², mặt khác: “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”²³. Với Hồ Chí Minh, đoàn kết quốc tế là điều kiện đảm bảo, ổn định của đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, đoàn kết quốc tế phải dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm vào công việc nội bộ của nhau, luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết, phấn đấu vì hòa bình, ổn định và phát triển. *Hai là*, nguyên tắc tin vào dân, dựa vào dân, phấn đấu vì quyền lợi của nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”²⁴. Tin vào dân, dựa vào dân vừa là sự kế thừa, nâng cao tư duy chính trị truyền thống dân tộc “lấy dân làm gốc”, “gốc có vững cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”²⁵ vừa là sự quán triệt nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. *Ba là*, nguyên tắc đoàn kết một cách tự giác, có tổ chức, có lãnh đạo; đoàn kết lâu dài, chặt chẽ. Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà”²⁶. Đoàn kết phải là một tập hợp lâu dài dựa trên nền tảng là khối liên minh công - nông - trí, là khối bền vững của các lực lượng xã hội có định hướng, có tổ chức, có Đảng Cộng sản lãnh đạo. *Bốn là*, đoàn kết phải được xây dựng trên nguyên tắc chân thành, thẳng thắn, thân ái; đoàn kết phải gắn với tự phê bình và phê bình. Hai vấn đề Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm là đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo. Đoàn kết vừa phải có lòng nhân ái, khoan dung: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng của nó hẹp nhỏ...”²⁷, vừa phải có đấu tranh, có phê bình, đó là cơ sở để củng cố đoàn kết: “Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”²⁸. Tự phê bình và phê bình phải chân thành, thẳng thắn, thân ái, có lý, có tình, phê bình việc chứ

²² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.175.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.453.

²⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.502.

²⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.245.

²⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.130

²⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.362.

không phê bình người, có như vậy mới khắc phục được khuyết điểm và phát huy được những ưu điểm.

Về *phương pháp đoàn kết*. Để xây dựng khối đại đoàn kết xã hội tạo động lực cho sự phát triển, theo Hồ Chí Minh, phải nắm vững ba phương pháp cơ bản sau. *Một là, phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục*. Đây là phương pháp đầu tiên, cơ bản nhằm thức tỉnh mọi người tự nguyện tự giác tham gia đoàn kết thành một khối. Tuy nhiên, để tuyên truyền đạt hiệu quả cao nhất cần phải chú ý tới nội dung tuyên truyền và phương pháp tuyên truyền. *Hai là, về phương pháp tổ chức*, theo Hồ Chí Minh cần phải có phương pháp tổ chức khoa học, củng cố, phát triển hệ thống chính trị, bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Trong đó, *Đảng cộng sản*: Là hạt nhân lãnh đạo khối đoàn kết, đề ra được đường lối đoàn kết đúng đắn; Đảng phải đoàn kết, thống nhất cả trong tư tưởng lẫn hành động, từ trên xuống dưới; Đảng phải là một tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, tự giác, thực hiện tốt các nguyên tắc sinh hoạt Đảng kiểu mới; đảng viên “là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”, “phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. *Nhà nước*: Nhà nước là người tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của đời sống xã hội, mỗi chủ trương, chính sách của Nhà nước đều tác động trực tiếp đến cuộc sống, lợi ích, tâm tư, tình cảm của nhân dân. Phải xây dựng Nhà nước thật sự là của dân, do dân, vì dân; không ngừng cải cách bộ máy hành chính và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Cán bộ công chức nhà nước phải tận tụy, trung thành phục vụ nhân dân, phải là “công bộc của dân”. *Mặt trận và các đoàn thể quần chúng*: Là sợi dây gắn kết Đảng với dân. Vì vậy, Cương lĩnh đề ra phải thiết thực, ngắn gọn, rõ ràng; hình thức tổ chức phải phong phú, đa dạng, phù hợp với trình độ nhận thức của quần chúng; Cán bộ phải óc nghĩ, chân đi, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm và đặc biệt, phải làm tốt công tác dân vận. *Ba là, về phương pháp xử lý và giải quyết các mối quan hệ*. Trong cuộc đấu tranh dân tộc, giai cấp, tương quan lực lượng bao giờ cũng được phân định thành ba tuyến: Cách mạng - trung gian - phản cách mạng. *Với lực lượng cách mạng*, phải xây dựng được khối đoàn kết, thống nhất, là điều kiện tiên quyết giúp cho việc thu hút, tập hợp lực lượng trung gian vào trận tuyến cách mạng, cô lập lực lượng thù địch cần khai thác. Muốn vậy, cần phát huy những điểm thống nhất, tương đồng; hạn chế, khắc phục tiến tới xóa bỏ dần những khác biệt giữa các thành viên. *Với lực lượng trung gian*, cần xóa bỏ mọi thành kiến, mặc cảm, cố vũ ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước; chân thành hợp tác, trọng dụng những người có tài, có đức ra giúp dân, giúp nước. *Với lực lượng phản cách mạng*, bên cạnh việc chủ động, kiên quyết đấu tranh trên cơ sở phân hóa cô lập cao độ cũng cần phải chú ý khai thác mâu thuẫn trong nội bộ

kẻ thù, lôi kéo những người có thể tranh thủ được, đồng thời tạm hòa hoãn có nguyên tắc với những lực lượng, bộ phận có thể hòa hoãn được.

III. KẾT LUẬN

Đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, nhân tố cơ bản quyết định sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, từ khi Đảng ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh luôn kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin về đoàn kết, thi hành đường lối đoàn kết nhất quán, đúng đắn, có hình thức tổ chức phù hợp, phát huy được truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc, của quốc tế tạo thành sức mạnh vô địch cho cách mạng. Công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đưa đến sự biến đổi sâu sắc về các giá trị truyền thống, giá trị liên kết cộng đồng trong xã hội. Do đó, việc nghiên cứu tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh chỉ ra việc kế thừa, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cơ sở cho sự phát triển xã hội có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, đúng như Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (được bổ sung, phát triển năm 2011) đã đúc kết một trong những bài học lớn của cách mạng Việt Nam là: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta”²⁹.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1980), *Tuyển tập*, tập 1, tập 3, tập 4, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, tập 5, tập 6, tập 7, tập 8, tập 9, tập 10, tập 11, tập 12, tập 13, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. V.I. Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 2, tập 16, tập 23, tập 30, tập 38, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.66.

NÉT ĐỘC ĐÁO TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

TS. Nguyễn Khắc Trai*

Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Tóm tắt

Tư tưởng về lực lượng cách mạng là một bộ phận và là một bộ phận hợp thành quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng, xuyên suốt cả trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về lực lượng cách mạng vào điều kiện đặc thù của thực tiễn Việt Nam. Bài viết tập trung đi sâu nghiên cứu một số nét độc đáo, sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, lực lượng cách mạng, nét độc đáo.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa thế giới, lãnh tụ thiên tài, vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người đi xa, nhưng Người đã để lại cho dân tộc, cho cách mạng nhiều tư tưởng lớn và có ý nghĩa sâu sắc. Một trong những đóng góp to lớn của Người cho sự thành công của cách mạng nước ta, đó là tư tưởng về lực lượng cách mạng. Tư tưởng của Người về lực lượng cách mạng trở thành nét độc đáo, trên cơ sở kế thừa có chọn lọc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, truyền thống sử dụng lực lượng của dân tộc, nhưng phù hợp với đặc điểm và đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn cách mạng nước ta.

II. NỘI DUNG

Lực lượng là vấn đề chiến lược của cách mạng, là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu cấu thành đường lối cách mạng của Đảng. Lực lượng là yếu tố rất quan trọng, quyết định đến việc thành bại của sự nghiệp cách mạng. Khi bàn về lực lượng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra rằng: Lực lượng cách mạng là một tổng thể bao gồm nhiều yếu tố hợp thành. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết sẽ tập trung làm sáng tỏ nét độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh những vấn đề cơ bản của lực lượng cách mạng trong Cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh luôn xác định lực lượng quan trọng nhất của cách mạng đó là giai cấp công nhân.

Trước, trong và sau Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, Hồ Chí Minh đều nhất quán quan điểm rằng: Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của Quốc tế Cộng sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Càng về sau, nhận thức này của Hồ Chí Minh càng đầy đủ và rõ ràng hơn. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định, cách mạng trước hết cần có Đảng, để trong thì vận động và tổ chức quần chúng, ngoài thì liên hiệp với vô sản và giai cấp bị áp bức mọi nơi, Đảng có vững phải có chủ nghĩa làm cốt. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ Nam. Chủ nghĩa của Đảng Cộng sản chỉ có thể là chủ nghĩa Mác - Lênin; bởi theo Người, thì bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin.

Trong *Sách lược vắn tắt*, tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân được thể hiện rõ nét: "*Đảng là đội tiên phong của giai cấp,.. phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng*"¹. Khi đề cập vấn đề này, trong *Điều lệ tóm tắt* của Đảng đã nói rõ hơn: Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm cách mạng, để tiêu trừ bọn tư bản đế quốc thực hiện xã hội cộng sản. Người vào Đảng phải theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình của Đảng và Quốc tế Cộng sản. Đây chính là những khẳng định rút khoát và rõ ràng về vai trò của lãnh đạo Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam. Mặc dù, sau tháng 10/1930, giữa Hồ Chí Minh và Quốc tế Cộng sản có những bất đồng về một số vấn đề chiến lược cách mạng Việt Nam. Nhưng trong các báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Đông Dương, Hồ Chí Minh luôn luôn khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam là của giai cấp công nhân thông qua Đảng của mình. Điều đó thể hiện rõ nhất trong báo cáo của Việt Nam gửi Quốc tế Cộng sản ngày 12/7/1940, sau khi điềm lại một số hoạt động của các đảng phái ở Việt Nam như: Đảng Lập hiến, Tân Việt Đảng, Quốc dân Đảng. Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Tóm lại, chúng tôi có thể nói rằng, ở Đông Dương chỉ có Đảng Cộng sản là một chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và có quần chúng*"². Trong *Lời kêu gọi* gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và anh chị em bị áp bức, bóc lột sau khi Đảng ra đời, Hồ Chí Minh đã viết: "*Đảng Cộng sản Việt Nam*

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.3.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.200.

đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay, anh chị em chúng ta cần phải ra nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng"³.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là của giai cấp công nhân, là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đây là một quan điểm hết sức đúng đắn và phù hợp với đặc điểm của nước ta, một đất nước có lịch sử và văn hóa lâu đời, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, ra đời trước phong trào công nhân, phong trào yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin trước phong trào công nhân. Quan điểm trên cho phép Đảng được tăng cường lực lượng và sức chiến đấu từ nhiều đối tượng trong xã hội, miễn là họ thừa nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tự nguyện đấu tranh trong hàng ngũ của Đảng, đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Quan điểm trên đã vượt lên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Tư tưởng độc đáo của Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng, thúc đẩy nhanh chóng việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo đảm về số lượng và chất lượng, bảo đảm Đảng đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

Thứ hai, Hồ Chí Minh xác định động lực của cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân, nông dân, trí thức.

Từ sự phân tích đặc điểm xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh trong mọi giai đoạn cách mạng đều xác định “công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối”. Trong *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng, Người đã viết: “Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản”⁴. Theo Người, “*Tính chất cách mạng của ta là cách mạng dân chủ mới, cho nên động lực cách mạng gồm có những giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản*”⁵. Người nhấn mạnh: “Tuyên ngôn của Đảng nói: “Đảng Lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mạng nhất” và “lao động trí óc cần được khuyến khích, giúp đỡ, phát triển tài năng”⁶.

Xây dựng khối liên minh công, nông, trí thức làm lực lượng chủ lực cách mạng của Hồ Chí Minh là kế thừa và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.22.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.4.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.255.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.54.

xây dựng lực lượng cách mạng. C. Mác và Ph. Ăngghen từ lý luận và thực tiễn của phong trào công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX, trực tiếp nhất là cách mạng tư sản Đức năm 1848 và Công xã Pari năm 1871 đã khẳng định: Cuộc cách mạng vô sản hay phong trào công nhân không thể giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ tư bản nếu không có khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, trong đó giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo. Trong Cách mạng tháng Mười Nga, phát triển lý luận của C. Mác, Ph. Ăngghen về tổ chức liên minh công - nông khi nước Nga lúc đó đang tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, V.I. Lênin đã nói đến liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân với binh lính, vận động thành lập các xô viết công nhân, nông dân và binh lính...

Xây dựng khối liên minh công, nông, trí thức làm lực lượng chủ lực cách mạng của Hồ Chí Minh là kế thừa và phát triển sáng tạo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản. Trong thư của Ban Phương Đông gửi Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 13/11/1930 đã chỉ rõ: Động lực của cách mạng Đông Dương là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Đồng thời, trong nhiều văn kiện khác, Quốc tế Cộng sản luôn cho rằng: Giai cấp công nhân và nông dân là động lực chính của cách mạng là vô sản. Hai giai cấp này cũng được Quốc tế Cộng sản đánh giá là lực lượng chính của cách mạng Đông Dương. Thư của Quốc tế Cộng sản gửi Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 03/8/1934 có viết: Động lực chủ yếu của cách mạng là giai cấp vô sản và giai cấp nông nhân. Trong tài liệu đưa ra để thảo luận tại phiên họp của Hội đồng Ban Phương Đông ngày 18/10/1929 có đoạn viết: Những người cộng sản phải luôn chú ý rằng, phong trào phản đế có được sức mạnh thực sự, trở thành phong trào cách mạng thực sự chỉ khi nào ngày càng có đông đảo quần chúng công nông được lôi cuốn vào phong trào ấy và chỉ khi nào có sự tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản và của Đảng Cộng sản trong phong trào ấy. Quốc tế Cộng sản đòi hỏi: *"Những người cộng sản phải hướng sự chú ý chủ yếu của mình vào việc lôi kéo ngày càng đông đảo quần chúng công nông vào phong trào phản đế, phải ra sức phát triển theo hướng đó"*⁷. Như vậy, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản chưa đề cập đến sự liên minh giai cấp công nhân, nông dân và trí thức, mà phần lớn đề cập đến liên minh công nông.

Theo Hồ Chí Minh xây dựng khối liên minh công, nông, trí thức là sự phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta. Dân tộc Việt Nam luôn coi trọng trí thức, trí thức là “vốn liếng quý báu của dân tộc”, là sự tiếp nối truyền thống của dân tộc Việt Nam, “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, coi trọng sức mạnh vô tận của trí tuệ con người và

⁷ *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.601.

sức mạnh lớn lao của một dân tộc giàu tri thức. Thực tế lịch sử chứng minh, khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, trí thức là tầng lớp có số lượng khiêm tốn trong xã hội, nhưng luôn đi đầu, là ngòi nổ trong các phong trào đấu tranh chống Pháp, bảo vệ độc lập, hoặc đòi lại quyền dân tộc, tự chủ. Trí thức cũng là những người đi tiên phong trong việc tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại, đón nhận những luồng tư tưởng mới, tiến bộ từ bên ngoài, thực hiện tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân. Mặc dù, trí thức đa số xuất thân từ các thành phần phú nông, địa chủ, phong kiến, tư sản. Nhưng Hồ Chí Minh đã coi trí thức cùng với công nhân và nông dân là chủ lực của cách mạng, vì trí thức Việt Nam đều bị đế quốc áp bức. “Tất cả những người trí thức nào có đôi chút tiếng tăm đều bị đưa đi đày. Tất cả các trường tư thục đều bị đóng cửa và tất cả các sách báo nước ngoài đều bị cấm”. Người chỉ ra hai yếu tố tích cực của trí thức Việt Nam: “Có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng” và nhận xét: “*trí thức có học thức, dễ có cảm giác chính trị. Họ không trực tiếp bóc lột lao động. Vì vậy, họ dễ tiếp thu sự giáo dục cách mạng và cùng đi với công nông*”⁸.

Thứ ba, Hồ Chí Minh luôn nhận thức đúng và đánh giá cao khả năng tham gia của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Đây là một nét độc đáo, đặc sắc và sáng tạo trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng ở Việt Nam. Hồ Chí Minh không chỉ dựa trên sự phân tích về quan hệ sản xuất, mà còn rất chú trọng xem xét thái độ của các giai cấp đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, chính chủ nghĩa dân tộc đã thúc giục người An Nam bao gồm cả các nhà tư bản, cả một số người đứng đầu chế độ phong kiến như Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân cũng nổi dậy chống thực dân Pháp. Chính từ sự nhìn nhận sát thực và sáng tạo đó, Hồ Chí Minh xem xét hai giai cấp đối lập với giai cấp công nhân và nông dân, tức giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ. Điểm độc đáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh khi xem xét, đánh giá giai cấp tư sản và địa chủ, Người đã đánh giá một cách khách quan, cụ thể bản chất của hai giai cấp đó mà không bị rơi vào “*vơ đũa cả nắm*”. Về lợi ích kinh tế thì cả tư sản và địa chủ là những giai cấp bóc lột, đối lập với giai cấp công nhân và nông dân. Nhưng xét trên bình diện lớn hơn đó là lợi ích quốc gia dân tộc, trước hết là độc lập dân tộc thì tư sản, địa chủ là những giai cấp không thuần nhất. Một bộ phận đi hẳn với thực dân, đế quốc, trong khi một bộ phận khác có thể đồng hành với giai cấp công nhân và nông dân, đồng hành cùng dân tộc. Hồ Chí Minh cho rằng: “*Họ tuy hai mà một, một mà hai*”⁹. Đây chính là cơ sở để Hồ Chí Minh đề ra đối sách phù hợp với từng bộ phận.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.258.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.195.

Trước hết, đối với giai cấp tư sản: Hồ Chí Minh chia giai cấp tư sản thành hai loại, tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Trong đó, tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc, phong kiến, đây là đối tượng mà cách mạng cần đánh đổ. Tư sản dân tộc hay "*tư sản bản xứ*" không có thế lực gì, thì Hồ Chí Minh chỉ rõ: Trong tư sản dân tộc không có ai làm chủ nhà máy hoặc nhà hàng lớn. Họ chỉ là chủ xưởng nhỏ như xưởng mộc, xay xát lúa gạo, xưởng in, nên thế và lực của họ yếu ớt. Một mặt họ oán người Pháp, mặt khác khi phong trào công nhân lên mạnh, họ sợ cách mạng. Từ đó Hồ Chí Minh chủ trương: Đảng phải có thái độ khôn khéo, mềm dẻo, phải hết sức lôi kéo họ, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần, chí ít là trung lập họ. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Tránh hết sức đề họ ngoài mặt trận, và như vậy là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là tăng thêm lực lượng cho chúng.

Đối với giai cấp địa chủ. Về mặt lý thuyết thì đây chính là đối tượng của cách mạng giải phóng dân tộc, cần phải đánh đổ, nhưng Hồ Chí Minh lại là một trong số ít những nhà chính trị, lãnh tụ cộng sản nhìn nhận, đánh giá giai cấp địa chủ ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam rất độc đáo. Tháng 01/1924, Người đã nhận định rằng, địa chủ ở Trung Quốc gồm hai lực lượng: Địa chủ hạng lớn, địa chủ hạng vừa. Khi xem xét giai cấp địa chủ ở Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận định: Có một bộ phận có thể đồng hành cùng dân tộc trong cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, giai cấp địa chủ bao gồm: Đại địa chủ, bộ phận này về kinh tế cũng như chính trị đều đứng hẳn về phe đế quốc, là những lực lượng phản động. Vì vậy, trong *Sách lược vắn tắt* của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng phải đánh trực tiếp đại địa chủ. Đối với phú nông, trung và tiểu địa chủ thì cần khôn khéo phát động và phát huy tinh thần dân tộc của họ, chí ít là trung lập họ. Như vậy, quan điểm của Hồ Chí Minh đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ gần giống với bộ phận tư sản dân tộc.

Đối với tiểu tư sản. Hồ Chí Minh cho rằng, ở Việt Nam thì thương nghiệp lớn đã nằm trong tay người Pháp, nhỏ hơn thì nằm trong tay Hoa kiều. Người Việt chỉ buôn bán nhỏ, họ không ngoi lên được do bị chèn ép và phải chịu các loại thuế rất nặng nề. Do đó, họ rất căm ghét người Pháp, đồng tình với cách mạng. Chính từ sự phân tích khách quan, khoa học trên, Hồ Chí Minh đã vạch rõ: Đảng phải lôi kéo tiểu tư sản,... về phía giai cấp vô sản.

Cách xem xét, đánh giá các giai cấp, tầng lớp của Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, cho phép phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tinh thần dân tộc, chủ nghĩa dân tộc, tiềm ẩn trong từng giai cấp và tầng lớp cũng như cá nhân mỗi con người vào sự nghiệp chung là giải phóng dân tộc.

Về lực lượng quốc tế ủng hộ, giúp đỡ cách mạng Đông Dương: Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu giai cấp công nhân phải đoàn kết quốc tế, nhằm tận dụng tối đa nguồn sức mạnh bên trong kết hợp với sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc tế, nguồn lực từ bên ngoài. Thấm nhuần quan điểm đó, ngay từ khi chưa trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh đã có những quan điểm mang tính mácxít về vai trò của nhân tố quốc tế. Những nhận thức đó được Người phát triển trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Lực lượng quốc tế chủ yếu ủng hộ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền được Hồ Chí Minh nói tới bao gồm:

Đối với quốc tế cộng sản: Hồ Chí Minh luôn gắn niềm tin của mình vào chủ nghĩa chủ nghĩa Mác - Lênin và Quốc tế Cộng sản ở cùng một thời điểm. Tháng 7/1920, khi Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Từ đó đến năm 1940, Hồ Chí Minh luôn đề cập đến vấn đề Quốc tế Cộng sản cần và phải giúp đỡ Việt Nam nhiều hơn nữa. Theo Hồ Chí Minh, tầm quan trọng của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam không chỉ là những vấn đề chủ trương, đường lối, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mà còn là vấn đề trước tiên mọi cuộc cách mạng cần phải có, đó chính là việc thành lập Đảng Cộng sản. Trong điều kiện thuộc địa thiếu thốn và ở thời kỳ đầu khi Đảng ta mới ra đời, sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản càng cần thiết. Ngay từ những việc tưởng chừng như rất nhỏ như cung cấp các loại sách báo ABC về chủ nghĩa cộng sản. Trong thư gửi Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản vào tháng 01/1935, Hồ Chí Minh nhận thấy có trách nhiệm báo cáo với Ban một vấn đề bức thiết của Đảng Cộng sản Đông Dương, đó là tình trạng: đại đa số các đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp. Học không hiểu cách mạng dân chủ tư sản là gì. Hồ Chí Minh thẳng thắn gọi đó là sự ngu dốt. Người cho rằng, biện pháp duy nhất có hiệu quả để khắc phục tình trạng trên là Ban Phương Đông cần xuất bản và cung cấp cho những người cộng sản Đông Dương những quyển sách nhỏ viết về các vấn đề như: Tuyên ngôn Đảng Cộng sản; Đảng Cộng sản và tổ chức của Đảng; lịch sử Quốc tế Cộng sản; vấn đề dân tộc; vấn đề ruộng đất; khởi nghĩa vũ trang. Từ đó, Hồ Chí Minh kết luận: An Nam muốn cách mệnh thành công, thì nhất thiết phải nhờ đê tam quốc tế.

Đối với Liên bang Xô viết: Trước và sau khi thành lập Đảng, Hồ Chí Minh sống và làm việc ở Liên Xô hơn 10 năm. Do đó, Người thấu hiểu và luôn nhấn mạnh vai trò và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam. Trước hết đó là tấm gương sáng cho các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam noi theo. Cách mạng tháng

Mười Nga là cuộc cách mạng đã thành công và thành công đến nơi: Đuổi được bọn tư bản, địa chủ, ra sức giúp đỡ công nông các nước và các dân tộc thuộc địa làm cách mạng để đập đổ tất cả đế quốc và tư bản trên thế giới. Từ những năm 1920 của thế kỷ XX trở đi, Hồ Chí Minh có nhiều bài viết về vai trò to lớn của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi thành lập Đảng, Hồ Chí Minh tự đặt cho mình nhiệm vụ viết một cuốn sách để nói cho người Việt Nam biết về đất nước của Lênin. Hồ Chí Minh viết thư gửi các đồng chí Liên Xô kèm theo đề cương cuốn sách. Sự kiện trên càng chứng tỏ tầm quan trọng về sự giúp đỡ của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam.

Đối với Trung Quốc: Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam, đã thành lập được Đảng Cộng sản vào năm 1921, trở thành chỗ dựa quan trọng của cách mạng Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam là một nước thuộc địa, không những mọi hoạt động cộng sản mà cả những hoạt động tự do, dân chủ tối thiểu cũng bị cấm, nên việc dựa vào Trung Quốc để phát triển cách mạng là rất quan trọng. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX đến trước khi về nước (tháng 01/1941), Hồ Chí Minh có rất nhiều bài viết đề cập đến sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Sự giúp đỡ của hai nước đối với nhau theo Hồ Chí Minh, giúp bạn là tự giúp mình.

Đối với Pháp thì sự giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Pháp là sự giúp đỡ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc, giữa hai nước có cùng chung một kẻ thù trực tiếp đó là chủ nghĩa tư bản Pháp. Mối quan hệ đã được Hồ Chí Minh nhắc đến bằng hình tượng rất sinh động: "*Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết chết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra*"¹⁰. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp đối với Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong *Sách lược văn tắt* của Đảng, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp*"¹¹.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, nét độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng, là cơ sở quan trọng để thúc đẩy việc hình thành và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam về số

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 320

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.4.

lượng và chất lượng. Góp phần vào xây dựng lực lượng chủ lực của cách mạng, tranh thủ triệt để các lực lượng có thể tranh thủ được như giai cấp tư sản dân tộc, giai cấp địa chủ vừa và nhỏ, tầng lớp trí thức, giai cấp tiểu tư sản và các lực lượng cách mạng quốc tế, tạo nên lực lượng cách mạng hùng mạnh. Quán triệt nét độc đáo tư tưởng của Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng có ý nghĩa quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005) *Tập mô hình hóa kiến thức cơ bản của giáo trình các bộ môn khoa học Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*, tập 2, (Tài liệu dùng cho lớp tập huấn giảng viên các môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các trường đại học, cao đẳng).
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Đại học Sài Gòn, TS. Võ Văn Lộc (Biên soạn, tuyển chọn và giới thiệu) (2011), *Tài liệu nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội, PGS.TS. Đinh Xuân Lý - PGS.TS. Phạm Ngọc Anh (2008), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị,.
6. GS.TS. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh con người của sự sống* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. GS. Trần Nhâm (2011) *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO ĐIỀU KIỆN THỰC TIỄN VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Nga

Trường Đại học Nguyễn Huệ - Bộ Quốc phòng

Tóm tắt

Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một bộ phận quan trọng trong hệ tư tưởng của Hồ Chí Minh, được hình thành và phát triển cùng với toàn bộ quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của Người. Đây là vấn đề cốt lõi, cũng là sự kết tinh, tỏa sáng nhằm hiện thực hóa ước mơ hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã được nâng lên tầm cao mới: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Nó thể hiện sự vận dụng trung thành sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn Việt Nam và trở thành mục tiêu xuyên suốt chỉ đạo toàn bộ tiến trình cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết tập trung làm rõ vấn đề trên.

Từ khóa: Chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng.

I. MỞ ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được hình thành từ rất sớm. Chứng kiến thất bại của các vị yêu nước tiền bối trong nỗ lực tìm đường cứu nước và cảnh nhân dân sống khổ cực, lầm than những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, người thanh niên ưu tú Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Sau bao năm xông pha, hòa mình vào cuộc sống lao động và đấu tranh của nhân dân nhiều nước, hoạt động sôi nổi trong phong trào công nhân quốc tế, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản. Theo Người, trong thời đại ngày nay “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹. Và “... chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”². Những khẳng định và kết luận này của Hồ

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.30.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.563.

Chí Minh được rút ra từ logic phát triển của cuộc hành trình tư tưởng và hoạt động thực tiễn của Người, với sự dẫn đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự tác động tích cực của thời đại mới được bắt đầu từ thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga cùng với những ảnh hưởng sâu sắc mà Người tiếp nhận được từ truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của Việt Nam, Người đã mở đường cho sự phát triển mới của nước ta, đặt cách mạng Việt Nam vào quỹ đạo cách mạng vô sản; đã chấm dứt cuộc khủng hoảng hệ tư tưởng, sự bế tắc về đường lối của các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta đầu thế kỷ XX.

II. NỘI DUNG

2.1. Khẳng định chủ nghĩa xã hội - con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam - sự vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội vào điều kiện thực tiễn nước ta của Hồ Chí Minh

Ngay từ năm 1921, sau khi chỉ ra những hình thức bóc lột, đàn áp dã man, tàn bạo của bọn thực dân đối với người bản xứ, khẳng định tinh thần cách mạng mãnh liệt của nhân dân các nước Đông Dương, Hồ Chí Minh đã đi đến kết luận: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng mà thôi”³.

Theo Người, chủ nghĩa xã hội là sự phát triển tất yếu không chỉ đối với các nước đã qua chủ nghĩa tư bản mà cả đối với Việt Nam, một nước nông nghiệp lạc hậu. Khẳng định này dựa trên cơ sở khoa học từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa; về khả năng và triển vọng của các dân tộc phương Đông. Trong những điều kiện lịch sử mới, Lênin đã phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của Mác - Ăngghen để luận chứng một cách toàn diện khả năng đi tới chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa có nền kinh tế lạc hậu, kém phát triển. Từ những luận điểm cơ bản đó, Người đã nhận thức một cách sâu sắc rằng, trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản tới chủ nghĩa xã hội, mục tiêu độc lập dân tộc chỉ có thể thực hiện được một cách triệt để khi cách mạng dân tộc dân chủ gắn liền với cách mạng xã hội chủ nghĩa do đảng của giai cấp công nhân, theo chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo, đưa đất nước tiến tới chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là con đường bảo đảm thực sự và vững chắc cho độc lập dân tộc, mở ra triển vọng phát triển tốt đẹp cho xã hội Việt Nam phù

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.40.

hợp với xu thế chung của lịch sử thế giới hiện đại. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa như Việt Nam, đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính chung - phổ biến với tính riêng - đặc thù của các nguyên lý, các quy luật cách mạng, vận dụng và phát triển nó một cách sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam. Do đó, đối với chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vấn đề không dừng lại ở nhận thức lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà điều quan trọng và có ý nghĩa thiết thực hơn là xác định để có những bước đi, tìm tòi sáng tạo những biện pháp, cách làm phù hợp với Việt Nam để cho bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân, đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người lao động. Chỉ như vậy, chủ nghĩa xã hội mới thực sự trở thành sự nghiệp của nhân dân lao động, do chính bản thân họ thực hiện, vì hạnh phúc của chính họ. Nguồn động lực căn bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội là ở chỗ đó.

Đánh giá vị trí lịch sử và khả năng xã hội của các cuộc cách mạng dân chủ tư sản, đặc biệt là cách mạng Pháp 1789 và cách mạng Mỹ 1776, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra rằng, các cuộc cách mạng đó đều là cách mạng tư sản và là những cuộc cách mạng không triệt để. Người chỉ rõ: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi mà nay công nông Pháp vẫn còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”⁴.

Khác hẳn với cách mạng Pháp và Mỹ, Người đánh giá cao Cách mạng tháng Mười Nga (1917) là cuộc cách mạng triệt để, nằm trong dòng chảy liên tục của quá trình giải phóng con người. Xét về bản chất, nó là cuộc cách mạng nổi trội, vượt xa và khác hẳn về chất so với các cuộc cách mạng đã từng xảy ra trong lịch sử trước đó. Người viết: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do, bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới”⁵. Từ sự so sánh này đã dẫn Hồ Chí Minh đến nhận thức đúng đắn cho việc lựa chọn con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là không còn con đường nào khác con đường Cách mạng tháng Mười. Vì thế, ngay từ năm 1930,

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 296.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.304.

phong trào cách mạng đã phát triển mạnh mẽ qua các thời kỳ khác nhau và trở thành một phong trào hiện thực xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, giành độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội, không chấp nhận chế độ tư bản chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn chính trị tự nguyện của tuyệt đại bộ phận nhân dân và các dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại.

Với những thành quả lịch sử như Cách mạng tháng Tám năm 1945, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã nêu lên một nguyên lý mới của thời đại. Đó là chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại tại vùng ngoại vi, trước khi nó bị đánh bại tại quê hương của nó. Sau những trận thử sức này, nhân dân Việt Nam, hơn ai hết hiểu rõ thực chất của chủ nghĩa tư bản, nên không thể không tìm kiếm con đường phát triển đất nước bỏ qua chế độ đó.

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, sau năm 1954, miền Bắc đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Người đã cùng Đảng ta chủ trương đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa trở thành hậu phương vững chắc, thành một chế độ chính trị ưu việt, bảo đảm cho nhân dân ta đánh thắng đế quốc Mỹ - một đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, trong khoảng 10 năm (1975 - 1986), tình hình kinh tế - xã hội của nước ta gặp không ít khó khăn. Cộng thêm với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Có nhiều người lung lạc và phai nhạt niềm tin về chủ nghĩa xã hội, đòi xem xét lại con đường chúng ta đang đi. Có người muốn dừng lại ở chế độ dân chủ nhân dân, có ý kiến lại muốn đưa nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa... Tất cả những khuynh hướng sai trái đó, đều đi ngược lại với tư tưởng Hồ Chí Minh và đã được Đảng ta phê phán uốn nắn, chỉ rõ: Đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng của Bác Hồ, của Đảng ta và nhân dân ta.

2.2. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác vào thực tiễn Việt Nam

Các nhà sáng lập ra học thuyết Mác - Lênin, trong khi nhấn mạnh tính khách quan của sự vận động lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã đề cập tính tất yếu của thời kỳ quá độ. Điều này đã được Mác chỉ ra trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta*. Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và Nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì

khác hơn nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản”⁶. Thực chất là Mác nói con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước tư bản phát triển cao, cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội đã được chủ nghĩa tư bản chuẩn bị tương đối đầy đủ.

Kế thừa tư tưởng của Mác, trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác về vấn đề Nhà nước*, Lênin đã khái quát tư tưởng của Mác và nêu ra luận điểm “những cơn đau đẻ kéo dài” - tức thời kỳ quá độ. Sau này, trong các tác phẩm khác, Lênin tiếp tục bảo vệ và phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen, phân tích và luận chứng ngày càng sâu sắc về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt là với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã làm cho lý luận về thời kỳ quá độ có sự phát triển mới. Cái mới đó được thể hiện ở chỗ cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra trước tiên ở nước Nga, một nước tư bản trung bình, với xuất phát điểm thấp hơn các nước tư bản Tây Âu về kinh tế và văn hoá. Đặc biệt là giai cấp công nhân Nga chiếm tỷ lệ còn thấp trong dân cư và nước Nga cách mạng còn đang phải vận động trong một biển những người tiểu nông. Vì vậy, theo Lênin, nước Nga bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ lịch sử tương đối dài, nó cần phải thực hiện những bước qua độ nhỏ, những nhịp cầu, những hình thức kinh tế trung gian để dần dần lôi cuốn nhân dân Nga, mà đa số là tiểu nông, đi lên chủ nghĩa xã hội. Lênin viết: “Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay, chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ”⁷.

Vận dụng lý luận về cách mạng vô sản, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã xuất phát từ đặc điểm của tình hình thực tiễn Việt Nam, một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu nên đã khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là: *Tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội* (quá độ lên chủ nghĩa xã hội), chứ không thể làm ngay cuộc cách mạng vô sản, thiết lập chuyên chính vô sản và bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như ở các nước tư bản phát triển.

Nếu như Mác - Ăngghen chủ yếu đề cập phương thức quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao lên chủ nghĩa xã hội. Đến Lênin đề cập cả hai loại hình quá độ, nhưng ở loại hình sau, ông cũng chỉ mới nêu lên ở dạng khái quát, mang tính định hướng lý luận chung; còn Hồ Chí Minh đã căn cứ vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam để xây dựng quan niệm và lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp ở một nước chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội và những tìm tòi lý luận của Người gắn liền với

⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

⁷ V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.266.

loại hình quá độ này ở Việt Nam. Đây có thể được coi là một đóng góp đặc sắc của Hồ Chí Minh về lý luận thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã diễn ra theo đúng tư tưởng đó. Ngay từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn dân ta đã tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc lâu dài vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chúng ta đã giành được độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, chế độ dân chủ nhân dân về cơ bản được xây dựng. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng Việt Nam tất yếu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1954, và trong cả nước từ năm 1975. Như vậy, nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở cơ bản đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đã được xây dựng và phát triển.

Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người chỉ rõ: “Đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”⁸. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Về biện pháp thực hiện theo Hồ Chí Minh, cách mạng đòi hỏi phải có một chuyển biến sâu sắc về tư tưởng và nhận thức, có những chính sách, những biện pháp và công tác tổ chức phù hợp với tình hình mới. Trước hết, phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng phải thực sự chuyển biến về chức năng và tổ chức phù hợp với nhiệm vụ lãnh đạo của giai đoạn mới; bên cạnh đó, phải tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Theo Người, tất cả các cơ quan nhà nước phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân. Phải xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, trở thành nhà nước của dân, do dân, vì dân, đủ năng lực uy tín quản lý đất nước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, nhằm phát

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.411-412.

huy tính tích cực và sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc nhà nước. Đồng thời, tiếp tục củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất theo tinh thần: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁹. Toàn dân ở đây cần hiểu là bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc, không trừ một ai, một lực lượng nào, ngoại trừ bọn phản động chống lại chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại đường lối xã hội chủ nghĩa, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta... Và phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực xây dựng kinh tế, Hồ Chí Minh chỉ rõ, phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Người viết: Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta hiện nay. “Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác nào gió vào nhà trống”¹⁰. Người chủ trương phát triển cả nông nghiệp và công nghiệp, lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Cụ thể, đối với các thành phần kinh tế, Người chủ trương phải phát triển thành phần kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội và thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước đặc biệt khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ cho nó phát triển. Đối với người làm nghề thủ công và lao động khác, Nhà nước phải bảo hộ quyền sở hữu, phải hướng dẫn và giúp đỡ họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường làm ăn hợp tác xã. Còn những nhà tư sản công thương, vì họ tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ, đã có đóng góp nhất định trong khôi phục, phát triển kinh tế và sẵn sàng tiếp thu cải tạo để góp phần xây dựng nhà nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội... Cho nên, Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và tài sản khác của họ, mà ra sức hướng dẫn, giúp đỡ họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kế hoạch kinh tế nhà nước; khuyến khích, động viên họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác.

Như vậy, về mặt kinh tế, Hồ Chí Minh đã chú ý phát triển kinh tế nhiều thành phần, với các hình thức khác nhau, với những chủ trương, chính sách cụ thể cho từng thành phần kinh tế, nhằm tạo ra động lực kinh tế mạnh mẽ trong xây dựng chủ nghĩa xã

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.617.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.70.

hội. Bên cạnh đó, Người còn nhấn mạnh vai trò của văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo Người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức, cho nên cần phải học cả văn hoá, chính trị, kỹ thuật. Người nói: Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn đưa loài người đến hạnh phúc vô tận. Người coi trọng nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài. Người đề ra xây dựng nền văn hóa tiên tiến, giữ vững và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Về bước đi và phương thức, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh nhắc nhở phải học tập kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, phải tiến hành từng bước vững chắc từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội.

Từ những nghiên cứu trên cho chúng ta thấy rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm những vấn đề rất cơ bản về chiến lược và sách lược, phương hướng bước đi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trên cơ sở vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các đảng anh em vào thực tiễn. Thực tế những thành bại trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trước đây và trên cả nước sau này, đều đã chứng minh những quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển tư tưởng của Người về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay là vấn đề rất thiết thực, vừa cơ bản, vừa cấp bách.

III. KẾT LUẬN

Khước từ những con đường cứu nước của các bậc tiền bối theo khuynh hướng phong kiến và tư sản, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã Tây du đi tìm con đường cứu nước mới. Trong hành trình đó, từ chủ nghĩa yêu nước Người đã đến với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin. Ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tìm thấy con đường giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân. Trên cơ sở nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, qua quá trình hoạt động thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã phát triển những lý luận về chủ nghĩa xã hội một cách sáng tạo trong điều kiện xã hội thuộc địa, đề xuất một hệ thống quan điểm cơ bản về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam. Tất cả những quan điểm này đã được lịch sử thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm và Cách

mạng tháng Tám (1945), thành tựu hơn 30 năm đổi mới đất nước là một minh chứng sinh động nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, con đường cách mạng Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. V.I. Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 42, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO VIỆT NAM

ThS. Vũ Thị Thu Hà
Trường Đại học Thương mại

Tóm tắt

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, người có công lao to lớn, quan trọng trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam của Người thể hiện trên nhiều bình diện, nhiều chủ đề. Bài viết trực tiếp tiếp cận sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Người vào Việt Nam trên các vấn đề: Cách mạng thuộc địa; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về đại đoàn kết; về Đảng Cộng sản; về lựa chọn Nhà nước.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển sáng tạo, chủ nghĩa Mác - Lênin.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những di sản tư tưởng vô cùng to lớn. Đại hội VII của Đảng (6/1991) với tinh thần đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh đã bước đầu đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng ta và của cả dân tộc”¹. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) tiếp tục khẳng định một cách đầy đủ hơn: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và điều kiện cụ thể của nước ta...”². Như vậy, ngoài khẳng định Hồ Chí Minh vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta còn khẳng định, Hồ Chí Minh là người phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.127.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.83.

II. NỘI DUNG

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, sáng tạo là tạo ra những giá trị mới về vật chất và tinh thần, là tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, không bị gò ép, phụ thuộc vào cái đã có. Theo đó, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin cần được hiểu là Hồ Chí Minh vừa có những tư tưởng mới, cách làm mới chưa hề có trong học thuyết Mác - Lênin vừa có những quan điểm trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng không phụ thuộc, rập khuôn theo nền tảng đó.

Bí quyết sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh là dựa trên chính những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, lý luận phải gắn liền với thực tiễn, thực tiễn làm sinh động, phong phú thêm cho lý luận. Nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin tập trung nghiên cứu và giải quyết những vấn đề cơ bản của các nước tư bản thì Hồ Chí Minh cơ bản nghiên cứu và giải quyết vấn đề cách mạng của các nước thuộc địa mà cụ thể là Việt Nam.

2.1. Phát kiến của Hồ Chí Minh chính là vấn đề cách mạng thuộc địa

C. Mác - Ăngghen, Lênin và Quốc tế Cộng sản đã từng đưa ra những quan điểm mang tầm định hướng - mở ra một thời đại mới cho các dân tộc thuộc địa khi cho rằng: cách mạng thuộc địa có mối quan hệ mật thiết với cách mạng vô sản ở chính quốc, cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc. Tuy nhiên, vai trò thực sự của cách mạng thuộc địa là gì thì các ông chưa có điều kiện khám phá. Hồ Chí Minh đã là sâu sắc hơn, sáng tạo hơn luận điểm này khi bàn về châu Á đau khổ. Vai trò của cách mạng thuộc địa chính là cần chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc đồng thời giúp đỡ cách mạng ở chính quốc trong nhiệm vụ giải phóng. Người viết: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”³. Tại sao Hồ Chí Minh lại có luận điểm sáng tạo như vậy? Đơn giản vì hơn ai hết Người hiểu sâu sắc vấn đề dân tộc thuộc địa. Người phát hiện ra thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, đây là nơi duy trì sự tồn tại, sự phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc. Hồ Chí Minh chỉ ra: “... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”⁴. Bên cạnh đó, thuộc địa cũng là nơi bị áp bức nặng nề nhất nên tinh thần

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.287.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.296.

đấu tranh cách mạng của nhân dân thuộc địa sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn, gay gắt hơn ở các nước chính quốc. Hồ Chí Minh khẳng định: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁵. Thuộc địa cũng là nơi chứa nhiều mâu thuẫn của thời đại hơn ở chính quốc. Ở các nước thuộc địa, chủ nghĩa đế quốc không chỉ đối mặt với một giai cấp mà là cả một dân tộc với ý thức dân tộc quật cường. Do đó, thuộc địa là khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc. Vì thế, cách mạng nổ ra ở đây dễ thành công hơn ở chính quốc. Nhận định đầu tiên của Hồ Chí Minh về vai trò và khả năng của cách mạng thuộc địa là công trình phân tích về thuộc địa vượt xa tất cả những gì mà các nhà mácxít đã nói đến thời điểm đó. Có thể nói, Hồ Chí Minh đã soạn thảo một trường lý luận đầy uy tín không thể chối cãi được để giải phóng các dân tộc bị áp bức.

2.2. Nét riêng không hoàn toàn rập khuôn chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong nửa đầu của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội tồn tại trên cả bình diện lý luận và thực tiễn nhưng chủ yếu là ở châu Âu. Theo Mác và Ăngghen, chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời ở những nước tư bản phát triển, Lênin tiếp tục khẳng định: chủ nghĩa xã hội thắng lợi ít nhất cũng phải ở một nước tư bản (kể cả tư bản trung bình)⁶. Tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh, châu Âu không phải là toàn nhân loại và “chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁷. Đây chính là nét sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội. Cơ sở của luận điểm này là vì ở các nước châu Á, từ rất sớm (sớm hơn châu Âu) đã hình thành những quan điểm mang tính chất xã hội chủ nghĩa, tương đồng, gần gũi với chủ nghĩa xã hội hiện đại như chế độ công điền, tư tưởng dân vi quý, sự bác ái, công bằng tài sản, xã hội đại đồng. Hơn nữa, ở các nước châu Á, do nền sản xuất nông nghiệp nên từ rất sớm con người đã có nhu cầu hợp tác, liên kết với nhau trong quá trình sản xuất. Đây là lý do tại sao sau miền Bắc khi giành độc lập lại tiếp tục tiến lên xây dựng ngay chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên, Hồ Chí Minh và Đảng ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự sáng tạo này của Hồ Chí Minh đã được một giáo sư Nhật

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

⁶ Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.189.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

Bản đánh giá là một trong những cống hiến quan trọng và Đảng Lao động Việt Nam là đảng đầu tiên trong đảng mácxít trên thế giới áp dụng lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi vẫn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Lý luận về chủ nghĩa xã hội qua là một viên ngọc quý nhất được khám phá trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ đặc điểm riêng của nước ta, quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa lại bị chiến tranh tàn phá, đất nước còn chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác,... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁸. Con đường Hồ Chí Minh lựa chọn là con đường tiến hành công nghiệp hóa tự giác, chọn điểm khởi đầu từ phát triển nông nghiệp toàn diện nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm cho nhân dân, sau đó phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của người dân rồi cuối cùng mới đến công nghiệp nặng. Bước đi để thực hiện sự nghiệp này là cùng với việc phát triển tuần tự, dần dần, đảm bảo lôgic khách quan, không đốt cháy giai đoạn là việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội đảm bảo yêu cầu hợp quy luật và hợp lòng dân. Đây là nét đặc sắc riêng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là con đường khác đi lên chủ nghĩa xã hội qua lăng kính của chủ nghĩa Mác - Lênin.

2.3. Điểm mới trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh

Sẽ không có gì là sai khi khẳng định rằng vấn đề đoàn kết đã được các bậc tiền bối trước Hồ Chí Minh bàn đến một cách thấu đáo. Thắng lợi của Lê Lợi, Quang Trung,... là những bài học to lớn về đoàn kết trong truyền thống dân tộc. Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga là biểu hiện trọn vẹn sức mạnh đại đoàn kết. Tuy nhiên, đến Hồ Chí Minh tư tưởng đại đoàn kết vẫn mang một luồng gió mới. Người đã bù đắp những thiếu hụt về vấn đề đoàn kết trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là cơ sở lịch sử thuộc địa và phương Đông. Khẩu hiệu đoàn kết của Mác: Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại, khẩu hiệu của Lênin: Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại. Như vậy, Mác - Lênin chỉ thấy được mối liên minh giữa giai cấp vô sản với các dân tộc thuộc địa chứ không am tường thuộc địa như Hồ Chí Minh. Cách mạng tháng Mười Nga chỉ đoàn kết công - nông - binh mà thiếu vắng bóng địa chủ, tư sản. Hồ Chí Minh đã lấy công - nông làm gốc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tất cả những ai tự nhận mình là con Lạc, cháu Hồng tức con dân nước Việt, có lòng yêu nước Việt, có kẻ thù chung, có khát vọng giành độc lập dân tộc, tự do cho đất nước đều tham gia vào khối đại đoàn kết toàn dân. Cách mạng tháng Tám là cuộc cách mạng

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.391.

không tiêu diệt tầng lớp nào thậm chí còn sử dụng những quan lại phong kiến yêu nước tham gia Mặt trận Việt Minh chẳng hạn như Bảo Đại được mới là Cố vấn Chính phủ lâm thời, Huỳnh Thúc Kháng được cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Sự phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh về đoàn kết đã khắc phục được sự thiếu hụt về lý luận khoa học trong tư tưởng đoàn kết truyền thống. Nếu chỉ có lòng yêu nước, khát vọng độc lập, tự do, ý chí căm thù giặc thù thì chưa đủ làm nên những thắng lợi vĩ đại mà cần phải có một lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường.

2.4. Những sáng tạo của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản

Lịch sử dân tộc Việt Nam mãi mãi không bao giờ quên công lao to lớn của Hồ Chí Minh trong việc sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam. Bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị chính là sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, sự chuẩn bị đường lối cách mạng thông qua tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* và tác phẩm *Đường Kách mệnh*. Điểm đáng chú ý nhất là sự ra đời Hội Việt Nam cách mạng thanh niên - tổ chức tiền thân của Đảng. Hồ Chí Minh đã xây dựng một hệ thống lý luận mang dấu ấn học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng của Người để truyền bá vào Việt Nam, đó là: Bản chất của chủ nghĩa thực dân, mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản, vai trò Đảng, lực lượng cách mạng, chiến lược và con đường cách mạng... Nhờ đó mà phong trào công nhân đã chuyển từ tự phát lên tự giác, phong trào yêu nước dần dần chuyển sang phong trào yêu nước triệt để. Như vậy, với quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam thì thực chất sự ra đời của Đảng ở Việt Nam, ngoài yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân còn có cả phong trào yêu nước. Tầm nhìn của Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng là ở chỗ thấy được vai trò to lớn của phong trào yêu nước - một yếu tố trường tồn trong lịch sử dân tộc. Ở Việt Nam, ngay cả khi có phong trào công nhân thì phong trào yêu nước vẫn đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Hồ Chí Minh đã thổi hồn cho phong trào yêu nước Việt Nam bằng lý luận khoa học mới (Chủ nghĩa Mác - Lênin), đã biến nó thành phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản. Như vậy, phong trào yêu nước chính là một yếu tố mới tham gia cấu thành nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là điểm sáng tạo đầu tiên về Đảng Cộng sản của Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là chìa khóa để mở cửa vào kho tàng sáng tạo của Người.

Hai là, khi bàn đến bản chất giai cấp của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng là của giai cấp công nhân mà còn là đảng của dân tộc Việt Nam. Về thứ nhất là nói theo quan điểm của chủ nghĩa Mác. Đảng của giai cấp công nhân tất yếu phải mang bản chất giai cấp công nhân. Tuy nhiên, về thứ hai mới là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh. “Đảng

là của dân tộc Việt Nam” cách nói này ngầm hiểu: Thứ nhất, thành phần của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là tất cả các giai cấp, tầng lớp trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; Thứ hai, Đảng không chỉ vì lợi ích của giai cấp công nhân mà còn là vì lợi ích của cả dân tộc; Thứ ba, Đảng gần gũi trong lòng mọi người dân Việt Nam. Ai cũng có quyền tự hào gọi là “Đảng ta”. Có lẽ chỉ có Hồ Chí Minh mới có được một tư duy về yếu tố dân tộc trong Đảng nhất quán và sâu sắc đến thế. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Sức mạnh của Đảng không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động và ở cả dân tộc Việt Nam.

Ba là, thiên tài Hồ Chí Minh chính là sự cảnh báo sớm về nguy cơ của một Đảng cầm quyền. Sau khi giành được chính quyền, Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân. Đảng từ chỗ mất chính quyền đến giành được chính quyền và xây dựng chính quyền mới thực sự là một thời kỳ “lý luận biến thành thực tiễn” và sự thoái hóa, biến chất trong Đảng là không thể tránh khỏi. Theo Người, khi Đảng có quyền lực chính trị thì mỗi cán bộ, đảng viên ít hay nhiều đều có chút quyền hành và dễ dẫn đến lạm quyền, chuyên quyền. Theo đó, cán bộ, đảng viên dễ mắc các căn bệnh quan liêu, trái phép, cậy thế, hủ hóa, kiêu ngạo, xu nịnh, a dua, đìu người tài giỏi, ghét người chính trực... Vì thế, Đảng phải nâng cao ý thức phục vụ nhân dân ngang tầm quyền lực của Đảng. Có lẽ vì thế mà trong “*Di chúc*” điều đầu tiên mà Hồ Chí Minh căn dặn là về Đảng.

Tầm nhìn xa trông rộng của Hồ Chí Minh chính là đã phát hiện ra mầm mống, căn bệnh trong cơ thể của Đảng nhưng tầm vĩ đại của Người lại chính là việc dám đối mặt với những căn bệnh đó để chữa trị. Có bệnh mà giấu bệnh, sợ thuốc là rất nguy hiểm, phải có gan uống thuốc đắng thì mới cắt được ung nhọt trong cơ thể: “Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁹.

2.5. Nét độc đáo trong việc lựa chọn Nhà nước

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trên cơ sở tiếp thu chọn lọc những tư tưởng tích cực của nhà nước thực dân phong kiến ở Việt Nam, nhà nước dân chủ tư sản ở phương Tây, Hồ Chí Minh bắt tay vào xây dựng nhà nước mới, kết hợp dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Dân chủ trực tiếp là nhân mạnh vai trò chủ động của nhân dân trong nhà nước. Trí tuệ của nhà nước là từ sáng kiến của nhân dân. Dân

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.301.

chủ đại diện không hoàn toàn giống mô hình dân chủ Xô viết của Lênin - một nền dân chủ đại diện mà cơ sở bầu cử là những nơi sản xuất, những nơi công tác chứ không phải những nơi sinh sống của dân cư. Mô hình Xô viết là bầu các Xô viết theo hình tháp còn Hồ Chí Minh tổ chức bầu cử theo mô hình bầu cử đại diện của phương Tây.

Hồ Chí Minh cũng chủ trương xây dựng chính phủ công - nông - binh theo mô hình Xô Viết. Tuy nhiên, xô viết công nông chủ trương loại bỏ tư sản, địa chủ thì cơ sở xã hội của nhà nước mới ở Việt Nam lại là toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm gốc. Nhà nước đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước mang bản chất dân chủ triệt để. Hồ Chí Minh đã thực hiện quản lý đất nước theo công nghệ ba khâu: dân - dân chủ - dân vận. đây chính là sự sáng tạo hoàn toàn không sao chép kiểu nhà nước công - nông - binh của Lênin.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh có cái mới, có cái dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng tất cả đều tạo nên sắc thái, chính kiến, bản sắc Hồ Chí Minh. Những phát triển sáng tạo kể trên là cực kỳ cần thiết và có giá trị to lớn trong mọi thời kỳ cách mạng, nhất là khi giờ đây nhân loại đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên toàn cầu hóa. Mọi sao chép, rập khuôn, máy móc, giáo điều đều là trở lực của tiến bộ và phát triển. Tròn 100 năm đã trôi qua (tính từ khi Hồ Chí Minh bắt gặp ánh sáng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin) di sản tư tưởng của Người đã, đang và mãi là nền tảng cho sự phát triển hôm nay và mai sau. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, cần phải nhận thức được rằng nhờ ánh sáng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, trên nền tảng thực tiễn Việt Nam đã đưa Người đến những sáng tạo vô giá, kết tinh thành minh triết Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.127.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.83.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47; tr.48; tr.296.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.287.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.301.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.391.
7. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.189.

TÌM HIỂU SỰ VẬN DỤNG, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRÊN CƠ SỞ “DÂN TỘC HỌC PHƯƠNG ĐÔNG” VÀ THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI

ThS. Bùi Đức Dũng

Trường Chính trị Hòa Bình

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là bản chỉ nam cho cách mạng Việt Nam. Đó là sản phẩm của quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn hóa chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Những nội dung bổ sung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở “dân tộc học phương Đông” và thực tiễn phong phú cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh không những đã giải quyết được những vấn đề cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc mà còn tiếp tục soi đường cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Từ khóa: Việt Nam hóa, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Cách đây đúng 100 năm, cuộc gặp gỡ của Nguyễn Ái Quốc với chủ nghĩa Mác - Lênin đã đánh dấu việc giác ngộ lập trường, quan điểm vô sản và Nguyễn Ái Quốc đã quyết định lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam theo quỹ đạo cách mạng vô sản, bởi “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*” [12; tr.30]. Và như vậy, với sự kiện này đã đánh dấu thời kỳ cách mạng Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng, mở ra con đường giành lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân.

Trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã khẳng định: “*Hồ Chủ tịch là Việt Nam đầu tiên đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta, vạch đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam từng bước tiến lên, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*” [9; tr.369]. Đây là một luận điểm rất quan trọng, vạch ra đường hướng rõ ràng trong quá trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là nghiên cứu những “*sáng tạo*” của Người trong quá trình vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở “*dân tộc học phương Đông*” nói chung và thực tiễn cách mạng Việt Nam nói riêng.

II. NỘI DUNG

2.1. Hành trình đi đến với chân lý của thời đại, tìm đến “mặt trời soi sáng cho cách mạng Việt Nam”

Những phẩm chất và trí tuệ của một nhân cách giàu lòng yêu nước, có hoài bão cứu nước, nhân ái, thương người, một vốn kiến thức uyên thâm về văn hóa phương Đông và những kiến thức bước đầu về văn hóa phương Tây,... được hình thành ngay từ thời kỳ thơ ấu, được rèn luyện trong đời sống học tập, lao động và đấu tranh là hành trang tư tưởng mà Nguyễn Tất Thành đã mang theo khi ra đi tìm đường cứu nước. Trên chặng đường đầu của thời kỳ tìm đường cứu nước Nguyễn Tất Thành đã khảo sát thực tiễn cách mạng ở Anh, Pháp và các nước trên con đường Tây du của mình. Cuối cùng để đến một bước ngoặt khi Nguyễn Tất Thành đến với chủ nghĩa V.I. Lênin, đến với chủ nghĩa đã đưa ra nhiều lời giải đáp cho những câu hỏi đang nung nấu, tìm tòi. Tin theo Chủ nghĩa Lênin, tin theo con đường cách mạng vô sản, sau 10 năm tìm tòi, khảo nghiệm, Nguyễn Tất Thành đã thực hiện một quá trình “chuyển hóa” từ người “Ái Quốc” thành người “cộng sản”, kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Đến với V.I. Lênin, người tin theo và nghiên cứu chủ nghĩa Mác kết hợp với nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bằng những trải nghiệm thực tiễn Người đã tìm ra con đường, biện pháp thực hiện cách mạng ở Việt Nam. Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chính Người đã góp phần bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Hay ở một khía cạnh khác có thể nói Người đã “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin” trong chính quá trình vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, mở đường và dẫn đường cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, xây dựng một đất nước giàu mạnh, tươi đẹp.

2.2. Vận dụng, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở “dân tộc học phương Đông” và thực tiễn cách mạng Việt Nam - “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin”

Vấn đề thứ nhất, xác định nhiệm vụ, đối tượng, lực lượng của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Đây là nội dung làm cho con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vượt các con đường khác về chất, đã khắc phục được những khủng hoảng mà con đường cách mạng Việt Nam đang gặp phải. Và, cũng là vấn đề mà chính các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chưa có cơ sở xã hội học để nghiên cứu.

Ở các nước thuộc địa nửa phong kiến thì *nhiệm vụ* “giải phóng dân tộc” được đặt nên hàng đầu, tức là phải đánh đổ chủ nghĩa đế quốc thực dân, bởi dân tộc không thể thoát khỏi kiếp ngựa trâu nô lệ thì ngàn năm quyền lợi giai cấp cũng không thể đòi được. Khi nhiệm vụ giải phóng dân tộc hoàn thành thì phải xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (đánh đổ chế độ phong kiến), từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ cách mạng đó cũng đã chỉ rõ *đối tượng của cách mạng* ở các nước thuộc địa nói chung là “chủ nghĩa thực dân”, ở các nước thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam là “thực dân, phong kiến”.

Về *lực lượng cách mạng*, Nguyễn Ái Quốc rất sáng tạo trong việc phân định rõ thang bậc giai cấp, tầng lớp xã hội trên cơ sở lợi ích và thái độ chính trị trong cuộc cách mạng xã hội. Từ thực tiễn Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã hình thành quan điểm giai cấp đúng đắn: không giai cấp nào nằm ngoài dân tộc, giữa giai cấp và dân tộc có mối quan hệ biện chứng sâu sắc. Chính luận điểm sáng tạo này đã tạo lập cơ sở vững chắc trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập trung được mọi lực lượng tạo ra sức mạnh vô địch chiến thắng mọi kẻ thù của dân tộc.

Vấn đề thứ hai, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng thuộc địa gắn với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới. Những tư tưởng này được người khái quát bằng những hình ảnh rất sinh động “con đĩa hai vôi”, “con chim hai cánh”. Người là chiến sĩ cộng sản tiên phong đưa ra một “Bản án” đối với chủ nghĩa thực dân và cũng chính Người đã lãnh đạo dân tộc mình thi hành “Bản án” đó. Những luận điểm của Người về chủ nghĩa thực dân đã có tác dụng thức tỉnh các dân tộc thuộc địa, thức tỉnh các Đảng Cộng sản trên toàn thế giới cùng đoàn kết để lãnh đạo dân tộc mình đứng lên thi hành bản án chôn vùi chủ nghĩa thực dân. Tức là cùng nhau “đồng thời cắt đứt cả hai vôi” của con đĩa thực dân. Cũng chính vì Người đã hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, hiểu rõ sức mạnh của “chủ nghĩa dân tộc chân chính” nên chính người là cộng sản đầu tiên gắn “chủ nghĩa dân tộc chân chính” với “chủ nghĩa quốc tế vô sản”, gắn cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới. Từ đó, người đưa ra những luận giải và tổ chức thực tiễn giải quyết một cách hài hòa mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

Vấn đề thứ ba, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về đảng cách mạng của giai cấp công nhân thành “đảng của giai cấp và của cả dân tộc”. Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng ta: “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” [12; tr.41].

Sự phát triển này trước hết thể hiện trong nhân tố phong trào yêu nước - một nhân tố quan trọng cấu thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính phong trào yêu nước là nền tảng để từ đó các phong trào cách mạng phát triển, sau này nó đồng hành cùng phong trào công nhân, phối hợp với phong trào công nhân và từng bước chịu ảnh hưởng lập trường của phong trào công nhân, khi đó “chủ nghĩa dân tộc” biến thành “chủ nghĩa quốc tế”.

Thực tiễn đã chỉ rõ quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, mặc dù về bản chất vẫn quán triệt đầy đủ những nguyên lý cơ bản, phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng đã được Nguyễn Ái Quốc sáng tạo để phù hợp với truyền thống lịch sử và thực tiễn vận động của xã hội, giai cấp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới tác động trực tiếp của tư tưởng, đường lối cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Sự hình thành và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam là đóng góp lớn lao của Nguyễn Ái Quốc, đó không chỉ là sự vận dụng sáng tạo mà còn là quá trình bổ sung, phát triển, “Việt Nam hóa học thuyết Mác - Lênin về đảng cầm quyền”. Đảng cầm quyền, đảng của dân tộc là một sự phát triển đặc sắc của Hồ Chí Minh trong xây dựng đảng kiểu mới trong điều kiện một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông dân chiếm đa số dân cư.

Vấn đề thứ tư, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển, mang màu sắc văn hóa phương Đông. Người đã nêu ra một mô hình chủ nghĩa xã hội với những đặc trưng cơ bản “rất Việt Nam”, đó là: “dân giàu, nước mạnh”, “mọi người đều được áo ấm, cơm no, nhà ở tử tế, được học hành”, “tất cả các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng”, đó là một xã hội “ngày càng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy”... Có thể thấy, một mô hình về một xã hội cao đẹp được diễn tả vừa giản đơn, bình dị, vừa phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, nó thấm sâu vào lòng người, tạo thành động lực thúc đẩy mọi người hướng đến một cách sâu đậm.

Những sáng tạo trong quá trình “Việt Nam chủ nghĩa Mác - Lênin” luôn nằm trong mối quan hệ biện chứng khăng khít không thể tách rời. Sự sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp một cách biện chứng hài hòa giữa xác định đường lối cách mạng với sự sáng tạo phương pháp cách mạng trong từng điều kiện lịch sử cụ thể; sự hài hòa trong việc xác định chiến lược và chỉ đạo chiến lược, giữa thực hiện chiến lược và vận dụng sách lược; sự thống nhất biện chứng giữa tính nguyên tắc và tính linh

hoạt. Toàn bộ những sự sáng tạo đó là đều nhằm đến một mục tiêu cao nhất là “độc lập cho dân tộc”, “ấm no, tự do, hạnh phúc” cho nhân dân Việt Nam, góp phần đem đến “tự do, bình đẳng, bác ái” thực sự cho mọi dân tộc trên toàn thế giới.

2.3. Ý nghĩa hiện thời của những nội dung “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, một vấn đề mang tính bao trùm là chúng ta cần phải luôn kiên định vững chắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam trong đặc điểm mới của thời đại. Hay nói cách khác là phải tiếp tục quá trình “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi xướng và thực hiện.

Thứ hai, cần phải xác định rõ đối tượng, đối tác trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiệm vụ, đối tượng, lực lượng của cách mạng Việt Nam một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp thực tế.

Thứ ba, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam phải gắn liền với cách mạng thế giới trong thực hiện đoàn kết quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ tư, đẩy mạnh những nội dung của công tác xây dựng Đảng “của dân tộc Việt Nam” trong tình hình mới (xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và văn hóa).

Thứ năm, tiếp tục làm rõ những vấn đề quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, như: Vấn đề quá độ lên chủ nghĩa “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa; những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa; Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội; những mối quan hệ lớn cần giải quyết trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Đảng ta đã khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh là bước phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, dẫn dắt dân tộc Việt Nam “đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”, trong thời gian tiếp theo tiếp tục có ý nghĩa chỉ đạo, quyết định sự phát triển của Đảng ta, Nhà nước ta, xã hội ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh không hoàn toàn đồng nhất với chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh còn có sự “tổng hòa”, kết hợp giữa tinh hoa văn hóa truyền thống Việt Nam, tinh hoa văn hóa nhân loại trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đặc biệt, tư

tưởng Hồ Chí Minh hướng đến mục tiêu trước hết, cũng là mục tiêu xuyên suốt là “giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người” trên nền tảng thực tiễn Việt Nam mang sắc thái văn hóa phương Đông. Nên có thể khẳng định thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh cũng là quá trình Người đã “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin”. Chính điều này đặt ra cho những nhà nghiên cứu lý luận, hoạt động thực tiễn của Việt Nam nhiệm vụ tiếp tục thực hiện quá trình “Việt Nam hóa chủ nghĩa Mác - Lênin” trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử mới của thế giới, của thời đại và của quốc gia, dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hồng Chương - Nguyễn Thị Thủy (2020), “Sáng tạo của Hồ Chí Minh trong vận dụng phương pháp luận mácxít”, *Lý luận chính trị* (5), tr.41-45.
2. Thành Duy, Trần Đình Huỳnh, Đặng Quốc Bảo, Hoàng Chí Bảo, Phan Hữu Tích, Nguyễn Hòa (Biên soạn) (2000), *Danh nhân Hồ Chí Minh*, tập 1, Nxb Lao động, Hà Nội.
3. Thành Duy, Trần Đình Huỳnh, Đặng Quốc Bảo, Hoàng Chí Bảo, Phan Hữu Tích, Nguyễn Hòa (Biên soạn) (2000), *Danh nhân Hồ Chí Minh*, tập 2, Nxb Lao động, Hà Nội.
4. Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2004), *Một số vấn đề về nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2018), *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Hồ Trọng Hoài - Nguyễn Thị Hoa (2020), “Những sáng tạo của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Giá trị và sự vận dụng”, *Lý luận chính trị* (5), tr.28-34.
9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* (Xuất bản lần thứ ba, có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
10. PGS.TS. Lại Quốc Khánh (Chủ biên) (2015), *Nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
13. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
14. Đào Phan (1998), *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa*, Nxb Văn học, Hà Nội.
15. PGS.TS. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh tìm đường, mở đường, thiết kế tương lai*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
16. PGS.TS. Bùi Đình Phong (2007), *Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
17. PGS.TS. Bùi Đình Phong (Chủ biên) (2017), *Hồ Chí Minh học một số nội dung cơ bản*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. PGS.TS. Lê Doãn Tá (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh sự vận dụng sáng tạo phép biện chứng duy vật, tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại vào thực tiễn cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
19. Học viện Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - GS.TS. Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2017), *Từ điển Hồ Chí Minh học* (Lưu hành nội bộ), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
20. Nguyễn Danh Tiên (2020), “Những sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc và giá trị thời đại”, *Lý luận chính trị* (5), tr.35-40.
21. PGS.TS. Nguyễn Văn Trung (2012), *Góp phần nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHẦN III

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG “TRƯỚC HẾT PHẢI CÓ ĐẢNG CÁCH MẠNG” - Ý NGHĨA TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

TS. Khuất Thị Thanh Vân

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng “trước hết phải có đảng cách mạng” là một bộ phận quan trọng trong hệ tư tưởng của Hồ Chí Minh, được hình thành và phát triển cùng với quá trình hoạt động thực tiễn của Người. Vận dụng tốt tư tưởng của Người, trong suốt quá trình dẫn dắt cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng để Đảng thực sự “là đạo đức, là văn minh”¹, là hạt nhân lãnh đạo, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bài viết này, tác giả tập trung làm rõ vấn đề trên.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, đảng cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng đảng.

I. MỞ ĐẦU

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 90 năm qua, cách mạng Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi vẻ vang trên con đường giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cả lý luận và thực tiễn cách mạng đều đã chứng tỏ rằng: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Không chỉ trong quá khứ mà cả hiện tại và tương lai, cách mạng Việt Nam đã, đang và sẽ phải cần có Đảng lãnh đạo - một vấn đề mang tính quy luật, tất yếu, một điều kiện tiên quyết cho cách mạng Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì lẽ đó, vấn đề về Đảng và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là mối quan tâm xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã để lại những di sản tư tưởng vô giá về Đảng và xây dựng Đảng. Một trong những nội dung tư tưởng đó là: Cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng”.

II. NỘI DUNG

2.1. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng”

Ngay từ năm 1925 trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (xuất bản 1927) Hồ Chí

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.6.

Minh chỉ rõ: Cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng”. Sự khẳng định này của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước hết, được dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

C. Mác và Ph. Ăngghen là những người đầu tiên đã luận giải một cách đúng đắn và khoa học về sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, chỉ ra vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là người lật đổ chế độ đó, xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Nhưng theo các ông thì sứ mệnh lịch sử đó chỉ có thể thực hiện được khi giai cấp công nhân tự tổ chức ra được chính đảng độc lập. Trong *Nghị quyết đại hội đại biểu toàn thể Hội Liên hiệp hợp ở La Hay ngày 27/9/1872*, C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định: “Trong cuộc đấu tranh của mình, chống quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, giai cấp công nhân, chỉ khi được tổ chức thành một chính đảng độc lập với tất cả các chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập nên, thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp. Việc tổ chức như vậy giai cấp công nhân thành một chính đảng là cần thiết để bảo đảm thắng lợi của cách mạng xã hội và thắng lợi của mục đích cuối cùng là thủ tiêu các giai cấp”².

Là người kế tục sự nghiệp vĩ đại của C. Mác và Ăngghen, V.I. Lênin đã phát triển sáng tạo và hoàn chỉnh học thuyết xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác. Người đã sáng lập ra Đảng Bôn-sê-vích Nga - một Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, một mẫu mực để xây dựng các Đảng mácxít của giai cấp công nhân. Lênin luôn luôn nhấn mạnh vai trò quyết định của Đảng vô sản đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, coi đó là đòn bẩy mạnh mẽ, có khả năng “đảo lộn nước Nga”.

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam đứng trước cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về đường lối. Trước cảnh “nước mất nhà tan” do bị thực dân Pháp xâm lược, hàng loạt cuộc đấu tranh chống giặc cứu nước, giành lại độc lập tự do cho dân tộc đã nổ ra. Tất cả các phong trào cứu nước theo các khuynh hướng, ý thức hệ khác nhau trước khi có Đảng Cộng sản ra đời đều thất bại, bị chìm trong bể máu. Nguyên nhân của những thất bại đó là do chưa có đường lối cứu nước đúng đắn, chưa tìm ra được giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất, đồng thời thiếu một chính đảng cách mạng được tổ chức chặt chẽ để đề ra đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng thích hợp để tập hợp đông đảo các lực lượng yêu nước, tiến bộ đưa cách mạng đi đến thắng lợi. Thực tiễn này của đất nước đã thôi thúc người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

² C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.203.

Qua hoạt động thực tiễn, lẫn lộn với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, Người đã gặp và tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở học thuyết Mác - Lênin con đường giải phóng dân tộc, đưa đất nước phát triển đi lên độc lập tự do, ấm no, hạnh phúc. Sự kiện Người đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin (7/1920) đã đánh dấu việc Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra con đường của cách mạng Việt Nam. Từ đây, tư tưởng về sự cần thiết phải thành lập chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân ở nước ta dần được hình thành. Tư tưởng này được tiếp thêm cơ sở của thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga 1917 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn Sê vich Nga thành công rực rỡ. Từ chỗ tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã tích cực chuẩn bị điều kiện cần thiết cho việc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước tiên là việc Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6/1925) tại Quảng Châu - Trung Quốc để tổ chức đào tạo cán bộ, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin về nước. Tại các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu, Hồ Chí Minh đặt vấn đề “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?”. Người khẳng định: Cách mệnh “Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”³.

2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng” - ý nghĩa vận dụng trong xây dựng Đảng hiện nay

“Đảng cách mạng là một đảng phấn đấu để giải phóng dân tộc, giải phóng loài người, giải phóng giai cấp cần lao”⁴. Theo Hồ Chí Minh, vai trò của Đảng đối với cách mạng Việt Nam là vô cùng quan trọng. Để cách mạng giành thắng lợi cần có những nhân tố khách quan và chủ quan, bên trong và bên ngoài, dân tộc và thời đại,... nhưng nhân tố quan trọng nhất, “trước hết”, phải có đảng cách mạng. Sau từ “trước hết” ở đây Hồ Chí Minh dùng chữ “phải” có nghĩa là “bắt buộc”, “tuyệt đối”, “không có sự lựa chọn nào khác!” Nhiệm vụ của Đảng là: “để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc và giai cấp vô sản mọi nơi”.

Đảng ra đời là để lãnh đạo và tổ chức quần chúng nhân dân làm cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp chung của toàn thể dân chúng chứ không phải việc riêng của một, hai người. Toàn dân ở đây là toàn thể dân tộc Việt Nam, không phân biệt giai cấp, dân

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.280.

tộc, tôn giáo... Quan điểm tập hợp lực lượng này của Hồ Chí Minh đã vượt xa quan điểm của các nhà cách mạng Việt Nam thời kỳ đó. Hơn ai hết, Người hiểu rằng để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng không có cách nào khác là phải dựa vào sức mạnh của nhân dân. Bởi vì, theo Người, “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁵ và “dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi”⁶.

Nhân dân có tiềm năng cách mạng to lớn như vậy, là “gốc cách mệnh”⁷ nhưng sức mạnh ấy chỉ được phát huy khi quần chúng nhân dân được giáo dục, được giác ngộ, được tổ chức lại thành một khối thống nhất. Khi ấy sức mạnh của quần chúng nhân dân sẽ là vô tận, vô địch. Đảng là người giáo dục, giác ngộ cách mạng cho nhân dân, vận động toàn dân tham gia một cách tích cực nhất vào cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của dân tộc. Đồng thời, Đảng tổ chức, bày sách lược cho dân, đoàn kết dân lại, gắn toàn dân vào một tập thể thống nhất với ý chí và quyết tâm sắt đá, tinh thần chiến đấu kiên cường. Cách mạng chỉ có thể giành được thắng lợi khi biết đoàn kết nhân dân, biết phát huy sức mạnh của toàn dân tộc. Đây là vấn đề cốt yếu của cách mạng nước ta đòi hỏi cần có sự lãnh đạo của Đảng.

Người chỉ rõ: “Muốn thắng lợi, thì cách mạng phải có một Đảng lãnh đạo. Đảng phải làm cho quần chúng giác ngộ vì đâu mà họ bị áp bức bóc lột; phải dạy cho quần chúng hiểu các quy luật phát triển của xã hội, để họ nhận rõ vì mục đích gì mà đấu tranh; chỉ rõ con đường giải phóng cho quần chúng, cổ động cho quần chúng kiên quyết cách mạng; làm cho quần chúng tin chắc cách mạng nhất định thắng lợi”⁸. Những chỉ dẫn này của Hồ Chí Minh thật cụ thể. Trách nhiệm của Đảng là phải giáo dục, giác ngộ cho quần chúng nhận rõ mục tiêu, lý tưởng, con đường và biện pháp cách mạng, nhận rõ kẻ thù, nắm vững những quy luật phát triển của xã hội, xây dựng củng cố lòng tin vào thắng lợi của cách mạng, cổ vũ, động viên quần chúng kiên quyết thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng.

Cách mạng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh là phá cái cũ xây cái mới, phá cái xấu xây cái tốt, là lật đổ chế độ thực dân phong kiến đã đè nén con người Việt Nam nhiều thập niên để xây dựng nên một xã hội hoàn toàn mới, do đó, “Cách mạng là cuộc

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.453.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.297.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.288

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.274.

đấu tranh rất phức tạp. Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng”⁹. Đây là một quá trình đấu tranh gay go, quyết liệt, lâu dài: “Đời này làm chưa xong đời sau nối tiếp nhau làm thì phải xong”. Sự nghiệp đấu tranh lâu dài gian khổ đó không tránh khỏi phải hy sinh, mất mát nên cần đến Đảng lãnh đạo, để chớp thời cơ mà đề ra đường lối thực hiện, đưa lại thắng lợi cho cách mạng. Nhân dân cần đến Đảng để chỉ đường vạch lối cho dân, chỉ bảo cách hành động. Đảng có đường lối đúng đắn, có phương pháp cách mạng thích hợp quyết định đến sự thắng lợi của cách mạng. Chỉ có Đảng - Đảng cách mạng mới bảo đảm tính triệt để của cách mạng, mới đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người đến thắng lợi cuối cùng.

Theo Hồ Chí Minh, cách mạng trước hết và cần thiết phải có Đảng để đề ra đường lối chiến lược, sách lược cho cách mạng - là những vấn đề then chốt của cách mạng, nó quyết định sự thành bại của cách mạng. Ở trong nước, Đảng làm nhiệm vụ vận động, giác ngộ, tổ chức dân chúng tập hợp họ lại trong khối thống nhất để thực hiện mục đích, nhiệm vụ của cách mạng. Đảng còn có vai trò đối với quốc tế, là cầu nối giữa cuộc cách mạng giải phóng đất nước, xây dựng xã hội mới của dân tộc với công cuộc cách mạng của các dân tộc, các lực lượng tiến bộ trên thế giới để thực hiện mục tiêu chung là: hòa bình, độc lập, dân chủ, hạnh phúc. Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc liên kết với nhau để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế nên các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản mọi nơi phải liên hệ chặt chẽ với nhau để chống kẻ thù chung. Hơn nữa, con đường cứu nước của Việt Nam mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, thực hiện giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người nên Người sớm khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Người đã gắn cách mạng nước ta với phong trào của các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc; và cả với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản “chính quốc”, với vô sản giai cấp mọi nơi. Cách mạng trước hết là sự nghiệp của mỗi dân tộc, muốn giành thắng lợi phải dựa vào sức mình là chính, song phải biết tranh thủ sức mạnh quốc tế, sức mạnh của thời đại để đưa cách mạng tiến lên. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng mới kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Từ những lý do trên ta thấy, Đảng Cộng sản ra đời và tồn tại như là một tất yếu lịch sử là vì tổ quốc, dân tộc có nhu cầu, vì Đảng đáp ứng được yêu cầu tất yếu của sự

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.274.

phát triển của cả dân tộc, vì nhân dân cần một Đảng tiên phong dẫn đường. Để Đảng thực hiện được vị trí vai trò của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹⁰.

“Đảng có vững” ở đây theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng phải là Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đó là Đảng cách mạng mang bản chất giai cấp công nhân, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đảng phải luôn tuân thủ những nguyên tắc của một đảng kiểu mới: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển; Đảng phải có kỷ luật sắt và kỷ luật tự giác; đảng viên phải tuân theo tôn chỉ mục đích của Đảng và hoạt động trong tổ chức cơ sở của Đảng... Đảng là “người cầm lái”, vị trí vai trò của Đảng là người lãnh đạo. Muốn vậy Đảng phải tiên phong về mọi mặt, cả chính trị, tư tưởng, tổ chức... cán bộ, đảng viên của Đảng phải gương mẫu về đạo đức lối sống...

Người chỉ rõ: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹¹. Nhờ có “chủ nghĩa làm cốt” - chủ nghĩa Mác - Lênin - mà Đảng trong sáng về tư tưởng, thống nhất ý chí và hành động, đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ chính trị là lãnh đạo và phục vụ nhân dân. Do vậy mà Đảng “làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”¹².

Khi đề cập tới tổ chức của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài”¹³. Đây là tiêu chí đánh giá, phân định rạch ròi giữa tổ chức của một Đảng chân chính, một Đảng Cộng sản đích thực, với tất cả các đảng phái, các tổ chức chính trị đã xuất hiện trong lịch sử, được diễn đạt rất Hồ Chí Minh. Người còn yêu cầu Đảng “phải là người lãnh đạo sáng suốt, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam”¹⁴. Tổ chức của Đảng phải bao

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.41.

gồm những người ưu tú trong công nhân và nhân dân lao động, tự nguyện hy sinh chiến đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, vì lợi ích của nhân dân. Do đó, Đảng phải được tổ chức một cách chặt chẽ, từ dưới lên trên “theo chế độ dân chủ tập trung” và “luật phát triển là phê bình và tự phê bình”, Đảng phải có kỷ luật sắt nhưng là kỷ luật tự giác. Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tính tự nguyện, tự giác, sự trung thực và trung thành của mỗi đảng viên.

Đảng mạnh là bởi cái nền tảng của nó vững chắc. Vì vậy, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng chi bộ, các tổ chức cơ sở của Đảng và đảng viên.

Đảng viên, cán bộ phải là người có khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Họ không những phải có trí, có dũng, có mưu mà còn phải biết cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đó là những người vừa phải có tài lại vừa phải có đức, phải “vừa hồng vừa chuyên”, phải “vững về chính trị, giỏi về chuyên môn”. Xây dựng Đảng vững mạnh không những tiêu biểu về mặt trí tuệ mà còn phải là biểu tượng về đạo đức, lương tâm, danh dự của dân tộc là một nét độc đáo của Hồ Chí Minh.

Cùng với đó, giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng phải đi đôi với “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Người không chỉ vạch rõ nguồn gốc, bản chất, hình thức đa dạng, tinh vi của chủ nghĩa cá nhân, mà còn chỉ ra hậu quả ghê gớm của nó, cảnh báo chủ nghĩa cá nhân là một trong ba nguy cơ đe dọa vai trò lãnh đạo cầm quyền của Đảng Cộng sản. Những cảnh báo của Hồ Chí Minh ngày nay vẫn còn nguyên giá trị và có tính thời sự sâu sắc. Chúng ta cần kiên quyết đẩy mạnh việc tẩy trừ và tiến tới quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Kết quả của nó liên quan đến uy tín, vai trò, thậm chí đến sự tồn vong của Đảng và chế độ, đến thắng lợi của chủ nghĩa xã hội: “Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân”¹⁵.

Theo Hồ Chí Minh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹⁶. “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”¹⁷. Uy tín, vai trò và việc thực hiện nhiệm vụ của Đảng gắn liền với cán bộ và công tác cán bộ. Do đó, Đảng phải biết lựa chọn cán bộ, huấn luyện họ kỹ càng, phải hiểu cán bộ, nuôi dạy, đối đãi, sử dụng, cất nhắc, thương yêu, phê bình cán bộ; “dụng nhân như dụng mộc”, vì việc mà dùng người, phải trọng nhân tài, trọng mỗi người làm việc có ích cho nhân dân.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.609.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 309.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.313.

Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân. Đảng vĩ đại là ở nơi Đảng biết tìm thấy sức mạnh từ trong nhân dân, vì nhân dân mà làm việc, đủ năng lực dẫn dắt nhân dân biết “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Đảng ra đời và tồn tại không có mục đích nào khác hơn là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nhân dân là tối thượng, là sức mạnh, vì vậy, Đảng phải xây dựng mình thành một tổ chức chính trị gắn bó máu thịt với nhân dân, phải làm đầy tớ thật trung thành của nhân dân, nghĩa là lãnh đạo và phục vụ nhân dân. Và như vậy, mị dân, theo đuôi quần chúng, quan liêu, dối trá, cửa quyền, hống hách với dân hay trù dập quần chúng đều trái với tư cách của người đảng viên, làm tổn hại đến Đảng. Hồ Chí Minh căn dặn: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”¹⁸. Hồ Chí Minh còn nói: Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta.

Từ quan hệ gốc ấy, Đảng sẽ giải quyết tốt các mối quan hệ khác: Đảng và Nhà nước; Đảng với các đoàn thể nhân dân; Đảng với các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; với các tôn giáo, dân tộc... Trong tất cả các mối quan hệ ấy, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng ở mỗi thời kỳ một khác. Nhưng Hồ Chí Minh đã để lại những chỉ dẫn quan trọng. Một là, bất cứ hoàn cảnh nào Đảng cũng phải giữ vững vai trò lãnh đạo của mình. Không chỉ trong đấu tranh giành độc lập dân tộc mà cả khi đã giành được chính quyền về tay nhân dân. Để giữ vững vai trò và địa vị lãnh đạo Đảng phải tự nâng mình lên. Bởi vì, Đảng không thể tự nhận hoặc yêu cầu nhân dân hay các tổ chức trong xã hội thừa nhận quyền lãnh đạo của mình “mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cảnh báo về những nguy cơ đối với Đảng cầm quyền; những căn bệnh mà khi Đảng cầm quyền dễ mắc phải, nguyên nhân và tác hại của nó, đồng thời chỉ ra cách chữa trị. Những lỗi lầm chính, đó là: trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ,... những căn bệnh như bệnh tham lam, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, bệnh hữu danh vô thực, kéo bè kéo cánh, bệnh cận thị, bệnh quan liêu, bệnh mệnh lệnh, tham ô, lãng phí... Đáng tiếc là những cảnh báo của Hồ Chí Minh có từ rất sớm song có những căn bệnh trong thời điểm hiện nay vẫn đang nảy nở với mức độ nghiêm trọng, việc chữa trị, ngăn chặn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.XXVII.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng” cho ta thấy rằng: Đảng ra đời là một tất yếu khách quan, do đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng một xã hội mới tự do, ấm no, hạnh phúc cần phải có lực lượng lãnh đạo. Chính từ đòi hỏi khách quan ấy mà phải thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh. Muốn vậy, Đảng phải luôn tự đổi mới và chỉnh đốn. Đây là một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Khi nói về vấn đề này Hồ Chí Minh thường dùng cụm từ “trước hết”: “Trước hết phải chỉnh đốn lại Đảng”, “Trước hết, nói về Đảng” hoặc “trước tiên”, “việc chính”, “việc cần kíp”, “việc phải làm ngay” chứng tỏ Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công việc chỉnh đốn Đảng. Nhưng theo Hồ Chí Minh, đây không phải là một giải pháp tình thế, thụ động mà là điều kiện cần và đủ để đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn của cách mạng. Với vị trí vai trò, địa vị của Đảng là người lãnh đạo toàn xã hội, trọng trách của Đảng là rất lớn. Đảng cũng là một thực thể xã hội, do đó, quá trình xây dựng và hoạt động không thể tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm. Kẻ thù lại luôn tìm mọi cách chống phá. Mặt khác, nhiệm vụ của Đảng và của cách mạng ngày càng phát triển, đặc biệt trước những bước ngoặt của cách mạng. Vì vậy, phải tiến hành đổi mới và chỉnh đốn Đảng để Đảng phát huy được những ưu điểm, khắc phục được những sai lầm khuyết điểm, làm cho Đảng không ngừng lớn mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc thường xuyên kiểm điểm rút kinh nghiệm, tự phê bình, phê bình đối với mỗi cá nhân và tổ chức Đảng. Theo Người, đó là nhằm để làm cho phần tốt nở như hoa mùa xuân, phần xấu bị đẩy lùi. Hồ Chí Minh yêu cầu công tác chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, bất luận trong điều kiện hoàn cảnh nào. Để chỉnh đốn đạt hiệu quả thì phải chuẩn bị chu đáo, xác định rõ mục đích yêu cầu và có phương châm chỉ đạo đúng đắn. Cách làm là phải tiến hành trên trước, dưới sau, làm từ trong cấp uỷ rồi đến đảng viên. Phải coi trọng ở tất cả các cấp nhưng hết sức coi trọng chỉnh đốn Đảng ở chi bộ. Quá trình chỉnh đốn phải chỉnh đốn cả tư tưởng kết hợp chặt chẽ với tổ chức, dựa vào quần chúng và tạo điều kiện cho quần chúng tham gia có hiệu quả công tác chỉnh đốn Đảng.

Trong bối cảnh hiện nay, chủ nghĩa đế quốc, các thế lực phản động và những kẻ thù của chủ nghĩa xã hội đang ra sức chống phá ta về mọi mặt, trong đó chúng tập trung mũi nhọn tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, mà trước hết vào nền tảng tư tưởng của Đảng, vào nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ, vào

đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ... Dưới chiêu bài “dân chủ” chúng đòi “đa nguyên về chính trị”, “đa đảng đối lập”, nêu yêu sách đòi xóa bỏ điều 4 trong Hiến pháp... Trước tình hình đó, đòi hỏi chúng ta càng phải nắm vững lý luận và thực tiễn, nhận thức sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng” để đấu tranh có hiệu quả với những nhận thức và hành động sai trái làm ảnh hưởng xấu đến vị trí vai trò lãnh đạo của Đảng, nhận thức không đầy đủ về công tác đổi mới chính đôn Đảng hiện nay, đề cao cảnh giác kiên quyết đập tan những âm mưu thủ đoạn của kẻ thù.

III. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng “trước hết phải có Đảng cách mạng” ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Tư tưởng đó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn đối với quá trình xây dựng và hoạt động của Đảng ta. Quán triệt tư tưởng của Người, chúng ta nhận thức sâu sắc về vai trò của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Quán triệt tư tưởng của Người, hơn 90 năm qua, Đảng ta đã không ngừng chăm lo công tác xây dựng chính đôn đảng, xây dựng Đảng ta thật sự là đạo đức là văn minh. Nhận thức đúng đắn và đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng “trước hết phải có đảng cách mạng” giúp cho cán bộ, đảng viên thấy rõ vị trí vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng, thấy rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Từ đó tích cực chăm lo xây dựng Đảng về mọi mặt, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đồng thời ra sức bảo vệ Đảng. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, đất nước đang ở vào thời kỳ phát triển mới, thực tiễn đang đặt ra những yêu cầu nhiệm vụ mới trong công tác xây dựng chính đôn Đảng. Trong khi đó, các thế lực thù địch lại đang tìm mọi cách chống phá ta nhằm hạ thấp, hòng tiến tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, việc nhận thức đúng đắn tư tưởng của Người để từ đó kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với những nhận thức và hành động sai trái, với những âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù còn là một vấn đề mang tính cấp thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 18, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
12. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
13. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
14. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - “CỘI NGUỒN LÝ LUẬN”, ÁNH SÁNG SOI ĐƯỜNG CHO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. Phạm Thanh Xuân

Trường Đại học Hoa Lư

ThS. Truong Mạnh Tiến

Trường ĐHSP Hà Nội - Phân hiệu Hà Nam

Tóm tắt

Bài viết nhìn lại quá trình 90 năm lãnh đạo và phát triển đất nước, đồng hành cùng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bài viết, chúng tôi nghiên cứu khái quát về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, điểm lại các truyền thống và thành tựu cách mạng cơ bản trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Từ khóa:** Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo và phát triển, đất nước, dân tộc.*

I. MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03/02/1930, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Thực tiễn lịch sử và khoa học lịch sử trên 90 năm qua khẳng định, trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bài viết khái quát về quá trình hình thành, những thành tựu và truyền thống cách mạng cơ bản, vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Qua đó, góp phần làm sáng rõ giá trị của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; công lao to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Khái quát về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Trên thế giới, Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại (1917), “mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, như mặt trời soi sáng

khắp năm châu”, bừng tỉnh toàn nhân loại, thắp sáng niềm tin, hy vọng cho các dân tộc thuộc địa và nhân loại tiến bộ. Nhưng vẫn còn đó “một vết nhơ trong lịch sử loài người”, khi chủ nghĩa tư bản biến thành chủ nghĩa đế quốc, đi xâm lược khắp hoàn cầu - hàng trăm quốc gia, dân tộc trở thành thuộc địa, vẫn đang rên xiết dưới gót sắt của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Ở Việt Nam, các phong trào yêu nước, các con đường cứu nước đã diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp theo các khuynh hướng, lập trường tư tưởng khác nhau; nhưng dân tộc ta vẫn chưa vượt qua trình trạng bi thảm “là thuộc địa của thực dân Pháp, phát xít Nhật kéo dài gần 90 năm”; “khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước và giải phóng dân tộc”. Tình hình đen tối như không có đường ra: “Cha ông xưa từng đấm nát tay trước cửa cuộc đời/ Cửa vẫn đóng và đời im im khoá/... Cả dân tộc đói nghèo trong rom rạ/ Vãn Chiêu hồn từng thấm giọt mưa rơi!”[1]. Cứu nước, giải phóng các dân tộc thuộc địa trở thành nhu cầu rộng lớn mang tính thời đại, khách quan, sục sôi, bức bách của lịch sử, mà Việt Nam không phải là trường hợp ngoại lệ.

2.1.2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, tiên bộ, gần gũi với nhân dân, yêu lao động, quý trọng con người, đề cao sự học; trong một vùng quê và dân tộc giàu truyền thống văn hóa, cách mạng. Mang theo vốn học vấn chắc chắn, năng lực tuy duy sắc sảo, óc phê phán tinh tường, lời căn dặn của cha: “Con làm dân mất nước chớ bao giờ quên được nợ nước thù nhà”, “Nước mất không tìm đường cứu nước, tìm gặp cha phỏng có ích lợi gì” và khát vọng cháy bỏng độc lập cho Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho đồng bào, ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành đã thực hiện “một cuộc trường chinh vạn dặm, thiên sơn vạn thủy, kéo dài 3 thập kỷ, đi xuyên qua 4 châu lục, 3 đại dương, với biết bao gian khổ, vất vả, hiểm nguy”, để tìm đường cứu nước, cứu dân. Gần 10 năm sau, ngày 16 - 17/7/1920, Người đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cửa ngõ của vấn đề dân tộc thuộc địa thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin (Luận cương của V.I. Lênin).

Chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, bênh vực các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đó là một học thuyết khoa học, cách mạng, đồ sộ, vĩ đại - một lâu đài, mở cửa tứ hướng, bát phương, người ta có thể đi vào chủ nghĩa Mác - Lênin bằng nhiều con đường, cửa ngõ khác nhau, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin bằng con đường, cửa ngõ - vấn đề dân tộc thuộc địa thông qua Luận cương của Lênin. Luận cương của V.I. Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc giải tỏa khát vọng cháy bỏng cứu nước, cứu dân. “Người ta có thể đọc hàng trăm quyển

sách cổ, kim, Đông, Tây, nhưng không ở đâu có một chiến lược rành rọt về vấn đề dân tộc thuộc địa như trong Luận cương của Lênin”.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra sự biến đổi mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất trong tư tưởng, tình cảm; quan điểm, lập trường; phương pháp và hành động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc; giúp Người tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc được coi là duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Người đã đi từ “chủ nghĩa yêu nước” đến “chủ nghĩa Mác - Lênin”, từ người “yêu nước”, trở thành “người cộng sản”; từ “Ái Quốc”, đến “Chí Minh”, từ Người đi “tìm đường”, trở thành người “chỉ đường”, “dẫn đường” của cả dân tộc. Giáo sư Trần Văn Giàu dùng hình ảnh “Ruộng đồng đã có nước trước khi nước sông đầy lên”, để diễn tả sự tiếp nối, sự chuyển hóa, hòa quyện nguồn mạch tinh hoa văn hóa truyền thống dân tộc với tinh hoa trí tuệ thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là trong dòng chảy văn hóa của dân tộc Việt Nam, khi Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin: “Ruộng đồng đã có nước” (Chỉ vốn văn hóa Quốc học truyền thống, phương Đông, phương Tây phong phú trong hành lý trí tuệ, hành trang tinh thần của Nguyễn Ái Quốc, của dân tộc trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin); “nước sông đầy lên” (để diễn tả bước phát triển mang tính chất bước ngoặt, căn bản, về chất của tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, của dân tộc khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin).

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tìm ra chân lý: Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc trong thời đại mới, không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản. Con đường cách mạng vô sản muốn thắng lợi trên hết, trước hết phải có Đảng cộng sản. Muốn có Đảng cộng sản phải có sự kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, phong trào yêu nước. Song, sự kết hợp ấy để cho ra đời Đảng cộng sản ở “xứ Đông Dương thuộc địa” diễn ra rất khó khăn, phức tạp, lâu dài - do sự ngăn cấm quyết liệt của chủ nghĩa thực dân, do điều kiện lịch sử đặc thù của Đông Dương. Vì vậy, một mặt, Người đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước bằng nhiều con đường khác nhau đường bộ, đường biển (Mật thám Pháp báo về Bộ thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đang thực hiện, một dự án chủ nghĩa cộng sản trên biển, phải kiểm tỏa con đường này lại nếu không Nguyễn Ái Quốc sẽ tạo ra những phép màu đáng kinh ngạc), đường đào tạo cán bộ (phương tiện tuyên truyền sống, gọi thanh niên yêu nước Việt Nam sang Quảng Châu đào tạo rồi đưa về nước tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin... Mặt khác, Người xác định rõ, nếu không có Đảng cộng sản thì sẽ không có cách mạng, nhưng ở Việt Nam do điều kiện hoàn cảnh lịch sử đặc thù nếu thành lập ngay Đảng cộng sản thì sẽ là nóng

vội, chủ quan, thất bại. Từ đó, Người thực hiện “một bước quá độ, chạm chu chuyển trung gian” - thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6/1925, tại Quảng Châu - Trung Quốc) để xúc tiến các điều kiện chín muồi thành lập Đảng cộng sản.

2.1.3. Sự ra đời và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Từ hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng bước xâm nhập vào Việt Nam. Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định: Người ta thường nói: Mặt trời tuy sáng nhưng không soi sáng được phía bên trong cái chậu úp. Hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, không đến nỗi phía bên trong cái chậu úp (sự bùng nổ, ngăn cấm của các thế lực thực dân, đế quốc), chủ nghĩa Mác - Lênin qua bàn tay và khối óc tài tình của Nguyễn Ái Quốc đã chọc xuyên qua “lưới sắt” của chủ nghĩa thực dân, đế quốc xâm nhập vào Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin xâm nhập, nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng trong phong trào cách mạng Việt Nam, phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam nói chung và sự cần thiết phải thiết lập vai trò lãnh đạo của các tổ chức cộng sản. Đến cuối năm 1929 đầu năm 1930, ở Việt Nam đã xuất hiện 3 tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng; An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Nhận chỉ đạo của Quốc tế cộng sản, nắm rõ tình hình, nhu cầu cách mạng trong nước, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị thành lập Đảng (06/01 - 07/02/1930) tại Hương Cảng - Trung Quốc. Hội nghị thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, diễn ra chính thức trong 5 ngày (02 - 07/02/1930), Hội nghị đã phê phán những hạn chế, khuyết điểm, nêu cao tinh thần đoàn kết của các tổ chức cộng sản và thống nhất: Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; cử Ban chấp hành Trung ương lâm thời; thảo luận và thông qua: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*,... do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Hội nghị thành lập Đảng có ý nghĩa như một Đại hội - Đại hội thành lập Đảng. Kết quả của Hội nghị đem đến niềm vui lớn cho dân tộc: “Năm hai mươi của thế kỷ hai mươi/ Tôi sinh ra nhưng chưa được làm người/ Nước đã mất, cha đã làm nô lệ/ Ôi những ngày xưa mưa xứ Huế, mưa sao buồn vậy hỡi mưa roi!/? Ngẩng đầu lên không thấy mặt trời/ Đất lai láng những là nước mắt/ Từ vô vọng mệnh mông đem tối/ Người đã đến chói chang nắng đội/ Trong lòng tôi ôi Đảng thân yêu” [2]; “Tháng hai nắng hừng mừng ba/ Từ trong gian khổ Đảng ta ra đời” [3; tr.45]; “Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm!/ Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?/ Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng/ Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ” [4].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một

mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc; chấm dứt thời kỳ khủng hoảng sâu sắc về đường lối, lãnh đạo cách mạng, tình trạng cách mạng Việt Nam tách rời với cách mạng thế giới; từ đây, cách mạng Việt Nam đã có Đảng - nhân tố hạt nhân, then chốt, cốt lõi của hệ động lực quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam lãnh đạo; với đường lối đúng đắn, sáng tạo; trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới; mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời bắt nguồn từ nhu cầu, đòi hỏi tất yếu, khách quan của sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, dân tộc và phát triển đất nước; là kết quả của sự kết hợp Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước. Tên của Đảng gắn liền với tên dân tộc, tên của đất nước - Đảng Cộng sản Việt Nam; tạo nên sự gắn bó tự nhiên, máu thịt giữa Đảng và dân tộc, giữa bản chất giai cấp công nhân và đặc tính dân tộc ngay từ khi Đảng cộng sản Việt Nam mới ra đời.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu sự trưởng thành của phong trào cách mạng Việt Nam, chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam (chiếm tỉ lệ khá nhỏ 1% trong khối dân cư), nhưng đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng; thể hiện vai trò sáng lập, tài năng tổ chức, chỉ đạo cách mạng, thiên tài trí tuệ, tầm cao tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc không phải là người Việt Nam đầu tiên đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng là người có công đầu tiên trong việc tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, là người sáng lập và vạch ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời. Điều đó cho thấy, vị trí, vai trò, tầm vóc to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam.

2.2. Thành tựu và truyền thống cách mạng cơ bản trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2.1. Thành tựu cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngay từ thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đã kết hợp đúng đắn mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân và phong trào yêu nước, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, thật sự là đội tiên phong lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng và các Cương lĩnh tiếp theo, với phương pháp đấu tranh cách mạng thích hợp và

sáng tạo, với sức mạnh tổ chức, kỷ luật, năng lực tổ chức thực tiễn và sự chiến đấu ngoan cường, hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, luôn luôn được nhân dân tin yêu, hết lòng bảo vệ, đùm bọc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, xóa bỏ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm; sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật gần 90 năm ở nước ta; làm hồi sinh một dân tộc, tái tạo một quốc gia; lập ra Nhà nước dân chủ cộng hòa đầu tiên trong lịch sử dân tộc, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu Á; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ lầm than lên làm chủ đất nước; đưa đất nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến thành một nước độc lập; đưa Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền; mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là một sự kiện quan trọng bậc nhất trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta; một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình trên thế giới ở thế kỷ XX, “lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công đã nắm chính quyền toàn quốc” [5], nêu gương sáng cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Thắng lợi đó đem đến niềm vui lớn và cả niềm kiêu hãnh cho nhân dân, dân tộc Việt Nam trước bạn bè quốc tế: “Ôi hai tiếng đồng bào, Tổ quốc/ Đến hôm nay mới thuộc về ta/ Trăm năm mất nước mất nhà/ Hôm nay mới cất lời ca tiếng cười” [6]; “Biển sóng trào lên thành đại hội/ Muôn màu vũ trụ kết hoa đăng/ Xôn xao mặt đất, trắng là trắng/ Cháy xiết Ngân Hà, muôn sao vàng rực/ Mặt trời đỏ huyền kỳ mọc lên, ôi náo nức/ Nhạc nhân gian cuộn cuộn bốc hồng trần!/ Ta đi đây, là trăm vạn thiên thần/ Chiều chiến thắng phá tan quân quỷ sứ/ Ta đi dưới bốn nghìn năm lịch sử/ Đêm nay tràn hoa đỏ nhụy vàng tươi/ Ta đi đây, với thế kỷ hai mươi/ Mạch suối trẻ trong dòng người vô địch” [7].

Thắng lợi của 30 năm kháng chiến, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975), bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, các thế lực thực dân, đế quốc đã quay lại xâm lược nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập và đã giành thắng lợi vẻ vang trong các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước

đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc chiến đấu thực dân Pháp, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ - “một chiến công vĩ đại, một mốc son chói lọi, như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thế kỷ XX”; “bản hùng ca của cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ”[8], “biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng và sức mạng Việt Nam”; “đã đánh bại một đội quân xâm lược nhà nghề”; “đập tan huyền thoại về tính bất khả chiến bại” - của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; cắm cây thập tự chinh trên nấm mồ của chủ nghĩa thực dân Pháp; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng 8/1945; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, Thủ đô Hà Nội. Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, “nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng”; là thắng lợi “Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, một đế quốc hùng mạnh đã bị nhân dân một nước thuộc địa đánh cho tan tành tả tơi và phải rút về nước” [9]; góp phần giải tán một đế quốc thuộc địa lớn; “đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc” [8], cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa trên thế giới. Cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là một trong những cuộc chiến tranh yêu nước “vĩ đại nhất, chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người”[10]; lần lượt đương đầu và đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ - một đế quốc to, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh bậc nhất thế giới; phương tiện kỹ thuật chiến tranh hiện đại, “không lực” - sức mạnh to lớn nhất của Mỹ tỏ ra có giới hạn khi đương đầu với con người; bị “con gió ngang” - truyền thống văn hóa và lịch sử Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam làm cho tê liệt. Đó là thắng lợi của bản lĩnh, trí tuệ, văn hóa, nghệ thuật chiến tranh, quân sự độc đáo của dân tộc Việt Nam; kết thúc vẻ vang 30 năm đấu tranh lâu dài, bền bỉ, quyết chiến, quyết thắng giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc; chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Nam, Thành phố Sài Gòn, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước, đưa “đất nước”, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là “một chiến công vĩ đại trong lịch sử thế giới, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc” [10], cổ vũ các dân tộc, nhân loại đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ, phát triển xã hội.

Thắng lợi của Đảng ta trong lãnh đạo tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (1986 - 2020). Trước những khó khăn của cách mạng thế giới và trong nước, với bản lĩnh và trí tuệ của mình, 5 năm, trước khi Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ động tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện

đất nước (1986). Công cuộc đổi mới là quá trình cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để; mang tầm vóc lịch sử và ý nghĩa cách mạng, đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Những thành tựu đó làm cho đất nước, xã hội, con người đều đổi mới; nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo ra thế và lực mới để xây dựng đất nước theo định hướng “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, chứng minh sức sống dẻo dai của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cả trong thời chiến lẫn trong thời bình. Dư luận quốc tế nhiều lần nhân mạnh thắng lợi của công cuộc đổi mới ở Việt Nam góp phần quyết định tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới, mở ra triển vọng khắc phục các cuộc khủng hoảng, thúc đẩy sự hình thành một trật tự thế giới mới công bằng hơn. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, khẳng định: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử* trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa... Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*”¹. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước

¹ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>. Thứ tư, 7/10/ 2020 14:22'(GMT+7).

Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Thực tế, sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ một đất nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình; văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị có bước đột phá; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững; vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã trở thành một quốc gia có quy mô dân số gần 100 triệu người với mức thu nhập bình quân 2.800 USD/người; đã tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế, trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các hoạt động của cộng đồng quốc tế. Mới đây, được Đại hội đồng Liên hợp quốc bầu với số phiếu tín nhiệm rất cao, gần như tuyệt đối, lần thứ hai trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”².

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, do cả chủ quan và khách quan, Đảng Cộng sản Việt Nam không tránh khỏi mắc phải những sai lầm, khuyết điểm, thậm chí là những sai lầm, khuyết điểm lớn. Song là một Đảng cách mạng chân chính, Đảng ta luôn cầu thị, thẳng thắn thừa nhận, kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trước nhân dân. Mặc dù còn có những sai lầm, khuyết điểm không thể tránh khỏi, nhưng một sự thật lịch sử khách quan không thể phủ nhận được là, trong 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng nước ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: Nước ta từ một xứ thuộc địa, nửa phong kiến, trở thành quốc gia độc lập, tự do “đầy kiêu hãnh”, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng nâng cao, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt. Đất nước ta ra khỏi tình trạng - khủng hoảng về kinh tế - xã hội, về mô hình phát triển; tình trạng nước nghèo, kém phát triển - để trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; vị thế và uy tín quốc gia trên trường quốc tế được nâng cao... Đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt đúng mạch nguồn sự sống của dân tộc, nhu cầu, khát vọng chân chính, tha thiết

² Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (Nguồn: <http://tuyengiaohungyen.vn/bai-viet/dien-van-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-tai-le-ky-niem-90-nam-ngay-thanh-lap-dang-cong-san-viet-nam.aspx>. Thứ bảy, ngày 10/10/2020 - 9:28:10 AM).

của nhân dân; tạo những giá trị tinh thần bền vững, cao quý, những “bài ca chiến thắng”; những lễ sống, niềm tin, chinh phục trái tim, khối óc của nhân dân Việt Nam nhiều thế hệ và mặc nhiên luôn trở thành “ngôi sao sáng dẫn đường” cho dân tộc. Những thành tựu trên đây không phải bỗng dưng mà có, hễ có mà nhận hoặc phủ nhận; không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chắc chắn sẽ không có; bất cứ một tổ chức, một lực lượng nào đứng ra nhận hoặc phủ nhận, đều bị nhân dân Việt Nam bác bỏ, bởi đó là những thành quả cách mạng của chính nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cứ mỗi chỗ gấp khúc, so le của lịch sử quyết định chiều hướng phát triển đất nước, dân tộc; cứ mỗi bước dân tộc ta, nhân dân ta nâng mình đi lên phía trước đều thấy công lao to lớn, vai trò quyết định không thể phủ nhận của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

2.2.2. Truyền thống cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong 90 năm qua, kể từ khi thành lập cho đến nay, trong bất kỳ hoàn cảnh nào - lúc hoạt động trong nước cũng như ở nước ngoài; lúc công khai cũng như bí mật; khi chưa nắm chính quyền cũng như khi trở thành Đảng cầm quyền; trong chiến tranh ác liệt cũng như hòa bình; lúc thuận lợi (được sự ủng hộ của nhân dân, bạn bè quốc tế, có những thành công, thắng lợi) cũng như lúc khó khăn (giai đoạn 1930 - 1931 bị khủng bố trắng, hầu hết các Ủy viên Trung ương bị bắt, tù đày, thủ tiêu, Ban Chấp hành Trung ương gần như bị tan rã, phải thành lập Ban chỉ huy ở ngoài nước; hay giai đoạn 1945 - 1946 khi chính quyền cách mạng còn non trẻ, Đảng phải rút lui vào hoạt động bí mật; giặc đốt, giặc đói, giặc ngoại xâm hoành hành, thù trong giặc ngoài; đất nước ngàn cân treo sợi tóc...); Đảng Cộng sản Việt Nam đã hun đúc, kiến trúc, tạo dựng cho mình một hệ thống thang bậc các giá trị truyền thống độc đáo, đặc sắc: Luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; trung thành, gắn bó, son sắt với Tổ quốc, nhân dân; đoàn kết thống nhất, tổ chức và kỷ luật chặt chẽ; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, thủy chung với bạn bè quốc tế; chứng tỏ là một Đảng cách mạng chân chính, bản lĩnh, dũng cảm, dày dặn kinh nghiệm, mưu trí, sáng tạo; là nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đưa cách mạng nước ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành những thắng lợi vĩ đại, mang ý nghĩa thời đại sâu sắc, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Thực tiễn phong phú, sinh động của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua đã chứng tỏ, sự

lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, lập nên nhiều kỳ tích trên đất nước Việt Nam. Mặt khác, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân. Thực tiễn đó khẳng định một chân lý: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Và cũng chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy và đúc rút được nhiều bài học quý báu, hun đúc nên *những truyền thống về vang* mà hôm nay chúng ta có trách nhiệm phải ra sức giữ gìn và phát huy. *Đó là truyền thống* trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Đó là truyền thống* giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. *Đó là truyền thống* gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. *Đó là truyền thống* đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. *Đó là truyền thống* đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả”³.

III. KẾT LUẬN

Bài viết khái quát về quá trình hình thành, những thành tựu và truyền thống cách mạng cơ bản của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, góp phần làm sáng rõ giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; công lao to lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là “nhân tố lý luận hình thành”, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ôn lại truyền thống cách mạng oanh liệt và vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 90 năm qua, nhìn lại những thành quả

³ <http://tuyengiaohungyen.vn/bai-viet/dien-van-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-tai-le-ky-niem-90-nam-ngay-thanh-lap-dang-cong-san-viet-nam.aspx>. Thứ bảy, ngày 10/10/2020 - 9:28:10 AM

cách mạng to lớn, có ý nghĩa lịch sử; chúng ta càng thấy được giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, dân tộc Việt Nam anh hùng, thông minh và sáng tạo; thấy rõ trách nhiệm, thêm nhiều động lực và quyết tâm phấn đấu xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu, vị thế, uy tín của Đảng; đẩy mạnh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái quan điểm, lập trường tư tưởng - chính trị, đạo đức ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.thivien.net/Chê-Lan-Viên/Tổ-quốc-bao-giờ-đẹp-thê-này-chăng/>
2. Tổ Hữu, *Một hành xuân*. Nguồn: <http://nslide.com>
3. Chu Hà, Lê Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, Nxb Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, tr.45.
4. <https://www.thivien.net/Chê-Lan-Viên/Tổ-quốc-bao-giờ-đẹp-thê-này-chăng/>
5. Sức mạnh Việt Nam (1976), *Một số tư liệu về thắng lợi vĩ đại của dân tộc và tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội trong giai đoạn mới*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.79.
6. <https://taodan.vn/tho/to-huu/ba-muoi-nam-doi-ta-co-dang-to-huu>.
7. <https://www.thivien.net>. Vui-bắt -tuyệt-to-huu
8. Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.90.
9. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.398.
10. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, tháng 12/1976, tr.5.

QUÁ TRÌNH KIẾN TẠO, XÁC LẬP, BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG - QUA CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ThS. Đinh Khắc Trung

Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình

Tóm tắt

Quá trình kiến tạo, xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, điều đó, một mặt cho thấy, đó là quá trình đổi mới, sáng tạo, phát triển liên tục về tư duy lý luận; mặt khác, cũng cho thấy sự trưởng thành vượt bậc không ngừng nghỉ trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đi sâu, bám sát các văn kiện qua các kỳ đại hội Đảng, bài viết tập trung làm rõ những nội dung cơ bản của quá trình kiến tạo, xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hơn 90 năm qua - một nhân tố quan trọng góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta, nhất là trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: Nền tảng tư tưởng của Đảng, xác lập, bổ sung, phát triển, các văn kiện đại hội.

I. MỞ ĐẦU

Ra đời ngày 3/2/1930, đến nay đã hơn 90 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, sau này là tư tưởng Hồ Chí Minh (từ Đại hội VII - 1991, đến nay) làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong các cội nguồn cốt lõi, có ý nghĩa quyết định tạo nên những thắng lợi cách mạng, có ý nghĩa lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài viết bước đầu, tập trung đi sâu, nghiên cứu, tìm hiểu quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện qua các văn kiện đại hội.

II. NỘI DUNG

2.1. Quá trình xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam - qua các văn kiện của Đảng giai đoạn (1930 - 1960)

Sau 10 năm ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn*

đề thuộc địa của V.I. Lênin (7/1920). Người tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc đó là con đường cách mạng vô sản, được coi là con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam. Từ thực tiễn của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sớm thấy được vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Đảng Cộng sản trong đấu tranh cách mạng, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* viết năm 1927, (trước khi Đảng ta ra đời 3 năm), Hồ Chí Minh đã viết: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì ? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹. Nắm bắt được nhu cầu, sự cần thiết phải có Đảng, quy luật hình thành Đảng - như sau này Người khẳng định: “Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin”²; “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930”³; Hồ Chí Minh và đội ngũ cộng sự đặc lực của mình đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản.

Được nghe báo cáo về tình hình không thống nhất giữa các tổ chức cộng sản ở trong nước và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên bị tan rã, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm tới Trung Quốc vào ngày 23/12/1929. Người triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng họp tại Hồng Kông ngày 06/01/1930 để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thảo luận và tán thành ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, thông qua kế hoạch thành lập một Đảng Cộng sản lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thống nhất cách cử Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo... Nghiên cứu các

¹ *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, 1997, tr.24.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.275.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.406.

văn kiện trong Hội nghị cho thấy có hai điểm đáng chú ý: Một là, trong tất cả các văn kiện được thảo luận và thông qua tại Hội nghị, mặc dù Đảng ta không trực tiếp khẳng định, nhưng vai trò chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng được thể hiện rõ nét, sâu đậm từ việc xác định tên gọi, bản chất giai cấp, vai trò lãnh đạo của Đảng, đến việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, lực lượng cách mạng, mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới... Chẳng hạn, Chánh cương vắn tắt của Đảng khẳng định: "... chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"⁴. Hai là, Cương lĩnh vắn tắt, chương trình vắn tắt, Điều lệ Đảng vắn tắt do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã viết và được Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930) thông qua, lấy đó làm Cương lĩnh, đường lối cách mạng. Như vậy, năm 1930, khái niệm "tư tưởng Hồ Chí Minh" chưa xuất hiện, nhưng trên thực tế tư tưởng của Hồ Chí Minh đã trở thành Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thể hiện những nội dung rất cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Sau khi Đảng ra đời, tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua thử thách và đã được khẳng định lại. Việc nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của Người đối với quá trình phát triển của dân tộc từ sau khi thành lập Đảng là một quá trình không đơn giản. Đã có sự hiểu không đúng từ Quốc tế Cộng sản và từ một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương do những người này bị chịu ảnh hưởng lớn của đường lối, quan điểm tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) trên vấn đề tập hợp lực lượng cách mạng ở những nước thuộc địa. Nhưng, thực tế đã chứng minh cho sự đúng đắn của những quan điểm của Hồ Chí Minh, vì vậy tư tưởng Hồ Chí Minh đã từng bước được khẳng định lại. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930), xác định: "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản... Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc..."⁵. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng đã họp tại một địa điểm ở phố Quan Công, Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 28 đến 31/3/1935, nhằm xác định đường lối cho thời kỳ đấu tranh mới khi Đảng đã phục hồi, tại (phần V- Tình hình đảng, mục 3. Tranh đấu trên hai mặt trận), nhận định: "Cuộc hội nghị của Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng cùng với các đại

⁴ *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.2.

⁵ *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.104.

biểu các đảng bộ trong xứ hồi tháng 6/1934 có nghị quyết bắt buộc các đảng bộ mở rộng sự tự chỉ trích Bôn-sê-vích trong các cấp đảng bộ, để nâng cao trình độ chính trị toàn Đảng và để giữ cho chủ nghĩa Mác - Lênin được trong sạch”⁶. Trong phần VI, xác định nhiệm vụ của đảng: “Đảng phải bảo đảm cho chủ nghĩa Mác - Lênin được trong sạch, cho hàng ngũ đảng được thống nhất về lý thuyết và thực hành”⁷. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951. Diễn văn khai mạc Đại hội của Đảng nhấn mạnh: “Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch; đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin ở Việt Nam. Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy, là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn”⁸. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam, xác định: “Đảng Lao động nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, làm cho nước Việt Nam độc lập và thống nhất, dân chủ tự do, phú cường và tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁹. Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt Nam, khẳng định: “*Chủ nghĩa* của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin”¹⁰.

2.2. Quá trình xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam - qua các văn kiện của Đảng giai đoạn (1960 - 1991)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 5 đến 12/9/1960. Nhiệm vụ chính: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống

⁶ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-i/nghi-quyet-chinh-tri-cua-dai-bieu-dai-hoi-congres-lan-thu-nhat-dang-cong-san-dong-duong> (Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam; thứ sáu, 17/07/2020:54:27 GMT +7).

⁷ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-i/nghi-quyet-chinh-tri-cua-dai-bieu-dai-hoi-congres-lan-thu-nhat-dang-cong-san-dong-duong> (Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam; thứ sáu, 17/07/2020:54:27 GMT +7).

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.9.

⁹ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ii/chinh-cuong-dang-lao-dong-viet-nam-1448> Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam; thứ bảy, 18/7/2020 14:55' (GMT +7).

¹⁰ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-ii/tuyen-ngon-cua-dang-lao-dong-viet-nam>. Báo điện tử - Đảng Cộng sản Việt Nam; thứ bảy, 18/7/2020 14:55' (GMT +7).

nhất nước nhà ở miền Nam. Đồng chí Hồ Chí Minh - Chủ tịch Đảng đọc lời khai mạc Đại hội. Người nói: “Lịch sử ba mươi năm đấu tranh của Đảng đã dạy chúng ta rằng: Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản và của dân tộc; giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản, giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, đó là cái bảo đảm chắc chắn nhất cho cách mạng thắng lợi”. Báo cáo chính trị của Đại hội khẳng định: “Sức mạnh vô địch của Đảng ta chính là ở chỗ Đảng ta tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc, không ngừng củng cố sự đoàn kết nhất trí của mình chung quanh Trung ương Đảng và đồng chí Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính mến của giai cấp công nhân và của dân tộc ta, đồng thời luôn tăng cường sự đoàn kết quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản”¹¹; “Cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi... Thắng lợi đó cũng chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập”¹².

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 14 đến 20/12/1976. Diễn văn khai mạc Đại hội khẳng định: “Đảng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh nước ta một cách đúng đắn và sáng tạo, thực hiện chỉ thị sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ lịch sử do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra, làm tròn sứ mệnh thiêng liêng đối với Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình”¹³. Báo cáo Chính trị tại Đại hội khẳng định: “Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng,

¹¹ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iii/bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iii-1453>

¹² <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iii/bao-cau-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iii-1453>

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.425-426.

vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế¹⁴.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27 đến 31/3/1982, tại Hà Nội, xác định nhiệm vụ chính là xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Trong Diễn văn khai mạc Đại hội nhấn mạnh: “Đảng Cộng sản Việt Nam là một đảng cách mạng kiên cường, trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, với vận mệnh của dân tộc và lợi ích của nhân dân”¹⁵. Đảng ta xác định: “Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng”¹⁶.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ ngày 15 đến 18/12/1986, tại Hà Nội. Đại hội khởi xướng đưa đất nước tiến hành công cuộc đổi mới. Báo cáo chính trị Đại hội khẳng định: “Đại hội VI của Đảng, 1986, Đảng ta khẳng định: “Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹⁷. Đại hội “biểu thị quyết tâm của Đảng giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lênin, tiến bước theo con đường do Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹⁸.

2.3. Quá trình xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam - qua các văn kiện của Đảng giai đoạn (1991 - đến nay)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng tại Hà Nội từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã

¹⁴ tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-iii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-1513

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.18.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, tập 3, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.61.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.807.

¹⁸ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-1491>

hội, Đảng ta khẳng định: Từ thực tiễn cách mạng với những thành công và khuyết điểm, sai lầm, có thể rút ra bài học lớn: “*sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan*”¹⁹. Trong Cương lĩnh Đảng ta nhấn mạnh: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”²⁰. Đại VII, Đảng ta lần đầu tiên nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của dân tộc”²¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng diễn ra từ ngày 28/6 đến 1/7/1996, tại Hà Nội. Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm qua, Đảng ta rút ra bài học: “Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Trong công tác xây dựng Đảng, phải thường xuyên nắm vững và tập trung làm tốt những điều cơ bản sau đây: “Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của đảng. Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn”²².

¹⁹ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi>

²⁰ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi>

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.33.

²² <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-viii-cua-dang>

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tại Hà Nội từ ngày 19 đến 22/4/2001 Báo cáo chính trị của Đại hội khẳng định: “Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng... *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*”. *Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006), khi đề cập tư tưởng Hồ Chí Minh, đã nêu rõ: “Sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau”²³.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2011), trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ*

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.6.

sung, phát triển năm 2011) đã nêu: “*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi*”²⁴.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Báo cáo chính trị của Đại hội khẳng định: “*Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”... Nhìn lại 30 năm đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, rút ra bài học sau: “trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam*”²⁵. Tổng kết 86 năm hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta, người chiến sĩ cộng sản quốc tế mẫu mực, người bạn thân thiết của các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ*

²⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.88.

²⁵ <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-xii-cua-dang-1600>

nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta"²⁶.

Các Đại hội đại biểu toàn quốc tiếp nối về sau của Đảng cũng luôn khẳng định công lao vĩ đại của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và khẳng định tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là những nhân tố không thể thiếu trong tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016) nhấn mạnh rằng, phải “kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam”²⁷.

III. KẾT LUẬN

Bài viết bước đầu, tập trung đi sâu, nghiên cứu, tìm hiểu quá trình xác lập, bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng - thông qua các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, ở 3 giai đoạn cơ bản (1930 - 1960; 1960 - 1990; 1990 - nay) gắn với chiều dài ra đời, tồn tại, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, cho thấy, sự trưởng thành, phát triển trong nhận thức và hành động của Đảng, trong quá trình kiến tạo, xác lập, bổ sung, phát triển, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, cho thấy vị trí, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Xuân Lý (Chủ biên) (2007), *Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bùi Kim Đình, Nguyễn Quốc Bảo (2005), *Hỏi - đáp môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Một số chuyên đề về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.7-8.

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.199.

4. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2008), *Về phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Lê Mậu Hãn, Trình Muru (Đồng chủ biên) (2006), Mạch Quang Thắng, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng, Tái bản lần 2 có sửa chữa bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội,.
6. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, (50 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, (55 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ThS. Nguyễn Thị Thu Dung

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo là một trong các thành tố, tố chất thẩm mỹ quan trọng nhất thuộc cấu trúc nhân cách chủ quan của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930), thành tố, tố chất thẩm mỹ đó được tập trung thể hiện rõ nét và điều đó có ý nghĩa quan trọng, sâu sắc với công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới hiện nay. Bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ tính độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930). Trên cơ sở đó, phân tích để rút ra ý nghĩa của nó với công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới hiện nay.

Từ khóa: Độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo, Đảng Cộng sản Việt Nam, thời kỳ đổi mới.

I. MỞ ĐẦU

Cách đây tròn 100 năm, Nguyễn Ái Quốc đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước và giải phóng dân tộc. Trong quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân trong nước, với định hướng mục tiêu là sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, gieo hạt giống cách mạng đầu tiên cho khắp bốn phương trời Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo. Với những hoạt động độc lập, tự chủ, sáng tạo, kiên trì, bền bỉ, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930). Trong bối cảnh, tình hình quốc tế và dân tộc với nhiều chuyển biến phức tạp, khó lường như hiện nay, đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, Đảng ta cần tiếp tục nâng cao tinh thần chủ động, sáng tạo trong xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới để Việt Nam ngày một giàu đẹp, văn minh.

II. NỘI DUNG

2.1. Độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Chủ động, sáng tạo trong quyết định ra đi tìm đường cứu nước

Ngay sau khi thực dân Pháp vào xâm lược nước ta, hàng loạt các cuộc đấu tranh chống pháp diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Nổi bật như phong trào đấu tranh của Trương Định, Nguyễn Trung Trực,... đặc biệt là phong trào Cần vương do Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng. Tuy nhiên các phong trào đều bị thực dân Pháp dập tắt. Sự thất bại của phong trào Cần vương đánh dấu sự chấm dứt hoàn toàn các phong trào chống Pháp theo khuynh hướng phong kiến. Lúc này, nhiều người yêu nước Việt Nam hướng ra nước ngoài, tìm đến những con đường mới để giải phóng dân tộc như con đường Duy Tân của Nhật Bản (1860), con đường Cách mạng tư sản Pháp (1789), con đường Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc (1911)... Gặp gỡ nhiều vị các mạng tiền bối, khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... nhưng Nguyễn Ái Quốc không tán thành con đường cứu nước của họ. Với mối quan hệ thân tình, Phan Bội Châu đã muốn đưa Nguyễn Ái Quốc và một số thanh niên sang Nhật, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã quyết định không đi theo con đường cách mạng này¹.

Với suy nghĩ độc lập, tự chủ, Nguyễn Ái Quốc thấy được những hạn chế của con đường cứu nước mà các nhà cách mạng tiền bối lựa chọn cũng như sự bất lực của các trào lưu tư tưởng cải lương từ Trung Quốc, Nhật Bản ảnh hưởng vào nước ta. Qua đó, Người nhận thấy rõ phải tìm ra con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Khác với tư tưởng hướng về phương Đông như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây, nơi đang sống của kẻ thù. Mục đích xuất dương của Người cũng khác. Nếu như Cụ Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật để đánh Pháp (khác nào đũa hồ cửa trước, rước beo cửa sau), Cụ Phan Châu Trinh muốn cải cách xã hội, yêu cầu người Pháp trả tự do (khác gì xin giặc rủ lòng thương). Nguyễn Ái Quốc sang phương Tây để tìm con đường cứu nước cho dân tộc.

Ngày 5/6/1911, với cái tên Nguyễn Văn Ba, Người đã bắt đầu hành trình đến phương Tây mang theo hoài bão, khát vọng tìm kiếm con đường mang đến độc lập cho Tổ quốc. Việc lựa chọn hướng đi đúng đắn là dấu ấn quan trọng đầu tiên thể hiện tính độc

¹ Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Nghệ An, tr.13.

lập, tự chủ trong tư duy của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đây cũng là bước đi “then chốt” quyết định sự nghiệp hoạt động cách mạng của Người và của cách mạng Việt Nam.

b. Chủ động, sáng tạo trong lựa chọn con đường cứu nước và truyền bá về Việt Nam

Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Người đã đến nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều tầng lớp trong xã hội. Thông qua học tập, nghiên cứu lý luận và các hoạt động đấu tranh cách mạng sôi nổi trong thực tiễn. Người trực tiếp khảo sát ba cuộc cách mạng nổi tiếng là Cách mạng Mỹ (1776), Cách mạng Pháp (1789) và Cách mạng tháng Mười Nga (1917), Người nhận thấy Cách mạng Mỹ và Cách mạng Pháp tuy thành công nhưng “không đến nơi” bởi người dân lao động vẫn chịu áp bức bóc lột, chỉ có Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là “đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam”².

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc bắt gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Lúc đầu, Nguyễn Ái Quốc “ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên”, “kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình”³. Song, với nhãn quan chính trị sắc bén, Người đã thấy rõ con đường cách mạng đúng đắn mà cách mạng Việt Nam sẽ trải qua là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội và cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít với cách mạng thế giới.

Kể từ đây, đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, từ người “tìm đường” trở thành người “dẫn đường” cho cách mạng Việt Nam, giải quyết khủng hoảng về đường lối cứu nước cho dân tộc. Bằng những hoạt động kiên trì của mình, Nguyễn Ái Quốc sáng tạo ra cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam hết sức độc đáo.

Ngoài viết sách, báo tuyên truyền cách mạng, năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ra báo *Thanh niên*, mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng. Đội ngũ này sẽ được cử về nước, sống và làm việc với công nhân, nông dân để trực tiếp tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, đưa phong trào cách mạng phát triển mạnh theo khuynh hướng vô sản. Những người chiến sĩ cộng sản - là phương tiện tuyên truyền “sống”, hết sức sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.280

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.561.

Những bài giảng của Người được tập hợp thành cuốn sách *Đường Kách mệnh* xuất bản năm 1927. Trong tác phẩm, Người nêu rõ: “*Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy*”⁴.

Nguyễn Ái Quốc đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều nội dung quan trọng, đặc biệt là về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nguyễn Ái Quốc từng nói: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”⁵. Đối với các dân tộc phương Đông, cần phải “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản”⁶. Trên cơ sở triết lý phương Đông, Nguyễn Ái Quốc nêu ra một luận điểm có giá trị khoa học đặc sắc: “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản là một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi,... nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ trở thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, Quốc tế Cộng sản sẽ được lợi trực tiếp”⁷.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về cách mạng vô sản, về tính chất cách mệnh, về lực lượng cách mạng, lãnh đạo cách mạng, quan hệ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới và phương pháp cách mạng. Ở nội dung nào, Nguyễn Ái Quốc cũng học tập và vận dụng sáng tạo.

Theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Vận dụng sáng tạo quy luật này ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nghèo nàn lạc hậu như Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây chính là sáng tạo nổi bật nhất của Hồ Chí Minh trong quá trình vận động thành lập Đảng. Người trung thành với nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về quy

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.289.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.509-510.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.513.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.467.

luật ra đời của Đảng, đồng thời có bổ sung, sáng tạo vào quy luật ấy với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đó là phong trào yêu nước. Hồ Chí Minh đã phân tích rất kỹ tính chất xã hội, cơ cấu giai cấp của xã hội Việt Nam để chỉ ra quy luật này.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, số lượng ít, chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền mà chưa phải là công nhân đại công nghiệp như ở phương Tây. Tuy vậy, giai cấp công nhân Việt Nam cũng là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, có tinh thần cách mạng triệt để nhất, có mối liên hệ mật thiết với nông dân, là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Phong trào công nhân diễn ra nhưng quy mô còn nhỏ, tổ chức chưa chặt chẽ. Bên cạnh đó, phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra sôi nổi, rộng khắp, thu hút được đông đảo các giai cấp, tầng lớp tham gia. Vì vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước cần phải hỗ trợ nhau để thu hút lực lượng đông đảo trong xã hội, nhất là nông dân.

c. Chủ động, sáng tạo trong cách thức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ khi xác định con đường cách mạng vô sản là con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc chủ động tuyên truyền tư tưởng, lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân, chủ động tổ chức Đảng. Cùng với việc xây dựng học thuyết cách mạng giải phóng dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực chuẩn bị về tổ chức, đào tạo cán bộ cách mạng. Xuất phát từ thực tiễn của đất nước những năm 20 của thế kỷ XX, mặc dù phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản ngày càng phát triển, song trình độ nhận thức của nhân dân ta còn thấp, giai cấp công nhân giai cấp cách mạng, tiên tiến có số lượng ít (chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong khối dân cư), trình độ giác ngộ chưa đủ để có thể tiến hành thành lập ngay một chính Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành các bước quá độ, từng bước một. Nguyễn Ái Quốc đã tiếp cận với những thanh niên yêu nước Việt Nam cấp tiến trong tổ chức Tâm tâm xã, tuyên truyền, giác ngộ họ để thành lập nên nhóm *Cộng sản đoàn* (2/1925). Dựa trên nhóm *Cộng sản đoàn*, tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên* - một tổ chức quá độ, trung gian và vừa tầm - từ đó bằng nhiều cách thức khác nhau, Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị mọi điều kiện để thành lập Đảng.

Chủ động chủ trì Hội nghị thành lập Đảng. Khi phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản trong nước đang trên đà phát triển, *Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên* đã phân liệt, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản là *Đông Dương*

Cộng sản đảng (6/1929), An Nam Cộng sản đảng (8/1929) hoạt động riêng rẽ và có biểu hiện công kích nhau. Cùng thời gian đó, những người tiên tiến trong Đảng Tân Việt cũng tập hợp lại và tuyên bố lập ra Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9/1929).

Khi thấy được yêu cầu cần thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, Nguyễn Ái Quốc đã rời Xiêm (11/1929) trở lại Trung Quốc để thực hiện nhiệm vụ lịch sử thống nhất các tổ chức cộng sản nhằm chấm dứt tình trạng hoạt động phân tán, ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc. Để hợp nhất các tổ chức cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập chủ trì Hội nghị, chủ động xây dựng một cương lĩnh cách mạng sáng tạo, phù hợp. *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”... “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”⁸ thể hiện sự lựa chọn dứt khoát con đường đấu tranh cách mạng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh còn chủ trương đoàn kết hết thảy mọi lực lượng cách mạng vào cuộc cách mạng chung của dân tộc. Đây là chủ trương đúng đắn và phù hợp với cách mạng một nước thuộc địa như Việt Nam. Đặc biệt, việc đặt cách mạng Việt Nam vào trào lưu tiên bộ nhất của loài người trong thế kỷ XX là sáng tạo rất lớn của Đảng ta.

Sự ra đời của Đảng đã đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, đồng thời qua đó thấy được tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc xác lập con đường đi cho cách mạng Việt Nam.

2.2. Ý nghĩa với công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới

Cách mạng là sáng tạo và luôn luôn đòi hỏi sáng tạo. Sự nghiệp đổi mới là một sự sáng tạo do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, ... cần có tinh thần sáng tạo trong lao động, công tác, không giáo điều, rập khuôn, máy móc. Những di sản tư tưởng độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo trên đây của Bác có ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Chúng ta cần ghi nhớ phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” của Bác, giữa chiến lược và sách lược làm sao hài hòa, giữ vững nguyên tắc nhưng hình thức, bước đi phải rất uyển chuyển, tránh giáo điều, duy ý chí, nóng vội. Quan trọng là vận dụng sáng tạo và phát triển, không rập khuôn, cứng nhắc. Bác dạy học tập Mác - Lênin là học phương pháp vận dụng, chứ không phải là học câu chữ.

Tư duy đổi mới sáng tạo về kinh tế, chính trị, chính sách đối nội, đối ngoại... của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự, có ý nghĩa vượt thời gian.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1.

Thế giới hiện nay là thế giới của tri thức sáng tạo, học tập phong cách tư duy Hồ Chí Minh là học tập tinh thần sáng tạo để hành động cho phù hợp với mục tiêu đã đề ra. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh là không giáo điều, rập khuôn, tránh lối cũ, đường mòn, tự mình tìm tòi, suy nghĩ, truy đến tận cùng bản chất của sự vật, hiện tượng để tìm ra chân lý, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tiễn.

Trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay, sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước đứng trước nhiều cơ hội cũng như thách thức mới. Khung cảnh của thế giới hiện đại là những quan hệ chằng chịt. Nhiều hình thái kinh tế xã hội khác nhau, nhiều cách thức phát triển xã hội khác nhau đang cùng tồn tại. Quan hệ quốc tế ngày càng đa dạng, nhiều chiều, phức tạp. Giữa các nước và các chế độ xã hội có sự đấu tranh với nhau, có sự tác động phụ thuộc lẫn nhau, có cả chuyển hóa lẫn nhau. Vậy nên, thực hiện quá trình đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế là phải biết giữ mình, không để bị méo mó đi, hoặc bị hòa tan. Cùng với đó, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước khác nhau có thể được tiến hành bằng những con đường khác nhau, thể hiện dưới những hình thức khác nhau, phù hợp với đặc điểm riêng của mỗi nước, mỗi dân tộc. Trong quá trình phát triển, ta cần tăng cường giao lưu, hợp tác, học hỏi kinh nghiệm ở những nước có trình độ phát triển cao hơn. Tuy nhiên, quá trình tiếp thu, học hỏi phải luôn vận dụng linh hoạt, chọn lọc và sáng tạo khi đưa vào Việt Nam sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.

III. KẾT LUẬN

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 đánh dấu bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, vai trò to lớn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Trong suốt quá trình tìm đường, khi tìm thấy con đường đấu tranh phù hợp cho cách mạng Việt Nam (1920), chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, lý luận, tổ chức cho đến khi thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm với cách mạng dân tộc; tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong tư tưởng và thực tiễn hoạt động cách mạng. Trong quá trình đổi mới đất nước ngày càng sâu rộng, đầy thử thách và vinh quang ngày nay, phát huy tinh thần cách mạng đó, chúng ta phải vừa phát huy tối đa nội lực, vừa phải tranh thủ những điều kiện thuận lợi quốc tế mang lại nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh “sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Dân Tiên (2005), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Nghệ An.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

NCS. Ngô Văn An

Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là sự kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, học tập và làm theo tư tưởng của Người là yếu tố then chốt để củng cố, xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh và đó là cội nguồn thúc đẩy sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Dân.

I. MỞ ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, là sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong toàn bộ di sản tư tưởng quý báu của Người để lại cho dân tộc Việt Nam, tư tưởng về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân có giá trị về lý luận và thực tiễn to lớn đối với quá trình cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Khái quát quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân

Quan hệ giữa Đảng với nhân dân là quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong điều kiện đã xuất hiện đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng. Nó dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử; về chính đảng kiểu mới của giai cấp vô sản và trên cơ sở của vấn đề lợi ích. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng khẳng định: Thành công của cách mạng vô sản hoàn toàn phụ thuộc vào sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, ở khả năng thu hút nhân dân vào việc đấu tranh phá vỡ chế độ cũ và xây dựng xã hội mới. Ngay trong cách mạng Đức, C. Mác cho rằng “Toàn bộ vấn đề ở Đức sẽ phụ thuộc vào khả

năng ủng hộ cuộc cách mạng vô sản bằng cách tái bản dưới hình thức nào đó của cuộc chiến tranh của nông dân. Khi đó sự việc sẽ tuyệt vời”¹. Ông cũng chỉ ra rằng, Đảng vô sản phải làm những gì để quần chúng hiểu rõ vì sao phải tự mình tham gia vào cuộc đấu tranh đó. V.I. Lênin cũng đánh giá rất cao vai trò của quần chúng nhân dân, coi cách mạng là sự nghiệp quần chúng của nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, Đảng là người tổ chức lãnh đạo nhân dân để thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng của Đảng. Theo V.I. Lênin, Đảng phải có quan hệ mật thiết với nhân dân, gắn bó với nhân dân như máu thịt. Ông cho rằng nếu không có sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân thì mọi chủ trương, đường lối của Đảng không thể thực hiện được “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản là để GIÀNH LẤY sự đồng tình, để GIÀNH LẤY sự ủng hộ của đa số nhân dân lao động”². Gắn bó chặt chẽ với quần chúng nhân dân sẽ phát huy được tính sáng tạo cách mạng của họ và sức mạnh to lớn của họ trong sự nghiệp cách mạng. V.I. Lênin viết “Những người cộng sản chỉ như những giọt nước trong đại dương mênh mông” và “Chỉ riêng những bàn tay của những người cộng sản thì không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”. V.I. Lênin cũng chỉ ra rằng, cách mạng vô sản ở mỗi nước không chỉ cần có sự ủng hộ của quần chúng nhân dân ở nước đó mà cần phải có sự ủng hộ quốc tế của nhân dân lao động bị áp bức và bóc lột, chỉ có như vậy thì cách mạng vô sản ở mỗi nước mới giành được thắng lợi.

2.2. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân

Kế thừa, tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào”³. Nhưng nhân dân cần phải giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới thành lực lượng to lớn. Muốn cách mạng thành công thì “trước hết phải có đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức quần chúng, ngoài thì liên hệ với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy”⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của nhân dân. Người khẳng định “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực

¹ C. Mác - Ăngghen (1981), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.681.

² V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.251.

³ Hồ Chí Minh (1984), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.776.

⁴ Hồ Chí Minh (1984), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.188 -189.

lượng đoàn kết của nhân dân”⁵. Theo Người, trách nhiệm của Đảng Cộng sản là phải vì *quyền lợi của dân*. Do đó, việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm; việc gì hại đến dân phải hết sức tránh; mọi công việc đều vì lợi ích của dân. “Tất cả đường lối, phương châm, chính sách của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân nói chung”⁶. “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân”⁷. Người coi nhân dân chính là động lực, mục đích của cuộc cách mạng. Cách mạng xuất phát từ nhân dân, đem lại lợi ích thiết thực về mọi mặt cho nhân dân. Tính mục đích ấy chi phối đến toàn bộ hoạt động của Đảng Cộng sản cầm quyền. Do vậy, Đảng Cộng sản ra đời, tồn tại và phát triển không phải vì mục đích tự thân mà là vì nhân dân. Lợi ích của nhân dân được đảm bảo đến mức độ nào là thước đo chính xác cho hiệu quả của đường lối, chủ trương của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định rõ trách nhiệm của Đảng cầm quyền là *người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân*. Quan điểm này được xuất phát từ những cơ sở sau:

Một là, Người khẳng định chế độ ta là chế độ dân chủ, dân là chủ, và dân làm chủ. Như vậy nhân dân chính là người chủ, hiểu về nghĩa chính trị. Trong lĩnh vực người chủ ấy, nhân dân có quyền hạn lớn. Do cái đích, cái mục tiêu mà Đảng cầm quyền phải phấn đấu là đưa lại lợi ích cho nhân dân thì việc tất cả các tổ chức đảng, Nhà nước, tất cả cán bộ, đảng viên đều phải xác định mình ở vào vị trí “người phục vụ”, “người đầy tớ” của nhân dân.

Hai là, cán bộ, đảng viên không phải là “làm quan cách mạng”, bởi vì “Đảng không phải là tổ chức làm quan phát tài”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng ăn trên ngồi trốc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết sức hết lòng phục vụ nhân dân”⁽⁸⁾. Cán bộ phải có thái độ kính yêu nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, học hỏi quần chúng, thật thà, ngay thẳng; không dấu dốt, giấu khuyết điểm, giấu sai lầm; khiêm tốn, gần gũi quần chúng; không được kiêu ngạo; phải thực sự cầu thị; không được chủ quan; kiên quyết dựa và quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành thắng lợi mọi chủ trương,

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 453.

⁶ Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.136.

⁷ Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.48.

⁸ Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.809.

chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong vấn đề quan hệ với dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chăm lo tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, phải chí công vô tư, cần kiệm liêm chính và có tinh thần “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

Ba là, với trách nhiệm của một đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam phải chăm lo đến đời sống của nhân dân lao động. Người khẳng định: “nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt Đảng và Chính phủ có lỗi. Nếu dân ốm Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”⁹. Đảng chính là người chịu trách nhiệm cuối cùng và chịu trách nhiệm lớn nhất đối với sự thành bại của cách mạng nói chung và đối với cuộc sống thường nhật của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cảnh tỉnh cho những tổ chức Đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên về *những nguy cơ xa rời dân, làm tổn hại đến mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và dân*. Sự phá vỡ mối quan hệ máu thịt gắn bó đó là hồi chuông báo hiệu cho sự biến chất của Đảng Cộng sản cầm quyền. Vì vậy, phải coi mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân là một trong những nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng.

Trong khi đề cập đến mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm là nhân dân tổ chức ra Đảng, do vậy, Người cũng đặc biệt nhấn mạnh phải tạo điều kiện, khuyến khích nhân dân góp phần xây dựng Đảng. Đây thực sự là trách nhiệm của nhân dân, đặc biệt là việc góp ý liên với Chi bộ trong việc tuyển chọn người vào Đảng, tuyển chọn cán bộ lãnh đạo.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Đảng ta luôn khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Là đội tiên phong chính trị, đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy việc phục vụ Tổ quốc, phục vụ giai cấp và nhân dân là mục đích cao nhất của mình. Toàn bộ hoạt động của Đảng đều xuất phát từ tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Đảng là người lãnh đạo, người đầy tớ thực sự trung thành của dân*.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo trong 90 năm qua luôn thể hiện rõ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau. Dân cần Đảng vì có Đảng lãnh đạo, dẫn đường, chỉ lối

⁹ Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.260.

thì nhân dân mới giành được thắng lợi trong công cuộc đấu tranh tự giải phóng, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đảng cần dân vì có dân thì Đảng mới có điều kiện để tồn tại và phát triển, mới có lực lượng, sức mạnh và khả năng hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Bản chất cách mạng của Đảng chỉ được giữ vững, sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo chỉ có thể phát triển và đạt được những thành tựu vững chắc khi Đảng có dân, được dân ủng hộ, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân thường xuyên được củng cố. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam là minh chứng sinh động cho chân lý đó. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” hiện nay, để tiếp tục củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, chúng ta cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải phù hợp với quy luật khách quan, với tình hình thực tế của đất nước và đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của dân, đem lại lợi ích thực tế cho nhân dân.

“Ý Đảng, lòng dân” phải luôn thống nhất với nhau. “Ý Đảng” là đường lối chủ trương của Đảng, còn “lòng dân” tức là nguyện vọng, lợi ích của nhân dân. Ý Đảng, lòng dân gặp nhau được thể hiện ở hiệu quả thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước. Xây dựng nền dân chủ XHCN là thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khơi dậy và phát huy cao độ sự năng động sáng tạo của toàn dân. Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu để toàn đảng, toàn dân cùng đồng tâm hiệp lực, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ ba, kiên định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng, tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh - nhân tố quyết định tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ mới.

Thực tiễn đã minh chứng: mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mối quan hệ giữa Đảng và dân tốt hay xấu trước hết do Đảng quyết định. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ: “Phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng. Vì ở nước ta không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc, không có quyền làm chủ thực sự của dân, không có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng; ở những bước chuyển giai đoạn, vai trò đó lại càng quan trọng”⁽¹⁰⁾. Khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng hiện nay là vấn đề có tính nguyên tắc. Để giữ vững vai trò lãnh đạo, Đảng luôn phải xây dựng và chỉnh đốn bản thân thật sự trong sạch, vững mạnh. Đảng phải là một khối thống nhất, nòng cốt vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, để thực hiện nhiệm vụ của Đảng, của dân tộc. Nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng, có ý chí, hoài bão lớn, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, có đạo đức trong sáng, thực hiện “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Mỗi tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng xây dựng phong cách công tác, đi sâu, đi sát quần chúng. Mọi cán bộ, đảng viên, mọi công chức nhà nước phải làm tốt công tác dân vận giữ mối liên hệ tốt với dân.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh đang là một trong những nhiệm vụ cấp thiết đòi hỏi Đảng ta phải luôn luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, Đảng phải thường xuyên liên hệ, gắn bó mật thiết với nhân dân. Đây là vấn đề then chốt có ý nghĩa quan trọng hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam thành công trong sự nghiệp đổi mới.

Bối cảnh tình hình thế giới và trong nước hiện nay mặc dù có nhiều biến đổi, nhưng chúng ta có thể khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.47.

với nhân dân vẫn mãi còn nguyên giá trị, tiếp tục là ánh sáng soi đường cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. C. Mác - Ph. Ăngghen (1981), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (1984), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (1984), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (1980), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH GÓP PHẦN BỔ SUNG VÀ LÀM PHONG PHÚ THÊM KHO TÀNG LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ QUYỀN ĐỘC LẬP, TỰ DO CỦA DÂN TỘC

ThS. Lê Văn Thuật

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt

Nhân dân Việt Nam và nhân dân tiến bộ trên thế giới ca ngợi Hồ Chí Minh, công nhận Người có vai trò quyết định đối với sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam và góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Có được những thành quả như vậy là nhờ Hồ Chí Minh đã biết vận dụng, bổ sung, phát triển sáng tạo và làm phong phú thêm học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa, về quyền dân tộc tự quyết.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập, tự do.

I. MỞ ĐẦU

Hồ Chí Minh một con người vĩ đại, đã giành trọn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc giành quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng trên toàn thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; là sự kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong đó, độc lập, tự do của dân tộc là tư tưởng chủ đạo, chi phối toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Trong hành trình tìm đường cứu nước, khi nghiên cứu các tác phẩm kinh điển, Hồ Chí Minh nhận thấy một trong những ưu điểm đặc sắc nhất của kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan tất cả vì con người, cho con người và do con người. Người đã tiếp thu đồng thời phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, thông qua chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã thấy thế giới là thống nhất, không chỉ gồm các nước tư bản phát triển mà cả nhân loại cần lao đang cần được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, khỏi nghèo nàn, lạc hậu để có cuộc sống thật sự ấm no, hạnh phúc, cuộc sống đúng với ý nghĩa của nó. Những tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do của dân tộc đã góp phần phát triển sáng tạo, bổ sung và làm phong phú thêm chủ

ngĩa Mác - Lênin về quyền dân tộc tự quyết, về vấn đề dân tộc thuộc địa. Đúng như nhà nghiên cứu Nhật Bản Shingo Shibata đã nhận xét: “Những cống hiến lớn của Người đã góp phần đào sâu và phát triển lý luận của chủ nghĩa Lênin đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Trong lĩnh vực này điều cần phải đặc biệt nói đến là những lời tố cáo tội ác của bọn thực dân đã được đưa lên tới một đỉnh cao mới, với một bằng chứng cụ thể hơn bất kỳ một tài liệu nào trước đây về vấn đề đó”¹.

II. NỘI DUNG

2.1. Hồ Chí Minh đã vạch ra được một chiến lược giải phóng dân tộc vì độc lập, tự do theo con đường cách mạng vô sản

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã chiến đấu không mệt mỏi vì một mục tiêu duy nhất - độc lập, tự do cho dân tộc mình và góp phần giải phóng các dân tộc thuộc địa khác trên thế giới khỏi ách đô hộ của thực dân, đế quốc. Sinh ra và lớn lên trong thời đại mà những mâu thuẫn bên trong của chủ nghĩa tư bản đế quốc đang ngày càng gay gắt và sự đứng lên của các dân tộc thuộc địa nói chung, của cách mạng phương Đông, trong đó có Việt Nam nói riêng, phát triển song song với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa, Hồ Chí Minh sớm nhận ra mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa, giữa đế quốc với đế quốc, mối quan hệ giữa các thuộc địa với chính quốc và giữa các nước thuộc địa với nhau.

Người hiểu sâu sắc quan điểm nổi tiếng của Lênin khi cho rằng bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cách mạng vô sản, cách mạng thuộc địa tuy vẫn mang nội dung dân tộc dân chủ nhưng không còn phụ thuộc vào phạm trù cách mạng tư sản kiểu cũ mà đã trở thành cách mạng tư sản dân chủ kiểu mới, trở thành một bộ phận khăng khít với cách mạng vô sản, do đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Hồ Chí Minh nói: “Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới”².

Bằng hình tượng “con đũa hai vôi”, Người đã nhấn mạnh được mối quan hệ biện chứng của cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc. Song, căn cứ tình hình ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến tính chủ động của cách mạng giải phóng dân tộc vì độc lập tự do. Người cho rằng, cách mạng thuộc địa cần có sự liên hệ mật thiết với cách mạng vô sản ở chính quốc nhưng không thể phụ thuộc

¹ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch* (1971), Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.220.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.392.

vào cuộc cách mạng đó. Với Người, cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, chẳng những có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản chính quốc mà khi thắng lợi nó sẽ đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước chính quốc. Người viết: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”³. Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng kêu gọi tất cả nhân dân lao động trên toàn thế giới phải biết đoàn kết với nhau để cùng chống lại kẻ thù chung. Nếu như Mác, Ăngghen đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”, sau khẩu hiệu đó được Lênin phát triển thành “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!” đến lượt mình, để mở rộng tình đoàn kết trong tất cả những người lao động trên toàn thế giới, Hồ Chí Minh đưa ra khẩu hiệu: “Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại!”⁴. Đây là một bước phát triển nhận thức mới về động lực và sách lược cách mạng, đáp ứng đúng yêu cầu mới của tình hình thế giới. Từ đó, Người dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁵.

Tính đúng đắn, sáng tạo trong quan điểm này của Hồ Chí Minh đã được chứng minh bằng thắng lợi của cách mạng Việt Nam và cách mạng của các nước ở châu Á, Phi, Mỹ Latinh trong những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI.

2.2. Hồ Chí Minh đã phát triển sáng tạo nguyên lý về Đảng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng thành công Đảng Cộng sản ở nước thuộc địa, nửa phong kiến

Chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân hình thành nên Đảng Cộng sản. Đó là nguyên lý xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Việt Nam là một nước thuộc địa, nửa phong kiến, giai cấp công nhân còn ít mà lực lượng yêu nước và cách mạng thì đông đảo. Công lao to lớn đầu tiên của Hồ Chí Minh so với rất nhiều nhà cách mạng yêu nước tiền bối trước, chính là đã phát hiện vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và khả năng tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin của các tầng lớp và cá nhân yêu nước. Người đã vận dụng sáng tạo, đồng thời phát triển nguyên lý xây dựng Đảng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.262.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.496.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

điều kiện của Việt Nam, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ vào phong trào công nhân mà cả phong trào yêu nước dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa xuân năm 1930, nhân tố quan trọng quyết định sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do của cách mạng Việt Nam.

Có thể nói rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đó là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là nhân tố quyết định, lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là một trong những cống hiến về lý luận xây dựng Đảng mà Người đóng góp vào kho tàng chủ nghĩa Mác - Lênin.

2.3. Xác định đó là sự nghiệp của toàn dân trên nền tảng liên minh công nông và trí thức, do giai cấp công nhân lãnh đạo

Nếu như C. Mác đã nghiên cứu chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX và phát hiện ra vai trò lịch sử của giai cấp vô sản là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản và là người xây dựng xã hội mới, xã hội cộng sản. Đến lượt mình, khi phát triển chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh của nước Nga, trong những năm 20 của thế kỷ XX, Lênin đã khẳng định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc thực dân và cách mạng giải phóng dân tộc đã thấy rõ sức mạnh đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Ngay khi thành lập Đảng, trên cơ sở phân tích đối tượng và nhiệm vụ cách mạng, Người chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Nhiệm vụ trước mắt là “giành lại thống nhất và độc lập hoàn toàn”. Động lực cách mạng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp tiểu tư sản trí thức. Lực lượng cách mạng còn có giai cấp tư sản dân tộc và các cá nhân yêu nước thuộc tầng lớp địa chủ vừa và nhỏ.

Vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VI (9/1928) vào điều kiện Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam là một lực lượng cách mạng cần tranh thủ, lôi kéo. Đồng thời, để khơi dậy lòng yêu nước của tầng lớp giàu có trong xã hội. Trong *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng, Người chỉ rõ: “trung, tiểu địa chủ và tư sản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁶.

Khi đề ra sách lược cách mạng dân tộc ở các nước thuộc địa, Lênin chưa hoàn toàn khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, bởi vì ở các nước thuộc địa

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.3.

giai cấp công nhân mới ra đời và chưa trưởng thành tự giác. Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã chỉ ra rằng, giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa phải là người lãnh đạo cách mạng, phải nắm lấy ngọn cờ độc lập dân tộc dân chủ chứ không để nó rơi vào tay của bất cứ giai cấp nào khác. Người sớm nhận thấy: “trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp” [26; tr.188]. Ở Việt Nam, Người khẳng định: “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân. Với lý luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam”⁷.

2.4. Phát huy tính độc lập và chủ động sáng tạo của các dân tộc thuộc địa trong đấu tranh giành quyền độc lập, tự do

Khi phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng quan điểm đó chỉ đúng với cách mạng vô sản ở các nước Tây Âu, chứ nó không còn phù hợp với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Có được những nhận định đó là bởi Hồ Chí Minh thấy được sự khác biệt rất lớn về điều kiện lịch sử ở các nước Tây Âu so với điều kiện ở các nước thuộc địa. Ở các nước thuộc địa, sự áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân là vô cùng nặng nề, làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với chủ nghĩa đế quốc thực dân trở thành mâu thuẫn lớn nhất và sâu sắc nhất, đó chính là cơ sở để nhân dân các dân tộc thuộc địa đứng lên “đem sức ta mà giải phóng cho ta” để đòi quyền độc lập, tự do. Từ đó, Hồ Chí Minh đã đưa ra một luận điểm rất mới mẻ rằng: “thuộc địa là mắt khâu yếu nhất trong hệ thống của chủ nghĩa đế quốc”⁸. Và Người khẳng định: “... nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng. Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa”⁹. Theo Hồ Chí Minh, những ai khinh thường cách mạng thuộc địa, đề cao cách mạng chính quốc là đang muốn “muốn đánh chết rắn đàng đuôi”¹⁰ Sinh ra và lớn lên trong một

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.407.

⁸ Trần Minh Trường (2020), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin”. *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 2, tr.5.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.296.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.296.

nước thuộc địa có truyền thống hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, Hồ Chí Minh nhận thấy tinh thần dân tộc là động lực to lớn, là thứ vũ khí sắc bén của của phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa trong sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập tự do cho dân tộc, Người khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”¹¹. Từ đó, Người đánh giá rất cao vai trò, vị trí chiến lược của phong trào cách mạng ở các dân tộc thuộc địa và cho rằng các dân tộc thuộc địa có khả năng cách mạng to lớn. Người chỉ rõ: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến”¹². Từ sự phân tích đó, Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, mà có tính độc lập tương đối và chủ động sáng tạo, có thể nổ ra, giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Vận dụng công thức của C. Mác rằng: “Việc giải phóng lao động phải là sự nghiệp của giai cấp công nhân”¹³, Hồ Chí Minh đã nêu lên luận điểm: “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”¹⁴ và “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹⁵, bởi theo Người “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”¹⁶. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chủ động, sáng tạo dựa vào sức mình là chính của các dân tộc thuộc địa trong sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập, tự do không có nghĩa là sự biệt lập mà đó là sự kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có mối quan hệ biện chứng và khăng khít với cách mạng vô sản ở chính quốc, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung chứ không phải là sự phụ thuộc lẫn nhau. Người nêu rõ: “Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.511.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.40.

¹³ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.37.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.138.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.596.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.445.

cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”¹⁷. Trên cơ sở đó Hồ Chí Minh khẳng định: “vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”¹⁸ và “cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch”¹⁹. Điều đó có nghĩa là sự thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa sẽ “giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”²⁰. Mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa đã được Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*: “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do”²¹. Có thể khẳng định rằng, đây chính là luận điểm rất sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc giành quyền độc lập, tự do cho các dân tộc thuộc địa. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đánh giá rằng: “Luận điểm của Hồ Chí Minh mới mẻ đến kỳ lạ,... nó nằm trong dòng sáng tạo cách mạng của những con người mà công hiến lý luận và sự nghiệp đấu tranh vạch đường cho thời đại”²². Luận điểm này của Hồ Chí Minh đã được minh chứng là hoàn toàn đúng đắn trong thực tiễn cách mạng Việt Nam và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX.

III. KẾT LUẬN

Như vậy, bằng những hoạt động thực tiễn phong phú, bằng tư duy sáng suốt và trí tuệ thiên tài của mình, trong tư tưởng về quyền độc lập, tự do, Hồ Chí Minh đã có những công hiến lý luận xuất sắc khi vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng không ngừng vào cách mạng thuộc địa. Người đã xây dựng thành công một hệ thống lý luận chặt chẽ, đặt cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập tự do ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến như nước ta. Nhận thức đúng đắn và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh, điều kiện lịch sử đặc thù của Việt Nam là điểm xuất phát về lý luận và thực tiễn, về ý thức hệ của Hồ Chí Minh. Đó

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.320.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.295.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.299.

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.287.

²² *Tạp chí Công tác tư tưởng và văn hóa*, tháng 9/1994, tr.26.

chẳng những là cơ sở để có những phát kiến sáng tạo, những cống hiến của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do, mà còn là sự cống hiến đặc sắc của Người, góp phần bổ sung, làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và kho tàng lý luận cách mạng thế giới, sẽ góp phần đưa cách mạng thế giới đi đến thắng lợi cuối cùng. Đồng chí Gót-hơn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ nói: Đồng chí Hồ Chí Minh là hiện thân đầy đủ nhất của lợi ích dân tộc Việt Nam và cũng là một lãnh tụ của phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới. Những cống hiến của Đồng chí đối với phong trào cách mạng thế giới và kho tàng tư tưởng mácxít sẽ đời đời sống mãi và sẽ được đời đời quý trọng”²³.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Trần Minh Trường (2020), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh đấu tranh bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 2.
10. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch* (1971), Nxb Sự thật, Hà Nội.

²³ *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch* (1971), Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.175-176.

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI SOI ĐƯỜNG ĐƯA CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIÀNH THẮNG LỢI

TS. Lê Thị Khuyên

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Tóm tắt

Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận kiệt xuất có tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với dân tộc Việt Nam, cách mạng Việt Nam và các phong trào cách mạng thế giới. Thực tiễn 30 năm hoạt động cách mạng trên thế giới, với trí tuệ và thiên tài của mình, Hồ Chí Minh đã đề xuất con đường cứu nước cho dân tộc - con đường cách mạng vô sản. Với tầm nhìn vạch thời đại, Người đã dẫn dắt, chỉ đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong kháng chiến chống thực dân đế quốc và trong công cuộc đổi mới hiện nay, những di sản tư tưởng vô giá của Người được vận dụng vào thực tiễn và cuộc sống. Đó là minh chứng sống động, tư tưởng Hồ Chí Minh xứng đáng với vị trí là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng Việt Nam - Người soi đường đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, soi đường, cách mạng Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh - Người khai phá con đường cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản

Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên tại quê hương Nam Đàn, xứ Nghệ trong bối cảnh đất nước mất độc lập, nhân dân mất tự do, các phong trào yêu nước tuy phát triển nhưng đều thất bại. Ngay từ nhỏ, Hồ Chí Minh đã hấp thu khí phách yêu nước của gia đình, đặc biệt là người cha Nguyễn Sinh Sắc và đã trở thành một trong những hành tranh quan trọng để sau này Người quyết tâm ra đi tìm con đường đi mới cho dân tộc.

Suốt thời thơ ấu cho đến trước khi ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 là khoảng thời gian Hồ Chí Minh thâm thấu các giá trị văn hóa của quê hương, đất nước và của dân tộc Việt Nam. Điều đặc biệt với nhãn quan sắc bén, trí tuệ thiên bẩm của mình, Người so sánh với các giá trị văn hóa phương Đông, văn hóa Pháp được lĩnh hội trong trường học. Và cũng chính từ đó, Người rút ra kết luận: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta.*

Thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lược Việt Nam vào năm 1858 và chính thức đặt ách thống trị lên đất nước ta vào năm 1884, chứng kiến nhân dân ta sống trong cảnh lầm than, nô lệ dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng dân chủ tư sản đòi các quyền tự do dân chủ tiêu biểu là các phong trào của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can song đều không thành công. Cuộc khởi nghĩa của cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo gây cho Pháp nhiều tổn thất nhưng đều bế tắc và đi đến thất bại. Lịch sử dân tộc Việt Nam vào đầu thế kỷ XX đứng trước cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Nhà thơ cách mạng Tố Hữu đã viết:

Bao nẻo người đi bước trước sau

Một câu hỏi lớn biết về đâu?

Năm châu thăm thẳm trời im tiếng

Sách thánh hiền lâu đã nhạt màu.

Điều đó đã đặt ra một yêu cầu cấp thiết muốn giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước thì cần phải tìm ra con đường cứu nước mới. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh cũng như bao người Việt Nam yêu nước khác, sau nhiều trăn trở, suy nghiệm vào ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với chân phụ bếp trên chiếc tàu Latouche Trelville thuộc hãng Vận tải hợp nhất, rời bến cảng Nhà Rồng theo hướng tới phương Tây, trước hết là nước Pháp để tìm đường cứu nước.

Qua đó, mới thấy khát vọng cháy bỏng của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Cũng chính Chế Lan Viên viết một sự chiêm nghiệm về vị lãnh tụ vĩ đại: *Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi.* Điều đó cho thấy Hồ Chí Minh vì yêu nước, không cam tâm nhìn nhân dân nô lệ nên phải ra đi tìm lại dáng hình đất nước - một đất nước độc lập tự do.

Sau này, Trần Dân Tiên ghi lại việc Nguyễn Tất Thành bàn với một người bạn thân như sau: *Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.* Điều đáng trân quý hơn cả Hồ Chí Minh rời Tổ quốc ra đi tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc với hành trang cứu nước chỉ có hai bàn tay trắng, một trái tim hồng và một lòng yêu nước thương dân vô bờ bến.

Với nhân cách, phẩm chất, tài năng và trí tuệ của Hồ Chí Minh, từ năm 1911 - 1920 là hành trình Người tìm tòi khảo nghiệm con đường cứu nước và giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến cách mạng nước Mỹ (1776) nhưng Người không hỏi thất vọng ảm sau những từ ngữ đẹp đẽ trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mĩ, đó là sự đói nghèo, bất bình đẳng của những người lao động, những người da màu. Do đó, Người tiếp tục cuộc hành trình của mình đến nhiều nơi trên thế giới, khảo sát thực

tiến ở nhiều nước tư bản châu Âu, châu Phi, Nam Mỹ,... tiếp xúc với nhiều tư tưởng tiến bộ và gặp gỡ nhiều nhà cách mạng trên thế giới.

Vào năm 1919, Hồ Chí Minh trở lại Pháp có những hoạt động cách mạng để lại tiếng vang lớn trên toàn thế giới. Tháng 6/1919, thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước, Người đã gửi tới Hội nghị Vecxai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* nhằm vạch trần tội ác mà chúng thi hành đối với nhân dân các nước thuộc địa dưới chiêu bài “khai hóa”.

Từ hoạt động thực tiễn và đọc Luận cương của Lênin đăng trên báo *L'Humanite* tháng 7/1920, Người đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin. Bản Luận cương đã giải đáp tất cả những vấn đề mà Người từng trăn trở, tìm kiếm bấy lâu nay. Khi gặp “Luận cương” của Lênin cũng là giây phút Người bừng sáng về lý luận. Thấm nhuần sâu sắc lời dạy của của Lênin: “Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”. Nhớ lại thời điểm lịch sử ấy, Người viết: “*Trong Luận cương ấy có chữ chính trị rất khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng đã hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng... vui mừng đến phát khóc lên*” [5; tr.98-99]. Như vậy, vào những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh xuất hiện trong lịch sử cách mạng Việt Nam hiện đại như một nhà lý luận tiên phong, người đầu tiên đề xuất con đường cứu nước giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, mở ra thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

2. Hồ Chí Minh - Người mở đường cho cách mạng vô sản ở Việt Nam

Hồ Chí Minh chính là nhà cách mạng đầu tiên của Việt Nam lên án, vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc là tàn bạo, cướp đi mọi quyền chính đáng của con người trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi đến Hội nghị Vécxây vào năm 1919. Những tội ác của thực dân Pháp núp dưới chiêu bài “bảo hộ”, dưới lá cờ “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”, để ra sức bóc lột, hành hạ nhân dân ta về chính trị, kinh tế và văn hóa trong hơn 80 năm qua.

Từ ngày 25 đến 30/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố Tua với tư cách là đại biểu Đông Dương. Tại đây, Người đã đĩnh đạc phản kháng và tố cáo những tội ác của thực dân Pháp: “... chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ, đầu độc một cách thâm... Nhà tù nhiều hơn trường học... Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi

giống ta suy nhược... Người ta đã làm chết hàng nghìn người An Nam và tàn sát hàng nghìn người khác” [4; tr.34-35].

Sau này trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945 một lần nữa được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở để lột trần tội ác của chúng: “Hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”.

Sau khi trở thành người cộng sản, lựa chọn con đường cách mạng vô sản vào tháng 6/1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, qua đó đã chuẩn bị về tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiếp đến vào năm 1927, Người cho xuất bản tác phẩm *Đường Kách Mệnh*, qua đó đã trình bày một cách cơ bản và có hệ thống tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ giai cấp công nhân xây dựng được khối liên minh bền chặt với giai cấp nông dân và các lực lượng khác trong xã hội thì hoàn toàn có thể tiến hành cách mạng vô sản, sự nghiệp cách mạng muốn thành công phải có Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nòng cốt.

Thực tiễn hoạt động cách mạng sôi nổi, đầy hiệu quả của Hồ Chí Minh trong những năm 1921 - 1930 trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Người đã mở lớp huấn luyện cấp tốc và cử cán bộ về nước tổ chức các đoàn thể cứu quốc. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam nhanh chóng được truyền bá vào trong nước đã làm biến đổi về chất trong phong trào cách mạng trước hết là phong trào công nhân, dẫn tới sự xuất hiện của các tổ chức cộng sản vào năm 1929. Với tài năng, uy tín cá nhân của mình lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 03/02/1930. Với dấu ấn đậm nét và kết quả đạt được là những minh chứng sống động thể hiện tư tưởng mở đường, dẫn lối của Người về con đường cách mạng Việt Nam được hình thành.

Cũng chính thời điểm này trở đi, phong trào cách mạng Việt Nam bước sang trang mới, có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và trực tiếp chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trải qua nhiều khó khăn, thử thách Hồ Chí Minh trở về nước tại Pắc Pó, Cao Bằng và được nhà thơ Tố Hữu khắc họa giàu thời khắc hình ảnh chân thực: “*Ôi sáng xuân nay, Xuân 41. Trắng rừng biên giới nở hoa mơ. Bác về... Im lặng. Con chim hót. Thánh thót bờ lau, vui ngân ngơ... Bác đã về đây, Tổ quốc ơi! Nhớ thương, hòn đất ẩm hơi Người. Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ. Mà đến bây giờ mới tới nơi!*”. Cũng

chính tại đây, Người triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 từ ngày 10 đến 19/5/1941 xác định phải đặt vấn đề giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu và cấp thiết nhất của cách mạng và quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân; thành lập Khu giải phóng và cử ra Ủy ban cách mạng... Đó là những bước chuẩn bị cơ bản mà Nguyễn Ái Quốc đã làm nhằm bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam khi thời cơ chín muồi. Chính quan điểm chỉ đạo này đã dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Từ ngày 13 đến 15/8/1945, tại Tân Trào, Sơn Dương, Tuyên Quang, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp và đã nhận định thời cơ cách mạng đã đến, phát động lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng Minh vào Đông Dương. Sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước vùng dậy tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền: *“Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”* với tinh thần *“dù đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng quyết giành cho kỳ được độc lập”*. Trong vòng 15 ngày, từ ngày 14 đến 28/8/1945, tổng khởi nghĩa đã thành công trên cả nước chính quyền về tay nhân dân.

Sự kiện lịch sử trên đánh dấu mốc Tư tưởng Hồ Chí Minh mở ra trong thời đại mới, là ngọn cờ thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do, vì giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của Tư tưởng Hồ Chí Minh, là những mốc son lịch sử chói lọi đánh dấu vai trò mở đường của Hồ Chí Minh cùng với chiều dài của lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Đúng như Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận xét: *“Vượt qua muôn ghềnh, nghìn thác, phải có một bộ óc lớn, rất lớn, giỏi thực tiễn mà cũng rất giỏi lý luận”* đó là bộ óc của nhà tư tưởng, nhà lý luận Hồ Chí Minh [3; tr.7-17].

3. Giá trị của Tư tưởng của Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường cho cách mạng Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập của đất nước

Sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên trong lịch sử dân tộc và hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ thống nhất đất nước, đưa cả nước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế mà nhân dân ta đang tiến hành. Sự sáng suốt, đúng đắn của tư tưởng, đường lối cách mạng Việt Nam do Người vạch ra đã được thực tiễn chứng minh và khẳng định. Quá trình vận động của cách mạng, tư tưởng,

đường lối đó ngày càng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện, trở thành ngọn đuốc soi đường cho dân tộc ta tiến lên xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh và thịnh vượng.

Đảng ta đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng ta là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong đó, việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin là điều rất cần thiết không chỉ về mặt lý luận nhận thức mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền trên thực tế.

Kỷ niệm Nhà nước Cộng xã hội chủ nghĩa Việt Nam tròn 75 năm tuổi (1945 - 2020), kỷ niệm 90 năm (1930 - 2020) thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cùng với hơn 30 năm đất nước trên chặng đường đổi mới hội nhập quốc tế sâu rộng, khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam mở rộng quan hệ đối ngoại với 187 quốc gia, quan hệ kinh tế với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Những thành tựu Đảng và Nhà nước ta đạt được là minh chứng hùng hồn cho sự cường thịnh của dân tộc Việt Nam trên bản đồ thế giới. Điều đó khẳng định năng lực tổng kết lịch sử, tổng kết thực tiễn và dự báo tương lai của Hồ Chí Minh, vạch ra đường lối chính sách, có khả năng xoay chuyển được tình thế, biến “nguy thành cơ” đưa cách mạng và đất nước tiến lên.

Đối với học sinh, sinh viên và những công dân của đất nước Việt Nam cần tiếp tục học tập, lao động vững bước trên con đường mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp, xây dựng. Tiếp tục phấn đấu và không ngừng đóng góp vào phát triển sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc, vững bước trên con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Kỷ niệm 100 năm (1920 - 2020) trong hành trình Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và với việc chủ nghĩa Mác - Lênin hiện hữu cùng dòng chảy cách mạng Việt Nam, một lần nữa khẳng định giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt vạch thời đại lý luận khoa học Mác - Lênin, kế thừa xuất sắc và không ngừng phát triển sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc, vững bước trên con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đây chính là chìa khóa quan trọng góp phần làm nên thành công trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Võ Nguyên Giáp (1993), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Văn Giàu (1992), *Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng dụng chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo*, trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, tr.7-17.
4. *Hồ Chí Minh, Toàn tập (1995)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.34-35.
5. Hồ Chí Minh, *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.98 - 99.
6. *Hội thảo khoa học quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
7. Giáo sư Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị.

VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

ThS. Phan Bá Linh

Trường Chính trị Trần Phú

Tóm tắt

Bài viết tập trung đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam, thể hiện trên các phương diện cơ bản là: Hồ Chí Minh là người lựa chọn và sáng lập ra Nhà nước kiểu mới; Hồ Chí Minh là người khơi nguồn cho truyền thống dân chủ hiện đại ở Việt Nam; Hồ Chí Minh đã xác lập các cơ sở, nền móng pháp lý tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta, nhất là việc xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Từ khóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức và hoạt động, Nhà nước Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 2/9/1945, trên Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam), mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Nhà nước Việt Nam, Người đứng đầu Nhà nước 24 năm, có bề dày thực tiễn trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam. Bài viết tập trung đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam.

II. NỘI DUNG

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945, đất nước ta, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ thân phận của những người nô lệ đã trở thành người chủ đất nước và vận mệnh của mình. Sự kiện lịch sử ấy, đồng thời đã khẳng định trong thực tế, khát vọng thiết lập một nhà nước kiểu mới - Nhà nước dân chủ, dân “là chủ” và dân “làm chủ” ở Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành hiện thực. Vai trò của Người đối với sự ra đời của Nhà nước là hết sức to lớn, tư tưởng của Người về tổ chức và xây dựng Nhà nước là di sản lớn trong thời đại ngày nay.

2.1. Trước hết, Hồ Chí Minh là người lựa chọn và sáng lập ra Nhà nước

Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, cứu dân, vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết về nhà nước của chủ nghĩa Mác - Lênin, chọn lọc, kế thừa những tinh hoa trong xây dựng nhà nước đã có trong lịch sử dân tộc và nhân loại tư tưởng về một Nhà nước kiểu mới khác với các nhà nước kiểu cũ của Hồ Chí Minh sớm được hình thành và phát triển. Từ những tư tưởng ban đầu về xây dựng một Nhà nước dân chủ gắn với thực hiện các quyền tự do, dân chủ, các quyền con người trong “Yêu sách tám điểm”, đến quan niệm về một Nhà nước của số đông (*Đường Kách mệnh*, 1927), chủ trương thiết lập Nhà nước, Chính phủ Công - Nông - Binh theo mô hình nhà nước Xô viết (1930). Năm 1941, trên cơ sở những tìm tòi, khảo cứu của mình, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII của Đảng, Hồ Chí Minh đã đề xuất quan điểm xây dựng Nhà nước Dân chủ nhân dân: “Chính quyền của nước Việt Nam dân chủ mới không phải thuộc quyền riêng của giai cấp nào và của chung toàn dân tộc”¹. Đó là mô hình nhà nước đại biểu cho khối đại đoàn kết của toàn thể quốc dân, nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Từ đây, ở nước ta, việc thiết kế, tổ chức Nhà nước đều quán triệt quan điểm cơ bản chỉ đạo đó, nghĩa là xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân. “Đây là một sáng tạo lớn về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh và của Đảng ta”².

Sau ngày độc lập, trong gần ¼ thế kỷ, trên cương vị là Chủ tịch nước, nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh đã để lại dấu ấn sâu đậm về một phong cách lãnh đạo Nhà nước, trở thành chuẩn mực cho các thế hệ lãnh đạo sau này.

2.2. Hồ Chí Minh là người khơi nguồn cho truyền thống dân chủ hiện đại ở Việt Nam

Dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh “là của quý báu nhất của nhân dân”, đó là một giá trị xã hội phổ biến, nền tảng quan trọng nhất để xây dựng và phát triển một xã hội tốt đẹp. Ngay từ khi chỉ thị thành lập Khu giải phóng năm 1945 - hình ảnh “nước Việt Nam mới phôi thai”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập dượt để nhân dân cầm chính quyền. Sau ngày giành chính quyền, nhất quán và xuyên suốt trong tư duy và hành động của Người vẫn là xây dựng Nhà nước dân chủ, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.

² Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.403.

Là Nhà nước của dân vì dân “là chủ”, dân là người có địa vị, quyền lực cao nhất: “ Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”³, dân có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước, dân tộc. Toàn bộ nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân; đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước là công bộc, đầy tớ của nhân dân: “Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân. Đó là vinh dự cao nhất”⁴.

Là Nhà nước do dân vì dân “làm chủ”. Nhân dân là người tổ chức nên các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương thông qua thực hiện chế độ tổng tuyển cử phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín bầu các đại biểu xứng đáng vào các cơ quan quyền lực nhà nước... Hồ Chí Minh viết: “Chính quyền từ xã đến chính phủ Trung ương do dân cử ra”⁵. Không những vậy, Nhân dân còn có quyền thực hiện chế độ bãi miễn đại biểu, bãi miễn Chính phủ nếu không còn được nhân dân tín nhiệm, nếu đi ngược lại lợi ích của nhân dân. “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁶; Nhân dân có quyền phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu do mình cử ra “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phụng sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là: người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”⁷. Đặc biệt, vì dân “làm chủ”, bên cạnh quyền, dân còn phải biết phát huy năng lực, bổn phận và trách nhiệm của mình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”⁸. Đây chính là sự thống nhất biện chứng của cả quyền và nghĩa vụ làm chủ; đồng thời thể hiện bản chất dân chủ triệt để của Nhà nước kiểu mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Là Nhà nước của dân, do dân thì tất yếu Nhà nước đó phải vì dân. Theo Hồ Chí Minh: “Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân”, mọi công tác chính quyền phải vì mưu cầu quyền lợi hạnh phúc cho nhân dân: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁹.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.232.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.437.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.232.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.75.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.81.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.232.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.65.

Muôn vậy, Nhà nước phải thật sự liêm khiết, trong sạch, tránh quan liêu, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi...

Điều căn bản của một chế độ dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh là “Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là do tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Người cho rằng, Nhà nước ta phải phát huy dân chủ, phải làm cho việc thực hành dân chủ được thể hiện và thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội vì “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”¹⁰.

2.3. Hồ Chí Minh đã xác lập các cơ sở, nền móng pháp lý tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta, nhất là việc xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức rõ vị trí, vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội. Từ năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, Người đã nêu ra 4 điều liên quan đến pháp quyền. Tiếp đó trong *Việt Nam yêu cầu ca* (1920), Người đã nhấn mạnh: “Bây xin hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”¹¹. Theo đó, mọi quan hệ xã hội, mọi lĩnh vực của đời sống theo Hồ Chí Minh đều chịu sự chi phối của pháp luật. Pháp luật là cơ sở đảm bảo thực hiện các quyền tự do, dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân. Nhất quán với quan điểm của mình, ngay sau ngày độc lập, Người đã đề ra với Chính phủ một trong sáu nhiệm vụ cấp bách là: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”¹². Và trên cương vị là Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh vừa là nhà lập pháp, đồng thời là nhà hành pháp có công lớn nhất trong sự nghiệp lập hiến và lập pháp ở nước ta, đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp 1959, đã ký công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật, trong đó có 243 sắc lệnh quy định về tổ chức nhà nước, qua đó hình thành một thể chế bộ máy nhà nước có nhiều nhân tố cơ bản của một nhà nước pháp quyền kiểu mới.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.325.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.473.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.7.

Điều trần trở của Hồ Chí Minh là làm thế nào để nhà nước pháp quyền trong sạch, vững mạnh, hiệu quả và thực sự vì dân. Người luôn yêu cầu luật pháp phải dựa hẳn vào lực lượng nhân dân, lực lượng lao động làm nền tảng. Đó là nội dung quyết định bản chất luật pháp của Nhà nước ta và luật pháp của chúng ta dựa vào đó để xây dựng. Pháp luật là phương tiện để xây dựng và củng cố Nhà nước để đi đến mục đích cuối cùng là hiệu quả quản lý xã hội, làm cho đất nước ngày càng tăng trưởng, ổn định chính trị, kinh tế, đời sống nhân dân ngày càng cao. Đây chính là tính định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, trong thực thi pháp luật, Hồ Chí Minh yêu cầu phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, bình đẳng; phải kết hợp chặt chẽ giữa “đức trị” và “pháp trị”, giữa “xây” và “chống”, không được coi nhẹ mặt nào... Muốn vậy thì Nhà nước phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Người khẳng định: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”¹³. Nhưng “Đảng cầm quyền” chứ không phải đảng trị, do đó, mọi cán bộ, đảng viên, công chức phải biết tôn trọng Nhà nước; phải vừa có đức, có tài, tận tâm, tận lực suốt đời phục vụ nhân dân, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Về mặt tổ chức, Hồ Chí Minh đề ra phương châm xây dựng một bộ máy gọn, nhẹ, có cơ cấu hợp lý, có khả năng bao quát và giải quyết tốt các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa của đất nước: Quốc hội thành cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, đại diện ý chí, nguyện vọng của toàn dân; Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất, thực sự mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân. Xây dựng một nền hành chính quốc gia thống nhất trên nền tảng dân chủ, hiện đại; xây dựng một bộ máy tư pháp có tính độc lập tương đối, dân chủ, hiện đại, xét xử công bằng theo luật. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng bộ máy chính quyền cơ sở, nhất là cấp xã, vì đó là tế bào hạt nhân cấu thành mạng lưới tổ chức nhà nước, là nền tảng của mọi công tác chính quyền. Cùng với xây dựng bộ máy, Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước lấy đạo đức công vụ làm “gốc”, có trình độ văn hóa, am hiểu pháp luật, biết quản lý nhà nước, thành thạo nghiệp vụ hành chính... Hồ Chí Minh rất kiên quyết với những hành vi vi phạm pháp luật và trừng trị nghiêm khắc những cán bộ, công chức vi phạm, dù người đó ở cương vị nào. Ngay khi Nhà nước mới ra đời, Người đã ký Sắc lệnh ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt tù 5 đến 20 năm khổ sai và nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 21/1/1946, Người ký lại “Quốc lệnh” khép tội tham ô, trộm cắp

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

của công vào tội tử hình và nói rõ “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Mỗi người phải nhận rằng, tham lam là một điều rất xấu hổ, kẻ tham lam là có tội với nước, với dân”¹⁴. Trong trả lời chất vấn Quốc hội vào năm 1946, Người nói: “Chính phủ hết sức làm gương, nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ, đã trừng trị, đang trừng trị và sẽ trừng trị cho kỳ hết”.

III. KẾT LUẬN

75 năm đã qua kể từ ngày Hồ Chí Minh khai sinh ra Nhà nước. Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, nội dung nhiệm vụ của Nhà nước tuy có sự khác nhau, song bản chất vẫn là Nhà nước của dân, do dân, vì dân mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Trong giai đoạn lịch sử mới, sự nghiệp đổi mới ở nước ta ngày càng đi vào chiều sâu, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh. Để tranh thủ nắm lấy vận hội, vượt qua nguy cơ, thách thức đưa sự nghiệp xây dựng đất nước giành thắng lợi theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta phải không ngừng hoàn thiện, thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, hiệu lực.

Kế thừa, vận dụng sáng tạo những giá trị tư tưởng và sự nghiệp của Hồ Chí Minh trong xây dựng, tổ chức Nhà nước, Đảng ta khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bảo đảm Nhà nước ta thực sự của dân, do dân và vì dân, do Đảng lãnh đạo”¹⁵. Tập trung thực hiện tốt cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; tăng cường sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng với cải cách bộ máy hành chính.

Năm tháng trôi qua, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân còn sống mãi. Lịch sử đã, đang và mãi mãi ghi nhận những đóng góp to lớn, vai trò quan trọng của Người đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa nay là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.127.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.246.

HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP HÒA HỢP DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ 1945 - 1946

TS. Nguyễn Văn Trường*

ThS. Lê Đức Thuận**

Học viện Chính trị - Bộ Quốc Phòng.

Trong thời kỳ 1945 - 1946, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tuy chính quyền đã về tay nhân dân, nhưng vận mệnh dân tộc lại phải đối mặt với muôn vàn khó khăn do sự chống phá của thù trong, giặc ngoài. Có thể nói, trong lịch sử, chưa bao giờ trên đất nước ta lại có nhiều kẻ thù cùng lúc như vậy, “các quân đội nước ngoài từ bốn phương cũng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ”¹. Thời điểm này, chúng ta chưa nhận được sự công nhận và giúp đỡ của các nước trong phe dân chủ trên thế giới, dân tộc ta phải chiến đấu trong vòng vây của nhiều kẻ thù, quần chúng nhân dân trong nước có nhiều bộ phận chưa hẳn đã nghiêng về phía cách mạng,... càng làm cho tình hình khó khăn hơn.

Thực tế này đòi hỏi phải thực hiện hòa hợp dân tộc, gắn kết các lực lượng, các thành phần trong xã hội, nhằm tạo ra sức mạnh to lớn để đưa dân tộc vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” và thực hiện thắng lợi sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc. Với quan điểm nhất quán “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng đề ra chủ trương tập hợp lực lượng đoàn kết toàn dân tộc một cách sáng tạo và đạt đến tầm nghệ thuật. Những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp hòa hợp dân tộc trong thời kỳ này được thể hiện sinh động trên một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh luôn vun đắp cho tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, với 54 dân tộc anh em cùng chung nguồn gốc là con Lạc cháu Hồng, cùng chung vận mệnh, cùng gắn bó máu thịt. Trong lịch sử, trải qua rất nhiều thử thách khắc nghiệt, nhưng cũng từ thực tiễn đó mà tinh thần đoàn kết, cấu kết cộng đồng đã được hình thành và vun đắp, tạo ra sức mạnh to lớn cùng

* Phó Chủ nhiệm Khoa Lịch sử Đảng

** Giảng viên Khoa Lịch sử Đảng

¹ Võ Nguyên Giáp (1974), *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.42.

nhau dựng nước và giữ nước. Đây chính là căn nguyên cho sự hình thành nét đặc trưng văn hóa của người Việt đó là sự thống nhất trong đa dạng; mọi dân tộc đều là tình ruột thịt, nghĩa đồng bào.

Ngay sau khi về nước vào đầu năm 1941, Người đã sớm đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, đóng vai trò là ngọn cờ để tập hợp rộng rãi các lực lượng, trong đó có các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Thực hiện nhất quán quan điểm dân tộc Việt Nam là một, tôn trọng những khác biệt, lấy lợi ích quốc gia dân tộc là nét tương đồng để gắn kết thành một khối thống nhất. Chủ trương này của Đảng và Hồ Chí Minh đã thức tỉnh tinh thần dân tộc trong đông đảo quần chúng, biết lấy lợi ích chung của dân tộc để cùng nhau xây đắp; đồng thời, làm thất bại âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, gây rối của các thế lực thù địch.

Khi đến dự Đại hội các dân tộc thiểu số lần thứ nhất miền Bắc vào ngày 03/12/1945, Hồ Chủ tịch nói: “Hơn 20 dân tộc, họp lại một nhà, tay bắt mặt mừng, rất là thân ái. Đó là một cuộc Đại hội xưa nay chưa từng có, một cuộc thân thiện làm cho cả đất nước vui mừng”², Người khẳng định: các dân tộc đều bình đẳng, Chính phủ sẽ hết sức giúp đỡ đồng bào về mọi mặt; đồng thời, đề nghị đồng bào các dân tộc thiểu số ra sức ủng hộ chính phủ, giúp đỡ kháng chiến, đẩy mạnh trồng trọt và chăn nuôi vì sự thành công của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của nước nhà.

Trong thư gửi đồng bào nhân dịp Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”³. Lời căn dặn của Người như hòn thiêng song núi, như lời hiệu triệu đoàn kết bền chặt giữa các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam; cho dù sinh sống ở các vùng khác nhau, tiếng nói và tập quán có khác nhau nhưng cùng chung vận mệnh, sẵn sàng hy sinh vì nhau, hy sinh vì vận mệnh Tổ quốc.

Với quan điểm đúng và chính sách phù hợp; đặc biệt, với uy tín của Hồ Chủ tịch đã tạo ra sức cảm hóa to lớn đến mọi tầng lớp nhân dân. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam cùng nhận thức trách nhiệm của mình, thực hiện đoàn kết, có những đóng góp to lớn, thiết thực vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc vô cùng oanh liệt của cả dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.155.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Hà Nội, tr.249.

Thứ hai, có chủ trương đúng đắn để động viên các tôn giáo cùng kính chúa yêu nước, sống phúc âm trong lòng dân tộc.

Tôn giáo luôn là vấn đề rất nhạy cảm, nếu không xử lý đúng sẽ trở thành mảnh đất tốt để kẻ thù tìm cách lợi dụng, gây mất ổn định, hướng tới mục đích cuối cùng là chống phá chính quyền cách mạng. Vì vậy, để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và làm thất bại âm mưu chia rẽ của kẻ thù, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã đề ra quan điểm: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết. Chủ trương này đã tạo ra sự tin tưởng lớn của đồng bào có đạo vào Chính phủ và lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Không dừng lại ở việc đề ra chủ trương, trong mọi hành động và việc làm của Hồ Chí Minh đều thể hiện rất sinh động tinh thần hòa hợp giữa các dân tộc. Tại buổi tiếp đại biểu các tôn giáo như Gia Tô, đạo Phật và đạo Cao Đài vào sáng ngày 13/9/1945, Hồ Chủ tịch đã nói: Dân tộc giải phóng thì tôn giáo mới được giải phóng. Lúc này, chỉ có quốc gia mà không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc. Tiếp đó, ngày 20/9/1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 35/SL, quy định rõ việc nhân dân được tự do tín ngưỡng nhưng phải tôn trọng đền chùa, lăng tẩm, nhà thờ và tất cả các nơi có tính cách tôn giáo. Khi Pháp trở lại tái chiếm Nam Bộ, một số giáo dân bị dụ dỗ theo, lôi kéo; nhưng nhờ có chính sách khoan hồng, độ lượng của Đảng mà nhiều đồng bào công giáo đã thức tỉnh, tự nguyện quay về với cách mạng. Họ đã viết thư cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, hứa thành khẩn hối lỗi, nguyện ước phụng sự Chúa, phụng sự Tổ quốc.

Trong phiên họp ngày 27/9/1945, với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, Hồ Chủ tịch đã nhất trí với đề xuất của cha Tòng về việc đánh một bức điện gửi sang Tòa thánh Vatican yêu cầu công nhận nền độc lập của Việt Nam. Vì vậy, giáo dân và các chức sắc, chức việc tôn giáo đã gạt bỏ những thành kiến cũ, tinh táo trước những lời ve vãn của kẻ xấu, đề cao lợi ích chung của dân tộc để có những việc làm thiết thực, đóng góp vào sự nghiệp chung của nước nhà.

Nhân dân cả nước, nhất là nhân dân Hà Nội vẫn còn ghi nhớ hình ảnh về ông Ngô Tử Hạ (1882 - 1973) là nhà tư sản dân tộc, quê ở Quy Hậu, Kim Sơn, Ninh Bình, sau đó cư ngụ tại số 14 đường Lamblot (nay là phố Nhà Chung - Hà Nội). Ông đã từng theo học ở nhà dòng, có ảnh hưởng rất lớn trong giới chức sắc, chức việc tôn giáo và là người nổi tiếng nhất ở Đông Dương trong lĩnh vực in ấn. Được giác ngộ và nhận thức trách nhiệm của cá nhân với Tổ quốc, ông Ngô Tử Hạ đã tích cực tham gia các hoạt động kiến quốc, được Chính phủ phân công là người đứng đầu Hội cứu tế, cứu đói của

Chính phủ. Hình ảnh một ông già ăn mặc chỉnh tề với khăn xếp, áo the kéo xe bò dẫn đầu đoàn người qua các đường phố Hà Nội kêu gọi quyên góp tiền bạc và phân phát lương thực cho những người đói nghèo trong những ngày đầu nước nhà mới giành được độc lập; hình ảnh ông cùng Hồ Chủ tịch làm lễ cầu siêu cho hơn hai triệu người chết đói tại Nhà thờ lớn Hà Nội có sức ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức và hành động của đông đảo giáo dân cả nước.

Viết trên báo *Cứu quốc* ngày 15/01/1946, Hồ Chủ tịch cho rằng: Dù công giáo hay không công giáo, phật giáo hay không phật giáo đều phải đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Đặc biệt, trong chuyến thăm hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang vào ngày 17/11/1946, Người đã vào thăm, nói chuyện thân mật với các linh mục Áctôra ở thị xã Bắc Ninh và linh mục Mayo ở thị xã Bắc Giang. Thay mặt Chính phủ, Người bày tỏ sự vui mừng vì hai linh mục đã gây được hòa khí đoàn kết lương giáo, tạo sự ổn định về an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Thứ ba, Hồ Chí Minh luôn tỏ rõ thái độ chân thành, bỏ qua những thành kiến cũ để cảm hóa và thu phục nhân tâm.

Theo Hồ Chí Minh: vì lợi ích của cách mạng phải có lòng khoan dung, độ lượng, trân trọng cái phần thiện dù là nhỏ nhất ở mỗi con người mới có thể quy tụ mọi lực lượng. Vào những điều kiện hoàn cảnh khác nhau, không hẳn ai cũng có chung một suy nghĩ, một chí hướng; tuy nhiên, “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều dòng dõi của tổ tiên ta”⁴, đã là con dân đất Việt thì ít nhiều đều có lòng yêu nước và nghĩa đồng bào, ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc; vì vậy, “Đối với những đồng bào lạc lối làm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vang”⁵.

Khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ đang phải giải quyết rất nhiều công việc, đội ngũ cán bộ các cấp còn thiếu, trình độ, năng lực còn hạn chế. Song, điều quan trọng, nếu những nhân sỹ, trí thức, quan lại... trong chế độ cũ đứng trong bộ máy chính quyền dân chủ sẽ có sức thuyết phục rất lớn đối với đa số dân chúng. Vì vậy, ngày 20/11/1946, Người đã gửi thư kêu gọi tìm người tài đức để xây dựng đất nước. Người viết: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.280.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.280.

Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết”⁶.

Riêng đối với những quan lại trong chế độ cũ, trên tinh thần chân thành và mong muốn hòa hợp, trong Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà ngày 17/9/1945, Hồ Chủ tịch nhắc nhở: Chúng ta không nên đào bới những chuyện cũ ra làm án mới. Đối với những người không nguy hiểm lắm, thì nên dùng chính sách cảm hoá, khoan dung, không nên bắt bớ lung tung, không nên tịch thu vô lý, làm cho dân kinh khủng. Chính sách đại đoàn kết dân tộc và tấm lòng khoan dung, độ lượng của Hồ Chủ tịch đã cảm hóa được nhiều nhân sĩ, trí thức, kể cả các quan lại trong chế độ cũ, không quản ngại gian khổ, hy sinh đã một lòng, một dạ đi theo cách mạng đến cùng như: Khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Thượng thư Bùi Bằng Đoàn...

Với những người có tư tưởng đối lập, Hồ Chí Minh cũng thể hiện một tấm lòng độ lượng, khoan dung khi họ đã ăn năn, hối cải hoặc đã lâm vào cảnh bần cùng, thất thế. Chỉ ít ngày sau lễ ra mắt của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử ông Hoàng Minh Giám đi tìm Trần Trọng Kim, nguyên Thủ tướng chính phủ bù nhìn do Nhật lập nên ngày 17/4/1945. Nhưng khi ông Giám tìm được đến nhà thì Trần Trọng Kim đã rời khỏi Hà Nội... Cũng trong thời gian đó, khi Ngô Đình Diệm bị địa phương bắt đưa về Hà Nội. Ngày 15/01/1946, Hồ Chủ tịch đã thuyết phục Ngô Đình Diệm hợp tác với Chính phủ, nhưng Ngô Đình Diệm từ chối. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lệnh trả tự do cho Ngô Đình Diệm.

Thứ tư, biết phát huy vai trò của những người có vị thế cao trong chính quyền cũ đối với sự nghiệp hòa hợp dân tộc.

Phát huy vai trò của những người có vị thế và uy tín cao trong chế độ cũ, động viên họ cùng tham gia chính quyền và có những đóng góp nhất định cho dân tộc là tư tưởng đặc sắc của Hồ Chí Minh. Trong bài “*Khoan hồng mà không nhu nhược*”, ký bút danh Chiến Thắng, Người viết: “Đối với quan lại cũ, trừ những bọn đại gian, đại ác, Chính phủ Cộng hòa ta cũng tỏ một độ lượng không để tâm moi ra những tội cũ đem làm án mới làm gì”⁷. Trong những lần gặp gỡ, tiếp xúc, trong thư từ, điện văn, lời kêu gọi đồng bào cả nước, Hồ Chủ tịch đều dành những lời tâm huyết nhắn gửi tới tất cả những ai còn chưa tham dự vào công việc chung.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.504.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.49.

Ngày 14/11/1945, Hồ Chí Minh có bài viết “*Nhân tài và kiến quốc*” đăng trên báo *Cứu quốc*. Qua bài báo này, Người chỉ rõ: “Nay muốn giữ vững nền độc lập thì chúng ta phải đem hết lòng hăng hái đó vào con đường kiến quốc. Kháng chiến phải đi đôi với kiến quốc. Kháng chiến có thắng lợi thì kiến quốc mới thành công. Kiến quốc có chắc thành công, kháng chiến mới mau thắng lợi. Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”⁸. Coi trọng những người có đức, có tài cùng tham gia xây dựng chính quyền cách mạng của Hồ Chí Minh như ngọn lửa thấp sáng niềm tin cho mọi người dân Việt Nam.

Trước hết, phải kể đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ quyết định mời cựu hoàng Bảo Đại, khi đó là công dân Vĩnh Thụy ra Hà Nội làm Cố vấn Chính phủ. Đến ngày 10/9/1945, sau khi có sự nhất trí của các bộ trưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 23/SL cử ông Vĩnh Thụy làm cố vấn Chính phủ lâm thời. Sau này, trong Chính phủ kháng chiến do Quốc hội khóa 1 lập ra, Vĩnh Thụy được phân công đứng đầu cố vấn đoàn. Đây là hành động vô tiền khoáng hậu, chưa từng có trong lịch sử và chỉ có xảy ra ở Việt Nam với sự khoan dung của cách mạng của Hồ Chí Minh. Việc cựu vương cùng đứng trong bộ máy của Chính phủ lâm thời đã xóa đi sự nghi kỵ, lo lắng của những người trong chế độ cũ với thể chế dân chủ. Tiếp đó, tại phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 14/11/1945, Hồ Chủ tịch đề nghị Hội đồng Chính phủ cử Ban cố vấn gồm 10 vị giúp việc cho Chủ tịch nước. Người giới thiệu 6 cá nhân để Hội đồng Chính phủ cho ý kiến: Ông Bùi Bằng Đoàn, giáo sĩ Lê Hữu Từ, ông Ngô Tử Hạ, ông Bùi Kỷ, ông Lê Tạt và bác sĩ Nguyễn Đình Luyện. Trong đó, ông Bùi Bằng Đoàn, từ một vị quan đại thần trong triều đình phong kiến, nhận rõ đường lối cách mạng của Đảng và mến mộ tài đức của Hồ Chí Minh, đã nguyện đem sức lực, tài năng của mình phụng sự đất nước.

Giống như “chiều cầu hiền” của các bậc minh quân ở các triều đại phong kiến tiền bộ nước ta trong lịch sử, trong thành phần Chính phủ đã có nhiều trí thức tham gia Quốc hội, có nhiều đại biểu không đảng phái, thậm chí cả đảng phái không đứng trong Mặt trận Việt Minh. Sự kiện nhân sĩ Huỳnh Thúc Kháng được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và giao Quyền Chủ tịch nước khi Hồ Chủ tịch sang Pháp công cán vào ngày 31/5/1946 đã thể hiện tài năng, nghệ thuật trong phép dụng nhân của Hồ Chí Minh. Trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã không quản tuổi cao, tích cực tham gia vào các hoạt động quan trọng của Chính phủ. Theo Cụ: Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già trẻ, trai, gái trai

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.

cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc. Bằng uy tín và trách nhiệm của mình, cụ Huỳnh đã có nhiều đóng góp cho sự đoàn kết, hòa hợp dân tộc và hoạt động của Chính phủ.

Thứ năm, luôn kiên trì thuyết phục, cảm hóa các cá nhân tích cực trong các đảng phái chính trị khác nhau.

Trong thời kỳ này, ở Việt Nam tồn tại nhiều đảng phái chính trị; trong đó, có nhiều đảng phái phản động làm tay sai cho quân Tưởng như Việt Quốc, Việt Cách, đảng Phục Quốc,... một số đảng phái thân Nhật như: Đại Việt quốc xã, Đại Việt dân chính Đảng, Quốc dân Đảng cải tổ, Phụng sự quốc xã... Riêng ở Nam Bộ, lợi dụng tình hình phức tạp, bọn tay sai cũ như Nguyễn Văn Chinh, Lê Văn Hạnh,... đã ngóc đầu dậy, lập ra nhiều tổ chức chính trị phản động như: “Đảng Đông Dương tự trị” hay “Đảng Nam Kỳ”; đáng chú ý, bọn Đại Việt và những kẻ cầm đầu Tờrốtkit tìm mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam.

Trong các tổ chức chính trị này, nổi lên nguy hiểm và đấu tranh chống phá ta quyết liệt nhất là Việt Quốc và Việt Cách. Chúng đều là tay sai của quân Tưởng, nhưng giữa hai tổ chức này có những khác biệt. Việt Cách có sự tham gia của nhiều lực lượng, thành phần với các quan điểm chính trị khác nhau; trong đó, có cả những người Việt mang tinh thần yêu nước nhưng bị lừa bịp, lôi kéo, họ đã đi theo cách mạng sau khi được giác ngộ. Nắm được điều này, Hồ Chủ tịch đã tìm cách đấu tranh, chuyển hóa nhận thức đối với những nhân cốt tiến bộ của Việt Cách; từng bước cảm hóa và kêu gọi Việt Cách hợp tác chặt chẽ với Việt Minh, cùng nhau chống thực dân Pháp, vì một nền độc lập dân tộc.

Không dừng lại ở đó, ngày 03/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh, Người vừa vạch mặt âm mưu của chúng, vừa gửi lời mời cùng tham gia cuộc bầu cử “Xin mời các đồng chí Quốc dân Đảng tham gia Tổng tuyển cử ở các nơi”⁹. Sau những cố gắng không mệt mỏi, ngày 23/12/1945, đại diện của Việt Minh là Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với đại diện của Việt Quốc, Việt Cách là Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Hải Thần cùng ký kết văn bản Biện pháp hợp tác gồm 14 điểm cơ bản và 4 điều bản phụ, nội dung đề cập đến việc thành lập chính phủ và Tổng quyền cử.

Ngay ngày hôm sau (24/12/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đại biểu gồm: Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Lê Tùng Sơn, Cù Huy Cận và Phan Trâm tiếp tục ký một tài liệu quan trọng khác là “Tinh thành đoàn kết”, quy định thông qua thương lượng để cùng nhau giải quyết mọi vấn đề bất đồng nảy sinh giữa các bên. Đến ngày

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.133.

25/12/1945, đại diện của bốn bên, trong đó có thêm đại diện của Đảng Dân chủ Việt Nam là Đỗ Đức Dục đã ký tiếp văn bản quy định về thể thức thành lập chính phủ sau khi bầu cử. Sau đó, ba thành viên của các đảng phái đối lập là Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Long, Trương Đình Trị được chấp nhận tham gia chính phủ ngày 01/01/1946.

Để tránh những phức tạp nảy sinh, sau khi văn bản Biện pháp hợp tác được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cân nhắc rất kỹ và nhất trí đề nghị cải cách Chính phủ lâm thời thành Chính phủ liên hiệp lâm thời để đưa người của Việt Quốc và Việt Cách vào tham gia chính phủ; nhất trí để Nguyễn Hải Thần, lãnh tụ của Việt Cách giữ cương vị Phó Chủ tịch; chấp nhận dành cho Việt Quốc 50 ghế, Việt Cách 20 ghế trong Quốc hội khóa 1 mà không phải thông qua bầu cử Quốc hội.

Trong thời gian hòa hoãn với quân Tưởng, chúng ta đã phải nhượng bộ rất nhiều vấn đề. Trong các tầng lớp nhân dân, không ít người có những lo lắng về chủ trương mở rộng thành phần Quốc hội sẽ tác động đến hoạt động của chính phủ và công cuộc kháng chiến kiến quốc. Để xoa tan những nghi ngại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích: “Đúng là chúng ta như lửa, bọn chúng như nước. Lửa nước xung khắc nhau, nhưng Đảng ta biết để nước trên lửa thì nước sôi uống lạnh”¹⁰. Chính sự nhượng bộ có nguyên tắc của Hồ Chí Minh, đã hạn chế rất lớn sự phá hoại của kẻ thù, để chúng ta tập trung vào kẻ thù chủ yếu và có điều kiện chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến kiến quốc.

Thứ sáu, có nhiều biện pháp sáng tạo nhằm kêu gọi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tình nguyện về nước tham gia sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chủ tịch đã gửi nhiều thư, điện cho kiều bào báo tin nước nhà độc lập; cảm ơn kiều bào đã gửi thư, điện chúc mừng, yên góp xây dựng đất nước và kêu gọi kiều bào hãy phát huy truyền thống con Lạc cháu Hồng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau ổn định cuộc sống, hãy luôn hướng về Tổ quốc và tỏ ra xứng đáng với những anh em đang chiến đấu anh dũng ở Nam Bộ để bảo vệ cho nền độc lập của nước nhà... Đầu năm 1946, trong thư chúc Tết kiều bào, Người đã đánh giá cao tấm lòng của kiều bào tuy ở nơi đất khách quê người, nhưng vẫn hướng về Tổ quốc và khẳng định: “Tổ quốc và Chính phủ cũng luôn luôn nhớ thương các đồng bào, như bố mẹ thương nhớ những người con đi vắng. Đó là nhân tâm thiên lý, đó là tình nghĩa một nhà như thế”¹¹.

¹⁰ Lê Huy Bình (2003), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sách lược ngoại giao “Hoa - Việt thân thiện” thời kỳ 1945 - 1946*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.68.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.161.

Đặc biệt, trong chuyến thăm nước Pháp năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều thời gian thăm hỏi, động viên kiều bào. Cùng với những cuộc gặp gỡ, trao đổi với đại diện Chính phủ Pháp về việc binh sĩ Việt Nam ở Pháp muốn trở về Tổ quốc, đã có gần 30 cuộc gặp gỡ, trao đổi công việc giữa Hồ Chủ tịch với đại biểu các giới kiều bào trong chuyến thăm lịch sử này. Người đã tiếp và nói chuyện với đại biểu các đoàn thể kiều bào: thủy thủ, công nhân, trí thức, phụ nữ, thiếu nhi; đi thăm kiều bào ở một số nơi trên nước... Trong các cuộc gặp gỡ ấy, Người cảm ơn kiều bào đã ủng hộ Chính phủ, đã quyên tiền, thuốc men gửi về giúp Tổ quốc và đánh giá cao việc kiều bào đã biết tranh thủ được sự quý mến của nhân dân Pháp đối với nước Việt Nam. Người căn dặn kiều bào phải triệt để đoàn kết, phải ra sức tuyên truyền và ủng hộ bằng mọi phương diện cho Tổ quốc; thực hành đời sống mới Cần, Kiệm, Liêm, Chính và ra sức học hỏi, mỗi người cần thạo một nghề để mai sau về nước giúp ích cho công cuộc kiến thiết nước nhà...

Với uy tín, ảnh hưởng to lớn của Hồ Chí Minh đã có tác dụng vô cùng to lớn trong việc tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, khuynh hướng chính trị, miễn là thực tâm ủng hộ chính phủ xây dựng đất nước. Một số trí thức cảm phục tấm gương Người và đồng tình, ủng hộ chính sách đại đoàn kết của Đảng, họ đã từ Pháp trở về nước như: GS. Đặng Văn Ngữ, GS. Trần Hữu Tước, ông Võ Quý Huân, GS. Trần Đại Nghĩa... Những trí thức này đã một lòng tận tâm phục vụ nhân dân và có đóng góp to lớn cho cách mạng.

Có thể nói, những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh cho sự hòa hợp dân tộc trong thời kỳ 1945 - 1946 đã góp phần tạo ra sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và để lại cho Đảng, nhân dân nhiều bài học kinh nghiệm quý. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế với rất nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, đòi hỏi phải huy động tối đa các nguồn lực, các yếu tố thuận lợi để phát triển đất nước; trong đó, phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố quan trọng hàng đầu.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC - SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀO ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA VIỆT NAM

TS. Lưu Mai Hoa

Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Lựa chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, Hồ Chí Minh đã đặt sự quan tâm hàng đầu vào việc thay đổi và phát triển nền giáo dục nước nhà, xem đó là nền tảng cơ bản nhằm thay đổi tư tưởng, thức tỉnh ý thức dân tộc trong nhân dân, làm cho cách mạng đạt được sự thành công triệt để. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là kết quả của sự kế thừa, vận dụng và phát triển các quan điểm về giáo dục của cha ông, của nhân loại và đặc biệt là quan điểm giáo dục xã hội chủ nghĩa của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Bài viết này đề cập đến một số quan điểm về giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong xây dựng nền giáo dục mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; đồng thời, nêu rõ ý nghĩa của những quan điểm giáo dục ấy đối với việc đào tạo, phát triển, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo dục, nguồn nhân lực, cách mạng công nghiệp 4.0.

I. MỞ ĐẦU

Khi đi tìm con đường giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã xác định mục đích cao cả là làm sao cho dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào được có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Do đó, Người đã bôn ba khắp các nước nhằm tìm kiếm con đường phù hợp nhất đối với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. Đến tháng 7/1920, khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tiếp cận được triết lý giáo dục mới, triết lý giáo dục cho con người và vì con người, tất cả hoạt động giáo dục đều nhằm đào tạo ra những con người hữu ích, phục vụ cho sự nghiệp kiến thiết và xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa trên mảnh đất hiện thực là Liên Xô. Những tiền đề nêu trên, trong đó quan trọng nhất là quan điểm giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lênin,

đã giúp Hồ Chí Minh định hình nên tư tưởng giáo dục mới. Người đã nêu ra những quan điểm hết sức sâu sắc và mới mẻ về một nền giáo dục toàn diện.

II. NỘI DUNG

2.1. Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục

2.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục

Khi bàn về giáo dục, Mác, Ăngghen và Lênin đều nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong tác phẩm *“Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản”*, Ăngghen đã khẳng định: *“nền công nghiệp do toàn xã hội thực hiện một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất”*¹. Theo ông, *“công tác giáo dục sẽ làm cho những người trẻ tuổi có khả năng nắm vững nhanh chóng toàn bộ hệ thống sản xuất trong thực tiễn, làm cho họ có thể lần lượt chuyển từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất nọ tùy theo nhu cầu của xã hội hoặc tùy theo sở thích của bản thân họ. Do đó, công tác giáo dục sẽ làm cho họ thoát khỏi tình trạng một chiều mà sự phân công lao động hiện nay đang buộc mỗi một người phải theo”*². Nền giáo dục mà chủ nghĩa Mác - Lênin hướng đến là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, nền giáo dục toàn diện, đào tạo nên những con người phát triển toàn diện cả về thể chất, năng lực, đạo đức, thẩm mỹ. Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu ra những quan điểm cơ bản về một giáo dục mới xã hội chủ nghĩa.

2.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục

2.1.2.1. Dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân

Nhận thức một cách sâu sắc tính chất đô hộ của nền giáo dục thực dân, Hồ Chí Minh đã thẳng thắn phê phán, đó là nền giáo dục nhằm đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho bọn thực dân người Pháp. Đó là nền giáo dục đồi bại và xảo trá, vì nó làm cho con người Việt Nam trở nên bạc nhược, hèn nhát, vong bản. Do đó, Hồ Chí Minh chủ trương, cần phải tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của chế độ thực dân, phong kiến: thái độ thờ ơ, xa rời đời sống lao động, đấu tranh của nhân dân, học để làm quan, phát tài, dạy theo lối nhồi sọ, máy móc. Từ đó, Người xác định, cần thiết xây

¹ C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.474.

² C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.475.

dựng tư tưởng dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Theo đó, dạy học không được theo lối từ chương, sách vở, học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tiễn, phục vụ thực tiễn cuộc sống và sản xuất của quần chúng nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Người luôn chú trọng việc giáo dục nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, hướng dẫn nhân dân cách "làm ăn có ngăn nắp". Nhân dân nắm vững tri thức sẽ "bớt mê tín nhảm"; biết rèn luyện thân thể sẽ "bớt đau ốm"; xác định được tư tưởng đúng đắn sẽ "nâng cao lòng yêu nước" và "thành người công dân đúng đắn". Người chỉ rõ, trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc làm cần thiết để xây dựng Việt Nam thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, hoàn cảnh vừa có chiến tranh, vừa có hòa bình, Hồ Chí Minh càng coi trọng vai trò của giáo dục. Người khẳng định: "*không có giáo dục, không có cán bộ, thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa*"³. Với vai trò đó, giáo dục góp phần đặc lực vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Một quốc gia muốn khẳng định vị thế của mình, không bị lệ thuộc và sự chèn ép của các quốc gia khác, trước hết phải làm cho nhân dân có trình độ tri thức nhất định. Do đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở toàn thể Quốc dân Việt Nam, muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, phải có kiến thức mới, để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết, phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ⁴, đó là điều cơ bản để thiết lập tinh thần vị quốc vị dân.

Mục đích trọng tâm và xuyên suốt trong tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh là vì con người, hướng đến xây dựng con người mới. Mỗi thời kỳ cách mạng khác nhau đều đặt ra yêu cầu khác nhau đối với giáo dục. Do đó, Hồ Chí Minh đề ra nhiệm vụ giáo dục khác nhau cho phù hợp.

Giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung toàn diện, bao gồm: giáo dục lí luận chính trị; giáo dục văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ; giáo dục phong cách, đạo đức cách mạng. Trong đó, giáo dục phong cách, đạo đức cách mạng là yêu cầu đầu tiên phải có, bởi một người thụ hưởng nền giáo dục, được đào tạo ra để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, điều đầu tiên cần có là phong cách và đạo đức cách mạng. Theo Hồ

³ Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.345.

⁴ Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.40.

Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng thì mới bền gan, mới hy sinh, trung thành, tận tụy, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang mà Đảng và nhân dân giao phó.

Về phương pháp giáo dục, Hồ Chí Minh luôn coi trọng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, lấy đó làm nguyên tắc cơ bản cho việc xây dựng các phương pháp giáo dục. Theo Hồ Chí Minh, cần có phương pháp phù hợp với điều kiện giáo dục và đối tượng giáo dục. Trong từng môi trường, điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng giáo dục khác nhau, cần có phương pháp giáo dục phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục. Hoạt động giáo dục cần phải có sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, vì giáo dục trong nhà trường có tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn như mong muốn. Bên cạnh đó, phương pháp được Hồ Chí Minh quan tâm sử dụng nhiều nhất là phương pháp nêu gương, đó là biểu hiện hữu hiệu nhất trong việc thống nhất giữa lời nói và việc làm. Người nhắc nhở những người làm công tác giáo dục, những người cách mạng phải biết làm gương, cố gắng làm gương trong công việc, trong quan hệ với nhân dân. Việc nêu gương phải được thực hiện ở cả ba mặt: tinh thần, vật chất và văn hóa.

Những nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục Hồ Chí Minh nêu ra đều nhằm mục đích nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng cho nhân dân, nâng cao nhận thức của nhân dân về mọi lĩnh vực, bảo đảm chất lượng và hiệu quả giáo dục. Như vậy, việc dạy và học mới thực sự trở thành những hoạt động phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

2.1.2.2. Giáo dục - một nội dung không thể thiếu trong chiến lược xây dựng và phát triển con người

Ngay từ những ngày đầu cách mạng, Hồ Chí Minh đã xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Do đó, con người phải được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, phải thường xuyên được giáo dục, đào tạo, và rèn luyện. Theo Hồ Chí Minh, giáo dục có vai trò hết sức to lớn trong việc cải tạo con người cũ, xây dựng con người mới. Một mặt, giáo dục tác động có mục đích, có hệ thống, có tính tổ chức chặt chẽ, theo mô hình nhân cách cần đạt đến. Mặt khác, giáo dục truyền lại những thành tựu của nền văn minh nhân loại theo con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất. Con đường đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu nhanh và bền vững nhất là con đường phát triển giáo dục. Người chỉ rõ, “*một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”⁵ và kêu gọi mọi người dân thi đua học tập để đưa Việt Nam trở thành một dân tộc văn minh, tiên bộ. Giáo dục phải tạo ra được những người lao động mới. Đó là những người có

⁵ Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr. 7.

lòng yêu nước nồng nàn, trung với nước, hiếu với dân, có đạo đức trong sáng, có chí khí hăng hái vươn lên, không sợ hy sinh gian khổ, có tinh thần gan dạ, dũng cảm, khiêm tốn, thật thà, cần cù, tiết kiệm, trong sạch, giản dị, có tri thức và sức khỏe để trở thành những người chủ tương lai của đất nước, những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc xây dựng một nền giáo dục toàn diện. Nền giáo dục đó phải kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục. Người nhấn mạnh: “*Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, lao động và sản xuất*”⁶. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất, phát triển khoa học kỹ thuật và giáo dục - đào tạo luôn có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển sản xuất, tạo nền tảng vật chất cho xã hội mới. Muốn phát triển sản xuất thì phải có khoa học kỹ thuật tiên tiến. Muốn ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tốt thì phải có trình độ văn hóa, có tri thức. Muốn vậy, phải phát triển giáo dục - đào tạo. Hồ Chí Minh khẳng định, dân tộc thịnh hay suy, nước nhà mạnh hay yếu, một phần quan trọng trực tiếp quyết định là do sự nghiệp giáo dục phát triển hay lạc hậu. Giáo dục phát triển, dân trí nâng cao sẽ xuất hiện nhiều nhân tài tham gia xây dựng đất nước. Trong sự nghiệp giáo dục ấy, Hồ Chí Minh xem thầy cô giáo là lực lượng đặc biệt, là những chiến sĩ trên mặt trận giáo dục. Không có thầy cô giáo thì hoạt động giáo dục không thể diễn ra. Các thầy cô giáo có nhiệm vụ nặng nề nhưng rất đổi vẻ vang là đào tạo cán bộ cho đất nước, cho mọi ngành hoạt động, rộng hơn nữa là diệt giặc đói, nâng cao dân trí, bồi dưỡng tinh thần của nhân dân... Muốn được như vậy, các thầy cô giáo, trước hết, phải trau dồi đạo đức cách mạng, không ngừng rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phải là tấm gương sáng để các thế hệ học sinh noi theo, phải thương yêu, chăm sóc học sinh như con em của mình... Hồ Chí Minh luôn căn dặn, Đảng và Nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện tốt cho các thầy cô giáo đứng vững trong vị trí và trách nhiệm của mình, để họ yên tâm hoàn thành nhiệm vụ trong sự nghiệp trồng người.

2.2. Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đối với công cuộc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

2.2.1. Chính sách giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày nay, thế giới đang vận động trong nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức đã được hình thành và phát triển. Chỉ có con đường phát triển giáo dục, phát triển năng

⁶ Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr.647.

lực trí tuệ sẵn có trong mỗi con người, Việt Nam mới có thể đi tắt, đón đầu để phát triển. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là kim chỉ nam để Đảng và Nhà nước Việt Nam hoạch định chính sách giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã xác định, cùng với khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo là “quốc sách hàng đầu”, đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và là một động lực quan trọng đưa Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Các đại hội lần thứ VIII (năm 1996), lần thứ IX (năm 2001), lần thứ X (năm 2006), lần thứ XI (năm 2011), lần thứ XII (năm 2016), tiếp tục khẳng định “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển”. Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản, thiết yếu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững⁷.

Ngày 14/1/2019, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì cuộc họp với Hội đồng tuyển chọn đề tài nghiên cứu xây dựng Khung chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030. Theo đó, chiến lược phải đáp ứng nguyên tắc, phản ánh định hướng, mục tiêu, hoạt động giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân trong đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với xu hướng quốc tế, đồng thời xây dựng chỉ số phát triển con người Việt Nam phải có những điểm chung với chỉ số phát triển con người của thế giới và mang đầy đủ những đặc thù, bản sắc dân tộc Việt Nam. Như thế, nguồn nhân lực được đào tạo ra sẽ mang đầy đủ những tố chất về năng lực, đạo đức, phong cách, thể lực, thẩm mỹ, không những đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà còn tiệm cận được trình độ nguồn nhân lực khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2.2. Một số giải pháp đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XII) nhấn mạnh, phải "phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của cuộc

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.108-109.

cách mạng công nghiệp 4.0"⁸. Đây là chủ trương đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới. Ở đây, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện chiến lược tổng thể về phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ mới phù hợp với tiêu chí, yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần khắc phục được thực trạng thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng, cũng như tính bất hợp lý về cơ cấu nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ giáo dục - đào tạo. Đây là nhiệm vụ then chốt, là giải pháp trọng yếu để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, muốn đổi mới căn bản, toàn diện, đồng bộ giáo dục - đào tạo đạt hiệu quả, phải quan tâm đặc biệt đến việc nâng cao năng lực và chất lượng của đội ngũ thầy cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục, vì đây là lực lượng nắm giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong thực hiện sứ mệnh “trồng người”.

III. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục là kết quả của quá trình kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại và vận dụng sáng tạo, phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục. Tư tưởng của Người đã trở thành kim chỉ nam cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước. Với những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về giáo dục, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã định ra những chính sách đúng đắn, phù hợp để từng bước phát triển nền giáo dục nước nhà, đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao càng trở nên bức thiết. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục một cách hiệu quả sẽ góp phần quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực vừa có năng lực chuyên môn vững vàng, vừa có phẩm chất đạo đức cao đẹp, không những đáp ứng được yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mà còn đưa Việt Nam ngày càng tiến nhanh vào tiến trình hội nhập, khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế.

⁸ Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.112.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), *Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2012), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

PHÁT HUY TINH THẦN YÊU NƯỚC CHO THANH NIÊN VIỆT NAM THÔNG QUA NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Trần Thị Tân
Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho thanh niên là di sản quý báu của dân tộc ta. Để xây dựng và phát huy tinh thần yêu nước cho thanh niên trong giai đoạn mới cần có nhiều phương thức và nội dung khác nhau, một trong những cách thức vô cùng hiệu quả đó là thông qua học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh để nâng cao tri thức, tình cảm, ý chí yêu nước, làm gia tăng sức mạnh chính trị - tinh thần, giúp thanh niên quân đội thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng quân đội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến quan điểm của Hồ Chí Minh về: tinh thần yêu nước, vai trò của thanh niên đối với sự phát triển của dân tộc; từ đó nêu lên những nội dung và phương pháp xây dựng tinh thần yêu nước cho thanh niên hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, thanh niên.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xa, nhưng tấm gương, di sản mà Người để lại cho hậu thế vẫn trường tồn với thời gian. Ngày nay, trong bối cảnh đất nước đổi mới và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, một bộ phận không nhỏ thanh niên Việt Nam thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu,... thì việc học tập và làm theo Bác nói chung, xây dựng tinh thần yêu nước nói riêng lại càng đặt ra bức thiết.

II. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần yêu nước

Tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, coi việc đánh đổ đế quốc, thực dân, đánh đổ ách thống trị của nước ngoài là yếu tố hàng đầu để giải phóng dân tộc, nhưng không dừng lại ở đó, cái đích vươn tới là dân phải được tự do, ấm no, hạnh phúc. Đó là lòng yêu nước chân chính, sâu sắc và triệt để, không mang

tính nửa vời. Vào đầu năm 1946, khi trả lời phỏng vấn các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Trong một lần trả lời phỏng vấn khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nói rõ thêm: “Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”². Như vậy, chủ nghĩa yêu nước của Hồ Chí Minh đã chứa đựng trong đó cả tình yêu nước, yêu dân nồng nàn và yêu chủ nghĩa xã hội sâu sắc.

Cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực về thực hiện chủ nghĩa yêu nước. Đó là cả quá trình đấu tranh, cống hiến cho cách mạng, vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân, Người không có mục đích gì riêng tư cho bản thân mình. Hồ Chí Minh đã từng nói: “Tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên Việt Nam là tôi như đứt một đoạn ruột”³. Xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước, từ lòng yêu nước, thương nòi, cả cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh luôn phấn đấu cho mục tiêu giải phóng dân tộc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì chỉ có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì dân mình mới được ấm no, Tổ quốc mới được giàu mạnh”⁴. Như vậy, chủ nghĩa yêu nước trong Hồ Chí Minh luôn được thể hiện trong lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; lý tưởng xây dựng một Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phồn vinh, ấm no, tự do, hạnh phúc đến với mọi người, mọi nhà; đó là chủ nghĩa yêu nước chân chính, mang chân lý tuyệt đối.

Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, nhân dân ta đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cách mạng Việt Nam khi đó gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng có sự soi sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, đặc biệt có sự lãnh đạo của Đảng cách mạng chân chính, tinh thần yêu nước của dân tộc ta đã được khơi dậy, toàn dân đã đoàn kết một lòng đứng lên đấu tranh giải phóng quê hương đất nước thoát khỏi ách nô lệ thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.187.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.49.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.401.

2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí của thanh niên

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định tiềm năng, vai trò, vị trí to lớn của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng, luôn tin tưởng và nhìn nhận thanh niên theo quan điểm phát triển. Ngay từ khi đất nước còn trong đêm đen nô lệ, Người đã nêu tư tưởng: Thức tỉnh thanh niên để đi đến thức tỉnh dân tộc. Vào những năm đầu khi nước ta giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên.”⁵. Người cho rằng sự phát triển trong tương lai của đất nước và tiền đồ vẻ vang của dân tộc nằm trong tay thanh thiếu nhi. Vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Thanh niên phải “tham gia ý kiến vào công việc của Chính phủ; chiến đấu giữ lấy nền độc lập và tự luyện ngay từ bây giờ để sau này lên thay những thủ lĩnh mà gánh vác việc trọng đại của nước nhà”⁶.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ vai trò của thanh niên trên cả hai bình diện xã hội và mối quan hệ kết nối quá khứ với tương lai không thể tách rời nhau: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách, dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”⁷. Vai trò này vô cùng quan trọng quyết định vận mệnh của dân tộc và của giai cấp công nhân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặt niềm tin và mong đợi ở thanh niên. Người đưa ra dự báo hết sức đúng đắn mà nay đã trở thành hiện thực: “Với một thế hệ thanh niên hăng hái và kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc”⁸.

Quán triệt quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của thanh niên, Đảng ta khẳng định: Đảng ta tiếp tục đề cao vai trò, vị trí quan trọng của thanh niên; xác định thanh niên là lực lượng xung kích trong giai đoạn cách mạng mới”; “Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người”. Đồng thời, nêu rõ “thanh niên nước ta đang đứng trước những cơ hội, thuận lợi lớn, nhưng cũng phải đương đầu với những khó khăn, thách thức không nhỏ...”

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.216.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.32.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.79.

2.3. Biểu hiện cơ bản của tinh thần yêu nước ở thanh niên hiện nay

Thứ nhất, thanh niên Việt Nam ở mọi thời đại trước hết là phải yêu nước, trung thành với Tổ quốc. Yêu nước là tình cảm thuần khiết và cao thượng nhất của mỗi con người, giá trị quan cốt lõi của chủ nghĩa xã hội cũng chính là tinh thần yêu nước. Qua lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, các thế hệ thanh niên càng thấm thía hơn giá trị những hy sinh mất mát của ông cha để có được đất nước ngày nay vinh quang tươi đẹp, từ đó thêm trân trọng hơn nguồn cội quê hương, nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của bản thân đối với Tổ quốc. Yêu nước là tự hào về đất nước, thanh niên cần có hiểu biết nhiều hơn về truyền thống văn hóa Việt Nam, cần thấm nhuần truyền thống cách mạng, cần trân trọng tinh hoa văn hóa hiện đại của dân tộc. Và sau cùng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thế hệ trẻ luôn trung thành với Tổ quốc, sẵn sàng cống hiến và hy sinh cho dân tộc.

Thứ hai, thanh niên Việt Nam phải không ngừng tu dưỡng tâm trong, đức sáng. Những phẩm chất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn thanh niên tu dưỡng và hướng đến chính là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đạo đức là cái gốc của mỗi con người. Thanh niên càng phải đặt việc rèn luyện đạo đức lên hàng đầu. Việc tự tu dưỡng là công việc hàng ngày và làm đến suốt đời. Tuổi trẻ là cơ hội để con người sớm xây dựng nền tảng đạo đức tốt đẹp, từ đó vạch ra chuẩn mực cho mọi giá trị nhân sinh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng nói “Có tài mà không có đức là người vô dụng...”, nhấn mạnh vai trò đạo đức được đặt lên hàng đầu, thức tỉnh thanh niên chú trọng tới tu dưỡng, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức và giá trị quan cốt lõi. Từ cấp độ cá nhân phải tu dưỡng cho tốt mới có thể tạo tiền đề để tăng cường tu dưỡng ở cấp độ tập thể cao hơn.

Thứ ba, thanh niên cần có tinh thần cầu thị, hiếu học. Học tập là quá trình không ngừng tích lũy, là quá trình tạo dựng nền tảng cho hoạt động thực tiễn. Thanh niên phải có lý tưởng nhân sinh cho bản thân, mà muốn thực hiện lý tưởng đó trước hết cần phải học tập và tích lũy. Càng tích lũy được nhiều tri thức thì càng thấy được những hạn chế thiếu sót của bản thân, từ đó mới có khả năng để khắc phục và hoàn thiện, mới đủ năng lực để cống hiến cho Tổ quốc, cho xã hội. Việc học tập của thanh niên không chỉ dừng lại trong khuôn khổ sách vở, mà hơn thế nữa chính là việc học cách tư duy độc lập. Trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, trước một biển tri thức vô tận, việc nắm được tri thức cốt yếu và cần thiết chính là dựa vào khả năng tư duy độc lập, và khả năng này cũng có được nhờ quá trình tự rèn luyện kiên trì và lâu dài. Tuổi trẻ như mùa xuân của cuộc đời, là giai đoạn mà khả năng tiếp thu ở mức cao nhất, cần nắm bắt cơ

hội này để tranh thủ học và hoàn thiện bản thân, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc sống tương lai sau này.

Thứ tư, thanh niên cần chú trọng bám sát thực tiễn, nhất quán giữa nhận thức và hành động. Xã hội hiện đại có sự giao thoa phức tạp của nhiều quan niệm tư tưởng, thanh niên thường chưa có nhiều sự trải nghiệm, dễ bị chi phối bởi ngoại cảnh, đôi khi còn có phần mơ hồ trong định hướng tương lai, chưa dễ định hình nhân sinh quan, giá trị quan và thế giới quan. Do đó trong mỗi việc làm của thanh niên, đôi khi khát vọng thì có thừa mà hành động thì chưa đủ, thậm chí nói rồi để đó không làm, dần dà đánh mất niềm tin vào chính mình. Thanh niên muốn làm nên sự nghiệp lớn, trước hết cần có chí hướng rõ ràng, bên cạnh đó cần nỗ lực hết mình, làm việc lớn bắt đầu từ những việc nhỏ, tự hình thành tinh thần mẫn cán, nghiêm túc, nhằm tích lũy sự tự tin và thái độ tích cực trước mọi công việc.

Thứ năm, thanh niên không ngừng phấn đấu, dũng cảm và trách nhiệm. Người chủ động tích cực, nắm bắt định hướng cuộc đời sẽ luôn luôn tự khích lệ bản thân tiến bộ. Thanh niên cần có chí khí, quyết tâm đạt tới mục tiêu, dũng cảm chấp nhận thất bại và không bao giờ buông xuôi, và thử thách càng lớn lao thì thanh niên càng thực sự trưởng thành. Thế hệ thanh niên mạnh mẽ thì đất nước hùng cường, và trách nhiệm của thanh niên trước hết là trách nhiệm đối với chính mình, có trách nhiệm với lời nói, việc làm của bản thân. Cao hơn nữa, thế hệ trẻ còn cần phải đảm đương trọng trách mà lịch sử giao phó, đó chính là trách nhiệm với xã hội, với đất nước. Thanh niên Việt Nam với lý tưởng và giá trị nhân sinh chân chính, luôn là lực lượng đóng góp trí tuệ, sức trẻ vào sự nghiệp phát triển nước nhà, thúc đẩy tiến bộ xã hội và phồn vinh dân tộc.

2.4. Phương pháp giáo dục tinh thần yêu nước cho thanh niên

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò của thế hệ trẻ, về “đổi mới nội dung, phương thức chính trị, tư tưởng, truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng, lòng yêu nước, xây dựng đạo đức lối sống lành mạnh, ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật cho thế hệ trẻ... Phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁹ - theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015 - 2030”. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa gia

⁹ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.162.

đình - nhà trường - Đoàn Thanh niên - xã hội trong đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ toàn diện về mọi mặt; trong đó, chú trọng nguyên tắc đào tạo gắn với bồi dưỡng, tin tưởng giao việc, tạo điều kiện để tuổi trẻ được trải nghiệm, phấn đấu và trưởng thành; xây dựng nguồn cán bộ trẻ, đảm bảo quy hoạch cho trước mắt và lâu dài, “phải khéo léo kết hợp cán bộ già với cán bộ trẻ”, “không nên coi thường cán bộ trẻ” như Hồ Chí Minh đã căn dặn.

- Trọng tâm là tăng cường học tập và nghiên cứu lý luận. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những tài sản quý báu nhất của Đảng ta, là vũ khí lý luận quan trọng nhất giúp đất nước ta vượt qua vô vàn thách thức của lịch sử để tiến bước lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ trẻ Việt Nam thì một trong những nhiệm vụ cốt lõi chính là nâng cao phẩm chất lý luận cho họ. Các giải pháp cụ thể chính là tích cực tổ chức những hoạt động nghiên cứu kinh điển và báo cáo học thuật. Các chi bộ đảng của sinh viên và cán bộ trẻ cần tích cực hơn trong việc nghiên cứu bám sát các tác phẩm kinh điển Mác - Lênin, tổ chức các hoạt động trao đổi, giải thích lý luận, làm rõ các nguyên lý cơ bản, khiến cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên phổ biến, dễ hiểu, khích lệ được người học, từ đó củng cố thêm niềm tin lý luận, tăng cường tu dưỡng tính đảng, giúp cho mỗi người học trẻ tuổi đều tự giác trở thành người lính trên mặt trận tư tưởng chiến đấu cho niềm tin và lý tưởng của Đảng ta.

- Nhằm tăng cường trình độ nghiên cứu khoa học cho thanh niên, chúng ta cần mở rộng nhãn quan học thuật hơn nữa, kiến tạo nên môi trường giao lưu, trao đổi khoa học, trường học, các viện nghiên cứu cùng đội ngũ cán bộ khoa học cần thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề, mời những chuyên gia có trình độ lý luận cao và nhiều kinh nghiệm đến truyền đạt kiến thức, hướng dẫn sinh viên và cán bộ trẻ tiến hành nghiên cứu và học tập, tạo điều kiện nâng cao về nhận thức và chuyên môn.

- Đổi mới mô hình truyền thụ kiến thức lý luận chính trị nói chung và Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Việc nâng cao phẩm chất lý luận cho thanh niên phụ thuộc chủ yếu vào sự tham gia tích cực của giảng viên và sinh viên trong quá trình học tập và trao đổi những nội dung liên quan đến chuyên môn. Do đó, việc làm cần thiết hiện nay là không ngừng cải cách những giờ học lý luận, nâng cao chất lượng dạy học, cần bám sát thực tiễn, có bước đi cụ thể và hiệu quả. Các hình thức truyền thụ cần sinh động, khoa học, như tổ chức thảo luận chuyên đề, cung cấp tư liệu ghi hình, trực tuyến, tạo sức hút và khích lệ người học, tạo những mối liên hệ giữa nhận thức và hành động, tăng cường tu dưỡng tính đảng và thiết lập vững chắc niềm tin xã hội chủ nghĩa.

- Thức tỉnh tính chủ động của thanh niên. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là lý luận có tính khoa học, tính cách mạng và tính nhân dân, đồng thời cũng là lý luận sánh cùng thời đại và không ngừng được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Do đó khi tiến hành giáo dục cho thanh niên, không phải chỉ là truyền thụ tri thức một cách đơn thuần và giản đơn, mà phải là sự thức tỉnh của tinh thần, sự đồng thuận của niềm tin, giúp thanh niên nhận thức đầy đủ nhất về bản chất của lý luận và tư tưởng, từ đó phát huy ý thức tự chủ của thanh niên, tăng cường năng lực tự chủ học tập, và vận dụng tính tự giác vào các lĩnh vực thực tiễn.

- Cùng cố thành quả lý luận trong thực tiễn. Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng bước ra từ thực tiễn và sau cùng hướng tới thực tiễn, không ngừng được thực tiễn kiểm nghiệm, không ngừng biến hóa phát triển cùng thực tiễn. Thanh niên không chỉ cần lý luận để giải thích thế giới, mà thanh niên với tư cách là thế hệ trẻ và tiên phong, cần nắm chắc lý luận để cải tạo thế giới, hiện thực hóa lý tưởng và niềm tin. Quan điểm thực tiễn luôn là quan điểm quan trọng nhất, cơ bản nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người luôn nhấn mạnh sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, trong đấu tranh cách mạng và trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa những hoạt động thực tiễn gắn với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phát triển lý luận từ trong thực tiễn. Đối với thanh niên, lấy lý luận đúng đắn để chỉ đạo thực tiễn, chính là con đường phát triển, là chìa khóa giải quyết những vấn đề khó khăn nhất trong quá trình vận động của lịch sử.

III. KẾT LUẬN

Thanh niên chính là hy vọng của nước nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước từ khi còn là một thanh niên, và cho đến tận cuối đời, Người dành trọn vẹn niềm tin cũng như kỳ vọng lớn lao đối với thế hệ thanh niên cách mạng sau này. Mỗi thời đại lại đặt ra những yêu cầu khác nhau đối với họ, nhưng những tư tưởng cốt lõi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giáo dục, bồi dưỡng thế hệ tương lai của đất nước vẫn luôn là chỉ dẫn vô giá cho Đảng và dân tộc ta, để từ đó các thế hệ cách mạng đời sau kế thừa truyền thống vẻ vang, nắm chắc ngọn cờ độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ và phát triển đất nước, không ngừng củng cố và làm rạng rỡ thành tựu cách mạng của các thế hệ đi trước, góp phần đưa đất nước Việt Nam đi lên giàu mạnh và phồn vinh, sánh vai với bè bạn năm châu. Phát huy tinh thần yêu nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là nhằm khơi dậy và phát huy tinh thần và nghị lực, trí tuệ và tài năng của mỗi thanh niên trong thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam, nhằm xây dựng đất nước

ngày càng giàu mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu và thành quả cách mạng, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Yêu nước đã trở thành tình cảm, tư tưởng thường xuyên trong mỗi con người Việt Nam, được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.4.
3. Phạm Văn Đồng (1969), *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb Văn học, Hà Nội.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO VẬN DỤNG Ở NINH BÌNH HIỆN NAY

ThS. Phạm Thị Thu Hằng*

Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình

Tóm tắt

Đoàn kết tôn giáo là một trong những tư tưởng quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đó chính là kết quả của sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình Người ra đi tìm đường cứu nước và vận dụng sáng tạo vào Việt Nam trong bối cảnh toàn dân tộc đang bị thực dân Pháp áp bức và đô hộ. Những quan điểm đó cũng chính là kim chỉ nam để Đảng, Nhà nước ta vạch ra đường lối, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam trong các chặng đường phát triển tiếp theo của đất nước. Bài viết đề cập đến những nội dung tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo đồng thời khái quát quá trình vận dụng quan điểm đó trong việc xây dựng khối đoàn kết tôn giáo ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết tôn giáo, Ninh Bình.

I. MỞ ĐẦU

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến vấn đề đoàn kết tôn giáo, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết tôn giáo gồm đoàn kết giữa đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo với đồng bào không có tín ngưỡng tôn giáo; đoàn kết giữa đồng bào theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; và đoàn kết giữa đồng bào trong cùng tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng.

Là một người cộng sản theo Chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ phân đối, bài xích các tôn giáo. Người luôn luôn có thái độ tôn trọng và đề cao vai trò của những vị đã sáng lập ra các tôn giáo. Người khẳng định: Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và chúa Giê-su đều giống nhau. Thích Ca và Giê-su đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là mẫu mực của sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do

* Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

không tín ngưỡng. Tư tưởng đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo của Người chính là kim chỉ nam để Đảng ta xây dựng các chính sách tôn giáo.

Việt Nam là nước đa tôn giáo, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước của nhân dân ta, các thế lực thực dân, đế quốc thường lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng. Âm mưu, thủ đoạn của chúng không chỉ là chia rẽ nhân dân các vùng, miền, giữa thành thị với nông thôn, đồng bào kinh với đồng bào dân tộc thiểu số, mà còn triệt để thực hiện chính sách chia rẽ đồng bào có tôn giáo với đồng bào không tôn giáo, giữa đồng bào các tôn giáo khác nhau, thậm chí gây chia rẽ đồng bào ngay trong nội bộ một tôn giáo. Chính vì lẽ đó, nắm vững, kiên định, bảo vệ và vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng hệ thống chính trị nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng.

II. NỘI DUNG

Tư tưởng đoàn kết tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện ở một số nội dung cơ bản như sau:

2.1. Về mục tiêu đoàn kết tôn giáo

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết tôn giáo trước hết, *phải lấy mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội làm điểm tương đồng*. Đối với cách mạng nước ta, điều kiện để có độc lập, tự do cho các tôn giáo chính là mục tiêu độc lập dân tộc, Người khẳng định: Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước độc lập đã. Độc lập rồi phải quan tâm đến đời sống người dân, vì nước độc lập, mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập chẳng nghĩa lý gì. Sự đoàn kết và phát triển theo xu hướng tích cực, tiến bộ của tôn giáo sẽ góp phần giành và giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc, đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tôn giáo và lương giáo đoàn kết”¹. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”², và nhân dân chỉ có thể được tự do

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.130.

khi đất nước độc lập, đây chính là ước nguyện của mọi người dân Việt Nam, trong đó có đồng bào tôn giáo. Người viết: “Hơn ai hết, đồng bào Công giáo càng mong cho Tổ quốc độc lập, cho tôn giáo được hoàn toàn tự do”³, do vậy, “Toàn thể đồng bào ta, không chia lương, giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để giữ gìn non sông Tổ quốc, mà cũng để giữ gìn quyền tôn giáo tự do”⁴; “Chúng ta toàn dân, giáo cũng như lương, đoàn kết kháng chiến để Tổ quốc được độc lập, tôn giáo được tự do”⁵. Với mục tiêu đó, Người đã quy tụ, tập hợp được toàn dân tham gia kháng chiến và kiến quốc thắng lợi.

2.2. Về nguyên tắc đoàn kết tôn giáo

Bên cạnh việc đặt ra các mục tiêu về đoàn kết tôn giáo, Hồ Chí Minh cũng đưa ra các nguyên tắc để thực hiện.

- *Nguyên tắc thứ nhất*: Trước hết để đoàn kết được các tôn giáo, phải *lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm mẫu số chung*.

Để thực hiện được nguyên tắc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc tìm ra những cái thống nhất, cái chung nhất của các tôn giáo để xây dựng một mục tiêu cao đẹp, Người khẳng định: “Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”⁶. Đồng thời, Người cũng tìm thấy điểm chung của các tôn giáo, đó là tôn giáo nào cũng có lòng yêu nước và một đức tin cao cả. Bởi vì, một người dù theo tôn giáo nào thì trước hết người đó phải là công dân, có nghĩa vụ với dân tộc, đất nước.

- *Nguyên tắc thứ hai, là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân*.

Để có thể thống nhất và xây dựng được khối đoàn kết trong đồng bào tôn giáo, từ đó xây dựng được khối đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu cần phải thực hiện nguyên tắc này, bởi Người cho rằng: tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tức là tôn trọng nhân dân, tôn trọng nhu cầu tâm linh của một bộ phận nhân dân, tôn trọng một yêu cầu về tự do, dân chủ trong đời sống văn hóa, tinh thần của xã hội.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.53.

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.544.

⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.373.

⁶ Hồ Chí Minh (1998), *Về vấn đề tín ngưỡng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.239.

2.3. Phương pháp đoàn kết tôn giáo

Phương pháp quan trọng nhất để có thể tập hợp được các tôn giáo là tôn trọng các giáo chủ, tranh thủ giáo sĩ và quan tâm đến đời sống của giáo dân. Bởi vì, Người cho rằng, giáo chủ, giáo sĩ là những người không chỉ có sự hiểu biết giáo lý, giáo luật mà còn hiểu biết về tình hình chính trị - xã hội và cũng là những người có đạo đức cao cả nên có tầm ảnh hưởng lớn đối với đồng bào tín đồ tôn giáo. Vì vậy, nếu không nắm được giáo chủ, giáo sĩ thì rất khó thuyết phục được đồng bào có đạo tham gia vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tin tưởng và giao cho nhiều người trong các tôn giáo giữ các chức vụ cao cấp, như: Giám mục Lê Hữu Từ, Giám mục Hồ Ngọc Cẩn là cố vấn tối cao cho Chính phủ; Linh mục Phạm Bá Trục là Phó Ban Thường trực Quốc hội; các trí thức Công giáo, như: Nguyễn Mạnh Hà, Ngô Tử Hạ, Vũ Đình Tung là Bộ trưởng trong Chính phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ông Cao Triều Phát - Chủ tịch Hội Cao Đài cứu quốc 12 phái hiệp nhất, là Cố vấn Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ... Đây cũng chính mục đích để bác bỏ mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù lợi dụng tôn giáo, hòng chia rẽ, phá hoại chính sách tôn giáo và dân tộc, phá hoại khối đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, Nhà nước ta.

Phương pháp thứ hai để tập hợp các tôn giáo đó là *khai thác các giá trị nhân bản, đề cao sự tương đồng, tôn trọng sự khác biệt giữa tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản.* Với phương pháp làm việc biện chứng, nhìn nhận sự vật, hiện tượng ở mọi góc độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy bản chất tốt đẹp của tôn giáo, đó là khát vọng có một cuộc sống tốt đẹp. Người viết: Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa. Tư tưởng: nhân đạo của Giêsu; từ bi hỷ xả, bình đẳng của Phật Thích Ca; hòa mục xã hội của Khổng Tử đã gặp gỡ với mục tiêu lý tưởng của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng. Đây chính là cách tiếp cận khoa học, giúp Người xóa bỏ những khoảng cách giữa đồng bào lương và đồng bào giáo.

Như vậy, để đoàn kết được đồng bào tôn giáo vào khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã đưa ra mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp cơ bản cần thực hiện trong quá trình làm công tác tôn giáo. Nhờ đó, Người đã thành công trong việc đoàn kết đồng bào tôn giáo vào khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với việc quan tâm đến khối đoàn kết đồng bào các tôn giáo nói chung, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến tôn giáo và đồng bào tôn giáo ở tỉnh Ninh Bình.

Ngày 13/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm Giám mục Lê Hữu Từ và đồng bào Thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình. Tại đây, Người căn dặn: Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo phải nên nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà và Kinh Chúa phải yêu nước. Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do... Vì vậy, đồng bào phải đoàn kết, hăng hái tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có hai tôn giáo chính là Phật giáo và Công giáo. Đạo Công giáo có 162.015 tín đồ, chiếm 16% dân số toàn tỉnh, phân bố ở 110/143 xã, phường, thị trấn; có Tòa Giám mục Phát Diệm với 77 giáo xứ, 361 giáo họ, 342 nhà thờ giáo xứ, giáo họ; có 02 dòng tu là Dòng Mến Thánh giá Phát Diệm với 01 giám mục, 119 linh mục; 138 nữ tu, 100 dự tu và Dòng Xi-tô Châu Sơn có 01 Giám mục nghỉ hưu, 19 linh mục, 106 tu sĩ, tập tu. Đạo Phật có 72.189 tín đồ, chiếm 7,65% dân số toàn tỉnh; 351 chùa (26 ngôi chùa được xếp hạng di tích cấp quốc gia và 40 ngôi chùa được xếp hạng di tích cấp tỉnh); có 372 tăng, ni (01 hòa thượng, 02 ni trưởng, 07 thượng toạ, 20 ni sư; 284 tỷ khiêu, 58 sa di). Về tổ chức, có Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh và 08 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện⁷.

Thấm nhuần lời dạy của Người, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát huy truyền thống yêu nước, không ngừng quan tâm chăm lo xây dựng khối đại đoàn toàn dân tộc trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng khối đoàn kết lương - giáo. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) các cấp đã chủ động phối hợp với chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức tôn giáo, tổ chức xã hội - tôn giáo vận động chức sắc và đồng bào có đạo thực hiện tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

MTTQ đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần, tâm linh của đồng bào tôn giáo, tạo điều kiện cho các chức sắc, chức việc và đồng bào tôn giáo tổ chức sinh hoạt tôn giáo theo Hiến Chương, Điều lệ và quy định của pháp luật; phối hợp, tổ chức thăm, tặng quà chúc mừng các chức sắc, tín đồ các tôn giáo, các gia đình chính sách, người theo tôn giáo, đồng bào theo đạo có hoàn cảnh khó khăn; đề xuất các chính sách hỗ trợ trong việc khám chữa bệnh cho các chức sắc, nhân sỹ tiêu biểu trong các tôn giáo và giải quyết tốt các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đồng bào các tôn giáo với những nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo như: về công tác đào tạo chức sắc, phong chức, phong phẩm;

⁷ Báo cáo số 19/BC-BTg ngày 12/10/2019 về tình hình tôn giáo và kết quả công tác tôn giáo năm 2019, nhiệm vụ năm 2020.

giải quyết đề nghị về xin cấp đất, xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp cơ sở thờ tự; thành lập các cơ sở thờ tự mới... Hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tôn giáo, đồng bào tôn giáo tổ chức các sự kiện với quy mô lớn như: Đại lễ Phật đản, lễ rước Ngọc xá lợi Phật, lễ cầu siêu tri ân các anh hùng liệt sỹ của Giáo hội Phật giáo; lễ tấn phong Giám mục giáo phận Phát Diệm, Đại hội giới trẻ Giáo phận Hà Nội tại Giáo phận Phát Diệm, lễ Giáng Sinh của Giáo hội Công giáo... Hàng năm, cấp ủy, chính quyền, MTTQ các cấp đã chủ động thăm và gặp gỡ lãnh đạo của các tổ chức tôn giáo giao lưu, tọa đàm, đối thoại để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các tổ chức và đồng bào tôn giáo. Những hoạt động trên đã tạo nên sự chuyển biến trong nhận thức, tác động tích cực đến tư tưởng, tình cảm đối với các đồng bào tôn giáo, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết lương-giáo ngày càng bền chặt.

Bên cạnh đó, MTTQ cũng đã tích cực tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền làm tốt công tác vận động chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và tham gia vào các tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh có 1.520 người có đạo tham gia cấp ủy, chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, trong đó: tham gia cấp ủy là 101 người (cấp huyện: 05 người, cấp xã: 96 người); ủy viên Ủy ban MTTQ và ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội là 1.081 người, trong đó Phật giáo là 144, Công giáo là 937 (cấp tỉnh: 46; cấp huyện 62; cấp xã: 949) và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 338 chức sắc, tín đồ, trong đó Phật giáo 09 đại biểu; Công giáo 329 đại biểu (cấp tỉnh: 02; cấp huyện 51; cấp xã, thị trấn: 276)⁸.

Cùng với những kết quả trên, MTTQ luôn tích cực chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền động viên đồng bào có đạo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đồng bào tín đồ các tôn giáo trong tỉnh đã tham gia hiến trên 439,6 ha đất, đóng góp tiền mặt, nguyên vật liệu, tài sản trên đất và ngày công lao động với tổng giá trị trên 47,5 tỷ đồng để xây dựng các công trình phúc lợi. Những đóng góp tích cực của đồng bào các tôn giáo đã góp phần làm cho cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ngày càng lan tỏa sâu rộng và đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Bên cạnh đó, đồng bào các tôn giáo cũng hưởng ứng tích cực các cuộc vận động như: “Ngày vì người nghèo”, “Xóa nhà tranh dột nát”, “Xây dựng nhà đại đoàn kết”.

⁸ Báo cáo của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh khóa X tại Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Ninh Bình lần thứ XI, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Nhiều mô hình được phát động triển khai có hiệu quả trong khu dân cư có đông đồng bào tôn giáo như: “Khu dân cư, Công giáo không có tội phạm”, “Xây dựng xứ họ đạo tiên tiến”, “Xây dựng gia đình Công giáo gương mẫu”, “Gia đình phật tử gương mẫu”, “Xây dựng chùa tinh tiến”, “Chùa Văn hóa”. Đến đầu năm 2020, toàn tỉnh có 137/334 chùa đạt tiêu chuẩn chùa tinh tiến về an ninh trật tự. Tiêu biểu nhất là phong trào “hiền, tặng giác mạc”, đây là phong trào có ý nghĩa nhân văn sâu sắc được người dân trong tỉnh, nhất là đồng bào tôn giáo tham gia hưởng ứng tích cực, đã có trên 11.000 người đăng ký hiến tặng giác mạc sau khi qua đời, hơn 230 người đã đem lại ánh sáng, niềm vui hạnh phúc khi được ghép giác mạc... Các chức sắc, đồng bào tôn giáo tặng trên 100 chiếc xe lăn cho người tàn tật; nhiều xứ đạo, họ đạo và các giáo dân trở thành gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng⁹.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng khối đoàn kết lương - giáo tỉnh Ninh Bình vẫn còn một số hạn chế như: việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền có lúc, có nơi còn chưa sâu sát, thiếu kiểm tra, giám sát chặt chẽ nên phát sinh một số vụ việc, vấn đề phức tạp; tình trạng vi phạm trong xây dựng cơ sở thờ tự, lấn chiếm đất đai liên quan đến tôn giáo còn xảy ra. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở cơ sở còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng; lúng túng khi phối hợp tham gia xử lý các tình huống nảy sinh⁹.

Trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết lương - giáo, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh cần tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, triển khai trong cán bộ, nhân dân nói chung, đồng bào theo các tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng về việc thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về công tác tôn giáo. Các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân trong vùng giáo, nắm và thực hiện tốt Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản pháp luật có liên quan.

Thứ hai, tiếp tục quan tâm phát triển đời sống nhân dân ở vùng có đông đồng bào theo các tôn giáo, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; kêu gọi đầu tư và tăng cường thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao dân trí; tăng cường củng cố hệ thống chính trị, động viên quần chúng tôn giáo sống “tốt đời đẹp đạo”, tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động từ

⁹ Báo cáo của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh khóa X tại Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Ninh Bình lần thứ XI, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

thiện nhân đạo. Giải quyết kịp thời những đề nghị chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân tín đồ các tôn giáo, không để xảy ra các sự việc phức tạp liên quan đến tôn giáo.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tôn giáo ở cơ sở theo hướng chuyên sâu, hiệu quả đảm bảo cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ xã, phường, thị trấn, khu dân cư.

Thứ tư, kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phần tử phản động, cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền để chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo và khối đại đoàn kết dân tộc để đồng bào tôn giáo yên tâm lao động, dựng xây đất nước, quê hương.

III. KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó chú trọng việc đoàn kết tôn giáo nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Người kêu gọi đoàn kết tôn giáo không chỉ nhằm xóa đi những thành kiến vốn có trong quá khứ, mà còn nhằm chống lại chính sách chia rẽ tôn giáo nguy hiểm của bọn thực dân, phong kiến để phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, tăng cường lực lượng đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, không chỉ kháng chiến mà cả kiến quốc, không chỉ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân mà cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, trước những diễn biến hết sức phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, hơn lúc nào hết các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tỉnh Ninh Bình cần quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đoàn kết lương - giáo, để tuyên truyền, vận động đồng bào các tôn giáo một cách phù hợp; tìm tòi và đề cao những yếu tố tương đồng, qua đó thực hiện tốt các chính sách tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (1998), *Về vấn đề tín ngưỡng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Báo cáo số 19/BC-BTg ngày 12/10/2019 về tình hình tôn giáo và kết quả công tác tôn giáo năm 2019, nhiệm vụ năm 2020.
4. Báo cáo của Ủy ban Tổ quốc Việt Nam Việt Nam tỉnh khóa X tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình lần thứ XI, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS.NCS. Vi Văn Thảo

ThS.NCS. Trịnh Thị Vân

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt

Giáo dục và đào tạo có vai trò rất quan trọng, quyết định tới sự phát triển và tồn tại của mỗi quốc gia dân tộc. Giáo dục và đào tạo sẽ tạo ra những con người được vũ trang về tri thức nhằm tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết đã phân tích những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục và vai trò của giáo dục và đào tạo hiện nay. Trên cơ sở phân tích đó, đưa ra những quan điểm nhằm vận dụng trong đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Văn hóa giáo dục, vận dụng, đổi mới, giáo dục và đào tạo.

I. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức ngày càng phát triển và trở thành chủ đạo của mỗi quốc gia. Khoa học - công nghệ đang có những bước tiến thần kì, nhân loại đang trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, một số quốc gia đang hướng tới xã hội 5.0. Yếu tố quyết định tới sự thay đổi và phát triển đó chính là giáo dục và đào tạo. Đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại, tăng cường năng lực của người học, đào tạo ra những công dân toàn cầu đang là xu hướng của giáo dục hiện nay. Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới để phát triển nền kinh tế và đất nước, học hỏi và tiếp thu khoa học - công nghệ hiện đại, tiên tiến của nhân loại. Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo của Việt Nam còn những hạn chế. Trước những yêu cầu mới của thời đại và nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới thì việc đổi mới giáo dục và đào tạo là rất quan trọng và cần thiết.

II. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục

2.1.1. Hồ Chí Minh là người trực tiếp đặt nền móng nền giáo dục nước nhà

Trước hết, Hồ Chí Minh đã phê phán gay gắt nền giáo dục phong kiến và nền giáo dục thực dân, đó là nền giáo dục tầm thường, không thể nâng tầm quốc gia dân

tộc, nó xa rời với thực tế, tạo nên sự bất bình đẳng trong cuộc sống, nền giáo dục hại dân, làm cho dân tộc mù chữ, xảo trá, coi đó là nền giáo dục nguy hiểm hơn cả sự đốt nát cần phải bị loại bỏ và thay thế bằng nền giáo dục quốc dân. Người chủ trương: “Hủy bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cưỡng bức giáo dục từ bậc sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài... Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh” [6; tr.629-630]. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Người đã đặt ra mục tiêu “làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập” [5; tr.7]. Việc xây dựng nền giáo dục phải được coi là một mặt trận chiến đấu, một nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, cơ bản và lâu dài.

Nhiệm vụ trước mắt: “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, vấn đề thứ hai là phải chống nạn dốt vì “nạn dốt là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ” [5; tr.7]. Coi mù chữ là một giặc cần phải diệt trừ để một người dân đều biết đọc, biết viết.

2.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục

Người coi trọng giáo dục lòng yêu nước trong trường học. Đó là sự giữ gìn và phát huy truyền thống, tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam, có lòng yêu nước thì mới có thể phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. “Cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ” [7; tr.102]. Tinh thần dân tộc luôn luôn được đề cao.

Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của các thầy, cô. “Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội được? Vì vậy, nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang” [8; tr.402-403]. Các thầy, cô giáo chính là những người sẽ đặt nền móng cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua dạy học, đào tạo ra những nhân tài cho đất nước. Người nhắc nhở các thầy, cô giáo “cán bộ chuyên môn, có chuyên môn mà không có chính trị giỏi thì dù học giỏi mấy dạy trẻ con cũng hỏng. Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn” [9; tr.612]. Giáo viên ngoài chuyên môn thì cần phải là một tấm gương về đạo đức, nếu không có đạo đức thì cũng vứt đi, coi đạo đức là gốc rễ của giáo dục, cần phải đi trước.

Việc dạy học phải gắn với thực tiễn xã hội thì mới phục vụ được xã hội: “Lý luận rất cần thiết, nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả. Do đó, trong lúc học tập lý luận, chúng ta cần nhấn mạnh: lý luận phải liên hệ với thực tế” [10; tr.94], học phải đi đôi với thực hành thì mới đạt được hiệu quả.

Đối với học sinh, Người luôn có những dặn dò hết sức ý nghĩa và tầm nhìn xa, đề cao việc học, đó chính là cách để đưa nước ta sánh vai với các cường quốc trên thế giới, làm rạng danh nước nhà “Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” [5; tr.34-35].

Người coi giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn xã hội: “Giáo dục trong nhà trường, chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn” [11; tr.591]. Tự học được coi trọng. Phương pháp giáo dục phải phù hợp với mục tiêu giáo dục, dạy phải phù hợp với đối tượng dạy học kết hợp với vui chơi, giải trí và nêu gương.

Như vậy, quan điểm giáo dục và đào tạo của Người là toàn diện, định hướng cho sự phát triển của nền giáo dục nước nhà. Từ mục tiêu nhằm mở mang trí thức, xây dựng tình cảm cao đẹp và đào tạo nhân tài. Nội dung giáo dục phải phù hợp với thực tiễn, giáo dục phải toàn diện, gồm: văn hóa, chính trị, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghề nghiệp, lao động, trong tình hình cách mạng mới thì phải cải cách giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của cách mạng. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tế.

2.2. Vai trò quan trọng của đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, giáo dục các giá trị truyền thống cho học sinh, sinh viên.

Trải qua hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc đã hình thành nhiều giá trị truyền thống tạo nên tính cách, tinh thần và sức mạnh của con người Việt Nam. Những giá trị đó luôn vận động, phát triển cùng với quá trình lịch sử thông qua sự chắt lọc những

tinh hoa dân tộc và nhân loại. Cùng các giá trị truyền thống mới được hình thành làm cho hệ giá trị truyền thống ngày càng phát triển.

Thế giới đang có nhiều biến động. Quá trình hội nhập, sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, bên cạnh những tích cực mang lại cũng để lại nhiều mặt trái của nó. Sự du nhập của văn hóa phương Tây, quá trình tiếp thu không chọn lọc làm phai nhòa các giá trị truyền thống, coi nhẹ giá trị làm người. Chính vì vậy, vai trò của giáo dục và đào tạo là hết sức quan trọng. Từ giáo dục truyền thống gia đình, nhà trường và dân tộc nhằm giữ gìn và phát huy trong quá trình giao lưu, hội nhập và tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm phong phú cho nền văn hóa của dân tộc.

Thứ hai, là một động lực để phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Kinh tế tri thức đang là xu thế của phát triển kinh tế thế giới hiện nay và trở thành chủ đạo của nhiều quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển. Giáo dục và đào tạo sẽ trực tiếp tạo ra những con người trí tuệ với kỹ năng lao động, đây chính là yếu tố quyết định nhất. Tri thức chính là nhân tố để tạo ra khoa học - công nghệ, sự cạnh tranh cao đối với các nền kinh tế khác. Trong nền kinh tế tri thức khoa học - công nghệ được áp dụng rộng rãi, nhất trong hoạt động quản lý kinh tế - xã hội. Khi công nghệ thông tin phát triển đến giai đoạn cao thì sẽ xuất hiện nền kinh tế số và nền kinh tế mạng, khi đó nền kinh tế sẽ phát triển thần kỳ. Chính vì vậy, việc đào tạo ra con người có tri thức, năng lực sáng tạo sẽ trở thành nhân tố chính cho sự phát triển. “Con người kinh tế tri thức là con người sáng tạo chứ không phải là một bộ phận của hệ thống máy móc trên dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp” [3; tr.21]. Vốn quý nhất của nền kinh tế tri thức chính là con người.

Thứ ba, góp phần hoàn thành sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Nước ta đang trong thời kỳ cách mạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng để phát triển đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có con người xã hội chủ nghĩa” [4; tr.66]. Yếu tố con người luôn được Đảng ta quan tâm hiện nay, nó là sản phẩm của giáo dục và đào tạo. “Nước nhà cần phải được kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài, nên phải “trọng dụng những kẻ hiền năng”. Vì thế, ngay từ những ngày đầu cách mạng, Người đã phát đi thông điệp, yêu cầu “các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân, thì phải báo cáo ngay cho chính phủ biết” [5; tr.504]. Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của con người, đó chính là nguồn nhân lực để hoàn thành sự nghiệp trong

giai đoạn cách mạng hiện nay. Và yếu tố cốt lõi để tạo ra con người hoàn thành sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới chính là giáo dục và đào tạo.

2.3. Vận dụng Tư tưởng của Hồ Chí Minh trong đổi mới giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, tập trung đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, chú trọng phát triển năng lực người học.

Nội dung dạy học hiện nay còn nhiều hạn chế, thiên nặng về lý thuyết, chưa gắn với thực tiễn đời sống xã hội, do đó làm hạn chế khả năng sáng tạo cũng như hình thành các năng lực cần thiết cho người học. Chính vì vậy, việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học là một nội dung quan trọng trong đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay. Việc gắn nội dung dạy học với thực tiễn đời sống xã hội sẽ làm tăng cơ hội cho người học tiếp xúc sớm với thực tiễn, tăng cường khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, qua đó làm phong phú, sinh động thêm nội dung bài học.

Thứ hai, chú trọng dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học, hình thành các kỹ năng sống cần thiết.

Nhân loại đang bước vào kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đòi hỏi con người cần phải có trí tuệ và nhiều kỹ năng lao động cần thiết. Chính vì vậy, việc dạy học chú trọng phát triển năng lực người học là vô cùng cần thiết, nhất là năng lực làm việc, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy... Tăng cường các phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực người học, hình thành những công dân toàn cầu, có thể lao động ở bất cứ đâu trên thế giới.

Thứ ba, quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Chất lượng giáo dục và đào tạo đã có sự phát triển nhất định nhưng vẫn còn nhiều hạn chế như: chương trình còn nặng về lý thuyết, chưa gắn với thực tiễn, khoảng cách về trình độ ở các vùng miền còn khá lớn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, nhiều nơi trẻ em đi học khó khăn, nghỉ học giữa chừng. Việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các vùng này sẽ góp phần nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống, đảm bảo an ninh biên giới, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Cần loại bỏ bệnh thành tích trong giáo dục hiện nay đã gây ra những hậu quả nhất định cho bản thân người học, phụ huynh học sinh, nhà trường và cả xã hội. Quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho họ sáng tạo trong giảng dạy và người học được thỏa sức khám phá, tìm hiểu, giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Từ đó, hình thành những công dân toàn diện với đầy đủ phẩm chất và năng lực.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Trong Chỉ thị số 29/2001/CT-BDG&ĐT đã nêu rõ: “Đối với giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin có tác động mạnh mẽ, làm thay đổi phương pháp, phương thức dạy và học. CNTT là phương tiện để tiến tới một xã hội học tập”. Đổi mới phương pháp dạy học CNTT đã được UNESCO đưa ra thành chương trình của thế kỷ XXI. Đó cũng là một xu thế tất yếu của giáo dục. Để ứng dụng CNTT hiệu quả cần nâng cao nhận thức của cán bộ giáo viên về tầm quan trọng của CNTT, quan tâm bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học, kỹ năng ứng dụng CNTT cho cả giáo viên và người học.

Thứ năm, thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường đầu tư, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

Việc đầu tư cho giáo dục và đào tạo là hết sức quan trọng và có ý nghĩa lâu dài. Tuy vậy, ngân sách còn hạn hẹp, khả năng đầu tư còn hạn chế. Chính vì vậy, việc kêu gọi toàn xã hội đầu tư cho giáo dục và đào tạo là hết sức cần thiết. Việc cho phép các doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở thêm các trường dạy học, trường đào tạo là hướng đi đúng đắn, tăng cơ hội học tập cho người học. Đặc biệt, cần có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư để đầu tư vào giáo dục và đào tạo ở các vùng còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng biên giới hải đảo. Xây dựng cơ sở vật chất, trường học, khu nhà ở cho giáo viên ở vùng sâu, vùng xa để họ yên tâm công tác, có chính sách khuyến khích trẻ em được đến trường nhằm nâng cao trình độ dân trí.

Thứ sáu, nâng cao công tác quản lý giáo dục.

Nền giáo dục hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Nguyên nhân chính là do cơ chế quản lý giáo dục của Việt Nam còn bất cập. Tăng cường công tác quản lý mở nhất là đối với các trường đại học, cao đẳng, trường đào tạo nghề, giao cho họ quyền tự chủ, quyền quyết định và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo để họ được thỏa sức sáng tạo, khai sáng những văn minh để phát triển những gì xã hội cần được đáp ứng. Mặt khác, các nhà quản lý giáo dục cần có những chiến lược lâu dài để định hình phát triển giáo dục trong tương lai, nhất là quan tâm tới đội ngũ giáo viên, những người sẽ quyết định tới thành công của nền giáo dục đào tạo nước nhà.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Việc hợp tác với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới mang lại nhiều lợi thế to lớn đối với giáo dục Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo, nâng cao công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực. Ngoài ra, cần tăng cường các hoạt động trao đổi giữa các giảng viên và sinh viên giữa trong nước với quốc tế

nhằm học hỏi, trau dồi kinh nghiệm nghiên cứu và thúc đẩy quan hệ bạn bè quốc tế. Tăng cường nhiều dự án hợp tác quốc tế với nhau. Tranh thủ cơ hội, tận dụng nguồn giảng viên nước ngoài để đào tạo, nâng cao trình độ sinh viên trong nước trở thành những nhân tài. Khuyến khích giảng viên trong nước trao đổi nghiên cứu, cộng tác với giảng viên nước ngoài.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được thì vẫn còn những hạn chế làm cản trở sự phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết mà đất nước đặt ra. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành cuộc cải cách trong giáo dục và đào tạo một cách toàn diện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nước nhà. Trong đó, tư tưởng của Hồ Chí Minh về văn hóa giáo dục vẫn còn giá trị to lớn mà chúng ta có thể vận dụng; cần đặc biệt quan tâm tới đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, nhất là hình thành năng lực và kỹ năng cho người học. Tập trung xã hội hóa giáo dục, kêu gọi toàn xã hội đầu tư vào giáo dục, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Mặt khác, cần quan tâm tới đời sống của người giáo viên, có chính sách thu hút nhân tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2002), *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 64. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, tr.21.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.66.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.7; 34-35; 504.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.629-630.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.102.

8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.402-403.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.516.
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.94.
11. Hồ Chí Minh (2011) *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.591.

GIÁ TRỊ NHÂN VĂN QUÂN SỰ HỒ CHÍ MINH VỚI XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VỀ CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

Thượng tá, TS. Bùi Xuân Quỳnh
Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Tóm tắt

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là kết tinh giá trị nhân văn trong lĩnh vực quân sự. Giá trị đó biểu hiện ở mục tiêu chiến tranh, phương thức tiến hành chiến tranh, trong tổ chức xây dựng lực lượng và ứng xử với kẻ thù. Có vai trò to lớn góp phần tăng cường củng cố hệ tư tưởng của Đảng trong quân đội; làm cho quân đội trung thành tuyệt đối với Đảng và sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Từ khóa: Nhân văn quân sự Hồ Chí Minh, Quân đội nhân dân Việt Nam, chính trị.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội khẳng định: xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, lấy xây dựng quân đội về chính trị là cơ sở. Đây là vấn đề có tính quy luật của bất cứ quân đội nào trong xã hội có đối kháng giai cấp. Xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị không đứng ngoài quy luật chung. Tuy nhiên, quá trình này khác hẳn về bản chất so với quân đội của giai cấp tư sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam là chính trị của Đảng, thể hiện rõ nhất ở mục tiêu, lý tưởng chiến đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; chính trị biểu hiện rất toàn diện, mọi lúc, mọi nơi, đặc biệt là trong lúc đánh giặc: “Riêng về các chú, chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc. Học chính cương, chính sách rồi thì phải thực hiện. Nếu thuộc lâu mà không biết đánh giặc thì vô dụng”¹. Xây dựng Quân đội về chính trị là tổng thể mục tiêu, nội dung, phương thức tiến hành của các chủ thể nhằm xây dựng, bồi dưỡng niềm tin, ý chí, trạng thái tinh thần chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng cách mạng cho mọi quân nhân. Trong đó, giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh có vai trò hết sức quan trọng đối với xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.218.

II. NỘI DUNG

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là tổng thể các thuộc tính nhân văn độc đáo trong hệ thống các quan điểm, tư tưởng, hành động của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mặt quân sự, giá trị đó được hình thành, phát triển và lưu truyền có ý nghĩa là một động lực tinh thần to lớn tạo nên sức mạnh trong giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc hiện nay. Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là sự kết tinh giá trị nhân văn trong bề dày truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và nhân loại mà cốt lõi là giá trị nhân văn trong học thuyết quân sự Mác - Lênin và phẩm chất, cốt cách nhân văn trong con người Hồ Chí Minh.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh biểu hiện tập trung nhất ở mục tiêu chiến tranh là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, giải phóng con người, xây dựng xã hội chủ nghĩa. Người nói, “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”². Song, “Là nạn nhân của một cuộc xâm lược có chủ định từ trước, chúng tôi buộc phải tự vệ chống lại một đối phương đang thực hiện phương pháp của một cuộc chiến tranh tổng lực như những cuộc bắn phá dã man làng mạc và dân thường”³; “chính sách vũ lực mà các nhà đại diện Pháp ở Đông Dương vẫn áp dụng từ trước đến nay, đã bó buộc dân tộc Việt Nam phải võ trang tự vệ”⁴. Hồ Chí Minh khẳng định cuộc chiến tranh mà chúng ta buộc phải tiến hành là “chiến tranh chính nghĩa”, “chiến tranh tự vệ”. “Nếu không bị uy hiếp, chúng ta không cần có tự vệ. Tự vệ là vệ lấy mình, lấy gia đình mình, rồi đến thành phố mình, nước mình. Ta phải ngăn ngừa mọi sự uy hiếp”⁵. Vậy mà, chưa đầy một tháng sau ngày Độc lập đất nước, ngày 23/9/1945, thực dân Pháp tiếp tục nổ súng, gậy hần ở Nam Bộ, buộc nhân dân ta phải bước vào cuộc chiến tranh tự vệ mới.

Chiến tranh là giải pháp cuối cùng, cho nên, Hồ Chí Minh đã kiên trì, bền bỉ lãnh đạo toàn dân ra sức ngăn chặn chiến tranh. Người kiên trì dùng con đường hòa bình thương lượng với đại diện Pháp, Tưởng, Anh, Mỹ để giữ vững thành quả cách mạng giành được. Người kêu gọi lương tri chính phủ Pháp tôn trọng chủ quyền Việt Nam, và nhiều lần đề nghị chính phủ Pháp chấp nhận hòa bình, tránh sự căng thẳng đổ máu. Người nói, Tôi biết nhân dân Pháp không muốn chiến tranh và “Chúng tôi không muốn

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.187.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.522.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.41-42.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.170.

chiến tranh, nhưng chúng tôi quyết tự vệ đến giọt máu cuối cùng. Chúng tôi quyết không chịu mất nước làm nô lệ thực dân lần nữa. Mong Chính phủ, Nghị viện và nhân dân Pháp hiểu cho. Mong các nước dân chủ trên thế giới hiểu cho”⁶. Để đem lại cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc cho nhân dân không cách nào khác phải đứng lên đấu tranh, dù biết rằng chiến tranh bao giờ cũng gây nên tổn thất của cải, vật chất và đặc biệt là sự hy sinh xương máu của người dân Việt Nam và những người lính Pháp, Mỹ. “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”⁷. Nhân văn trong tư tưởng của Người không phải là hô hào khẩu hiệu, càng không phải là những mục tiêu đưa ra để lừa phỉnh dân chúng: “Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình, hòa bình thật sự, hòa bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hòa bình giả hiệu, “hoà bình” kiểu Mỹ”⁸ và “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁹. Trong Thư gửi Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp ngày 07/01/1947, Người cố mong muốn: “Chính phủ và nhân dân Pháp chỉ cần có một cử chỉ công nhận độc lập và thống nhất của nước Việt Nam là chấm dứt được những tai biến này; hòa bình và trật tự sẽ trở lại ngay tức khắc. Dân tộc Việt Nam đang chờ đợi cử chỉ đó”¹⁰.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh thể hiện ở phương thức tiến hành chiến tranh, đánh để buộc địch phải từ bỏ ý đồ xâm lược, để giành hòa bình, độc lập, tự do cho dân tộc mà ít tổn thất về người và của nhất. Chiến tranh là sự kế tục của chính trị. Đánh giá cuộc chiến tranh là tiến bộ hay phản tiến bộ phải dựa vào mục đích chính trị của nó. Chiến tranh dù là cách mạng và tiến bộ cũng không sao tránh khỏi những tổn thất hy sinh. Vấn đề quan trọng là ở chỗ làm thế nào để giành được những mục tiêu của cách mạng, của khởi nghĩa và chiến tranh mà hạn chế thấp nhất sự tổn thất về người và của cho nhân dân ta và bên đối địch. Do đó, phương châm chỉ đạo tiến hành chiến tranh, là không đánh hủy diệt, chỉ sử dụng hỏa lực mạnh khi thật cần thiết, vừa đánh

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.138.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.534.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.132.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.15.

địch vừa lo bảo vệ dân, tạo thuận lợi để dân nổi dậy giành chính quyền cách mạng, vừa đánh vừa đàm, kêu gọi sự thức tỉnh của binh lính đối phương, mục đích để "cứu nước" và "cứu người". Để thực hiện được điều này, Hồ Chí Minh chủ trương tập trung đánh kẻ thù phản động nguy hiểm nhất, làm thức tỉnh lực lượng tiến bộ, "phải làm cho binh lính bản xứ hiểu rằng cả công nhân ở chính quốc lẫn binh lính ở thuộc địa, đều cùng bị chung một bọn chủ áp bức và bóc lột, do đó, họ đều là anh em cùng một giai cấp và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau"¹¹.

Để hạn chế những tổn thất đau thương không cần thiết, Người căn dặn đại tướng Võ Nguyên Giáp trong chiến dịch Điện Biên Phủ là "đánh phải chắc thắng", là người chỉ huy không được mạo hiểm, phiêu lưu, phải hết sức thận trọng, giữ gìn từng giọt máu của bộ đội, tiết kiệm sức quân, sức dân. Người rất đau xót, "*Than ôi*, trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người"¹². Người coi nỗi đau của một bà mẹ Pháp, Mỹ mất con trong chiến tranh cũng như nỗi đau của một bà mẹ Việt Nam, "Chiến tranh kéo dài làm cho nước Mỹ càng hao người tốn của. Tôi vô cùng công phẫn trước những tổn thất và tàn phá do quân Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước chúng tôi; tôi cũng rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam vì chính sách của nhà cầm quyền Mỹ"¹³. Trong số "25.000 binh sĩ Mỹ bị Chính phủ Mỹ đưa sang tham gia chiến tranh ở miền Nam, đã có hàng trăm người chết, hàng nghìn người bị thương. Tức là hàng trăm hàng nghìn chị em phụ nữ Mỹ đã bị mất chồng, mất cha, mất con, hoặc mất người yêu!"¹⁴.

Vì thế, theo Người đánh bại là tốt hơn đánh tiêu diệt, bằng cách làm tan rã, làm địch rút quân, và vô hiệu hóa quân địch, chứ không phải chỉ là giết nhiều người. Trong điều kiện lực lượng ta và địch quá chênh lệch thì "Đánh bại ý chí xâm lược từng bước, đi đến đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của kẻ thù"¹⁵, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào" nhằm sớm chấm dứt chiến tranh, giảm tổn thất.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.219.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.510.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.602.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.261.

¹⁵ *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.252.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh thể hiện tập trung nhất trong xây dựng lực lượng Quân đội. Hồ Chí Minh là người luôn yêu thương, tôn trọng và tin vào vai trò to lớn của con người. Xuất phát từ mục tiêu nhân văn cao cả, trong quá trình tổ chức, xây dựng và rèn luyện quân đội Người luôn yêu cầu phải xây dựng tình đoàn kết quân dân cả nước, quân đội phải hết lòng trung thành với Đảng với tổ quốc và có hiếu với nhân dân. Mọi quan hệ với nhân dân được thể hiện bởi việc đặt tên cho quân đội là anh “Bộ đội cụ Hồ” và nó cũng trở thành một truyền thống tốt đẹp của quân đội ta. Hồ Chí Minh rất quan tâm mối quan hệ giữa cán bộ với chiến sĩ, “Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng tư lệnh trở xuống, phải săn sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống như thế nào, phải hiểu nguyện vọng và thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ không được kêu mình đói. Bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt”¹⁶. Không chỉ bằng lời nói và viết mà tình yêu thương của Người đã tỏa ra thấm vào từng cán bộ, chiến sĩ tạo nên một quân đội mang đậm chất nhân văn.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh còn thể hiện trong việc đối xử với tù, hàng binh. Mặc dù tội ác của Pháp, Mỹ là trời không dung, đất không tha: “chính sách xâm lược của Chính phủ Mỹ mà đồng bào miền Nam chúng tôi đã bị những tai nạn như sau: Hơn 4.000 phụ nữ bị hãm hiếp, có cả em bé và cụ già. Hơn 200.000 người bị thương vì tàu bay Mỹ ném bom. Hơn 400.000 người vô tội bị giam cầm. Hơn 1 triệu người thành tàn tật vì bị tra tấn. Hơn 150.000 người bị giết hại (3.000 người bị mổ bụng, moi gan, ăn thịt). Hàng trăm làng mạc bị đốt phá và bị thuốc độc, hàng chục vạn binh sĩ chết và bị thương ở chiến trường”¹⁷. Nhưng Người tỏ rõ tinh thần khoan hồng, độ lượng, nhân văn: “Ngụy binh cũng là con dân nước Việt, nhưng vì đại mà đi lầm đường, cho nên tôi và Chính phủ sẵn sàng tha thứ những người sớm biết lỗi và quay về với đại gia đình kháng chiến”¹⁸ và yêu cầu “Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới, trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng: Chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước”¹⁹. Bản thân Người cũng đã nhiều lần gặp gỡ tù binh, hàng binh, thăm hỏi gia

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.76.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.260.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.198.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.29-30.

đình, sức khỏe của họ. Hơn một vạn tù binh quân đội Pháp bị bắt ở Điện Biên Phủ năm 1954, hàng trăm phi công lái máy bay Mỹ bị bắt sống ở miền Bắc, hàng nghìn sĩ quan, binh sĩ Mỹ và chư hầu bị bắt ở các chiến trường miền Nam trong suốt hơn 20 năm chiến tranh đều được khoan hồng và đối đãi tử tế, được cứu chữa khi bị thương, được trao trả khi chiến tranh kết thúc. Hình ảnh vị lãnh tụ cởi áo khoác của mình choàng cho tù binh đối phương (Pháp) trong chiến dịch Điện Biên Phủ thật là hiếm có trên thế giới làm lay động lòng người.

Hiện nay, điều kiện quốc tế có sự thay đổi lớn, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra mạnh mẽ, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Xã hội công nghiệp càng phát triển, chuyên môn hóa càng cao, các phương tiện thiết bị dần thay thế cho sức hoạt động của con người càng nhiều, thì mặt trái của nó làm giảm đi sự gắn kết, mối quan hệ, tình thương giữa con người và con người. Trong lĩnh vực quân sự, chính trị - tinh thần chịu sự tác động lớn nhất. Xây dựng quân đội về chính trị đặt ra yêu cầu cao hơn về các giá trị văn hóa, tinh thần. Do đó, vai trò của giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh đối với xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị ngày càng tăng lên. Vai trò, sự tác động thể hiện trên các phương diện nội dung cụ thể của hoạt động xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị.

Thứ nhất, giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh góp phần tăng cường, củng cố hệ tư tưởng, mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của quân đội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là cơ sở, điều kiện thuận lợi, để cán bộ, chiến sĩ quân đội tiếp nhận, củng cố và bảo vệ hệ tư tưởng của Đảng. Mang trong mình “dòng máu” nhân văn cách mạng Hồ Chí Minh, với bản tính nhân văn “tự vệ, chính nghĩa”, mọi cán bộ, chiến sĩ quân đội, họ có thể chưa hiểu cặn kẽ chủ nghĩa Mác - Lênin, song đã nguyện một lòng cống hiến, hy sinh vì mục tiêu lý tưởng của Đảng. Bởi, “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”²⁰.

Hệ tư tưởng của quân đội ta hiện nay về bản chất mang hệ tư tưởng của Đảng, chiến đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, là công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, song nó là cái không hoàn toàn cố định, bất biến. Trước các tư tưởng trái chiều và sự chống phá điên cuồng của các thế lực đế quốc, thù địch bằng “diễn biến hòa bình” được sự hỗ trợ

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.496.

bởi cách mạng khoa học công nghệ làm cho hệ tư tưởng của Đảng nói chung và trong quân đội nói riêng dễ bị phai nhạt, biến chất nếu không được củng cố, tăng cường. Mặt khác, tuy toàn cầu hóa đem lại sự phát triển cho nhiều quốc gia, dân tộc, nhưng toàn cầu hóa cũng đang làm băng hoại các giá trị truyền thống của các quốc gia, dân tộc. Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh không chỉ giúp lưu giữ và phát triển “bản thể” của nó mà còn là động lực tinh thần to lớn cho việc củng cố, tăng cường hệ tư tưởng của Đảng trong quân đội góp phần làm thất bại sự chống phá về tư tưởng của địch.

Thứ hai, giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là cơ sở bảo đảm cho Đảng nắm chắc, nắm chặt quân đội, quân đội tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Giai cấp thống trị tổ chức ra, sử dụng và lãnh đạo quân đội là tất yếu khách quan, không có quân đội trung lập, phi giai cấp. Về mặt lý luận và thực tiễn cho thấy, các giai cấp luôn xây dựng, phát triển hoặc tìm cách lôi kéo công cụ bạo lực về phía mình, song sự lôi kéo đó chỉ có hiệu quả trên sự thống nhất về những giá trị cốt lõi. Với bề dày các giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh, hành động phục tùng của quân đội không chỉ là “tự phát” mà còn mang tính “tự giác” cao độ.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa giá trị nhân văn quân sự truyền thống trong lịch sử, và sự cụ thể hóa mục tiêu, nội dung xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Những giá trị đó góp phần định hình, tỏ rõ tư tưởng nhân văn, tinh thần “đem đại nghĩa để thắng hung tàn” trong mục tiêu chiến đấu của quân đội, và về cuộc chiến tranh chính nghĩa do Đảng ta phát động, là sức mạnh tinh thần to lớn xây dựng bản lĩnh, ý chí, niềm tin, sự thừa nhận và đòi hỏi khách quan Đảng lãnh đạo quân đội. Bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội “tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt” được thực hiện triệt để nhất. Cũng vì cùng chung mục tiêu “tự vệ, chính nghĩa” vì giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, với cách thức ứng xử “trọng hòa mục” trong các quan hệ giữa cán - binh, giúp cho quan hệ phối hợp công tác giữa người chỉ huy với người chính ủy, chính trị viên, giữa cán bộ quân sự với cán bộ chính trị được giải quyết hài hòa, cả tình và lý. *Một mặt*, vẫn bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng ở đơn vị đối với người chỉ huy theo đúng nguyên tắc. *Mặt khác*, người chỉ huy cũng dám tự chủ, quyết đoán và chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng, cấp ủy của đơn vị mình thực hiện nhiệm vụ trong các tình huống gay go, khốc liệt của chiến tranh. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đến từng đơn vị cơ sở, trên mọi lĩnh vực ở mọi nơi có hoạt động của quân đội.

Thứ ba, giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh góp phần làm cho quân đội thực hiện thắng lợi đường lối chính trị, đường lối quân sự và nhiệm vụ của Đảng giao cho. Hiệu quả xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị được đánh giá ở đích cuối cùng là thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ được giao. Với tính cách là một chính thể thống nhất, xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện được bắt nguồn bởi chính sức mạnh nội tại, trong mối quan hệ gắn kết với nhân dân, với bè bạn quốc tế và trong tương quan so sánh với kẻ thù, trong đó sức mạnh nội tại và quan hệ quân dân là yếu tố then chốt.

Sức mạnh nội tại của quân đội xem xét ở góc độ lực lượng, ở nhân tố con người, thể hiện ở quân số hợp lý, ở chất lượng từng thành viên và phương thức liên kết tối ưu nhất. Trong đó sức mạnh của nhân tố con người, trước hết ở từng quân nhân là hạt nhân cho sức mạnh toàn thể. Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh với đặc điểm cơ bản xuyên suốt là *tự vệ, chính nghĩa* là cơ sở để quân đội *chấp nhận tự giác* và *nhu cầu* tiếp thu hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng, phục tùng tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng. Giá trị đó còn tạo niềm tin to lớn, ý chí quật cường sẵn sàng hy sinh để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Chiến tranh - đặc trưng cơ bản của hoạt động quân sự - là sự thử thách toàn diện của các bên tham chiến, sự khốc liệt của chiến tranh tác động và ảnh hưởng to lớn, trước tiên tới trạng thái chính trị - tinh thần của cả dân tộc mà trước hết là những người cầm súng. Theo V.I. Lênin: “Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường”²¹. Tinh thần đó chỉ được tạo dựng bởi “Lòng tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa, sự giác ngộ rằng cần phải hy sinh đời mình cho hạnh phúc của những người anh em, là yếu tố nâng cao tinh thần của binh sĩ và làm cho họ chịu đựng được những khó khăn chưa từng thấy”²². Bởi, “họ hiểu rằng vì sao họ chiến đấu và tự nguyện đổ máu cho thắng lợi của chính nghĩa và chủ nghĩa xã hội. Việc quân chúng nhận thức được mục đích và nguyên nhân của chiến tranh có một tầm quan trọng to lớn và đó là sự bảo đảm cho thắng lợi”²³. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 6 lần nhắc đến nguyên nhân thắng lợi của hoạt động quân sự do *tính chất chính nghĩa*, và khẳng định: “Vi kháng chiến của ta là chính nghĩa. Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ. Vậy ta là chính nghĩa, địch là tà. Chính nhất định thắng tà”²⁴. Ngược lại, nếu mục đích của hoạt động quân sự, của chiến

^{21, 22, 23} V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.147.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.178.

tranh không vì giá trị nhân văn thì không thể chịu đựng được sự khốc liệt của chiến tranh, không thể làm nên những chiến thắng rạng rỡ. Đó cũng là lý giải thỏa đáng nhất cho nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược của quân và dân ta.

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh là cơ sở tạo nên sức mạnh tinh thần, ý chí quyết tâm to lớn của mỗi quân nhân, động lực của các phong trào “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “cuộc đời tuổi trẻ đẹp nhất trên trận tuyến chống quân thù”, những người lính gia nhập quân đội trên cơ sở hiểu được sự cần thiết phải cầm súng chiến đấu, bởi lòng yêu nước tự nguyện viết đơn tòng quân bằng máu của mình. Vì lòng yêu thương con người, yêu người thân, yêu giống nòi Lạc Hồng, yêu đồng chí, đồng đội, yêu xóm làng, ruộng nương; sự mến cảm với nỗi khổ của những người xung quanh, kết hợp niềm tin vào sức mạnh và khát vọng đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của con người dẫn đến nhận thức về sự cần thiết phải hiến đời mình cho dân tộc. Do đó, sẽ thu hút được nhiều nhân sĩ, trí thức tài giỏi vào phục vụ trong quân đội. Sẵn sàng từ bỏ cuộc sống vinh hoa, phú quý, vượt lên trên danh lợi cá nhân đem tài, đức công hiến xây dựng quân đội.

Cán bộ, chiến sĩ luôn sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi, “điều thuốc bẻ đôi”, “đêm rét chung chăn” và cao hơn cả là dám nhận hy sinh mất mát về mình, giành quyền sống cho đồng đội trong chiến tranh cũng như trong thời bình. Một đội quân gắn kết, yêu thương nhau, đồng cam cộng khổ, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, được nhân dân mến yêu gọi là “Bộ đội Cụ Hồ”. Một đội quân mà trong đối kháng với kẻ thù dựa trên sự nhân nghĩa, khoan dung, độ lượng, lấy cảm hóa làm sức mạnh. Đội quân như vậy, thì không có “quân lính nào”, “súng ống nào” đê bẹp được và nó tạo ra “Dáng đứng Việt Nam” tạc vào thế kỷ.

III. KẾT LUẬN

Giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh thống nhất với nội dung xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị. Đó là sự tác động toàn diện và từng mặt đến xây dựng quân đội về chính trị. Trước yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vai trò động lực của giá trị nhân văn quân sự Hồ Chí Minh trong xây dựng quân đội về chính trị ngày càng tăng, nó cũng là mục tiêu xây dựng một quân đội nhân văn mà Đảng và quân đội đặt ra. Tuy nhiên, để phát huy có hiệu quả những giá trị đó trong xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị cần nhận thức đầy đủ và sự nỗ lực “tự giác” trên thực tế của các chủ thể ở các đơn vị cơ sở và toàn quân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (trọn bộ 15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Tổng cục Chính trị (1997), *Chặng đường 5 năm thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị quân đội (1992 - 1997)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.18.
3. *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

VẤN ĐỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Ngô Thị Hương

Trường ĐHSP Hà Nội, Phân hiệu Hà Nam

Tóm tắt

Vấn đề thực hành dân chủ là vấn đề lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh không những xây dựng một hệ thống quan điểm dân chủ mà còn ra sức thực hành dân chủ. Dân chủ càng tiến bộ xã hội càng văn minh. Ngược lại, xã hội càng phát triển nhu cầu về dân chủ trong quần chúng nhân dân càng cao. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta học tập, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ vào công cuộc lãnh đạo xây dựng đất nước.

Từ khóa: Thực hành dân chủ, tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Thực hành dân chủ là vấn đề lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lý giải khái niệm dân chủ một cách đơn giản, cô đọng, dễ hiểu, dễ thực hiện nhất. Người nói: “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”¹. Có thể thấy đây là quan niệm về dân chủ ngắn gọn, dễ nhớ nhất: *quyền lực thuộc về nhân dân*.

Theo quan niệm của Người còn cho thấy dân chủ là một hình thức nhà nước, một thiết chế xã hội và quyền lực thuộc về nhân dân. Trong đó, bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là vì con người, phục vụ con người, phục vụ xã hội trên tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang đặt ra rất nhiều vấn đề về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thì việc thực hiện dân chủ trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa càng cần phải được quan tâm.

II. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, thực hành dân chủ

Toàn bộ di sản Hồ Chí Minh xét cho cùng là những di sản văn hóa, trong đó một giá trị lớn là vấn đề dân chủ. Hồ Chí Minh là nhà dân chủ nổi bật ở Việt Nam thế

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.10.

kỷ XX. Dưới sự lãnh đạo của Người, dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ thành người chủ, làm chủ đất nước, xã hội và bản thân.

Dân chủ không phải là một khái niệm trừu tượng, càng không phải là một mô hình duy nhất có thể áp dụng vào mọi quốc gia, dân tộc và trong mọi thời đại. Dân chủ là một giá trị thực tiễn mà các dân tộc sẽ đạt tới theo cách của mình, phù hợp với những đặc điểm đã được định hình của dân tộc ấy qua quá trình tồn tại và phát triển. Ở Việt Nam, chế độ dân chủ nhân dân là một nấc thang trong quá trình phát triển của dân tộc, là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh cách mạng nhằm xây dựng một xã hội mới. Nó không chỉ phủ định chế độ quân chủ đã tồn tại hàng ngàn năm, mà còn phủ định chế độ thực dân - một chế độ xã hội “*phi nhân tính*” do thực dân Pháp áp đặt vào Việt Nam.

Hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến chuyên chế và gần trăm năm dưới chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nhân dân ta không có một chút quyền tự do dân chủ nào. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta được hưởng quyền dân chủ. Cách mạng tháng Tám đã đem lại cho người dân của quý báu nhất là dân chủ. Bởi vì, dân chủ là điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”². Phải mở rộng dân chủ thật sự với nhân dân, để mọi người có quyền làm, quyền nói. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên”³.

Dân chủ được Bác Hồ giải thích ngắn gọn, súc tích là “*dân làm chủ và dân là chủ*”. Phát huy dân chủ là tìm mọi cách bàn bạc, giải thích cho dân hiểu rõ, ngay cả những việc trực tiếp có lợi cho dân, nếu làm theo cách hạ lệnh, cưỡng bức, thì dân không hiểu, dân oán. Dân oán, dù tạm thời có chút thành công, nhưng về mặt chính trị là thất bại. Theo Bác, muốn thật sự tôn trọng Nhân dân thì phải hiểu dân. Chính tài dân, sức dân, của dân, quyền dân, lòng dân, sự khôn khéo, hăng hái, anh hùng đã tạo nên “*cái gốc*” của dân. Cùng với thái độ đánh giá cao vai trò của Nhân dân, ý thức tôn trọng Nhân dân còn phải chú ý không xâm phạm đến lợi ích, quyền lợi hợp pháp, không xúc phạm Nhân dân; phải luôn tôn trọng và giữ gìn của công của Nhân dân.

Hồ Chí Minh không những xây dựng một hệ thống quan điểm dân chủ mà còn ra sức thực hành dân chủ. Nói đến nước ta, điểm Người nhấn mạnh hàng đầu đó là nước dân chủ. Nói đến Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Để làm cho Đảng mạnh,

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.293.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.376.

thì phải mở rộng dân chủ”⁴, trong Đảng “phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình”⁵. Mặt khác, mỗi đảng viên bất cứ ở địa vị nào cũng phải làm gương dân chủ. Nói đến nhân dân, Người khẳng định nhân dân là chủ và nhân dân làm chủ. Hai cặp phạm trù đó khẳng định vị thế, năng lực và trách nhiệm của người dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời đã rất coi trọng xây dựng một chế độ dân chủ và chỉ rõ vai trò, ý nghĩa của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu và động lực của phát triển xã hội; dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ; thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn để giành thắng lợi”⁶.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Dân chủ có thể hiểu một cách ngắn gọn là nhân dân nắm chính quyền. Trong một nước dân chủ thì địa vị cao nhất là dân, vì mọi quyền hạn là của dân, mọi lợi ích là vì dân. “Dân chủ” đối lập với “quan chủ” là một quan niệm thể hiện được bản chất của khái niệm dân chủ trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Địa vị cao nhất là dân vì “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁷.

Địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ. Vì vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhiệm vụ của chính quyền dân chủ là phục vụ nhân dân. Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, có thực hiện tốt dân chủ trong Đảng mới có dân chủ trong xã hội. Còn đoàn thể là tổ chức của dân phấn đấu cho dân liên lạc mật thiết giữa dân với Chính phủ, Đảng, Nhà nước phải thực hiện những cải cách xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện dân chủ thật sự. Phong cách Hồ Chí Minh về dân chủ xuất phát từ chỗ tôn trọng Nhân dân, đề cao vai trò, vị trí của Nhân dân. Dù đang giữ cương vị Chủ tịch nước bận rất nhiều công việc đối nội, đối ngoại, nhưng về với dân, đến với quần chúng để học dân, hỏi dân, hiểu dân, nghe dân nói, thấy dân làm, để nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý là nhu cầu thường trực của Bác.

Ngay trong bản *Di chúc*, Người cũng đã đề cập đến những vấn đề cốt yếu của công tác xây dựng Đảng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là Đảng cầm quyền”. Để đáp ứng được nhiệm vụ lãnh đạo xã hội, Đảng phải luôn vững mạnh

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.241.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.118.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.249.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.453.

về chính trị, tư tưởng, tổ chức và gắn bó máu thịt với Nhân dân, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Cần phải giữ gìn mối đoàn kết trong Đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên.

Theo *Di chúc* của Người, để xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Đảng ta phải thực hành dân chủ thực sự. Nhờ có dân chủ thì Đảng mới khơi dậy, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc quan trọng, là một trong những quy luật phát triển của Đảng. Trong *Di chúc*, Người viết: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”⁸. Di huấn thiêng liêng này là những nội dung cơ bản, cốt lõi nhất trong hệ thống lý luận về xây dựng Đảng cũng như việc thực hiện dân chủ của Hồ Chí Minh. Những nội dung ấy thể hiện triết lý giản đơn, nhưng lại rất khoa học và biện chứng của Người. Tự phê bình và phê bình cũng là nét nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Ở cương vị Chủ tịch nước, Người luôn là tấm gương sáng thực hành dân chủ ngay trong các bài viết và nói chuyện, với mong muốn đảng viên và nhân dân hiểu rõ bản chất, từ đó thực hành đúng, đầy đủ về dân chủ và thực hành dân chủ. Chúng ta thấy được quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ rất phong phú, sâu sắc và cụ thể. Người vẫn luôn thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, nêu một tấm gương sáng về đức tính trung thực, thẳng thắn, thái độ và phương pháp phê bình cho cán bộ, đảng viên. Theo Người, tự phê bình và phê bình phải thường xuyên, nghiêm túc, không nề nang, qua loa đại khái, hình thức. Mục đích của tự phê bình và phê bình là giúp cho bản thân và đồng chí đồng nghiệp ngày càng tiến bộ. Tuyệt đối không phê bình vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ cá nhân mà phê bình theo kiểu “*vạch lá tìm sâu*”, “*bới lông tìm vết*” nhằm trù dập, đả đả, hạ bệ lẫn nhau. Nếu ngừng việc tự phê bình và phê bình tức là ngừng tiến bộ, là thoái bộ... Việc tự phê bình và phê bình sẽ giúp tập thể và cá nhân nhận ra khuyết điểm để sửa chữa, không ngừng hoàn thiện.

Tự phê bình và phê bình là cách thức tốt nhất để thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, làm cho Đảng trong sạch, cán bộ, đảng viên tiến bộ, giữ vững được uy tín của Đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó,

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.611.

vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó, như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁹. Đồng thời, dân chủ là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện phê bình. Nếu không thực hành dân chủ thì cả với cơ quan lãnh đạo, cán bộ lãnh đạo và cán bộ, đảng viên “dù có ý kiến cũng không dám nói, dù muốn phê bình cũng sợ không dám phê bình...”.

Dân chủ vừa là phương pháp thể hiện mối quan hệ mới tốt đẹp trong xã hội vừa là nội dung của một cuộc sống mới của nhân dân, cuộc sống mà người dân đang là chủ thật sự của đất nước, của xã hội. Dân chủ là động lực để xây dựng một xã hội ấm no, hạnh phúc, tự do và bình đẳng. Dân chủ là nhân tố, điều kiện có tính quyết định đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với xã hội, là vấn đề tiên quyết cho sự phát triển bền vững của Đảng. Thực hành dân chủ và dân chủ thật sự vừa là nguyên tắc, nhưng cũng là bản chất, đạo đức và văn hóa lãnh đạo của Đảng ta.

2.2. Sự vận dụng tư tưởng dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

Dân chủ và phát huy dân chủ không chỉ được khẳng định trong chủ trương, đường lối của Đảng mà còn được thể chế hóa và được đảm bảo thực hiện thông qua Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm.

Việc thực hành dân chủ đã và đang tạo động lực thúc đẩy, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thu hút Nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà nước, của các cấp chính quyền; khắc phục tệ nạn quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, đóng góp tích cực vào việc cải cách hành chính; góp phần xây dựng bộ máy chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân; đóng góp tích cực vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã đánh giá, quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy tốt hơn trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc đối thoại với Nhân dân, tôn trọng các ý kiến khác nhau của Nhân dân.

Tuy nhiên, trong những năm vừa qua, việc thực hiện dân chủ và phát huy dân chủ trong Nhân dân vẫn còn những hạn chế nhất định. Dân chủ trong Đảng chưa được thực

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.260.

hiện đầy đủ, nghiêm túc, vẫn còn phong cách lãnh đạo, quản lý độc đoán, chuyên quyền, thậm chí gia trưởng; nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít; chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước không nghiêm. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cũng đã nhận định: “Một số cấp ủy, tổ chức Đảng và cán bộ lãnh đạo thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới; cán bộ lãnh đạo ở một số nơi gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức”¹⁰.

Nhiều tổ chức Đảng có hiện tượng cấp ủy và tổ chức cấp dưới không dám phê bình thẳng thắn cấp ủy cấp trên, nhất là người đứng đầu. Trong sinh hoạt đảng, do những lý do khác nhau, nhiều đảng viên không dám nói chính kiến của mình, ngại đấu tranh, phê bình khuyết điểm của cán bộ đảng, chính quyền cấp trên và cả của đồng chí mình, né tránh các vấn đề phức tạp. Tình trạng thiếu dân chủ thường đi đôi với hiện tượng quan liêu, gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền. Một số vụ việc tham nhũng lớn vừa qua, hầu như không một vụ nào do tổ chức Đảng và đảng viên tại chỗ phát hiện mà đều do đảng viên cấp dưới, quần chúng hoặc cơ quan báo chí, cơ quan pháp luật phát hiện. Điều đó cho thấy sự yếu kém về sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên.

Dân chủ trong cơ quan hành chính nhà nước chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức khiến dân chủ không được phát huy, ảnh hưởng đến quyền lợi một số bộ phận quần chúng và tính thống nhất trong quản lý nhà nước. Quyền làm chủ của Nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm, có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Hiện nay, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những khuyết điểm kéo dài, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Nếu những căn bệnh nguy hiểm trên không được sửa chữa thì đó sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự bền vững của chế độ. Ở nhiều cấp bộ đảng, “Nguyên tắc tập trung dân chủ còn bị vi phạm, ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng”¹¹. Tất cả những sai lầm và khuyết điểm trên đều bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân, là do thực hành dân chủ không thường xuyên trong sinh hoạt xây dựng Đảng, không thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.270.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.175-176.

riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc; vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao. Để giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mỗi đảng viên, tổ chức Đảng thường xuyên thực hành dân chủ: coi đó là thước đo thang giá trị văn hóa, đạo đức cách mạng của Đảng trong quá trình tự đổi mới bản thân mình về kỷ cương, tính chiến đấu, về tổ chức, nội dung và phương thức lãnh đạo.

Tóm lại, qua hơn 30 năm đổi mới, những thành tựu về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta rất quan trọng, góp phần tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới, thúc đẩy công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đúng như Văn kiện Đại hội XI đã nhận định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa có tiến bộ”; “Dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức và xã hội được mở rộng, nâng cao; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn. Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được coi trọng”¹².

III. KẾT LUẬN

Vấn đề thực hành dân chủ là vấn đề lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Có thể nói tư tưởng về dân chủ của Hồ Chí Minh là sự tiến bộ lớn, có đóng góp lớn vào nhận thức về dân chủ, thực hành dân chủ. Thực hiện theo tư tưởng của Bác, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta thu được nhiều thành tựu quan trọng, thực hành dân chủ rộng rãi, nghiêm túc tự phê bình và phê bình là một trong những bài học quan trọng được rút ra và tiếp tục thực hiện trong giai đoạn hiện nay. Tư tưởng của Người về chế độ dân chủ nhân dân chứa đựng những giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, được Đảng và nhân dân ta kế thừa, phát huy trong sự nghiệp đổi mới đất nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, tập 7, tập 10, tập 12, tập 13, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.158.

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VÀ VIỆC VẬN DỤNG Ở NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Văn Mão

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta giá trị tư tưởng sâu sắc về ngoại giao. Ngoại giao theo phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh là thêm bạn, bớt thù, mềm dẻo nhưng kiên quyết, chân thành mà vẫn giữ vững lập trường, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “ngoại giao tâm công”, yêu chuộng hòa bình, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ của nhân loại. Trong tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp hiện nay, chúng ta cần đẩy mạnh nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh để góp phần bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình và ổn định để phát triển đất nước.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, ngoại giao, bảo vệ độc lập dân tộc.

1. Giá trị tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh với trí tuệ siêu phàm, mang trong mình tình yêu nước mãnh liệt, thấm nhuần những giá trị tinh hoa của dân tộc, trong suốt quá trình ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc đã tiếp thu nhiều giá trị tư tưởng, tinh hoa văn hóa nhân loại, kinh nghiệm ngoại giao thực tế của các nước để hình thành nên tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Người thấu hiểu sâu sắc bản chất con người Việt Nam gan dạ, bền bỉ, có lòng yêu nước nồng nàn, sự sáng tạo trong phương pháp dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm của dân tộc. Từ đó, hình thành nên đặc trưng ngoại giao Việt Nam “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, “ngoại giao tâm công”, thể hiện tinh thần nhân đạo, đối xử nhân văn đối với những kẻ địch từng thất bại vì mình, coi trọng hòa hiếu với các nước láng giềng nhưng luôn ý thức cao trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và lãnh thổ thiêng liêng. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng “tu thân, tề gia, trị quốc” của Khổng Tử, Chủ nghĩa Mác - Lênin, “chủ nghĩa Tam dân” của Tôn Trung Sơn, binh pháp Tôn Tử, trong đó tâm đắc đánh địch bằng mưu và ngoại giao, chính sách “bất bạo động” của Gandhi ở Ấn Độ. Có thể khẳng định, truyền thống ngoại giao cùng văn hóa

của dân tộc Việt Nam kết hợp với Chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng với tiếp biến các giá trị văn hóa, tư tưởng thế giới và nghiên cứu các bài học kinh nghiệm quốc tế qua các hoạt động thực tiễn là nguồn gốc hình thành tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Do nguồn gốc và quá trình hình thành thật đặc biệt nên nội dung, phương pháp, phong cách ngoại giao của Hồ Chí Minh cũng không thể lẫn lộn với ai, đó là sự hòa quyện của những giá trị to lớn của dân tộc và tinh hoa của nhân loại.

Trong nội dung tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần quyết tâm cao trong đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền của quốc gia, đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong hoạt động cách mạng bền bỉ của Hồ Chí Minh. Bước chân ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tâm nguyện phải giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Người luôn đấu tranh mạnh mẽ kêu gọi phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Tháng 8/1945, Hồ Chí Minh lãnh đạo dân tộc Việt Nam đấu tranh giành chính quyền thắng lợi, trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc vào ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tuyên bố với toàn thể thế giới rằng “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*” [1; tr.3]. Thực tế, Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định chính sách ngoại giao có tính chất dân tộc, dân chủ của Việt Nam và cho dù phương pháp có thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế thì nguyên tắc bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là không thay đổi. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc là mục tiêu “*bất biến*” trong tư tưởng Hồ Chí Minh, để làm được điều này, theo Người phải kết hợp hiệu quả sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, có đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự lực tự cường gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xem ngoại giao là một mặt trận quan trọng, muốn thắng lợi cần phải chuẩn bị chu đáo, phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ mặt trận ngoại giao với các mặt trận khác như chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Theo Hồ Chí Minh, muốn thực hiện tốt mặt trận ngoại giao cần phải đào tạo được những con người giỏi, xây dựng được chiến lược, sách lược ngoại giao phù hợp dựa trên phân tích khoa học tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Ngoại giao của các nước nhỏ như Việt Nam phải khôn khéo, cố gắng cân bằng mối quan hệ giữa các nước lớn, tránh ngã hẳn về một nước lớn, hoặc để nước này lợi dụng chống lại nước khác và rơi vào vòng xoáy

khó khăn không có lợi cho ta. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh luôn hướng đến hòa bình, chống chiến tranh, Người khẳng định *“chúng tôi là một dân tộc ưu hòa bình, trọng quyền lợi và tự do của người khác”* [1; tr.77]; trong đó đặc biệt cố gắng xây dựng mối quan hệ hòa bình hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng, thường xuyên quan tâm đẩy mạnh mối quan hệ với các bạn bè truyền thống và các nước trong hệ thống XHCN. Ngoài việc đẩy mạnh ngoại giao nhà nước, cần phải đẩy mạnh ngoại giao Đảng, ngoại giao nhân dân, mở rộng hợp tác với cả những nước có chế độ chính trị khác ta, đẩy mạnh hoạt động tại các diễn đàn quốc tế, nắm bắt thời cơ, tập hợp lực lượng, quyết tâm đấu tranh cho một thế giới hòa bình và bình đẳng giữa các dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao thấm đượm tính nhân văn, nhân đạo, trọng tình nghĩa, thể hiện sự tinh tế sâu sắc, giản dị, bao dung đã hình thành nên phương pháp, phong cách *“ngoại giao tâm công”* đánh vào lòng đối phương, thu phục lòng người bằng chính nghĩa, thuyết phục bằng đạo lý và lẽ phải. Ngoài ra, *“ngoại giao tâm công”* còn được dùng trong binh vận *“để làm nhụt nhuệ khí của địch, gây hoang mang trong hàng ngũ đối phương, kết hợp với thắng lợi trên chiến trường buộc địch phải nghị hòa và rút quân về nước”* [2; tr.217-218]. Để thực hiện tốt *“ngoại giao tâm công”*, mỗi khi quyết định các vấn đề đối ngoại, Hồ Chí Minh đều tìm hiểu kỹ, phân tích sâu sắc các yếu tố liên quan, các cá nhân, tổ chức cần tiếp xúc, kể cả những chi tiết nhỏ nhất để có được đối sách ngoại giao phù hợp, xây dựng ấn tượng tốt đẹp với đối phương, làm lay động lòng người, tạo hiệu ứng tích cực có lợi cho mục đích ngoại giao của ta. Lịch sử cuộc đấu tranh giành chính quyền, bảo vệ chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ chế độ XHCN đã chứng minh sự đúng đắn của nội dung, phong cách và phương pháp *“ngoại giao tâm công”* của Hồ Chí Minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đường lối ngoại giao đúng đắn của ta đã giúp nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới hiểu được cuộc đấu tranh chính nghĩa, từ đó nhận được sự ủng hộ và cổ vũ to lớn, ngay cả nhân dân Pháp, Mỹ đã tổ chức những phong trào phản chiến rầm rộ để ủng hộ Việt Nam. Ngoại giao theo phong cách Hồ Chí Minh làm toát lên tinh thần yêu chuộng hòa bình của dân tộc Việt Nam, việc chúng ta quyết tâm đàm phán hòa bình với Pháp sau cách mạng tháng 8/1945 và đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ (1954), đàm phán với Mỹ tại Hội nghị Pari (1968 - 1973) để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình đã khẳng định chắc chắn điều đó. Thực hiện tốt tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, chúng ta đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia, tập hợp được những lực lượng yêu chuộng hòa bình trên

thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Bên cạnh đó, cố gắng cân bằng mối quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc khi hai nước này xảy ra bất hòa, giúp chúng ta có thêm sức mạnh và sự ủng hộ cần thiết để hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam cho các hoạt động đối ngoại của Đảng, nhà nước và nhân dân ta, là nhân tố quyết định đem đến những thắng lợi quan trọng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ chế độ XHCN.

2. Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc trong tình hình nay

Độc lập dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc là vấn đề thiêng liêng của mỗi quốc gia, độc lập dân tộc thể hiện quyền tự quyết của quốc gia, không có sự phụ thuộc hoặc bị bất kỳ quốc gia nào chi phối, đảm bảo sự tự chủ, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Để bảo vệ được độc lập dân tộc, mỗi quốc gia phải phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó ngoại giao là mặt trận rất quan trọng. Lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam đã chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, góp phần làm nên những thắng lợi to lớn của dân tộc Việt Nam.

Tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, xu thế chính là hòa bình, hữu nghị, hợp tác, nhưng bên cạnh đó mâu thuẫn sắc tộc, dân tộc, nội chiến, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tranh chấp phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Chiến lược xoay trục của Mỹ, chuyển trọng tâm thiết lập ảnh hưởng sang khu vực châu Á và sự trỗi dậy của Trung Quốc với việc đòi hỏi chủ quyền phi lý tại Biển Đông đang làm cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương và sự tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông trở nên phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố nguy hiểm, khó lường. Sự tác động bằng nhiều biện pháp của các nước lớn đối với các mối quan hệ quốc tế đang trở nên rõ ràng, quyết liệt, gây nhiều khó khăn cho các nước nhỏ trong việc lựa chọn đường lối ngoại giao phù hợp, thậm chí gây nên những dấu hiệu rạn nứt giữa các quốc gia từng là đồng minh chiến lược, làm nảy sinh thái độ khác nhau khi đi đến những vấn đề thống nhất trong các tổ chức mà mình cùng tham gia. Bên cạnh đó, với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ tác động đến tất cả các nước làm cho các mối quan hệ quốc tế trở nên phức tạp, đan xen, chông chéo, trong đó mối quan hệ giữa một số nước vừa xem nhau là đối tác, vừa là đối tượng, thậm chí là đối thủ. Trong xu thế đó, hội nhập, hợp tác để vượt qua lạc hậu, phát huy nội lực để vượt qua khó khăn, thách thức trở thành vấn đề cấp

thiết của tất cả các quốc gia dân tộc, đặc biệt đối với các nước nhỏ, kinh tế còn khó khăn, khoa học - công nghệ còn lạc hậu như Việt Nam.

Trước tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến hết sức phức tạp, nhiệm vụ đối ngoại đang gánh trọng trách hết sức nặng nề trong việc đưa Việt Nam hội nhập thành công với thế giới, giúp đất nước vượt qua khó khăn, giữ vững độc lập và chủ quyền quốc gia. Do đó, việc học tập, nghiên cứu thấu đáo, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng ngoại giao là vấn đề rất quan trọng. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII (1991) khẳng định *“Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng”* [3; tr.127] là quyết định đúng đắn, trở thành động lực để chúng ta nghiên cứu sâu sắc, đầy đủ tư tưởng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng, trong văn kiện đã khẳng định việc học tập, nghiên cứu tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng, cấp thiết trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta trong sự nghiệp xây dựng XHCN và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đó, Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII (2016) trong văn kiện khẳng định quyết tâm *“Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”* [4; tr.79]. Có thể khẳng định, trong thời gian qua, chúng ta đã có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc, toàn diện tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, từ đó góp phần tham mưu, định hướng chiến lược, sách lược ngoại giao của Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới. Tuy nhiên, tình hình thế giới và trong nước luôn có những tiến triển không ngừng, thậm chí có những vấn đề diễn ra hết sức nhanh chóng, do đó việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, vận dụng linh hoạt là vô cùng cần thiết trong tình hình hiện nay.

Thứ nhất, để hoạt động đối ngoại phát huy hiệu quả tốt, việc phát huy nội lực, tinh thần và sức mạnh của dân tộc trở thành yếu tố quan trọng quyết định. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định *“Phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”* [1; tr.147] và muốn người giúp ta, trước hết mình phải tự giúp lấy mình. Điều đó khẳng định, thực lực chính là cơ sở quyết định sự thành công, bền vững trong hợp tác, đoàn kết quốc tế, do đó cần phải xây dựng sức mạnh nội lực lớn mạnh trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học - công nghệ, thực hiện tốt điều này, sẽ là bệ phóng giúp

mặt trận ngoại giao có thêm sức mạnh và động lực để thực hiện tốt mục tiêu và nhiệm vụ của mình. Thực tế, tình hình nước ta hiện nay, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được qua 30 năm đổi mới, chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, kinh tế có phát triển nhưng chưa thật sự bền vững, công nghệ lạc hậu, nhiều bất cập trong quản lý, một số tập đoàn kinh tế nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tham ô, lãng phí gây thất thoát lớn tài sản quốc gia, nợ công gia tăng, ô nhiễm nguồn nước, môi trường nhiều nơi nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân. Những khó khăn này, ảnh hưởng không nhỏ đến sức mạnh, uy lực của ngoại giao Việt Nam. Do vậy, chúng ta phải xây dựng được những chủ trương, chính sách đúng đắn, phát triển mạnh kinh tế gắn với đảm bảo an sinh xã hội, mở cửa, hội nhập hợp lý tránh rơi vào tình trạng bị cô lập hoặc bị hòa tan, kiên quyết chống tham nhũng, có chính sách hợp lý để bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường biển, xây dựng vững chắc lòng tin của nhân dân vào Đảng, chính quyền, phát huy tinh thần, trí tuệ của nhân dân, quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Tạo cơ chế hiệu quả, phối hợp nhịp nhàng giữa ngoại giao với chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa. Thực hiện được điều đó, chúng ta sẽ có tâm thế vững chắc khi tiến hành hội nhập sâu rộng với thế giới, “*hòa nhập nhưng không hòa tan*” giúp đất nước tiếp tục phát triển và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Thứ hai, vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trên cơ sở nghiên cứu nắm vững quy luật, đặc điểm của thời đại, có những dự đoán khoa học để hoạch định chiến lược ngoại giao đúng đắn, nắm chắc thời cơ. Lãnh tụ Lênin đã khẳng định “*chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ*” [5; tr.174]. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người hiểu biết sâu sắc đặc điểm của thời đại, dã tâm của chủ nghĩa đế quốc, các quy luật trong quan hệ quốc tế, giúp Hồ Chí Minh có cái nhìn toàn diện, thấu đáo về các mối quan hệ quốc tế, từ đó hoạch định đường lối đối ngoại phù hợp, nắm chắc thời cơ để đem đến những thắng lợi cho dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Thực tế trong thời gian qua, bên cạnh những mặt tích cực trong hoạt động đối ngoại, vẫn tồn tại không ít những hạn chế, việc nghiên cứu, dự báo tình hình quốc tế đôi lúc còn chậm, việc tham mưu trong hoạch định chính sách đối ngoại vẫn còn hạn chế, điều đó gây trở ngại cho chúng ta trong việc nắm bắt thời cơ, đẩy nhanh hội nhập để thu hẹp khoảng cách với các nước và đôi lúc lúng túng trong giải quyết các vấn đề khó liên quan đến việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Hiện nay, để góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thiết nghĩ chúng ta

phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh gắn chặt với nghiên cứu, phân tích tình hình thế giới thấu đáo để có những dự báo kịp thời, tham mưu hiệu quả cho việc xây dựng đường lối đối ngoại, sách lược ngoại giao phù hợp, góp phần tạo bước đột phá, đẩy mạnh hội nhập quốc tế kết hợp chặt chẽ với giữ vững quốc phòng, an ninh, cảnh giác với những âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc trong tình hình hiện nay.

Thứ ba, trong giai đoạn một trật tự thế giới mới đang định hình, mối quan hệ quốc tế chông chéo, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trở nên phức tạp, quan hệ giữa các quốc gia biến đổi khó lường, đòi hỏi chúng ta phải vận dụng sáng tạo phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh là thêm bạn, bớt thù, mềm dẻo nhưng kiên quyết, chân thành mà vẫn giữ vững lập trường, “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*”, “*ngoại giao tâm công*” yêu chuộng hòa bình, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ của nhân loại. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, “*Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*” [6; tr.256]. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII đã quán triệt “*nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, bình thường hóa, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế*” [7; tr.34-35]. Thực hiện tốt điều này, Việt Nam đã đẩy mạnh quan hệ với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế. Từng bước xây dựng lòng tin, nâng tầm mối quan hệ đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và hợp tác thực chất. Bên cạnh những kết quả đạt được trên lĩnh vực đối ngoại, phải thẳng thắn nhìn nhận chúng ta đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, tình hình tranh chấp ở Biển Đông đang diễn biến phức tạp, Việt Nam là bên có tranh chấp ở đây, trong khi chúng ta là nước nhỏ, tiềm lực kinh tế, quốc phòng còn hạn chế, đòi hỏi mặt trận ngoại giao phải vận dụng sáng tạo, linh hoạt nội dung, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh. Đặc biệt, cần vận dụng sáng tạo phương pháp “*ngoại giao tâm công*”, dùng nhân tâm đánh vào lòng người, vừa khơi dậy lòng tự hào của đối phương, vừa sử dụng lý lẽ sắc bén nhưng chuyển tải bằng phương pháp linh hoạt, gián tiếp, gắn với đạo lý, lẽ phải để tấn công vào lòng người nhằm thức tỉnh lương tri. Bởi thực tế, các dân tộc trên thế giới này dù màu da, văn hóa, lịch sử có khác nhau nhưng đều có những đặc điểm chung là hướng thiện và có chung những giá trị nhân văn cơ bản. Qua đó, chúng ta cố gắng gác lại những bất đồng trong khả năng, điều kiện có thể, tìm kiếm sự tương đồng, khơi dậy và tăng cường sự đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước, các tổ chức yêu chuộng hòa bình đối với Việt

Nam. Mặt khác, ngoại giao tâm công và ngoại giao văn hóa phải kết hợp hài hòa, bởi ngoại giao là diễn đàn của hoạt động văn hóa vì quyền lợi của dân tộc và văn hóa cũng là động lực của hoạt động ngoại giao, thực hiện tốt điều này, sẽ giúp chúng ta giải quyết hiệu quả các vấn đề khó trong quan hệ quốc tế đa dạng, nhiều tầng và phong phú trong tình hình hiện nay. Làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới thấy được sự chính nghĩa, yêu hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) của Việt Nam. Thể hiện tinh thần đấu tranh bền bỉ, khôn khéo, tránh khiêu khích, mắc mưu khiêu khích hoặc suy nghĩ cực đoan dựa vào nước này để đối phó với nước khác, tăng cường đối thoại, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế để sớm đạt được Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) đảm bảo sự công bằng cho các quốc gia có liên quan. Mặt khác, Việt Nam cần xây dựng lòng tin với các đối tác chiến lược, Hồ Chí Minh đã khẳng định, *“chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác bình đẳng, thật thà, thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước”* [1; tr.417], trên cơ sở đó, chúng ta cần xây dựng chiến lược đối ngoại và có biện pháp thực hiện hiệu quả quyết tâm trở thành thành viên tích cực có những đóng góp quan trọng cho các tổ chức mà mình tham gia, vì hòa bình, ổn định và phát triển. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Cố gắng cân bằng mối quan hệ giữa các nước lớn, đặc biệt là cân bằng mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, tích cực đẩy mạnh đoàn kết và hợp tác với các nước trong khối ASEAN, tăng cường mối quan hệ với các nước bạn bè truyền thống (Cuba, Ấn Độ, Nga...), các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào, Campuchia). Kiểm chế, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình và tôn trọng luật pháp quốc tế để duy trì quan hệ hòa hiếu nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, *“sức mạnh, sự vĩ đại và sự bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và sự ủng hộ của nhân dân thế giới”* [8; tr.675].

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để lại cho dân tộc Việt Nam di sản tư tưởng quý báu, trong đó chủ nghĩa yêu nước phát triển lên tầm cao mới trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, yêu nước và yêu CNXH. Hồ Chí Minh chủ trương phát huy mạnh mẽ sức mạnh dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, chủ động xây dựng lực lượng cách mạng để đón bắt thời cơ. Đó là

cơ sở để thực hiện hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của bên ngoài, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Hồ Chí Minh cũng là “cha đẻ” của nền ngoại giao Việt Nam, nền ngoại giao dựa trên nguyên tắc độc lập dân tộc gắn liền với CNXH tự chủ, tự lực, tự cường gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế và yêu chuộng hòa bình. Phương pháp, phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh là mềm dẻo, “*đĩ bất biến, ứng vạn biến*”, “*ngoại giao tâm công*”, giản dị, dễ thuyết phục, dự báo đúng thời cơ và nhân nhượng có nguyên tắc. Nói về mục đích, nguyên tắc và sách lược ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “*Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải giữ vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt*” [9; tr.555]. Lịch sử đấu tranh giành độc lập, bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh đã khẳng định giá trị to lớn của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Ngoại giao Việt Nam đã giúp nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới hiểu được tinh thần yêu chuộng hòa bình, sự chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, giúp chúng ta tập hợp lực lượng, gắn kết sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh to lớn làm nên những thắng lợi vĩ đại. Trong tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp hiện nay, việc vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, đặc biệt là “*ngoại giao tâm công*” để góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là vô cùng quan trọng. Thiết nghĩ, chúng ta cần phải đẩy mạnh nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, biến tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh trở thành nét văn hóa tiêu biểu gắn liền với phong cách đặc trưng của con người Việt Nam, từ đó xây dựng nền ngoại giao nhân dân vững mạnh, làm cho thế giới hiểu được mục tiêu, bản chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần giúp chúng ta hội nhập sâu rộng, bền vững, xây dựng lòng tin vững chắc trong các mối quan hệ, tạo động lực cho sự vươn lên phát triển về kinh tế, khoa học công nghệ, đem lại cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho nhân dân và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc trong tình hình hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Dy Niên (2009), *Tư tưởng Ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
5. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 26, Nxb Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

VĂN HÓA NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TS. Hoàng Diệu Thúy*

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là sự kết tinh các giá trị văn hóa tốt đẹp, truyền thống ngoại giao dân tộc, tinh hoa văn hóa và kinh nghiệm ngoại giao thế giới được thể hiện qua tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, góp phần quan trọng vào sự thành công và định hướng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại phát triển.

Từ khóa: Văn hóa, ngoại giao, Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Hồ Chí Minh là lãnh tụ chính trị thiên tài, nhà ngoại giao, người kiến trúc sư tài năng sáng lập nên nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Trong nhiều năm trên cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Bộ trưởng ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã có đóng góp to lớn cho nền ngoại giao, hình thành, phát triển một “trường phái ngoại giao Việt Nam”. Một trong những di sản vô giá Hồ Chí Minh để lại cho Đảng và dân tộc Việt Nam là văn hóa ngoại giao, nhân tố góp phần tạo nên thành công của nền ngoại giao Việt Nam, góp phần xác lập thế và lực của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời tạo lập lòng tin, sự kính trọng của nhân dân các nước đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hiểu theo nghĩa hẹp là cách ứng xử trong ngoại giao đạt trình độ cao, thể hiện thuần phong, mỹ tục. Theo nghĩa rộng, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là toàn bộ sự hiểu biết (bao gồm tri thức, kinh nghiệm, sự khôn ngoan định hướng cho thế ứng xử trong ngoại giao), phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao của Hồ Chí Minh mà ở đó không chỉ chứa đựng những giá trị tốt

* Phó Trưởng phòng Tổ chức - Tổng hợp

đẹp, cái có giá trị mà còn bao hàm cả cái riêng độc đáo nhằm phân biệt với người khác, là những giá trị ổn định và bền vững, nhân tố cốt lõi thể hiện “chất” ngoại giao Hồ Chí Minh. Văn hóa đó đóng vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu ngoại giao mà Hồ Chí Minh đề ra trên cương vị người tìm đường, người dẫn đường và tổ chức thực hiện.

Đặc trưng cơ bản của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh là các giá trị chân, thiện, mỹ kết tụ và tỏa sáng trong tư tưởng, phương pháp, phong cách, nghệ thuật ngoại giao. Hệ giá trị này tác động đến cách đánh giá, tình cảm, thái độ của nhiều nhà lãnh đạo, chính khách và nhân dân khắp nơi trên thế giới về Hồ Chí Minh và dân tộc mà Người đại diện. Cũng bởi hệ giá trị này cho nên về mặt lập trường chính trị, Hồ Chí Minh có thể bị xem là kẻ thù lâu năm của phe đối lập, nhưng mãi mãi được nhân loại ca ngợi như bậc thánh nhân, một người vô cùng đáng kính.

Thế giới quan duy vật biện chứng cùng trí tuệ uyên bác, bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo, vốn sống dồi dào, am tường năm cái biết (ngũ tri) đã được phương Đông đúc kết giúp Hồ Chí Minh luôn giải quyết hài hòa và tinh tế các công việc ngoại giao, thể hiện rõ việc biết mình, biết người, biết thời, biết thế, biết dừng, biết biến. Xử lý các quan hệ ngoại giao không phải lúc nào cũng thuận theo người. Cương quá sẽ đứt, nhu quá sẽ mất, mất bản thân, mất tự chủ, rồi dẫn tới lệ thuộc. Sách lược mềm dẻo nhưng nếu đi quá giới hạn sẽ thủ tiêu tính nguyên tắc dẫn đến sai lầm không thua kém việc quá cứng nhắc về nguyên tắc mà thiếu sự linh hoạt về sách lược. Hồ Chí Minh ứng biến mềm dẻo nhưng không nhu nhược, linh hoạt nhưng không ngả nghiêng, mất lập trường, phân tích đặc tính từng mối quan hệ để biết mình phải làm gì và làm thế nào mà tránh điều bất lợi ở mức cao nhất.

2. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Trên phương diện lý luận, giá trị của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện trước hết là sự kết tinh tinh hoa văn hóa, tri thức, kinh nghiệm ngoại giao dân tộc với tinh hoa văn hóa, tri thức ngoại giao nhân loại.

Dân tộc Việt Nam vốn có một trường phái ngoại giao riêng, hình thành và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trường phái ngoại giao đó góp phần làm nên lịch sử và tính độc đáo của lịch sử dân tộc Việt Nam. Những giá trị tích cực, những kinh nghiệm ngoại giao quý báu của cha ông được Hồ Chí Minh kế thừa, tiếp dẫn và hóa thân nhuần nhuyễn trong lối tư duy, ứng xử ngoại giao. Nếu dừng lại ở văn hóa ngoại giao truyền thống, Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết thấu đáo các mối quan hệ

bang giao lúc đó. Thiên tài Hồ Chí Minh là ở chỗ, trong khi đón bắt, khơi dòng văn hóa ngoại giao dân tộc Người tiếp tục bổ sung nguồn năng lượng mới dồi dào và mạnh mẽ. Qua lăng kính chủ quan của Người, văn hóa ngoại giao truyền thống được chắt lọc, gọt giũa để phù hợp với bối cảnh mới.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đã nâng tầm và làm phong phú văn hóa ngoại giao dân tộc, định hướng cho văn hóa ngoại giao dân tộc phát triển trong thời đại mới. Bởi sự kế thừa trên tư duy cách mạng, Hồ Chí Minh tạo ra dạng văn hóa ngoại giao mới gần với nhân loại nhưng không xa lạ với truyền thống, đủ sức giải quyết chính xác những vấn đề ngoại giao Việt Nam hiện đại. Dạng văn hóa này góp phần gia tăng tính đa dạng của nền văn hóa ngoại giao truyền thống.

Hồ Chí Minh do mang đạo đức trong sáng, trí tuệ kiệt xuất nên sớm chiếm lĩnh kho tàng tri thức ngoại giao dân tộc và nhân loại, đưa văn hóa ngoại giao Việt Nam vươn cao. Vốn tri thức phong phú tạo cho Hồ Chí Minh tầm nhìn khái quát và đầy đủ về các xu hướng tư tưởng thời đại, nâng cao khả năng phê phán, sàng lọc để chọn ra hướng đi thích hợp cho nền ngoại giao Việt Nam trước các diễn biến của tình hình thế giới.

Hồ Chí Minh vừa tiếp biến, vừa phục hưng và phát triển văn hóa ngoại giao dân tộc, làm phong phú thêm văn hóa ngoại giao dân tộc và nhân loại. Người đặt dấu mốc quan trọng cho sự khởi sắc của văn hóa ngoại giao dân tộc trong đa dạng văn hóa ngoại giao nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đại diện cho văn hóa ngoại giao dân tộc ra ứng xử với thế giới, tham gia giải quyết nhiều vấn đề trong quan hệ với bạn bè quốc tế. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị cao đẹp phản ánh khát vọng và xu hướng phát triển trong quan hệ quốc tế của nhân loại tiến bộ. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ là di sản quý giá của dân tộc Việt Nam mà của cả nhân loại. Nó chứa đựng những giá trị nhân văn, nhân đạo của mọi thời đại, mang tinh thần vì cộng đồng, hướng tới những lợi ích chung. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc khát vọng lớn lao của nhân loại tiến bộ là được chung sống hòa bình, quan hệ chân thành và ứng xử văn hóa với nhau. Tư tưởng và thực tiễn hoạt động ngoại giao minh chứng Hồ Chí Minh là “mẫu mực xuất chúng về mọi đức tính nhân đạo và mọi đức tính xã hội chủ nghĩa”¹. Hêrôminô Carêra, nhà báo Venezuela nhận định: “Hồ Chí Minh là một đỉnh cao thực sự của toàn thể nhân loại về mặt đạo đức, Người là một tấm gương tuyệt vời”².

¹ Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.290.

² Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.95.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đem đến cho thế giới thông điệp về sự cần thiết phải xây dựng, nuôi dưỡng và phát triển văn hóa ngoại giao để xử lý hài hòa tất cả các mối quan hệ quốc tế. Với chiều sâu của lương tri văn hóa, Hồ Chí Minh đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng vận hành tư tưởng mácxít theo hệ giá trị Việt Nam. Người chủ trương xây dựng các mối quan hệ trên cơ sở nghĩa tình: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”³. Chủ trương này xuất phát từ truyền thống dân tộc, mang vóc dáng tư tưởng nhân loại vĩ đại về xây đắp mối quan hệ quốc tế rộng lớn dựa trên một nền đạo đức sáng ngời.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tự bản thân nó đã chứa đựng giá trị to lớn, có sức cuốn hút mạnh mẽ với mọi người, mọi dân tộc đến từ các nền văn hóa khác nhau. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh hàm chứa tính hợp lý, hợp quy luật, được xây dựng trên nền tảng tri thức khoa học, thấu hiểu lẽ sống ở đời và triết lý nhân sinh. Những giá trị đặc sắc của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có sức lan tỏa mạnh mẽ, biên độ tác động rộng, vượt khỏi giới hạn lãnh thổ quốc gia và thời gian hiện tại để trở thành gia tài văn hóa thế giới. Mohamet Lamari bày tỏ, Hồ Chí Minh: “Tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc”⁴.

Bởi được trang Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đóng góp cho thế giới những nguyên tắc ứng xử quốc tế và phương cách ngoại giao mới khoa học và tiến bộ, đề cao chân lý và lẽ phải để giao thiệp với nhau và một cung cách ứng xử ngoại giao đầy trách nhiệm với thế giới. bị thế giới quan và phương pháp luận mácxít nên văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có sự khác biệt về chất so với văn hóa ngoại giao truyền thống. Thế giới quan và phương pháp luận quy định tính khoa học và tính cách mạng của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Nhờ tính cách mạng và khoa học, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh có khả năng giải quyết tốt mối quan hệ quốc tế đa dạng giữa Việt Nam với các nước láng giềng, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước lớn, các nước có chế độ chính trị và văn hóa khác Việt Nam...

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.668.

⁴ Đỗ Hoàng Linh, Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2009), *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.62.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh ngoài giá trị khoa học còn giành được tính chính danh vì phục vụ lợi ích dân tộc, lợi ích nhân loại. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh đi trên một trục giá trị xuyên suốt là chân, thiện, mỹ; thấm đẫm tinh thần khoan dung; đề cao sự tin cậy, chân thành, tín nghĩa, vì lợi ích dân tộc và cộng đồng trong xây dựng các mối quan hệ bang giao. Vì lẽ đó, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không ngừng gia tăng sức mạnh, chiếm được ưu thế trước đối phương, tranh thủ sự hỗ trợ to lớn của nhân loại tiến bộ. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh không chỉ thuộc vấn đề văn hóa, mà còn thuộc vấn đề đạo đức, chính trị và xã hội, chứa đựng ước vọng của nhân loại tiến bộ.

Hồ Chí Minh qua hoạt động của mình chứng minh sự thành công trên thực tiễn phương cách dùng văn hóa ngoại giao để đạt kết quả đàm phán, thương lượng. Tất nhiên rằng, văn hóa ngoại giao không phải phương pháp duy nhất sử dụng trong đấu tranh ngoại giao, bởi bạo lực vốn được xem là quy luật của mọi cuộc cách mạng. Nhưng với Hồ Chí Minh, tư tưởng bạo lực luôn gắn bó hữu cơ với tư tưởng nhân đạo, hòa bình. Người tận dụng mọi khả năng để giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình. Dùng văn hóa ngoại giao nhằm đạt mục tiêu chính là đạo đức ngoại giao Hồ Chí Minh, một đặc trưng thể hiện tính vượt trội của văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh. Endo Anhôléttti thuộc Ủy ban Italia đấu tranh cho hòa bình và tự do ở Việt Nam xem Hồ Chí Minh là “biểu tượng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới”⁵.

Bên cạnh giá trị lý luận, văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh cũng chứa đựng các giá trị thực tiễn, trước hết là góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam nói chung và ngoại giao nói riêng. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thuộc sức mạnh nội sinh, có đóng góp tích cực vào thành công của nền ngoại giao Việt Nam thế kỷ XX. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tạo điều kiện cho ngoại giao Việt Nam làm nên kỳ tích, một mặt khẳng định vị thế của mình, một mặt mở rộng quan hệ đối ngoại với nhiều nước, thậm chí thiết lập được mối quan hệ ngang hàng, bình đẳng với một số nước, giúp ngoại giao Việt Nam thể hiện đầy đủ hơn vị trí, vai trò của mình ở một nước độc lập, có chủ quyền. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa các mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh làm nên diện mạo mới, vị thế mới cho ngoại giao Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh định hướng xây dựng nền ngoại giao Việt Nam hiện đại với lối tư duy cách mạng, linh hoạt, nhân văn, tiến bộ,

⁵ Đỗ Hoàng Linh, Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2009), *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.35.

đa phương rộng mở. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ngoại giao truyền thống đã từng khẳng định vai trò quan trọng của mình đối với vận mệnh dân tộc. Tuy nhiên, nó trở nên bất lực trước thực tiễn biến động phức tạp ở cuối thế kỷ XIX đầu XX. Đặc điểm dân tộc và thời đại yêu cầu phải xây dựng nền ngoại giao mới phù hợp, vận hành trong một hệ giá trị mới. Hồ Chí Minh kiến tạo thành công nền ngoại giao mới đầy sinh khí đưa Việt Nam chủ động hội nhập với thế giới muôn phương.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh tiêu biểu cho vẻ đẹp văn hóa Việt Nam, góp phần quảng bá hình ảnh con người, đất nước và là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Qua Hồ Chí Minh nhân loại biết đến một dân tộc anh hùng, yêu chuộng hòa bình, công lý, thành thực muốn làm bạn với mọi quốc gia trên thế giới; một dân tộc vô cùng hấp dẫn bởi truyền thống, con người và cuộc đấu tranh chính nghĩa mà họ đang thực hiện; một dân tộc “đấu tranh cho những quyền dân tộc thiêng liêng của mình, đồng thời đấu tranh cho sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁶.

Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh thấm đẫm chủ nghĩa nhân văn cao cả, cuốn hút, tác động mạnh mẽ đến cách nhìn nhận của nhiều người về dân tộc Việt Nam và lãnh tụ của dân tộc. Nhà bác học Anh, Huân tước B. Rusel mặc dù định kiến với chủ nghĩa cộng sản nhưng lại tỏ ra rất khâm phục và kính trọng người lãnh tụ cộng sản Hồ Chí Minh ở khía cạnh nhân văn này. Ông đã đứng ra thành lập Tòa án quốc tế, lên án tội ác chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam⁷.

Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn cần mẫn gieo cấy những hạt giống nhân tính vào từng mối quan hệ ngoại giao, nỗ lực thúc đẩy sự phát triển của các giá trị tiến bộ trong đời sống chính trị thế giới hiện đại. Người tích cực trong các hoạt động ngoại giao góp phần làm cho thế giới hiểu nhau hơn, tin cậy nhau hơn, xích lại gần nhau hơn. Người khởi đầu cho một xu hướng quan hệ ngoại giao giữa các nước trên thế giới trên cơ sở niềm tin, hợp tác và vì các giá trị tốt đẹp. M.Ahmed - Giám đốc Tổ chức UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát biểu nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân loại bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại mang lại viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”⁸. Cho dù không cùng quan điểm và xu hướng chính trị với nhiều lực

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.557.

⁷ Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.10.

⁸ UNESCO - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.22.

lượng, nhưng những công hiến chứa đựng các giá trị nhân văn đủ để xác lập vị trí vững chắc của Hồ Chí Minh trong trái tim muôn triệu con người.

Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam những bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá trong xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế, là cơ sở lý luận để Đảng xây dựng đường lối ngoại giao hiện đại, định hướng cho các nhà khoa học, các nhà ngoại giao nghiên cứu, đề xuất các quyết sách đối ngoại phù hợp cho Việt Nam trong quan hệ với các quốc gia thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Đường lối đó thuận theo yêu cầu lịch sử, phù hợp với xu thế vận động của nhân loại là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, nhân văn, hợp tác và phát triển. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh mang ý nghĩa to lớn đối với dân tộc Việt Nam thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, và hiện nay nó vẫn còn nguyên giá trị như một hình mẫu trong việc ứng xử quốc tế. Nó trở thành cẩm nang quý giá cho cán bộ làm ngoại giao, cho nhiều cá nhân, tổ chức Việt Nam trong quá trình giao lưu với bè bạn quốc tế học tập góp phần giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ ngoại giao đủ đức, đủ tài, đủ bản lĩnh gánh vác các nhiệm vụ khó khăn. Bà Katherine Muller - Marin trưởng đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội tại Hội thảo khoa học quốc tế *“Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay”* năm 2010 phát biểu rằng: “Có được một vị Chủ tịch như Hồ Chí Minh,... giống như có được một biểu tượng giúp chúng ta có được một tầm nhìn, chỉ cho đất nước một bến đỗ an toàn. Và hơn thế, một lãnh tụ như thế cũng chỉ cho ta cách kiểm soát phong ba bão táp thông qua lòng tự hào, lao động cần cù và quan hệ hòa hiếu”.

3. Ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục xây dựng nền ngoại giao toàn diện, nền ngoại giao kế thừa truyền thống dân tộc, mang dấu ấn văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh: Giàu tính nhân văn, hòa bình hữu nghị, mềm dẻo, khoan dung, dựa trên cơ sở pháp lý, “các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng cùng có lợi,... hòa bình, hợp tác, phát triển”⁹. Một nền ngoại giao tích cực, chủ động trong thiết lập các quan hệ quốc tế thực chất, chân thành, thể hiện tinh thần Việt Nam, trách nhiệm Việt Nam “góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”¹⁰.

Thời gian qua, bằng các hoạt động ngoại giao tích cực, Việt Nam để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế về một dân tộc nhân ái, tín nghĩa, yêu chuộng

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.34-35.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.35.

hòa bình. Những nghĩa cử nhân đạo, hành vi hợp lý, hợp tình, xử lý khéo léo nhiều vấn đề quan hệ quốc tế nhạy cảm khiến Việt Nam đang được thế giới nhìn nhận như một đại sứ hòa bình, một quốc gia trách nhiệm, đáng tin cậy. Họ tin Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày càng lớn hơn trong các diễn đàn khu vực và quốc tế, trong giải quyết các vấn đề lớn của khu vực và cả vấn đề mang tính toàn cầu.

III. KẾT LUẬN

Hội nhập quốc tế, tất cả các nước dù theo đuổi những mục đích riêng, thậm chí đối lập nhau nhưng đều chung nhu cầu được hợp tác. Hội nhập quốc tế càng sâu rộng, tính phức tạp càng tăng. Dùng văn hóa giao thiệp với nhau, xây dựng lòng tin giữa các quốc gia trở nên cần thiết bởi nó đang trở thành một trong những điều kiện hình thành, thúc đẩy và đưa vào chiều sâu các quan hệ hợp tác. Dùng văn hóa giao thiệp với nhau vừa là gốc, vừa là tận cùng của tính “người”, chất “người” trong quan hệ xã hội, quan hệ quốc tế và cũng là cách tạo ra lợi thế cạnh tranh. Văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh chứng minh giá trị sâu sắc trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Bởi thế, việc trở lại với văn hóa ngoại giao Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa thời sự hơn trong một thế giới đa chiều đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.290.
2. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.95; tr.10.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.668.
4. Đỗ Hoàng Linh, Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2009), *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.62; tr.35.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.557.
6. UNESCO - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.22.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.34-35.

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - NỀN MÓNG TƯ TƯỞNG CỦA NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ CỐT LÕI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Đàm Thị Thu *

Trần Quang Chung **

Tóm tắt

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận khoa học, cách mạng, tiến bộ, nhân văn, là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Bài viết đề cập đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - với tư cách là nền móng tư tưởng của những chủ trương, đường lối kinh tế cốt lõi Việt Nam thời kỳ đổi mới, như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, thời kỳ đổi mới.

I. MỞ ĐẦU

Quá trình đổi mới ở nước ta đã diễn ra trong thời gian 35 năm với gần 8 kỳ Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam (Từ Đại hội VI - 1986 đến Đại hội XIII - (Dự kiến diễn ra năm 2021). Trong quá trình đổi mới, trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều chủ trương, đường lối chính sách kinh tế quan trọng. Bài viết bước đầu tập trung, nghiên cứu làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - với tư cách là nền móng tư tưởng của những chủ trương, đường lối kinh tế cốt lõi Việt Nam thời kỳ đổi mới.

II. NỘI DUNG

2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền móng tư tưởng của đường lối kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Theo quan điểm triết học Mác - Lênin lực lượng sản xuất quyết định tính chất và trình độ của quan hệ sản xuất. Tương ứng với lực lượng sản xuất không đồng bộ, thống

*, ** Học viên lớp Cao học Kinh tế chính trị - K26, Viện Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nhất, có nhiều trình độ phát triển khác nhau thì phải có nhiều loại hình sở hữu, nhiều quan hệ sản xuất, nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Theo quan điểm kinh tế Mác - Lênin sự hình thành kinh tế thị trường là khách quan trong lịch sử. Để nền kinh tế hàng hóa có thể hình thành, tồn tại và phát triển, C. Mác cho rằng cần hội đủ hai điều kiện: phân công lao động xã hội và sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể sản xuất. Nền kinh tế thị trường có nhiều ưu thế: Có sự vận hành của những quy luật kinh tế khách quan như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh,... và sự tham gia đa dạng của các chủ thể kinh tế bao gồm người sản xuất, người tiêu dùng, các thương nhân, nhà nước, khu vực nước ngoài,... làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế; luôn tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự hình thành ý tưởng mới của các chủ thể kinh tế; luôn thực hiện phát huy tốt nhất tiềm năng của mọi chủ thể, các vùng miền cũng như lợi thế quốc gia trong quan hệ với thế giới; luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng có những hạn chế, khuyết tật: Luôn tiềm ẩn những rủi ro khủng hoảng; không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên, môi trường xã hội; không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội. Do vậy, cần có sự can thiệp của nhà nước để sửa chữa những thất bại của cơ chế thị trường. Chính sách kinh tế mới của Lênin đặt cơ sở lý luận về nền kinh tế nhiều thành phần, các hình thức kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ rõ: Trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu. Trả lời câu hỏi: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Ph. Ăngghen dứt khoát cho rằng: “Không, không thể được cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng nền kinh tế công hữu”¹. Đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, V.I. Lênin chỉ rõ tất yếu phải “bắc những chiếc cầu nhỏ vũng chầy” xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước: “Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vũng chầy, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội”². Đồng thời, V.I. Lênin chỉ rõ, những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển theo cách thức: “Dùng cả hai

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.469.

² V.I. Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.89.

tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô viết + trật tự ở đường sắt Phổ + kỹ thuật và cách tổ chức các cơ-rót ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++ = X (tổng số) = chủ nghĩa xã hội”³ .

Trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác Lênin và thực tiễn đất nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng năm 1930; *Thư gửi điền chủ nông gia Việt Nam* (ngày 11/4/ 1946); *Thường thức chính trị* (tháng 9/1953), *Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (tháng 12/1959)... *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng năm 1930 mà Hồ Chí Minh là người chủ trì biên soạn đã chỉ ra, “tư bản vừa và nhỏ” là đối tượng cần phải đi cùng cách mạng. Cách mạng còn cần phải tranh thủ cả “trung, tiểu địa chủ” đi theo cách mạng. Chỉ những đối tượng đại địa chủ, đại tư bản gắn với đế quốc thì mới phải đấu tranh. Đây chính là nền đánh giá về vai trò kinh tế tư nhân cả trong nông nghiệp và công nghiệp cho giai đoạn sau này. Sau này trong hoạt động cách mạng, Đảng và Bác Hồ đã tranh thủ tối đa được vai trò của những lực lượng nói trên. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phải thực hiện “chế độ dân chủ mới”. Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại kinh tế khác nhau là: kinh tế quốc doanh, các hợp tác xã, kinh tế của cá nhân, tư bản của tư nhân, tư bản của nhà nước; trong đó, “kinh tế quốc doanh là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên, kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản”⁴. Như vậy, sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là tất yếu khách quan.

Hồ Chí Minh nêu rõ chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ: “1 - Công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên, chúng ta phải ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế, thì phải trừng trị. Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên, Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân. 2 - Chủ thợ đều lợi. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho

³ V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.684.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.293-294.

chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức. Chủ và thợ đều tự giác, tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên”. Tận tâm giúp giới Công - Thương. Trong thư gửi các giới công thương gia Việt Nam ngày 13/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới Công - Thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ, nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới Công - Thương trong công cuộc kiến thiết này”. Người nhấn mạnh, nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng và mong muốn mọi người cùng đem vốn vào làm những công việc ích nước lợi dân.

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành chỉ đạo đường lối đổi mới kinh tế coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, gắn đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Đại hội VI của Đảng thừa nhận có sản xuất hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội; đồng thời, chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hóa, xoá bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ, chia cắt thị trường. Đại hội VII (6/1991) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội VIII của Đảng (6/1996) khẳng định “Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng” chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước là phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020; coi phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đại hội IX (4/2001) đã nhìn lại một cách tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, rút ra 4 bài học qua 15 năm đổi mới (1986 - 2000), định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI; khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của cả thời kỳ quá độ. Đại hội X đã khẳng định: “Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, chỉ rõ hơn định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đại hội XI tiếp tục khái quát thực tiễn, cụ thể hóa hơn mô hình phát triển nền kinh tế thị trường, nhấn mạnh yêu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội nêu rõ: “Nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh...”. Đại hội XII đã tiến thêm một bước làm rõ hơn khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Như vậy, chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, nền móng tư tưởng, lý luận của đường lối kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước.

2.2. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền móng tư tưởng của đường lối kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

C. Mác - Ph. Ăngghen khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản Tây Âu đã luận giải một cách khoa học sự thay thế tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ. Hai ông khẳng định rằng: Mỗi phương thức sản xuất có một cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của một phương thức sản xuất là hệ thống các yếu tố vật chất của lực lượng sản xuất xã hội, phù hợp với trình độ kỹ thuật mà lực lượng lao động xã hội sử dụng để tiến hành quá trình lao động sản xuất. Bất kỳ quốc gia nào đi lên chủ nghĩa xã hội đều phải thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là liên công nghiệp lớn hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có trình độ xã hội hóa cao dựa trên trình độ khoa học và công nghệ hiện đại được hình thành một cách có kế hoạch và thống trị trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Từ chủ nghĩa tư bản hay từ trước chủ nghĩa tư bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, một quy luật kinh tế

mang tính phổ biến và được thực hiện thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối với các nước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, dù đã có công nghiệp, có cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản tiến bộ đến đâu cũng chỉ là những tiền đề vật chất chứ chưa phải là cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn có cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, các nước này phải thực hiện quy luật nói trên, bằng cách tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất; tiếp thu vận dụng và phát triển cao hơn những thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất; hình thành cơ cấu kinh tế mới xã hội chủ nghĩa có trình độ cao và tổ chức, sắp xếp lại nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa một cách hợp lý, hiệu quả hơn. Lênin khẳng định: “Cơ sở vật chất duy nhất của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể là *nền đại công nghiệp*. Nhưng không thể chỉ đóng khung ở nguyên lý chung đó. Cần phải cụ thể hóa nguyên lý đó. Một nền đại công nghiệp ở vào trình độ kỹ thuật hiện đại và có khả năng cải tạo nông nghiệp, đó là *điện khí hóa cả nước*”⁵. Lênin nhấn mạnh để công nghiệp hóa cần phải có những người có học vấn, phải biết tẩy bỏ căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản”; phải sử dụng “trên quy mô lớn” các chuyên gia tư sản với thái độ thực sự trân trọng; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên phải động viên toàn thể nhân dân lao động tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước; học hỏi, kế thừa những thành quả ưu việt của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt ở lĩnh vực khoa học và quản lý nếu không thì “chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi”⁶. Ông kêu gọi những người cộng sản “hãy dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài...”⁷; phải nắm được “những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại”⁸ để ứng dụng nó vào quá trình công nghiệp hóa.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin tạo ra bản chất khoa học, cách mạng của tư tưởng Hồ Chí Minh, thì quan điểm của các nhà kinh điển về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chính là cơ sở lý luận để hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội bằng mô hình “rút ngắn”, “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”⁹, nên mâu thuẫn lớn nhất của ở Việt Nam trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo hướng hiện đại và thực

⁵ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.11.

⁶ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.365.

⁷ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.684.

⁸ V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.386.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.411.

trạng kinh tế - xã hội thấp kém của đất nước. Mâu thuẫn đó chỉ được giải quyết bằng quá trình công nghiệp hóa. Hồ Chí Minh đã xác định, vai trò tiến bộ lịch sử của công nghiệp hóa; đó là quá trình thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển, giải phóng sức lao động, giải phóng con người, tạo ra những bước đột phá mới trong nền văn minh công nghiệp, đến một năng suất lao động xã hội mới cao - nhân tố quyết định để chủ nghĩa xã hội có thể chiến thắng chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, công nghiệp hóa, theo Người, “Đó là con đường phải đi của chúng ta”¹⁰, “là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thật sự của nhân dân ta”¹¹. Hồ Chí Minh xác định, trọng tâm của quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam vẫn là phát triển công nghiệp nặng, phát triển ngành sản xuất ra tư liệu sản xuất, trang bị kỹ thuật mới cho nền kinh tế quốc dân: “Công nghiệp nặng là đầu mối để mở mang các ngành công nghiệp khác cung cấp máy móc cho nông nghiệp. Cho nên, chưa có công nghiệp nặng thì chưa thể có một nền kinh tế tự chủ và giàu mạnh được”¹². Người cũng nhấn mạnh đến công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Người nói “ngành công nghiệp nhẹ quan hệ rất khăng khít với đời sống hàng ngày của nhân dân. Vì vậy, nhiệm vụ của công nghiệp nhẹ là rất quan trọng”¹³. Người cho rằng, công nghiệp hóa nông nghiệp là trang bị máy móc cho nông nghiệp, cơ khí hóa sản xuất.

Những quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền móng tư tưởng của đường lối kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều quan điểm chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ đổi mới. Đảng và Nhà nước ta xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa ở Việt nam, trước hết là nhằm xây dựng cơ sở - vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế dựa trên những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, làm cho nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển lực lượng sản xuất, nhằm khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

^{10, 11} Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.445.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.449.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.455.

trong và ngoài nước, nâng cao dân tính độc lập tự chủ của nền kinh tế; làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; tăng cường tiềm lực cho an ninh, quốc phòng, góp phần nâng cao sức mạnh của an ninh, quốc phòng, đồng thời tạo điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các ngành, các vùng trong nước và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế ngày càng hiệu quả... Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội tiến bộ; thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại. Quan điểm, giải pháp công nghiệp hoá, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thực hiện theo hướng rút ngắn, gắn với phát triển kinh tế tri thức, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững; phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại; chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả; từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông; cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tạo điều kiện để thu hút đầu tư trong và ngoài nước; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế... Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, nền móng tư tưởng, lý luận của đường lối kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước.

2.3. Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền móng tư tưởng của đường lối kinh tế hội nhập quốc tế ở Việt Nam

Trong lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vấn đề đoàn kết quốc tế và hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế được thể hiện sinh động. Trong các tác phẩm của mình C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra nguyên nhân kinh tế của hội nhập kinh tế, quốc tế hóa. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen viết “Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man rợ nhất vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vụn lý tưởng thành và buộc những người đã man rợ nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu

không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra cho nó một thế giới theo hình dạng của nó”¹⁴. C. Mác và Ph. Ăngghen chỉ ra rằng chính phương thức sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa là nguyên nhân khách quan của của hội nhập kinh tế, quốc tế hóa: “Nói chung, công nghiệp lớn tạo ra ở khắp nơi những quan hệ như nhau giữa các giai cấp xã hội và do đó xóa bỏ tính chất riêng biệt của những dân tộc khác nhau...”¹⁵. Sau này, Lênin đã làm rõ vấn đề này thông qua việc phân tích tính chất xã hội hóa ở phạm vi thế giới của công nghiệp hiện đại: “Thực vậy, việc sản xuất cho một thị trường rộng lớn ở trong nước và trên thế giới, việc phát triển mối liên hệ thương nghiệp chặt chẽ về mua bán nguyên liệu và vật liệu phụ giữa các miền trong nước và giữa các nước với nhau, bước tiến bộ vĩ đại về kỹ thuật, việc tập trung sản xuất và nhân khẩu trong những xí nghiệp lớn, truyền thống cổ hủ của chế độ gia trưởng bị phá vỡ, lớp dân cư di động được tạo ra, mức nhu cầu và trình độ văn hóa của công nhân được nâng cao, tất cả những cái đó đều là những nhân tố của quá trình tư bản chủ nghĩa, quá trình làm cho sản xuất ở trong nước ngày càng được xã hội hóa và do đấy, làm cho người tham gia sản xuất cũng ngày càng được xã hội hóa”¹⁶.

Hồ Chí Minh với tư duy và tầm nhìn chiến lược, nhận diện chính xác thời đại mới, trên cơ sở thấm nhuần sâu sắc và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, ngay từ sớm, đã nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của hội nhập quốc tế để góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc và phát triển, chấn hưng đất nước. Quan sát sự biến động của thế giới, Hồ Chí Minh đã có một nhận xét mang hàm nghĩa triết lý: “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường”¹⁷ và “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới”¹⁸. Theo Hồ Chí Minh, hội nhập, *trước hết*, là để tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài giúp đỡ dân tộc mình trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. *Thứ hai*, hội nhập là để tiếp thu những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới nhất của các nước để phục vụ cho công cuộc chấn hưng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài

¹⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.602.

¹⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.87-88.

¹⁶ V.V.I. Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.694

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.14.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.329.

trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình”¹⁹. Theo Hồ Chí Minh, nội dung hội nhập, để giữ vững nền độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy tối đa sức mạnh dân tộc kết hợp với việc phát huy sức mạnh quốc tế, sức mạnh thời đại; để thu hút ngoại lực, mang ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển và thịnh vượng của quốc gia, dân tộc; làm giàu cho văn hóa dân tộc, phát huy sức mạnh mềm của đất nước trong giao lưu quốc tế; làm bạn với tất cả các nước với tinh thần trách nhiệm cao. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc, phương pháp hội nhập là, luôn đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết; tranh thủ các điều kiện thuận lợi để gia tăng nguồn lực phục vụ cho sự phát triển của đất nước và làm giàu bản sắc dân tộc; tự nguyện và tôn trọng lẫn nhau; tăng cường trao đổi, cùng theo đuổi chính sách chung sống hòa bình, giải quyết các vấn đề mâu thuẫn, tranh chấp thông qua đối thoại, đàm phán, không dùng vũ lực; thiết lập mối quan hệ hữu nghị bền chặt với các nước láng giềng; xây dựng chính sách mềm dẻo, linh hoạt, đặc biệt là với các nước lớn.

Di sản chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc là cơ sở nền tảng, kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta trong các giai đoạn cách mạng. Nhờ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế; góp phần quan trọng vào những thắng lợi vẻ vang của dân tộc trong thế kỷ XX; góp phần hoạch định đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế có hiệu quả trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại hội VI (1986) của Đảng mở ra con đường đổi mới và phát triển, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế đã giúp Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào các tổ chức, các diễn đàn đa phương, tham gia hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế ngày càng sâu sắc. Từ tổng kết thực tiễn, Đại hội XI (2011) của Đảng đã sửa đổi, bổ sung *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó có bài học: “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại”²⁰. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội nhập quốc tế

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.523.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.66.

(trong đó xác định hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế). Đại hội XII (2016) của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”²¹. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 5/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới... Thực hiện đường lối của Đảng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã đạt được những kết quả quan trọng: Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia trên thế giới, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hóa tới trên 230 thị trường của các nước và các vùng lãnh thổ, ký kết trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần. Đặc trưng của hội nhập kinh tế quốc tế là sự hình thành các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực để tạo ra sân chơi chung cho các nước. Các mốc cơ bản trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Năm 1995: Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông; Nam Á (ASEAN); năm 1996: Tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA); năm 1996: Tham gia sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM); năm 1998: Tham gia Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); năm 2007: Chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO); tham gia hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tháng 10/2015... Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở, nền móng tư tưởng, lý luận của đường lối hội nhập quốc tế trong thời kỳ đổi mới đất nước.

III. KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận khoa học, cách mạng, tiên bộ, nhân văn, là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Trong quá trình đổi mới, trên cơ sở kiên định mục tiêu, lý tưởng là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều chủ trương, đường lối chính sách kinh tế quan trọng. Bài viết bước đầu tập trung, nghiên cứu làm rõ vai trò của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - với tư cách là nền

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.79.

móng tư tưởng của những chủ trương, đường lối kinh tế cốt lõi Việt Nam thời kỳ đổi mới, như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hội nhập quốc tế. Qua đó cho thấy, cơ sở lý luận sâu sắc của những chủ trương, đường lối kinh tế cốt lõi Việt Nam thời kỳ đổi mới; vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với quá trình đổi mới ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Tài liệu tập huấn Hè - Dừng trong trình độ đại học các ngành không ngành về lý luận chính trị.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, ban hành theo Quyết định số 4890/BGDĐT-GDĐH ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình dùng trong trình độ đại học các ngành không ngành về lý luận chính trị.
3. Chỉ thị 16/Ct-TTG (2017) “Về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
4. Jeremy Rifkin (2014), *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba*, bản dịch tiếng Việt, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
5. Manfred B. Steger (2011), *Toàn cầu hoá*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
6. Kalaus Schwab (2015), *Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, (Bộ Ngoại giao dịch và hiệu đính), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, 2018, Hà Nội.
7. Hội đồng Trung ương Ban chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Kinh tế chính trị (1997), *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, tập 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Kinh tế chính trị, Nguyễn Khắc Thuần (Chủ biên) (2002), *Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại (Dùng cho đào tạo sau đại học)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

PHẦN IV

NGHIÊN CỨU, DẠY HỌC VÀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG - CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÁC HỌC VIỆN, CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

GIÁ TRỊ KHOA HỌC BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

*PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn**

Trường Đại học Vinh

*TS. Phạm Thành Trung***

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống lý luận khoa học, cách mạng, tiên bộ, nhân văn, là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam và của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta hiện nay. Các thế lực thù địch đang xuyên tạc, chống phá quyết liệt hệ tư tưởng này. Để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy lý luận chính trị cần có đội ngũ giảng viên có chất lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, được kinh qua thực tiễn hoạt động chính trị. Đồng thời, cần có cơ chế tuyển chọn, sàng lọc và đãi ngộ thích đáng đối với đội ngũ này để nâng cao hơn nữa hiệu quả công cuộc đấu tranh trên mặt trận chính trị - tư tưởng hết sức cam go, quyết liệt.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận chính trị, giảng dạy.

1. Giá trị tinh hoa của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch

Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Mác - Lênin đã thể hiện rõ tính khoa học, là hệ tư tưởng cách mạng, tiên bộ, chứa đựng những chân lý có giá trị vượt thời đại, có sức sống mãnh liệt. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là ý thức hệ, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp vô sản mà điều quan trọng hơn, đó là hệ tư tưởng này đã vạch ra con đường hiện thực để cải tạo thế giới, giải phóng giai cấp, dân tộc và nhân loại thoát khỏi những gông xiềng áp bức của chủ nghĩa đế quốc, của chế độ thực dân phong kiến. Trên con đường bốn ba cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấu bản chất cách mạng,

* Phó Viện trưởng Viện Khoa học xã hội và Nhân văn

** Phó Bộ môn Lý luận chính trị

tiến bộ của hệ tư tưởng này, từ đó vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ, là kim chỉ nam dẫn dắt sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán chủ trương kiên định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kiên quyết vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa cộng sản, xây dựng một chế độ xã hội mới phát triển về chất trên cơ sở dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập để thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu tất yếu, khách quan đối với mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nói chung, trong đó đặc biệt quan trọng là tầng lớp sinh viên và đội ngũ trí thức.

Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy và học tập lý luận chính trị hiện nay đang đặt ra một yêu cầu hết sức cấp thiết, đó là phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trước các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, bóp méo sự thật, đổi trắng thay đen của các thế lực thù địch. Hiện nay, bối cảnh khu vực và quốc tế cũng như thực tiễn xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước đã có nhiều thay đổi. Nhiều thế lực thù địch nổi lên, quyết tâm chống phá quyết liệt sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ra sức xuyên tạc, bóp méo, vu khống một cách có hệ thống đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước. Đồng thời, chúng tìm mọi cách hô hào, kích động, lôi kéo người dân tham gia các hoạt động phi pháp như khiếu kiện kéo dài có tổ chức, biểu tình, bạo loạn, chống đối, tiến tới lật đổ hệ thống chính trị, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, gây rối loạn xã hội, làm mất an ninh trật tự, gây xói mòn niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của đảng.

Không chỉ chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta bằng các hoạt động thực tiễn, các thế lực thù địch còn tập trung chống phá cả trên phương diện lý luận. Chúng thường xuyên sử dụng mạng xã hội, các phương tiện truyền thông để xuyên tạc, bóp méo bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng thường xuyên tung ra các bài viết với thái độ hằn học, với các lập luận ngụy biện nhằm đổi trắng thay đen, nhằm hạ thấp vai trò, tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ tổ quốc và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và nhà nước ta. Không thể phủ nhận rằng những bài viết này đã có những tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của toàn xã hội nói chung và của một bộ phận cán bộ, đảng viên nói riêng. Không chỉ gây mất niềm tin,

chúng còn dẫn tới những lệch lạc nhất định về nhận thức và hành động, góp phần đẩy nhanh tốc độ tự chuyển hóa, tự diễn biến của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã và đang trên đà thoái hóa, biến chất. Tình hình này đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết, tăng cường hơn nữa công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các phương diện, trong đó đặc biệt quan trọng là trong lĩnh vực giảng dạy lý luận chính trị.

Những lập luận ngụy biện của các thế lực thù địch thường tập trung vào các vấn đề như cố tình xuyên tạc, hạ thấp vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng tuyên truyền rằng tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen ra đời cách ngày nay hơn 150 năm, của V.I. Lênin ra đời cách ngày nay hơn 100 năm. Với khoảng thời gian đã quá xa như vậy, những tư tưởng này không còn phù hợp để lý giải một xã hội phát triển như xã hội Việt Nam và bối cảnh quốc tế hiện nay. Bên cạnh đó, chúng còn cho rằng cả C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đều xuất phát từ bối cảnh lịch sử của phương Tây, vì vậy, không thể vận dụng học thuyết này để giải quyết các vấn đề của xã hội phương Đông, đặc biệt là của Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, không phải cứ thời gian càng trôi xa thì học thuyết, tư tưởng càng mất đi giá trị. Có những học thuyết, tư tưởng càng qua thời gian lâu dài càng khẳng định giá trị của mình. Tri thức khoa học xã hội, khoa học nhân văn mang đặc trưng tích lũy chứ không mang đặc trưng thay thế như kỹ thuật, công nghệ, vì thế mà có những học thuyết tồn tại hàng nghìn năm qua vẫn còn giá trị. Bối cảnh lịch sử, xã hội phương Đông và phương Tây mặc dù khác biệt song không phải là không có những điểm chung. Lịch sử nhân loại không phải là những mảng lục địa tách rời, biệt lập, bất biến. Trong tính tổng thể, nhân loại và biện chứng, văn minh phương Đông và phương Tây là không thể tách rời. Do đó, không thể nói rằng một học thuyết ra đời ở nền văn minh này là không thể áp dụng để giải quyết những vấn đề đặt ra ở nền văn minh kia và ngược lại.

Không chỉ bóp méo bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, các thế lực thù địch còn tập trung tấn công tư tưởng Hồ Chí Minh với nhiều luận điệu khác nhau. Chúng tìm mọi cách hạ thấp tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng Hồ Chí Minh chỉ nhắc lại tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và các nhà tư tưởng khác chứ không có tư tưởng của riêng mình hoặc tư tưởng Hồ Chí Minh không có tính hệ thống, không có lô gic nội tại. Không những thế, chúng còn tìm mọi cách xuyên tạc, vu khống tư tưởng Hồ Chí Minh, đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc hoặc chỉ là người canh tân Nho giáo chứ không theo chủ nghĩa cộng sản. Tất cả các luận điệu này dù ẩn giấu dưới bất kỳ vỏ bọc tinh vi nào cũng lộ rõ tính ngụy biện, vu khống, bởi vì tư tưởng Hồ Chí Minh một hệ thống có

tính chính thể, khoa học, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử Việt Nam. Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lênin với tư tưởng truyền thống Việt Nam và các giá trị tinh hoa của nhân loại, đặc biệt là tinh hoa tư tưởng phương Đông. Chủ nghĩa Mác - Lênin ở Hồ Chí Minh không phải là những luận điểm sáo rỗng, giáo điều mà đã được chuyển hóa thành hệ thống thể giới quan, phương pháp luận, nhân sinh quan khoa học, thực tiễn, trực tiếp chỉ đạo thành công của cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh sự chống phá quyết liệt về mặt lý luận của các thế lực thù địch, sự cần thiết phải bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay còn bắt nguồn từ chính các vấn đề thực tiễn của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta hiện nay. Trước hết, đó chính là các tệ nạn xã hội có nguy cơ bùng phát từ những ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường. Những vấn đề cấp bách mà chúng ta đang phải đối mặt hiện nay như tệ nạn tham nhũng, sự phân hóa giàu nghèo, sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin, đến quan điểm chính trị, đến lập trường tư tưởng của nhiều cán bộ và quần chúng nhân dân. Thực tiễn cho thấy kinh tế phát triển, đời sống xã hội được cải thiện, nâng cao thì nhiều vấn đề xã hội phức tạp cũng dần dần nảy sinh đòi hỏi phải có những chính sách giải quyết một cách cụ thể, khoa học. Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta nhiều vấn đề lý luận chưa theo kịp với thực tiễn. Môi trường xã hội, các quan hệ kinh tế thay đổi một cách nhanh chóng nhưng hệ thống hành chính, luật pháp, giáo dục vẫn còn khá trì trệ, nặng nề, không thể giải quyết và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, đòi hỏi phát sinh từ thực tiễn. Từ đó, tạo ra rất nhiều kẽ hở dẫn đến các tệ nạn như tham nhũng, bất công, bất bình đẳng, lợi ích nhóm... Tất cả những vấn đề này đã ảnh hưởng, tác động một cách tiêu cực vào chất lượng giảng dạy, học tập lý luận chính trị nói chung và chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Vì thế, đặt ra yêu cầu cấp bách phải đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Một số vấn đề đặt ra trong đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay

Để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng ta một cách có hiệu quả trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay, theo chúng tôi cần phải có một hệ thống các giải pháp đồng bộ, thiết thực, có tính khả thi cao. Những giải pháp này đòi hỏi sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự nghiên cứu công phu, kỹ lưỡng của các nhà khoa học nói chung và của đội ngũ những người làm

công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị nói riêng. Trong phạm vi một bài tham luận trình bày tại hội thảo, chúng tôi bước đầu đề xuất một số các giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, cần đào tạo, xây dựng được một đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận chính trị có tâm huyết, có chất lượng và bản lĩnh chính trị cao, sẵn sàng tham gia đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các lĩnh vực.

Vấn đề đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả trong giảng dạy lý luận chính trị hiện nay phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, yếu tố hàng đầu, quan trọng nhất, theo chúng tôi đó chính là chất lượng và bản lĩnh của đội ngũ giáo viên giảng dạy lý luận chính trị. Đào tạo, xây dựng được đội ngũ giảng viên có trình độ, có chất lượng, có nhận thức sâu sắc, đầy đủ, rõ ràng về vai trò, tầm quan trọng, về bản chất cách mạng, tiến bộ, khoa học, đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có bản lĩnh chính trị vững vàng thì rõ ràng chúng ta không những sẽ nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị nói chung mà còn đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả. Hơn ai hết, những người làm công tác giảng dạy lý luận chính trị phải là những người am hiểu một cách sâu sắc bản chất khoa học, cách mạng, tiến bộ, nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Không những thế, đội ngũ này phải có niềm tin vững chắc, sâu sắc vào hệ tư tưởng này. Có tri thức khoa học vững vàng, có niềm tin vững chắc, có bản lĩnh chính trị cao, đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận chính trị sẽ là lực lượng nòng cốt, tiên phong trên mặt trận đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên mọi góc độ, trên mọi khía cạnh, trên mọi lĩnh vực.

Thứ hai, để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách có hiệu quả, đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị phải có kinh nghiệm và thực tiễn hoạt động chính trị.

Thực tế cho thấy đội ngũ cán bộ, giáo viên giảng dạy lý luận chính trị hiện nay đông đảo về số lượng, trẻ về tuổi nghề, tuổi đời, tuy nhiên chất lượng không đồng đều. Đặc biệt, trong đội ngũ giảng dạy lý luận chính trị có một bộ phận bản lĩnh chính trị chưa cao, chưa có kinh nghiệm hoạt động chính trị, chưa kinh qua thực tiễn lãnh đạo và quản lý nên rất dễ bị tác động bởi các luận điệu tuyên truyền, vu khống của các thế lực thù địch. Từ đó, dẫn đến việc dao động về lập trường, không vững vàng về tư tưởng, không kiên định niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Thực tiễn cũng chứng minh rằng một giảng viên giảng dạy lý luận chính trị non nớt về trình độ, yếu kém về lý luận, nghèo nàn về kinh nghiệm thực tiễn thì không thể giảng dạy lý luận chính trị với chất lượng cao chứ chưa nói đến việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh với các luận điệu vu khống, xuyên tạc một cách có hiệu quả. Một cán bộ giảng dạy lý luận chính trị chỉ có lý thuyết mà không có thực tiễn, thuộc lòng giáo án, bài giảng mà không có niềm tin vào hệ thống tư tưởng, lý luận mà mình đang rao giảng thì tác hại nhiều hơn là có lợi.

Xuất phát từ những phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng để xây dựng được một đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận có chất lượng tốt chúng ta cần quan tâm đầu tư nhiều hơn vào công tác đào tạo. Bên cạnh đó, cần chú ý nhiều hơn vào khâu bố trí, sử dụng. Những người làm công tác giảng dạy lý luận chính trị nhất thiết phải có một tuổi đời, tuổi nghề nhất định nào đó, có thể là từ 30 tuổi trở lên mới bắt đầu có thể giảng dạy. Cán bộ, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị cũng nhất thiết phải kinh qua thực tiễn quản lý, lãnh đạo ở một số lĩnh vực từ cấp cơ sở. Bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin chính là thực tiễn. C. Mác đã từng nói “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”. Lý luận được hình thành từ thực tiễn, lý luận phải thống nhất với thực tiễn, không thể tách rời thực tiễn. Do đó, để giảng dạy và bảo vệ có hiệu quả chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những cán bộ giảng dạy lý luận chính trị nhất thiết phải có thực tiễn hoạt động chính trị. Mọi lý thuyết chỉ là màu xám, chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi. Đây là điều mà trong thời gian tới, các cấp lãnh đạo cần quan tâm cân nhắc.

Thứ ba, cần có cơ chế tuyển chọn, sàng lọc, đào thải những cán bộ giảng dạy lý luận chính trị thoái hóa, biến chất, không đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong bối cảnh hiện nay.

Một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của hệ thống chính trị nước ta hiện nay đã được Đảng chỉ rõ đó chính là sự suy thoái, biến chất cả về đạo đức lối sống cũng như lập trường, quan điểm chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hiện tượng tự chuyển hóa, tự suy thoái đã được Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đề cập, phân tích sâu sắc. Nhiều Nghị quyết của Đảng cũng chỉ rõ nguy cơ này. Phải thừa nhận rằng trong số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất có một bộ phận là những người đang làm công tác quản lý, lãnh đạo công tác giảng dạy lý luận chính trị và trực tiếp giảng dạy lý luận chính trị. Có thể nói, một cán bộ đảng viên thông thường thoái hóa biến chất đã gây ra tác hại rất lớn, nhưng nếu cán bộ giảng dạy lý luận chính

trị thoái hóa biến chất chắc chắn tác hại lại càng lớn hơn, nghiêm trọng hơn. Do đó thực tiễn hiện nay cần có cơ chế để nghiêm khắc tuyển chọn, sàng lọc và thậm chí đào thải những “con sâu làm rầu nồi canh” này. Thực tiễn cho thấy có những giảng viên khi lên lớp thì nói rất hay nhưng ngoài đời lại dao động, mất niềm tin, thậm chí vào hòa với các luận điệu vu khống của các thế lực thù địch. Có những giảng viên do non nớt về tuổi đời, tuổi nghề, bài giảng không có chất lượng, nhưng cũng có những giảng viên trình độ, kiến thức già dặn, có kinh nghiệm nhưng do mất niềm tin, thoái hóa, biến chất, bất mãn nên có những luận điệu kích bác chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách ngấm ngầm. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải có cơ chế tuyển chọn, sàng lọc một cách kỹ càng hơn, (thậm chí đào thải nếu cần thiết) đối với đội ngũ cán bộ giảng dạy lý luận chính trị. Có làm tốt công tác này chúng ta mới có thể bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị một cách có hiệu quả.

Thứ tư, cần có cơ chế thu hút được những người giỏi, những người có năng lực thực sự tham gia giảng dạy lý luận chính trị và bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong nhiều năm qua, do khó khăn về cơ chế, chính sách đãi ngộ, do khó bố trí công ăn việc làm, do tiền lương, thu nhập thấp và do rất nhiều những nguyên nhân khác, chúng ta dễ thấy một thực trạng chung đó là ngành sư phạm rất khó tuyển được nhân tài. Những học sinh có thành tích, kết quả học tập tốt, đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế rất ít khi lựa chọn vào ngành sư phạm. Bức tranh chung của ngành sư phạm đã ảm đạm, ngành sư phạm chính trị lại càng ảm đạm hơn. Nhiều khoa lý luận chính trị ở các trường đại học không tuyển đủ chỉ tiêu, thậm chí không tuyển được sinh viên. Nếu có tuyển thì đầu vào cũng rất thấp, đa số chỉ ngang điểm sàn. Với chất lượng đầu vào thấp như thế thì đầu ra không thể cao. Bất kỳ ngành nào, lĩnh vực nào cũng vậy, không có nguồn nhân lực có chất lượng cao thì không thể đảm bảo sự vận hành trơn tru với năng suất, hiệu quả cao.

Giảng dạy lý luận chính trị là một lĩnh vực vừa đòi hỏi tính khoa học, hàm lượng tri thức, trí tuệ kết hợp với bản lĩnh chính trị cao vừa có tính chất đặc thù bởi đây là một mặt trận hết sức quyết liệt, mặt trận đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng. Do đó, những người làm công tác giảng dạy lý luận chính trị phải là những người giỏi, những người thực sự có tài năng và đạo đức, tư cách trong sáng, nổi bật. Để thu hút được những con người như vậy tham gia vào công tác giảng dạy lý luận chính trị, tích

cực bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần có những cơ chế thu hút đặc biệt. Cần có những ưu tiên, ưu ái về chế độ, chính sách, cần có những đãi ngộ tương xứng về thu nhập, về cơ sở vật chất, về điều kiện, môi trường làm việc. Con người luôn luôn là nhân tố đóng vai trò quyết định trên mọi lĩnh vực. Không có những con người tài năng, tâm huyết, ra sức cống hiến, mọi lý thuyết chỉ là hư ảo.

3. Kết luận

Đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh hiện nay nói riêng là một yêu cầu, nhiệm vụ cấp bách, đòi hỏi sự quan tâm của tất cả các cấp lãnh đạo, của tất cả các ngành, các lĩnh vực. Để công tác này tiến hành có hiệu quả, cần có sự quan tâm đầu tư thời gian, kinh phí, nguồn nhân lực, cần có nhiều hội thảo, nhiều công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc, có chất lượng, cần có sự tập trung, huy động nguồn lực trí tuệ, chất xám của đông đảo các nhà khoa học và quần chúng nhân dân để từ đó đề xuất được các kiến nghị, giải pháp có tính khả thi, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.20.

NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ QUAN ĐIỂM “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LẤY CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH LÀM NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH”

TS. Nguyễn Hữu Tâm
Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Hiện nay, các thế lực thù địch đang ra sức xuyên tạc, đưa ra những quan điểm sai trái với mưu đồ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trọng tâm là xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bài viết phân tích sự cần thiết, đề xuất các nội dung và giải pháp sáng tạo cơ bản trên góc độ quan điểm, giáo dục lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về quan điểm “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho hành động của mình”, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong sinh viên trong bối cảnh, tình hình mới.

Từ khóa: Nhận thức, sinh viên, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Có thể nói rằng, trong giai đoạn hiện nay việc giảng dạy sinh viên về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng bên cạnh những thuận lợi, đang đặt ra nhiều thách thức và khó khăn cho cả người dạy và người học. Vấn đề đặt ra ở đây là làm sao cho sinh viên hiểu được sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào, cách thức và phương pháp tiếp cận ra làm sao, điều này đòi hỏi bản thân thầy cô giáo phải làm rõ được cơ sở lý luận nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề này một cách khoa học trong quá trình giảng dạy và học tập của sinh viên.

II. NỘI DUNG

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) của Đảng đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. Điều đó hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam và tiến trình lịch sử thế giới.

Trong các xã hội hiện đại, lý luận về phát triển giữ vai trò đặc biệt quan trọng đặc biệt cuộc cách mạng 4.0. Khi mà thế giới đã từng chứng kiến vai trò tích cực và tiêu cực của nhiều học thuyết. Lúc này, chủ nghĩa Mác - Lênin lại có giá trị khoa học to lớn như việc thành lập các đảng cộng sản, Cách mạng tháng Mười và nước Nga Xô viết đã ra đời - nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới - mở ra một thời đại mới cho nhân loại, khơi nguồn cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai - một thảm họa lớn của nhân loại... Chủ nghĩa tự do cũ và mới, mà Hoa Kỳ là tiêu biểu đã phát triển mạnh mẽ rồi rơi vào khủng hoảng. Chủ nghĩa xã hội dân chủ và “con đường thứ ba” đã và đang tồn tại ở các nước Bắc Âu, Cộng hòa Liên bang Đức,... với những thành quả và khó khăn thể hiện trong các cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội, khiến cho người ta phải tìm tòi những giải pháp khác nhau cho sự phát triển đất nước.

Sau khủng hoảng và sụp đổ của một bộ phận quan trọng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới (1989 - 1991). Một kinh nghiệm xương máu rút ra từ tiến trình cải tổ, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa trong thập kỷ 80, 90 của thế kỷ XX là đã không phát triển được lý luận mácxít đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống. Đặc biệt là, các đảng cộng sản không đánh giá đúng tầm quan trọng của cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, đã du nhập các quan điểm dân chủ, nhân quyền cực đoan của phương Tây, như: đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập,... dẫn tới sự sụp đổ một bộ phận quan trọng của hệ thống xã hội chủ nghĩa .

Trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng tay sai, việc tấn công vào hệ tư tưởng và lực lượng lãnh đạo, cầm quyền nhà nước và xã hội, luôn là mục tiêu quan trọng nhất. R. Ních-xơn trong cuốn sách: *1999 - không đánh mà thắng* rút ra kết luận: Rút cuộc sự cạnh tranh giữa các hệ thống xã hội cuối cùng, cái có tác dụng quyết định đối với lịch sử là tư tưởng chứ không phải là vũ khí. Chính vì vậy, chủ nghĩa đế quốc đã đồng thời thực hiện chiến tranh xâm lược và “diễn biến hòa bình”, chống phá hệ thống xã hội chủ nghĩa ngay từ khi nước Nga Xô viết ra đời. Tuy nhiên, từ khi các nước xã hội chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa tiến hành cải tổ, cải cách, đổi mới, các thế lực thù địch đã tập trung mũi nhọn, đẩy tới cuộc “chiến tranh không có khói súng” - chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, tấn công vào hệ tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngày nay, cuộc đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, như Đảng ta đã dự đoán rằng: Trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường,... cần phải tính tới tính phức tạp, những khó khăn và thách thức mới.

Những luận điệu mà các thế lực thù địch thường sử dụng để tấn công vào hệ tư tưởng của Đảng ta là: Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời từ thế kỷ XIX, nay đã lỗi thời. Xã hội xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở bộ phận quan trọng nhất. Chủ nghĩa tư bản là sự tột cùng của lịch sử, nghĩa là chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn. Không có tư tưởng Hồ Chí Minh và nếu có thì đó cũng là tư tưởng cộng sản cũ rích.

Để đánh bại cuộc tấn công của các thế lực thù địch về chính trị, tư tưởng, lý luận, củng cố niềm tin cho sinh viên vào con đường xã hội chủ nghĩa, công tác giảng dạy lý luận và công tác chính trị, tư tưởng cần phải bảo vệ hệ tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Muốn vậy, phải làm rõ vì sao Đảng ta lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình? Để làm sáng tỏ vấn đề đó, có thể căn cứ vào một số vấn đề cơ bản sau và chỉ rõ cho sinh viên hiểu được sự vận dụng cụ thể bằng những đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam:

Thứ nhất, Đảng ta vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc; đồng thời, mong muốn góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại cho thấy rằng, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, con đường giải phóng của các dân tộc thuộc địa không thể đi theo con đường của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, cũng không thể đi theo con đường cách mạng dân chủ tư sản. Chỉ có con đường cách mạng vô sản - con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể giải phóng các dân tộc thuộc địa. Đây là kết quả khảo sát thực tế, nghiên cứu lý luận và hoạt động cách mạng ở nước ngoài của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920.

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc ta đã giành được độc lập, xây dựng Nhà nước pháp quyền, chế độ xã hội do nhân dân làm chủ. Tiếp đó, dân tộc ta đã tiến hành các cuộc kháng chiến, đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc hung hãn và hùng mạnh nhất thế giới, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Từ giữa những năm 80 thế kỷ XX, Đảng ta đã phát hiện sai lầm trên lĩnh vực kinh tế, xã hội nên đã khởi xướng công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, cho đến nay đã thu được những thành tựu to lớn, làm thay đổi căn bản đời sống xã hội, được nhân dân ta ghi nhận, bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Thứ hai, xuất phát từ những biến đổi to lớn và sâu sắc của tình hình thế giới và những thành tựu, kinh nghiệm lịch sử của chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX. Xét trên

phạm vi toàn thế giới, trên 70 năm (1917 - 1991), kể từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin được hiện thực hóa trong mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết đến khi xảy ra khủng hoảng, sụp đổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu), chủ nghĩa xã hội hiện thực đã thu được những thành tựu vô cùng to lớn, có ý nghĩa thời đại. Đó là lực lượng xã hội mở ra một con đường mới cho nhân loại đi đến mục tiêu giải phóng con người, xã hội và cho các dân tộc bị áp bức; là lực lượng chủ yếu đánh bại chủ nghĩa phát xít, cứu loài người thoát khỏi chế độ diệt chủng; là lực lượng tạo ra sự đổi trọng về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ,... buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh theo xu hướng dung hòa lợi ích giai cấp.

Từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX, thế giới đã có những biến chuyển to lớn và sâu sắc trên nhiều mặt, đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu hướng cơ bản; đồng thời, vẫn tồn tại nguy cơ chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên... Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang giữ vai trò quan trọng nhất giúp Đảng và Nhà nước ta phân tích, đánh giá và giải quyết đúng đắn những vấn đề đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, từ những nhận thức đúng giá trị lý luận với giá trị phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lịch sử xã hội xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra rằng, những người kế thừa chủ nghĩa Mác - Lênin đã phạm nhiều sai lầm, cả về nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn. Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, với việc phủ nhận kinh tế thị trường, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung,... đã dẫn đến tình trạng xã hội trì trệ, sự thoái hóa về chính trị, tư tưởng, đạo đức trong bộ máy Đảng và Nhà nước. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến khủng hoảng, sụp đổ. Xét về phương diện lý luận, sai lầm đó bắt nguồn từ chủ nghĩa giáo điều về lý luận - đồng nhất lý luận với phương pháp luận; không kịp thời vận dụng, phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin khi tình hình đã thay đổi.

Trên cơ sở lý luận chung đó, mỗi bản thân chúng ta - là những thầy cô giáo truyền đạt những tư tưởng nhất thiết chúng ta không chỉ chỉ ra lý luận chung chung trừu tượng, trái lại chúng ta phải chỉ ra một số nội dung tiêu biểu mà Đảng Cộng sản đã vận dụng trong thực tế hiện nay. Bản thân tôi lấy lý luận chủ nghĩa duy vật lịch sử để chứng minh vai trò của quần chúng nhân dân, qua đó nhận mạnh vai trò của nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Để thực sự đi vào hiệu quả nhất đối với sự nhận thức của sinh viên, có những lúc chúng ta quá tuyệt đối hóa vai trò lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong lúc đó những quan điểm của đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh rất gần với cuộc sống, tại sao chúng ta không chỉ ra tính thực tế của lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đường lối của Đảng về lợi ích của sinh viên, trước hết lý luận về giáo dục của Hồ Chí Minh và nhiều vấn đề khác của Người. Vì vậy, đối với bản thân tôi luôn lấy quan điểm về giáo dục hoặc những vấn đề liên quan của Hồ Chí Minh để làm phương pháp điển hình cho cách tiếp cận cho sinh viên. Do đó, từ quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục bản thân đã làm rõ những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, vai trò của giáo dục.

Nói về vai trò của giáo dục, điều đã được đề cập quá nhiều mà người ta dễ sa vào những triết lý chung chung, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn có cách đánh giá riêng với các lập luận của mình. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, vai trò của giáo dục thường gắn với sự phân tích khác liên quan tới hoạt động diễn ra trong cuộc sống.

Vai trò của giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam, một nền giáo dục vì con người, cho con người và hướng tới việc xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa. Người đã khẳng định nền giáo dục mới sẽ là đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên án rất sâu sắc nền giáo dục dưới sự đô hộ của thực dân Pháp với chính sách ngu dân để trị, nền giáo dục thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân; học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ.

Nền giáo dục mới phải thực hiện dạy và học theo hướng phục vụ Tổ quốc và nhân dân, trên tinh thần đó người đã đã định hướng việc học là: Học để làm việc, để làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Từ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc dạy và học phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn cuộc sống

Thứ hai, nội dung của giáo dục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng giáo dục phải có tính toàn diện. Nội dung trên của giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát lại trong hai chữ “Đức” và “Tài”. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong giáo dục, kiến thức là rất cần thiết, nhưng Người cũng chỉ ra rằng, đạo đức đóng vai trò quan trọng không kém. Bên cạnh đó, nội dung của giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phù hợp với mỗi lứa tuổi, mỗi cấp học,

mỗi bậc học. Các quan điểm về nội dung của giáo dục mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn ở trên được xem là những yêu cầu bắt buộc của một nền giáo dục mới để đào tạo ra những con người mới.

Thứ ba, phương pháp giáo dục.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng phương pháp giáo dục. Người nhấn mạnh, muốn học tập có kết quả tốt thì phải có phương pháp giáo dục đúng đắn. Mục đích là làm cho người học có thái độ học tập, rèn luyện tích cực và tự giác, có như vậy việc tiếp thu nội dung giáo dục mới nhanh chóng, hiệu quả, đạt mục tiêu. Theo Người, học phải gắn với hành, học mà không hành, không áp dụng vào thực tế khác nào chiếc hòm đựng đầy sách, hành mà không học thì hành không trôi chảy.

Thứ tư, giải pháp phát triển giáo dục.

Cùng với vai trò, nội dung, phương pháp giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dành sự chú ý đáng kể đối với các giải pháp phát triển giáo dục. Bởi vậy, cần coi đây là một nội dung quan trọng trong tư tưởng về giáo dục của Người.

Trong các giải pháp phát triển giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập, vấn đề kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội có vị trí khá nổi bật. Hồ Chí Minh có quan điểm rằng: Giáo dục trong nhà trường, chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn. Nếu nhà trường dạy tốt mà gia đình dạy ngược lại, sẽ có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em và kết quả cũng không tốt cho nên, nhà trường phải liên hệ chặt chẽ với gia đình và xã hội.

Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chúng ta chỉ cho sinh viên thấy vai trò của Đảng Cộng sản đã vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào vào trong thực tế hiện nay.

Tiếp thu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định vai trò hết sức quan trọng của giáo dục, coi phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn dân. Nghị quyết Hội nghị lần thứ Hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đã xác định tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là: Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong

sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Thực sự coi giáo dục - đào tạo, là quốc sách hàng đầu; Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học và công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo; giữ vai trò nòng cốt của nhà trường công lập đi đôi với đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo, trên cơ sở nhà nước thống nhất quản lý.

Trong bối cảnh mới với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trên cơ sở tổng kết và kế thừa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (04/11/2013) Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Theo đó, các quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới là: Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan; đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

Trên cơ sở phát huy Cương lĩnh 2011 của Đảng ta xác định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Với tinh thần mới, bao hàm các kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chủ nghĩa xã hội hiện thực trên phạm vi thế giới, cũng như từ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta.

III. KẾT LUẬN

Ngày nay, đất nước ta đang thực hiện đổi mới, mở cửa và hội nhập, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh thuận lợi, chúng ta cũng có nhiều khó khăn, do đó mỗi người cần nghiên cứu, học tập, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước để kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vì

mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, như Bác Hồ hằng mong muốn. Để đấu tranh với các thế lực thù địch xuyên tạc và bôi nhọ Đảng, chúng ta phải thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng đảng, bao gồm vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phải coi trọng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để không ngừng phát triển học thuyết cách mạng đó; phải nâng cao sức “đề kháng” cho sinh viên; tích cực phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về mặt tư tưởng, lý luận; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho sinh viên. Chỉ có như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình và qua đó nhận thức của sinh viên càng được nâng lên và thêm lòng tin yêu Đảng, yêu chủ nghĩa xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Vũ Tuệ Minh

ThS. Phạm Thanh Xuân

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Trên cơ sở khẳng định sự cần thiết khách quan của bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay, bài viết đề xuất 5 giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay, đó là: Các cấp quản lý chỉ đạo hoàn thiện hệ thống tổ chức làm công tác chính trị tư tưởng; huy động sức mạnh của hệ thống chính trị các trường đại học; nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học lý luận chính trị; đa dạng hóa các hình thức làm công tác chính trị, tư tưởng và phát huy tinh thần tự giác, tích cực của sinh viên.

Từ khóa: Bảo vệ, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên.

I. MỞ ĐẦU

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn kiện các kỳ Đại hội Đảng khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. Sự khẳng định đó phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam qua 90 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó đến nay, cùng với việc xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối chính trị, Đảng ta luôn coi trọng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nhất là đối với thanh niên, sinh viên - những chủ nhân tương lai của đất nước.

II. NỘI DUNG

2.1. Sự cần thiết khách quan của bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay

Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm

những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình. Trong bất cứ giai đoạn lịch sử nào, thanh niên, sinh viên cũng là lực lượng xã hội quan trọng, một trong những nhân tố quyết định tương lai, vận mệnh của đất nước. Người khẳng định “thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai - tức là các cháu nhi đồng”¹. Trong bài nói chuyện tại hội nghị chuyên đề sinh viên Quốc tế họp tại Việt Nam, Người khẳng định: “Thời đại này là thời đại vẻ vang của thanh niên. Mà thanh niên phải là những đội xung phong trên các mặt trận chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật. Thanh niên đã thực hiện những điều mơ ước của loài người từ bao thế kỷ”². Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”³. Ngày nay, sinh viên một bộ phận tinh tú, quan trọng trong thanh niên Việt Nam, là lực lượng kế tục, phát huy nguồn trí tuệ nước nhà, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đóng vai trò then chốt trong phát triển đất nước, là lực lượng to lớn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn đề cao vai trò, vị trí của thanh niên, xác định thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc. Đồng thời, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức thanh niên thành lực lượng hùng hậu, trung thành, kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) đã ra Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Tiếp đó, tại Quyết định số: 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011, Thủ tướng Chính phủ đã Phê duyệt Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, đã nêu rõ mục tiêu: Xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có đạo đức cách mạng, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa; có trình độ học vấn, nghề nghiệp và việc làm; có văn hóa, sức khỏe, kỹ năng sống và ý chí vươn lên; xung kích, sáng tạo làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến; hình thành nguồn nhân

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.188.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.612.

lực trẻ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, hiện nay xã hội không khỏi băn khoăn trước thực trạng một bộ phận thanh niên, sinh viên giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng cách mạng “nhật Đảng”, “khô Đoàn”, “xa rời chính trị”, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Nguy hiểm hơn có hiện tượng thanh niên, sinh viên bị các thế lực xấu, thù địch lợi dụng, tác động, lôi kéo, kích động đã có những việc làm đi ngược lại bản chất, truyền thống vẻ vang của Đoàn và trái với mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng và dân tộc. Đảng ta xác định “một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm tới tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc. Học vấn của một bộ phận thanh niên nhất là thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số còn thấp; nhiều thanh niên thiếu kiến thức và kỹ năng trong hội nhập quốc tế. Tính độc lập, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp. Tỷ lệ thanh niên nhiễm HIV/AIDS còn cao”⁴.

Từ thực tế tình hình trên, Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về *“Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”* đã ra đời như là một đòi hỏi cấp thiết, tất yếu, khách quan. Nghị quyết thể hiện quan điểm kiên định, nhất quán của Đảng trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời định hướng cho công tác tổ chức đấu tranh phản bác các thủ đoạn xuyên tạc, phủ nhận tấn công chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vạch trần các luận điệu chống phá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết đã khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là: *“Bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”*.

⁴ Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

Trong bối cảnh tình hình mới, giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng cách mạng trong xã hội. Vì vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sinh viên trong các trường đại học ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đã và đang trở nên cần thiết, quan trọng, cấp bách.

2.2. Nội dung - các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay

a. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy các tỉnh, thành phố chỉ đạo hoàn thiện hệ thống tổ chức làm công tác chính trị tư tưởng...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục viên chức, giảng viên, sinh viên triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết Số 37-NQ/TW, ngày 09/12/2014 “*về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*” của Bộ chính trị; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09 /2/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*”; Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 “*về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” của Bộ chính trị; Kế hoạch số 14-KH/TW, ngày 25/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW.

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối của Đảng, thành tựu của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho viên chức, giảng viên, sinh viên với nội dung và phương thức phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

Phát huy vai trò của người đứng đầu trong việc chủ động phát hiện những tư tưởng lệch lạc, sai trái, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong sinh viên và có biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời, không để xảy ra “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ.

b. Huy động sức mạnh của hệ thống chính trị các trường đại học Đảng ủy, Ban Giám hiệu; Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên...

Đảng ủy, Ban giám hiệu, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các trường đại học cần phải nhận thức rõ hơn về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng

của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là một quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp và cần phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục. Cụ thể, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đại học cần tiếp tục quan tâm, sát sao trong chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, trong quá trình dạy và học các môn Lý luận chính trị, đồng thời tạo điều kiện cho các giảng viên và sinh viên được đi thực tế tại các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, các di tích văn hóa, di tích cách mạng và lịch sử,... để gắn lý luận với thực tiễn trong nội dung các bài giảng, tăng tính thuyết phục, tính hấp dẫn hơn đối với sinh viên.

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Để làm tốt được nhiệm vụ trên, Đoàn, Hội cần thông qua các hình thức sinh hoạt khai thác hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông mạng, qua các hoạt động, phong trào của mình khéo léo lồng ghép tuyên truyền, cụ thể hóa Chỉ thị 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”*; Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*; Quyết định số 134-QĐ/TWĐTN-BTG ngày 07/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn về việc ban hành Đề án *“Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi giai đoạn 2018 - 2022”*. Đồng thời, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên các trường đại học cần có kế hoạch tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Thành lập và phát triển các mô hình câu lạc bộ *“Lý luận trẻ”* nhằm cụ thể hóa Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam *“Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”*. Đây là diễn đàn, sân chơi giúp sinh viên bày tỏ suy nghĩ, nhận xét của cá nhân mình đối với những vấn đề giới trẻ quan tâm hiện nay đặc biệt trên mạng xã hội, các sự kiện chính trị - xã hội trong nước và quốc tế nổi bật trong giai đoạn hiện nay và cùng nhau thảo luận, phân tích, nhận diện đúng sai để hiểu được vấn đề một cách đúng đắn, thấu đáo và cặn kẽ. Đồng thời, tuyên truyền, lan tỏa các thông tin hay, những tấm gương người tốt, việc tốt, những quan điểm đúng đắn để nhân rộng những giá trị nhân văn, thúc đẩy xã hội tốt đẹp hơn.

c. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học lý luận chính trị

Trong các trường đại học cần đảm bảo đúng nội dung, thời lượng môn học Lý luận chính trị theo khung chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; theo Hướng

dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chương trình, giáo trình mới các môn Lý luận chính trị. Các môn Lý luận chính trị thường khó và trừu tượng, vì vậy để truyền tải kiến thức đến sinh viên hiểu đúng, làm đúng và vận dụng đúng thì giảng viên phải bám sát nội dung khung chương trình Bộ ban hành để giảng dạy. Trong các trường đại học giảng viên Lý luận chính trị cần tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực vào quá trình giảng dạy. Các phương pháp tích cực như: nêu vấn đề, giải quyết tình huống, thảo luận nhóm, trải nghiệm thực tiễn,... kết hợp với phương pháp thuyết trình sẽ đem lại hiệu quả tốt cho dạy học môn học. Do vậy, để đạt được mục đích của môn học, bài học trong quá trình giảng dạy các môn Lý luận chính trị, bên cạnh việc thiết kế bài giảng cho phù hợp với cách dạy mới; phân chia thời gian hoạt động trên lớp cho phù hợp, thường xuyên tra dồi nâng cao kiến thức thì giảng viên cũng phải biết sử dụng thành thạo các phương tiện, công cụ kỹ thuật hiện đại vào quá trình dạy học. Bởi các phương tiện này sẽ góp phần minh họa làm phong phú thêm cho nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của sinh viên. Giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị cần chú trọng khơi dậy cho sinh viên sự hứng thú, yêu thích môn học, vận dụng những tri thức đã học vào trong quá trình học tập và cuộc sống. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy, phải đặt biệt chú trọng tới việc giáo dục, bồi dưỡng cho sinh viên lý tưởng, tình cảm, niềm tin, ý thức trách nhiệm với xã hội; từ đó sinh viên ý thức được trách nhiệm trong học tập và cuộc sống, cần có sự đổi mới về phương pháp để phát huy sự tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

d. Đa dạng hóa các hình thức làm công tác chính trị, tư tưởng

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong sinh viên ở các trường đại học cần phải đa dạng hóa các hình thức làm công tác chính trị, tư tưởng cho sinh viên. Bên cạnh công tác dạy học, giáo dục lý luận chính trị chính khóa, truyền thống, hiện nay, các trường đại học cần xây dựng nhiều mô hình, câu lạc bộ, hình thức hoạt động để thu hút sinh viên tham gia; chủ động góp sức vào công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Ngoài ra, các trường đại học cần đẩy mạnh việc tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên hay các buổi xem phim lịch sử, cuộc đời sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh,... hoặc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi olympic triết học... Bên cạnh đó, các trường đại học cần tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn, tổ chức sinh viên lên

tiếng, có hình thức phù hợp trong đấu tranh, chống lại những tiêu cực trong xã hội và trên không gian mạng nhằm góp phần lành mạnh hóa môi trường xã hội.

e. Phát huy tinh thần tự giác, tích cực của sinh viên

Tự giáo dục là quá trình mà trong đó sinh viên phải tự hoàn thiện, tự biến đổi, tự thích nghi với môi trường và điều kiện sống; là khả năng sinh viên phải biết tự điều chỉnh các hành vi của mình cho phù hợp với các quy định của xã hội. Muốn tự giáo dục thành công, sinh viên phải có ý thức tự giác cao, phải luôn vươn lên, kiên quyết đấu tranh với những thói hư, tật xấu của bản thân. Trong học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị càng đòi hỏi sinh viên tự giác, tích cực, tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cần phải tham gia mạnh mẽ hơn nữa trong các phong trào như: “Thanh niên lập nghiệp”; “Tuổi trẻ giữ nước”; “Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”... Đó vừa là sân chơi, vừa là cơ hội để sinh viên phát huy sức trẻ, phát huy yếu tố tự giáo dục, tự rèn luyện của mình.

Mặt khác, cần xây dựng nhiều gương điển hình, tiên tiến về người tốt, việc tốt để từ đó phát huy được yếu tố tự giáo dục, tự rèn luyện của sinh viên, đẩy mạnh việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Thanh niên, sinh viên trong các trường đại học ngày nay cần phải sống, làm việc theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tư tưởng, phương pháp, phong cách của Người. Thanh niên, sinh viên trong các trường đại học cần học tập và làm theo Bác về mục đích, động cơ, lẽ sống, nghị lực vượt qua khó khăn, thử thách; gắn bó với nhân dân, làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân, vì dân chứ không vì mình, thực hiện “đĩ công vi thượng” theo tấm gương Hồ Chí Minh.

III. KẾT LUẬN

Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có giá trị rất to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ sự cần thiết khách quan và đề xuất các giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trong các trường đại học ở nước ta hiện nay nhằm để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tạo sức mạnh tổng hợp trong việc ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên các trường đại học ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88.
2. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”*.
3. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về *“Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”*.
4. Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 15/05/2016 về *Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
5. Quyết định số 134-QĐ/TWĐTN-BTG ngày 07/11/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn về việc ban hành Đề án *“Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi giai đoạn 2018 - 2022”*.
6. Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018, của Bộ Chính trị, về *Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
7. Nguyễn Trần Phương Hiền, *“Phát huy vai trò, trách nhiệm của Đoàn Thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”*, báo điện tử Trường Chính trị tỉnh Bến Tre.
8. Nguyễn Trọng Nghĩa, *“Phê phán, đấu tranh hiệu quả với luận điệu sai trái, thù địch”*, báo Tuổi trẻ, số 349, ngày 24/12/2019, tr.4.

DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - BẢN TRƯỜNG CA CÁCH MẠNG, ĐỊNH HƯỚNG, SOI ĐƯỜNG CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM^(*)

TS. Đoàn Sỹ Tuấn^{*}

ThS. Trần Đức Tuấn^{**}

ThS. Trương Mạnh Tiến^{***}

Tóm tắt

Di chúc là thiêng liêng, bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngót nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày Người đặt bút viết những dòng cuối cùng trong Di chúc, đến nay vẫn sáng nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời sự. Bài viết bước đầu tập trung làm sáng rõ những giá trị cơ bản, cốt lõi của Di chúc tạo nên bản trường ca cách mạng, sức sống trường tồn của Di chúc định hướng, soi đường cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh, định hướng, soi đường, cách mạng Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Trước lúc “*Bác đã lên đường theo tổ tiên/ Mác - Lênin, thế giới Người hiền* [9]; “*Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng/ Vào cuộc trường sinh, nhẹ cánh bay* [10], Chủ tịch Hồ Chí Minh danh nhân văn hóa thế giới, anh hùng giải phóng dân tộc; lãnh tụ của Đảng và dân tộc ta đã để lại bản *Di chúc* thiêng liêng, bất hủ đến nay vẫn sáng nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời sự. Bài viết bước đầu tập trung làm sáng rõ những giá trị cơ bản, cốt lõi của *Di chúc* tạo nên bản trường ca cách mạng, định hướng, soi đường cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam: Tầm nhìn chiến lược về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; công trình bất hủ về Đảng và xây dựng Đảng; triết thuyết cô đọng tất cả vì con người; bản thiết kế lý luận toàn diện, khoa học, sáng tạo về đổi mới và phát triển đất nước; chung đúc, kết tinh, hội tụ, thăng hoa và tỏa sáng tinh hoa tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

^{*} Trường Đại học Hoa Lư

^{**} Trường Chính trị tỉnh Thái Bình

^{***} Trường ĐHSP Hà Nội

II. NỘI DUNG

2.1. Di chúc thể hiện tầm nhìn chiến lược về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Với quan điểm độc đáo, sáng tạo của mình, Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh: Độc lập, tự do phải là độc lập, tự do “thực sự”, độc lập, tự do “hoàn toàn”, chứ không phải là cái bánh vẽ, giả hiệu. Độc lập, tự do “thực sự”, độc lập, tự do “hoàn toàn” theo Người là: Độc lập, tự do trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; độc lập, tự do trên cả vùng đất, vùng trời, vùng biển; độc lập, tự do trong thống nhất; thể hiện ở cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc của nhân dân... Theo Người, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước chưa thắng lợi hoàn toàn, đất nước chưa thống nhất, thì nước ta chưa có độc lập, tự do “thực sự”, độc lập, tự do “hoàn toàn”. Vì vậy, để có độc lập, tự do “thực sự”, độc lập, tự do “hoàn toàn”; trong *Di chúc* Người căn dặn phải đánh thắng giặc Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn, thực hiện thống nhất đất nước. Người khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, không dễ dàng; sẽ phải gặp nhiều khó khăn, gian khổ, phức tạp; đồng bào ta có thể hy sinh nhiều của, nhiều người, nhưng cuối cùng nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn. Trong *Di chúc*, Người viết: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*” [6; tr.612]. “*Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn*” [6; tr.618].

Nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người dùng 5 từ “nhất định” để truyền lửa, truyền niềm tin, ý chí, và quyết tâm sắt đá cho nhân dân, dân tộc ta, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước, để có độc lập, tự do “thực sự”, độc lập, tự do “hoàn toàn”. Đó là tư tưởng cách mạng triệt để của Người, nhờ đó nước ta được thống nhất, độc lập “thực sự”, “hoàn toàn” như ngày nay (Điều này khác xa với Triều Tiên, khi hiện nay phân chia thành Nam Triều Tiên và Bắc Triều Tiên). Những dự báo chiến lược, thiên tài của Người về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: “có thể kéo dài mấy năm nữa”; “kinh qua gian khổ hy sinh”, “nhiều của nhiều người”; “nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi”, sau này đều trở thành hiện thực.

2.2. Di chúc là một công trình bất hủ về Đảng và xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh

Thấm nhuần lý luận Mác - Lênin về vai trò của Đảng cộng sản; có bề dày thực tiễn gần 50 năm chuẩn bị, sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Người sớm hiểu biết sâu sắc về vị trí, vai trò của Đảng trong đấu tranh cách mạng. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), nhấn mạnh vai trò quan trọng hàng đầu của Đảng - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người viết: “*Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết, phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt...Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*” [2; tr.298]. Tiếp nối tư tưởng đó, trong “*Di chúc*”, điều tâm nguyện và hệ trọng bậc nhất Người nói đến trước tiên, trên hết, đó là về Đảng. Nói về Đảng trong “*Di chúc*”, Người nhấn mạnh:

Một là, vị trí, vai trò quan trọng, truyền thống quý báu, sức mạnh to lớn của Đảng: “*Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác*” [6; tr.621-622]. Theo Người, Đảng ta có truyền thống đoàn kết; trung thành với giai cấp, nhân dân, Tổ quốc; có khả năng “*tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta*”; là nguyên nhân, nguồn gốc, động lực then chốt quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Hai là, “*chỉnh đốn lại Đảng*”. *Di chúc* Bác sửa chữa năm 1968, Người viết: “*Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi... Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi*” [6; tr.616]. Sinh thời, Người căn dặn “*chỉnh đốn lại Đảng*” phải luôn luôn làm, tiến hành thường xuyên, liên tục nhưng có 3 thời điểm phải đặc biệt coi trọng, nhấn mạnh: Thứ nhất, khi cách mạng gặp khó khăn, thất bại phải chỉnh đốn để uốn nắn tư tưởng, chỉnh đốn tổ chức, sắp xếp lại lực lượng “*Thuốc đắng vạ liều càng thấy đắng/ Đường xa cuối chặng lại thêm gay*” [3; tr.412]. Thứ hai, khi cách mạng gặp thắng lợi, nhất là thắng lợi lớn, dễ sinh chủ quan, khinh địch “*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao/ Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao/ Núi cao gặp hổ mà vô sự/ Đường phẳng gặp người bị tống giam*” [3; tr.311]. Thứ ba, khi cách mạng chuyển sang làm

nhệm vụ mới, nhệm vụ nặng nề hơn, phức tạp hơn. Những năm Người viết *“Di chúc”*, cách mạng Việt Nam theo dự liệu của Người đã, đang, và sắp diễn ra cả 3 điều kiện trên, nên Người đặc biệt coi trọng, nhấn mạnh *“ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi,... việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”*. Người gợi mở các giải cơ bản để xây dựng chỉnh đốn lại Đảng như: giữ gìn sự đoàn kết nhất trí; phát huy dân chủ, thực hành dân chủ rộng rãi; thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau; làm cho cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng; dựa vào dân, tôn trọng, tận tụy, trung thành, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, vì dân...

Ba là, “đoàn kết trong Đảng”. Người cho rằng, Đảng là hạt nhân của hệ động lực, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quan trọng hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nên đoàn kết thống nhất trong Đảng là quan trọng vô cùng, quý giá vô ngần. Đoàn kết được trong Đảng thì làm được tất cả, không đoàn kết được trong Đảng thì không làm được điều gì cả. Trong *Di chúc* (công bố năm 1969), với 1.126 chữ, 8 lần Người nói đến đoàn kết, thì khi nói về Đảng trong một đoạn ngắn với 208 chữ, Người 5 lần nhấn mạnh đoàn kết thống nhất trong Đảng. Người căn dặn *“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”* [6; tr.622]. Cách nói so sánh, hình ảnh, giản dị, dễ hiểu nhưng vô cùng sâu sắc, thấm thía *“giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người của mắt mình”* điều đó cho thấy Người rất nhấn mạnh đến sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Bốn là, “xây dựng đạo đức”. Trong *Di chúc* công bố năm 1969, Người nói: *“Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, vững mạnh phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”* [6, tr.622]. Trong một đoạn văn ngắn, chỉ với 57 chữ, Người nhấn mạnh 4 lần điệp từ *“thật”* để nói về xây dựng đạo đức trong Đảng, điều đó cho thấy Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng đạo đức thật sự, chứ không phải đạo đức hình thức, giả tạo trong Đảng.

Tóm lại, những quan niệm trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* về Đảng và xây dựng Đảng xứng tầm một học thuyết, một công trình bất hủ; là sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng; là tài sản tinh thần quý báu, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam để Đảng ta đề ra chủ trương, đường lối và chỉ đạo thực tiễn về xây dựng, phát triển Đảng hiện nay.

2.3. Di chúc là một triết thuyết cô đọng tất cả vì con người và xã hội

Từ truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng, Người thấy rõ vai trò to lớn của nhân dân, nhân dân là hạt nhân của dân tộc, hạt nhân của đất nước, quyết định sự trường tồn, phát triển của dân tộc. Người nói: “Trong bầu trời này không có gì quý bằng nhân dân, trên thế giới này không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của toàn dân” [5; tr.453]; “Nước lấy dân làm gốc,... gốc có vững thì cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [4; tr.501-502]. Vì vậy, trong *Di chúc*, Người xác định rõ “Đầu tiên là công việc đối với con người”, vì con người. Trong *Di chúc*, tư tưởng về con người, vì con người được thể hiện:

Thứ nhất, con người mà Người đề cập trong *Di chúc* không chung chung, trừu tượng, mà rất cụ thể. Đó là nhân dân lao động, là các liệt sĩ, những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình, cha mẹ, vợ con của thương binh và liệt sĩ; chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong; nông dân, phụ nữ, thiếu niên, nhi đồng, đoàn viên và thanh niên, nạn nhân của chế độ xã hội cũ... Người có một tình cảm đặc biệt, niềm tin mãnh liệt vào nhân dân lao động. Người nói: “*nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù, rất trung thành với Đảng*” [6; tr.622]. Là một người có tinh thần quốc tế trong sáng, Người còn quan tâm đến nhân dân, các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng trên khắp thế giới... Trước lúc đi xa, trong “*Di chúc*”, Người không quên cảm ơn, gửi lời chào thân ái đến nhân dân, các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế khắp năm châu. Như vậy, con người trong “*Di chúc*” được xét trên cả bình diện con người dân tộc và con người quốc tế; con người chung (các giai cấp, tầng lớp) và con người cụ thể (các đối tượng, trường hợp cụ thể).

Thứ hai, tư tưởng về con người, vì con người được thể hiện khi Người đề cập đến mọi vấn đề trong *Di chúc*. Trong *Di chúc* khi đề cập đến những nhiệm vụ then chốt: cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước; về Đảng và xây dựng Đảng; về đổi mới và phát triển đất nước; về phong trào cộng sản thế giới; về việc riêng, những lời dặn cuối cùng, chuẩn bị cho thống nhất đất nước, “hàn gấn vết thương chiến tranh”, tái thiết đất nước, xây dựng lại thành phố, làng mạc, khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục, chỉnh đốn lại Đảng, củng cố quốc phòng,... đều thể hiện tư tưởng của Người về con người, vì con người. Có thể khẳng định rằng, thấm đẫm, bao trùm, trung tâm, chủ đạo, xuyên suốt trong toàn bộ *Di chúc* là tư tưởng khoa học, nhân văn, cách mạng về con người, vì con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ ba, tư tưởng về con người, vì con người còn được thể hiện trong việc Người xác định trọng trách của Đảng và Nhà nước, của cán bộ, đảng viên. Người căn dặn Đảng phải có kế hoạch tốt, sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm để phát triển kinh tế và văn hóa; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; phải chăm lo giáo dục “đạo đức cách mạng”; “bồi dưỡng các thế hệ cách mạng cho đời sau”. Đối với Người, con người là trung tâm của mọi sự suy tư và chủ đích của mọi hành động,

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, vì con người trong Di chúc, thể hiện tầm nhìn chiến lược và thấm đượm tinh thần nhân sinh cộng sản, triết lý hành động, thực hành đạo làm người, mang tính khoa học, cách mạng, nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi viết về Hồ Chí Minh trong mối quan tâm về con người, vì con người, Giáo sư Trần Văn Giàu đã đưa ra nhận xét: *“Tầm cỡ của một nhà hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng, ở chỗ xác định thế giới này là thực tại hay là ảo ảnh, khả thi hay bất khả thi, ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người,... lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động. Cụ Hồ thuộc loại hiền triết đó”* [7; tr.287].

2.4. Di chúc là một bản thiết kế lý luận toàn diện, khoa học, sáng tạo đặt nền móng cho tư tưởng đổi mới và phát triển đất nước

Trong *Di chúc*, tư tưởng về đổi mới và phát triển đất nước là một tư tưởng lớn, thể hiện tầm nhìn, tư duy lý luận khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh đang soi sáng cho con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Tư tưởng về cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống Mỹ cứu nước và những việc cần phải làm sau kháng chiến; về Đảng và xây dựng Đảng; về con người, vì con người; về xây dựng lại thành phố và làng mạc; khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế; phát triển công tác vệ sinh, y tế; sửa đổi chế độ giáo dục; củng cố quốc phòng; động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân; về phong trào cộng sản thế giới, trách nhiệm hàn gắn sự bất hòa trong các nước xã hội chủ nghĩa anh em; về việc riêng, những lời dặn cuối cùng; về chủ nghĩa xã hội,... thể hiện rõ nét, sinh động, sáng tạo tư tưởng của Người về đổi mới và phát triển đất nước.

Người quan niệm, đổi mới là một tất yếu để phát triển; đổi mới là một cuộc đấu tranh bền bỉ, một quá trình xây dựng gian khổ, *“là một công việc cực kỳ to lớn, nặng nề và phức tạp”*, là *“cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”*. Người yêu cầu, Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát

triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới và phát triển đất nước trong *Di chúc* có tầm chiến lược, là những chỉ dẫn quan trọng của Đảng trong hoạch định đường lối, phương hướng, xác định nhiệm vụ, kế hoạch, chính sách, chương trình hành động cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm đưa đất nước phát triển bền vững, nhất là trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. *Di chúc* là nguồn cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, vượt qua thử thách, giành những thắng lợi vẻ vang, đưa cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nhận xét về tư tưởng đổi mới và phát triển đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc*, GS.TS. Hoàng Chí Bảo đã viết: “*Di chúc... Đó thực sự là một đại tổng kết lý luận và thực tiễn về sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc đã đánh thắng hai đế quốc to, là một thiết kế lý luận về đổi mới và phát triển, trù tính cho tương lai đất nước, sau khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi đi vào thiết kế, xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa mà mục tiêu cao nhất là hướng tới quyền làm chủ và hạnh phúc của nhân dân*” [8; tr.46].

2.5. Di chúc là nơi chung đúc, kết tinh, hội tụ, thăng hoa và tỏa sáng tinh hoa tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

Di chúc là nơi chung đúc, kết tinh, hội tụ, thăng hoa và tỏa sáng tinh hoa tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người. Trong *Di chúc*, toát lên những điểm cốt lõi trong tư tưởng - (độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội); trong đạo đức - (cách mạng, cộng sản, thủy chung, trong sáng, khiêm tốn, suốt đời yêu thương, trân trọng, hy sinh vì tự do, hạnh phúc con người); trong phong cách - (ngôn ngữ ngắn gọn, giản dị, sâu sắc, dễ hiểu; tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, nhìn xa trông rộng; làm việc dân chủ, khoa học, chu đáo; sống giản dị, khiêm tốn, thanh cao, có đạo đức, gần dân, vì dân...) của Người.

Di chúc là sự kết đọng trái tim “lớn nặng niềm đau mặt đất”, trí tuệ “uên thâm, uên bác, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa, trông rộng), tâm hồn (cởi mở, hài hòa, nhân ái và tình nghĩa, thủy chung), đạo đức (cách mạng, cộng sản, hết lòng vì Đảng, vì dân, vì nước, vì sự nghiệp cách mạng...). Trong *Di chúc*, Người dành (79/2.561 chữ) đề cập việc riêng. Theo Người, để tránh lãng phí thì giờ, tiền bạc của nhân dân; giữ vệ sinh chung; tiết kiệm đất cho sản xuất nông nghiệp, Người yêu cầu: “*Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân*

dân” [6; tr.623]. Cả cuộc đời Người hy sinh cho Đảng, cho nhân dân và dân tộc; khi mất đi đến “thân xác” của mình, Người cũng muốn hiến dâng cho Đảng, cho nhân dân và dân tộc. Nếu sự toàn vẹn đã khó tìm thấy trên cuộc đời này, thì sự trọn vẹn lại càng tìm khó khăn hơn. Người đã cống hiến đến tận cùng, cống hiến trọn vẹn đời mình cho dân, cho nước. Người bày tỏ tiếc nuối: *“Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”* [6; tr.623]. Người nêu lên mong muốn cuối cùng: *“Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”* [6; tr.624]. Xúc động về những lời căn dặn về việc riêng, mong muốn cùng của Người, nhà thơ Vũ Quần Phương, viết: *“Lần đầu tiên Bác nói đến việc riêng/ Cả nước khóc nghe những lời dặn cuối/ Ôi trời rộng và núi cao vời vợi/ Sông biển nào sánh được Bác yêu ta/ Bữa cơm ăn vẫn quen nhút, quen cà/ Lúc nhắm mắt xin dân đừng tang chế/ Ôi tim Bác sao mà mệnh mông thế/ Gương trong ngần cho muôn thừa cùng soi”* [11].

Di chúc kết tinh tư tưởng cơ bản nhất của Người, thể hiện nhân sinh quan công sản của một lãnh tụ thiên tài, một nhà cách mạng lỗi lạc có tầm nhìn xa, trông rộng, một chiến sĩ cộng sản suốt đời yêu thương, trân trọng, hy sinh vì tự do, hạnh phúc con người. Di chúc phản ánh tư tưởng cơ bản nhất của Người, cũng là quy luật vận động cơ bản của cách mạng Việt Nam của vị lãnh tụ cách mạng thiên tài, suốt đời tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, hết lòng, hết sức vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đó là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Di chúc thể hiện tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng, thủy chung của Người. Trước sự bất hòa đang tồn tại trong phong trào cộng sản quốc tế, Người day dứt: *“là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!”* [6; tr.623]. Người mong muốn, Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em.

III. KẾT LUẬN

Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung nghiên ngẫm trong suốt bốn năm (5/1965 - 5/1969), nhưng đó là sự chất lọc, chắt lọc, hội tụ, thăng hoa và tỏa sáng toàn bộ tinh hoa tư tưởng, đạo đức, phong cách của cả cuộc đời của Người. Di chúc của Người thể hiện tầm nhìn chiến lược về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; là một công trình bất hủ về Đảng và xây dựng Đảng thật trong sạch, vững mạnh; là một triết thuyết cô đọng tất cả vì sự phát triển con người, xã hội; một bản thiết kế lý luận toàn

diện, khoa học, sáng tạo đặt nền móng cho tư tưởng đổi mới và phát triển đất nước. Ngót nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày Người đặt bút viết những dòng cuối cùng trong bản *Di chúc*, đất nước, dân tộc và quốc tế với biết bao sự biến đổi và phát triển, song những chỉ dẫn của Người trong *Di chúc* vẫn vẹn nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa sự, định hướng cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam hôm qua, hôm nay và cho cả mai sau. Đúng như một nhà thơ đã viết: “*Di chúc không viết lên đá, khắc lên vàng chói lọi. Mà trên bản tin hàng ngày, lật lại. Sau bản tin một hôm, Người ký thác chuyện muôn đời...*” [1].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế Lan Viên (1976), “Di chúc của Người”, trong tập “*Hoa trước lăng Người*”. Nguồn: <https://www.thivien.net/>
 2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, xuất bản lần thứ 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, xuất bản lần thứ 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, xuất bản lần thứ 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, xuất bản lần thứ 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, xuất bản lần thứ 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 7. Hồ Chí Minh (1995), *Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 8. Hoàng Chí Bảo, “Sự kết tinh tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong Di chúc của Người”, *Tạp chí Cộng sản*, số 901 (11/2017).
 9. Tố Hữu, “*Bác ơi!*” - “*Ra trận*” (1972). Nguồn: <https://www.thivien.net/Tố-Hữu/Bác-oi>.
 10. Tố Hữu, “*Theo chân Bác*” - “*Ra trận*” (1972). Nguồn: <https://www.thivien.net/Tố-Hữu/Theo-chân-Bác/>
 11. Vũ Quần Phương, “*Những vần thơ về Chủ tịch Hồ Chí Minh*”. Nguồn: <https://tennguoiden.net>
- (*) Bài viết mang tính chất giới thiệu, đã được đăng ở Tạp chí Dạy và học ngày nay; Mã số ISSN: 1859-2694, Kì 1, Số tháng 7/2019, tr.25-27.

TƯ TƯỞNG, TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC VÀ SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ KHOA HỌC KỸ THUẬT^(*)

TS. Đoàn Sỹ Tuấn^{*}

ThS. Trần Đức Tuấn^{**}

ThS. Trương Mạnh Tiến^{***}

Tóm tắt

Bài viết tập trung đi sâu đưa ra những nhận thức bước đầu về tư tưởng, tầm nhìn chiến lược và sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về khoa học kỹ thuật (KH-KT). Người đã sớm thấy được trình độ thấp kém của KH-KT ở Việt Nam và sự phát triển mạnh mẽ của KH-KT trên thế giới; thấy rõ vai trò của sự phát triển của KH-KT trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH ở nước ta; đưa ra các giải pháp cơ bản để thúc đẩy sự phát triển của KH-KT ở nước ta.

Từ khóa: Tư tưởng, tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh, khoa học kỹ thuật.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - không có những chuyên luận đồ sộ, mang tính hàn lâm về KH-KT, nhưng những lời nói giản dị, ngắn gọn, hàm súc về KH-KT của Người, hàm chứa những tư tưởng, tầm nhìn chiến lược và sáng tạo. Là một nhà tư tưởng, lý luận lớn; lẫn lộn trong phong trào cách mạng trên thế giới và trong nước; có bề dày trong thực tiễn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, nên Người có cơ sở để đưa ra những tư tưởng, tầm nhìn chiến lược và sáng tạo về KH-KT. Bài viết tập trung, cố gắng đưa ra những phương pháp, cách thức tiếp cận mới và nhận thức bước đầu về tư tưởng, tầm nhìn chiến lược, sáng tạo của Người về KH-KT.

II. NỘI DUNG

2.1. Hồ Chí Minh đã sớm thấy được trình độ thấp kém của khoa học kỹ thuật ở Việt Nam và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật trên thế giới

Ngay từ rất sớm, trong bài viết “*Vấn đề dân bản xứ*”, trên báo *L'Humanité*, ngày 02/8/1919, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ vai trò của phát triển KH-KT đối với sự phát triển

^{*} Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Hoa Lư

^{**} Khoa Xây dựng Đảng - Trường Chính trị tỉnh Thái Bình

^{***} Phân hiệu Hà Nam - Trường ĐHSPT Hà Nội

kinh tế xã hội, nâng cao lợi thế cạnh tranh của đất nước: “*Là phi lý nếu nghĩ rằng hai dân tộc láng giềng như dân tộc An Nam và dân tộc Nhật Bản lại có thể cứ tồn tại biệt lập đối với nhau. Nhưng người Nhật, nhờ ở chính phủ khôn khéo của họ, có các phương tiện rất đầy đủ, được trang bị tốt để tiến hành đấu tranh kinh tế; trong khi đó thì người An Nam - chúng tôi đã nói vì sao - lại hoàn toàn là con số không, xét về mặt tiến bộ hiện đại*” [2; tr.14]. Theo Người, với các phương tiện được trang bị rất tốt, mà thực chất là đã thực hiện công nghiệp hóa; du nhập và học hỏi từ phương Tây về KH-KT hiện đại, nên *Nhật Bản* có sự phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ so với An Nam. Năm 1925, trong thư “*Gửi thanh niên An Nam*”, Người đã lấy gương tốt của thanh niên Trung Quốc trong học tập vì sự nghiệp “*chấn hưng nền kinh tế nước nhà*” [3; tr.142-144] để khích lệ thanh niên nước ta vươn lên nắm lấy những thành tựu KH-KT hiện đại thế giới. Là một nhà chính trị có tầm trí tuệ nhạy bén, sáng suốt, ngay từ rất sớm Người nhận rõ một trong các nguyên nhân cốt lõi dẫn đến sự phát triển thấp kém của nước ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, là do sự kìm kẹp trong phát triển công nghiệp, KH-KT đối với nước ta của thực dân Pháp. Năm 1930, trong “*Chánh cương vắn tắt của Đảng*”, Người chỉ rõ: “*Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được*”, do đó nhiệm vụ của Đảng là phải “*mở mang công nghiệp và nông nghiệp*” [1; tr.2]. Năm 1940, trong “*Chương trình Việt Minh*”, Người nhấn mạnh “*mở mang các ngành kỹ nghệ, giúp đỡ thủ công nghiệp*” để “*làm cho nền quốc dân kinh tế chóng phát đạt*” [14].

Lăn lộn trong thực tiễn cách mạng, đi qua nhiều châu lục, nhiều nước với sự phát triển đa dạng trên thế giới, Người không chỉ sớm nhận rõ nguyên nhân làm cho Việt Nam có sự phát triển thấp kém so với Nhật Bản là do chính sách hạn chế phát triển công nghiệp, “*ngăn trở sức sinh sản*” KH-KT của thực dân Pháp; mà còn sớm thấy được sự phát triển mạnh mẽ của KH-KT trên thế giới. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội II của Đảng (2/1951), Người viết: “*Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại. Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (television) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển sức thiên nhiên*” [6; tr.18]. Trong bài nói chuyện với sinh viên năm 1958, Người nhấn mạnh: “*Thời đại chúng ta là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển mạnh, thời đại xã hội chủ nghĩa, thời đại anh hùng... Vậy mong các cháu cũng làm người thanh niên anh hùng trong thời đại anh hùng*” [9; tr.401]. Trong lễ nhận bằng tiến sĩ danh dự do Trường Đại học Patgiagian (Indonexia) trao tặng (3/1959), Người khẳng định: “*Thế giới ngày nay đang tiến hành những bước khổng lồ về mặt*

kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, cũng như làm chủ được vận mệnh của xã hội và của bản thân mình” [10; tr.104].

Như vậy, Người đã sớm nhận thức được nguyên nhân và tình trạng thấp kém của sự phát triển kinh tế xã hội, KH-KT ở trong nước; sự phát triển mạnh mẽ của KH-KT của thế giới. Từ đó, một mặt, Người nhấn mạnh phải cứu nước, giải phóng dân tộc. Trong “*Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*”, do Người soạn thảo đã viết: “*.. nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*” [1; tr.2]. Mặt khác, Người nhắc nhở “*Tình hình thế giới và trong nước luôn biến đổi,... kỹ thuật của thế giới ngày càng tiến bộ, nhưng sự hiểu biết của chúng ta có hạn. Muốn tiến bộ kịp sự biến đổi vô cùng tận thì chúng ta phải nghiên cứu học tập. Nghiên cứu, học tập lý luận và kỹ thuật*” [8; tr.145].

2.2. Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của khoa học kỹ thuật trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước

Theo Hồ Chí Minh, do chính sách ngu dân và chính sách “*cấm phát triển một nền công nghiệp tại thuộc địa Đông dương*” của thực dân Pháp nên đến cách mạng tháng Tám, ở nước ta còn “*thiếu hụt*”, chưa có một đội ngũ trí thức làm khoa học, nhất là khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ. Từ đó, Người đặc biệt quan tâm đến phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; đào tạo cán bộ KH-KT. Sau ngày 02/9/1945, chính quyền nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đối mặt với nhiều khó khăn, nạn đói, nạn dốt, nạn ngoại xâm bủa vây tứ phía. Một ngày sau khi giành được độc lập, trong buổi họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Người chủ trương mở chiến dịch chống nạn mù chữ, tiêu diệt giặc dốt, coi đó là nhiệm vụ cấp bách thứ hai trong 6 nhiệm vụ cấp bách của chính quyền. Cuối năm 1946, khi sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau, Người đã tranh thủ tập hợp được một số trí thức khoa học Việt Nam ở Pháp theo Người về nước để chuẩn bị hạt giống phát triển đội ngũ cán bộ KH-KT trong nước phục vụ cho cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và công cuộc kiến thiết đất nước. Chăm lo đến việc tìm kiếm, phát hiện, sử dụng các bậc hiền tài và phát triển nhân tài, ngày 20/11/1946, Người đã viết bài đăng báo tìm nhân tài “*Tìm người tài đức*” cho sự nghiệp kiến quốc. Người yêu cầu các địa phương điều tra và báo cáo ngay cho Chính phủ biết những ai hiền năng, tài đức có thể làm được những việc ích nước, lợi dân. Lớp thanh niên học sinh thời cách mạng tháng Tám ấy đã thấm nhuần lời dạy của Người, nhiều người đã trở thành những nhà KH-KT tài năng, vừng vàng, lành nghề, có những đóng góp xứng đáng cho cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cho công cuộc xây dựng nước nhà.

Bước vào thời kỳ xây dựng CNXH ở nước ta, Người ngày càng thấy rõ vai trò to lớn của sự phát triển của KH-KT. Theo Người, vai trò to lớn của sự phát triển của KH-KT thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

Một là, thâm nhuần quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Người quan niệm, KH-KT là động lực của lịch sử, thúc đẩy sự phát triển của sản xuất vật chất và xã hội. Người viết: “Từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cây bừa, búa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa” [9; tr.600]. Theo Người, sự phát triển không ngừng của sản xuất vật chất, của xã hội tất yếu sẽ đưa loài người quá độ lên CNXH. Người khẳng định: “Không lực lượng nào ngăn trở được mặt trời mọc. Không lực lượng nào ngăn trở được xã hội loài tiến lên. Không lực lượng nào ngăn trở được CNXH, chủ nghĩa cộng sản phát triển” [9; tr.158]. Người cho rằng, “chúng ta chỉ có thể xây dựng thành công CNXH trên cơ sở một nền KH-KT tiên tiến” và: “Muốn tiến lên CNXH thì phải có khoa học ...” [9; tr.401].

Hai là, KH-KT tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, đến văn hóa, xã hội. Theo Người, KH-KT là cơ sở để Đảng và Nhà nước định ra chủ trương, đường lối và chính sách, pháp luật, Người nói: “Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước” [11; tr.71]. KH-KT tác động đến kinh tế, văn hóa, xã hội; góp phần quyết định trong việc nâng cao năng suất lao động, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân: “Khoa học phải đi từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân...”. [12; tr.97].

Ba là, KH-KT làm cho nước ta có nền kinh tế “công nghiệp và nông nghiệp hiện đại”; “cải biến bộ mặt xã hội”, “lề lối sản xuất”, “phong tục tập quán lạc hậu” của xã hội; làm cho “văn hóa và khoa học tiên tiến”; “đời sống của nhân dân ta văn minh, khoa học, lành mạnh và vui tươi”. Người nói: “Nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng tôi là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH, đưa miền Bắc tiến dần lên CNXH có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến” [10; tr.412]. Người đòi hỏi những nhà khoa học: “các đồng chí phải là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hóa và KH-KT, phải góp tài góp sức để cải biến bộ mặt xã hội của nước ta, làm cho nhân dân ta sản xuất và công tác theo khoa học và đời sống của nhân dân ta văn minh, tức là khoa học, lành mạnh và vui tươi” [12; tr.97- 98].

Bốn là, sự phát triển KH-KT là then chốt của “*công nghiệp hóa*”; con đường duy nhất đưa “*nước ta vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu*”, “*xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật*” cho CNXH. Người nói: “*Đi đường, ai cũng muốn mau tới đích. Chúng ta làm cách mạng, cũng muốn mau tới thắng lợi cuối cùng. Con đường của chúng ta ngày nay ở miền Bắc là: qua thời kỳ quá độ tiến lên CNXH; từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên thành một nước công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có KH-KT tiên tiến. Chỉ có đi theo con đường ấy, miền Bắc nước ta mới vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu và xây dựng cơ sở vững chắc cho sự nghiệp thống nhất Tổ quốc*” [10; tr.501].

Năm là, KH-KT là nhân tố quan trọng “*bảo đảm CNXH thắng lợi*”; làm cho “*nước giàu, dân mạnh*”. Người viết: “*Chúng ta đều biết rằng trình độ KH-KT của ta hiện nay còn thấp kém. Lệ lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp kém... Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó... Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho CNXH thắng lợi*” [12; tr.96-97]. Có ra sức đem hiểu biết KH-KT của mình truyền bá rộng rãi trong nhân dân lao động “*nước mới giàu, dân mới mạnh và đời sống của nhân dân mới được cải thiện về mọi mặt*” [12; tr.97].

Tóm lại, theo KH-KT có vai trò quan trọng cả trong đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Theo Người, KH-KT là động lực phát triển của lịch sử xã hội; là nhân tố then chốt của sự nghiệp “*công nghiệp hóa*”; là con đường duy nhất đưa “*nước ta vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu*”, “*xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật*” “*bảo đảm CNXH thắng lợi*”; “*nước giàu, dân mạnh*”.

2.3. Hồ Chí Minh đưa ra các giải pháp cơ bản để thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật ở nước ta

Nhận thức được sâu sắc, đúng đắn thực trạng của đất nước; vai trò của KH-KT trong đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước, Người đã đưa ra các giải pháp cơ bản để thúc đẩy sự phát triển của KH-KT ở nước ta:

2.3.1. Phát triển giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực khoa học, trọng dụng nhân tài, trí thức để thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật

Nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của sự phát triển của KH-KT đối với sự phát triển đất nước, Người nhấn mạnh: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*” [5; tr.7]. Theo Người, không phát triển giáo dục, không thể nắm bắt, theo kịp sự phát triển nhanh chóng của KH-KT. Người nói: “*Muốn cải tiến kỹ thuật, phải biết kỹ thuật. Muốn cải*

tiến tổ chức lao động cũng phải biết phương pháp tổ chức và có kinh nghiệm tổ chức. Về mặt này và mặt kia, hiện nay chúng ta đều còn kém. Cho nên phải "học, học nữa, học mãi" như Lenin đã dạy" [10; tr.527]. "Máy móc ngày càng tinh xảo, nếu không có trình độ văn hóa và kỹ thuật thì không thể điều khiển được. Trước đây làm việc theo lối thủ công, nhưng bây giờ làm bằng máy móc tinh xảo cả, nên việc học tập văn hóa, nâng cao trình độ kỹ thuật là rất cần thiết" [10; tr.495].

Với tầm nhìn của một lãnh tụ lỗi lạc, một nhà văn hóa kiệt xuất, Người luôn luôn coi trọng trí thức, đánh giá cao sức mạnh của trí thức. Người nói: "*Cách mạng rất cần Trí thức và chỉ có cách mạng mới biết trọng Trí thức*" [7; tr.53] và "*Trí thức không có bao giờ thừa, chỉ có thiếu trí thức thôi*" [7; tr.56). Vì vậy, theo Người, một mặt, phải coi trọng việc "*đào tạo trí thức mới. Cải cách trí thức cũ... Công nông trí thức hóa. Trí thức công nông hóa*" [7; tr.56-57]. Mặt khác, Người rất chăm lo đến việc tìm kiếm, phát hiện, sử dụng các bậc hiền tài và phát triển nhân tài. Người viết: "*Kiến thiết phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào, chắc không thiếu người có tài, có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc hiền tài không thể xuất hiện. Khuyết điểm đó tôi xin nhận*" [5; tr.504]. Người chỉ thị cho các địa phương trong cả nước "*phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước, lợi dân thì phải báo cáo ngay cho chính phủ biết*" [5; tr.504]. Người kêu gọi các nhân tài hãy "*hăng hái giúp ích nước nhà*" và căn dặn các cấp chính quyền: "*Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo léo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển, càng thêm nhiều*" [5; tr.114]; "*cán bộ và đảng viên chẳng những thạo về chính trị, mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung*" [11; tr.69].

2.3.2. Thực hành dân chủ rộng rãi, tạo điều kiện mọi ngành, mọi người thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật

Hồ Chí Minh đã chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề dân chủ trong việc thực hiện cải tiến KH-KT. Người nói: "*Muốn làm tốt các việc này phải thực hiện dân chủ*" [10; tr.460]. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát huy năng lực trí tuệ của đội ngũ cán bộ KH-KT. Dân chủ ở đây trước hết là đảm bảo cho tất cả mọi người đều được tham gia hoạt động KH-KT, học tập, nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Theo Người thì vấn đề là phải phát huy sức mạnh của tất cả mọi người, mười người không làm được thì một trăm người góp ý kiến lại nhất định sẽ làm được. Dân chủ trong hoạt động KH-KT còn là bảo đảm tính khách quan, công bằng, công khai trong mọi sinh hoạt khoa học, trong đánh giá các sản phẩm KH-KT, trong kiểm tra, giám sát

việc thực hiện các quy chế hoạt động KH-KT. Người nhấn mạnh “phải đem khoa học, kỹ thuật truyền bá sâu rộng trong nhân dân”.

Khẳng định vai trò, nhiệm vụ và ý nghĩa to lớn của công tác nghiên cứu KH-KT, đồng thời, Người nhắc nhở tạo điều kiện mọi ngành, mọi người thúc đẩy sự phát triển của KH-KT. Người nhấn mạnh: *“Nhiệm vụ của KH-KT là cực kỳ quan trọng, cho nên mọi ngành, mọi người đều phải tham gia công tác KH-KT để nâng cao năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải vật chất, để xây dựng CNXH thắng lợi”*; cán bộ KH-KT phải đi sâu đi sát cơ sở *“phải đem khoa học, kỹ thuật truyền bá sâu rộng trong nhân dân”*; quần chúng nhân dân *“phải bền bỉ, cố gắng học tập KH-KT”*; phát huy *“vai trò của các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công đoàn...”* trong tuyên truyền, phổ biến KH-KT [12; tr.97-99]. Người nhắc nhở các công trình, đề tài nghiên cứu phải có hiệu quả thiết thực: *“Những điều đem phổ biến phải thiết thực, phải chính xác, phải làm sao cho quần chúng có thể hiểu được và làm được”* [12; tr.97].

2.3.3. Hồ Chí Minh phải mở rộng ngoại giao, tăng cường hợp tác quốc tế để thúc đẩy sự phát triển của khoa học kỹ thuật

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mở cửa kinh tế, mở rộng ngoại giao, tăng cường hợp tác quốc tế để thúc đẩy sự phát triển của KH-KT vừa là nhu cầu, vừa là điều kiện quan trọng để phát triển đất nước. Người sớm chủ trương *“hoan nghênh những người Pháp đem tư bản vào xứ ta khai thác những nguồn nguyên liệu chưa có ai khai thác”, “mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia”* [5; tr.86]. Người khuyến khích các đối tác nước ngoài hợp tác trên những lĩnh vực mà chúng ta còn yếu (Ví dụ: lĩnh vực KH-KT), chưa có điều kiện khai thác (mở rộng ngoại giao, hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật), góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam. Nhân danh Hội Văn hóa Việt Nam, năm 1945, Người đã gửi thư cho Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, đề nghị *“gửi một phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định, một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác”* [5; tr.91]. Trong lời kêu gọi gửi tới Liên hợp quốc năm 1946, Người nêu rõ: *“Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”* [5; tr.523].

Xuất phát từ nhận thức về tình hình, đặc điểm của nước ta sau khi miền Bắc được giải phóng, đất nước hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng khác nhau, để phát triển KH-KT, Hồ Chí Minh và Đảng ta chỉ ra rằng, phải: “Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phổ biến KH-KT một cách có trọng điểm, có từng bước vững chắc, nhằm *phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh, phục vụ quốc phòng*. Ra sức đào tạo cán bộ khoa học và xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học cần thiết, kết hợp với việc phổ biến rộng rãi những hiểu biết KH-KT trong đông đảo quần chúng, thúc đẩy phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh. Mở rộng sự hợp tác với các nước anh em trong việc nghiên cứu KH-KT” [12; tr.96].

III. KẾT LUẬN

Bài viết tập trung đưa ra những nhận thức bước đầu về tư tưởng, tầm nhìn chiến lược và sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về KH-KT: Sớm thấy được trình độ thấp kém của KH-KT ở Việt Nam và sự phát triển mạnh mẽ của KH-KT trên thế giới; thấy rõ vai trò to lớn của sự phát triển của KH-KT trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước; đưa ra các giải pháp cơ bản, nền tảng, sáng suốt để thúc đẩy sự phát triển của KH-KT ở nước ta. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển khoa học, kỹ thuật đến nay vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn. Hy vọng rằng, những nhận thức bước đầu đó sẽ góp phần làm sáng rõ tư tưởng, tầm nhìn chiến lược và sáng tạo; giá trị lý luận và thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về KH-KT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 12. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 13. Dẫn theo: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội X, báo Nhân dân, số 18563, ngày 7/4/2006.
 14. Tư liệu của Bảo tàng cách mạng Việt Nam.
 15. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.77-78.
 16. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.131.
 17. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.
 18. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.50, tr.103.
 19. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.33, tr.36.
 20. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.8.
- (*) Bài viết mang tính chất giới thiệu, đã được đăng ở Tạp chí Dạy và học ngày nay; Mã số ISSN: 1859-2694, Kì 1, Số tháng 7/2019.

NHỮNG CÔNG HIẾN NỔI BẬT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CHỦ NGHĨA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thanh Hòa

ThS. Dương Trọng Hạnh

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Có nhiều công trình, bài viết của các tác giả có uy tín cả trong nước và quốc tế đã đề cập khá sâu sắc đến quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Trong bài viết, tác giả nghiên cứu, tìm hiểu để hướng tới góp phần làm sâu sắc thêm những cống hiến nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam, cống hiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của Đảng và dân tộc, soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc Việt Nam; phản ánh khát vọng của thời đại, tìm ra giải pháp đấu tranh giải phóng loài người, cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì mục tiêu cao cả. Tư tưởng về chủ nghĩa dân tộc (CNDT) là một nét độc đáo, đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình nghiên cứu tư tưởng của Người đã có nhiều công trình khoa học thực sự có giá trị bàn luận tư tưởng Hồ Chí Minh về CNDT. Bài viết nghiên cứu, tìm hiểu góp phần làm sâu sắc thêm những cống hiến nổi bật cả trên phương diện lý luận và thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CNDT Việt Nam.

II. NỘI DUNG

2.1. Những cống hiến lý luận nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

2.1.1. Hồ Chí Minh từng bước làm rõ nội hàm khái niệm chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

Nắm bắt nhu cầu thực tiễn của thời đại và dân tộc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không bàn nhiều đến vấn đề dân tộc nói chung mà Người quan tâm chủ yếu đến vấn đề dân tộc nổi cộm nhất, đó là vấn đề dân tộc thuộc địa. Trên nền tảng hiểu biết sâu sắc về văn hóa, lịch sử, truyền thống của dân tộc, thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa

Mác-Lênin về vấn đề dân tộc và giai cấp, khi nghiên cứu về vấn đề dân tộc thuộc địa Người có những phát hiện sớm, nhất quán, xuyên suốt về CNĐT Việt Nam, cụ thể:

- Năm 1921, từ khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin chưa đầy một năm, trong bài “*Đông Dương*”, đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 14, tháng 4/1921, Người viết: “Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ... Người Đông Dương tiến bộ một cách rất màu nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến” [1; tr. 40].

- Trong bài “*Phong trào cộng sản quốc tế Đông Dương*”, đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 15, tháng 5/1921, Người viết: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn” [1; tr.40].

- Năm 1924, trong “*Báo cáo Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ*” gửi quốc tế cộng sản, Nguyễn ái Quốc viết: “CNĐT là một động lực lớn của đất nước. CNĐT đó là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nó đối lập với CNĐT vị kỉ” [1; tr.511]. “Phát động CNĐT bản xứ nhân danh quốc tế cộng sản. Khẩu hiệu này do Mátxcova tung ra, đánh vào các nhà tư sản như một nghịch lý táo bạo, nhưng thật ra điều đó có nghĩa gì? Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [1; tr.513].

- Tháng 3/1944, báo cáo trước Đại hội Quốc tế chống xâm lược tại Liễu Châu, Hồ Chủ tịch đã nói: Lịch sử chống xâm lược của Việt Nam “vừa oanh liệt lại vừa bi tráng”. Nó dạy chúng tôi biết rằng, “lãnh thổ Việt Nam tuy bị chìm đắm dưới gót sắt đẫm máu

của dị tộc, nhưng tinh thần dân tộc của nhân dân Việt Nam vĩnh viễn không thể vì thế mà bị tiêu diệt” [2; tr.480].

- Trong *Thư gửi đồng bào Nam Bộ* (Báo Cứu quốc, số 255, ngày 6/01/1946), Người đã viết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng thể này hay thể khác đều đồng đội của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang” [2; tr.280].

- Trong cuốn *Nước Pháp tiến triển như thế đấy*, Ông XconBrân - Giám đốc Đài phát thanh Mỹ cho biết, năm 1946:

“Khi ông hỏi Hồ Chí Minh: “Làm thế nào Việt Nam có thể duy trì được cuộc chiến tranh chống lại người Pháp, khi mà không đủ vũ khí, nhất là vũ khí tối tân? Cuộc chiến tranh như vậy phải chăng là vô vọng?”.

Người nói: “Không nó không phải là không có hy vọng. Nó sẽ gian khổ, ác liệt, nhưng nhân dân Việt Nam sẽ thắng, bởi vì Việt Nam có một loại vũ khí cũng mạnh như loại pháo hiện đại nhất, đó là tinh thần dân tộc.

Hàng triệu “túp lều tranh” ở Việt Nam là hàng triệu con ngựa thành Troia đang phục phía sau Pháp, sẵn sàng tiêu diệt pháp trong bất cứ lúc nào” [6; tr.38].

- Ngày 4/4/1952, trên tờ tạp chí *Hungary*, với chủ đề “*Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân*”, Hồ Chủ tịch viết: “Bọn đế quốc xâm lược không bao giờ khuất phục nổi nhân dân Việt Nam anh hùng. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Việt Nam cho phép chúng ta tin tưởng vững chắc vào thắng lợi hoàn toàn và chúng ta sẽ toàn thắng trong tương lai, vì con đường chúng ta đi được rọi sáng bởi những lời dạy vĩ đại của chủ nghĩa Mác-Lênin” [5; tr.89].

- “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [3; tr.38].

Như vậy, theo Người, cốt lõi của CNDT Việt Nam đó là sức mạnh truyền thống yêu nước “quý báu” của dân tộc ta, “Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc Việt Nam”, tạo nên sức mạnh to lớn, vĩ đại giúp Việt Nam “Lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn,

nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” để trường tồn và phát triển. Điều này đã được Người nhiều lần đề cập, nhấn mạnh trong nhiều hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau.

2.1.2. Hồ Chí Minh chỉ rõ những dấu hiệu đặc trưng của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam hiện đại

- Theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa dân tộc Việt Nam là một động lực lớn, động lực vĩ đại để phát triển đất nước.

Trong báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, Người viết: “CNDT là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngằm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng CNDT đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917” [1; tr.511]; “Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ” [1; tr.513].

- Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam luôn vận động, hiện đại hóa, có xu hướng hợp pháp hóa các hình thức biểu hiện, thấm sâu vào quần chúng.

Trong Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ, Người viết: “1. Chủ nghĩa dân tộc đã hiện đại hóa khi chuyển từ giới thượng lưu này sang giới thượng lưu khác. Chính thanh niên An Nam ngày nay đang chỉ đạo nó; 2. Chủ nghĩa dân tộc ăn sâu vào quần chúng nhờ sự phát triển của các phần tử thành thị và nhất là nhờ sự tuyền mộ và trở về của “lính tình nguyện”; 3. Trong chủ nghĩa dân tộc có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ sinh cơ lập nghiệp ở trên đất nước này; 4. Nó có xu hướng hợp pháp hóa các hình thức biểu hiện và yêu sách của nó. Một mặt, chính quyền nhượng bộ. Mặt khác, lớp thanh niên từ bỏ phương pháp tiến hành những cuộc nổi dậy bột phát của lớp người đi trước và ngày nay, người ta thiên về chiến thuật của những nhà cách mạng châu Âu: tuyên truyền, tổ chức và khởi nghĩa quần chúng. Trong khi lớp người già muốn độc lập ngay thì lớp trẻ yêu sách những thiết chế chuẩn bị cho độc lập (Tờ *La Tribune indigène*: cơ quan của phái lập hiến)” [1; tr.511].

- Theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa dân tộc chân chính, kết nối, gắn kết chặt chẽ với tinh thần quốc tế cộng sản.

CNDT đã tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành phương hướng chiến lược, quy luật vận động của cách mạng Việt Nam. Đối với

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, CNĐT chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản thống nhất với nhau, trong những điều kiện nhất định, CNĐT có thể phát triển thành chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trong bài “*Đông Dương*”, đăng trên tạp chí *La Revue Communiste*, số 14, tháng 4/1921, Người viết: “Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất ròi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi” [1; tr.40]. “Chế độ cộng sản có thể áp dụng ở Châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng hay không?... Bây giờ chúng ta hãy xét những lí do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu” [1; tr.45-47]; “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” [1, tr.509-510].

Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Nguyễn Ái Quốc cho rằng, “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh quốc tế cộng sản... Một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời... Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xô viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Trong khi chờ đợi, chủ nghĩa dân tộc sẽ quấy rối chủ nghĩa đế quốc Pháp và bằng việc làm này, quốc tế cộng sản sẽ được lợi trực tiếp...” [1, tr.513]. Kết thúc *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó, nhất là trong một quốc gia đế quốc chủ nghĩa (nước Đức chẳng hạn) thì đó càng là thắng lợi cả cho người An Nam” [1, tr. 520]. Theo Hồ Chí Minh: *Tinh thần yêu nước chân chính* khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của *tinh thần quốc tế*. Người giải thích: “Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Liên Xô đã đánh tan bọn phát xít Đức - Nhật và giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và do đó mà giúp đỡ giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chính vì do tinh thần yêu nước mà quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc đã đánh tan bọn bán nước là Tưởng Giới Thạch và đuổi được bọn đế quốc Mỹ. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Triều Tiên cùng quân tình nguyện Trung Quốc đang đánh cho bọn đế quốc Mỹ và phe lũ chạy dài. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn Việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới” [3, tr.39]. Bởi vậy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc

theo Hồ Chí Minh, hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II, (càng không phải là chủ nghĩa dân tộc cải lương), mà là CNĐT chân chính, theo lập trường chủ nghĩa Mác-Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người” [7; tr.91]. Về CNĐT trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Charles Fourniau - nhà sử học người Pháp đã viết như sau: “Việc áp dụng một cách độc đáo chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, chắc chắn đó là một trong những nguyên nhân thắng lợi của Việt Nam, thể hiện một cách chính xác sự thống nhất đã đạt được của truyền thống dân tộc và của cuộc cách mạng sâu xa mà việc áp dụng chủ nghĩa Mác đòi hỏi, cũng là sự thống nhất một cuộc cách mạng dân tộc với phong trào cộng sản quốc tế, đó là những dấu ấn riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên phong trào cách mạng Việt Nam” [8; tr.118].

Như vậy, CNĐT mà Hồ Chí Minh dùng ở đây, nói như C. Mác, không phải như giai cấp tư sản đã hiểu, mà là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính của người dân bản xứ kết nối, gắn kết chặt chẽ với tinh thần quốc tế cộng sản. Từ đó, tạo ra sự gắn kết giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - phương hướng chiến lược, quy luật vận động của cách mạng Việt Nam.

2.2. Những công hiến thực tiễn nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa dân tộc Việt Nam

Hồ Chí Minh là người phát hiện, tổng kết sức mạnh của tinh thần yêu nước, và từ đó đã khơi dậy tinh thần yêu nước của dân tộc ta lên một tầm cao mới trong thời đại ngày nay. Hồ Chí Minh luôn khẳng định tinh thần yêu nước chính là điểm chung, là “chìa khóa vàng” để mở ra khối đại đoàn kết toàn dân. Dựa trên tinh thần yêu nước, Hồ Chí Minh xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Ngay khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời, một trong những nhiệm vụ cấp bách được Người xác định là: “Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập” [4; tr.7]. Suốt sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi việc tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng; yêu nước không chỉ ở nhận thức, mà còn phải thể hiện ở hành động. Bác yêu cầu: “phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến” [3; tr.39]. Trước khi đi xa, trong *Di chúc*, Người mong mỏi: “... đòi hỏi giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”. Hồ Chí Minh từ tinh thần yêu nước đã xây dựng khối đại đoàn

kết toàn dân trên cơ sở đồng thuận và kết quả tất yếu là: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” và “Thành công, thành công, đại thành công”.

Tinh thần yêu nước nồng nàn trở thành sức mạnh to lớn đập tan dã tâm xâm lược của mọi kẻ thù hung bạo, mạnh hơn về khí tài quân sự, quân số, tiềm lực kinh tế. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử vĩ đại đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã đập tan xiềng xích nô lệ hơn 80 năm của thực dân Pháp và hàng trăm năm chế độ phong kiến nhà Nguyễn, đưa lại độc lập, thống nhất cho đất nước ta; đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ thành người làm chủ xã hội; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á; đưa Đảng ta từ hoạt động bất hợp pháp thành đảng cầm quyền trong toàn quốc; khẳng định trong thực tiễn tư tưởng cách mạng dân tộc và khởi nghĩa dân tộc, khởi nghĩa toàn dân của Hồ Chí Minh và đường lối cứu nước giải phóng dân tộc của Đảng vạch ra là đúng đắn; nâng cao niềm tự hào dân tộc và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho Đảng và nhân dân ta; mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với nước ta và với thế giới. Trong cuộc kháng chiến này Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy cao độ sức mạnh của truyền thống yêu nước, sức mạnh CNDT Việt Nam. Déviliers - người tham gia cuộc chinh phục của Pháp tại Việt Nam, đồng thời là một nhà sử học, 1963 viết: “Điều mà lực lượng viễn chinh Pháp gặp ở nước này thật bất ngờ, một dân tộc duy nhất có tinh thần dân tộc phản kháng mạnh mẽ” [9; tr.223]. Paul Mus - một tác giả hiện đại Pháp phát hiện rằng: “Lực lượng chiếm đóng Pháp trong cuộc đối đầu Pháp-Việt vừa qua chỉ có thể giành được đất chứ không giành được người, do đó họ “Có thể chiếm lại được các vùng đất, nhưng không thể thiết lập được các công cụ thực hiện quyền lực đối với vùng đất ấy” [9; tr.223]. Nhờ đó, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã thắng lợi. Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó... Đối với quốc tế,

thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử có ý nghĩa dân tộc và thời đại to lớn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục phát huy cao độ sức mạnh của truyền thống yêu nước, sức mạnh CNDT Việt Nam. - William Ducker, một chuyên gia lớn về lịch sử Việt Nam ở Trường Đại học Tổng hợp Pennsylvania (Mỹ), 1994 đã viết: “Hàng ngàn năm đấu tranh để sinh tồn chống lại sự đô hộ chính trị của văn hóa Trung Quốc đã tạo nên ở Việt Nam một tinh thần dân tộc điển hình,... hơn so với bất cứ nơi nào khác ở Đông Nam Á” [9; tr.224]. Roper Hilsman, cựu trợ lý cho Kennedy, năm 1983 viết: “Tôi nghĩ hầu hết những nhà nghiên cứu Việt Nam sâu sắc đều đồng ý cho rằng động lực có tính chất nguyên tắc ở đây không phải là chủ nghĩa cộng sản toàn thế giới mà là phong trào dân tộc chủ nghĩa chống thực dân, mà những người lãnh đạo, do một sự oái oăm của lịch sử, lại là đảng viên cộng sản” [9; tr.386]. Macramara, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong cuốn: *Nhìn lại quá khứ, tám thập kỷ, bài học kinh nghiệm ở Việt Nam* năm 1995 đã khẳng định: “Nước Mỹ đánh giá thấp sức mạnh của CNDT, thúc đẩy Việt Nam đấu tranh và hi sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó và sự thiếu hiểu biết cơ bản,... về lịch sử văn hóa và chính trị” là những sai lầm nghiêm trọng khi nhìn nhận, đánh giá về đối phương và cố nhiên đây là một trong những nguyên nhân đưa đến thảm bại của nước Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam” [10, tr.136]. Nhờ đó, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thắng lợi. Đối với dân tộc ta, thắng lợi này kết thúc hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ, 30 năm chiến tranh cách mạng, hơn một thế kỷ chống xâm lược nước ngoài, đưa lại độc lập, thống nhất trọn vẹn cho đất nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc; hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm sức mạnh to lớn về vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao vị thế quốc tế cho Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; để lại nhiều bài học có giá trị cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;... Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân

chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới. Hồ Chí Minh khẳng định: “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ. Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập. Nhờ lực lượng ấy mà sức kháng chiến của ta càng ngày càng mạnh. Nhờ lực lượng ấy mà quân và dân ta quyết chịu đựng muôn nỗi khó khăn thiếu thốn, đói khổ, tang tóc, quyết một lòng đánh tan quân giặc cướp nước... Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta sẽ đuổi sạch thực dân Pháp ra khỏi đất nước ta, và lấy lại thống nhất và độc lập thật sự” [3; tr.164].

Như vậy, không chỉ có những công hiến lý luận sâu sắc, mà Hồ Chí Minh còn có công hiến xuất sắc trên thực tiễn về việc góp phần phát triển CNĐT Việt Nam, nâng CNĐT Việt Nam lên tầm cao mới, góp phần tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

III. KẾT LUẬN

Bài viết đã tập trung làm sáng rõ những công hiến, đóng góp nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CNĐT Việt Nam trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Qua đó làm sáng rõ những nội dung cốt lõi, những giá trị lý luận và thực tiễn nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh về CNĐT Việt Nam. Hy vọng rằng, kết quả bài viết sẽ góp phần tích cực vào tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu một trong các nội dung cơ bản, độc đáo, đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng của Người về CNĐT Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đoàn Sỹ Tuấn, Đinh Văn Viễn, Trương Thị Thắm, Lưu Thị Mai Thanh (Đồng chủ biên) (2017), *Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Viện Lịch sử Đảng, “86 ngày Hồ Chí Minh ở Pari”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 5/1996.

7. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. John Lê Văn Hóa (1996), *Tìm hiểu nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb Hà Nội.
10. Robert Mc Namara, *Nhìn lại quá khứ: Tấn thảm kịch và bài học Việt Nam* (Người dịch: Hồ Chính Hạnh - Huy Bình - Thu Thủy - Minh Nga), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
11. Nguồn: <http://www.vietnam.net>.
12. Trần Văn Giàu (2007), *Tuyển tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. - Tôi nhấn mạnh. ĐST.
13. Trần Định, “Tù lo sợ không có trong tư duy quân sự của chúng tôi”, Báo *An ninh Thế giới cuối tháng*, số 33, tháng 4/2004.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

ThS. Đỗ Thị Yên*

ThS. Nguyễn Thị Hà**

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết khái quát những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, tìm hiểu sự vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam thời kỳ đổi mới đất nước.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị là một trong các vấn đề cơ bản, quan trọng, xuyên suốt của chủ nghĩa Mác - Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị là cơ sở lý luận, đặt nền móng tư tưởng, lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới đất nước ở nước ta hiện nay. Bài viết khái quát những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị và sự vận dụng quan điểm đó của chủ nghĩa trong thực tiễn cách mạng Việt Nam của Đảng ta.

II. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị

Theo C. Mác, kinh tế có vai trò hết sức to lớn đối với chính trị. Vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị được thể hiện ở chỗ: Kinh tế tạo ra những cơ sở cho sự

*, ** Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Hoa Lư

xuất hiện giai cấp và đối kháng giai cấp; kinh tế tạo ra điều kiện để hình thành các chính đảng của các giai cấp thông qua các cuộc đấu tranh giai cấp, đồng thời kinh tế cũng là cơ sở cho sự ra đời của nhà nước... Do đó, khi nói về vai trò quyết định của kinh tế đối với những quan hệ chính trị, Ph. Ăngghen viết: "Từ đó, nhận thấy rất rõ ràng rằng những sự kiện kinh tế mà từ trước đến nay, những tác phẩm sử học cho là không đúng một vai trò nào, hoặc có chăng nữa thì chỉ đúng một vai trò thảm hại, thì ít nhất trong thế giới hiện đại, cũng đó là một lực lượng lịch sử quyết định" [3; tr.321].

Trước hết, C. Mác và Ăngghen cho rằng, kinh tế là cơ sở xuất hiện giai cấp và đối kháng giai cấp. Ph. Ăngghen viết: "Quan niệm duy vật về lịch sử xuất phát từ luận điểm cho rằng, sản xuất và tiếp theo sau sản xuất là trao đổi sản phẩm của sản xuất, là cơ sở của mọi chế độ, xã hội, rằng trong mỗi xã hội xuất hiện trong lịch sử, sự phân phối sản phẩm và cùng với sự phân phối ấy là sự phân chia xã hội thành giai cấp hoặc đẳng cấp đều được quyết định bởi tình hình: người ta sản xuất ra cái gì và sản xuất ra bằng cách nào và những sản phẩm của sản xuất đó được trao đổi như thế nào" [2; tr.371]. Như vậy, theo Ph. Ăngghen, kinh tế - sản xuất và trao đổi là cơ sở của sự xuất hiện giai cấp trong xã hội. Vì vậy, cần tìm nguyên nhân của sự xuất hiện giai cấp, của những biến đổi xã hội, đặc biệt là những biến đổi về chính trị, ở ngay trong kinh tế chứ không phải ở những lực lượng thần bí, hay ở ý thức chủ quan của con người như các nhà xã hội học trước C. Mác đó làm. Ph. Ăngghen viết: "Phải tìm những nguyên nhân cuối cùng của tất cả những biến đổi xã hội và những đảo lộn chính trị không phải trong đầu óc người ta, không phải ở nhận thức ngày càng tăng thêm của người ta,... mà là trong những biến đổi của phương thức sản xuất và phương thức trao đổi; cần phải tìm những nguyên nhân đó không phải trong triết học, mà là trong kinh tế của thời đại tương ứng" [2; tr.371].

Trong đấu tranh giai cấp, tất yếu các giai cấp phải lập ra chính đảng của mình để lãnh đạo phong trào. Như vậy, kinh tế cũng là cơ sở gián tiếp của sự hình thành các chính đảng của các giai cấp và cuộc đấu tranh chính trị giữa các chính đảng đó với nhau. Thêm vào đó, sự ra đời của nhà nước, sự xuất hiện các quan điểm chính trị của một giai cấp nhất định có tác dụng chi phối hoạt động của giai cấp, của nhà nước trong xã hội,... đều bắt nguồn từ nguyên nhân kinh tế.

Nhà nước ra đời cùng sự ra đời của chế độ tư hữu và sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng. Giai cấp thống trị không thể duy trì địa vị thống trị nếu không dựa vào bộ máy bạo lực và các công cụ của nó như quân đội, pháp luật... Tất cả những cái đó đều bắt nguồn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ những nguyên nhân kinh tế.

Do đó, Ph. Ăngghen đã khẳng định: "Tất cả mọi quyền lực xã hội và tất cả mọi bạo lực chính trị đều bắt nguồn từ những tiền đề kinh tế, từ phương thức sản xuất, trao đổi của mỗi một xã hội nhất định trong lịch sử" [2; tr. 303]. Vì vậy, sự ra đời, tồn tại và tiêu vong của Nhà nước khụng phải do ý muốn chủ quan của một cá nhân của một giai cấp nào, mà trái lại, là một tất yếu khách quan, do yêu cầu phát triển tất yếu của các quan hệ kinh tế.

Không những giai cấp, đảng phái, nhà nước và đấu tranh giai cấp đều có nguồn gốc từ kinh tế mà hệ tư tưởng chính trị chi phối mọi hoạt động chính trị như đấu tranh giai cấp, hoạt động của Nhà nước, của các chính đảng... cũng đều là biểu hiện của kinh tế. Mặc dù chưa trực tiếp chỉ ra rằng, hệ tư tưởng chính trị là biểu hiện của kinh tế nhưng khi nói về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của một xã hội nhất định, C. Mác, Ph. Ăngghen đều coi chính trị (gồm có hệ tư tưởng chính trị và các thiết chế tương ứng cũng như mối quan hệ nội tại giữa chúng) là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng được sinh ra từ quan hệ kinh tế nhất định và phản ánh những quan hệ kinh tế đó.

Vì lẽ đó, những mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị bao giờ cũng là sự phản ánh của những mâu thuẫn về kinh tế, và ngược lại, những mâu thuẫn trong kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến đấu tranh giai cấp. Đúng như C. Mác đã khẳng định, mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cuối cùng sẽ dẫn đến cuộc cách mạng xã hội. Do đó, khi nghiên cứu những cuộc đảo lộn trong xã hội thì bao giờ cũng phải phân biệt cuộc đảo lộn vật chất trong những điều kiện kinh tế của sản xuất với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo... Tóm lại, với những hình thái tư tưởng, trong đó con người ý thức được cuộc xung đột ấy và đấu tranh để giải quyết nó [1; tr.15].

Vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị không chỉ biểu hiện ở chỗ, kinh tế sinh ra chính trị, mà còn biểu hiện ở chỗ, những biến đổi căn bản trong kinh tế sớm muộn sẽ dẫn đến những biến đổi căn bản trong chính trị.

Theo Ph. Ăngghen, kinh tế là cái có trước, còn chính trị là cái có sau và là sự biểu hiện của kinh tế; kinh tế là tính thứ nhất, còn chính trị là tính thứ hai, cho nên sự biến đổi của chính trị bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi trong kinh tế. Nhưng không phải cứ có sự biến đổi nào về kinh tế thì ngay lập tức dẫn đến sự biến đổi về chính trị... Song, sự biến đổi của kinh tế sớm hay muộn cũng sẽ dẫn đến sự biến đổi về chính trị.

Chính trị được sinh ra từ những nguyên nhân kinh tế và mọi sự biến đổi của nó đều do kinh tế quyết định một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhưng chính trị không phải là yếu tố thụ động mà có tác động trở lại kinh tế. Khẳng định điều đó Ph. Ăngghen viết:

"Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật,... đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả chúng cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế" [5; tr.271].

Trong tất cả các nhân tố của chính trị, nhà nước đóng một vai trò hết sức quan trọng và có tác dụng to lớn đối với kinh tế. Được nảy sinh trên một cơ sở kinh tế nhất định, nhà nước tác động trở lại đối với sự phát triển kinh tế. Chính vì vậy, trong xã hội có giai cấp đối kháng, các giai cấp đấu tranh với nhau để giành, giữ chính quyền cũng là để tạo cho giai cấp mình một sức mạnh kinh tế. Vì thế, khi nói về cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản, Ph. Ăngghen viết: "Chúng tôi đấu tranh cho chuyên chính chính trị của giai cấp vô sản để làm gì, nếu quyền lực chính trị bắt lực về kinh tế? Bạo lực (tức là quyền lực nhà nước) - cũng là một lực lượng kinh tế" [4; tr.683]. Dựa vào nhà nước, giai cấp nắm chính quyền không ngừng phát triển lực lượng kinh tế của mình ngày càng vững mạnh. Khi kinh tế phát triển lại là cơ sở đảm bảo cho quyền lực nhà nước càng được tăng cường mạnh mẽ. Có như vậy, địa vị và quyền lực kinh tế của giai cấp nắm chính quyền nhà nước luôn luôn được đảm bảo vững chắc. Nghĩa là cơ sở kinh tế của một xã hội nhất định được ổn định và vững chắc là phần lớn nhờ vào sự vững mạnh của chính quyền nhà nước tương ứng.

Sự tác động của chính trị đối với kinh tế không chỉ được thể hiện thông qua sự tác động của nhà nước mà cũng thể hiện ở vai trò của hệ tư tưởng chính trị - một nhân tố quan trọng của chính trị. Nhưng hệ tư tưởng chính trị tự nó chưa có vai trò gì đối với kinh tế. Vai trò tác động của hệ tư tưởng chính trị đối với kinh tế được thực hiện thông qua thực tiễn chính trị của nhà nước, của chính đảng của một giai cấp nhất định. Chỉ thông qua những hoạt động đó, hệ tư tưởng chính trị mới có tác dụng to lớn trong việc bảo vệ hoặc xóa bỏ chế độ kinh tế hiện đang tồn tại.

Cũng như sự tác động của nhà nước, hệ tư tưởng chính trị của một giai cấp tác động đến kinh tế theo hai chiều. Nếu hệ tư tưởng chính trị phản ánh một cách khoa học và được cụ thể hóa trong các cương lĩnh, đường lối của các chính đảng, trong pháp luật và các chính sách của nhà nước của giai cấp nắm chính quyền thì sẽ có tác dụng bảo vệ và thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh chóng. Ngược lại, sẽ cản trở sự phát triển của kinh tế.

Như vậy, thông qua sự tác động của hệ tư tưởng chính trị của một giai cấp nhất định trong xã hội, thông qua hoạt động của nhà nước, chính đảng của giai cấp đó, chính trị có vai trò hết sức to lớn đối với sự phát triển kinh tế, ở một mức độ nhất định, chính trị có thể làm thay đổi cơ sở kinh tế. Vai trò của chính trị đối với kinh tế có thể tác động theo hai chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực. Chính trị sẽ có tác động tích cực, nếu

nó tác động cùng chiều với các quy luật phát triển kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển. Trái lại, sự tác động ngược chiều của chính trị đối với các quy luật kinh tế sẽ dẫn đến sự xung đột giữa kinh tế và chính trị, lúc đó chính trị là chướng ngại vật cản trở sự phát triển của kinh tế.

Quá trình giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ quá độ ở nước Nga, V.I. Lênin đã có nhiều đóng góp quan trọng vào lý luận về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

Theo V.I. Lênin, khi giai cấp vô sản chưa giành được chính quyền, chưa nắm được quyền lực nhà nước thì giai cấp vô sản chưa có quyền lực kinh tế. Giai cấp vô sản chỉ có được quyền lực ấy khi hoàn thành nhiệm vụ chính trị là lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập nền chính quyền của giai cấp vô sản.

Trong tác phẩm *Làm gì*, Lênin viết: "Từ chỗ quyền lợi kinh tế đóng một vai trò quyết định, tuyệt nhiên không thể kết luận được rằng cuộc đấu tranh kinh tế (có tính chất nghiệp đoàn) lại có một tầm quan trọng bậc nhất, với những quyền lợi chủ yếu, "quyết định" của cuộc giai cấp nói chung, chỉ có thể thỏa mãn được bằng những cuộc cải biến chính trị căn bản; còn quyền lợi kinh tế trọng yếu của giai cấp vô sản nói riêng, chỉ có thể thỏa mãn được bằng cuộc cách mạng chính trị thay thế chuyên chính của giai cấp tư sản bằng chuyên chính vô sản" [6; tr.59]. Theo V.I. Lênin, trong bất cứ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào, giai cấp vô sản đã làm xong nhiệm vụ giành chính quyền thì tất nhiên có một nhiệm vụ căn bản khác được đề lên hàng đầu, đó là thiết lập một chế độ xã hội mới cao hơn chủ nghĩa tư bản. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp vô sản phải đề ra được cách tổ chức lao động cao hơn, tức là nhiệm vụ kinh tế [7; tr.228]. Do đó, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền nhà nước, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị biểu hiện ở chỗ, giai cấp vô sản đã thiết lập được bộ máy nhà nước của mình, có quyền sử dụng bộ máy nhà nước đó để giải quyết những nhiệm vụ tiếp theo trong lĩnh vực kinh tế, tổ chức lại và phát triển kinh tế quốc dân, quản lý sản xuất. Vì thế, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *nhiệm vụ chính trị giữ địa vị phụ thuộc so với nhiệm vụ kinh tế*. Khẳng định điều đó, V.I. Lênin viết: "nhiệm vụ quản lý nhà nước trước hết và trên hết được quy lại thành nhiệm vụ thuần túy kinh tế, hàn gắn những vết thương do chiến tranh gây ra trên đất nước, khôi phục lại các lực lượng sản xuất, tổ chức công tác kiểm soát đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm, nâng cao năng suất lao động. Nói tóm lại, nhiệm vụ đã được quy thành nhiệm vụ tổ chức lại nền kinh tế" [7; tr. 63].

Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị còn biểu hiện ở chỗ, nhu cầu phát triển khách quan của nền kinh tế quyết định phương

hướng hoạt động của đảng, của nhà nước của giai cấp vô sản, quyết định tính chất và khả năng ảnh hưởng của nhà nước đối với sự phát triển kinh tế. Nghĩa là, chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế. Sự phản ánh đã biểu hiện thông qua việc hình thành các tổ chức chính trị, những chính sách, từ đó giải quyết những vấn đề, quyết định mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Theo quan điểm của V.I. Lênin, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kinh tế và chính trị là hai lĩnh vực của đời sống xã hội có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kinh tế, xét đến cùng, là nhân tố quyết định sự hình thành phát triển của chính trị, song chính trị, có vai trò hết sức to lớn, nó tác động trở lại đối với sự phát triển của kinh tế. Điều này thể hiện trước hết là ở chỗ; mọi hoạt động kinh tế, mọi sự phát triển của nền kinh tế không chỉ gắn liền với việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, mà còn là điều kiện đảm bảo cho hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững mạnh, đảm bảo cho chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trong thực tế trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó cũng chính là cơ sở vững chắc cho sự thắng lợi của chế độ xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa đối với chế độ xã hội cũ. Tất cả những điều đó có ý nghĩa chính trị to lớn. Ngược lại, chính sách kinh tế của Đảng cộng sản, sự quản lý của nhà nước,... đối với kinh tế đều tạo ra động lực thúc đẩy cho kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, V.I. Lênin quan niệm rằng, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế và chính trị không thể không chiếm vị trí hàng đầu so với kinh tế. Đó là hai kết luận cơ bản của Lênin về biểu hiện của sự tác động biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, kinh tế vẫn luôn đóng vai trò quyết định đối với chính trị và các quan hệ xã hội khác. Song, chính trị có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Nhưng chính trị phải phản ánh trên cơ sở tính tất yếu kinh tế mới có tác dụng tích cực đối với quá trình phát triển kinh tế, xã hội.

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới.

2.2.1. Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị

Thời kỳ trước đổi mới, trong mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, ở nước ta có hạn chế: chúng ta đã nhấn mạnh quá mức vai trò kiến trúc thượng tầng,

coi chính trị là thống soái, quyết định kinh tế và tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; chưa đánh giá đúng vai trò của kinh tế trong quan hệ với chính trị; nhận thức một cách đơn giản về tác động của kiến trúc thượng tầng chính trị đối với cơ sở kinh tế. Chính trị can thiệp quá sâu vào các quá trình kinh tế - xã hội bằng hệ thống những mệnh lệnh chủ quan của các cơ quan quản lý các cấp; bộ máy hành chính còn quan liêu, cửa quyền, công kênh, kém hiệu quả. Đại hội VI của Đảng (1986) xác định: “Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác” [17; tr.124]. Từ khi đổi mới đến nay, về quan điểm Đảng ta chủ trương “Kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị” [10; tr.71]. Đây là nhận thức đúng cả về mặt lý luận cả về mặt thực tiễn.

Để giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng trong Đảng, trong nhân dân, Nghị quyết số 06-NQ/HNTW ngày 29/3/1989 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) quyết định các nguyên tắc cơ bản để chỉ đạo toàn bộ quá trình đổi mới theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa: “Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo vào phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin” [18].

Về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, Nghị quyết số 06-NQ/HNTW ngày 29/3/1989 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đã chỉ rõ: “Chúng ta tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới” [11]. Một bước đi cực kỳ đúng đắn và thể hiện được bản lĩnh chính trị của Đảng ta biểu hiện bằng nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khóa VI), ngày 15/8/1989 bàn về một số vấn đề cấp bách trong công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay: “Chế độ chính trị của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng... Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động, không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế” [12; tr.17].

Chủ trương giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị được tiếp tục nhấn mạnh trong văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991): “Phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời, với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội” [13; tr.54]. Kinh nghiệm thành công của sự kết hợp đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị” [14; tr.14].

Đó là những quan điểm đúng đắn của Đảng ta phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân lao động, những quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong các kỳ Đại hội IX (4/2001), Đại hội X (4/2006) với mục tiêu: “*đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp*. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị” [15; tr.70]. Đại hội XI của Đảng (1/2011) đã đưa ra quan điểm về đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị: “Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương...” [16; tr.99-100]. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1/2016), xác định: Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị; Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ

nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Như vậy, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

2.2.2. Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt

Đại hội VI của Đảng, với đường lối đổi mới toàn diện, Đảng coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Các đại hội sau, từ Đại hội VII cho đến nay - Đại hội XII, vẫn kiên trì coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều chủ trương, đường lối kinh tế để tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, nổi bật là: Chủ trương, đường lối chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, hành chính sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế,... xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) chỉ rõ 4 nguy cơ: Tụt hậu xa hơn về kinh tế; lệch hướng xã hội chủ nghĩa; diễn biến hòa bình; tệ quan liêu, tham nhũng. Trong 4 nguy cơ đó, 3 nguy cơ sau có liên quan trực tiếp đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đặc biệt nhất, các Nghị quyết Đại hội XI (2011) và XII (2016) của Đảng, được cụ thể hóa bằng hai Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) và Trung ương 4 (khóa XII), đã nêu lên tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, cùng với những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chưa ngăn chặn, đẩy lùi được, là một nguy cơ lớn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Đảng ta luôn nhất quán khẳng định: Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu là quy luật tồn tại, phát triển của Đảng.

Như vậy, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt.

2.2.3. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Đảng ta khẳng định: Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là tất yếu, khách quan vì: Nó phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan; do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế thị trường; phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Vì vậy, trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi bắt đầu đổi mới (1986) Đảng ta quan niệm kinh, tế hàng hóa có những mặt tích cực cần vận dụng cho xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận Đảng ta đã nhận thức rõ hơn, kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường là phương thức, điều kiện tất yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ áp dụng cơ chế thị trường đến phát triển kinh tế thị trường; đưa ra quan niệm và từng bước cụ thể hóa mô hình và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tổng kết thực tiễn đổi mới kinh tế, Đại hội IX khẳng định “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”.

Đại hội XI khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”.

Đại hội XII của Đảng, có sự phát triển mới bằng việc đưa ra quan niệm: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn nhất triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để kinh tế thị trường ở Việt Nam phát triển, Đảng và nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, giải pháp: Từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp, chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần; phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường; đẩy mạnh công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước, chủ động hội nhập quốc tế... Để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam, Đảng và nhà nước ta đã xác định: Mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội và điều kiện phát triển của mọi chủ thể kinh tế (phân phối đầu vào) để tiến tới xây dựng xã hội mọi người đều giàu có, đồng thời phân phối kết quả làm ra (đầu ra) chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường.

Như vậy, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa - coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

III. KẾT LUẬN

Bài viết khái quát những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Trên cơ sở đó làm rõ sự vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong thực tiễn cách mạng Việt Nam của Đảng ta, thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau: Kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị; phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ những sự vận dụng trên đây, công cuộc đổi mới đất nước nói chung, đổi mới kinh tế, chính trị, mối quan hệ đổi mới kinh tế và chính trị của nước ta thu được *thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 30, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 31, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 32, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen (1997), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
7. V.I. Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa VI*.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương, khóa VI*.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
18. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-vi/ngghi-quyet-so-06-nqhntw-ngay-2931989-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vi-ve-kiem-diem-hai-nam-thuc-1107>.

SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thúy Mai

ThS. Vũ Thị Hương Giang

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết đề cập đến những nội dung cơ bản là: 1) Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kinh tế, kinh tế hàng hóa, kinh tế hàng hóa - với tư cách là nền móng lý luận của Đảng ta về phát triển kinh tế; 2) Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng xuyên suốt, sáng tạo, thành công nền móng lý luận đó trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là trong quá trình đổi mới đất nước, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

I. MỞ ĐẦU

Định hướng xã hội chủ nghĩa là yêu cầu được Đảng đặt ra ngay từ khi xác định nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần (Đại hội VII) và nền kinh tế thị trường (Đại hội IX). Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trên thế giới, và từ thực tiễn phát triển Việt Nam, Đảng ta đã đưa vào cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) quan điểm về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “*Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối*”, “*Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*”.

Trước kia, trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, "bàn tay hữu hình" của Nhà nước can thiệp vào mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh khiến nước ta lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Sau hơn 30 năm đổi mới, mô hình kinh tế thị trường của Việt Nam từng bước phát triển, tư duy và nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa liên tục được đổi mới, các quy luật kinh tế khách quan được tôn trọng và vận hành đã tác động một cách sâu sắc

và mạnh mẽ tới sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội ở nước ta. Mặc dù vẫn mang những đặc trưng của kinh tế thị trường nói chung nhưng kinh tế thị trường ở Việt Nam có tính đặc thù riêng, là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khác biệt về bản chất so với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

II. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, xã hội tồn tại và phát triển được là nhờ sản xuất vật chất, lịch sử của xã hội trước hết là lịch sử phát triển của sản xuất vật chất.

Samuelson quan niệm: cơ chế thị trường là một hình thức tổ chức kinh tế trong đó cá nhân người tiêu dùng và các nhà kinh doanh tác động lẫn nhau thông qua thị trường để xác định ba vấn đề trọng tâm của tổ chức kinh tế đó là: Sản xuất cái gì? Sản xuất như thế nào? và Sản xuất cho ai? Cơ chế thị trường không phải là sự hỗn hợp mà là trật tự kinh tế, bao gồm nhiều yếu tố, bộ phận hợp thành tác động qua lại, phụ thuộc lẫn nhau trong một guồng máy thống nhất tạo thành một cơ chế hoạt động và tuân thủ theo các quy luật kinh tế thị trường. Trên cơ sở lý luận của Samuelson, trong bộ *Tư bản*, C. Mác dùng khái niệm nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa, nhưng thực chất ông đã trình bày toàn bộ những nội dung, quy luật, phạm trù của nền kinh tế thị trường trong giai đoạn tự do cạnh tranh, ông viết *“Trong những xã hội do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối thì của cải biểu hiện ra là “một đồng hàng hóa không lồ”, còn từng hàng hóa một thì biểu hiện ra là hình thái nguyên tố của cái ấy”* [1; tr.61].

Ph. Ăngghen và V.I. Lênin chưa sử dụng khái niệm nền kinh tế thị trường mà sử dụng phạm trù “kinh tế tiền tệ” để nói về kinh tế hàng hóa, đối lập với kinh tế tự nhiên. Ph. Ăngghen viết: *“Chính từ đó mà nền kinh tế tiền tệ, đang phát triển, đã thâm nhập, giống như một chất a-xít ăn mòn, vào lối sống cổ truyền của các cộng đồng nông thôn, dựa trên cơ sở nền kinh tế tự nhiên”* [1; tr.168]. V.I. Lênin nói về một trong hai đặc trưng cơ bản của nền sản xuất kinh tế tư bản chủ nghĩa: *“Một là, chế độ đó dựa trên kinh tế tiền tệ; hai là, dựa trên cơ sở mua và bán sức lao động”* [3; tr.737]. Như vậy, kinh tế thị trường hay kinh tế tiền tệ là phương thức kinh tế đối lập với kinh tế tự nhiên, trong đó các sản phẩm xã hội được trao đổi thông qua vật trung gian là tiền tệ.

C. Mác khẳng định, sự phát triển của xã hội tương lai, xã hội cộng sản chủ nghĩa ở giai đoạn cao, lúc đó nhà nước tự tiêu vong và khi ấy kinh tế hàng hóa (kinh tế thị trường) cũng không còn tồn tại. Lênin cũng cho rằng: Chủ nghĩa xã hội là sản phẩm của nền đại công nghiệp cơ khí. Và nếu “không có kỹ thuật tư bản chủ nghĩa quy mô lớn được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại... thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được”. Tuy nhiên, trước khi không còn cơ sở tồn tại, bản

thân nhà nước và kinh tế thị trường lại cần thiết cho quá trình xây dựng thành công một xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, C. Mác đã dự báo về xã hội tương lai trên những nét đại thể. C. Mác cho rằng, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất xã hội, dẫn đến phá vỡ trật tự, kết cấu của quan hệ sản xuất tư bản, mở đường, xác lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất để thúc đẩy một phương thức sản xuất mới ra đời.

C. Mác không chỉ dự báo chủ nghĩa xã hội ra đời từ xã hội tư bản đã phát triển cao, mà C. Mác cũng đã nói đến kiểu phát triển “rút ngắn” lên chủ nghĩa xã hội qua thực tiễn nước Nga. Theo C. Mác, khi vừa thoát thai từ xã hội tư bản, xã hội cộng sản không thể bước ngay vào giai đoạn cao, tức giai đoạn xã hội cộng sản “đã phát triển trên cơ sở của chính nó”. Nó phải trải qua giai đoạn đầu hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản, mà “về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó lột lòng ra”. Xã hội cộng sản với tính cách chính thể thì không có sẵn trong lòng xã hội tư bản, song những tiền đề, mầm mống, yếu tố, thì đã nảy sinh trong lòng xã hội tư bản. C. Mác cũng đã chỉ ra vai trò quan trọng của sản xuất hàng hóa đối với sự phát triển của xã hội. Ông viết: “Trong những xã hội do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối thì của cải xã hội biểu hiện ra là một đồng hàng hóa khổng lồ, những hàng hóa chồng chất lại”.

Lý luận này đã được Lênin khẳng định từ chính thực tiễn phát triển của nước Nga. Khi Cách mạng tháng Mười (Nga) thành công, ngay bản thân Lênin, trong giai đoạn đầu cũng triển khai chính sách cộng sản thời chiến. Tuy nhiên, sau đó ông nhận ra sai lầm, nóng vội nó đối lập Đảng với quần chúng nhân dân và chỉ làm trầm trọng thêm nền kinh tế vốn đã hoang tàn của đất nước. Lênin đã chỉ ra con đường khắc phục thông qua triển khai thực hiện chính sách kinh tế mới, tức chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa, chấp nhận mức độ nhất định cơ chế thị trường. Để phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện mới hình thành còn nhiều khó khăn, cần phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần...

2.2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường

a. Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới, chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường ở Việt Nam

Lịch sử đã trải qua nhiều mô hình kinh tế khác nhau như kinh tế tự nhiên, kinh tế tập trung (kinh tế kế hoạch hóa) và kinh tế thị trường, trong đó kinh tế thị trường là mô

hình được nhiều quốc gia lựa chọn cho quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tham khảo kinh nghiệm phát triển của các quốc gia trên thế giới, và từ thực tiễn phát triển Việt Nam, Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là bước phát triển mới về tư duy lý luận, một sự vận dụng độc lập, sáng tạo của Đảng ta.

Trước đổi mới, chúng ta coi kinh tế thị trường là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản, coi kinh tế xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường là hai phương thức kinh tế khác nhau về bản chất và đối lập với nhau cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối và mục đích phát triển. Từ thực tiễn phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã từng bước nhận thức được những sai lầm, tiến hành đổi mới hình thành nhận thức đúng đắn về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có quan điểm manh nha về kinh tế thị trường từ Đại hội VI khi xác định xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tuy nhiên phải đến Đại hội IX, thuật ngữ *“phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”* mới chính thức được sử dụng trong Văn kiện của Đảng.

Cuối nhiệm kỳ Đại hội VII, tại một hội nghị của Bộ Chính trị về công tác lý luận đã nhận định rằng: Thị trường và kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu chung của văn minh nhân loại. Thị trường và kinh tế thị trường cũng đã từng tồn tại và phát triển qua những phương thức sản xuất khác nhau. Nó có trước chủ nghĩa tư bản, trong chủ nghĩa tư bản và cả sau chủ nghĩa tư bản. Song, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một kiểu kinh tế thị trường mới, chưa có trong tiền lệ lịch sử phát triển trên thế giới. Nó vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, song nó có những đặc trưng riêng để phân biệt với các dạng kinh tế thị trường đã có - tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX của Đảng ghi rõ: *“Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”* [8; tr.86]. Nghĩa là, nền kinh tế chúng ta không phải là nền kinh tế bao cấp, quản lý theo kiểu tập trung nhưng cũng không phải là cơ chế thị trường tư bản của nghĩa và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, chúng ta còn đang tồn tại trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn có sự đan xen giữa cái cũ với cái mới, vừa có vừa chưa có đầy đủ yếu tố xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, nó vừa có những tính chất chung của kinh tế thị trường

như: Các chủ thể kinh tế độc lập, có quyền tự chủ quyết định quá trình sản xuất, kinh doanh của mình; giá cả do thị trường quyết định; nền kinh tế vận động theo những quy luật vốn có của kinh tế thị trường như quy luật giá trị, cung- cầu, cạnh tranh...; nền kinh tế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật, kế hoạch, chính sách kinh tế. Mặt khác, kinh tế thị trường định hướng định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng có những đặc trưng riêng thể hiện bản chất, tính định hướng xã hội chủ nghĩa: Kinh tế thị trường dựa trên sự dẫn dắt, chi phối bởi nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội; mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp cả về ba mặt: Sở hữu, quản lý, phân phối.

Đại hội XII đã xác định rõ: Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”, “Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Và cũng từ Đại hội này, Đảng xác định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm rõ một số khía cạnh liên quan đến nội hàm của mô hình kinh tế này.

b. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định nền kinh tế thị trường ở Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Cùng với quá trình đổi mới đất nước, khảo nghiệm thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước phát triển quan điểm, lý luận của mình tình định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường. Các quan điểm đó, được tập trung thể hiện:

- *Về mục đích*: Mục đích hàng đầu của phát triển kinh tế thị trường là giải phóng sức sản xuất, động viên mọi nguồn lực trong nước và nước ngoài để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta lấy sản xuất gắn liền với cải thiện

đời sống nhân dân, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp, gắn liền với xóa đói giảm nghèo.

- *Về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế:* Ở nước ta hiện nay thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu như sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân,... nhưng nền tảng là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Các thành phần kinh tế tồn tại khách quan và là những bộ phận cần thiết của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta khai thác được các nguồn lực kinh tế, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế và sự phát triển chung của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước phải giữ vững vai trò chủ đạo, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý vĩ mô kinh tế - xã hội để đảm bảo nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Về chế độ quản lý:* Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa quản lý. Nhà nước ta có bản chất là của dân, do dân, vì dân; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm phát huy ưu điểm của nền kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế những mặt khuyết tật của nó. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường bằng kế hoạch, pháp luật, chính sách và các công cụ khác. Sự quản lý của Nhà nước nhằm kết hợp tính định hướng và cân đối của kế hoạch với tính năng động, nhạy cảm của thị trường.

- *Về chế độ phân phối:* Nền kinh tế nước ta tồn tại các hình thức phân phối thu nhập sau đây: Phân phối theo lao động, phân phối theo vốn hay tài sản đóng góp, phân phối theo giá trị sức lao động và phân phối thông qua các quỹ phúc lợi xã hội. Trong đó, phân phối theo lao động là hình thức phân phối đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, nó là hình thức thực hiện về mặt kinh tế của chế độ công hữu. Vì thế, phân phối theo lao động được xác định là hình thức phân phối chủ yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mỗi bước tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với cải thiện đời sống nhân dân, với tiến bộ và công bằng xã hội. Việc phân phối thông qua quỹ phúc lợi xã hội và tập thể có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu trên.

- *Về chính sách xã hội:* Việc phát triển kinh tế thị trường là phương tiện để đạt được mục tiêu cơ bản là xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Xã hội ta là xã hội vì con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. “Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển” Đảng ta luôn nhấn

mạnh phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước phát triển, gắn với phát triển bền vững.

2.3. Một số phương hướng và giải pháp phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn sau

Sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn nước ta là quá trình chuyển biến hết sức sâu sắc, mang tính cách mạng. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, cần tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục nâng cao nhận thức sâu rộng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bởi thực tiễn cho thấy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự khác biệt với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, thể hiện chính là ở chỗ ai làm chủ sức mạnh kinh tế và sức mạnh chính trị trong một nước. Quá trình đổi mới nhận thức này diễn ra từng bước và được kiểm nghiệm bởi thực tiễn phát triển của nền kinh tế và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn phát triển của nền kinh tế nước nhà; tạo cơ chế cho sự phát triển của lực lượng sản xuất và kiện toàn quan hệ sản xuất ứng với mỗi giai đoạn, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Thứ hai, không ngừng tạo ra các quy chế đảm bảo tính tổ chức và văn minh của các giao dịch trên thị trường, bởi kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một dạng mô thức kinh tế mới, chưa từng có trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại, phát huy vai trò tích cực của kinh tế thị trường trong việc thúc đẩy phát triển sức sản xuất, xã hội hóa lao động, cải tiến kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nhiều của cải, góp phần làm giàu cho xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Thứ ba, phát triển nền kinh tế thị trường năng động đòi hỏi hệ thống chính trị phải được đổi mới toàn diện cả về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, đổi mới con người, đổi mới phong cách lãnh đạo, đa dạng hóa các tổ chức hiệp hội, đoàn thể,... mở rộng

dân chủ, nhằm quy tụ sức mạnh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Do vậy, cần kiên quyết cải cách hành chính để có các cơ quan quản lý nhà nước trong sạch, thủ tục quản lý đơn giản, dễ tiếp cận, công khai, đề cao trách nhiệm phục vụ và giải trình của công chức. Trọng trách của Đảng là phải lãnh đạo thành công công cuộc cải cách này và phải thu hút, đào tạo được các công chức trong sạch, tài năng, thích hợp với chức trách được giao.

Thứ tư, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ, thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hội nhập; tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước, tăng cường vị thế của đất nước trên thị trường thế giới bằng chính sách đối ngoại mềm dẻo, bảo vệ hiệu quả lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thực tiễn cho thấy, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ở Việt Nam là một nhiệm vụ khó khăn, nặng nề, lâu dài xét ở góc độ điểm xuất phát từ một nước kém phát triển. Vì thế, cần xây dựng các kế hoạch đổi mới đất nước cụ thể trong từng giai đoạn và kiên định thực hiện để nâng dần trình độ phát triển của kinh tế thị trường nước ta.

III. KẾT LUẬN

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được định hướng theo đuổi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”; huy động sức mạnh của mọi thành phần kinh tế cũng như của toàn xã hội cho tăng trưởng kinh tế, từng bước nâng cao đời sống cho đại bộ phận nhân dân. Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế không phải bằng mọi giá, nóng vội mà phải được cân nhắc tính toán cho phù hợp với điều kiện đất nước theo hướng phát triển nhanh, hiệu quả mà bền vững; gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với bảo đảm độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, bảo vệ môi trường...

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Tuy nhiên, đây là sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, lâu dài. Bởi lẽ, nó còn rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để từng bước bổ sung hoàn

thiện. Nhìn lại những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới trong suốt gần ba thập kỷ qua, chúng ta càng thấm thía điều đó và nhận thức sâu sắc một chân lý rằng: Đổi mới là một sự nghiệp vĩ đại có ý nghĩa cách mạng lớn lao cả trong tư duy, quan điểm đến việc tổ chức thực hiện. Đó thực sự là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và của cả hệ thống chính trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. P.A.Samuelson (1997), *Kinh tế học*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.33.
3. C. Mác- Ăngghen, *Toàn tập*, tập 21, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. C. Mác - Ph. Ăngghen (1976), *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. V.I. Lênin (1975), *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
6. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.368.
7. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.248.
8. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.334.
9. *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* - Phân viện Báo chí tuyên truyền - Khoa Kinh tế - Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ X, XI, XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 9/6/2017 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
12. PGS.TS. Hà Huy Thành (2006), *Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Lê Quốc Lý (2015), “Vận dụng, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 2/2015.
14. Nguyễn Thanh Tuấn (2009), *C. Mác, V.I. Lênin với CNXH trong thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Vũ Văn Hà (2019), “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.

TÍCH CỰC HÓA PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH BẰNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Cao Thành Tấn
Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu vai trò, nhân tố ảnh hưởng, thực trạng, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp sư phạm nhằm nâng cao việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Tích cực hóa, công nghệ thông tin, phương pháp thuyết trình.

I. MỞ ĐẦU

Thuyết trình là phương pháp dạy học đã và đang được sử dụng phổ biến trong dạy học ở các trường cao đẳng, đại học ở nước ta nói chung và trong giảng dạy các môn lý luận chính trị nói riêng. Trong thực tế dạy học, mặc dù phương pháp thuyết trình tỏ ra có rất nhiều ưu thế trong việc giảng dạy những môn có tính khái quát hóa, trừu tượng hóa cao, nặng tính hàn lâm khoa học, nhưng nó cũng còn không ít những hạn chế, đặc biệt trong thời đại công nghệ hiện nay. Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ với sự bùng nổ của công nghệ thông tin đòi hỏi ngành giáo dục phải thay đổi cách dạy cho phù hợp. Hiện nay, giảng viên bên cạnh việc cung cấp thông tin, truyền thụ kiến thức còn có nhiệm vụ giúp người học phát triển phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước cũng như hợp tác quốc tế. Ngày nay, khi công nghệ thông tin ngày càng phát triển thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học là một điều tất yếu, trong đó có giảng dạy các môn lý luận chính trị. Trong Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Đảng ta đã khẳng định: “*Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục và đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học*”¹. Văn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, tr.41.

kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X chỉ rõ: “*Đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng chuẩn hóa hiện đại, phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học*”².

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học, xem công nghệ thông tin như là một công cụ hỗ trợ đắc lực nhất cho đổi mới phương pháp dạy học ở các môn học. Trong những năm gần đây, với sự phát triển của khoa học công nghệ đã ảnh hưởng sâu sắc tới sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt trong đổi mới phương pháp dạy học. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học sẽ góp phần cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống, khắc phục lối dạy truyền thụ một chiều, làm cho hoạt động dạy học bớt nhàm chán hơn. Trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị nếu ta sử dụng công nghệ thông tin để tích cực hóa phương pháp thuyết trình sẽ góp phần khắc phục những nhược điểm của phương pháp thuyết trình, phát huy tính tích cực, chủ động học tập của sinh viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả của môn học.

Cùng với quá trình đổi mới của đất nước, trong những năm gần đây thầy và trò Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cũng tích cực đổi mới các phương pháp dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, việc sinh viên tiếp cận khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế, khả năng giao tiếp còn hạn chế, tính rụt rè, nhút nhát còn phổ biến; do vậy, khó có thể áp dụng các phương pháp dạy học đòi hỏi tính tự lực cao của người học như phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp dạy học tình huống, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề... Chính vì vậy, trong những năm qua phương pháp dạy học chủ yếu được thầy và trò sử dụng vẫn là phương pháp thuyết trình. Tuy nhiên phương pháp thuyết trình lại có nhiều hạn chế, đặc biệt là làm cho sinh viên thụ động, ý lơi, thiếu tính sáng tạo, không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt trong thời đại công nghệ hiện nay. Để khắc phục những hạn chế của phương pháp thuyết trình, phát huy tính tích cực, tự giác của người học cần sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học.

II. NỘI DUNG

2.1. Các khái niệm công cụ

- Khái niệm phương pháp thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học truyền thống đã và đang được sử dụng phổ

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, tr.36.

biên trong dạy học ở các trường cao đẳng, đại học ở nước ta. Khi bàn về phương pháp thuyết trình có rất nhiều quan điểm khác nhau, tiêu biểu như:

Dịch giả Nguyễn Văn Cường trong cuốn *Lý luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học* đã viết: “Thuyết trình là thông báo của giáo viên và việc tiếp thu mang tính tiếp nhận thụ động của người học, thông qua đó người học tiếp nhận thông tin, xử lý về mặt nhận thức và phát triển các quá trình trí nhớ”³.

Trong cuốn *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới* tác giả Thái Duy Tuyên khẳng định: “Thuyết trình là phương pháp thông tin một chiều, người giáo viên nêu ra các ý tưởng hay khái niệm, phát triển, đánh giá và cuối cùng tóm tắt các ý chính đã nêu trong khi học sinh ngồi nghe và ghi chép”⁴

Tác giả Phan Trọng Ngọ trong cuốn *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường* đã đưa ra định nghĩa “Phương pháp thuyết trình là phương pháp giáo viên sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để cung cấp cho người học hệ thống thông tin về nội dung học tập. Người học tiếp thu hệ thống thông tin đó từ người dạy và xử lý chúng tùy theo chủ thể người học và yêu cầu của dạy học”⁵.

- *Tích cực hóa phương pháp thuyết trình.*

+ *Khái niệm phương pháp dạy học tích cực:*

Có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm tích cực, theo nghĩa chung nhất tích cực là dồn hết mọi khả năng, sức lực của bản thân, của gia đình và của tập thể để thực hiện một công việc cụ thể với mục đích là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tác giả Trần Thị Mai Phương thì cho rằng: “Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tất cả khả năng cho phép học tập của người học dưới sự hướng dẫn của người dạy giúp người học đạt được mục tiêu học tập tốt nhất”⁶.

³ Nguyễn Văn Cường (2004), *Lý luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, dịch, tr.117.

⁴ Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb Giáo dục, tr.58-59.

⁵ Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.187.

⁶ Trần Thị Mai Phương (2007), *Dạy học kinh tế chính trị theo hướng tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.25.

+ *Tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học:*

Việc tích cực hóa - đổi mới phương pháp thuyết trình trong dạy học nói chung đã tập trung sự quan tâm của nhiều nhà chuyên môn, các nhà quản lý,... nhằm cải tiến, đổi mới phương pháp thuyết trình theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng dạy và học. Tiêu biểu như sau:

Tác giả Vũ Thị Thanh Nga trong luận văn thạc sĩ của mình đã cho rằng: “tích cực hóa phương pháp thuyết trình là làm cho phương pháp thuyết trình mang tính tích cực, phát huy được vai trò chủ động hoạt động của học sinh trong quá trình dạy học”⁷.

Theo “*Đề cương bài giảng phương pháp dạy học giáo dục chính trị*”: “tích cực hóa phương pháp thuyết trình được biểu hiện qua những động thái như: làm cho người học nắm vững mục tiêu, yêu cầu của bài giảng, tăng cường hướng dẫn sử dụng tài liệu cho người học, thuyết trình kết hợp với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật công nghệ dạy học, kết hợp nhuần nhuyễn giữa thuyết trình với các phương pháp dạy học tích cực khác”⁸.

Như vậy, tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học được hiểu là việc người dạy căn cứ vào trình độ nhận thức của đối tượng người học, vào nội dung, mục tiêu và nhiệm vụ môn học từ đó sử dụng lời nói biểu cảm nhằm phát huy những ưu điểm của phương pháp thuyết trình trong dạy học.

+ *Tích cực hóa phương pháp thuyết trình bằng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học:*

Từ các khái niệm công cụ trên chúng ta có thể hiểu tích cực hóa phương pháp thuyết trình bằng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học là việc giảng viên sử dụng công nghệ thông tin như một công cụ dạy học để phát huy những ưu điểm, hạn chế những nhược điểm của phương pháp thuyết trình nhằm kích thích hứng thú học tập, tính chủ động, sáng tạo của người học.

- *Công nghệ thông tin*

Công nghệ (technology) ban đầu được hiểu như “một trình tự, một quy trình thao tác do chủ thể thực hiện để tác động vào đối tượng, về sau này được hiểu với

⁷ Vũ Thị Thanh Nga (2009), *Tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học phần “Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học” môn giáo dục công dân lớp 10 ở trường trung học bán công Liễu Giai - Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.11.

⁸ Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân (2017), *Đề cương bài giảng phương pháp dạy học Giáo dục chính trị*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.46.

nghĩa rộng hơn nhiều. Công nghệ không còn đơn thuần chỉ được xem như một hệ thống kiến thức về phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm, bí quyết... để vận hành một hệ thống thiết bị, phương tiện tương ứng với hệ thống kiến thức đó”⁹.

Ngày nay, công nghệ thông tin đã thâm nhập, chi phối hầu hết các lĩnh vực trong đời sống xã hội của con người. Ở Việt Nam, trong Nghị quyết số 49/CP ban hành ngày 04/08/1996, khái niệm công nghệ thông tin được hiểu như sau: “công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi con người và xã hội. Công nghệ thông tin phát triển trên nền tảng công nghệ tin học - điện tử - viễn thông và tự động hóa”¹⁰.

2.2. Vai trò của việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Triển khai Kết luận 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”, năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương hoàn thành xây dựng bộ chương trình, giáo trình 5 môn lý luận chính trị giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, đưa vào giảng dạy từ năm học 2019 - 2020. Đây là một bước quan trọng nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục lý luận chính trị trong trường đại học, cao đẳng.

Cùng với cả nước, giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại vào quá trình giảng dạy nhằm đem lại sự hứng thú và hấp dẫn cho người học. Một số phương pháp dạy học tích cực mà giảng viên như: Dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dự án, thảo luận nhóm,... nhưng hiệu quả đem lại không cao vì phần lớn sinh viên học tập rất thụ động và không chịu phối hợp tham gia các hoạt động học tập do giảng viên đề ra.

Chính vì vậy, để khắc phục tình trạng trên trong quá trình giảng dạy tác giả đã tìm ra được một giải pháp, giải pháp đó là sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) - một trong những phương tiện, công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình giảng dạy nhằm phát

⁹ Đỗ Công Tuấn (2004), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.16.

¹⁰ Nghị quyết số 49/CP của Thủ tướng Chính phủ, *Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90*, 1996, tr.1.

huy được tính tích cực của sinh viên, bởi lẽ, CNTT không chỉ giúp giảng viên khai thác một cách tối đa những lợi thế của nó vào bài giảng bằng việc đưa hình ảnh, âm thanh, video sinh động hấp dẫn nhằm kích thích sự tò mò và khám phá cho sinh viên. Không chỉ vậy, giảng viên còn có thể thiết kế trò chơi bằng CNTT nhằm tạo ra bầu không khí sôi nổi, thoải mái trong giờ học.

Công nghệ thông tin không những là công cụ hỗ trợ tốt trong việc dạy và học, mà còn là nơi lưu giữ tài liệu cần thiết cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học tập. Hiện nay, với sự phát triển mạng internet có rất nhiều thông tin, tài liệu, bài viết, âm thanh, hình ảnh được đăng tải trên các Website. Do đó giảng viên và sinh viên dễ dàng tiếp cận, khai thác những tư liệu này, nó vừa giúp củng cố kiến thức, vừa nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT vừa giúp chuẩn bị bài tốt hơn.

CNTT còn giúp giảng viên thiết kế được những kênh hình, những biểu tượng, sơ đồ dưới dạng động với những hiệu ứng hình ảnh đẹp, hấp dẫn, gần gũi với thực tế, hỗ trợ tốt cho phát triển tư duy của người học. Do đó, sinh viên phát triển khả năng quan sát, phát huy trí tưởng tượng, tư duy, ngôn ngữ, giúp sinh viên nhớ kỹ, hiểu sâu bài học. Bởi theo lý luận dạy học để phát triển, rèn luyện kỹ năng quan sát, trí tưởng tượng và tư duy cho người học thì phương pháp tốt nhất là sử dụng đồ dùng trực quan.

CNTT còn giúp giảng viên thực hiện được nguyên tắc dạy học “lý thuyết đi đôi với thực hành”, điều này thể hiện ở chỗ người học không chỉ nắm được lý thuyết bài học mà còn vận dụng được những lý thuyết đó vào thực tiễn cuộc sống. Bởi khi sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học giảng viên chỉ là người định hướng, nêu vấn đề, giới thiệu địa chỉ trang web liên quan, hướng dẫn người học cách tiếp cận tra cứu thông tin để lựa chọn những nội dung tri thức phù hợp với mục tiêu bài học còn sinh viên phải tự mình tìm hiểu, trải nghiệm, đưa ra tri thức mới.

CNTT còn thu gần khoảng cách giữa người dạy và người học trong mọi hoàn cảnh. Nhờ có công nghệ thông tin với sự kết nối internet mà người dạy có thể dễ dàng nắm bắt các thông tin phản hồi từ người học qua nhiều kênh thông tin khác nhau như: Gmail, Facebook, Zalo,... từ đó dễ dàng trao đổi với người học qua nhiều hình thức khác nhau.

Một trong những vai trò quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy đó là việc giảng viên quản lý sinh viên qua hệ thống, phần mềm đã được thiết kế để phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy. Giảng viên có thể dễ dàng quản lý sinh viên về các vấn đề như danh sách lớp, thời gian học, lịch thi, kết quả học tập, danh sách khen thưởng, kỷ luật, học bổng,... chỉ cần vài thao tác trên máy tính có kết nối internet là giảng viên có thể nắm được những thông tin liên quan đến sinh viên mà mình muốn tìm hiểu.

2.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc sử dụng công nghệ thông tin để tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong giảng dạy các Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện nay, trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin có vai trò to lớn và là công cụ hỗ trợ đắc lực trong công tác quản lý đào tạo cũng như công tác giảng dạy của giảng viên tại nhà trường. Trong quá trình dạy và học các môn Lý luận chính trị thầy và trò Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh đã chủ động, tích cực sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy. Nhưng hiệu quả của việc sử dụng công nghệ thông tin để tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học các môn Lý luận Chính trị như thế nào lại còn phụ thuộc vào những nhân tố sau:

Thứ nhất, trình độ nhận thức và năng lực sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên.

Hiện nay, năng lực sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường còn hạn chế và không đồng đều, trừ các giảng viên giảng dạy tin học được đào tạo chuyên ngành tin ra thì các giảng viên của nhà trường hầu hết đều phải tự học, tự nghiên cứu nên chỉ biết những kỹ năng cơ bản chứ không chuyên sâu. Các giảng viên lớn tuổi chỉ mới tiếp cận CNTT qua việc tự học, tự mày mò nghiên cứu chứ chưa được đào tạo cơ bản nên còn hạn chế về một số những kỹ năng cơ bản như kỹ năng soạn thảo, kỹ năng tổng hợp tính toán, xử lý số liệu, kỹ năng ứng dụng các hàm trong bảng tính Excel, kỹ năng khai thác các nguồn tư liệu trên mạng, kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị... Do vậy, hạn chế trong việc tiếp cận với các phương tiện hiện đại và dẫn đến tâm lý ngại đổi mới ứng dụng CNTT trong quá trình dạy học. Một số giáo viên trẻ có kỹ năng tin học khá tốt, sử dụng khá thành thạo các thiết bị CNTT nhưng do thiếu kinh nghiệm giảng dạy nên hiệu quả dạy học chưa cao. Trong quá trình sử dụng CNTT nhằm tích cực hóa PPTT, một số giảng viên đã lạm dụng CNTT trong các tiết dạy trên lớp, đưa các tiết dạy thành tiết trình chiếu kiến thức trên màn hình. Việc sử dụng CNTT nhằm tích cực hóa PPTT trong dạy học chưa thực sự là đam mê, chưa trở thành việc làm thường xuyên của đội ngũ giảng viên, đôi khi giảng viên chỉ làm khi tham gia các hội thi như giảng viên dạy giỏi hoặc các tiết thao giảng.

Thứ hai, trình độ nhận thức của sinh viên.

Phần lớn sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh vẫn tồn tại thói quen thụ động, quen nghe, quen chép, ghi nhớ và tái hiện lại một cách máy

móc, rập khuôn những gì giảng viên đã giảng, trình bày, chứ chưa có thói quen chủ động trong việc tổng hợp kiến thức thông qua bài giảng. Bên cạnh đó, sinh viên chưa có thói quen chủ động tra cứu, tìm kiếm thông tin trên mạng Internet còn dựa nhiều vào giáo trình mà giảng viên cung cấp. Chính vì vậy, những kiến thức mà sinh viên cập nhật chưa thật sự mới mẻ và chính xác để đáp ứng được vấn đề học tập mà giảng viên đưa ra. Những điều đó cũng ảnh hưởng phần nào tới việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của giảng viên.

Thứ ba, sự hỗ trợ từ ban giám hiệu và đồng nghiệp.

Với tinh thần cầu thị, ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện, tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn học tập cho giảng viên, khuyến khích giảng viên sử dụng CNTT trong dạy học. Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho giảng viên về các kỹ năng CNTT cơ bản, cung cấp những phần mềm phục vụ quá trình giảng dạy như phần mềm vào điểm; cho cán bộ tin học hỗ trợ, hướng dẫn giảng viên sử dụng phần mềm dạy học. Các đồng nghiệp, bạn bè hướng dẫn nhau sử dụng CNTT sao cho có hiệu quả.

Toàn bộ những nhân tố trên đã ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của việc tích cực hóa PPTT bằng sử dụng CNTT trong dạy học các môn Lý luận chính trị ở Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Thực trạng của việc tích cực hóa phương pháp thuyết trình bằng sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo nói chung và Khoa Lý luận chính trị Trường Đại học Sư phạm nói riêng đang ở những bước khởi đầu. Những giờ giảng dạy của giảng viên bước đầu đều sử dụng giáo án điện tử nhưng giáo án điện tử đó chưa thật sự đầu tư đúng mức, các slide trình chiếu còn đơn giản, nghèo nàn về ý tưởng và hiệu ứng chưa thật sự hấp dẫn, lôi cuốn người học. Bên cạnh đó, tỷ lệ giảng viên và sinh viên truy cập Internet để tìm kiếm thông tin phục vụ cho việc học còn nhiều hạn chế.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc tích cực hóa phương pháp thuyết trình bằng sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trong thời gian qua các giảng viên Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình soạn giáo án điện tử và lên lớp. Các giảng viên đã tiến hành soạn các bài giảng điện tử, lồng ghép các

tranh ảnh, sơ đồ, phim, video vào các bài học và đã có tác động rất lớn đến nhận thức và hứng thú học tập của sinh viên. Nhiều giảng viên nhận thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin như một xu thế tất yếu trong hoạt động dạy học hiện nay do đó đã thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Nhận thức được sự cần thiết cũng như vai trò của CNTT trong dạy học nhà trường không ngừng bổ sung và xây dựng các phòng học chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Nhà trường tổ chức thực hiện triển khai việc sử dụng CNTT trong dạy học, khuyến khích các giảng viên giảng dạy bằng giáo án điện tử. Sự quan tâm của nhà trường đã tạo thuận lợi cho các GV ứng dụng CNTT vào quá trình dạy học. Các giảng đường, các phòng học đều được lắp đặt máy chiếu Projector để phục vụ cho việc dạy học. Các giảng viên đều có lòng yêu nghề, có tinh thần học hỏi, trau dồi kiến thức, tích cực khai thác tìm kiếm thông tin từ internet nhằm nâng cao chất lượng bài dạy.

Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong giảng dạy các môn Lý luận Chính trị ở trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang ở những bước làm đầu tiên. Việc khai thác, sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy còn nhiều hạn chế. Các giảng viên đã sử dụng giáo án điện tử trong các giờ lên lớp nhưng chưa hiệu quả chưa cao, các slide thiết kế còn nghèo nàn, đơn giản, thiếu hấp dẫn, do đó dẫn đến tình trạng “nhìn - chép” vẫn diễn ra phổ biến.

Sở dĩ những thành tựu về công nghệ thông tin chưa được ứng dụng nhiều trong quá trình dạy - học cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh có nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân lớn nhất đó chính là về phía giảng viên - người trực tiếp đổi mới phương pháp dạy học bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, giảng viên hiện nay trong quá trình dạy học vẫn còn thói quen dạy học theo kiểu truyền thụ kiến thức một chiều chưa lấy người học làm trung tâm, vẫn chú trọng về nội dung hơn là phát triển phẩm chất năng lực của người học.

2.5. Giải pháp nâng cao việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên.

Theo nguyên tắc “nội dung quyết định phương pháp”, nghĩa là giảng viên muốn đổi mới phương pháp giảng dạy trước hết phải lựa chọn và đổi mới về nội dung giảng dạy cho phù hợp. Vì thế, mỗi giảng viên phải tự mình ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức chuyên môn để không ngừng nâng cao trình độ, trau dồi về chuyên môn

nghịệp vụ có chiều sâu để có thể đáp ứng với các phương pháp dạy học tích cực hiện nay. Bên cạnh kiến thức chuyên môn của mình thì cũng phải trang bị cho mình kiến thức mang tính tích hợp nhiều môn học, đó là phải nắm vững kiến thức của các bộ môn liên quan trong hệ thống các môn Lý luận Chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế Chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam...) vì giữa chúng có quan hệ khăng khít, gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong mỗi bài giảng. Muốn nâng cao việc sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa phương pháp thuyết trình một cách hiệu quả thì trước hết giảng viên phải nắm vững kiến thức chuyên môn, đồng thời biết sử dụng thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để phục vụ cho công tác giảng dạy.

Thứ hai, nhận thức đúng đắn vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học hiện đại, từ đó nâng cao trình độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ giảng viên.

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Giáo dục và đào tạo nói chung, cũng như trong giảng dạy các môn Lý luận Chính trị nói riêng thì việc quan tâm chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố quan trọng và đặt lên hàng đầu. Hiện nay với sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ soạn giảng dạy cơ bản là rất cần thiết cho giảng viên. Những kỹ năng quan trọng đó cần tập trung chủ yếu vào những thao tác hàng ngày trên lớp như: tra cứu, tìm kiếm thông tin, soạn giảng văn bản. Bên cạnh đó giảng viên cần sử dụng thành thạo một số phương tiện dạy học như: máy ghi âm, ghi hình, máy chiếu, máy quay phim, chụp ảnh, cách thiết kế các phần mềm cơ bản, thông dụng để soạn giảng, làm đề thi, kiểm tra, nhất là về trắc nghiệm. Giảng viên không chỉ nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho bản thân mà điều quan trọng hơn đó là giảng viên phải hướng dẫn và trang bị cho sinh viên có được những kỹ năng về công nghệ thông tin phù hợp nhằm phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo và tự giác trong học tập của sinh viên.

Thứ ba, bảo đảm nguyên tắc tính sư phạm khi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hiện đại.

Trong phương pháp giảng dạy thì không có một phương pháp nào là vạn năng cả, mỗi phương pháp đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa các phương pháp dạy học cũng có hai mặt. *Một mặt*, giảng viên khi sử dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa các phương pháp dạy học, trong đó có phương pháp thuyết trình cần đảm bảo không những tính nội dung

khoa học mà còn phải quan tâm nhiều đến tiêu chí về tính sư phạm. Tính sư phạm ở đây thể hiện ở chỗ: sự phù hợp về đặc điểm tâm sinh lý người học, tính thẩm mỹ và hài hòa của trang trình chiếu. *Mặt khác*, trong quá trình giảng dạy giảng viên cũng cần hạn chế việc chạy theo phong trào, lạm dụng máy tính trong giảng dạy làm cho người học bị phân tán sự chú ý và thiếu tập trung, điều đó chẳng những không phát huy được phẩm chất và năng lực người học trong quá trình khám phá kiến thức mới mà còn gây tâm lý ức chế cho sinh viên. Tuy nhiên, không phải bất cứ bài giảng nào trong chương trình đều phải sử dụng công nghệ thông tin, cho dù đã đảm bảo đầy đủ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, khả năng và trình độ sử dụng công nghệ thông tin một cách nhuần nhuyễn. Giảng viên còn phải biết lựa chọn, sử dụng đúng nội dung bài giảng để có thể thiết kế bài giảng một cách hợp lý nhằm phát huy tối đa tính ưu việt của công nghệ thông tin trong việc tích cực hóa phương pháp dạy học, nhất là giảng dạy theo phương pháp thuyết trình.

Thứ tư, giảng viên phải sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để hỗ trợ cho công tác giảng dạy.

Hiện nay, trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy các môn Lý luận Chính trị ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh thì yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với giảng viên là phải sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật. Các phương tiện đó bao gồm: máy vi tính, laptop, máy ghi âm, projector, video, radio, băng đĩa hình... Các phương tiện này góp phần làm đa dạng và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng; thay đổi cách học và phương pháp học, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, đi sâu nghiên cứu của sinh viên, làm cho sinh viên phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong quá trình khám phá tri thức mới từ đó phát triển được phẩm chất và năng lực của từng sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên làm chủ được các phương tiện kỹ thuật trong quá trình giảng dạy cũng là một trong những yếu tố thành công đối với việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong giai đoạn hiện nay. Việc sử dụng công nghệ thông tin thành thạo giúp cho giảng viên có thời gian nhiều hơn để tổ chức các hoạt động dạy học cho sinh viên, từ đó phát triển được phẩm chất và năng lực của người học.

Thứ năm, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đồng bộ để đáp ứng nhu cầu giảng dạy các môn Lý luận Chính trị theo phương pháp dạy học tích cực.

Để phát huy hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tích cực hóa các phương pháp nói chung, cũng như phương pháp thuyết trình nói riêng thì việc đầu tư

về cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại của nhà trường là vô cùng quan trọng, yếu tố góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của đội ngũ giảng viên và sinh viên. Để đạt được điều đó cần có sự phối hợp đồng bộ, linh hoạt giữa các bộ phận với nhau từ đó mới có thể phát huy được tính ưu việt của công nghệ thông tin trong việc tích cực hóa các phương pháp dạy học, nhất là phương pháp thuyết trình. Để đáp ứng được nhu cầu của giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy và học. Thì nhà trường phải có trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phù hợp, đồng bộ để giúp giảng viên và sinh viên chủ động, tích cực trong nghiên cứu và học tập, cụ thể như: hệ thống phòng học, phòng học chuyên dụng với PC, projector, mạng nội bộ...

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề cấp bách đặt ra, là một trong những mục tiêu trọng tâm trong cải cách giáo dục ở nước ta hiện nay. Phát huy vai trò hỗ trợ công nghệ thông tin trong giảng dạy đại học là một công việc lâu dài, khó khăn, phức tạp là trách nhiệm chung của mọi người, của các lực lượng liên quan trong hệ thống giáo dục, nhưng trong đó và trước hết đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của đội ngũ giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất, tiếp tục hoàn thiện và hiện đại hóa thiết bị, công nghệ dạy học, nhất là hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin để có thể khai thác đầy đủ và tốt nhất. Đây cũng là nhân tố cơ bản, quyết định đến chất lượng dạy và học theo phương pháp dạy học tích cực, đồng thời góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả một trong số những nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo đã đặt ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Vân Anh (2012), *Đổi mới phương pháp thuyết trình trong dạy học môn chính trị (phần Triết học Mác - Lênin) ở Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung ương*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về phương pháp giảng dạy và học tập môn Triết học Mác - Lênin trong các trường Đại học*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Công văn số 1138/BGDĐT-ĐH&SĐH - *Hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh*.
4. Nguyễn Văn Cường (dịch 2004), *Lý luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1997), *Văn kiện hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Thị Thanh Nga, (2009), *Tích cực hóa phương pháp thuyết trình trong dạy học phân “Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học” môn giáo dục công dân lớp 10 ở trường trung học bán công Liễu Giai - Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Nghị quyết số 49/CP của Thủ tướng Chính phủ (1996), *Phát triển CNTT ở Việt Nam trong những năm 90*.

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

TS. Dương Văn Khoa

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

ThS. Nguyễn Hải Trung

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Tóm tắt

Hiểu một cách cụ thể và đơn giản "Kỹ năng mềm là những kỹ năng con người tích lũy được để làm cho mình dễ dàng được chấp nhận, làm việc thuận lợi và đạt được hiệu quả". Kỹ năng mềm rất cần thiết với con người, đặc biệt là sinh viên. Xuất phát từ bản chất, đặc trưng của kỹ năng mềm và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng thực trạng giáo dục kỹ năng mềm ở các trường đại học hiện nay cho thấy sự cần thiết của việc giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học.

Từ khóa: Kỹ năng, kỹ năng mềm, dạy học, tư tưởng Hồ Chí Minh.

I. MỞ ĐẦU

Giáo dục đại học ở Việt Nam những năm gần đây đã có nhiều biến chuyển theo hướng tích cực, các cơ sở đào tạo đều hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện người học. Tuy vậy, không ít sinh viên ra trường vẫn không xin được việc làm, nguyên nhân bắt nguồn từ những yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó có sự yếu kém về các kỹ năng mềm. Từ thực tế này, một số trường đã đưa thêm nội dung giáo dục kỹ năng sống vào chương trình đào tạo dưới hình thức một chuyên đề hoặc ngoại khóa, tích hợp dạy học. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn học thuộc khoa học chính trị. Môn học có những lợi thế nhất định có thể tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong các trường đại học hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kỹ năng mềm và phân loại kỹ năng mềm

Hiện nay, có nhiều nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng cũng như kỹ năng mềm (KNM). Về cơ bản, các nhà nghiên cứu đều coi kỹ năng mềm là một thuật ngữ xã

hội học chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử áp dụng vào việc giao tiếp giữa người với người. Kỹ năng mềm (KNM) là những kỹ năng có liên quan đến việc hòa mình vào, sống với hay tương tác với xã hội, cộng đồng, tập thể hoặc tổ chức. Hiểu một cách cụ thể và đơn giản "Kỹ năng mềm là những kỹ năng con người tích lũy được để làm cho mình dễ dàng được chấp nhận, làm việc thuận lợi và đạt được hiệu quả". Đơn cử như Forland, Jeremy cho rằng "Kỹ năng mềm là một thuật ngữ thiên về mặt xã hội để chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả trong giao tiếp giữa người với người. Nói khác đi, đó là kỹ năng liên quan đến việc con người hòa mình, chung sống và tương tác với cá nhân khác, nhóm, tập thể, tổ chức và cộng đồng" [3].

Kỹ năng mềm có một số đặc điểm nổi bật, dễ nhận biết như: Không phải là yếu tố thuộc về bẩm sinh; không chỉ là biểu hiện của trí tuệ cảm xúc, kỹ năng mềm được bộc lộ và thể hiện sức mạnh của mình ở việc thiết lập mối quan hệ với người khác và duy trì mối quan hệ ấy; được hình thành bằng con đường trải nghiệm chứ không phải là sự " nạp " kiến thức đơn thuần: góp phần hỗ trợ cho kiến thức và kỹ năng chuyên môn, mà đặc biệt là kỹ năng cứng; mang tính đặc thù và không ngừng được hoàn thiện theo sự phát triển của quá trình giáo dục - đào tạo nói riêng và xã hội nói chung;

Có nhiều cách tiếp cận, căn cứ để phân loại kỹ năng mềm như: Căn cứ vào tính chất của sự tương tác giữa người với người; căn cứ vào tính chất quan hệ của mỗi cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp; căn cứ vào tính chất định hướng hoạt động nghề nghiệp căn cứ vào đặc thù hoạt động nghề nghiệp... Trong các trường đại học, do đặc thù của hoạt động nghề nghiệp nên chúng tôi phân chia kỹ năng mềm thành các loại sau [7]:

Kỹ năng tự nhận thức: Kỹ năng tự nhận thức là khả năng cá nhân vận dụng hệ thống tri thức, kinh nghiệm đã có vào quá trình tự khám phá, thấu hiểu bản thân, góp phần giúp họ xác định được những ưu điểm, hạn chế của mình, trên cơ sở đó, xây dựng những mục tiêu phù hợp với bản thân trong quá trình hoạt động.

Kỹ năng tự nhận thức được biểu hiện qua các dấu hiệu sau:

- Nhận thức về các giá trị của bản thân.
- Nhận thức về khả năng hoạt động của bản thân.
- Nhận thức về yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, yêu cầu của xã hội.

Kỹ năng làm việc theo nhóm: Kỹ năng làm việc nhóm là sự thành thạo và có kết quả một hoặc một số hành động nào đó của mỗi cá nhân trong nhóm trên cơ sở vận

dụng những tri thức, kinh nghiệm, phù hợp với bối cảnh và điều kiện cụ thể nhằm phối hợp hiệu quả với nhau để giải quyết vấn đề đặt ra, đạt được mục tiêu của hoạt động đã đề ra.

Kỹ năng làm việc theo nhóm được biểu hiện qua các dấu hiệu sau: Thực hiện nhiệm vụ để đạt mục tiêu chung của nhóm; Phối hợp với các thành viên khác trong nhóm một cách hiệu quả; Đóng góp vào sự phát triển của nhóm về mặt giao tiếp, chia sẻ ý tưởng, lắng nghe và thống nhất ý kiến; Thể hiện được các vai trò khác nhau trong nhóm một cách hiệu quả.

Kỹ năng quản lý thời gian: Kỹ năng quản lý thời gian là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào quá trình sử dụng thời gian một cách hiệu quả trong hoạt động nhằm đạt được những mục tiêu đã được xác định thông qua việc lên kế hoạch, tổ chức và kiểm tra việc sử dụng thời gian một cách tối ưu.

Kỹ năng quản lý thời gian được biểu hiện qua các dấu hiệu sau:

- Xác định và lựa chọn công việc ưu tiên.
- Phân bổ nguồn lực thời gian.
- Thói quen tích cực trong quản lý thời gian.
- Tích cực, chủ động tìm kiếm các công cụ quản lý thời gian.

Kỹ năng giao tiếp: Kỹ năng giao tiếp là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào quá trình tiếp xúc tâm lý với những người xung quanh tham gia vào hoạt động, thông qua đó, có sự trao đổi qua lại về thông tin, về cảm xúc, tác động qua lại lẫn nhau nhằm xây dựng mối quan hệ tốt đẹp góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

Kỹ năng giao tiếp được biểu hiện qua các dấu hiệu sau:

- Định hướng giao tiếp.
- Định vị đối tượng giao tiếp.
- Điều khiển, điều chỉnh quá trình giao tiếp.
- Sử dụng phương tiện giao tiếp.
- Khả năng lắng nghe và phản hồi.

Kỹ năng lãnh đạo bản thân: Kỹ năng lãnh đạo là khả năng hiểu biết, làm chủ bản thân, quản lý về mặt tinh thần, hoạt động cá nhân của mỗi cá nhân trong quá trình hoạt động trên cơ sở vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vốn có của mình nhằm chủ động tổ chức hoạt động nghề nghiệp của bản thân góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu và các nhiệm vụ hoạt động đã đặt ra.

Kỹ năng lãnh đạo bản thân được biểu hiện qua các dấu hiệu sau:

- Xác định được mục tiêu, giá trị của bản thân.
- Tự giác và trách nhiệm đối với hoạt động của bản thân.
- Ra quyết định cho hoạt động của bản thân.

Kỹ năng kiểm soát cảm xúc: Kỹ năng kiểm soát cảm xúc là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào việc nhận biết và điều khiển, điều chỉnh, chuyển hóa cảm xúc của bản thân trong quá trình hoạt động nhằm tổ chức, thực hiện hiệu quả hoạt động của mình. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc được biểu hiện qua các dấu hiệu sau: Điều chỉnh hành động của cơ thể; Tìm kiếm biện pháp kiểm soát cảm xúc.

Kỹ năng vượt qua khủng hoảng: Kỹ năng vượt qua khủng hoảng là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào việc nhận diện những tác nhân gây nên sự khủng hoảng và những biểu hiện của stress do khủng hoảng gây nên có liên quan đến hoạt động học tập, giáo dục nghề nghiệp, từ đó xác định những cách thức ứng phó khủng hoảng, thực hiện có hiệu quả hoạt động của mình. Kỹ năng vượt qua khủng hoảng được biểu hiện qua các dấu hiệu sau: Xác định nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng của bản thân; cân bằng tâm lý trước những rủi ro, thất bại; tạo động lực cho bản thân.

Kỹ năng giải quyết xung đột: Kỹ năng giải quyết xung đột là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào quá trình giải quyết xung đột nội tại, xung đột giữa các cá nhân trong nhóm hay trong tổ chức một cách hiệu quả trên tinh thần chủ động, tích cực, luôn sẵn sàng hợp tác nhằm giúp cho họ duy trì tốt các mối quan hệ để có thể thành công hơn trong quá trình hoạt động.

Kỹ năng giải quyết xung đột được biểu hiện qua các dấu hiệu sau: Xác định được phạm vi, nguyên nhân xung đột; giảng giải, thuyết phục những người xung quanh; hợp tác trong quá trình giải quyết xung đột.

Kỹ năng sáng tạo: Kỹ năng sáng tạo là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của mỗi cá nhân vào quá trình tạo ra những ý tưởng mới về cách thức hoạt động, trên cơ sở đó, ứng dụng những ý tưởng này vào hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bản thân.

Kỹ năng sáng tạo được biểu hiện qua các dấu hiệu sau: Xử lý nội dung của hoạt động; xử lý các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động; tư duy tích cực.

2.2. Ưu thế giáo dục kỹ năng mềm trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học hiện nay

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình, nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh được ban hành và áp dụng giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

Môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

Nội dung của môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình dạy học, giảng viên (GV) thường yêu cầu sinh viên (SV) phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến, hỏi, đề xuất khi nghe giảng; chuẩn bị thảo luận và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan đến nội dung của chương; dành thời gian cho việc nghiên cứu trước bài giảng dưới sự hướng dẫn của GV; tham dự các buổi thảo luận, các buổi lên lớp theo quy định.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn khoa học thuộc ngành Hồ Chí Minh học. Bên cạnh những điểm giống với các khoa học lý luận chính trị khác, tri thức môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có những đặc điểm khác biệt, cụ thể là:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh từ những giá trị văn hóa của dân tộc, nhân loại và sự vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng của C. Mác và V.I. Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Biểu hiện của sự kết tinh những giá trị văn hóa đó là hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam hướng tới sự giải phóng triệt để cho dân tộc, giai cấp bị áp bức, bóc lột và cả nhân loại.

Đặc điểm trên cho ta thấy, tri thức tư tưởng Hồ Chí Minh vừa thực tiễn, vừa trừu tượng. Bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những vấn đề hết sức trừu tượng và có sự khái quát cao (là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam), nhưng được Hồ Chí Minh diễn đạt bằng những ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu và mang tính hình ảnh cao. Ví dụ, khi nói về chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh thể hiện bằng những ngôn ngữ hết sức gần gũi: “chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng,... làm của

chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con” [5; tr.390].

Tuy nhiên, do vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện của Việt Nam nên có những khái niệm thuộc về cuộc cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh vẫn phải sử dụng nguyên văn. Ví dụ như cách mạng “tư sản dân quyền”, “cách mạng vô sản ở chính quốc”, “chủ nghĩa đế quốc”, “chủ nghĩa thực dân”... Đặc điểm này đòi hỏi GV cần sử dụng nhiều thời gian, với các hình ảnh dễ nhận biết, liên hệ, so sánh, giải thích giúp người học hiểu bản chất của vấn đề.

Tri thức môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ với tri thức môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự quan hệ chặt chẽ này xuất phát từ nguồn gốc ra đời và mục đích của tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã vận dụng, kế thừa học thuyết Mác - Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam; đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào chỉ đạo thực tiễn cách mạng. Đặc điểm này đòi hỏi GV cần khai thác tri thức của môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin để làm rõ, sâu sắc hơn nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, liên hệ tới thực tiễn cách mạng của Đất nước để thấy được kết quả tác động của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giáo dục kỹ năng mềm không phải là một môn học, đó là hoạt động giáo dục, hoạt động đó hướng tới hình thành ở người học các kỹ năng mềm cụ thể như: kỹ năng tự nhận thức, giao tiếp, sáng tạo, làm việc nhóm... Vì vậy, việc tích hợp dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với giáo dục kỹ năng mềm không thể tiến hành một cách thông thường, giống như tích hợp tri thức của hai môn học mà giáo viên vẫn thường tiến hành. GV phải căn cứ vào mục tiêu (kiến thức, kỹ năng, tư tưởng), nội dung, tính đặc thù, đặc biệt là hoạt động của thầy và trò trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và bản chất của giáo dục kỹ năng mềm để tiến hành tích hợp.

Như chúng ta đã biết, về cơ bản kỹ năng mềm chỉ hình thành thông qua trải nghiệm thực tiễn (thông qua các hoạt động thực tiễn). Trong thực tế, khi dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, GV sẽ tổ chức nhiều hoạt động để SV trải nghiệm dưới nhiều hình thức khác nhau: trải nghiệm qua bài giảng, trải nghiệm qua xem phim tài liệu, trải nghiệm qua các hoạt động thực hiện nhiệm vụ học tập, trải nghiệm qua tham quan khu di tích, bảo tàng Hồ Chí Minh, di tích lịch sử... Thông qua các hoạt động trải nghiệm đó, SV thích thú và dễ dàng nắm bắt được tri thức của môn học; đồng thời sẽ hình thành và phát triển các kỹ năng mềm [7].

Hơn nữa, học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là học tập cả phương pháp, phong cách, nhân cách của Hồ Chí Minh. Mặc dù giáo trình không hiển thị rõ ràng vấn đề này, nhưng GV cần giúp SV tiếp cận đến. Bản thân Hồ Chí Minh là một người đã đạt đến sự chuẩn mực về mọi mặt, trong đó có kỹ năng mềm. Cụ thể của các phương pháp là: *“Dĩ bất biến ứng vạn biến”*, ví dụ: Theo kế hoạch, tháng 5/1946, Hồ Chí Minh sẽ sang thăm nước Pháp, trong thời gian Bác sang Pháp, cụ Huỳnh Thúc Kháng sẽ thay Bác giữ chức Chủ tịch nước. Đúng 6h, ngày ngày 31/5/1946, Hồ Chí Minh và phái đoàn lên sân bay Gia Lâm để sang Pháp, lúc ấy Cụ Huỳnh cũng ra sân bay tiễn đoàn. Cụ Hồ đã nắm tay Cụ Huỳnh căn dặn: *“Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong cụ “dĩ bất biến, ứng vạn biến”*. Cái bất biến trong thời gian này là gì: Độc lập, thống nhất dân tộc; tự do, hạnh phúc của nhân dân *“Tôi có một ham muốn là...”*; cái ứng vạn biến là gì? Có thể thương lượng, nhân nhượng với kẻ thù về một số phương diện ngoài cái dĩ bất biến. Cụ thể: Hồ Chí Minh cùng với chính phủ đã nhường cho thành viên của Đảng Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong quốc hội không qua bầu cử; đề bạt 4 chức bộ trưởng, 1 chức phó chủ tịch nước; *“Phương pháp nắm vững thời cơ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa thời, thế và lực”*, ví dụ như: Hồ Chí Minh cùng với Đảng ta chỉ đạo chớp thời cơ giành chính quyền cách mạng năm 1945, Người nói: Thời cơ ngàn năm đã tới, dù phải hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập; *“Phương pháp biết thắng từng bước, không nôn nóng, đốt cháy giai đoạn”*, ví dụ: Trước năm 1945, khi Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (1941) đã đưa ra chủ trương thực hiện cách mạng từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa; *“Phương pháp lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù”*, thể hiện rõ trong sách lược của Đảng và Hồ Chí Minh trong việc hòa hoãn với quân Pháp và Tưởng năm 1946: *“phương pháp tâm công”*; *“phương pháp cách mạng bạo lực”*; *“phong cách tư duy”*; *“phong cách làm việc”*; *“phong cách ứng xử”*; *“phong cách diễn đạt”*; *“phong cách nêu gương”*... GV có thể khai thác thêm tầm gương Hồ Chí Minh ở khía cạnh kỹ năng mềm để giáo dục cho SV. Đây là hoạt động hoàn toàn phù hợp và giá trị trong việc thể hiện nhiệm vụ, chức năng của môn học.

Bản thân nội hàm tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm sáng tạo, cách mạng, khoa học. Đó là một sức mạnh mềm, sức mạnh của tư tưởng, tư duy. Do vậy, nội dung KNM và tư tưởng Hồ Chí Minh có sự gần gũi, tương đồng... Ví dụ, Hồ Chí Minh nói: Cách mạng thuộc địa cần tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Đây là một luận điểm sáng tạo,

thể hiện khả năng tư duy, trí tuệ linh hoạt, khoa học, không rập khuôn máy móc của Hồ Chí Minh. Đặc biệt, chương 1: “Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh” trình bày thiên về thực tiễn liên qua đến cá nhân con người cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, nội dung của chương thể hiện rõ nét KNM của Hồ Chí Minh, biểu hiện qua phong cách và phương pháp của Người.

“Thực tiễn công tác giáo dục học sinh, sinh viên ở nước ta hiện nay cho thấy, không ít SV thiếu và yếu về kỹ năng sống nói chung, kỹ năng mềm nói riêng. Hệ thống giáo dục đại học đã chú ý nhiều đến việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học (kỹ năng cứng), nhưng thiếu vắng những giờ học, học phần, hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho các em. Chính vì vậy, một trong những lý do của nhiều SV sau khi tốt nghiệp đã thất bại trong các cuộc phỏng vấn xin việc của các doanh nghiệp là yếu về kỹ năng mềm (đơn giản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sáng tạo).

Kỹ năng mềm là những yếu tố quan trọng và cần thiết thuộc về năng lực của con người. Đặc biệt trong xã hội hiện đại với sự bùng nổ nhanh chóng của khoa học công nghệ, kỹ năng mềm lại càng trở nên quan trọng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học có nhiều lợi thế trong việc tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV (đã trình bày ở trên); đồng thời, giáo dục kỹ năng mềm cho SV không chỉ là nhu cầu của người học, trường học mà của toàn xã hội. Xuất phát từ thực tiễn và những lý do trên cho thấy, giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề cần thiết và có tính khả thi cao” [7].

Có thể nói rằng, giáo dục KNM cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là hoạt động hết sức cần thiết. Để hoạt động này được tiến hành một cách thuận lợi và hiệu quả, GV giảng dạy môn học này cần quan tâm xác định mục tiêu, hình thức, phương pháp giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên, bên cạnh đó, cần quan tâm thực hiện thường xuyên và hiệu quả việc kiểm tra, đánh giá kết quả tích hợp giáo dục KNM cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học hiện nay

Để có thêm thông tin, dữ liệu khẳng định về sự cần thiết của việc giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên ở các trường đại học hiện nay, chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát tại một số trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay. Kết quả được hiện thị ở các bảng số liệu dưới đây:

Bảng 1. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương [7]

Nội dung giáo dục KNM cho SV	Giảng viên (%)					Sinh viên (%)				
	<i>Rất thường xuyên (TX)</i>	<i>Khá TX</i>	<i>TX</i>	<i>Ít TX</i>	<i>Chưa thực hiện</i>	<i>Rất TX</i>	<i>Khá TX</i>	<i>TX</i>	<i>Ít TX</i>	<i>Chưa thực hiện</i>
Giáo dục kỹ năng tự nhận thức	0,0	0,0	6.1	33.3	54.5	0.5	3.5	13.1	82,9	0,0
Giáo dục kỹ năng làm việc theo nhóm	0,0	0,0	3.0	42.4	51.5	0.7	3.3	14.1	81,9	0,0
Giáo dục kỹ năng quản lý thời gian	0,0	0,0	3.0	42.4	51.5	1.6	5.2	11.0	82,2	0,0
Giáo dục kỹ năng giao tiếp	0,0	0,0	3.0	42.4	45.5	0.2	4.0	11.9	83,9	0,0
Giáo dục kỹ năng lãnh đạo bản thân	0,0	0,0	3.0	30.3	66.7	0.2	5.2	12.4	82,2	0,0
Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc	0,0	0,0	0	42.4	51.5	0.2	3.7	14.3	81,8	0,0
Giáo dục kỹ năng vượt qua khủng hoảng	0,0	0,0	6.1	33.3	60.6	0.5	5.2	14.5	79,8	0,0
Giáo dục kỹ năng giải quyết xung đột	0,0	0,0	0	45.5	51.5	0.9	14,1	40,0	36,9	0,0
Giáo dục kỹ năng sáng tạo	0,0	0,0	3.0	36.4	57.6	0.5	4.9	12.6	82,6	0,0

Số liệu của bảng trên cho thấy, những năm gần đây tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương, các nội dung giáo dục KNM cho SV đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, đối tượng tham gia khảo sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung giáo dục KNM tại các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương chủ yếu ở mức “*Ít thường xuyên*”.

Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu thực trạng thực hiện các con đường giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương, kết quả cho thấy:

Bảng 2. Thực trạng thực hiện các con đường giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương [7]

Các con đường giáo dục KNM cho SV	Giảng viên (%)					Sinh viên (%)				
	<i>Rất TX</i>	<i>Khá TX</i>	<i>TX</i>	<i>Ít TX</i>	<i>Chưa thực hiện</i>	<i>Rất TX</i>	<i>Khá TX</i>	<i>TX</i>	<i>Ít TX</i>	<i>Chưa thực hiện</i>
Giáo dục KNM cho SV các trường Đại học thông qua hoạt động dạy học các môn học	0,0	0,0	3.0	42.4	51.5	0.2	3.7	14.3	81,8	0,0
Giáo dục KNM cho SV các trường Đại học thông qua các hoạt động sinh hoạt tập thể của SV	0,0	0,0	3.0	42.4	45.5	1.6	5.2	11.0	82,2	0,0
Giáo dục KNM cho SV các trường Đại học thông qua các hoạt động xã hội dành cho SV	0,0	0,0	3.0	30.3	66.7	0.5	4.9	12.6	82,6	0,0
Giáo dục KNM cho SV các trường Đại học thông qua hoạt động tự rèn luyện, tự tu dưỡng của SV	0,0	0,0	6.1	33.3	60.6	0.9	14,1	40,0	36,9	0,0

Số liệu bảng 2 cho thấy, các con đường giáo dục KNM nêu trên đã được triển khai trong thực tiễn giáo dục của các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương thời gian qua. Tuy vậy, GV và SV tham gia khảo sát đánh giá mức độ thực hiện các con đường giáo dục KNM cho SV chủ yếu ở mức “*Ít thường xuyên*”. Thực trạng này đòi hỏi các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng, các trường đại học trên cả nước nói chung, cụ thể là cán bộ quản lý nhà trường, cùng đội ngũ GV cần quan tâm hơn nữa tới công tác giáo dục kỹ năng mềm, nhất là các biện pháp, con đường giáo dục KNM phù hợp với đối tượng người học.

III. KẾT LUẬN

Kỹ năng mềm là những kỹ năng mà mỗi người sử dụng để chuẩn bị, thiết lập và phát triển mối quan hệ tương tác qua lại giữa mình với những người xung quanh nhằm giúp hoạt động nghề nghiệp đạt được kết quả tối ưu. Đây là kỹ năng có ý nghĩa hết sức

quan trọng đối với mỗi SV trong quá trình tham gia đào tạo nghề ở trường Đại học và quá trình công tác sau này.

Hệ thống kỹ năng mềm cần được hình thành và phát triển cho SV các trường đại học bao gồm: Kỹ năng tự nhận thức cho SV; kỹ năng tự nhận thức; kỹ năng làm việc theo nhóm cho SV; kỹ năng quản lý thời gian cho SV; kỹ năng giao tiếp cho SV; kỹ năng lãnh đạo bản thân cho SV; kỹ năng kiểm soát cảm xúc cho SV; kỹ năng vượt qua khủng hoảng cho SV; kỹ năng giải quyết xung đột cho SV và kỹ năng sáng tạo cho SV.

Những tri thức của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học có ưu thế trong giáo dục kỹ năng mềm cho SV, do đó, cần triển khai thực hiện tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh dựa vào việc xác định đúng đắn, thực hiện thường xuyên, hiệu quả mục tiêu, hình thức, phương pháp tích hợp.

Trong những năm qua, GV và SV các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng, cả nước nói chung ngày càng quan tâm nhiều hơn đến hệ thống kỹ năng mềm cần hình thành và phát triển ở SV; ưu thế của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục kỹ năng mềm cho SV; thấy được lợi thế của dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc phát triển kỹ năng mềm cho SV và sự cần thiết của vấn đề tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó, bước đầu xác định và triển khai mục tiêu, hình thức, phương pháp tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và đã đạt được những kết quả nhất định song còn nhiều tồn tại cần giải quyết.

Để nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học cần quan tâm đầu tư cho các hoạt động thiết kế kế hoạch dạy học tích hợp môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với hệ thống kỹ năng mềm; tổ chức thực hiện dạy học tích hợp môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với hệ thống kỹ năng mềm và kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tích hợp môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với hệ thống kỹ năng mềm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Cường (2010), *Một số vấn đề chung về đổi mới phương pháp dạy học ở trường trung học phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Forland, Jeremy (2006), *Managing Teams and Technology*, UC Davis, Graduate School of Management.
4. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2010), *Giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật.
6. Max. A. Eggert (2012), *Kỹ năng mềm cho người đi làm - Ngôn ngữ cơ thể, Dịch và xuất bản* - Nxb Trẻ.
7. Nguyễn Hải Trung (2020), *Biện pháp tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 7.

MỘT SỐ YÊU CẦU NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH CHO SINH VIÊN HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Trương Thị Thắm

Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tóm tắt

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, nhất là “Học đi đôi với hành” là định hướng cơ bản, quan trọng đối với nâng cao năng lực thực hành của sinh viên Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam. Để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện sinh viên theo mục tiêu đào tạo của Học viện và nhu cầu của xã hội; các tổ chức, lực lượng cần nhận thức và thực hiện tốt các yêu cầu về nâng cao năng lực thực hành theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Năng lực, năng lực thực hành, sinh viên, tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người rất quan tâm đến giáo dục, thông qua giáo dục mới hình thành phẩm chất, năng lực toàn diện con người xã hội chủ nghĩa. Theo Người, trong giáo dục phải kết hợp cả lý thuyết và thực hành, hướng đến năng lực thực hành trong thực tế cuộc sống và công tác: “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên. Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem loè thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích. Vì vậy, chúng ta phải *gắng học*, đồng thời học thì phải *hành*”¹. Đối với sinh viên ngành y, dược nói chung và y - dược học cổ truyền nói riêng, dạy học thực hành, năng lực thực hành sau khi ra trường đóng vai trò rất quan trọng. Bởi, mục tiêu đào tạo ra những y, bác sĩ trực tiếp khám bệnh xác định triệu chứng, kê đơn, bốc thuốc, châm cứu, trị liệu gây tê, bấm huyệt cứu chữa cho người bệnh. Nếu hành động thực hành, kỹ năng, tay nghề chuyên môn thuần thực, trực tiếp cứu chữa cho bệnh nhân và ngược lại chỉ một cử chỉ, hành động không đúng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe bệnh

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.275.

nhân, thậm chí gây nên cái chết không đáng có cho bệnh nhân. Ngày 27/2/1955, nhân dịp Hội nghị Cán bộ y tế được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Hội nghị nêu rõ: “Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khỏe cho đồng bào. Đó là một nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. “Lương y phải như từ mẫu”, câu nói ấy rất đúng”².

II. NỘI DUNG

Nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên là hoạt động có mục đích, có tổ chức của các chủ thể bằng những nội dung, hình thức, biện pháp tác động đến sinh viên nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, chuyên môn công tác, để chuyển hóa kiến thức thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp y - dược học cổ truyền, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, chuẩn đầu ra của Học viện.

Nhận thức đúng vai trò năng lực thực hành của sinh viên, Học viện Y - dược học cổ truyền Việt Nam đã quán triệt thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của tổ chức Đảng các cấp về công tác giáo dục - đào tạo, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030* của Chính phủ. Trên cơ sở nghị quyết lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp, chỉ đạo của ngành và nhu cầu của thực tiễn xã hội. Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, các Phòng, ban chức năng, các Khoa, Trung tâm, Viện và Bệnh viện Tuệ Tĩnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ, kiên quyết hướng vào nâng cao năng lực thực hành của sinh viên. Do vậy, kết quả học tập, rèn luyện nói chung, năng lực thực hành của sinh viên nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Tuy nhiên, năng lực thực hành trong quá trình học tập, rèn luyện tại Học viện cũng như trong quá trình thực hiện nghề nghiệp chuyên môn sau khi tốt nghiệp của một số ít sinh viên chưa thật đồng đều và đáp ứng tốt với đòi hỏi của thực tiễn. Trước những điều kiện mới của thực tiễn xã hội thế giới, trong nước và sự phát triển khoa học công nghệ (cách mạng công nghiệp lần thứ tư) diễn ra nhanh chóng. Để nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên các ngành y, dược học cổ truyền ở các bậc học, cần quán triệt

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.343.

và vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, về “Học đi đôi với hành” với một số yêu cầu cụ thể sau:

Một là, bám sát mục tiêu đào tạo của Học viện, phương hướng của ngành y tế và đòi hỏi của thực tiễn xã hội.

Đây là yêu cầu quan trọng hàng đầu, chỉ đạo xuyên suốt quá trình đào tạo và mọi hoạt động nhằm nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên. Hồ Chí Minh yêu cầu trong dạy học phải xác định rõ mục tiêu đào tạo, trên cơ sở đó để đặt ra các mục tiêu về thực hành, về trình độ kỹ năng, kỹ xảo tay nghề trong thực tiễn công tác. “Khi học tập lý luận thì nhằm mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận... Khi vận dụng thì bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta”³. Muốn thế, thì: “Nhà trường gắn liền với xã hội”; “Học đi đôi với hành”; “Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất”. Xã hội, bệnh viện, người bệnh cần gì ở y sĩ, bác sĩ thì mục tiêu đào tạo của Học viện phải hướng vào đó để xác định mục tiêu dạy học thực hành, xây dựng các bộ tiêu chuẩn đầu ra cụ thể cả về kiến thức, tri thức với năng lực thực hành, vận dụng và sự sáng tạo trong nghề nghiệp.

Mục tiêu đào tạo của Học viện luôn có sự thống nhất giữa lý thuyết và thực hành, lấy thực hành là chính. Chống lại tư tưởng tuyệt đối hóa lý thuyết hoặc thực hành, “Học lý luận không phải để nói mệp, nhưng biết lý luận mà không thực hành là lý luận suông. Học là để áp dụng vào việc làm. Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp”⁴. Nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên phải góp phần tạo sự chuyển biến tích cực toàn diện về chất lượng học tập, tu dưỡng, rèn luyện của mỗi sinh viên. Kết hợp chặt chẽ giữa nâng cao năng lực thực hành với bồi dưỡng y đức cho sinh viên. “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là *đạo đức cách mạng*. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng. Đạo đức cách mạng là triệt để trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân”⁵. Mục tiêu khi tốt nghiệp, sinh viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức y học chuyên sâu, tay nghề giỏi và khả năng vận dụng sáng tạo lý thuyết vào thực tiễn từng bệnh nhân, từng triệu chứng. Đồng thời, có khả năng tham gia nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tri thức khoa học y dược học cổ truyền vào phát triển ngành nghề, lĩnh vực.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.95-96.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.357.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.400.

Để thực hiện tốt yêu cầu này, toàn bộ các chủ thể từ Ban Giám đốc đến các Phòng, ban chức năng, các Bộ môn đào tạo, Bệnh viện, Trung tâm, đặc biệt là các khoa chuyên ngành và bệnh viện (cơ sở thực hành của Học viện), các lực lượng tham gia vào quá trình đào tạo phải quán triệt, nắm chắc đặc điểm thực tiễn ngành y dược học cổ truyền trong nước và quốc tế. Thường xuyên nghiên cứu, quán triệt tốt các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo của từng ngành, nghề của Học viện. Trên cơ sở đó, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều chủ trương, biện pháp sát đúng tổng thể từ rà soát, bổ sung cập nhật mục tiêu, chương trình đào tạo hướng vào thực hành, tay nghề chuyên môn. Đồng thời, coi trọng các biện pháp giáo dục, rèn luyện sinh viên về kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo; về phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác; đổi mới và tăng cường dạy học thực hành phù hợp theo tính chất, công việc mà sinh viên đảm nhiệm sau này. Tích cực đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, rèn luyện sinh viên; coi trọng tổ chức học ngoại khóa, luyện tập, thực hành ở từng bài, từng môn học, thực tập. Phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và giảng viên trợ giảng thực hành, bác sĩ, y sĩ nhằm bồi dưỡng, rèn luyện và tạo môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, rèn luyện nâng cao năng lực thực hành. Kịp thời rút kinh nghiệm, đánh giá đúng kết quả học tập, rèn luyện; từng bước nâng dần chỉ tiêu, yêu cầu, góp phần nâng cao năng lực thực hành của sinh viên đáp ứng tốt mục tiêu đào tạo.

Hai là, phù hợp với những phát triển mới về y học, về giáo dục - đào tạo và điều kiện thực tế của Học viện.

Đây là yêu cầu định hướng hoạt động nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên phải trên cơ sở những phát triển mới về y dược học cổ truyền dân tộc, về giáo dục đào tạo và điều kiện của Học viện. Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển về công nghệ thông tin đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo. Để tận dụng cơ hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành y, các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện năng lực thực hành phải trên cơ sở đáp ứng với những phát triển mới của thực tiễn, phù hợp với sinh viên các ngành y, dược học. Nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên phải trên cơ sở thường xuyên cập nhật nội dung, bổ sung những tri thức, thành tựu mới, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật y học Đông y, Tây y trong nước và thế giới như Bác dạy: “Y học càng phải dựa trên nguyên tắc: khoa học, dân tộc và đại chúng. Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý báu về cách chữa bệnh bằng thuốc ta, thuốc bắc. Để mở rộng phạm vi y học, các cô, các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu và phối hợp thuốc “Đông” và thuốc “Tây”⁶.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.344.

Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận, học tập thực hành cần thích ứng những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại. Mở rộng liên kết, tranh thủ các nguồn lực bằng việc chủ động ký kết hợp tác phối hợp đào tạo nghiên cứu khoa học với các Bệnh viện lớn như Bệnh viện K Trung ương, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, Bệnh viện 198, Bệnh viện Nội Tiết, Bệnh viện E, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, Bệnh viện Việt Đức để xây dựng và phát triển nền giáo dục mở. Tạo điều kiện để học viên tiếp cận lâm sàng thông qua các cơ sở khám, chữa bệnh đó nâng cao năng lực thực hành của người học. Có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế trong giáo dục - đào tạo.

Nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên phải luôn bám sát điều kiện thực tiễn về chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, y - bác sĩ; chương trình đào tạo; hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; thực tiễn khám, chữa bệnh, điều trị ở các bệnh viện, cơ sở chữa bệnh y dược học cổ truyền. Học viên phải trang bị các nội dung mà các “khách hàng” có và cần trong quá trình đào tạo. Đồng thời, thường xuyên cập nhật những thay đổi, phát triển về công nghệ, máy móc, trang thiết bị y tế hiện đại vào chương trình đào tạo, thực hiện Học viện đi trước một bước, bảo đảm sinh viên khi tốt nghiệp ra trường có thể đáp ứng ngay yêu cầu, nhiệm vụ khám chữa, bệnh cho nhân dân.

Giảng dạy thực hành gắn với ứng dụng có hiệu quả các phương tiện, công nghệ dạy học tiên tiến, nhất là công nghệ mô phỏng. Phát huy hiệu quả Bệnh viện Tuệ Tĩnh, là bệnh viện thực hành chuẩn, được trang bị nhiều thiết bị hiện đại với đội ngũ thầy thuốc chuyên khoa sâu cả y dược học cổ truyền và y học hiện đại. Các hoạt động của bệnh viện giúp học viên hình thành nhân cách khoa học, nhân cách của một lương y, không vụ lợi, không lạm dụng thuốc, không lạm dụng các xét nghiệm, các phương pháp thăm dò chức năng... và đặc biệt là nâng cao năng lực thực hành của sinh viên. Tuy nhiên, cũng cần căn cứ vào điều kiện, khả năng của Học viện, của Bộ Y tế để xác định: “Về chuyên môn: Cần luôn luôn học tập nghiên cứu để luôn luôn tiến bộ, nhưng phải chú trọng cái gì thiết thực và thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến của ta hiện nay”⁷. Do đó, phải tùy theo điều kiện thực tiễn để vận dụng nghiên cứu, ứng dụng phương tiện, bảo đảm cơ sở vật chất cho dạy học thực hành phù hợp và hiệu quả.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.154.

Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp của các chủ thể trong quá trình giáo dục - đào tạo.

Nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên chỉ đạt được kết quả thiết thực khi các phòng, ban chức năng, khoa giáo viên, bệnh viện, đội ngũ cán bộ y, bác sĩ và trực tiếp nhất là giảng viên, sinh viên phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; trong tổ chức và thực hiện các hoạt động thực tiễn cho sinh viên. Đồng thời, có sự phối, kết hợp đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất của tất cả các cấp, các ngành, các lực lượng trong và ngoài Học viện tham gia vào giáo dục - đào tạo. Đây là một yêu cầu, mà ngay như Giáo sư Tôn Thất Tùng nổi tiếng với “Phương pháp Tôn Thất Tùng” (hay “phương pháp mổ gan khô”), đã rất tâm đắc: Nếu quả tôi đóng góp chút gì về khoa học, chính là nhờ tôi biết học và hành bài học đoàn kết của Bác Hồ. Tôi hiểu rằng sự nghiệp khoa học bao giờ cũng là sự nghiệp tập thể. Người làm công tác khoa học phải học cách phối hợp, phối hợp rất tài tình các binh chủng khác nhau như Bác Hồ đã tập hợp trí dũng của dân ta, đưa dân ta từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Để thực hiện tốt yêu cầu này, cấp ủy, tổ chức Đảng phải thường xuyên có chủ trương, biện pháp lãnh đạo sát đúng, chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục - đào tạo khoa học. Chủ động nắm chắc năng lực giảng dạy thực hành của giảng viên. Trên cơ sở đánh giá đúng kết quả học tập, rèn luyện và chất lượng thực hiện nhiệm vụ của sinh viên để xác định những khâu yếu, mặt yếu, qua đó đa dạng hóa nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện sinh viên thực hành. Đồng thời, thông qua thực hành kết hợp với giáo dục chính trị, giáo dục y đức và các kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

Đội ngũ cán bộ bác sĩ, y sĩ, giảng viên có vai trò quan trọng, “Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu”⁸. Họ phải nắm chắc mục tiêu, yêu cầu đào tạo; nêu cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ và tổ chức hoạt động thực tiễn. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học: “Các cô, các chú phải nhận rõ trách nhiệm của mình. Phải luôn luôn đặt câu hỏi: Dạy ai? Nói chung là học trò. Dạy để làm gì?”⁹, “Giáo viên nên kêu gọi những kinh nghiệm để tìm cách dạy tốt”¹⁰. Tăng cường thực hành làm mẫu, là tấm gương về tinh thông y lý, y thuật và y đức. Phải làm cho sinh viên hiểu rằng, chỉ một phút lơ đãng, thờ ơ, tắc trách đến vô cảm của đội ngũ cán bộ nghề y cũng có thể

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.269.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.269.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.269-270.

gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng, dẫn đến mất mát đốn đau và to lớn mà không gì có thể bù đắp nổi cho gia đình bệnh nhân. Từ đó, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, phương pháp, tác phong thực hành cho sinh viên. Thường xuyên uốn nắn, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời; động viên, khích lệ và tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho sinh viên tự bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao năng lực thực hành.

Đội ngũ sinh viên cần phát huy trách nhiệm, tính tích cực, tự giác, sáng tạo, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo để nâng cao năng lực thực hành, đáp ứng yêu cầu học tập, rèn luyện tại trường và thực hiện tốt công việc, nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp. Quá trình học cần phải “đi học thì phải có mở lòng, tức là phải biết học để làm gì, học như thế nào”¹¹, “Trong khi các cô, các chú nghiên cứu tài liệu, không phải học cho thuộc lòng. Dù có thuộc từ đầu chí cuối mà không biết cách áp dụng vào thực tế thì thuộc cũng vô ích, đó là giáo điều”¹² và rằng “Sau đây ra nhận việc, các anh em sẽ phải vừa làm vừa học, nghiên cứu không những trong sách vở mà ngay trong những công tác của mình”¹³. Trong thực hành hướng đến vận dụng sáng tạo, “Khi trở về làm việc, cần phải áp dụng những điều đã học cộng với kinh nghiệm của mình vào công việc thực tế một cách khôn khéo, mềm dẻo, hợp với hoàn cảnh chứ không nên máy móc”¹⁴.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các chủ thể trên là cơ sở, tạo hiệu quả to lớn trong nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên, như Hồ Chí Minh căn dặn: “Đoàn kết giữa cán bộ cũ và cán bộ mới. Đoàn kết giữa tất cả những người trong ngành y tế, từ các Bộ trưởng, Thứ trưởng, bác sĩ, dược sĩ cho đến các anh chị em giúp việc. Bởi vì, công việc và địa vị tuy có khác nhau, nhưng người nào cũng là một bộ phận cần thiết trong ngành y tế, trong việc phục vụ nhân dân”¹⁵.

Bốn là, nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên phải đặt trong tổng thể các mặt công tác khác của Học viện.

Quá trình nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên, chủ thể và đối tượng phải thường xuyên quán triệt, thực hiện đúng quan điểm của Người “Học để hành: Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”¹⁶. Cần có biện pháp đột phá trong dạy học nói chung và dạy học thực hành nói riêng. Trong đó, coi trọng xây dựng đội ngũ giảng viên bảo đảm về số lượng

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.492.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.494.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.38.

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.179.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.343.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.361.

và chất lượng; bồi dưỡng nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực, kinh nghiệm quản lý, điều hành giáo dục đào tạo, khám chữa bệnh của đội ngũ cán bộ. Tích cực tổ chức các hoạt động ngoại khóa kết hợp chặt chẽ giữa trang bị kiến thức, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống với rèn luyện nâng cao năng lực thực hành; gắn lý thuyết với thực hành, với thực tiễn dạy học, khám chữa bệnh của Bệnh viện Tuệ Tĩnh. Duy trì nền nếp công tác kiểm tra, thanh tra công tác giáo dục ở tất cả các đối tượng, bậc học. Coi trọng đổi mới, nâng cao chất lượng thi, kiểm tra và đánh giá kết quả của người học theo hướng mục tiêu kỹ năng thực hành tay nghề.

Chủ động đổi mới công tác nghiên cứu khoa học, phát huy mọi tiềm năng trí tuệ, khả năng nghiên cứu, sáng tạo của các lực lượng, đặc biệt là các chuyên gia giỏi, nhà khoa học và các lương y có trình độ, uy tín của Viện Nghiên cứu Y Dược cổ truyền Tuệ Tĩnh. Đồng thời, khai thác hiệu quả 6 labo, 4 phòng nghiên cứu hiện đại, liên kết với các doanh nghiệp trong việc chuyển giao công nghệ và nuôi trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GAP, GACP phục vụ thiết thực, hiệu quả cho dạy học thực hành. Triển khai ứng dụng có hiệu quả các đề tài, sáng kiến trong giáo dục đào tạo.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu và các tổ chức đoàn thể ở Học viện. Tổ chức hiệu quả phong trào thi đua, các cuộc vận động, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý các cấp chấp hành nghiêm pháp luật, quy định. Xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện thiết thực và góp phần trực tiếp nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao đối với đội ngũ thầy thuốc, về chuyên môn. Trong *Thư khen cán bộ và nhân viên quân y*: “Quân y đã cùng với ngành y tế nhân dân chế được nhiều thuốc hay, tìm được nhiều cách chữa giỏi, góp phần tổ chức, hướng dẫn cho bộ đội cách ăn ở tốt”, Bác cũng nhắc nhở: “Đoàn kết chặt chẽ, nêu cao tinh thần tập thể, thi đua học tập và công tác để tiến bộ không ngừng về chính trị, tư tưởng, về chuyên môn kỹ thuật. Luôn luôn ghi nhớ rằng người thầy thuốc giỏi đồng thời phải là người mẹ hiền, hết lòng hết sức cứu chữa và phục vụ thương binh, bệnh binh, tích cực nâng cao sức khỏe của bộ đội”¹⁷. Thực hiện lời căn dặn trên của Bác, cần quán triệt toàn diện đầy đủ các yêu cầu trên. Luôn đặt các

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.361.

yêu cầu đó trong quan hệ chặt chẽ, biện chứng. Tất cả các tổ chức, các lực lượng tham gia vào quá trình đào tạo sinh viên của Học viện phải nghiên cứu và vận dụng linh hoạt, sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ theo chức trách, góp phần nâng cao năng lực thực hành cho sinh viên đào tạo y sĩ, bác sĩ trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng bộ Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa XI* (Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (trọn bộ 15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Ngọc Đại (2012), *Giải pháp đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

VẬN DỤNG GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH TRONG GIÁO DỤC SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Xuân Dũng

ThS. Nguyễn Văn Tráng

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Tóm tắt

Đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam; tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây; tư tưởng, tấm gương đạo đức của Mác, Ăngghen và Lênin; từ chính bản thân cuộc đời của Người. Những giá trị đạo đức cách mạng của Người đã ảnh hưởng sâu rộng đến việc giáo dục nhân cách cho các thế hệ người Việt Nam, trong đó có sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng.

Từ khóa: Đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh, sinh viên, Đại học, Cao đẳng.

I. MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ thiên tài, sự nghiệp và tư tưởng của Người là di sản vô giá của dân tộc và cách mạng Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, trong đó có tư tưởng đạo đức cách mạng. Trong suốt cuộc đời của mình, Hồ Chí Minh đã xây dựng, phát triển, thực thi một nền đạo đức cách mạng cho mọi người Việt Nam học tập, rèn luyện và noi theo. Trong khuôn khổ chủ đề Hội thảo đưa ra là: “100 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin”, chúng tôi xin đề cập việc vận dụng một số giá trị tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay. Mục đích chúng tôi đặt ra ở đây là làm thế nào để sinh viên nắm được giá trị cốt lõi trong tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh và việc nhận thức, hình thành nhân cách trong họ những giá trị ấy giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Sự hình thành đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin

Đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam; tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây; tư tưởng, tấm gương đạo đức của Mác, Ăngghen và Lênin; từ chính bản thân cuộc đời của Người. Tuy nhiên, việc hình thành

những giá trị cốt lõi về đạo đức cách mạng ở Hồ Chí Minh là thời điểm Người tìm được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin* vào tháng 7/1920. Đó là kết quả thực tiễn gần 10 năm tìm tòi con đường cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc Việt Nam của Người. Luận cương của Lênin đóng vai trò quyết định đối với sự hình thành tư tưởng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh. Bởi lẽ, Luận cương đã giải đáp cho Hồ Chí Minh những vấn đề cơ bản nhất về mục tiêu và con đường cách mạng; về phương pháp tiến hành cách mạng để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động thoát khỏi gông cùm nô lệ, tiến bước trên con đường văn minh; thông điệp về tình đoàn kết giữa những người lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới xích lại gần nhau trong sự nghiệp giải phóng... Có thể nói, Luận cương của Lênin đã tạo ra một bước ngoặt về nguồn gốc tư tưởng đạo đức của Người; từ nay không chỉ bao gồm những yếu tố xuất phát từ truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc mà còn tiếp cận với mục tiêu giải phóng cả nhân loại đau khổ. Hơn thế nữa, Năm 1924, trong bài viết “*Lênin và các dân tộc phương Đông*”, Người đã viết về “đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy” và chỉ ra sự “vĩ đại và cao đẹp đó” chính “là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị” [2, tr.317] của V.I. Lênin. Đây là lần đầu tiên Hồ Chí Minh viết về đạo đức của người cách mạng qua biểu tượng V.I. Lênin. Năm 1927, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Hồ Chí Minh đề cập đối với mình phải: cần kiệm, vị công vô tư, ít lòng ham muốn vật chất; đối với người phải: khoan thứ, trực mà không táo bạo; đối với công việc phải: quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể...

Tra cứu trong bộ *Hồ Chí Minh toàn tập*, khái niệm đạo đức cách mạng được sử dụng nhiều lần trong 79 bài viết, bài nói của Người và được Hồ Chí Minh nêu lên lần đầu trong bài viết Cán bộ và đời sống mới đăng trên báo *Sự thật*, số 88, ngày 2/9/1947, đúng vào ngày kỷ niệm tròn hai năm Cách mạng tháng Tám thành công. Lần cuối cùng Người sử dụng khái niệm này trong Bài nói chuyện với các đồng chí lãnh đạo Tổng công đoàn lao động Việt Nam vào ngày 18/7/1969, trước khi Người đi vào cõi vĩnh hằng.

Như vậy, có thể nói, “*Tư cách một người cách mạng*” được xem là khái niệm xuất phát của khái niệm đạo đức cách mạng và đã được Hồ Chí Minh đề cập từ năm 1927. Sự xuất hiện khái niệm đó do yêu cầu khách quan của tiến trình vận động thành lập Đảng ta và nó tồn tại trong suốt thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc cho tới Cách mạng tháng Tám thành công. Khi toàn Đảng, toàn dân bước vào xây dựng xã hội mới, tiến hành kháng chiến và kiến quốc, cho đến cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc, trên cơ sở nội hàm đã xác định của khái niệm tư cách một người cách mạng, Hồ Chí Minh nêu lên một khái niệm

thay thế biểu thị thành ngôn ngữ là đạo đức cách mạng - đó là đạo đức của cán bộ, đảng viên như một sự phân biệt với quan niệm chung về đạo đức của người Việt Nam. Trên thực tế, từ năm 1947 đến 1969, khi nói tới đạo đức của cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ dùng một khái niệm là đạo đức cách mạng. Ngày nay, nói tới đạo đức cách mạng cũng là đạo đức của cán bộ, đảng viên của Đảng ta.

2.2. Khái quát một số giá trị chuẩn mực đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh được chuyển tải tới sinh viên

Trong 11 năm sống và làm việc tại Nhà Sàn (1958 - 1969), trên cương vị là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã viết nhiều tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn, có tầm tư tưởng mang dấu ấn thời đại, bao quát trên nhiều lĩnh vực, tập trung vào các nhiệm vụ chính của cách mạng Việt Nam. Trong số các tác phẩm nổi bật Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tại Nhà sàn có tác phẩm *Đạo đức cách mạng* ký bút danh Trần Lực, đăng trên tạp chí *Học tập*, số 12, năm 1958. Đây là tác phẩm có giá trị nhiều mặt cả về lý luận và thực tiễn, thể hiện mối quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến vấn đề rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, để Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc.

Những chuẩn mực đạo đức cách mạng của Người được chuyển tải tới sinh viên chủ yếu được thông qua môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung bao gồm: Trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; yêu thương con người, sống có tình có nghĩa; tinh thần quốc tế trong sáng. Tất cả nội dung được khái quát như sau:

- *Trung với nước, hiếu với dân.*

+ Theo Người, trung với nước là trung thành với sự nghiệp giữ nước và dựng nước. Nước ở đây là nước của dân, còn dân lại là chủ nhân của đất nước: bao nhiêu quyền hạn đều của dân; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân; Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu, cuỡi cổ nhân dân”. Cán bộ, đảng viên phải quyết tâm tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, phải “tận trung, tận hiếu” thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ trung thành của nhân dân.

+ Hiếu với dân, theo Người là chăm lo phụng dưỡng, bồi đắp và đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân; phải gần dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân và phải lấy dân làm gốc. Với Hồ Chí Minh, lãnh đạo phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm đến việc cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, để nhân dân hiểu được quyền và trách nhiệm của người chủ đất

nước, quyền thì hưởng, trách nhiệm thì phải làm tròn. Có như vậy, người lãnh đạo sẽ được dân tin yêu, quý mến, kính trọng, nhất định sẽ tạo ra sức mạnh to lớn cho cách mạng.

Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

- *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư* gắn liền và là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất trung với nước, hiếu với dân. Hồ Chí Minh xem cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức mà mỗi người phải có, thiếu một đức thì không thành người. Người giải thích:

+ Cần là siêng năng, chăm chỉ; lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có hiệu suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh.

+ Kiệm là tiết kiệm (thời gian, công sức, của cải...) của nước, của dân; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi.

+ Liêm là luôn tôn trọng của công và của dân. Phải trong sạch, không tham lam tiền của, địa vị, danh tiếng.

+ Chính là thẳng thắn, đúng đắn.

Theo Hồ Chí Minh: Cần, kiệm, liêm là gốc rễ của chính... Mọi người phải cần, kiệm, liêm nhưng còn phải chính thì mới hoàn toàn. Cần, kiệm, liêm, chính là thước đo văn minh, tiến bộ của dân tộc. Một dân tộc biết cần, biết kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh, tiến bộ; cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới.

Một người cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư và ngược lại đã chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính và còn có nhiều tính tốt khác. Bồi dưỡng phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư sẽ làm cho con người vững vàng trước mọi thử thách: Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục.

- *Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa.* Theo Hồ Chí Minh, yêu thương con người đòi hỏi mỗi người phải luôn luôn chặt chẽ, nghiêm khắc với mình, rộng rãi, độ lượng với người khác; phải có thái độ tôn trọng con người, biết cách nâng con người lên chứ không phải hạ thấp, vùi dập con người. Yêu thương con người còn được thể hiện qua việc đối xử, có thái độ khoan dung, độ lượng với những người có sai lầm, khuyết điểm, kể cả với những người làm đường lạc lối, đã hối cải, với kẻ thù đã bị thương, bị bắt hoặc đã chịu quy hàng.

Người căn dặn Đảng phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Tình yêu thương trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình một cách chân thành, nghiêm túc giữa những người cùng lý tưởng, phấn đấu cho một sự nghiệp chung. Điều này hoàn toàn xa lạ với thái độ dĩ hòa vi quý, bao che sai lầm, khuyết điểm cho nhau, và càng xa lạ với thái độ yêu nên tốt, ghét nên xấu, bè cánh có thể đưa đến những tổn thất lớn cho cách mạng, cho Đảng.

- Tinh thần quốc tế trong sáng. Đó là tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản “bốn phương vô sản đều là anh em”; đó là tinh thần đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với nhân dân lao động các nước mà Hồ Chí Minh đã dày công vun đắp; đó là tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam với tất cả những người tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, công lý và tiến bộ xã hội... Hồ Chí Minh chủ trương giúp bạn là tự giúp mình; đoàn kết quốc tế là nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; là hợp tác hữu nghị; đối thoại thay cho đối đầu.

2.3. Thực trạng việc nhận thức giá trị chuẩn mực đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh trong sinh viên hiện nay

Giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng là công việc cần thiết trong các nhà trường đại học hiện nay. Đối với sinh viên, đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh giữ vị trí quan trọng trong công cuộc xây dựng đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam, góp phần điều chỉnh hành vi của mỗi người theo hướng chân, thiện, mỹ - là điều kiện để hình thành xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nhân ái.

Sinh viên là thanh niên, là tuổi trẻ, là mùa xuân của xã hội, của đất nước. Lúc sinh thời, Hồ Chí Minh rất đề cao vị trí, vai trò của thanh niên đối với sự phát triển đất nước. Với Người, thanh niên là người chủ hiện tại và tương lai của đất nước: “*nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên*” [3; tr.216]; thanh niên là lực lượng xung kích của cách mạng, là cánh tay đắc lực, đội hậu bị tin cậy của Đảng; thanh niên có vai trò rất lớn trong việc tổ chức, hướng dẫn, dìu dắt thiếu niên, nhi đồng, giúp các em học tập, vui chơi lành mạnh... Vì thế, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, nhằm giúp họ trở thành những người cách mạng chân chính, người công dân tốt, người lao động tốt, để trở thành người chủ tương lai của nước nhà. Trong *Di chúc*, Người căn dặn: “*Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”*” [6; tr.622]. Công tác giáo dục phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, chú ý đến cả hai yếu tố đức và tài, trong đó đạo đức là gốc.

Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên hiện nay phần lớn sinh viên vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh; khiêm tốn, luôn cần cù và sáng tạo trong học tập; sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động, nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn, thách thức, dám chịu trách nhiệm, không ỷ lại, chây lười; luôn gắn bó với nhân dân, đồng hành cùng dân tộc, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng chạy theo danh lợi bất chấp đạo lý, đã dẫn đến những tiêu cực trong xã hội ngày càng phổ biến. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục, sự chống phá của các thế lực phản động quốc tế nhằm thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đã tác động không nhỏ đến đời sống đạo đức của công dân, ảnh hưởng lớn đến tâm tư, tình cảm, ý chí phấn đấu của sinh viên. Hậu quả là đã có một bộ phận sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng chiến đấu, không có chí lập thân, lập nghiệp; chạy theo sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút xách; thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp... Đây là những biểu hiện không thể coi thường, nó không chỉ gây nguy hại đến bản thân sinh viên, đến đời sống xã hội hiện tại, mà còn ảnh hưởng xấu đến tương lai của đất nước.

Từ thực trạng trên, việc vận dụng tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh trong giáo dục nhân cách sinh viên là cần thiết.

2.4. Giáo dục đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh trong sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay

Thực tế sinh viên được tiếp cận tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh ở trường đại học ở nhiều kênh khác nhau: sinh hoạt chính trị đầu năm; tiếp cận các chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” hằng năm; tham dự các buổi nói chuyện về tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên nhà trường đứng ra tổ chức... Đặc biệt, thông qua môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên được giảng viên Lý luận chính trị chuyển tải rất kỹ những nội dung cơ bản về đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, việc sinh viên vận dụng các giá trị đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh vào thực tiễn bản thân và đời sống xã hội hiện nay đang là vấn đề đặt ra cho nhà trường đại học. Theo chúng tôi, cách giáo dục đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh nên gắn kết với việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể, quá trình giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, riêng phần tư

trưởng đạo đức Hồ chí Minh, giảng viên Lý luận chính trị cần bám chắc những vấn đề cơ bản về tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh và giúp sinh viên định hướng, vận dụng vào thực tiễn những vấn đề sau:

Thứ nhất, phải giáo dục cho sinh viên nhận thức được vai trò của đạo đức Hồ Chí Minh trong đời sống xã hội hiện nay.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức là nền tảng tinh thần của mỗi con người, là gốc của người cách mạng. Nó giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Cây mà không có gốc thì cây héo, sông suối mà không có ngọn nguồn là sông suối cạn, người cách mạng mà không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Mỗi con người, có đạo đức sẽ giúp chúng ta vượt qua được khó khăn, thử thách và giữ được nhân cách ở mọi hoàn cảnh khác nhau. Đạo đức chính là thước đo để đánh giá sự văn minh, cao thượng của con người và xã hội. Đạo đức ở Hồ Chí Minh không chỉ là đơn thuần, theo Người đạo đức phải gắn với tài năng, trí tuệ. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Có tài mà không có đức trở thành kẻ vô dụng. Cho nên, sinh viên cần phải nhận thức được trong nhân cách con người, đạo đức phải gắn với tài năng, trong đó đạo đức phải là gốc, là nền tảng.

Thứ hai, phải giáo dục sinh viên hiểu và nhận biết giá trị cốt lõi việc thực hiện “trung với nước, hiếu với dân”. Cụ thể:

- Trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nền văn hóa, bảo vệ Đảng, chế độ và sự nghiệp đổi mới, bảo vệ lợi ích của đất nước, của dân tộc.

- Luôn luôn quan tâm đến lợi ích của nhân dân, tôn trọng nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị của nhân dân, biết tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân, tổ chức, động viên cho nhân dân phấn đấu thoát khỏi đói nghèo, làm giàu cho mình và làm giàu cho đất nước.

- Có ý thức vươn lên, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng chậm phát triển; phấn đấu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại ở giữa thế kỷ 21.

- Trung với nước, hiếu với dân là luôn phải có ý thức giữ gìn đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong Đảng, trong nhân dân; kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng trước mọi mưu đồ chia rẽ dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, chia rẽ Đảng với nhân dân của các thế lực thù địch, cơ hội.

- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, có lương tâm nghề nghiệp trong sáng; ham học hỏi, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ cá nhân - gia đình - tập thể - xã hội; quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi theo phương châm của Bác Hồ: “Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”.

Thứ ba, giáo dục sinh viên thực hiện đúng lời dạy “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” nêu cao phẩm giá con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Cụ thể:

- Cần là cần cù, siêng năng, chăm chỉ, tích cực lao động, học tập, công tác với tinh thần lao động sáng tạo, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Cần phải đi đôi với chuyên là dẻo dai, bền bỉ, không lười biếng, không ỷ lại, không dựa dẫm; phải biết tự lực cánh sinh.

- Kiệm là phải biết tiết kiệm cả về tiền của, thời gian và công sức; dù là cái to hay cái nhỏ đều không được xa xỉ, không được hoang phí, không được bừa bãi. Phải biết sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn của nhà nước, của tập thể, của chính mình một cách có hiệu quả. Phải quý trọng công sức lao động và tài sản của tập thể, của nhân dân.

- Liêm là luôn luôn tôn trọng và giữ gìn của công và của dân; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, không để cho lợi ích cá nhân chi phối, chống thói chạy theo danh vọng, địa vị, giành giật lợi ích cho mình, lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công; cục bộ địa phương, thu vén cho gia đình, cá nhân.

- Chính là không tà, thẳng thắn, trung thực, bảo vệ chân lí, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; chân thành, khiêm tốn; không chạy theo chủ nghĩa thành tích, bao che, giấu giếm khuyết điểm...

- Chí công vô tư là không nghĩ đến mình trước, hưởng thụ đi sau, đặt lợi ích của cách mạng, của nhân dân lên trên hết, trước hết...

Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư phải kiên quyết chống bệnh lười biếng, lối sống hưởng thụ, vị kỉ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít, làm dối, làm ẩu. Phải có thái độ rõ rệt lên án và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, loại trừ mọi biểu hiện vô liêm, bất chính ra khỏi đời sống xã hội.

Thứ tư, phải giáo dục sinh viên nâng cao ý thức dân chủ và kỷ luật, gắn bó với nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Bất kỳ ở đâu, làm gì thì bản thân phải đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, kỷ cương. Phải gần dân, học dân, có trách nhiệm với nhân dân, khắc phục cho được thói vô cảm, lãnh đạm, thờ ơ trước khó khăn, thắc mắc, những đau khổ của nhân dân. Hơn thế nữa, phải coi trọng tự phê bình và phê bình, phải nghiêm khắc với chính mình. Phê bình phải có mục đích là xây dựng tổ chức, xây dựng con người, xây dựng đời sống tình cảm và quan hệ đồng chí, quan hệ xã hội lành mạnh, trong sáng, có lí, có tình. Phải khắc phục bệnh chuộng

hình thức, thích nghe lời khen tăng bốc nhau, không dám nói thẳng, nói thật,... để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Thứ năm, phải giáo dục sinh viên việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cần phát huy chủ nghĩa yêu nước gắn chặt với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Cụ thể:

- Đoàn kết quốc tế trong sáng là thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế với tinh thần Việt nam là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì độc lập, hòa bình và phát triển.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền của các nước khác, mở rộng hợp tác cùng có lợi, cùng nhau phấn đấu vì hòa bình, phát triển; khép lại quá khứ, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, nhìn về tương lai, xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc.

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nguồn lực trong nước và nguồn lực nước ngoài để đẩy mạnh phát triển sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, tự hào, tự tôn dân tộc; đấu tranh chống tâm lý dân tộc hẹp hòi, tự ti; phê phán tư tưởng ngoại lai, vong bản, ảo tưởng trước chủ nghĩa tư bản.

III. KẾT LUẬN

Tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh là ngọn đèn soi sáng cho cách mạng Việt Nam. Những giá trị cốt lõi về đạo đức cách mạng là thước đo nhân cách cho mỗi người Việt Nam, trong đó có thế hệ trẻ - là sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Trong khuôn khổ chủ đề của Hội thảo, chúng tôi lựa chọn nội dung: Vận dụng những giá trị đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng. Chúng tôi mong muốn được góp phần nhỏ bé của mình để góp phần tìm hiểu 100 năm Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin; rất mong sự đóng góp quý báu của các nhà khoa học và Ban tổ chức Hội thảo. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. <http://tuyengiao.vn>.

GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY - MỘT VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

*TS. Phan Thị Hồng Duyên**

Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình

Tóm tắt

Giáo dục lý luận chính trị là một nội dung trong giáo dục con người toàn diện và có ý nghĩa quan trọng trong các trường đại học hiện nay. Bởi vì, giáo dục lý luận chính trị góp phần hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản trong nhân cách sinh viên, cho sinh viên phương pháp luận khoa học, giúp họ có một công cụ nhận thức sâu sắc để định hướng và hành động trong thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sáng. Vì vậy, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là vấn đề cần quan tâm hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục lý luận chính trị; sinh viên; hiện nay

I. MỞ ĐẦU

Thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng, là lực lượng lao động chủ yếu của xã hội. Đây là nguồn nhân lực cơ bản đảm bảo thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, và loài người đang bước vào thời đại của nền kinh tế tri thức. Sinh viên, sau khi tốt nghiệp ra trường, sẽ trở thành những giáo viên, giảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lí, những nhà kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, tham gia vào các tổ chức kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, y tế... Vì vậy, giáo dục nói chung, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên nói riêng là có tính chiến lược, quyết định đối với sự nghiệp phát triển đất nước.

II. NỘI DUNG

2.1. Lý luận chính trị và giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên

Lý luận chính trị là bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại giới hạn trong lĩnh vực chính trị, gắn liền với cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trong việc giành và giữ chính quyền. Nó phản ánh tính quy luật của các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, thể hiện lợi ích và thái độ của giai cấp đối với quyền lực nhà nước.

* Phó trưởng Phòng Đào tạo và Quản lý nghiên cứu khoa học

Với nền tảng là học thuyết Mác - Lênin, “các môn Lý luận chính trị ở nước ta được hình thành và là hệ thống những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Lý luận này phản ánh tính quy luật của các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, thể hiện lợi ích và thái độ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là công cụ quan trọng cho việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các môn Lý luận chính trị bao gồm: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và được mở rộng với việc nghiên cứu về Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng, Nhà nước và pháp luật...” [3, tr.8].

Cùng với các lý luận khoa học khác, lý luận chính trị đã thực sự trở thành một khoa học hướng dẫn cho Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động hoàn thành sứ mệnh lịch sử vĩ đại của mình.

Trong thời đại ngày nay, lý luận chính trị vẫn thể hiện sức sống của nó trong tiến trình nhân loại xây dựng một thế giới hòa bình và tiến bộ. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh” [4, tr.83]. Lý luận Mác - Lênin cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là “kim chỉ nam”, là động lực tinh thần thúc đẩy công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa đất nước ta tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục lý luận chính trị, theo V.I. Lênin, chủ yếu là đem lại cho nhân dân lao động những hiểu biết về quy luật phát triển của xã hội, về thế giới quan khoa học, biến nó thành niềm tin, lý tưởng, những nguyên tắc đạo đức, nhằm gạt bỏ những tàn dư của tư tưởng cũ, lạc hậu, tiếp thu tư tưởng mới, tư tưởng tiên tiến.

Theo Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị tác động trực tiếp đến con người, đến tư tưởng, đạo đức và khả năng thực hành công việc của mỗi người, giúp họ khắc phục những tư tưởng lạc hậu, nâng cao tư tưởng chính trị, tinh thần tự giác, tích cực trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội mới.

Tác giả Dương Xuân Ngọc cho rằng: “Giáo dục lý luận chính trị là hoạt động nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, phương pháp tư duy và phương pháp làm việc biện chứng, khoa học góp phần nâng cao và phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của các chủ thể chính trị trong xã hội...” [10, tr.332].

Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là quá trình giáo dục truyền thụ những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm hình thành ở sinh viên thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Từ đó, giúp cho sinh viên có tư duy khoa học, đạo đức cách mạng, năng lực sáng tạo trong hoạt động thực tiễn.

2.2. Vai trò của việc giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên

Thứ nhất, giáo dục lý luận chính trị góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa và phương pháp luận khoa học cho sinh viên.

Giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển thế giới quan khoa học - thế giới quan duy vật biện chứng cho sinh viên. Bởi vì, các môn Lý luận chính trị, đặc biệt là môn Triết học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, cung cấp cho sinh viên một cách nhìn khoa học đối với hiện thực khách quan và khẳng định vai trò, vị trí của con người trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Từ đó, giúp cho mỗi sinh viên có thái độ đúng đắn, khoa học đối với hiện thực, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có khả năng nhận biết, phân tích các vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giáo dục lý luận chính trị ở trường đại học không chỉ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết của môn học, mà còn phải giúp họ phát triển năng lực tư duy lý luận, hình thành thế giới quan khoa học, phương pháp luận cách mạng, góp phần xây dựng nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, từng bước xây dựng và bồi dưỡng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa và về kinh tế chính trị học mácxít, cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc xuất phát chỉ đạo việc xác định phương pháp, khả năng áp dụng phương pháp hợp lý, hiệu quả nhất trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Điều đó, làm hình thành lý tưởng, niềm tin vào cuộc sống và định hướng hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của sinh viên trong quá trình học tập và công tác sau này..

Ngoài ra, giáo dục lý luận chính trị còn cung cấp cho sinh viên phương pháp nhận thức và hành động một cách khoa học để giải thích tự nhiên và lịch sử theo một lôgic chặt chẽ, đồng thời, trang bị cho họ phương pháp luận đúng đắn trong học tập và nghiên cứu khoa học - đó là phương pháp biện chứng. Ph. Ăngghen đã nói: “Toàn bộ

của quan điểm của C. Mác không phải là một học thuyết, mà là một phương pháp, nó không đưa ra những giáo điều định sẵn, mà là những điểm xuất phát cho việc nghiên cứu thêm và phương pháp cho việc nghiên cứu này” [8, tr.545]. Hơn nữa, đối với sinh viên, nắm được tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là để tiếp thu các môn khoa học khác có hiệu quả hơn.

Có thể khẳng định, việc giáo dục lý luận chính trị là tiền đề để sinh viên xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng; xây dựng niềm tin khoa học, củng cố định hướng chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, giúp họ nâng cao nhận thức lý luận, ý thức chính trị, nhạy bén và xử lý tốt các tình huống xảy ra trong thực tiễn, sống có lý tưởng, có ước mơ để học tập và cống hiến cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Thứ hai, giáo dục lý luận chính trị góp phần định hướng các giá trị, chuẩn mực đạo đức, tư tưởng, lối sống mới cho sinh viên.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là vũ khí lý luận để cải tạo thế giới mà còn là vũ khí lý luận để cải tạo con người. Xét về chiều sâu bản chất nhân văn, chủ nghĩa Mác - Lênin là khoa học làm người, góp phần hình thành phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống mới cho con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được” [9; tr.554]. Vì vậy, giáo dục lý luận chính trị hướng vào việc giáo dục cho sinh viên phẩm chất chính trị là có lòng yêu nước nồng nàn, trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức đoàn kết và có tinh thần tập thể. Thông qua giáo dục lý luận chính trị giúp sinh viên từng bước hình thành những phẩm chất cơ bản của người cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của thời đại mới.

Giáo dục lý luận chính trị là công tác giáo dục con người, tác động đến tư tưởng, tình cảm đạo đức của sinh viên, giúp họ nâng cao trình độ lý luận chính trị, tinh thần tự giác và tích cực trong học tập và lao động. Ngoài ra, giáo dục lý luận chính trị còn giúp sinh viên hình thành hệ thống giá trị với những nội dung mới phù hợp với sự biến đổi và phát triển của đất nước. Đó là biến những giá trị đề cao tinh thần hy sinh xả thân vì dân, vì nước trong lịch sử hào hùng của dân tộc thành giá trị với nội dung mới là nỗ lực cố gắng học tập, lao động vì mục tiêu làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công

bằng, dân chủ, văn minh; phát huy ý thức cộng đồng, truyền thống đoàn kết, khai thác mọi tiềm năng để nước ta thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, hội nhập và phát triển.

Thứ ba, giáo dục lý luận chính trị góp phần hình thành nhân cách, phát triển những phẩm chất trí tuệ cho sinh viên.

Mỗi môn khoa học được giảng dạy trong chương trình đào tạo của nhà trường đều có vai trò nhất định trong việc giáo dục và phát triển nhân cách cho sinh viên. Trong đó, giáo dục lý luận chính trị đóng vai trò nền tảng, là cơ sở quan trọng hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa ở sinh viên, để họ có một bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự lập, tự chủ, năng động và sáng tạo.

Thông qua giáo dục lý luận chính trị, sinh viên sẽ được trang bị những tri thức xã hội và nhân văn cơ bản, giúp họ nâng cao tình cảm, ý chí và đạo đức cách mạng. Trong đó, việc học tập lý luận chính trị để hiểu sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; có ý thức tự giác tham gia các phong trào chính trị xã hội do Đoàn thanh niên và Hội sinh viên phát động; tự giác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, sống có niềm tin và hoài bão và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đồng thời xác định được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước. Đây cũng chính là mục tiêu giáo dục và đào tạo con người toàn diện ở nước ta hiện nay.

Giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên, đặc biệt là giáo dục niềm tin chính trị và lý tưởng cách mạng nhằm hình thành lớp người “có lý tưởng cao đẹp”, “sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính”, biết “nuôi dưỡng hoài bão lớn”, “tự cường dân tộc” nhằm hướng đến việc xây dựng những sinh viên có nhân cách, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao trong quá trình đổi mới đất nước. Đồng thời, giáo dục lý luận chính trị giúp cho sinh viên định hướng để nhanh chóng nắm bắt đối tượng một cách chuẩn xác trong hoạt động trí tuệ. Có khả năng tự phê phán, phân tích, đánh giá các quan điểm lý thuyết hay phương pháp của người khác để tiếp thu cái hay, cái tốt, khắc phục cái lạc hậu, lệch lạc. Hình thành được tính độc lập trong tư duy và huy động được lý luận, tri thức, kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

2.3. Một số giải pháp chủ yếu để giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên

Trong những năm qua, việc giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường đại học ở nước ta đã góp phần quan trọng trong việc định hướng lý tưởng sống, xây dựng động cơ học tập đúng đắn, rèn luyện ý chí, niềm tin, phẩm chất đạo đức, lối sống người sinh viên, và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các nhà trường. Tuy

nhiên, hoạt động giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập.

Thực tế ở các trường đại học vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa quan tâm, chú trọng học tập, thiếu niềm tin đối với các môn Lý luận chính trị, có một số biểu hiện vi phạm lối sống văn hoá, đạo đức như thiếu trung thực trong thi cử, ứng xử thiếu văn hóa, sống thiếu hoài bão, lập thân, lập nghiệp, điều đó đã làm ảnh hưởng đến quá trình giáo dục, đào tạo của nhà trường và sự hình thành nhân cách mỗi sinh viên. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Đặc biệt đáng lo ngại là trong một bộ phận học sinh, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước” [4; tr.24]. Tình hình đó do nhiều nguyên nhân, song cơ bản là do: “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và nhân cách cũng như việc giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn... bị xem nhẹ. Hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin bị hạn chế” [4; tr.26]. Điều đó đặt ra yêu cầu phải quan tâm hơn nữa đến hoạt động giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên. Song, để giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên đạt hiệu quả cao cần phải quan tâm tới một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, phối hợp chặt chẽ và đề cao vai trò của các chủ thể giáo dục trong việc giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên.

Ngày nay, ở nước ta công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, nhu cầu của thực tiễn đòi hỏi lý luận soi đường. Trước những biến đổi mới của thời đại Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định: “Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra” [5; tr.131].

Giáo dục lý luận chính trị ở các trường đại học là một bộ phận của công tác chính trị - tư tưởng, có liên quan đến mức độ kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin - nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Để nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên cần phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường. Khắc phục những tư tưởng coi trọng chuyên môn, nghiệp vụ, coi nhẹ lý luận chính trị và rèn luyện tư tưởng đạo đức, lối sống. Kiên quyết phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, phê phán thái độ thờ ơ chính

trị, coi thường lý luận, mơ hồ về niềm tin, lý tưởng ở một số bộ phận cán bộ giảng viên và sinh viên.

Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức và sự phối hợp chặt chẽ của các cán bộ đoàn thể trong nhà trường đối với việc giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên. Cần nhận thức rõ rằng, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên là rất quan trọng và đó không phải chỉ là nhiệm vụ của các giảng viên Bộ môn lý luận mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị trong nhà trường. Do đó, cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường.

Thứ hai, đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy - học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên.

Một là, đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy phải thể hiện được tính cơ bản, hệ thống, tính ứng dụng và thực hành trong công tác thực tiễn. Do đó, trong quá trình giảng dạy giảng viên cần lựa chọn, xác định những nội dung thích hợp để giúp sinh viên có thể nhận thức được các vấn đề lý luận cần truyền đạt, trao đổi, thảo luận, lý giải những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Hai là, quan tâm tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên các môn Lý luận chính trị.

Với vai trò là chủ thể của quá trình dạy học, giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị là yếu tố rất cơ bản có vai trò quan trọng đối với chất lượng và hiệu quả giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong nhà trường. Vì vậy, các trường đại học cần quan tâm công tác đào tạo và bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên nói chung và giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị nói riêng.

Về số lượng, cần có kế hoạch tuyển dụng giảng viên các môn Lý luận chính trị phù hợp nhu cầu thực tế của trường, đảm bảo tuyển giảng viên được đào tạo đúng những chuyên ngành đang cần bổ sung theo hướng *“Giảng viên được đào tạo chuyên ngành nào, giảng dạy môn học đó, xây dựng đội ngũ giảng viên riêng cho từng môn học”* [2].

Về chất lượng đội ngũ, các trường đại học cần tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn và đạt được học vị, chức danh khoa học đích thực, tránh sa vào tệ “bằng cấp” kém chất lượng. Phải xây dựng được chiến lược đào tạo đội ngũ giảng viên của nhà trường nói chung, giảng viên các môn Lý luận chính trị nói riêng, chú trọng từ khâu tuyển chọn, quy hoạch đến đào tạo và sử dụng giảng viên.

Thực hiện nghiêm túc Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân là: “Đổi mới mạnh mẽ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên lý luận chính trị, bảo đảm sát hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Xây dựng được đội ngũ giáo viên lý luận chính trị tâm huyết, yêu nghề, tuyệt đối trung thành, có niềm tin, có kiến thức mới gắn với thực tiễn. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong nhà trường” [1; tr.1]. Đồng thời, bản thân mỗi giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị cần phải không ngừng học tập, bồi dưỡng, tìm tòi, sáng tạo nhằm mang lại cho người học những giờ học lý luận chính trị thiết thực, bổ ích và hiệu quả.

Ba là, đổi mới phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn Lý luận chính trị của sinh viên.

Trong dạy học nói chung, dạy học các môn Lý luận chính trị nói riêng muốn có kết quả tốt, phương pháp dạy học đóng vai trò hết sức quan trọng, bởi vì nó chính là những cách thức, biện pháp do giảng viên sử dụng để truyền thụ kiến thức, góp phần tích cực bồi dưỡng, nâng cao bản lĩnh chính trị, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học.

Đối với các môn Lý luận chính trị, cần chú trọng các nhóm phương pháp lý thuyết và trực quan thông qua bài giảng, thăm quan và thảo luận. Việc sử dụng các phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị cần tập trung vào việc phát huy tính tích cực, chủ động của người học, lấy người học làm trung tâm. Mỗi phương pháp dạy học có ưu điểm, hạn chế riêng, vì vậy để lựa chọn và sử dụng cho thích hợp với từng bài giảng, bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả.

Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị phải gắn liền với việc xây dựng nội dung chương trình thiết thực, phù hợp. Đồng thời, phát huy tính năng động, sáng tạo, độc lập suy nghĩ của sinh viên trong việc tìm kiếm tri thức mới, tránh tình trạng thụ động tiếp thu tri thức một chiều. Từ đó, biết đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách tự chủ, tự đánh giá, tự điều chỉnh kiến thức. Sau mỗi bài học, giảng viên cần liên hệ ngay với thực tiễn, hướng dẫn sinh viên vận dụng lý luận để phân tích và chỉ ra những biểu hiện tích cực, tiêu cực hay lệch lạc trong tư tưởng của chính mình, thực hiện phương châm học lý luận gắn liền với thực tiễn. “Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy và người học; người học thích học hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy có hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn” [1; tr.1].

Bên cạnh việc đổi mới phương pháp dạy, học các môn Lý luận chính trị cũng cần phải đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên, chú trọng các hình thức thi trắc nghiệm khách quan, kết hợp trắc nghiệm khách quan với tự luận, viết tiểu luận.

Bốn là, quan tâm đổi mới và tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất.

Cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện dạy và học có liên quan đến tổ chức và quản lý các quá trình giảng dạy và học, thực hiện các kế hoạch đào tạo, áp dụng các phương pháp dạy và học cho sinh viên cũng như vấn đề cải thiện điều kiện giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt của giảng viên và sinh viên.

Để đảm bảo cơ sở vật chất cho quá trình giảng dạy, học tập nói chung, giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên nói riêng, cần tập trung vào các vấn đề sau:

Cần phải cải tạo, nâng cấp, trang bị thêm những phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ cho quá trình giảng dạy và học tập. Xây dựng thư viện có đủ tài liệu, giáo trình đáp ứng yêu cầu để mỗi sinh viên có đầy đủ giáo trình, tài liệu, tạp chí các môn Lý luận chính trị học tập, nghiên cứu. Ngoài ra, cần đầu tư kinh phí hợp lý cho các hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên như: Đi tham quan, đi thực tế, hội thảo cũng như các hoạt động khác để nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động giáo dục lý luận chính trị ở nhà trường. Thực hiện nghiêm túc Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị.

Thứ ba, sử dụng các hình thức giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên.

Một là, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên thông qua hoạt động ngoại khóa, tham quan. Hình thức hoạt động ngoại khóa có vị trí và ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên nói riêng, vì nó có nội dung phong phú, các hình thức giáo dục đa dạng, hấp dẫn, phạm vi tiến hành rộng rãi, thu hút và phát huy được tiềm năng của nhiều lực lượng xã hội tham gia.

Thông qua các hoạt động ngoại khóa như: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc, danh nhân văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, về truyền thống cách mạng của nhân dân Việt Nam (qua tranh ảnh, thơ ca, tiểu phẩm, kịch), hoạt động thi nghiệp vụ có lồng ghép các nội dung về Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh,... phù hợp đối với từng ngành học. Chính những hoạt động tích cực, toàn diện đó sẽ giúp sinh viên bổ sung, củng cố và hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp, làm thay đổi nhận thức của sinh viên về lý luận đã được trang bị trên lớp, biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra. Từ đó, kiến thức mà

sinh viên đã tiếp thu được sẽ bền vững hơn, thiết thực hơn so với dạy học thuyết giảng trên lớp.

Việc giáo dục lý luận chính trị phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Nhà trường hướng tới thực tiễn cuộc sống và thực tiễn cuộc sống đi vào nhà trường, hai mặt này liên hệ mật thiết với nhau. Vì vậy, ngoài những giờ học trên lớp và những tài liệu được cung cấp, sinh viên cũng cần được tham quan thực tế.

Giáo dục lý luận chính trị bằng hình thức tham quan thực tế là tạo điều kiện để sinh viên được học và thực hành trong thực tế, làm tăng tính thực tiễn của giáo dục, thực hiện nguyên lý “*Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội*”. Như V.I. Lênin đã chỉ dẫn về cách học chính trị có tính hệ thống và thực tiễn cao: “Lẽ tự nhiên là mới nhìn, người ta nghĩ ngay rằng học chủ nghĩa cộng sản là nắm vững tổng số những kiến thức đã trình bày trong sách giáo khoa và trước tác về chủ nghĩa cộng sản. Nhưng định nghĩa như trên về việc học chủ nghĩa cộng sản thật là quá thô thiển và thiếu sót. Nếu học chủ nghĩa cộng sản chỉ là nắm được những cái trình bày trong các tác phẩm và sách vở nói về chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta rất dễ tạo ra những tên một sách hay những kẻ khoác lác về chủ nghĩa cộng sản và như thế thì thường là nguy hại cho chúng ta; vì rằng những người đó, tuy học nhiều và đọc nhiều những điều đã trình bày trong sách vở về chủ nghĩa cộng sản nhưng lại không có khả năng kết hợp tất cả những kiến thức đó lại và không có khả năng hành động đúng như chủ nghĩa cộng sản mong muốn” [7; tr.358]. Làm sao cho tri thức lý luận chính trị vào đầu sinh viên không phải là “một mớ hỗn độn” mà có sự gắn kết với nhau và đặc biệt là có thể đem tri thức ấy vào lý giải những sự kiện thực tế, cụ thể mà họ đang gặp phải.

Hai là, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Đây là hình thức có khả năng phổ biến sâu rộng, kịp thời các thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước một cách nhanh chóng, sinh động, dễ đi vào lòng người. Những hình ảnh thực tế sinh động qua truyền hình, phim ảnh, tờ rơi, panô, áp phích,... sẽ có tác động mạnh mẽ, sâu rộng tới nhận thức, ý thức của sinh viên. Tuy nhiên, nhằm giúp sinh viên có cách tiếp cận và tiếp thu ảnh hưởng từ internet và các phương tiện truyền thông hiện đại, *một là*, nhà trường, các tổ chức đoàn thể cần trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng cần thiết khi tiếp cận với các phương tiện này; *hai là*, phải nâng cao đạo đức, trách nhiệm và năng lực của đội ngũ những người làm công tác tuyên truyền...; *ba là*, cần phải có nội dung chính xác, khoa học, cập nhật và phương thức truyền tải phong phú, đa dạng, sinh động để

những thông tin đưa đến cho sinh viên kịp thời và có hiệu quả cao hơn; *bốn là*, công tác quản lý của Nhà nước về nội dung, phương thức truyền tin phải đảm bảo tính minh bạch, trung thực. Trước những thông tin xuyên tạc, phản ánh sai lệch bản chất chế độ, thực trạng xã hội, cần phải có phương cách ứng xử linh hoạt, kịp thời để sinh viên hiểu thấu đáo, không bị dao động, mất niềm tin.

Ba là, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng đối với việc giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên. Bởi vì, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên, là người bạn đồng hành của thanh niên, nhằm thực hiện vai trò là trường học xã hội chủ nghĩa trong thanh niên, hướng thanh niên đi đúng hướng mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn. Những hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức phù hợp với sở thích của sinh viên. Nhờ đó, công tác giáo dục lý luận chính trị được lồng ghép qua các hoạt động này sẽ dễ dàng được sinh viên tiếp thu. Để phát huy tốt vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên trong công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên cần phải chú ý một số vấn đề như: Tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động hướng tới giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho sinh viên. Trong việc tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục đó, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên phải đặc biệt chú ý nắm bắt tâm tư, tình cảm, từ đó uốn nắn, định hướng cho họ về lập trường chính trị tư tưởng, đồng thời đáp ứng tốt nhất nguyện vọng, nhu cầu chính đáng của sinh viên, có như vậy mới tạo sức hấp dẫn, thu hút được đông đảo sinh viên tham gia.

Thứ tư, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, tự giáo dục, tự rèn luyện của sinh viên.

Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của sinh viên là một trong những giải pháp quan trọng trong giáo dục đào tạo ở trường đại học nói chung, trong giáo dục lý luận chính trị nói riêng. Tinh thần chủ động sáng tạo của sinh viên là yếu tố bên trong, nhân tố cơ bản có vai trò quyết định trong hoạt động nâng cao nhận thức của người học. Vì vậy, cần phải phát huy tinh thần độc lập, suy nghĩ, sáng tạo,... đề cao năng lực tự học của sinh viên.

Để phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên trong giáo dục lý luận chính trị, *một là*, sinh viên phải có động cơ học tập đúng đắn, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong học tập lý luận chính trị; có ý chí quyết tâm cao khắc phục mọi khó khăn trong quá

trình học tập nâng cao nhận thức về lý luận chính trị; *hai là*, đội ngũ giảng viên phải biết động viên, kêu gọi, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên trong học tập và nghiên cứu với vai trò định hướng dẫn dắt quá trình nhận thức của người học; khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập các môn Lý luận chính trị nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong việc tiếp thu những tri thức của các môn Lý luận chính trị.

KẾT LUẬN

Như vậy, xuất phát từ vị trí, vai trò của sinh viên đối với sự nghiệp phát triển của đất nước, giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên có tầm quan trọng đặc biệt, nhất là trong giai đoạn hiện nay đất nước ta đang thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, để giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên có hiệu quả cần quan tâm chú trọng các giải pháp về chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục, các hình thức, nội dung giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*, ngày 27/5/2014.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị*.
3. Phan Thị Hồng Duyên, Dương Trọng Hạnh, Vũ Thị Hương Giang (2015), *Thực trạng và giải pháp giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Hoa Lư hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
7. V.I. Lênin (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. C. Mác - Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (2004), *Phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá các môn khoa học xã hội và nhân văn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

DẠY HỌC MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐÀM THOẠI TÌM TÒI Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TS. Đoàn Sỹ Tuấn

CN. Nguyễn Thị Thu Thủy

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu sự vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng. Trong bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu: Sự cần thiết, quy trình và nội dung vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn học. Hy vọng, kết quả của bài viết sẽ là những gợi mở góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học ở các trường đại học, cao đẳng.

Từ khóa: Phương pháp, phương pháp đàm thoại tìm tòi, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, trường đại học, cao đẳng.

I. MỞ ĐẦU

Môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 môn học chính trong cấu trúc chương trình các môn Lý luận chính trị. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác đào tạo ở các trường đại học. Để thực hiện tốt nhiệm vụ đó, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có vận dụng các phương pháp dạy học tích cực. Trong hệ thống các phương pháp dạy học tích cực, đàm thoại tìm tòi giá trị tích cực mà các phương pháp khác không thể thay thế. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu sự vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học.

II. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp đàm thoại, phương pháp đàm thoại tìm tòi

2.1.1. Khái niệm và hình thức của phương pháp đàm thoại

Phương pháp đàm thoại là phương pháp trong đó người dạy đặt ra hệ thống câu hỏi để người học trả lời, hoặc người học có thể tranh luận với nhau và với cả người dạy; qua đó người học lĩnh hội được nội dung bài học [3; tr.49-50].

Phương pháp đàm thoại có nhiều hình thức. Căn cứ vào mục đích sư phạm của phương pháp đàm thoại, người ta phân biệt: Đàm thoại gợi mở, đàm thoại tổng kết, đàm thoại củng cố, đàm thoại kiểm tra. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức, người ta phân biệt: Đàm thoại tái hiện, đàm thoại giải thích - minh họa, đàm thoại tìm tòi - phát hiện (đàm thoại *Örixitic*).

2.1.2. Phương pháp đàm thoại tìm tòi

Phương pháp đàm thoại tìm tòi là một hình thức của phương pháp đàm thoại còn được gọi là đàm thoại phát hiện, giải quyết vấn đề hay đàm thoại *Örixitic*.

Phương pháp đàm thoại tìm tòi là phương pháp tổ chức đối thoại, trao đổi ý kiến tranh luận giữa người dạy với cả lớp hoặc giữa người học với nhau, nhằm giải quyết một vấn đề xác định, thông qua đó người học được củng cố, mở rộng, bổ sung kiến thức, có được tri thức mới, cách nhận thức mới, cách giải quyết vấn đề mới. Trong đó, giảng viên dùng hệ thống câu hỏi được sắp xếp một cách hợp lý để hướng người học từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết.

Phương pháp đàm thoại tìm tòi được vận dụng rộng rãi trong dạy học nhất là đối với những nội dung học tập phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu, tìm tòi, khám phá, phát hiện. Giá trị tích cực của phương pháp này là: Trong đàm thoại tìm tòi, người dạy là người tổ chức sự tìm tòi, người học là người tự phát hiện kiến thức mới. Người học được giảng viên đặt vào vị trí tự lực tìm tòi chân lý. Kết thúc quá trình đàm thoại tìm tòi, giảng viên khéo léo bổ sung, phát triển, hoàn thiện vấn đề trên cơ sở, nền tảng ý kiến trao đổi, tranh luận của người học. Từ đó, người học không những nắm được nội dung chủ yếu của bài học mà còn học được cả phương pháp nhận thức, cách giải quyết vấn đề nhận thức và cách diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ nói. Đồng thời, người học hứng thú, tự tin, có niềm vui của sự nhận thức và khám phá, sự phát triển về tư duy, vì thấy kết luận mà giảng viên vừa nêu có đóng góp quan trọng của chính mình. Như vậy, phương pháp đàm thoại tìm tòi có tác dụng kích thích, bồi dưỡng tính tích cực, độc lập, sáng tạo, tinh thần tự học, tự nghiên cứu khám phá, năng lực tìm tòi, phát hiện các vấn đề khoa học cho người học; giúp người học tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của bản thân và người dạy thu nhận được những tín hiệu ngược từ kết quả học tập của người học để kịp thời điều chỉnh giúp nâng cao chất lượng dạy học.

Những yêu cầu sư phạm cơ bản khi sử dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi Sinh viên phải có ý thức về mục đích của toàn bộ hay một phần lớn của cuộc đàm thoại. Hệ

thông câu hỏi của giảng viên giữ vai trò chỉ đạo có tính chất quyết định đối với chất lượng lĩnh hội của cả lớp. Hệ thống câu hỏi đó hướng tư duy sinh viên theo một logic hợp lý, kích thích cả tính tích cực tìm tòi, trí tò mò khoa học và cả sự ham muốn giải đáp. Hệ thống câu hỏi - vấn đề phải được lựa chọn và sắp xếp hợp lý. Câu hỏi được phân chia thành câu phức tạp và câu đơn giản. Câu phức tạp lại được chia ra thành những vấn đề nhỏ hơn cho phù hợp với trình độ của sinh viên, nhưng không nên chia quá nhỏ và rời rạc. Số lượng và tính phức tạp của câu hỏi cũng như mức độ phân chia câu hỏi đó thành những câu hỏi nhỏ phụ thuộc chủ yếu vào: Tính chất phức tạp của vấn đề nghiên cứu; trình độ phát triển của học sinh, kỹ năng, kỹ xảo của chúng tham gia các bài học đàm thoại. Khi giải quyết xong mỗi câu hỏi - vấn đề, giảng viên cần tổng kết lại kết quả của việc giải quyết vấn đề nêu ra. Giảng viên cần khéo léo kết luận vấn đề dựa vào ngôn ngữ, ý kiến và nhận xét của chính sinh viên, có thêm những kiến thức chính xác và cấu tạo lại kết luận cho chặt chẽ, hợp lý và xúc tích. Làm như vậy sinh viên càng hứng thú và tự tin. Khi đặt câu hỏi phải đặt câu hỏi cho cả lớp và để cho sinh viên đủ thời giờ suy nghĩ, sau đó chỉ định một sinh viên trả lời và yêu cầu các sinh viên khác chú ý theo dõi để sau đó có thể bổ sung. Giảng viên phải luôn chủ động dẫn dắt lớp theo mình mà không bị động “theo đuôi” lớp. Phải chủ động, sáng tạo, bám sát kế hoạch đã vạch ra từ trước. Trong dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề - phương pháp đàm thoại tìm tòi, giảng viên sử dụng trong quá trình định hướng, gợi ý, dẫn dắt sinh viên ở giai đoạn phát hiện vấn đề, xây dựng tình huống có vấn đề, đề ra giả thuyết khoa học và giải quyết vấn đề.

2.2. Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.1. Sự cần thiết vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi

Trong xu thế đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới dạy học các môn Lí luận chính trị nói chung, môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng, việc đổi mới phương pháp dạy học được đặt ra như một yêu cầu khách quan. Trong chương trình, giáo trình, nội dung môn học có nhiều vấn đề, nội dung phức tạp, trừu tượng sinh viên không thể tiếp cận ngay được, đòi hỏi phải có quá trình tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ học tập. Vì vậy, cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi để khai thác những giá trị tích cực của nó, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học.

Mặt khác, sinh viên ở các trường đại học là những người có năng lực trí tuệ, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và rộng mở, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí

tuệ ngày một khó khăn, có nhu cầu khám phá, hiểu biết và học tập. Tuy nhiên, trong học tập môn học hiện nay, còn một bộ phận chưa thực sự tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, tìm tòi, khám phá môn học.

Như vậy, xuất phát từ giá trị tích cực của phương pháp đàm thoại tìm tòi được đề cập trong phần (2.1.2.); yêu cầu về chương trình, giáo trình, nội dung môn học; về đổi mới phương pháp dạy học và đặc điểm của sinh viên trong học tập môn học ở các trường đại học đòi hỏi phải vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp đàm thoại tìm tòi nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học trong điều kiện các trường đại học, cao đẳng đang triển khai thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo.

2.2.2. Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học

Ví dụ 1: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa [1; tr.27-28].

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi. Đó là tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Đây vừa là nội dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học phần Học thuyết giá trị của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát giáo trình, giảng viên đặt ra hoặc định hướng để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu:

Ai là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa? Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là gì? Cho ví dụ minh họa? Tại sao nói, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là “chìa khóa” giải thích hàng hóa có hai thuộc tính? Việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa có ý nghĩa thế nào?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và kỹ năng tiếp cận nội dung.

- Người đầu tiên phát hiện tính chất là ai?	C. Mác là người đầu tiên phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.
---	---

<p>- Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là gì? Cho ví dụ minh họa?</p>	<p>Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định, mỗi lao động cụ thể có mục đích, phương pháp, đối tượng lao động, công cụ lao động và kết quả lao động riêng. Ví dụ: Lao động của người thợ may, thợ mộc,... để sản xuất hàng hóa.</p>	
	<p>Lao động trừu tượng là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa chỉ xét là sự hao phí sức lao động nói chung (hao phí trí tuệ, cơ bắp) không kể hình thức cụ thể nhất định. Ví dụ: Lao động của người thợ may, thợ mộc,... để sản xuất hàng hóa đều có sự tiêu hao sức lao động trong quá trình sản xuất.</p>	
<p>- Tại sao nói, phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là “chìa khóa” giải thích hàng hóa có hai thuộc tính?</p>	<p>Lao động cụ thể tạo ra →</p>	<p>Giá trị sử dụng của hàng hóa</p>
	<p>Lao động trừu tượng tạo ra →</p>	<p>Giá trị của hàng hóa</p>
	<p>Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa</p>	<p>Hai thuộc tính của hàng hóa</p>
	<p>Quyết định ↑</p>	
	<p>Kết luận:</p> <p>- Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa quyết định tính hai thuộc tính của hàng hóa.</p> <p>- Hàng hóa có hai thuộc tính vì lao động sản xuất hàng hóa có tính chất hai mặt, trong đó lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng, lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa.</p>	
<p>- Việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa có ý nghĩa khoa học thế nào?</p>	<p>- Phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là “chìa khóa” để giải thích vì sao hàng hóa có hai thuộc tính.</p> <p>- Phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đem đến cho lý thuyết lao động sản xuất một cơ sở khoa học, là cơ sở nghiên cứu những vấn đề kinh tế phức tạp như sự vận động trái ngược khi khối lượng của cải vật chất ngày</p>	

	<p>tăng lên, đi liền với khối lượng giá trị ngày càng giảm xuống; mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa; nguy cơ khủng hoảng; hàng hóa sức lao động...</p> <p>- Phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đã giúp C. Mác tìm ra chiếc “chìa khóa” để xác định sự khác nhau giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến”. Trên cơ sở đó, góp phần vạch rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.</p>
--	--

Như vậy, với việc đặt ra và sắp xếp logic hệ thống câu hỏi, từng bước hướng sinh viên vào tìm tòi, giải quyết những nội dung liên quan đến tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa sẽ giúp sinh viên chủ động, tích cực hơn trong học tập.

Ví dụ 2: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học nội dung - Công thức chung của tư bản [1; tr 53-54].

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi công thức chung của tư bản. Đó là về vấn đề quan trọng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng vận dụng *phương pháp đàm thoại tìm tòi* vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát nội dung, quan điểm, giảng viên đặt ra hoặc có những gợi mở để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi:

- Công thức chung của tư bản là gì?

- Việc nghiên cứu công thức chung của tư bản trong giáo trình được thực hiện theo phương pháp nào?; nêu điểm giống và khác nhau của hai công thức - công thức chung của tư bản và công thức lưu thông hàng hóa giản đơn?

- Tại sao C. Mác gọi công thức T - H - T' là công thức chung của tư bản?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát hệ thống câu hỏi đã được thiết kế trong đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và có kỹ năng tiếp cận nội dung nghiên cứu.

- Căn cứ vào giáo trình cho biết: Công thức chung của tư bản là gì? Công thức chung của tư bản là: T - H - T', trong đó $T' = T + \Delta T$.

- Việc nghiên cứu công thức chung của tư bản trong giáo trình được thực hiện theo phương pháp nào? (phương pháp so sánh công thức lưu thông hàng hóa giản đơn H - T - H và công thức lưu thông của tư bản T - H - T').

So sánh	Công thức lưu thông hàng hóa giản đơn H - T - H	Công thức lưu thông của tư bản T - H - T'
Giống nhau	Hai công thức giống nhau ở chỗ chúng đều do hai giai đoạn đối lập là mua và bán hợp thành. Trong mỗi giai đoạn đều có hai nhân tố vật chất đối diện nhau là tiền và hàng, cũng như có hai người đối diện nhau là người mua và người bán. Nhưng đó chỉ là sự giống nhau về hình thức.	
Khác nhau	Lưu thông hàng hóa giản đơn bắt đầu bằng việc bán (H - T) và kết thúc bằng việc mua (T - H). Điểm xuất phát và điểm kết thúc của quá trình đều là hàng hoá, còn tiền chỉ đóng vai trò trung gian.	Ngược lại, lưu thông của tư bản bắt đầu bằng việc mua (T - H) và kết thúc bằng việc bán (H - T'). Tiền vừa là điểm xuất phát, vừa là điểm kết thúc của quá trình, còn hàng hóa chỉ đóng vai trò trung gian; tiền ở đây không phải là chi ra dứt khoát mà chỉ là ứng ra rồi thu về.
	Mục đích của lưu thông hàng hóa giản đơn là giá trị sử dụng để thỏa mãn nhu cầu, nên các hàng hóa trao đổi phải có giá trị sử dụng khác nhau. Sự vận động sẽ kết thúc ở giai đoạn thứ hai, khi những người trao đổi có được giá trị sử dụng mà người đó cần đến.	Còn mục đích của lưu thông tư bản không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, hơn nữa là giá trị tăng thêm. Vì vậy, nếu số tiền thu về bằng số tiền ứng ra, thì quá trình vận động trở nên vô nghĩa. Do đó, số tiền thu về phải lớn hơn số tiền ứng ra, nên công thức vận động đầy đủ của tư bản là T - H - T', trong đó T' = T + ΔT Số tiền trội hơn so với số tiền đã ứng ra (ΔT), C. Mác gọi là giá trị thặng dư. Số tiền ứng ra ban đầu đã chuyển hóa thành tư bản. Vậy tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Mục đích lưu thông tư bản là sự lớn lên của giá trị, là giá trị thặng dư, nên sự vận động của tư bản là không có giới hạn.

- Tại sao C. Mác gọi công thức T - H - T' là công thức chung của tư bản? C. Mác gọi công thức T - H - T' là công thức chung của tư bản, vì sự vận động của mọi tư bản đều biểu hiện trong lưu thông dưới dạng khái quát đó, dù đó là tư bản thương nghiệp,

tư bản công nghiệp hay tư bản cho vay. Điều này rất dễ dàng nhận thấy trong thực tiễn, bởi vì hình thức vận động của tư bản thương nghiệp là mua vào để bán ra đắt hơn, rất thích hợp với công thức trên. Tư bản công nghiệp vận động phức tạp hơn, nhưng dù sao cũng không thể tránh khỏi những giai đoạn T - H và H - T'. Còn sự vận động của tư bản cho vay để lấy lãi chẳng qua chỉ là công thức trên được rút ngắn lại T - T'. C. Mác chỉ rõ: “Vay T - H - T' thực sự là công thức chung của tư bản, đúng như nó trực tiếp thể hiện ra trong lĩnh vực lưu thông”¹.

Như vậy, với việc đặt ra và sắp xếp logic hệ thống câu hỏi, từng bước hướng sinh viên vào tìm tòi, giải quyết sinh viên sẽ chủ động, tích cực hơn trong học tập.

Ví dụ 3: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học nội dung - Tư bản bất biến và tư bản khả biến [1; tr.58-59].

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học: tư bản bất biến và tư bản khả biến. Đó là về vấn đề quan trọng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát nội dung, giảng viên đặt ra hoặc gợi mở để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi:

Căn cứ vào giáo trình cho biết: Tư bản bất biến và tư bản khả biến là gì?. Căn cứ phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến? Việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến có ý nghĩa như thế nào?

Nghiên cứu về quá trình sản xuất giá trị thặng dư, C. Mác dùng hình ảnh “vai trò của bình cổ công trong phản ứng hóa học”, để diễn tả điều gì trong việc tạo ra giá trị thặng dư? Phân tích nội dung cách nói hình ảnh trên của C. Mác.

Bước 3: Thực hiện đề cương bài giảng trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát hệ thống câu hỏi đã được thiết kế trong đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và có kỹ năng tiếp cận nội dung nghiên cứu.

- Căn cứ vào giáo trình cho biết: Bản chất của tư bản bất biến và tư bản khả biến là gì?

+ Bộ phận tư bản biến thành tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, nhà xưởng, nguyên liệu, nhiên liệu) mà giá trị được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng giá trị của nó, được C. Mác gọi là tư bản bất biến và ký hiệu là C.

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.234.

+ Bộ phận tư bản biến thành sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng của công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là biến đổi về lượng, được C. Mác gọi là tư bản khả biến và ký hiệu là V.

- Căn cứ vào giáo trình cho biết: Căn cứ phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?

Việc phát hiện ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa đã giúp C. Mác tìm ra chiếc chìa khóa để xác định sự khác nhau giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến. C. Mác là người đầu tiên chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến. Căn cứ cho sự phân chia đó là dựa vào vai trò khác nhau của các bộ phận của tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Tư bản bất biến là điều kiện cần thiết không thể thiếu được để sản xuất ra giá trị thặng dư, còn tư bản khả biến có vai trò quyết định trong quá trình đó, vì nó chính là bộ phận tư bản đã lớn lên.

- Căn cứ vào giáo trình cho biết: Ý nghĩa của phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến?

Cùng với quá trình sản xuất giá trị thặng dư, việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến, tiếp tục góp phần vạch rõ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản và khẳng định chỉ có lao động của công nhân làm thuê mới tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản.

? Nghiên cứu về quá trình sản xuất giá trị thặng dư, C. Mác dùng hình ảnh “vai trò của bình cổ cong trong phản ứng hóa học”, để diễn tả điều gì trong việc tạo ra giá trị thặng dư?

Như vậy, căn cứ phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến là dựa vào vai trò khác nhau của các bộ phận của tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Tư bản bất biến là điều kiện cần thiết không thể thiếu được để sản xuất ra giá trị thặng dư, còn tư bản khả biến có vai trò quyết định trong quá trình đó, vì nó chính là bộ phận tư bản đã lớn lên. C. Mác dùng hình ảnh “vai trò của bình cổ cong trong phản ứng hóa học”, để diễn tả vai trò khác nhau của các bộ phận của tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. Không có “bình cổ cong trong phản ứng hóa học” thì không diễn ra các phản ứng hóa học, tạo ra chất mới; có “bình cổ cong trong phản ứng hóa học” thì “bình cổ cong” cũng không tham gia vào tạo ra chất mới. Tương tự, không có tư bản bất biến làm điều kiện cũng không thu được giá trị thặng dư, nhưng có tư bản bất biến, tư bản bất biến không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư; chỉ có tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức sức lao động của người công nhân mới tạo ra giá trị

thặng dư. Với việc đặt ra và sắp xếp logic hệ thống câu hỏi, từng bước hướng sinh viên vào tìm tòi, phân tích, giải quyết các câu hỏi trên đây sẽ giúp sinh viên chủ động, tích cực hơn trong học tập.

Ví dụ 4: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học bài tập kinh tế chính trị Mác - Lênin [1; tr.53-77].

Trong môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin có hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật. Để sinh viên nắm bắt bản chất các khái niệm, phạm trù, quy luật cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi để giải các bài tập kinh tế chính trị:

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi. Đó là bài tập môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Đây vừa là nội dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học phần Học thuyết giá trị thặng dư của Kinh tế chính trị Mác- Lênin. Qua phương pháp đàm thoại tìm tòi giải quyết các bài tập sinh viên sẽ hiểu một loạt các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý cốt lõi của môn học. Chẳng hạn, một bài tập mang tính thông dụng, tích hợp dưới đây:

Năm 2003, một doanh nghiệp sản xuất máy vi tính ứng trước 45 triệu USD đầu tư như sau: 25 triệu USD xây dựng nhà xưởng, kho hàng khấu hao trong 50 năm; 10 triệu USD cho lắp đặt máy móc, thiết bị khấu hao trong 20 năm; 5 triệu USD xây dựng các công trình khác phục vụ cho sản xuất, khấu hao trong 20 năm; còn lại 5 triệu USD đầu tư như sau: 2 triệu USD để mua nguyên vật liệu 2 tháng/lần; 1,5 triệu USD để mua nhiên liệu 4 tháng/lần; 1,5 triệu USD để trả lương công nhân và quản lí hàng tháng. Cho biết tỷ suất giá trị thặng dư hàng năm là 120%; sản lượng mỗi năm là 100.000 sản phẩm. Hãy xác định:

1) Tổng: Tư bản bất biến, tư bản khả biến, khối lượng giá trị thặng dư, tư bản cố định, tư bản lưu động năm 2003.

2) Giả định khấu hao các yếu tố sản xuất hết trong chu kỳ sản xuất năm 2003 và hao phí lao động cá biệt bằng hao phí lao động xã hội. Tính chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm, chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm, giá trị thặng dư trong một sản phẩm của năm 2003.

3) Tính tổng doanh thu và lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp, biết rằng doanh nghiệp đó bán hết sản phẩm với giá cả cao hơn giá trị là 10%.

4) Giả định cấu tạo hữu cơ là 3/2 và tỉ suất giá trị thặng dư là không đổi. Nếu nhà tư bản đầu tư 50% giá trị thặng dư để tích lũy, đầu tư tái sản xuất mở rộng cho năm 2004 thì lượng tư bản bất biến và khả biến phụ thêm phải là bao nhiêu? Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004.

5) Đến đầu năm thứ 6, xuất hiện máy móc thể hệ mới trên thị trường có giá cả gấp 1,5 lần nhưng có hiệu quả sử dụng gấp đôi máy cũ. Hãy tính hao mòn vô hình và giá trị còn lại của hệ thống máy móc thể hệ cũ ở thời điểm năm 2009.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học những nội dung đã được lựa chọn. Bám sát nội dung bài tập, giảng viên đặt ra hoặc gợi mở để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu: Tập trung vào các khái niệm, đặc trưng bản chất, cách tính từng nội dung trong yêu cầu của bài tập.

Bước 3: Thực hiện đề cương bài giảng trong thực tiễn dạy học môn học. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đàm thoại. Trong đàm thoại giảng viên yêu cầu sinh viên tập trung làm rõ khái niệm, bản chất, cách tính từng nội dung trong yêu cầu của bài tập. Thông qua hệ thống câu trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và có kỹ năng tiếp cận vấn đề.

1) Tổng: Tư bản bất biến, tư bản khả biến, khối lượng giá trị thặng dư, tư bản cố định, tư bản lưu động năm 2003.

$$\sum (C_{\text{năm 2003}}) = [25/50 + 10/20 + 5/20 + (2 \times 6) + (1,5 \times 3)] = 17,75 \text{ triệu USD.}$$

$$\sum (V_{\text{năm 2003}}) = [1,5 \times 12] = 18 \text{ triệu USD.}$$

$$\sum (M_{\text{năm 2003}}) = m' \times V = 120\% \times 18 = 21,6 \text{ triệu USD.}$$

$$\sum (TBCĐ) = [25/50 + 10/20 + 5/20] = 1,25 \text{ triệu USD.}$$

$$\sum (TBLĐ) = [(2 \times 6) + (1,5 \times 3) + (1,5 \times 12)] = 34,5 \text{ triệu USD.}$$

2) Tính chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm, tính chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm, giá trị thặng dư thu được trong một sản phẩm của năm 2003.

- Tính chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm:

$$\frac{(\sum C_{2003} + \sum V_{2003} + \sum M_{2003})}{\sum Q_{2003}} = \frac{(17,75 + 18 + 21,6)}{0,1} = 573,5 \text{ USD/1SP.}$$

$$\frac{\sum Q_{2003}}{0,1}$$

- Tính chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm:

$$\frac{(C_{2003} + V_{2003})}{Q_{2003}} = \frac{(17,75 + 18)}{0,1} = 357,5 \text{ USD/1SP.}$$

$$Q_{2003} \quad 0,1$$

- Giá trị thặng dư thu được trong một sản phẩm: = (Chi phí thực tế để sản xuất ra một sản phẩm) - (Chi phí tư bản để sản xuất ra một sản phẩm).

$$573,5 \text{ USD/1SP} - 357,5 \text{ USD/1SP} = 216 \text{ USD/1SP.}$$

3) Tính tổng doanh thu và lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp, biết rằng doanh nghiệp đó bán hết sản phẩm với giá cả cao hơn giá trị 10%.

- Tính tổng doanh thu khi bán hết sản phẩm với giá cả cao hơn giá trị 10%.

$$\sum \text{Tổng doanh thu} = \text{Giá cả của 01 sản phẩm} \times \text{Số lượng} \times 110/100$$

$$= \frac{573.5 \text{USD} / 1 \text{SP} \times 100.000 \times 110}{100} = 63.085.000 \text{ USD.}$$

100

- Tính tổng lợi nhuận hàng năm khi bán hết sản phẩm với giá cả cao hơn giá trị là 10%.

$\sum \text{Tổng lợi nhuận} = \sum \text{Tính tổng doanh thu} - \sum \text{Tổng chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa:}$

$$\sum \text{Tổng lợi nhuận} = 63.085.000 \text{ USD} - 35.750.000 \text{ USD} = 27.335.000 \text{ USD.}$$

4) Giả định cấu tạo hữu cơ là 3/2 và tỉ suất giá trị thặng dư là không đổi. Nếu nhà tư bản đầu tư 50% giá trị thặng dư để tích lũy, đầu tư tái sản xuất mở rộng cho năm 2004 thì lượng tư bản bất biến và khả biến phụ thêm phải là bao nhiêu? Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004.

- $C/V=3/2$; $m' = 120\%$.

- 50% M năm 2003 = $21,6 \times 50\% = 10,8$ triệu USD.

- $C(\text{pt}2004) = \frac{(10,8 \times 3)}{5} = 6,48$ triệu USD.

5

- $V(\text{pt}2004) = \frac{(10,8 \times 2)}{5} = 4,32$ triệu USD.

5

- Viết sơ đồ tái sản xuất mở rộng năm 2004:

$$(18,25 + 6,48)C + (18 + 4,32)V + (2,16 + 5,184)M.$$

5) Đến đầu năm thứ 6, xuất hiện máy móc thế hệ mới trên thị trường có giá gấp 1,5 lần nhưng có hiệu quả sử dụng gấp đôi máy cũ. Hãy tính hao mòn vô hình và giá trị còn lại của hệ thống máy móc thế hệ cũ ở thời điểm năm 2009.

- Sau 5 năm đầu hao mòn hữu hình của máy móc là: $(\frac{1}{2} \times 5) = 2,5$ triệu USD. Sau hao mòn vô hình giá trị còn lại của máy móc là: $10 - 2,5 = 7,5$ triệu USD (1).

- Năm 2009, xuất hiện máy móc thế hệ mới trên thị trường có giá gấp 1,5 lần nhưng hiệu quả sử dụng gấp đôi máy cũ. Nghĩa là, giá trị của máy móc thế hệ cũ giảm đi $\frac{1}{2}$ lần. Vì vậy, hao mòn vô hình của hệ thống máy móc thế hệ cũ ở thời điểm 2009 là $7,5/2 = 3,75$ triệu USD (2).

- Từ (1), (2) suy ra giá trị còn lại của hệ thống máy móc thế hệ cũ ở thời điểm năm 2009.

$$[10 \text{ triệu USD} - (2,5 \text{ triệu USD} + 3,75 \text{ triệu USD})] = 3,75 \text{ triệu USD.}$$

Như vậy, với việc đặt ra và sắp xếp logic hệ thống câu hỏi, từng bước hướng sinh viên vào tìm tòi, giải quyết nội dung bài tập trên đây giúp sinh viên sẽ hiểu rõ nét hơn bản chất của các khái niệm, phạm trù, quy luật vốn dĩ rất trừu tượng, khó hiểu trong Kinh tế chính trị Mác - Lênin như tư bản bất biến, tư bản khả biến, khối lượng giá trị thặng dư, tư bản cố định, tư bản lưu động; chi phí thực tế sản xuất, chi phí tư bản chủ nghĩa, quy luật tái sản xuất, bóc lột giá trị thặng dư... Qua đó, sinh viên sẽ chủ động, tích cực hơn trong học tập.

III. KẾT LUẬN

Bài viết nghiên cứu về phương pháp đàm thoại tìm tòi vận dụng vào dạy học môn Kinh tế chính trị Mác- Lênin ở trường đại học. Bước đầu bài viết đưa ra luận chứng sự cần thiết, quy trình, nội dung vận dụng phương pháp này trong dạy học môn học. Qua thực tiễn vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học cho thấy, những giá trị tích cực của phương pháp đàm thoại tìm tòi bước đầu được phát huy trong dạy học môn học: Sinh viên và giảng viên có điều kiện đi sâu khám phá giải quyết được những nội dung cơ bản, phức tạp, trừu tượng; sinh viên trở nên hưng phấn, tích cực, chủ động, sáng tạo hơn; các em không chỉ tiếp cận được nội dung mà còn có phương pháp học tập hiệu quả; giảng viên trở thành người định hướng, hướng dẫn, điều khiển, thiết kế quá trình học tập hiệu quả. Từ đó, trong quá trình dạy học môn học sinh viên tiếp cận được triết lý dạy học hiện đại, giảng viên dạy cách học, phương pháp học; sinh viên không chỉ học nội dung tri thức mà còn học cách học, phương pháp học; cách dạy, phương pháp dạy của giảng viên. Hy vọng, bài viết đưa ra những gợi mở về đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học ở nhà trường. Để những kết quả của bài viết được củng cố, bổ sung, phát triển, hoàn thiện, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho sinh viên bậc đại học không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Tài liệu tập huấn chuyên ngành, tháng 8/2019.
2. Mober. Marzano; Debra J. Pickering-Jane e.Pollock, *Các phương pháp dạy học hiệu quả* (Người dịch Nguyễn Thị Hồng Vân), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2013.

3. Vũ Hồng Tiến (2005), *Phương pháp giảng dạy Kinh tế chính trị*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Lê Khánh Bằng (Người dịch) (2001), *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở đại học*, Phòng Quản lý khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Geoffrey Petty (1998), *Dạy học ngày nay*, Nxb Stanley Thornes.
6. Wilbert J. McKeachie. *Những thủ thuật trong dạy học. Các chiến lược, nghiên cứu và lý thuyết về học dành cho các giảng viên đại học và cao đẳng*. (Nguồn: Teaching Tips, Mc Keachie, W. J. 10th edition, 1999, Houghton, ISBN 0395903459).
7. Robert J. Marzano (2013), *Nghệ thuật và khoa học dạy học* (Người dịch: Nguyễn Hữu Châu), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. James H. Strongge (2013), *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả* (Người dịch Lê Văn Canh), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Robert J. Marzano, Jana S. Marzano - Debra J. Pickering (2013), *Quản lý lớp học hiệu quả* (Người dịch Phạm Trần Long), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU, TÌM HIỂU VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH MỚI MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. Đoàn Sỹ Tuấn

ThS. Lê Thị Lan Anh

ThS. Lương Duy Quyền

Trường Đại học Hoa Lư

Tóm tắt

Theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019, của Bộ Giáo dục và Đào tạo bắt đầu từ năm học 2019 - 2020, đối với các môn Lý luận chính trị sẽ thực hiện theo chương trình, giáo trình mới. Theo đó, từ năm học 2019 - 2020, trong tất cả các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - một trong năm môn học Lý luận chính trị cơ bản được triển khai theo chương trình, giáo trình mới. Trong bài viết, tác giả bước đầu nghiên cứu sự định hướng, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị; khái quát về nội dung đổi mới chương trình, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và đề xuất 03 giải pháp cơ bản góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay.

Từ khóa: Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, chương trình, Giáo trình mới, hiệu quả thực hiện.

I. MỞ ĐẦU

Thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”; ngày 19/7/2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH về việc thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài viết bước đầu tập trung, đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về chương trình, giáo trình mới; trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Hy vọng rằng, kết quả của bài viết sẽ góp phần đưa ra những gợi mở góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả dạy học các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Sự định hướng, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị

Trong quá trình đổi mới đất nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị chỉ đạo về nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các Nghị quyết, Chỉ thị có nội dung phong phú, khác nhau, nhưng đều tập trung nhấn mạnh sự đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với từng đối tượng người học... Những năm đầu của quá trình đổi mới Đảng ta đã có Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị “về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay”, trong đó đã nhấn mạnh: “Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội ta, nâng cao giác ngộ lý tưởng và niềm tin cho đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân”[6; tr.25]. Kết luận 94-KL/TW ngày 28/3/2014, về “tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”, nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới việc học tập (bao gồm cả nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giáo viên...) lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân... Nội dung chương trình học tập lý luận chính trị cho tốt, phù hợp cho từng đối tượng học, cấp học, bậc học...; tránh trùng lặp; bảo đảm tính liên thông. Đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ ta” [3]. Tiếp đó, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, lại nhấn mạnh: “Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Gắn lý luận với thực tiễn, cập nhật kiến thức mới, khắc phục sự trùng lặp, khép kín, thiếu liên thông giữa các chương trình, các cấp học, bậc học. Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn” [4]. Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư ngày 9/02/2018 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, nêu rõ quan điểm: “Học tập, nghiên

cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại”...; “Xây dựng Chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; bảo đảm tính liên thông, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn”[5]. Như vậy, đổi mới, nhất là đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học,... các môn Lý luận chính trị đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức quan tâm chỉ đạo. Theo đó, chương trình, giáo trình phải được đổi mới theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; sáng tạo, tránh chồng chéo, trùng lặp, giáo điều; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với đối tượng người học... Những chỉ dẫn mang tính chỉ đạo, định hướng trên đây của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được quán triệt, tổ chức thực hiện tốt trong đổi mới Chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đem chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo so với chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008, thì môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có cùng thời lượng là 2 tín chỉ, kết cấu chương trình về cơ bản có sự ổn định tương đối, tuy nhiên cũng có nhiều đổi mới. Có thể khái quát sự đổi mới nổi bật của chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT- GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thể hiện ở một số điểm cơ bản như sau:

Chương Mở đầu trong chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 và Chương 1 trong chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về cơ bản thống nhất với nhau.

Chương 2: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc” và Chương 3: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá

độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”; Chương 4: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam” và Chương 6: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân”, trong chương trình môn học ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008, được tích hợp thành Chương 3: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; Chương 4: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân” trong chương trình thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương 5: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế”, Chương 8: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới” trong chương trình môn học ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008, được chuyển thành thành Chương 5: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế”; Chương 6: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người” trong chương trình thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Như vậy, theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu thành 8 chương. Theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu lại thành 6 chương, rút đi 2 chương so với chương trình cũ. Tuy nhiên, đây không chỉ đơn giản là sự tinh giản về số lượng, mà còn là sự nâng cao về chất lượng chương trình. Sự gắn kết tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân trong chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 đem đến cái nhìn hệ thống, toàn diện, cơ bản, chính xác hơn, được sự đồng tình, ủng hộ của nhiều người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy.

2.3. Giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/ BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh), so với Giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là giáo trình cũ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh) có nhiều điểm mới, có thể khái quát một số điểm mới cơ bản như sau:

Về mối quan hệ giữa chương trình và giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chương trình và giáo trình cũ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều điểm không đồng bộ, thống nhất, tạo ra khó khăn nhất định trong dạy học, nhất là đối với người học. Chương trình và giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, tạo thuận lợi hơn trong dạy học. Điều này sẽ được nhóm tác giả tập trung làm rõ trong phần một số điểm mới cơ bản về nội dung thể hiện trong từng chương/ bài của giáo trình mới, được trình bày dưới đây:

Về kết cấu, hình thức thể hiện giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, xét về kết cấu đảm bảo tính hệ thống, khoa học, chính xác, tinh giản, sắp xếp hợp lý hơn trên cơ sở quán triệt tinh thần chỉ đạo của Đảng về đổi mới chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, kế thừa được những kết quả, thành tựu mới trong nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục những hạn chế, bất cập của giáo trình cũ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giáo trình cũ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có 8 chương, nhưng Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được kết cấu lại gọn hơn gồm có 6 chương. Về mặt hình thức thể hiện, trong giáo trình mới những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh được trình bày hệ thống, cơ bản, hiện đại, cập nhật; khắc phục được tính hàn lâm, kinh viện, rườm rà, phức tạp; cô đọng, ngắn gọn, chính xác, giản dị, dễ hiểu hơn; tính khoa học sư phạm, phù hợp với đối tượng người học được đảm bảo, thể hiện rõ nét.

Về nội dung giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều điểm mới. Nhìn tổng thể, khái quát so với giáo trình cũ, trong giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: 1/. Ở các chương/ bài: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tuy cũng có thay đổi, song về cơ bản nội dung và hình thức thể hiện khá ổn định, thống nhất. 2/. Ở các chương/bài: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người mới, nội dung và hình thức thể hiện có nhiều đổi mới. Trong giới hạn về trình độ, về thời gian nghiên cứu, tiếp cận, khuôn khổ một bài viết, khó có thể đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu để nêu hết được những điểm mới về nội dung thể hiện trong giáo trình mới của môn học - một công trình khoa học lớn, của các nhà nghiên cứu hàng đầu của đất nước về tư tưởng Hồ Chí Minh, có

nhiều thời gian, đầu tư, tâm huyết cho việc biên soạn giáo trình. Vì vậy, tác giả bài viết chỉ xin khái quát, phân tích một số điểm mới cơ bản về nội dung thể hiện trong từng chương/ bài của giáo trình mới dưới nhãn quan, góc nhìn của cá nhân như sau:

Một là, ở chương 2: “Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh”. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã đi sâu, góp phần làm rõ các chủ đề nội dung giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Các chủ đề nội dung giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo trình cũ [1; tr.49-56] được trình bày chưa đảm bảo tính hệ thống, sự phạm gây khó khăn nhất định cho người dạy và người học khi tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu. Các chủ đề nội dung giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo trình mới [2, tr.36-40], được trình bày đảm bảo tính hệ thống, sự phạm tạo thuận lợi cho người dạy và người học tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu. Giáo trình cũ trình bày chủ đề nội dung giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh là: “1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc” [1; tr.49]; 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới” [1; tr.51]. Như vậy, ở phần 1, nêu cả nội dung giá trị, phạm vi, không gian ảnh hưởng của giá trị. Ở phần 2, không phản ánh nội dung giá trị, chỉ đề cập đến phạm vi, không gian ảnh hưởng của giá trị. Điều đó tạo ra sự vênh lệch, hớ hển cho người dạy và người học khi tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, đã khắc phục những hạn chế trên. Theo đó, các chủ đề nội dung giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, được trình bày thành: “1. Đối với cách mạng Việt Nam” [2; tr.36]; 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại” [2; tr.38].

Hai là, ở chương 3: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã đi sâu, góp phần làm rõ nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc - một nội dung tư tưởng to lớn, có ý nghĩa, giá trị hết sức quan trọng. Nội dung này trong giáo trình cũ của môn học cũng đề cập, tuy nhiên chủ yếu dừng lại ở việc thống kê sự kiện, chưa đi sâu làm rõ nội hàm khái niệm, những vấn đề có ý nghĩa, giá trị lý luận của vấn đề. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã khắc phục được những hạn chế, bất cập của giáo trình cũ của môn học, bổ sung, đi sâu phân tích làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Qua đó góp phần làm sâu sắc thêm tư tưởng hạt nhân, cơ bản, cốt lõi của Hồ Chí Minh. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đã khắc phục sự vênh lệch, thiếu đồng bộ, thống nhất giữa chương trình và giáo trình cũ của môn học thể hiện trong phần trình bày về “ II. - Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”[1; tr.111]. Điều đó được thể hiện cụ thể: Chương trình cũ của môn học nội dung: “ II. - Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở

Việt Nam”, được triển khai thành các ý “1. Con đường/ a) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa... b) Con đường cách mạng không ngừng... 2. Biện pháp: a) Phương châm.../ b) Biện pháp...”. Tuy nhiên, trong giáo trình cũ của môn học, nội dung: “II. - Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, được triển khai thành các ý: “1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... a) Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ...; b) Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam...; c) Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... 2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta...”. Ngoài sự khắc phục tình trạng vênh lệch giữa chương trình và giáo trình môn học, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, còn khắc phục được sự vênh lệch, phức tạp hóa trong chính Giáo trình cũ của môn học khi trình bày về nội dung “II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Trong giáo trình cũ của môn học chủ đề: “1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, chỉ đề cập đến “đặc điểm, nhiệm vụ...”, nhưng kết cấu bên trong trình bày cả “Thực chất, loại hình, nội dung ...” [1; tr.111-120]. Trong giáo trình mới của môn học, đã khắc phục được những hạn chế trên: Nội dung trong giáo trình cũ “II. - Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, được chuyển thành “3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, trong đó, trình bày sáng rõ hai nội dung là: “a) Tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... b) Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ” [2; tr.62-65].

Ba là, chương 4: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân”. Giáo trình cũ, khi đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam đã bàn nhiều vấn đề sự ra đời, vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; Tính tất yếu, nội dung xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đề cập đến hai vấn đề cốt lõi: “1/. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính tất yếu và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam...; 2/. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng phải trong sạch vững mạnh” [2; tr.72-73]. Giáo trình mới, có nhiều điểm mới trong cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước. Vấn đề bản chất Nhà nước không được tách ra thành chủ đề riêng như trong giáo trình cũ, mà được tích hợp trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước dân chủ. Giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, làm sâu sắc hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà

nước pháp quyền; về Nhà nước trong sạch, vững mạnh; về kiểm soát quyền lực Nhà nước, phòng chống tiêu cực trong bộ máy Nhà nước.

Bốn là, ở chương 6: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người mới”. Giáo trình mới, về cơ bản nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, con người khá ổn định; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa có nhiều đổi mới. Giáo trình mới khi bàn tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa không đi sâu bàn nhiều đến tư tưởng Hồ Chí Minh về chức năng, tính chất, lĩnh vực chính của văn hóa như trong giáo trình cũ của môn học, mà đi sâu làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa văn hóa và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, vai trò của văn hóa, xây dựng nền văn hóa mới [2; tr.121-126].

Năm là, một điểm mới cơ bản, xuyên suốt của giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh không thể không nhắc tới là các nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh theo chủ đề của từng chương/ bài trong thực tiễn cách mạng Việt Nam được trình bày cơ bản, cụ thể, cập nhật, sát thực tiễn, mang tính thời sự hơn. Tư tưởng Hồ Chí Minh được liên hệ đến các Văn kiện nghị quyết Đại hội Đảng gần đây nhất như Văn kiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, X, XI, XII; những vấn đề lý luận và thực tiễn mang tính thời sự được cập nhật, như vấn đề “kiểm soát quyền lực Nhà nước” [2; tr.91], “phòng chống tiêu cực trong Nhà nước” [2, tr.92], vấn đề “đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ” [2; tr.70].

Trên đây là một số điểm mới cơ bản về nội dung thể hiện trong từng chương/ bài của giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tóm lại, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều điểm mới xét trong mối quan hệ với chương trình môn học, cả về mặt nội dung và kết cấu, hình thức thể hiện.

2.4. Nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Để nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, qua nghiên cứu lý luận và khảo nghiệm thực tiễn, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

Một là, Ban Tuyên Giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị, cần chỉ đạo các bộ phận có liên quan nhanh chóng chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị. Trên cơ sở đó, chính thức ban hành chương trình, xuất bản giáo trình các môn Lý luận chính trị làm cơ sở pháp lý cho các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước thực hiện. Dự thảo chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, đã được thực hiện một năm, tuy nhiên đến nay chưa ban hành chương trình, xuất bản giáo trình các môn Lý luận chính trị chính thức. Việc chậm chính thức ban hành, xuất bản chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, làm cho các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng có tâm lý trông chờ chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị chính thức, mới tiến hành các hoạt động chuyên môn, trao đổi về chương trình, giáo trình mới các môn Lý luận chính trị.

Hai là, các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước cần tiếp tục bám sát các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Ban Tuyên giáo Trung ương, ngành Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo triển khai tổ chức dạy học có hiệu quả các môn Lý luận chính trị nói chung, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, như: Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/12/2014 của Bộ Chính trị về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/2/2018 của Ban bí thư Trung ương Đảng “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”. Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 “về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” của Bộ chính trị; Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có về việc thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị...

Ba là, các cơ quan quản lý chuyên môn dạy học lý luận chính trị (Viện/ Khoa/ Bộ môn)/ các cán bộ, giảng viên dạy học lý luận chính trị trong các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng. *Về phía các cơ quan quản lý chuyên môn dạy học lý luận chính trị* (Viện/ Khoa/ Bộ môn) trong các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng cần tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ, hiệu quả quản lý chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học để nâng hiệu quả dạy học lý luận chính trị trong các nhà trường, học viện. Trên cơ sở đó, cần tăng cường nghiên cứu, trao đổi, hội thảo về chương trình, giáo trình mới

các môn Lý luận chính trị theo hướng: Quan tâm, đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu những điểm mới trong chương trình, giáo trình; xác định hệ thống kiến thức trụ cột, cốt lõi của chương trình, giáo trình mới theo từng chương/ bài; định hướng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cơ bản từng chương/ bài theo chương trình, giáo trình mới... Quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng chương trình chi tiết, đề cương chi tiết, đề cương bài giảng, hồ sơ chuyên môn; công tác đổi mới hình thức thi, kiểm tra, đánh giá; công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn; quản lý chặt chẽ chất lượng, hiệu quả dạy học các các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. *Về phía các cán bộ, giảng viên dạy học lý luận chính trị trong các trường Đại học, Cao đẳng* cần tiếp tục thực hiện, đặt đổi mới dạy học Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện tổng thể “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Các cán bộ, giảng viên dạy học lý luận chính trị phải xác định được họ là lực lượng trung tâm, chủ đạo giữ vai trò quyết định chất lượng, hiệu quả dạy học Lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh theo chương trình, giáo trình mới. Trong điều kiện mới hiện nay, các cán bộ, giảng viên dạy học Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh phải xác định rõ nhiệm vụ của họ không chỉ đơn thuần là tổ chức thực hiện chương trình, giáo trình, mà còn phải nắm được, truyền tải được, thổi hồn có hiệu quả cái hay, cái đẹp trong cái mới của chương trình, giáo trình mới đến người học, góp phần đem lại cảm hứng, niềm say mê học tập môn học của sinh viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. KẾT LUẬN

Bài viết bước đầu nghiên cứu, tìm hiểu về cơ sở lý luận và nội dung của sự đổi mới chương trình, giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; trên cơ sở đó đề xuất 3 giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: 1/. Ban Tuyên Giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị, cần sớm chính thức ban hành chương trình, xuất bản giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. 2/. Các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước cần tiếp tục bám sát các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Ban Tuyên giáo Trung ương, ngành Giáo dục và Đào tạo để chỉ đạo, triển khai tổ chức dạy học có hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. 3/. Các cơ quan quản lý chuyên môn dạy học lý luận chính trị (Viện/ Khoa/ Bộ môn)/ các cán

bộ, giảng viên dạy học lý luận chính trị trong các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng, coi trọng nghiên cứu, nắm bắt cái mới trong chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh để tổ chức triển khai có hiệu quả việc dạy học các môn học này. Hy vọng rằng, kết quả của bài viết sẽ đưa ra những gợi mở góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chương trình, giáo trình mới môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dự thảo, Dùng cho sinh viên không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng).
3. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-94-kltw-ngay-2832014-cua-ban-bi-thu>; (dangcongsan.vn/ Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thứ năm, 02/07/2020 21:13:31 GMT +7).
4. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ghi-quyet-so-37-nqtw-ngay-9102014-cua-bo-chinh-tri>; (dangcongsan.vn/ Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thứ năm, 02/07/2020 21:13:39 GMT +7).
5. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-23-cttw-ngay-922018-cua-ban-bi-thu>. (dangcongsan.vn/ Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thứ năm, 02/07/2020; 21:13:35 GMT +7).
6. *Văn kiện Đảng toàn tập* (2007), tập 52, Nxb Chính trị quốc gia.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Bằng Đăng Ngọc

ThS. Dương Thị Liễu Linh

Học viện Tài chính

Tóm tắt

Bài viết khẳng định vị trí các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng; phân tích tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tới giáo dục nói chung, dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

Từ khóa: Chất lượng giảng dạy, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, bối cảnh hiện nay.

I. MỞ ĐẦU

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ kiến thức, kỹ năng và sức sáng tạo, thích ứng với thời cuộc luôn là vấn đề thời sự của giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ lần thứ tư. Đó cũng chính là định hướng chiến lược mà Đảng đã chỉ ra trong Đại hội lần thứ XII là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, giáo dục nói chung, dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng cần phải đổi mới mạnh mẽ để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, dạy học.

II. NỘI DUNG

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ kiến thức, kỹ năng và sức sáng tạo, thích ứng với thời cuộc, bên cạnh mục tiêu góp phần hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện lập trường, tư tưởng chính trị,... như các môn lý luận chính trị khác, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh còn giúp sinh viên nắm vững được nền tảng đường lối, chính sách của Đảng; vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước; bồi dưỡng năng lực tư duy độc lập; rèn luyện đạo đức, phong cách và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân thông qua việc lĩnh hội hệ thống quan điểm, luận điểm và đặc biệt qua chính tấm gương của của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, có thể nhận thấy rằng sự yêu thích và hiệu quả giáo dục của môn học này đối với sinh viên không dễ dàng và không phải là không có khoảng cách giữa thực tế đạt được với mục tiêu mà môn học muốn hướng đến.

Nguyên nhân của tình trạng đó, trước hết, bắt nguồn từ chính nguồn thông tin đồ sộ mà cuộc mạng công nghiệp 4.0 (như chúng ta quen gọi) đem lại. Công nghệ thông tin và Internet kết nối vạn vật không chỉ giúp con người giao tiếp với con người, mà còn là con người giao tiếp với máy, con người giao tiếp với đồ vật và đồ vật giao tiếp với nhau trong thời đại số đã giúp người học có thể tiếp cận với một khối lượng tài nguyên tri thức khổng lồ, phong phú, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu về tài liệu, nội dung cho mọi trình độ khác nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng mà không có bất kỳ một giới hạn nào về không gian và thời gian. Đây chính là một trong những điều đặc biệt chưa từng thấy ở các cuộc cách mạng khoa học trước đó.

Với lợi thế lớn là sự phổ biến của điện thoại thông minh và mạng internet như hiện nay, theo thống kê đăng trên trang Vnetwork.vn ngày 19/7/2020, với lượng người sử dụng internet năm 2019 đạt 64 triệu, Việt Nam hiện đang đứng 16 và hoàn toàn có thể vào top 10 quốc gia có tỷ lệ người tiếp cận Internet cao nhất, với khoảng 80% dân số sử dụng internet trước năm 2020. Riêng mạng mạng xã hội, tính đến tháng 1/2020 có tới 65 triệu người dùng, chiếm gần 67% dân số.

Kho tư liệu phong phú, tiếp cận dễ dàng sẽ giúp sinh viên khi nghiên cứu học nói chung và tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng được tiếp cận với những nguồn tư liệu quý, sinh động về tư tưởng và về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh; với những tác phẩm mà Người để lại trong suốt qua trình hoạt động, đấu tranh cách mạng của mình cũng như rất nhiều các bài nói, bài viết, bài bình luận về nội dung của các tác phẩm đó. Điều này giúp sinh viên hiểu sâu hơn những vấn đề mà trong giới hạn dung lượng của giáo trình và thời gian của các giờ học trên lớp họ chưa thể lĩnh hội hết.

Nhưng một thực tế cho thấy rằng, một mặt việc tiếp cận với kho thông tin một cách dễ dàng và thuận lợi, một mặt giúp cho người học có được vốn tri thức phong phú, đa chiều trên internet và mạng xã hội như đã nói ở trên, nhưng mặt khác lại luôn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng, dễ làm cho người học lạc trong “mê cung” của thông tin, thậm chí bị tác động bởi những thông tin phi chính thống của các thế lực thù địch với âm mưu “diễn biến hòa bình” trên không gian mạng. Chúng triệt để sử dụng các trang web, blog, trang mạng xã hội với danh nghĩa tự do, dân chủ, nhân quyền đăng tải các bài viết, hình ảnh, clip với nội dung xuyên tạc về cuộc đời, sự nghiệp nhằm hạ uy tín của Hồ Chí Minh, từ đó phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam,

phản bác chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Những điều này gây tò mò và có sức hấp dẫn không nhỏ đối với những người trẻ vốn thiếu tri thức và kinh nghiệm sống và nếu không được định hướng kịp thời sẽ dẫn tới nguy cơ giảm sút niềm tin vào lãnh tụ, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoài nghi con đường phát triển của dân tộc.

Đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4 này cũng tác động rất mạnh mẽ theo cả hướng tích cực lẫn tiêu cực. Tác động dễ nhận thấy nhất là làm một bộ phận cán bộ giảng viên rơi vào hai thái cực: hoặc có tâm lý an bài, muốn ổn định, không chịu thay đổi tư duy; e dè, sợ sệt, không dám tìm hiểu, nghiên cứu và đối mặt với những vấn đề mới với cách tiếp cận mới; hoặc hoang mang, choáng ngợp dẫn tới hoài nghi chính những điều họ vốn đã tin, sa vào “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bên cạnh đó, do có nhiều hạn chế về ngoại ngữ và công nghệ nên một số giảng viên không tận dụng được nguồn thông tin, tư liệu vô cùng rộng lớn và phong phú trên mạng internet. Điều này làm cho bài giảng của giáo viên nghèo tư liệu, khô khan, một chiều và mang tính áp đặt, không có sự phân biện,... nên khó lôi cuốn người nghe, làm giảm hiệu quả giáo dục của môn học

Trước thực trạng đó, để nâng cao chất lượng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, cần phải chú ý những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, phải có sự đổi mới về nội dung, chương trình môn học.

Sự đổi mới đó phải bắt đầu từ sự nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới: “học tập lý luận thì nhằm mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận”. Truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh phải gắn liền với việc làm sáng tỏ chủ trương, đường lối của Đảng; hình thành và hoàn thiện lý tưởng, đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin trong sinh viên về tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng, giữ vững ổn định chính trị - tư tưởng, tăng cường định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề mới nảy sinh,... đúng như Triết lý giáo dục thế kỷ XXI mà UNESCO đưa ra với bốn mục tiêu: “Học để biết - Learning to know, Học để làm - Learning to do, Học để cùng chung sống - Learning to live together, và Học để sáng tạo”.

Đó cũng chính là những vấn đề được đặt ra trong Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nội dung chương trình, phương thức đào tạo ở các cấp học theo hướng “đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người” cũng như trong

Công văn số 3506/BGDĐT-GDDH năm 2019 hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị; Chương trình, giáo trình mới các môn lý luận chính trị đã được áp dụng cho các khóa đào tạo trình độ đại học tuyển sinh từ năm học 2019-2020, nhằm thực hiện Kết luận số 94-KL/TW năm 2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân và Kết luận số 363-TB/BTGTW năm 2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai giảng dạy đại trà các môn lý luận chính trị khối chuyên và không chuyên trình độ đại học theo tinh thần áp dụng cho các khóa đào tạo đại học từ năm học 2019 - 2020.

Trên tinh thần đổi mới đó, giáo trình học Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những điều chỉnh nội dung theo hướng vừa bảo đảm giữ được những vấn đề có tính nguyên lý, vừa bổ sung thêm những vấn đề lý luận mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình nghiên cứu trước tác của Người và đã được thực tiễn kiểm nghiệm và đúc kết qua hơn 30 năm đổi mới của Đảng trên cơ sở giảm tải về chương trình đối với các môn Lý luận chính trị nói chung.

Thứ hai, phải thay đổi phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, kiểm tra và đánh giá hoạt động dạy-học.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tác động trực tiếp đến hoạt động giảng dạy của người thầy. Phương pháp giảng dạy đã chuyển từ hình thức chuyển giao kiến thức từ Thầy sang Trò (thầy đọc - trò chép), không có sáng tạo sang vai trò hướng dẫn, định hướng, cố vấn và tạo môi trường học tập để người học tự khám phá, lĩnh hội tri thức. Do đó, chỉ có đổi mới phương pháp giảng dạy mới phát huy được tính tích cực, năng động, sáng tạo của sinh viên; tránh thái độ thụ động, rập khuôn theo bài giảng của giảng viên, giúp họ có được phong cách tư duy độc lập trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học.

Thực ra, ngay từ những năm đầu nước nhà giành độc lập, để đào tạo ra được những con người mới cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Không phải học để thuộc lòng từng câu, từng chữ, đem kinh nghiệm của các nước anh em áp dụng một cách máy móc,... chúng ta học tập lý luận là cốt để áp dụng vào thực tế” hay “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ; học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”. Do đó, dạy và học Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở câu chữ, ở nội dung cụ thể của quan điểm Hồ Chí Minh mà quan trọng hơn là phải hiểu đúng, hiểu sâu sắc bản chất cách mạng, khoa học, lập trường,... của từng quan điểm, luận điểm trong tư tưởng Hồ Chí Minh và cao hơn nữa là có thể áp dụng, giải quyết cho những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Với đặc thù là môn học giảng dạy về tư tưởng của Hồ Chí Minh - một con người có một trí tuệ lớn với vốn tri thức sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, nếu mỗi giảng viên không thường xuyên tự bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức cần thiết cho mình, tích cực trong nghiên cứu khoa học thì khó có thể truyền tải được hết những kiến thức cơ bản trong những quan điểm, luận điểm của Hồ Chí Minh. Mặt khác, ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn thì họ cần phải có kiến thức liên ngành, khả năng ngoại ngữ để nắm bắt kịp sự phát triển của thực tiễn. Có như vậy, giảng viên mới có thể tiếp cận được những nguồn tư liệu mới về Hồ Chí Minh, hiểu biết thấu đáo về lý luận và thực tiễn trong nước và thế giới để phân tích, chứng minh và có quan điểm chính kiến rõ ràng về những vấn đề đang còn tranh luận do có sự khác biệt về quan điểm, bảo vệ được lẽ phải lẽ phải, đấu tranh không khoan nhượng với những tư tưởng sai lầm, lệch lạc; trung thực với những nội dung mà mình giảng dạy, không tô hồng cũng như không vì một lý do nào đó mà bôi đen, xuyên tạc cho dù trong thực tế xã hội hiện nay có những vấn đề lý luận và thực tiễn còn độ “vênh” nhất định. Chính sự hiểu biết sâu rộng đó của người thầy là yếu tố quan trọng góp phần kích thích sinh viên nỗ lực tự giác, tự động học tập trên cơ sở độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng.

Thứ ba, đảm bảo hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy.

Để thay đổi phương pháp giảng dạy, việc áp dụng công nghệ thông tin là yếu tố cốt lõi. Như đã nói ở trên, với thành tựu của khoa học kỹ thuật, không gian mạng đem lại cho giảng viên những nguồn tư liệu quý, đa dạng về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Sự kết hợp giữa các phương pháp truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, luyện tập...) với các phương pháp mới (giải quyết vấn đề, dạy học tình huống, dạy học định hướng hành động...) gắn với công nghệ hiện đại như dạy học trực tuyến E-learning sự tương tác, trao đổi thông tin giữa giảng viên - giảng viên, giữa giảng viên - sinh viên, giữa sinh viên - sinh viên được thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Sự ứng dụng các phần mềm tin học như tạo ra các mô hình, sơ đồ hóa kiến thức, bức ảnh, các bài nói, bài viết, bài bình luận của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước,... làm cho giờ dạy trở nên sinh động hơn, giúp sinh viên hiểu sâu hơn và có hứng thú tìm hiểu những vấn đề mà trong giới hạn dung lượng của giáo trình và thời gian của các giờ học trên lớp họ chưa thể lĩnh hội hết.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ kiến thức, kỹ năng và sức sáng tạo, thích ứng với thời cuộc các nhà

trường phải chú ý công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật thường xuyên và kịp thời những kiến thức liên quan về công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giảng viên lý luận nói chung và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, những người vốn ít có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với khoa học công nghệ để họ làm chủ được công cụ, phương tiện để có thể giảng dạy tốt trong môi trường Cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Vũ Tuấn, Học viện Kỹ thuật quân sự, Bộ Quốc phòng, *Giáo dục 4.0 và những yêu cầu, giải pháp đổi mới giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học hiện nay*, trang thông tin điện tử Học viện Cảnh sát ngày 9/10/2019.
2. TS. Lê Thị Sơn, *Vai trò của giảng viên lý luận chính trị ở trường đại học trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Tạp chí Lý luận chính trị, 11//2019.

NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

*ThS. Nguyễn Thị Mỹ Lang
Trường Đại học Quảng Nam*

I. MỞ ĐẦU

Phương thức đào tạo tín chỉ có nội dung hạt nhân cốt lõi là phương thức dạy học theo tín chỉ. Hiệu quả của phương thức dạy học theo tín chỉ về căn bản quyết định hiệu quả phương thức đào tạo theo tín chỉ. Dạy học theo tín chỉ thực chất là thay đổi về phương thức, hình thức, phương pháp, biện pháp, cách thức dạy học để tạo ra sự thay đổi về chất trong cách dạy và cách học, huy động nguồn lực nội lực của quá trình dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục và thực tiễn cuộc sống trong xã hội hiện đại. Từ đó, một trong các sứ mệnh trọng tâm và giá trị tích cực của giảng viên là tìm ra biện pháp dạy học góp phần nâng cao tính tích cực học tập của người học đối với môn học mà mình phụ trách.

Trong bài viết, tác giả đề xuất 3 biện pháp: 1) Kích thích nhu cầu, hứng thú học tập; 2) Dạy cách học, kỹ năng học; 3) Tạo tình huống trong học tập, để nâng cao tính tích cực học tập của người học trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo tín chỉ ở các trường đại học. Hy vọng, kết quả của bài viết sẽ là góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học ở nhà trường.

II. NỘI DUNG

2.1. Kích thích nhu cầu, hứng thú học tập

Tạo nhu cầu, hứng thú học tập cho người học được xem là yêu cầu bắt buộc đối với mọi người làm công tác dạy học, mọi bộ môn khoa học. Đối với các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng không nằm ngoài yêu cầu bắt buộc đó. Có nhiều biện pháp khác nhau để tạo nhu cầu, hứng thú học tập cho người học: Người dạy truyền “cảm hứng”, tạo ra sự “tập nhiễm” yêu mến, tâm huyết, sự say mê, nhiệt tình nghiên cứu, tìm hiểu, tiếp cận tri thức môn học đến người học; thể hiện được tính sâu sắc, độc đáo, sáng tạo, mới lạ của tri thức môn học; việc thiết lập mối quan hệ biện chứng, logic của hệ thống tri thức trụ cột môn học; chỉ ra được lợi ích, giá

trị, tính hữu ích của tri thức bài học, làm cho người học thấy được tri thức môn học soi sáng, lý giải và cao hơn, là cải tạo cuộc sống; tạo ra tình huống có vấn đề trong dạy học; gắn tri thức môn học với hiện thực sinh động của cuộc sống, làm cho tri thức môn học có tính chất hàn lâm, kinh viện về gần với cuộc sống hơn, dễ hiểu hơn với người học; tạo không khí lớp học nhẹ nhàng, vui vẻ, không căng thẳng, áp lực; lấy ví dụ thành công, phù hợp, đúng đắn, điển hình, sinh động và nếu có thể, thêm yếu tố hài hước; bồi dưỡng tinh thần nhiệt tình cầu tri thức; làm chủ được giờ học, thấy được tín hiệu ngược chiều từ người học để chủ động thay đổi, điều chỉnh nhịp độ giờ giảng... Việc kích thích nhu cầu, hứng thú học tập cho sinh viên cần được thực hiện thường xuyên, có thể vận dụng linh hoạt khi mở đầu, kết thúc và trong suốt tiến trình giảng dạy.

Ví dụ: Vận dụng biện pháp nhu cầu, hứng thú học tập vào dạy học nội dung cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh [1].

Bước 1: Giảng viên nắm vững nội dung chương trình cơ bản của bài giảng. Lựa chọn những vấn đề cần kích thích động cơ, tạo hứng thú tự học bằng hình thức bồi dưỡng tinh thần nhiệt tình cầu tri thức. Thúc đẩy sinh viên tập trung chú ý nghiên cứu: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bước 2: Khuyến khích sinh viên kiểm nghiệm những tri thức đã có, phát hiện mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết; luôn đặt câu hỏi vì sao trước những vấn đề đã có đáp án hoặc kết luận để đảm bảo bản thân sức mạnh khoa học khơi dậy nhiệt tình cầu tri thức: Tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành từ những cơ sở nào? Tư tưởng Hồ Chí Minh có quá trình hình thành và phát triển như thế nào? Tư tưởng Hồ Chí Minh có những giá trị cơ bản nào?

Bước 3: Gọi mở, định hướng, xác định rõ ràng những mục tiêu, nhiệm vụ nhận thức và những lợi ích, giá trị mang lại cho sinh viên sẽ đạt được trong sự theo đuổi nghiên cứu, tìm tòi, khám phá dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Từ đó, sẽ thắp lên “ngọn lửa” tinh thần nhiệt tình cầu tri thức trong sinh viên.

- Bài học tập trung vào mục tiêu, nhiệm vụ nhận thức căn bản là: Nghiên cứu cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Những lợi ích, giá trị mang lại cho sinh viên sẽ đạt được trong sự theo đuổi nghiên cứu, tìm tòi, khám phá dưới sự hướng dẫn của sinh viên. Kết thúc quá trình học tập sinh viên sẽ nắm bắt được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là những kiến thức tổng quan làm nền cho quá trình đi sâu nghiên cứu môn học.

Với cách dẫn dắt, gợi mở kết hợp với phân tích, luận giải khéo léo của giảng viên như trên, sinh viên sẽ tập trung chú ý, tiếp cận được nội dung và phương pháp tiếp cận nội dung cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Như vậy, với cách làm trên đây, sẽ đưa người học vào trạng thái của sự kịch tính và giàu cảm xúc trong quá trình tổ chức nhận thức, đem đến cho người học những khoái cảm nhận thức, kích thích nhu cầu, hứng thú, động cơ học tập, thấp lên “ngọn lửa” của sự say mê học tập trong sinh viên, góp phần nâng cao tính tích cực học tập của người học, chất lượng dạy học môn học ở nhà trường.

2.2. Dạy cách học, kỹ năng học

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, sự bùng nổ của thông tin đã đặt ra yêu cầu "tự học" trong sinh viên nhiều hơn. Trong học tập, sinh viên không chỉ lĩnh hội kiến thức một cách tích cực mà còn phải hiểu quá trình tư duy, nắm bắt các biện pháp, thủ thuật tư duy để tiếp cận tri thức. Lý luận dạy học khẳng định, việc học tập của sinh viên về cơ bản là tự học, tự nghiên cứu. Bản chất của việc dạy học nói chung và dạy học môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, cũng như đòi hỏi thực tiễn hiện nay, quy định dạy cách học, kỹ năng học trở thành một mục tiêu được coi trọng trong dạy học. Trong chương trình dạy học môn học theo học chế tín chỉ nội dung dành cho quá trình tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, thảo luận của sinh viên chiếm một tỷ lệ khá lớn về thời gian. Nội dung tri thức môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, khá trừu tượng, phong phú, đa dạng, sinh động; nhiều nội dung được các tác giả viết sách viết trong giáo trình môn học, sinh viên tự mình khó có thể xác định cách học, kỹ năng học tập phù hợp, hiệu quả nếu không có sự hướng dẫn của giảng viên. Vì nhiều lý do khác nhau, trình độ nhận thức của nhiều sinh viên trong học tập môn học còn hạn chế do thiếu cách học, kỹ năng học tập cơ bản. Do ảnh hưởng của phương pháp dạy học truyền thống ở phổ thông, sinh viên khi vào trường đại học ít có được cách học, kỹ năng học tập phù hợp giúp họ sử dụng tối ưu hóa cơ hội học tập đến với họ.

Thực tiễn dạy học môn học cho thấy khi giảng viên đặt sinh viên trước một nhiệm vụ nhận thức nhất định các em thường gặp khó khăn không giải quyết được vì thiếu cách học, kỹ năng học. Nhưng khi giảng viên gợi mở, hướng dẫn cách học, kỹ năng học đem đến sự hứng thú “đặc biệt” với các em. Sau chất lượng tri thức và đồng thời chất lượng tri thức, cái hấp dẫn với sinh viên trong học tập môn học luôn luôn là cách học, kỹ năng học tập hiệu quả. Trong hoàn cảnh đó, dạy cách học, kỹ năng học nhằm nâng cao tính tích cực học tập của người học đặt ra như một yêu cầu cấp thiết.

Cách học, kỹ năng học là cách thức, kỹ năng tác động của người học đến đối tượng học (nội dung bài học) hay là cách thức, kỹ năng thực hiện hoạt động học. Cách học, kỹ năng học có nội dung phong phú như cách nghe giảng, đọc sách, đặt câu hỏi, giải quyết câu hỏi, cách nghiên cứu một luận điểm, một nội dung khoa học cụ thể...

Dạy cách học, kỹ năng học là cung cấp hoặc gợi mở, dẫn dắt, hướng dẫn cho sinh viên phát hiện cách học, kỹ năng học hiệu quả; làm công cụ cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu; kết quả tự học, tự nghiên cứu tạo ra niềm vui, sự say mê trong học tập của sinh viên. Vì vậy, giảng viên có thể vận dụng một cách linh hoạt các cách thức, kỹ năng đó để dạy cho sinh viên, trên cơ sở đó kích thích tính tích cực học tập của người học.

Ví dụ: Vận dụng biện pháp dạy cách học, kỹ năng học vào dạy học nội dung “bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh”[2].

Bước 1: Lựa chọn những nội dung cần hướng dẫn cách học, kỹ năng học. Đây là điều cần thiết nhằm hướng dẫn cách học, kỹ năng học cho phù hợp với nội dung; nâng cao tính định hướng và chất lượng tự học của người học. Cách tốt nhất để xác định nội dung cần hướng dẫn là căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hướng dẫn giảng dạy.

Nội dung lựa chọn đó là “bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đây vừa là một nội dung quan trọng, vừa là nội dung khá trừu tượng, phức tạp trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bước 2: Xác định đúng loại hình hướng dẫn cách học, kỹ năng học. Điều này xuất phát từ sự đa dạng trong loại hình hướng dẫn cách học, kỹ năng học và yêu cầu "lượng hoá", "chuẩn đoán" cách học, kỹ năng học vốn có của người học.

Loại hình hướng dẫn cách học, kỹ năng học phù hợp và có hiệu quả là đặt câu hỏi nêu vấn đề. Theo đó, bám sát giáo trình, giảng viên đặt ra hoặc định hướng để sinh viên tự đặt ra và trả lời hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu:

a. Nghiên cứu Giáo trình môn học, cho biết tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trong những bối cảnh nào?

b. Tại sao khi nghiên cứu bối cảnh dân tộc và quốc tế hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình môn học lại giới hạn trong khoảng thời gian cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

c. Khi nghiên cứu bối cảnh dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, có phải nghiên cứu mọi bối cảnh dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

d. Khi nghiên cứu những bối cảnh lớn của dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, bằng năng lực tư duy của mình, hãy cho biết phương pháp tiếp cận có hiệu quả vấn đề là gì?

e. Vận dụng phương pháp tiếp cận có hiệu quả vừa được xác định trên đây, vào nghiên cứu làm rõ những bối cảnh lớn của dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?

Bước 3: Trên cơ sở nội dung và loại hình hướng dẫn cách học, kỹ năng học đã được xác định, giảng viên thiết kế các hoạt động dạy học theo hướng hướng dẫn cách học, kỹ năng học cho phù hợp. Bám sát đề cương bài giảng, giảng viên tổ chức đặt câu hỏi nêu vấn đề. Thông qua trả lời của sinh viên và sự “neo chốt” của giảng viên, sinh viên sẽ nắm nội dung và kỹ năng tiếp cận nội dung.

a. Nghiên cứu Giáo trình môn học, cho biết tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành trong những bối cảnh nào?	Bối cảnh dân tộc và quốc tế.
b. Tại sao, khi nghiên cứu bối cảnh dân tộc và quốc tế hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình môn học lại giới hạn trong khoảng thời gian cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?	Thời gian đó là thời gian Người sinh ra và lớn lên, hình thành và phát triển tư tưởng.
c. Khi nghiên cứu bối cảnh dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, có phải nghiên cứu mọi bối cảnh dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?	Không phải, chỉ nghiên cứu những bối cảnh lớn của dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
d. Khi nghiên cứu những bối cảnh lớn của dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, bằng năng lực tư duy của mình, anh (chị) hãy cho biết phương pháp tiếp cận có hiệu quả vấn đề là gì?	Phải tập trung nghiên cứu, xác định, làm rõ 2 vấn đề: <i>Một là</i> , nó là gì, tức là phải gọi được tên từng nội dung. <i>Hai là</i> , nó tác động như thế nào đến tư tưởng Hồ Chí Minh, để được coi như một trong các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

<p>e. Vận dụng phương pháp tiếp cận có hiệu quả vừa được xác định trên đây, vào nghiên cứu làm rõ những bối cảnh lớn của dân tộc và quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tác động đến sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh?</p>	<p>- Chẳng hạn, bối cảnh quốc tế thứ nhất, cần phải làm rõ 2 vấn đề: Một là, nó là gì, tức là phải gọi được tên từng bối cảnh. Hai là, nó tác động như thế nào đến tư tưởng Hồ Chí Minh, để được coi như một trong các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>+ <i>Một là</i>, nó là gì, tức là phải gọi được tên từng bối cảnh: Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh chuyển sang chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới, đã tiến hành xâm lược thuộc địa, hình thành hệ thống thuộc địa khổng lồ, phụ thuộc vào các nước tư bản. Chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa. Các nước thuộc địa đã tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhưng đều thất bại. Sự thất bại đó đã tạo ra nhu cầu lịch sử, khách quan, mang tính thời đại là giải phóng các dân tộc thuộc địa.</p> <p>+ <i>Hai là</i>, nó tác động như thế nào đến tư tưởng Hồ Chí Minh, để được coi như một trong các cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Bối cảnh quốc tế này, đã tác động đến Việt Nam, từ một quốc gia phong kiến độc lập, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, nước mất độc lập, đồng bào mất tự do, bị đọa đày đau khổ. Điều kiện này đã tác động đến lòng yêu nước và thương dân của Nguyễn Tất Thành, thời</p>
--	---

	<p>thúc Người đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.</p> <p>- Đối với các bối cảnh quốc tế, dân tộc khác, lần lượt làm rõ 2 vấn đề như trên đây, cuối cùng sinh viên tiếp cận được nội dung cơ bản của vấn đề nghiên cứu, không chỉ nắm được nội dung mà còn nắm được phương pháp, cách thức tiếp cận nội dung - bối cảnh lịch sử (dân tộc và quốc tế) hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>
--	--

2.3. Tạo tình huống trong học tập

Tính tích cực học tập của sinh viên có được phát huy khi sinh viên tham gia giải quyết những nhiệm vụ học tập với mức độ khó khăn cao do đặc điểm của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đặt ra. Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có những nét đặc trưng căn bản là mang tính lý luận, hệ thống, khái quát cao; gắn bó, liên hệ chặt chẽ với thực tiễn; có nhiệm vụ xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Trong dạy học môn học đòi hỏi: *Một là*, không chấp vá, cắt xén, dừng lại ở mô tả, liệt kê các sự kiện, tư liệu, tài liệu mà phải làm cho sinh viên phải nắm được bản chất nội dung môn học mang tính lý luận, hệ thống, khái quát cao đó. *Hai là*, không dừng lại ở kiến thức trong sách vở, tài liệu xa vời, chung chung mà phải luôn liên hệ với thực tế; đem đối chiếu với thực tiễn, kiểm nghiệm bởi thực tiễn sống động xung quanh. *Ba là*, khắc phục được hiện tượng một bộ phận sinh viên học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh gượng ép, bắt buộc, thiếu tin tưởng vào tư tưởng Hồ Chí Minh, vào sự lãnh đạo của Đảng. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do thực tiễn trong nước và quốc tế biến động phức tạp, khó lường; giữa nội dung lý thuyết môn học và thực tiễn cuộc sống nhiều khi chưa thống nhất với nhau. Nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học có vai trò quan trọng trong quá trình đáp ứng được những đòi hỏi trên, giải quyết được những nhiệm vụ học tập với mức độ khó khăn cao do đặc điểm của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đặt ra. Nói cách khác, những đặc trưng về nội dung của môn học cho thấy, dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ có những khó khăn đặc thù mà chỉ có nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong học tập mới có thể giải quyết được. Vì vậy, trong dạy học môn học để nâng cao tính tích cực học tập, hiệu quả dạy học cần sử dụng biện pháp xây dựng và giải quyết các tình huống trong học tập.

Thực chất của biện pháp này là trong quá trình giảng dạy môn học giảng viên phải biết phát hiện, xây dựng và giải quyết các tình huống trong học tập, phù hợp với nội dung bài giảng, trình độ nhận thức của sinh viên để lôi cuốn sự tập trung, kích thích tính tích cực tư duy, nhận thức, học tập của sinh viên.

Cơ sở lựa chọn biện pháp này là xuất phát từ nguồn nội lực tình huống có vấn đề của môn học, từ yêu cầu dạy học môn học, giá trị tích cực được tạo ra từ việc sử dụng biện pháp. Giá trị tích cực của biện pháp này là xây dựng và giải quyết các tình huống trong học tập, lôi cuốn, tập trung sự chú ý, làm cho sinh viên tích cực, chủ động trong việc nhận thức và tham gia tích cực vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bài giảng; tạo cơ sở cho quá trình đổi mới phương pháp dạy học, người dạy đóng vai trò tổ chức, thiết kế, người học đóng vai trò thi công, thực hiện, chủ động trong học tập.

Ví dụ: Vận dụng biện pháp tạo tình huống trong học tập vào nghiên cứu một số nội dung cụ thể trong môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Quan điểm của Hồ Chí Minh về “độc lập dân tộc”¹ [3].

Bước 1: Nghiên cứu, xác định, lựa chọn tình huống trong học tập. Đây là điều cần thiết nhằm tạo cơ sở cho việc tạo ra tình huống trong học tập. Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do. Tại sao Người coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do?

Bước 2: Tạo, thiết kế tình huống trong học tập, đưa sinh viên tiếp cận tình huống trong học tập.

Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do. Tại sao Người coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do? Độc lập, tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh là gì?

Bước 3: Gợi mở, hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống trong học tập và chốt lại vấn đề:

* Hồ Chí Minh rất coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do, điều đó được thể hiện như thế nào?

- Năm 1923, khi ở Pháp, một hôm được Anbe Xarô, Bộ trưởng Thuộc địa mời đến. Mời đến để dọa nạt, nhưng khi thấy không thể dọa nạt được, hắn đã khéo léo phỉnh phờ: “Tôi rất thích những người như anh. Cần gì anh cứ nói với tôi...”. Và Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập”.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.298.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Tuyên ngôn độc lập*, viết: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”².

- Tối ngày 19/12/1946, trong “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp*”, Bác Hồ khẳng định: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”³.

- Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích, làm cho ích quốc lợi dân”⁴.

- Trả lời các nhà báo nước ngoài, Người nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn đến tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁵.

- Ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước*, khẳng định: “... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”⁶.

Trong bản *Di chúc*, Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁷.

* Hồ Chí Minh coi trọng, đánh giá cao vai trò của độc lập, tự do, vì theo Người: Độc lập, tự do phải là độc lập, tự do *thật sự, hoàn toàn và triệt để* được thể hiện đầy đủ ở những nội dung cơ bản sau đây:

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.3.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.534.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.272.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.187.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.131.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.615.

Thứ nhất, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để là độc lập, tự do trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, đến văn hóa xã hội, quân sự, ngoại giao; độc lập trên cả vùng vùng đất, vùng trời, vùng, biển; độc lập trong thống nhất.

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân tộc ta luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Trong quá trình đi xâm lược các nước, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất là nhằm che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng. Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để là độc lập trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: “Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thêm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”⁸. Sau Cách mạng Tháng Tám, để bảo vệ nền độc lập thật sự mới giành được, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”⁹.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để là độc lập trên cả vùng vùng đất, vùng trời, vùng, biển. Với biên giới quốc gia, Hồ Chí Minh luôn khẳng định sự “bất khả xâm phạm”, coi ranh giới quốc gia là thiêng liêng phải biết giữ gìn, bảo vệ. Đối với vùng chủ quyền biển, đảo, vùng trời, Người nói: “Hải quân ta đã anh dũng chiến đấu, tích cực diệt địch, bắn rơi máy bay và đánh đuổi tàu chiến Mỹ, đoàn kết lập công, bảo vệ nhân dân, bảo vệ vùng trời và vùng biển của Tổ quốc. Các chú đã nêu cao truyền thống anh hùng của dân tộc ta”¹⁰.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để là độc lập trong thống nhất. Trong bức thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Ngày 05/6/1948, thực dân Pháp dựng lên một “Chính phủ trung ương” ở Việt Nam do Trần Văn Xuân đứng đầu nhằm thực hiện chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, rồi rêu rao rằng Việt Nam đã độc lập, thống nhất.

⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.602.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.583.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.597.

Ngày 02/9/1948, Hồ Chí Minh tuyên bố với đồng bào toàn quốc: “Chúng ta quyết kháng chiến đến cùng, tranh cho kỳ được thống nhất và độc lập, thống nhất và độc lập thật sự, chứ không phải cái thứ thống nhất và độc lập bánh vẽ mà thực dân vừa thí cho bọn bù nhìn. Thống nhất mà bị chia xẻ thành “nước Nam Kỳ”, “nước Tây Kỳ”, “Liên bang Thái...”. Độc lập mà không có quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế riêng. Nhân dân Việt Nam quyết không thềm thứ thống nhất và độc lập giả hiệu ấy”¹¹. Tháng 02/1958, Người khẳng định: “Từ đã lâu, nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được”¹². Trong *Di chúc*, Người viết: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹³.

Thứ hai, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để thì mọi quyền lực trong nước phải thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực; mọi vấn đề thuộc chủ quyền của một dân tộc phải do chính dân tộc đó tự quyết định không có sự can thiệp nước ngoài.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh độc lập thực sự độc lập hoàn toàn phải là nền độc lập được thể hiện theo nguyên tắc nước Việt Nam của người Việt Nam; mọi quyền lực trong nước phải thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực; mọi vấn đề thuộc về chủ quyền quốc gia Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam tự quyết định không có sự can thiệp của nước ngoài. Nhân dân Việt Nam cần, hoan nghênh, ghi nhớ sự đồng tình, giúp đỡ của tất cả các dân tộc trên thế giới trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ, xây dựng đất nước, song nhân dân Việt Nam không chấp nhận bất cứ sự can thiệp nào từ bên ngoài nào vào công việc nội bộ của nước mình. Dân có quyền phúc quyết và phúc đáp mọi vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh, chính sách đối nội và đối ngoại của đất nước. Năm 1945, đáp lại ý kiến của Đàm Phương Liên về vấn đề quốc thể, quốc sách của Việt Nam sau khi độc lập, Hồ Chí Minh đã nói: “Bất kỳ ý kiến nào về các vấn đề quốc thể, quốc sách của Việt Nam sau khi độc lập, đều phải do sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam sau khi độc lập quyết định, đều phải giải quyết thông qua bỏ phiếu rộng rãi của công dân”¹⁴. Tháng 5/1945, trả lời phỏng vấn của thông tin viên Hăng Roitor (Ông Vasidecv Rao) hỏi: “*Xin Chủ tịch cho biết*

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.601.

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.264.

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.612.

¹⁴ *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh*, tập 1, tr.197.

quan điểm của Chủ tịch về độc lập và thống nhất của Việt Nam?”. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thống nhất nghĩa là một chính phủ trung ương, một Nghị viện trung ương cho toàn quốc... Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp của nước ngoài”¹⁵. Điều thứ nhất của Hiến pháp năm 1946 do chính Người là Trưởng ban soạn thảo: Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo.

Thứ ba, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để là độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do; Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 về quyền tự do, bình đẳng. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Người cũng đã xác định rõ ràng mục tiêu của đấu tranh của cách mạng là “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.. dân chúng được tự do,... thủ tiêu hết các thứ quốc trái,... thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo,... thi hành luật ngày làm 8 giờ”¹⁶. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁷. Trong thư gửi Ủy ban nhân dân các cấp đề ngày 17/9/1945, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁸. Ngày 10/01/1946, phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc Hồ Chí Minh, đã nhấn mạnh: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹⁹. Người yêu cầu: “Chúng ta phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn; 2. Làm cho dân có mặc; 3. Làm cho dân có chỗ ở; 4. Làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”²⁰. Người khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 162.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.64.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.175.

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.175.

sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”²¹.

Thứ tư, độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để mọi người dân phải được hưởng giá trị của độc lập, tự do như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời.

Tư tưởng này của Hồ Chí Minh được thể hiện suốt trong quá trình cách mạng Việt Nam nhất là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Theo Hồ Chí Minh quốc dân đồng bào bao gồm cả những phần tử người Việt Nam trong quá khứ đã từng theo giặc, phản dân, hại nước. Những người sau này khi đầu hàng cách mạng hoặc bị cách mạng bắt, được Chính phủ và nhân dân khoan hồng, tha thứ, “không để tâm moi những tội cũ đem ra làm ăn mới làm gì” thì họ cũng được hưởng nền độc lập của dân tộc. Hồ Chí Minh "Thái độ đó của Chính phủ tỏ rõ một ý muốn duy nhất làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do độc lập ấy như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời"²².

Như vậy, độc lập, tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nội hàm phong phú, sâu sắc, là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc; liên quan đến những vận mệnh, tồn vong, hệ trọng của quốc gia, dân tộc và nhân dân, con người. Vì vậy, có hiểu được nội hàm khái niệm độc lập, tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh thì mới mới giải thích được vì sao trong cuộc đời Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng, đánh giá cao, nhấn mạnh vai trò và quyết tâm theo đuổi giá trị độc lập, tự do.

II. KẾT LUẬN

Trong các trường đại học hiện nay, môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* đang được triển khai dạy học theo học chế tín chỉ, là học phần bắt buộc, có ý nghĩa nền tảng cho toàn bộ các môn Lý luận chính trị, góp phần bồi dưỡng cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học cho sinh viên. Do đó, nghiên cứu, tìm ra các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của người học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học là đòi hỏi khách quan, cần thiết, cấp bách, quan trọng. Các biện pháp dạy học nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn học rất phong phú, đa dạng, sinh động, sáng tạo. Trong bài viết bước đầu chúng tôi đề xuất 3 biện pháp: 1) Kích thích nhu cầu, hứng thú học tập; 2) Dạy cách học, kỹ năng học; 3) Tạo tình huống trong học tập. Ở mỗi biện pháp tập trung làm rõ: cơ sở, nội dung, quy trình và gắn với đó là ví dụ về sự vận dụng các biện pháp. Tuy nhiên, bài viết sẽ có những hạn chế nhất định, rất mong được sự quan tâm, góp ý kiến của đồng nghiệp, bạn đọc.

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 187.

²² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.49.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Wilbert J. Mckeachk (2003), *Những thủ thuật trong dạy học. Các chiến lược, nghiên cứu và lý thuyết về dạy học dành cho giảng viên đại học và cao đẳng*. (Nguồn: Teaching Tips, Mc Keachie, U..J..10th edition, 1999, Houghtion Mifflin).
3. Bernd Meyer - Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở của đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Lưu Xuân Mới (2001), *Phương pháp dạy học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Cảnh Toàn (Chủ biên), Nguyễn Kỳ, Vũ Văn Tảo, Bùi Tường (1997), *Quá trình dạy - tự học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Trần Bá Hoàn (1998), “Vị trí của tự học, tự đào tạo trong quá trình dạy học, giáo dục và đào tạo”, *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, tháng 7.
8. Lê Đức Ngọc (2004), “Dạy cách học - một trong những giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*, tháng 8.
9. Vũ Văn Tảo (2001), “Học và dạy cách học”, *Tạp chí Tự học*, tháng 4.

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TS. Nguyễn Minh Hải

Trường Đại học Tây Nguyên

ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền

Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa

I. MỞ ĐẦU

Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 5 môn học chính trong cấu trúc chương trình các môn Lý luận chính trị. Mục tiêu của môn học là “cung cấp tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin của sinh viên vào Đảng và Nhà nước. Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng”¹. Vì vậy, tìm ra các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học là việc làm quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với ý nghĩa đó, bài viết bước đầu tập trung đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường đại học.

II. NỘI DUNG

Mỗi môn học có nhiều biện pháp dạy học khác nhau, dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không nằm ngoài quy luật đó. Căn cứ vào quá trình dạy học, đặc thù môn học, nội dung tri thức môn học, tôi xin đề xuất các biện pháp sau:

¹ Chương trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Ban hành theo Quyết định số 4890/2019/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo đại học các ngành không chuyên Lý luận chính trị).

2.1. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam

Bất kỳ một chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản nào của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng ra đời dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn nhất định. Xem xét cơ sở lý luận và thực tiễn của chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, sẽ giúp cho sinh viên thấy được ý nghĩa, giá trị khoa học của từng chủ trương, đường lối đó. Trên cơ sở đó, hình thành niềm tin vào chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên. Để làm cho sinh viên nắm vững cơ sở lý luận và thực tiễn của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Làm cho sinh viên nắm được nội dung cốt lõi của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam mà ta đang nghiên cứu là gì?

Bước 2: Làm cho sinh viên xác định được cơ sở thực tiễn (bối cảnh lịch sử) cốt lõi của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam mà ta đang nghiên cứu được Đảng ta đưa ra dựa trên cơ sở thực tiễn (bối cảnh lịch sử) “cốt lõi” là gì?

Bước 3: Làm cho sinh viên xác định được cơ sở lý luận cốt lõi của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam mà ta đang nghiên cứu được Đảng ta đưa ra dựa trên cơ sở lý luận “cốt lõi” là gì?

Ví dụ: Để làm cho sinh viên nắm được sự hình thành và phát triển, chuyển hướng chỉ đạo đường lối cách mạng giải phóng dân tộc giai đoạn (1930-1945).

Bước 1: Làm cho sinh viên nắm được nội dung đường lối cách mạng căn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn (1930-1945) là sự hình thành và phát triển, chuyển hướng chỉ đạo đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.

Bước 2: Làm cho sinh viên xác định được cơ sở thực tiễn (bối cảnh lịch sử) cốt lõi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc giai đoạn của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 1945). Cơ sở thực tiễn (bối cảnh lịch sử) “cốt lõi”: *Một là*, bối cảnh quốc tế (Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, sau này là chủ nghĩa phát xít...; đi xâm lược, hình thành hệ thống thuộc địa; Cách mạng tháng 10 Nga thành công; Quốc tế cộng sản ra đời 3/1919). *Hai là*, bối cảnh dân tộc (Việt Nam từ nước phong kiến độc lập trở thành thuộc địa, nửa phong kiến; các phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp; các phong trào yêu nước thất bại...).

Bước 3: Làm cho sinh viên xác định được cơ sở lý luận cốt lõi của sự hình thành đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn (1930 - 1945). Cơ sở lý luận “cốt lõi” là - Lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp; về vấn đề dân tộc thuộc địa và cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa.

2.2. Hướng dẫn người học nắm bắt quá trình hình thành và phát triển của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam

Bất kỳ một đường lối cách mạng cơ bản nào của Đảng Cộng sản Việt Nam trong môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cũng được hình thành và phát triển trong những bối cảnh lịch sử nhất định. Một trong các mục tiêu then chốt của môn học là làm cho sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nắm được sự hình thành và phát triển của từng đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ giúp cho sinh viên nắm được nội dung, ý nghĩa và sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về đường lối. Từ đó sinh viên sẽ thấy được tính logic, tính hệ thống, tính khoa học, tính cách mạng của những đường lối cách mạng của Đảng. Vì vậy, một trong những việc làm trọng tâm, then chốt của giảng viên là làm cho sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để làm cho sinh viên nắm vững quá trình hình thành và phát triển của các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Làm cho sinh viên nắm được đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Tên chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

Bước 2: Làm cho sinh viên xác định được những giai đoạn, những dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển của đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam đang nghiên cứu có quá trình hình thành và phát triển như thế nào? Những giai đoạn, những dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

Bước 3: Làm cho sinh viên xác định được nội dung chính của từng giai đoạn, từng dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Trong mỗi giai đoạn, dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam có những nội dung cơ bản nào?

Bước 4: Làm cho sinh viên kết nối được nội dung chính của những giai đoạn, những dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Sự kết nối chuỗi nội dung cơ bản trong những giai đoạn, những dấu mốc chính của sự hình thành và phát triển các đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện như thế nào?

Ví dụ: Làm cho sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Bước 1: Làm cho sinh viên nắm được tên chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam là đường lối công nghiệp hóa.

Bước 2: Làm cho sinh viên xác định được những giai đoạn, những dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển của đường lối công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tổng kết đánh giá mô hình công nghiệp hóa trước đổi mới và bước đầu đổi mới tư duy lý luận về công nghiệp hóa (1986).

- Nghiên cứu, tìm tòi, bước đầu hình thành hệ thống lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới (1986 - 1996).

- Phát triển hệ thống lý luận công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế mới (1996 - đến nay).

Bước 3: Xác định được nội dung chính của từng giai đoạn, từng dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển đường lối công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tổng kết đánh giá mô hình công nghiệp hóa trước đổi mới và bước đầu đổi mới tư duy lý luận về công nghiệp hóa (1986).

Đường lối công nghiệp hóa được hình thành từ Đại hội III (9/1960). (Tính đến trước đổi mới 1986, có 25 năm tiến hành công nghiệp hóa qua hai giai đoạn: Từ năm 1960 đến 1975 đối với miền Bắc; từ năm 1975 đến 1985 cả nước). Đại hội VI (12/1986) đánh dấu quá trình đổi mới nói chung, quá trình đổi mới tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa nói riêng. Chỉ rõ những sai lầm cơ bản trong quá trình công nghiệp hóa trước đổi mới.

- Nghiên cứu, tìm tòi, bước đầu hình thành hệ thống lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới (1986 - 1996).

Đại hội VII (1991), Đảng ta đưa ra quan điểm công nghiệp hóa theo hướng hiện đại. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1/1994), lần đầu tiên Đảng ta đưa ra khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội VIII (1996), Đảng ta xác định,

Việt Nam,... chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phát triển hệ thống lý luận công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế mới (1996 - đến nay).

Qua 5 kỳ đại hội, từ Đại hội VIII (1996), đến nay, Đảng ta tiếp tục bổ sung và nhân mạnh một số điểm mới về công nghiệp hóa:

+ Điều chỉnh mục tiêu, bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho sát với thực tiễn. (Đại hội VIII-XI, 2020; Đại hội XII, “sớm”; Nghị quyết Trung ương 7, khóa XII - “đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc).

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế.

+ Động lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản; khoa học và công nghệ là nền tảng, động lực.

+ Coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. (Nghị quyết số 05-NQ/HNTW ngày 10/6/1993, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn “xây dựng nông thôn mới”).

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo sự phát triển bền vững.

+ Xác định hệ tiêu chí nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển kinh tế, xã hội, môi trường...

Bước 4: Làm cho sinh viên kết nối nội dung chính của những giai đoạn, những dấu mốc chính trong sự hình thành và phát triển đường lối công nghiệp hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.3. Khai thác tính có vấn đề của nội dung dạy học; sử dụng các tình huống dạy học, phương pháp tích cực trong dạy học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Quá trình dạy học và nội dung học tập không có ý nghĩa gì với người học, vô ích, trung tính, vô thưởng, vô phạt, nhạt nhẽo hoặc đối kháng với tình cảm, ý chí của người

học thì sẽ không diễn ra hoạt động học tập. Trong quá trình dạy học và nội dung học tập xuất hiện tính có vấn đề, các tình huống dạy học thì người học sẽ tích cực học tập. Để làm được điều này, giảng viên phải tích cực nghiên cứu quá trình và nội dung dạy học; phát hiện ra tính có vấn đề của nội dung dạy học, tạo ra các tình huống dạy học hấp dẫn, thu hút người học; mặt khác, phải tích cực đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như phương pháp thuyết trình theo kiểu luận chiến, vấn đáp - đàm thoại, nêu vấn đề, dạy học theo dự án, nghiên cứu trường hợp... .

Chẳng hạn, để vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, giảng viên có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Mô tả trường hợp: Gợi mở, hướng dẫn sinh viên nhận biết về nội dung trường hợp.

Bước 2: Nhiệm vụ: Từ trường hợp đặt ra những nhiệm vụ cần phải nghiên cứu tìm hiểu cả trong lý luận và thực tiễn.

Bước 3: Yêu cầu: Căn cứ vào từng nhiệm vụ đặt ra các yêu cầu mà người học cần phải thực hiện. Và việc thực hiện các yêu cầu đó sẽ góp phần giải quyết các nhiệm vụ. Từ đó trường hợp được giải quyết.

Ví dụ: Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp để nghiên cứu trường hợp “Tình hình ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến phát triển bền vững ở nước ta”.

Bước 1: Mô tả trường hợp.

Trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước Đảng ta đã có nhiều chủ trương, đường lối chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm đến chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

“Tình trạng quy hoạch các khu đô thị chưa gắn liền với vấn đề xử lý chất thải, xử lý nước thải,... vẫn còn tồn đọng nên tại các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu đô thị,... ô nhiễm môi trường đang ở mức báo động. Theo ước tính, trong tổng số 183 khu công nghiệp trong cả nước thì có trên 60% khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại các đô thị, chỉ có khoảng 60 - 70% chất thải rắn được thu gom, cơ sở hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải, chất thải nên chưa thể đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tình trạng ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí, rác thải nông thôn, chất thải công nghiệp đang diễn ra phức tạp... Nhiều vụ án ô nhiễm môi trường xuất hiện như Formasa Hà Tĩnh; Công ty Vedan Việt Nam; Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2; Sonadezi Long Thành”²...

² “Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam và các giải pháp khắc phục”. Nguồn: <http://moi-truong.deal.vn/thuc-trang-o-nhiem-moi-truong-o-viet-nam-va-cac-giai-phap-khac-phuc>.

Bước 2: Nhiệm vụ.

Hãy đọc nội dung mô tả trường hợp trên đây, tiếp tục nghiên cứu và thảo luận, từ đó cho biết:

1) Đánh giá khái quát về tình hình ô nhiễm môi trường ở nước ta và tìm hiểu quan niệm về phát triển bền vững?

2) Trong quá trình đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, đường lối đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta như thế nào?

3) Chúng ta có sáng kiến về một chương trình hành động, một dự án để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta như thế nào?

Bước 3: Yêu cầu.

Khi thảo luận về trường hợp này cần:

1) Phân tích ảnh hưởng tác hại cơ bản của tình hình ô nhiễm môi trường ở nước ta đến phát triển bền vững ở nước ta.

2) Tìm hiểu, đánh giá chủ trương, đường lối Đảng về chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta

3) Rút ra được những bài học cho cuộc sống hiện tại của thế hệ mình. Nghĩ đến những chương trình hành động để góp phần thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về chống ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển bền vững ở nước ta.

2.4. Vận dụng tri thức liên ngành trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có mối quan hệ hữu cơ, mật thiết với các môn Lý luận chính trị như Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Pháp luật; Đạo đức; Chính trị học;... và nhiều môn khoa học khác, nhất là các môn khoa học xã hội và nhân văn như Lịch sử; Văn học; Văn hóa học; Xã hội học... Nhiều nội dung kiến thức môn học chỉ được hiểu đúng đắn, rõ ràng, sâu sắc khi đặt trong mối quan hệ nghiên cứu với tri thức của các môn khoa học khác. Nhiều nội dung tri thức trong các môn khoa học khác góp phần làm phong phú, sinh động, sâu sắc nội dung tri thức môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng tri thức liên ngành trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn góp phần cải thiện tính lý luận, trừu tượng của môn học; kích thích nhu cầu, hứng thú làm tăng sức hấp dẫn môn học đối với người học; thay đổi trạng thái, không

khí, giảm áp lực, căng thẳng trong học tập... Để vận dụng tri thức liên ngành trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Xác định nội dung, thời điểm cần vận dụng tri thức liên ngành trong bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bước 2: Xác định mức độ tri thức liên ngành nào cần vận dụng trong bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bước 3: Xác định phương pháp, cách thức, phương tiện, công cụ hỗ trợ cần thiết để vận dụng tri thức liên ngành trong bài giảng môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chẳng hạn, vận dụng tri thức liên ngành - văn học, lịch sử để dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giảng viên có thể làm như sau:

Bước 1: Xác định nội dung, thời điểm cần vận dụng tri thức liên ngành trong bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Khi mở đầu, trong quá trình giảng dạy hoặc kết thúc bài giảng các nội dung: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975), Các đường lối cách mạng Việt Nam thời kỳ đổi mới,... giảng viên có thể vận dụng tri thức liên ngành văn học, lịch sử,... trong giảng dạy.

Bước 2: Xác định mức độ tri thức liên ngành nào cần vận dụng trong bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, có thể sử dụng các tư liệu như: “Quê hương từng mảnh phân chia/ Hàng ngàn thủ cấp đầm đìa máu tuôn/ Giống Rồng Tiên một cội nguồn/ Cảnh luôn liền gốc, lá luôn liền cành/ Gốc bền vững, lá tươi xanh/ Trước cơn giông bão, lá - cành xác xơ/ Một cơ hội, một thời cơ/ Lá xanh phát triển, cành tơ hình thành/ Đảng Cộng sản được khai sanh/ Giờ tổng khởi nghĩa liệt oanh khởi đầu”³. “Năm hai mươi của thế kỷ hai mươi/ Tôi sinh ra nhưng chưa được làm người/ Nước đã mất, cha đã làm nô lệ./ Ôi những ngày xưa mưa xứ Huế, mưa sao buồn vậy hỡi mưa rơi!/? Ngẩng đầu lên không thấy mặt trời/ Đất lai láng những là nước mắt.../ Từ vô vọng mệnh mông đêm tối/ Người đã đến chói chang nắng dội/ Trong lòng tôi ôi Đảng thân yêu”⁴. “Người thực hiện chủ trương Quốc tế/ Quyết ngăn ngừa chia rẽ bên trong/ Người triệu tập về ngay Hương Cảng/ Giữa Cửu Long các Đảng họp bàn/ Lập nên Cộng sản Việt Nam/ Vạch ra đường

³ Trần Trí Trung (2006), *Việt Nam thi sử hùng ca*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.45.

⁴ Tố Hữu, *Một nhánh xuân*. Nguồn: <http://nslide.com>

lối, chính cương rõ ràng/ Muôn lòng một cung đàn hợp tấu/ Năm ba mươi ghi dấu son
hà/ Tháng hai nắng hừng mừng ba/ Từ trong gian khổ Đảng ta ra đời”⁵. “Như đứa trẻ
sinh nằm trên cỏ/ Không quê hương, sương gió toi bời/ Đảng ta sinh ở trên đời/ Một
hòn máu đỏ nên Người hôm nay”⁶.

- Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), có thể sử dụng các tư liệu
như: “Biển sóng trào lên thành đại hội Muôn màu vũ trụ kết hoa đăng/ Xôn xao mặt
đất, trắng là trăng/ Chảy xiết Ngân Hà, muôn sao vàng rực/ Mặt trời đỏ huyền kỳ mọc
lên, ôi náo nức/ Nhạc nhân gian cuộn cuộn bốc hồng trần!/ Ta đi đây, là trăm vạn thiên
thần/ Chiều chiến thắng phá tan quân quỷ sứ/ Ta đi dưới bốn nghìn năm lịch sử/ Đêm
nay tràn hoa đỏ nhụy vàng tươi/ Ta đi đây, với thế kỷ hai mươi/ Mạch suối trẻ trong
dòng người vô địch”⁷! “Gió ơi gió hãy làm giông, làm tố/ Cuốn tung lên cờ đỏ máu
thơm tươi/ Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi/ Ta ngã vật trong dòng người cuộn
thác/ Ôi thiên đường tai miên man lắng nhạc/ Từ muôn phương theo gót nện rầm rầm/
Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam muôn năm!”⁸. “Lời Đảng gọi, một ngày sấm nổ/ Biển
người dâng ngập phổ ngập đồng/ Mùa thu Cách mạng thành công/ Mùa thu đây, hỡi cờ
hồng vàng sao!/ Ôi hai tiếng đồng bào, Tổ quốc/ Đến hôm nay mới thuộc về ta/ Trăm
nam mất nước mất nhà/ Hôm nay mới cất lời ca tiếng cười”⁹.

- Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1946 - 1975),
có thể sử dụng các tư liệu như: “Chín năm kháng chiến thành thân/ Gậy tầm vông đánh
tan quân bạo tàn!/ Chín năm nắng núi mưa ngàn/ Nắng mưa có Đảng, cơ hàn có nhau/
Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng!”¹⁰; “Hỡi miền Bắc
đỏ, nặng đôi vai/ Gánh cả non sông, vượt dặm dài/ Xẻ dọc Trường Sơn, đi cứu nước/
Mà lòng phơi phới dậy tương lai!”¹¹; “Ôi Đất Nước sau bốn ngàn năm đi đâu ta cũng
thấy/ Những cuộc đời đã hóa núi sông ta.../ Nhân dân đang đi lên đội ngũ trùng trùng/

⁵ Chu Hà, Lã Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, Nxb Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, tr.45.

⁶ Tô Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Ba-mươi-năm-đời-ta-có-Đảng/>

⁷ Tô Hữu, *Vui bất tuyệt*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Vui-bất-tuyệt>

⁸ Tô Hữu, *Huế tháng Tám*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Huế-tháng-tám>

⁹ Tô Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Ba-mươi-năm-đời-ta-có-Đảng>

¹⁰ Tô Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Ba-mươi-năm-đời-ta-có-Đảng>.

¹¹ Tô Hữu, *Theo chân Bác*. Nguồn: <https://www.thivien.net/Tô-Hữu/Theo-chân-Bác>

Thế vô tận của nghìn năm giết giặc/ Lửa đã cháy hồng hào mặt đất/ Mùa chín tình yêu, mùa chín hận thù!”¹² / “Ôi Việt Nam, xứ sở lạ lùng/ Đến em thơ cũng hóa thành những anh hùng/ Đến ong dại cũng luyện thành chiến sĩ/ Và hoa trái cũng biến thành vũ khí!”¹³; “Những cái hôn trầm tích trong bể sâu của nhớ/ Những cái hôn đào hang mạch đầy lòng/ Những cái hôn có lúc phải lừa nó vào góc lòng như đẹp giặc/ Đánh thù xong, ta sẽ lại tìm mày/ Ta cầm lấy trái tim mình mà bóp chặt/ Tiếng yêu thâm rỉ dưới bàn tay!”¹⁴ ; “Ôi Việt Nam! từ trong biển máu/ Người vươn lên như một thiên thần”¹⁵; “Nước Việt Nam từ máu lửa/ Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”¹⁶.

- Các đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới, có thể kể các câu chuyện về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao,... thời kỳ trước đổi mới. VD: Những khó khăn của ngoại giao Việt Nam trước đổi mới: Mâu thuẫn với các nước láng giềng Trung Quốc, Campuchia; hầu hết các nước trong ASEAN đều bất đồng với Việt Nam; Mỹ và các nước phương Tây bao vây cấm vận... Sau đổi mới những thành tựu ngoại giao thể hiện như thế nào?...

Bước 3: Xác định phương pháp, cách thức, phương tiện, công cụ hỗ trợ cần thiết để vận dụng tri thức liên ngành trong bài giảng môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. giảng viên có thể đưa các trích đoạn thơ trên bằng phương pháp thuyết trình, kết hợp với phân tích, bình luận để giảng dạy phù hợp với từng nội dung, từng thời điểm cho phù hợp.

2.5. Nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, phát triển hệ thống chủ trương, đường lối, hệ thống bài giảng môn học - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Bất kỳ một đường lối cách mạng cơ bản nào của Đảng Cộng sản Việt Nam trong môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cũng trải qua hình thành và phát triển nhất định, được Đảng ta thường xuyên cập nhật, bổ sung, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Nội dung kiến thức môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sinh động, đa dạng trong nước và ngoài nước; dân tộc và quốc tế đang thay đổi hàng ngày. Việc nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, phát triển hệ thống chủ trương, đường lối, hệ thống bài giảng môn học - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền kiến thức lý luận môn học với thực tiễn; làm giảm tính hàn lâm, trừu tượng, lí thuyết của các môn

¹² Nguyễn Khoa Điềm/Mặt-đường-khát-vọng-1974. Nguồn: <https://www.thivien.net/Nguyễn-Khoa-Điềm/Mặt-đường-khát-vọng-1974>

¹⁴ Nguồn: Tập thơ “*Hoa trên đá*” (1977 - 1984), Chế Lan Viên.

¹⁵ Nguồn: <https://www.thivien.net/Tố-Hữu/Việt-Nam-máu-và-hoa>.

¹⁶ Nguồn: <https://www.thivien.net/Nguyễn-Đình-Thi/Đất-nước>.

học Lý luận chính trị mà Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một phân môn; góp phần làm tăng tính sinh động, phong phú, thời sự, hiện đại hóa bài học; trên nền tảng đó, kích thích, nâng cao nhu cầu, hứng thú môn học với sinh viên. Vì vậy, trong dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phải thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, phát triển hệ thống chủ trương, đường lối, hệ thống bài giảng môn học. Để nghiên cứu, cập nhật, bổ sung, phát triển hệ thống chủ trương, đường lối, hệ thống bài giảng môn học, giảng viên có thể tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1: Nắm vững hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trả lời câu hỏi: Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có hệ thống bài giảng nào? Hệ thống đường lối cách mạng cơ bản được phản ánh, đề cập trong môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

Bước 2: Tách hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, thành từng đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng bài giảng môn học, để tập trung nghiên cứu.

Bước 3: Thường xuyên nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nắm bắt, chọn lọc những vấn đề thời sự “mấu chốt” liên quan quan đến hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bước 4: Kết nối kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nắm bắt, chọn lọc những vấn đề thời sự “mấu chốt” với hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ví dụ: Để làm cho sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Bước 1: Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có hệ thống bài giảng nào? Hệ thống đường lối cách mạng cơ bản được phản ánh, đề cập trong môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

- Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có hệ thống bài giảng nào? (Kể tên các chương của môn học)¹⁷.

- Hệ thống chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản được phản ánh, đề cập trong môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

¹⁷ Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975 - 2018).

Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề; đường lối đối ngoại...

Bước 2: Tách hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, thành từng chủ trương, đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, từng bài giảng môn học, để tập trung nghiên cứu. Chẳng hạn, tác đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa của Đảng ra khỏi hệ thống đường lối cơ bản, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bước 3: Thường xuyên nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nắm bắt, chọn lọc những vấn đề thời sự “mấu chốt” liên quan quan đến từng chủ trương, đường lối cơ bản của Đảng. Chẳng hạn, đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa đã được đề cập, được bổ sung, phát triển, hoàn thiện? (Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng (khóa VIII)¹⁸[18]; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 BCHTW Đảng (khóa XI)¹⁹[19]

Bước 4: Kết nối kết quả nghiên cứu lý luận hoặc tổng kết thực tiễn, nắm bắt, chọn lọc những vấn đề thời sự “mấu chốt” với hệ thống đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống bài giảng môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chẳng hạn, kết nối kết quả nghiên cứu lý luận hoặc tổng kết thực tiễn, nắm bắt, chọn lọc những vấn đề thời sự “mấu chốt” với chủ trương, đường lối văn hóa của Đảng. Từ đó trên cơ sở nghiên cứu, so sánh, cập nhật, bổ sung, phát triển chủ trương, đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam.

<p>1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.</p>
<p>2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. 3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</p>	<p>2. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.</p>

¹⁸ Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

¹⁹ Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 BCHTW Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

	3. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.
	4. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.
4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.	5. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.
5. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.	

III. KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một môn học quan trọng trong kết cấu chương trình các môn Lý luận chính trị; góp phần quan trọng vào củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng; bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học, bồi đắp niềm tin, tình cảm, rèn luyện phẩm chất, nhân cách, đạo đức cách mạng cho người học. Bài viết bước đầu đưa ra năm biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn học. Ở mỗi biện pháp tác giả tập trung làm rõ 3 vấn đề cơ bản: giải thích sự cần thiết vận dụng biện pháp; quy trình và cách thức vận dụng từng biện pháp; nêu ra các ví dụ mang tính định hướng, gợi mở về việc sử dụng biện pháp trong thực tiễn dạy

học. Hy vọng kết quả chuyên đề sẽ góp phần tích cực vào việc gợi mở những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn học trong nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Viện Lịch sử Đảng (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Toàn tập*, (65 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998 - 2018.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. *Đảng Cộng sản Việt Nam 80 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
7. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết (2015), *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (phần Cương lĩnh, bổ sung và phát triển)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
11. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa bổ sung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Quyết định số 4890/2019/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo đại học các ngành không chuyên Lý luận chính trị.

13. *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nxb Chính trị quốc gia xuất bản.
14. Trần Trí Trung (2006), *Việt Nam thi sử hùng ca*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.45.
15. Chu Hà, Lê Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, Nxb Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, tr.45.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Lê Thị Sáu*

Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trong bài viết tác giả chỉ rõ sự cần thiết của nâng cao chất lượng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học hiện nay. Trên cơ sở đó, xuất phát từ góc độ chuyên môn tác giả đề xuất một số biện pháp sư phạm cơ bản góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học hiện nay.

Từ khóa: Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, chất lượng giảng dạy, trường đại học.

I. MỞ ĐẦU

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Trong các trường đại học hiện nay, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 môn học Lý luận chính trị bắt buộc thuộc kết cấu, chương trình đào tạo. Nhiều văn bản, chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua xác định: “... chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa cao”,... nguyên nhân của hạn chế trên “chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”¹. Hơn nữa, theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo các ngành không chuyên về lý luận chính trị thì hiện nay chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng đang sử dụng chương trình,

* Khoa Xây dựng Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh

¹ Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

giáo trình mới. Vì vậy, tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng là yêu cầu quan trọng, cấp thiết trong các trường đại học hiện nay.

II. NỘI DUNG

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống những quan điểm toàn diện và phong phú các vấn đề về đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng, thể hiện những nhận thức sâu sắc, những vận dụng và phát triển sáng tạo của Người về chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta xác định là tài sản tinh thần vô cùng to lớn, quý báu của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Từ lâu, việc học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong của Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân đã được đặt ra như một nhu cầu tất yếu và được triển khai dưới nhiều hình thức. Đặc biệt, từ khi Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng khẳng định: “*Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động*”² thì công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đã được tiến hành một cách rộng rãi, có hệ thống, có chiều sâu với tư cách là một môn khoa học, giữ một vị trí quan trọng bên cạnh các môn khoa học Mác - Lênin.

Cũng như bất cứ một môn khoa học nào khi được đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo đại học, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi phải tuân thủ những yêu cầu có tính quy luật của giáo dục, của hoạt động sư phạm. Hàng loạt vấn đề đặt ra cần phải giải quyết như: nội dung chương trình, tài liệu dùng cho việc dạy của thầy, việc học của trò từ giáo trình, giáo khoa đến các tài liệu tham khảo; phương pháp giảng dạy; các thiết bị, đồ dùng dạy học thích hợp cho các đối tượng và mục tiêu đào tạo... Trong các vấn đề nêu trên, phương pháp đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Nó là công cụ để người thầy truyền tải tri thức khoa học tới sinh viên, giúp họ hình thành nhận thức khoa học, trau dồi năng lực tư duy lý luận đồng thời rèn luyện tư tưởng chính trị, tư tưởng đạo đức và nhân cách. Phương pháp còn giúp cho người học tự mình lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình tiếp thu học vấn, biến lao động học tập thành nhu cầu văn hóa của cá nhân, nhờ đó chuyển đổi tượng thành chủ thể tự đào tạo. Cụ thể, đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, làm thế nào để có thể giảng dạy tốt được môn học? Làm thế

² Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.127.

nào để khi tiếp xúc với môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên một mặt vừa tiếp nhận được bản chất khoa học, những tri thức cần thiết làm hành trang bước vào cuộc sống, vào lĩnh vực công tác của bản thân; mặt khác, họ luôn cảm thấy thoải mái, hào hứng đón nhận môn học như một món ăn tinh thần, cảm nhận và tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh đang là trăn trở của không ít giảng viên khi đảm nhận môn học này. Để việc dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh được nâng cao chất lượng, phát triển và đi sâu, theo tôi cần chú ý thực hiện các biện pháp cơ bản, đặc thù sau:

2.1. Truyền đạt tư tưởng Hồ Chí Minh bằng văn phong trong sáng, giản dị, ngắn gọn, dễ hiểu

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong tác phẩm *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp* đã nhận định: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, sáng chói mà không gây chói ngợp, gặp lần đầu mà như thân thuộc từ lâu*”³. Song, hiện nay, trong thực tế, chúng ta thấy có một khuynh hướng là nhiều người đang thần thánh hóa Hồ Chí Minh, trong đó có cả một số giảng viên giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh. Khiến cho người học cảm thấy học tư tưởng của Bác quá khó, quá cao siêu. Dẫn đến, người học ngòai học chỉ để biết, hoặc người dạy chỉ mang tính chất tuyên truyền. Hệ quả là khiến cho tư tưởng của Bác xa rời thực tế, khó đến gần với người học. Do vậy, khi giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải xuất phát từ chính con người thực của Bác, phải bằng văn phong trong sáng, giản dị, nếu không, càng thần thánh bao nhiêu, chúng ta sẽ càng khiến người học xa rời bấy nhiêu.

Sinh thời, Hồ Chí Minh thường nhắc nhở chúng ta phương châm quý báu trong giáo dục đó là: Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn,... phải chống chủ nghĩa kinh nghiệm trong dạy và học, học thuộc lòng máy móc. Trong “*Bài nói tại hội nghị tổng kết phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” của ngành giáo dục phổ thông và sư phạm*”, Người nhấn mạnh: “*thực hiện tốt phương châm nhà trường gắn chặt với xã hội, học đi đôi với hành*”⁴ Như vậy, nhiệm vụ đặt ra cho người thầy không phải là bắt sinh viên học thuộc lòng những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh một cách thụ động, máy móc, xơ cứng mà phải làm cho sinh viên nắm được cái tinh thần của tư tưởng ấy, nắm được những quan điểm mang tính quy luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh và biết áp dụng những

³ Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.17.

⁴ CD ROM, Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 14, tr.746.

điều đó một cách sáng tạo phục vụ cho lĩnh vực nghề nghiệp phục vụ cho lĩnh vực nghề nghiệp mà họ đang và sẽ công tác với phương châm “*Học để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn*”.

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy chứa đựng một kho tàng những tri thức uyên thâm của Đông, Tây, kim, cổ, những quan điểm mang tính quy luật của cách mạng Việt Nam nhưng lại được Người trình bày bằng một văn phong rất trong sáng, giản dị, dễ hiểu. Do vậy, để quá trình giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt, không có gì hợp lý hơn là chúng ta học tập chính phương pháp truyền đạt của Người. Có như vậy tư tưởng của Người mới được người học tiếp nhận một cách nhẹ nhàng mà sâu sắc qua đó củng cố và phát triển thế giới quan, nhân sinh quan, quan điểm chính trị, phương pháp tư duy sáng tạo của học viên.

2.2. Phải có hệ thống kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực: Lịch sử, Triết học, Kinh tế, Văn hóa...

Tư tưởng Hồ Chí Minh là “*một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*”⁵. Do vậy, để tạo cho bài giảng vừa đảm bảo được tính khoa học, chân lý và toàn diện, vừa có sức lôi cuốn sinh viên, người thầy ngoài yêu cầu tiên quyết là phải được trang bị kiến thức vững vàng về tư tưởng Hồ Chí Minh, về Hồ Chí Minh học thì còn cần phải có một phong văn hóa sâu rộng, ít nhất trong đó có sự hiểu biết về những truyền thống tư tưởng văn hóa, các học thuyết lớn cổ kim, Đông, Tây mà Hồ Chí Minh đã chú trọng kế thừa trong việc hoạch định đường lối cách mạng và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chẳng hạn, giảng viên cần hiểu biết về Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi,... và chủ nghĩa Mác- Lênin mới làm cho việc truyền thụ những nhận định về đường lối và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh thêm sinh động. Bởi trong đường lối, phương pháp cách mạng của Người chứa đựng tính kiên định, sắc sảo, nhạy bén của Lênin; tính độc lập tự chủ, tự cường của Lý Thường Kiệt, lòng nhân ái bao dung của Nguyễn Trãi; tài thao lược quân sự của Trần Hưng Đạo và sức mạnh thần tốc của Nguyễn Huệ; hay, hiểu rõ Tuyên ngôn độc lập, Hiến pháp nước Mỹ; sự nghiệp của

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.83.

Tổng thống George Washington thời lập nước Mỹ, tư tưởng sự nghiệp của Tổng thống Thomas Jefferson, Tổng thống Abraham Lincoln; hiểu rõ bản Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của nước Pháp, các tư tưởng về tự do, bình Đẳng, bác ái, về Nhà nước pháp quyền trong tư tưởng văn hóa Phương Tây mới càng thấy rõ thêm bản lĩnh sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sáng lập, lãnh đạo xây dựng Nhà nước của dân do dân vì dân ở nước ta; và, càng hiểu rõ các quan điểm về đạo đức, về con người của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, của triết học Mác - Lê nin càng có thêm nội lực văn hóa và trí tuệ cảm xúc khi thuyết giảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh...

Mặt khác, Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng kiệt xuất mà Người còn là một nghệ sỹ, một tâm hồn thơ lớn. Thơ văn của Người chứa đựng tâm vóc tư tưởng của Người. Do đó, sử dụng thơ văn của chính Người để minh họa cho tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là điều làm tăng thêm sức hấp dẫn, tạo sự truyền cảm cho bài giảng.

Như vậy, với một nền tảng tri thức văn hóa sâu rộng, vững chắc; cùng với những dẫn chứng minh họa thực tế, những câu chuyện có thật về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, giảng viên sẽ giúp cho người học hiểu được sức sống mãnh liệt và hiệu quả to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.3. Coi trọng việc sử dụng chính các tác phẩm kinh điển của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm tư liệu chuẩn để giảng dạy và học tập

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như nghiên cứu bất cứ một vĩ nhân, một nhà tư tưởng nào, nhất là khi nhân vật lịch sử ấy đã qua đời, đã lùi vào quá khứ và để lại di sản thì lẽ dĩ nhiên phải chú trọng nghiên cứu các tác phẩm mà họ để lại. Đối với Hồ Chí Minh, các tác phẩm của Người là sản phẩm của trí tuệ thiên tài, là những tổng kết, chỉ dẫn toàn diện và sâu sắc về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sử dụng các tác phẩm kinh điển của Người làm tư liệu chuẩn để giảng dạy là con đường và phương pháp hiệu quả nhất trong nghiên cứu, giảng dạy; giúp người học nắm vững được quan điểm tư tưởng, tính đúng đắn, sáng tạo của những tư tưởng đó mà Người gửi gắm qua tác phẩm; đồng thời, khắc phục được tình trạng “tam sao thất bản”, gán ghép chủ quan dẫn đến nhận thức và hành động không đúng với tư tưởng của Bác.

Về tư liệu khoa học và các tài liệu dùng cho việc dạy và học môn tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần chú trọng theo định hướng sau: cần phải coi các tác phẩm của Hồ Chí Minh (trong các tuyển tập và toàn tập, bao gồm cả bộ sách *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*) là loại tài liệu quan trọng nhất. Cần phải làm cho mọi người học (ở mọi

đối tượng, mọi trình độ đào tạo khác nhau) được tiếp xúc trực tiếp, trở đi trở lại nhiều lần các tác phẩm của Hồ Chí Minh. Nói một cách hình ảnh, phải tạo được nhu cầu và khả năng thâm canh trên cánh đồng của tư duy và tư tưởng này mới có thể hy vọng gặt hái được một cái gì đó trong di sản mà Người để lại.

Trong quá trình nghiên cứu và giới thiệu các tác phẩm của Hồ Chí Minh cho học viên, chúng ta cần chú ý những điểm sau:

- Giúp cho học viên nắm được đặc điểm chung các tác phẩm của Hồ Chí Minh bao gồm *hình thức thể hiện của tác phẩm và nội dung tác phẩm*.

- Giúp học viên hiểu được hoàn cảnh lịch sử ra đời và nội dung tác phẩm, bao gồm hoàn cảnh lịch sử thế giới và trong nước; nội dung tổng quát và nội dung cụ thể của tác phẩm.

- Giúp học viên hiểu được ý nghĩa các tác phẩm của Hồ Chí Minh, đó là ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thời đại.

Khi hiểu được như vậy, sẽ làm cho người học nảy nở những xúc cảm, tình cảm với đối tượng nghiên cứu, nhất là sự hòa quyện cảm xúc cảm, tình cảm trí tuệ - đạo đức - thẩm mỹ khi tiếp xúc với tư tưởng Hồ Chí Minh qua từng trang viết, từng tác phẩm của Người. Từ đó, nảy nở những hứng thú, những nhu cầu nội tại của bản thân người học trong việc tìm hiểu để có hiểu biết, để tự mình khám phá, sáng tạo, lĩnh hội tri thức một cách tích cực chủ động, biến những tri thức đó thành sự hiểu biết thực sự của mình, không tiếp nhận một chiều, thụ động, tiêu cực.

2.4. Kế thừa nhận định, đánh giá của Đảng, của các vị lãnh đạo, Đảng, Nhà nước; nghiên cứu của các học giả lớn trong và ngoài nước về Hồ Chí Minh

Đây chính là hướng quán triệt sâu sắc tính Đảng và tính khoa học trong nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là trí tuệ cá nhân Hồ Chí Minh, đó cũng là kết tinh trí tuệ và kinh nghiệm đấu tranh của Đảng ta. Những tinh hoa trí tuệ, kinh nghiệm đó còn được thể hiện ở những lãnh tụ Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt ở những vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước kiệt xuất, đồng thời là những học trò xuất sắc, là cộng sự trung thành của Hồ Chí Minh. Như các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... Đây cũng chính là những người có công đầu trong việc cụ thể hóa, bảo vệ, phát triển và truyền bá rộng rãi tư tưởng Hồ Chí Minh. Cho đến nay, việc tìm hiểu các bài nói, bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước đó vẫn cho ta những định hướng cơ bản trong nghiên cứu, bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.

Nghiên cứu các văn kiện Đảng từ Đại hội II năm 1951 cho đến Đại hội XI hiện nay, các bài nói, bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ, chúng ta càng có thêm bản lĩnh chính trị, lập trường vững chắc trong vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.

Một yêu cầu có tính nguyên tắc trong khoa học là để có cái mới khoa học, Người đi sau phải biết đứng trên vai người đi trước. Tức là biết kế thừa thành quả nghiên cứu của người đi trước. Hơn nữa, chúng ta lại đang sống trong thời kỳ bùng nổ thông tin về tư tưởng Hồ Chí Minh. Hàng ngày, hàng giờ xuất hiện nhiều bài nói, bài viết, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật về Hồ Chí Minh ra đời. Các công trình đó nói về Hồ Chí Minh từ nhiều góc độ khác nhau. Những người tham gia công tác giảng dạy lý luận chính trị nói chung, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng cần sáng suốt phân biệt đúng - sai, thật - giả, nghiêm túc hay câu thả, vô trách nhiệm trong các ấn phẩm về Hồ Chí Minh. Thấy rõ tính gay go, phức tạp thậm chí quyết liệt trên mặt trận tư tưởng văn hóa hiện nay xung quanh vị anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh. Do đó, giảng viên cần kịp thời tranh thủ những kết quả mới và tiến bộ trong các nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đặc biệt là thành tựu của các học giả lớn và tiến bộ. Đó là một điều kiện cần thiết để nâng cao tính khoa học, nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, dám lên tiếng bác bỏ một cách khoa học những sai trái trong các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ, nhằm hạ bệ thần tượng Hồ Chí Minh.

2.5. Kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết với việc nghiên cứu tế những nơi Hồ Chí Minh đã sống và làm việc

Chúng ta biết rằng, các tác phẩm, nội dung tư tưởng không thể tồn tại biệt lập bên ngoài cuộc đời và sự nghiệp của tác giả. Các tác phẩm cũng không tự nó hình thành mà là sự phản ánh, một sự vang vọng bởi những biến cố và thăng trầm của thời đại lịch sử. Hay nói cách khác, các tác phẩm không phải là toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh mà nó chỉ là một phần tiêu biểu máu thịt và tâm hồn của Người. Do đó, khi giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta không chỉ giúp người học tìm thấy được chân giá trị tư tưởng của Người qua các trước tác mà còn phải giúp họ hiểu được tư tưởng ấy ngay trong hoạt động thực tiễn phong phú của Người qua hơn 6 thập kỷ tranh đấu, hy sinh, từ lúc Người quyết định bôn ba tìm đường cứu nước cho đến giây phút cuối cùng, khi trái tim ngừng đập và khối óc ngừng suy nghĩ, đi vào cõi vĩnh hằng và để lại muôn vàn tình yêu thương dành cho nhân dân Việt Nam và nhân loại.

Mặt khác, đặc thù của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh là bên cạnh việc làm cho người học nắm vững những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhiệm

vụ hết sức quan trọng và cần thiết là giáo dục người học sống, học tập và phấn đấu theo tấm gương đạo đức, phong cách của Người. Chính vì vậy, chúng ta không chỉ đơn thuần nghiên cứu tác phẩm, tư tưởng, quá trình hoạt động cách mạng của Người qua sách vở, bài viết, các công trình nghiên cứu mà cần cho học viên được trực tiếp tìm hiểu những nơi, những vùng đất đã in đậm dấu chân Bác: từ Kim Liên nơi Bác cất tiếng khóc chào đời đến Pắc Bó - vùng đất chiến khu cách mạng, nơi Hồ Chí Minh đã chỉ đạo cách mạng Việt Nam những ngày đầu gian khổ và còn rất nhiều địa danh Người đã sống, đã cống hiến cho đến khi Người ra đi vĩnh viễn,... có được những chuyến đi thực tế về những nơi đó sẽ giúp cho sinh viên cảm nhận sâu sắc hơn những lý luận mà mình đã tiếp thu được từ môn học. Đây chính là điều thuyết phục nhất, sống động nhất khi chúng ta giảng cho sinh viên về tư tưởng và con người Hồ Chí Minh.

III. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng dạy học các môn Lý luận chính trị nói chung, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng là yêu cầu quan trọng, cấp thiết trong các trường đại học hiện nay. Trong bài viết trên đây tác giả đề xuất 5 biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học. Hy vọng những kết quả của bài viết sẽ là tiếng nói góp phần cải thiện tình trạng “nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”; nâng cao chất lượng dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình học phần *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn lý luận chính trị đối với trình độ đào tạo các ngành không chuyên về lý luận chính trị).
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.
6. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.
7. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (15 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Biên niên tiểu sử*, (10 tập), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU GIÁO TRÌNH MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

ThS. Bùi Duy Bình*

Bé Thị Hương**

Tóm tắt

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần Lý luận chính trị cốt lõi nằm trong kết cấu chương trình đào tạo các trường đại học trong toàn quốc hiện nay. Dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong các trường đại học được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nên nội dung tự học, tự nghiên cứu có vị trí, vai trò quan trọng. Bài viết nghiên cứu lý luận và đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay.

Từ khóa: *Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, trường đại học.*

I. MỞ ĐẦU

Theo Quyết định số 4890/BGDĐT-GDDH ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình dùng trong trình độ đại học các ngành không ngành về lý luận chính trị, mục tiêu môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là: “Cung cấp cho sinh viên một cách những nội dung cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại về kinh tế chính trị Mác - Lênin. Để sinh viên có căn cứ khoa học hiểu và lý giải được các đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tạo niềm tin có cơ sở khoa học vào sự lãnh đạo của Đảng và sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội. Cùng với các môn khoa học khác, tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận tư duy kinh tế cho sinh viên”. Dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong các trường đại học được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nên nội dung tự học, tự nghiên cứu và hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu có vị trí, vai trò quan trọng. Bài viết nghiên cứu lý luận và đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao

* Trường Đại học Hoa Lư

** Học viên lớp Cao học Kinh tế chính trị - K26, Viện Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

hiệu quả hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - một số vấn đề lý luận

a. Tầm quan trọng của việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Tự học, tự nghiên cứu là cốt lõi của học tập, nghiên cứu; là một mục tiêu quan trọng; là bản chất, động lực nội lực quyết định chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học chỉ là ngoại lực, là tác nhân, hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo cho sinh viên tự học; vấn đề quan trọng cơ bản nhất không phải là dạy của sinh viên, mà là học tập, nghiên cứu của sinh viên; hơn nữa, xét về thời gian việc học cơ bản diễn ra không phải bên trong mà là bên ngoài lớp học.

Bản chất của việc dạy học nói chung và dạy học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin nói riêng, cũng như thực tiễn dạy học hiện nay, quy định hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu thành một mục tiêu quan trọng. Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có tri thức khá trừu tượng, phong phú, sinh động. Nhiều nội dung tri thức môn học, sinh viên tự mình khó có thể tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nếu không có hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Hiện nay, các trường đại học đang triển khai đào tạo môn học theo học chế tín chỉ, quá trình dạy học được rút ngắn thời gian trên lớp, tăng thời gian tự học của sinh viên, trong khi đó, ở khả năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là rất hạn chế; sinh viên ít có được sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu phù hợp giúp họ sử dụng tối ưu hóa cơ hội học tập đến với họ. Từ đó cho thấy, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên là rất cần thiết, quan trọng. Vì vậy, phải coi trọng tự học, tự nghiên cứu và tiến hành đổi mới phương pháp dạy học, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tự học môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin của sinh viên.

Giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là tài liệu “hạt nhân”, là nguồn kiến thức chính, chủ đạo, là sự triển khai và phát triển chương trình trong quá trình dạy học môn học. Để dạy học có chất lượng, sinh viên phải định hướng, dẫn dắt, gợi mở để sinh viên biết cách và thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu giáo trình; khai thác, phát huy được vai trò, giá trị của giáo trình trong dạy học. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của phương pháp truyền thống, hầu hết quá trình dạy học môn học được triển khai theo hướng sinh

viên đọc, nghiên cứu, tóm lược kiến thức cơ bản giáo trình, sau đó truyền thụ thẳng, trực tiếp đến sinh viên. Do đó, giá trị của “tam giác dạy học” (Giáo trình, nội dung dạy học - khách thể; sinh viên - chủ thể; sinh viên - tác nhân) không khai thác được nhiều; sinh viên thiếu phương pháp, cách thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết để nghiên cứu giáo trình. Đó là lực cản chủ yếu làm giảm khả năng, hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Vì vậy, để hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được phát huy cần đặc biệt coi trọng hướng dẫn nghiên cứu giáo trình cho sinh viên. Tìm ra các biện pháp hướng dẫn sinh viên nghiên cứu giáo trình, nâng cao chất lượng tự học, tự nghiên cứu là đòi hỏi khách quan, vừa mang tính cơ bản lâu dài, vừa mang tính cấp bách trong dạy học. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin cho sinh viên là đưa ra những định hướng, dẫn dắt, gợi mở để sinh viên nghiền ngẫm, suy xét, nghiên cứu, tìm ra phương pháp, cách thức, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cơ bản, cần thiết để khai thác, phát huy, giá trị, hiệu quả của giáo trình môn học.

b. Mục tiêu của việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Nghiên cứu hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin nhằm tìm ra các cách thức, biện pháp có hiệu quả để hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - với tư cách là tài liệu chính, chủ yếu của quá trình học tập, nhằm nâng cao năng lực tự học môn học của sinh viên.

c. Nội dung và cách thực hiện biện pháp hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu là định hướng, dẫn dắt, gợi mở của sinh viên để sinh viên tự giác, chủ động, độc lập, tự mình phát huy các phẩm chất, năng lực trí tuệ và hành động, sức mạnh trí tuệ và cơ bắp trong học tập, nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức của nhân loại, phát triển và hoàn thiện các năng lực, phẩm chất của cá nhân. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, có nhiều cách thức: Hướng dẫn cách lập kế hoạch tự học; cách tự xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp học tập; cách nghe, cách ghi, cách nhớ nội dung dạy học; cách nghiên cứu giáo trình; cách khai thác, lựa chọn tài liệu học tập và huy động các nguồn lực phục vụ cho quá trình tự học, tự nghiên cứu... Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cần triển khai theo hướng: Lựa chọn nội dung; xác định loại hình; thiết kế và thực hiện nội dung dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

2.2. Vận dụng một số vấn đề lý luận vào việc thực hành hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, có nhiều cách thức, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một loại hình của hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu môn học. Cơ bản quy trình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin cần triển khai theo hướng: Lựa chọn nội dung; xác định loại hình; thiết kế và thực hiện nội dung dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Ví dụ 1: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin [1; tr.23-24], bằng phương pháp đặt câu hỏi gợi mở.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có những vấn đề sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu được; có những vấn đề sinh viên không hoặc khó tự học, tự nghiên cứu được. Đối với những vấn đề trong giáo trình sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu được thì không phải hướng dẫn; có những vấn đề sinh viên không hoặc khó tự học, tự nghiên cứu được thì cần thiết phải hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Vì vậy, khâu đầu tiên của hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là phải xác định, nghiên cứu, tìm hiểu lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình.

Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy người học; năng lực giảng viên, xác định, lựa chọn loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp.

Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

[?] Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy cho biết: Phương pháp nghiên cứu có hiệu quả nội dung - “thuộc tính của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế

chính trị Mác - Lênin (Nghiên cứu từng thuộc tính của hàng hóa, sau đó đặt trong mối tương quan so sánh).

a) Nghiên cứu từng thuộc tính của hàng hóa - Giá trị sử dụng của hàng hóa

Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người (nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh thần; cũng có thể cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân, có thể là nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất).

Giá trị sử dụng gắn liền với vật phẩm, là một phạm trù vĩnh viễn. Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm, trình độ phát triển khoa học công nghệ; trình độ nhận thức của con người...

Giá trị sử dụng của những hàng hóa khác nhau là khác nhau về chất. Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải trao đổi hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.

Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng. Giá trị sử dụng là cái cần cơ bản của người tiêu dùng, người mua. Vì trong mua bán, người tiêu dùng, người mua cũng quan tâm đến giá trị, nhưng mối quan tâm lớn nhất của người mua là giá trị sử dụng...

b) Đặt trong mối tương quan so sánh - Giá trị sử dụng với giá trị của hàng hóa

Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy cho biết:

1. Giá trị trao đổi của hàng hóa là gì? Tại sao, hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau lại có thể trao đổi được với nhau?

2. Căn cứ, cơ sở để hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau lại có thể trao đổi được với nhau là gì? Làm rõ quan điểm: Thực chất của quá trình trao đổi hàng hóa là trao đổi “lao động xã hội cần thiết” kết tinh trong hàng hóa?

3. Sau khi đặt cơ sở cho việc nghiên cứu giá trị của hàng hóa, giảng viên hướng dẫn sinh viên thiết lập bảng so sánh, gợi mở, giá trị sử dụng với giá trị của hàng hóa, theo mô hình gợi mở dưới đây:

Giá trị sử dụng của hàng hóa	Giá trị của hàng hóa
Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người (nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh thần; cũng có thể cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân, có thể là nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất).	Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa.

Giá trị sử dụng gắn liền với vật phẩm, là một phạm trù vĩnh viễn.	Giá trị hàng hóa chỉ tồn tại trong nền sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử.
Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm, trình độ phát triển khoa học công nghệ; trình độ nhận thức của con người...	Giá trị hàng hóa do hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng quyết định.
Giá trị sử dụng của những hàng hóa khác nhau là khác nhau về chất.	Giá trị của những hàng hóa khác nhau đồng nhất với nhau về chất, chỉ khác nhau về lượng.
Giá trị sử dụng là điều kiện của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải trao đổi hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.	Giá trị là nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi, vì trong trao đổi người ta phải dựa trên cơ sở giá trị của hàng hóa.
Giá trị sử dụng chỉ thể hiện khi con người sử dụng hay tiêu dùng, được thực hiện trong lĩnh vực tiêu dùng.	Giá trị thể hiện thông qua giá trị trao đổi, được thực hiện trong lĩnh vực trao đổi, lưu thông...
Giá trị sử dụng là cái cần cơ bản của người tiêu dùng, người mua. Vì trong mua bán, người tiêu dùng, người mua cũng quan tâm đến giá trị, nhưng mối quan tâm lớn nhất của người mua là giá trị sử dụng...	Giá trị là cái cần cơ bản của người sản xuất, người bán. Vì trong mua bán, người bán, người sản xuất cũng quan tâm đến giá trị sử dụng, nhưng mối quan tâm lớn nhất của họ là giá trị, là thu được nhiều tiền hơn...

Qua nghiên cứu, so sánh trên đây, cho thấy một vật, khi đã là hàng hóa thì nhất thiết nó phải có giá trị sử dụng. Nhưng không phải bất cứ vật gì có giá trị sử dụng cũng đều là hàng hóa. Một vật, ngoài giá trị sử dụng muốn trở thành hàng hóa nó phải được bán, được trao đổi, cũng có nghĩa là vật đó phải có giá trị, giá trị trao đổi. Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá. Nhưng không phải hao phí lao động nào của con người kết tinh trong sản phẩm cũng là giá trị hàng hóa. Chỉ trong những xã hội người ta làm ra sản phẩm để trao đổi thì hao phí lao động đó mới mang hình thái giá trị; chỉ có hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa mới là giá trị hàng hóa.

Như vậy, thuộc tính tự nhiên của hàng hóa là giá trị sử dụng, thuộc tính xã hội của hàng hóa là hao phí lao động xã hội của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa và là giá trị hàng hoá. Bất kỳ một vật nào muốn trở thành hàng hóa đều phải có đủ hai thuộc tính: Giá trị sử dụng và giá trị, nếu thiếu một trong hai thuộc tính đó không thể là hàng hóa.

[?] Nghiên cứu giáo trình môn học, Anh (Chị) hãy lấy ví dụ minh họa và giải thích nội dung quan điểm:

Không phải hao phí lao động nào của con người kết tinh trong sản phẩm cũng là giá trị hàng hóa. Chỉ trong những xã hội người ta làm ra sản phẩm để trao đổi thì hao phí lao động đó mới mang hình thái giá trị; chỉ có hao phí lao động xã hội cần thiết của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa mới là giá trị hàng hóa.

Ví dụ 2: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin [1; tr.25-26], bằng phương pháp dạy cách học, kỹ năng học.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là dạy cách học, kỹ năng học.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Anh (Chị) hãy cho biết:

[?] Muốn hiểu mệnh đề - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa”, cần phải nắm vững, xác định được những vấn đề then chốt nào? (Lượng giá trị của hàng hóa là gì? Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng gì? Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng gì? Vì sao mọi nhân tố ảnh hưởng đến thời gian lao động xã hội cần thiết đều là nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa là nhân tố nào?)

[?] Căn cứ vào giáo trình môn học, cho biết: Cách học, kỹ năng học có hiệu quả nội dung - “các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa” là gì? (Xác định được có mấy nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa? Khi trình bày về các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa các tác giả viết giáo trình trình bày theo logic như thế nào?)

- *Năng suất lao động*: Là sức sản xuất của người lao động được đo bằng lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, hay lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Năng suất lao động phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Người lao động (sức khỏe, năng lực, trình độ, kinh nghiệm...); mức độ phát triển của khoa học - kỹ thuật, công nghệ và mức độ ứng dụng những thành tựu đó vào sản xuất; điều kiện tự nhiên. Tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, muốn nâng cao năng suất lao động cần tận dụng tốt các nhân tố trên. Năng suất lao động có: năng suất lao động cá biệt; năng suất lao động xã hội.

Lượng giá trị hàng hóa tỷ lệ nghịch với năng suất lao động xã hội. Bởi vì, khi năng suất lao động xã hội tăng lên thì cùng một thời gian lao động nhưng khối lượng hàng hóa sản xuất ra tăng lên làm cho thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa giảm xuống tức là giá trị của một đơn vị hàng hóa sẽ giảm xuống. Tương tự, khi năng suất lao động xã hội giảm xuống thì giá trị một đơn vị hàng hóa tăng lên. Lượng giá trị hàng hóa tỷ lệ thuận với mức độ hao phí sức lao động xã hội cần thiết, tỷ lệ nghịch với năng suất lao động xã hội.

- *Cường độ lao động*: Là đại lượng chỉ mức độ hao phí sức lao động trong một đơn vị thời gian. Nó cho thấy mức độ khẩn trương, nặng nhọc hay căng thẳng của lao động. Cường độ lao động phụ thuộc nhiều vào thể chất và tinh thần của người lao động...

Lượng giá trị của một hàng hóa không thay đổi khi tăng cường độ lao động. Tăng cường độ lao động về thực chất giống như kéo dài ngày lao động tương ứng với một cường độ lao động trung bình. Vì vậy, khi tăng cường độ lao động thì tổng giá trị của tổng số hàng hóa tăng lên, nhưng lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa không đổi.

[?] Anh (Chị) hãy cho biết, tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động ảnh hưởng như thế nào đến lượng giá trị của mỗi đơn vị hàng hóa và tổng chung của lượng giá trị hàng hóa?

- *Mức độ phức tạp của lao động*: Căn cứ vào mức độ phức tạp của lao động, người ta chia lao động thành lao động giản đơn và lao động phức tạp.

+ Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường có sức khỏe bình thường không cần qua đào tạo cũng có thể làm được (lao động phổ thông).

+ Lao động phức tạp là lao động mà một người lao động đòi hỏi phải được học tập, đào tạo thành lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới có thể tiến hành được.

Trong một đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra một lượng giá trị hàng hóa lớn hơn lao động giản đơn. Lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân gấp bội lên. Chẳng hạn, trong một giờ lao động, người thợ sửa chữa đồng hồ tạo ra nhiều giá trị hơn người rửa bát. Bởi vì, lao động của người rửa bát là lao động giản đơn, có nghĩa là bất kỳ một người bình thường nào, không phải trải qua đào tạo, không cần có sự phát triển đặc biệt, cũng có thể làm được. Còn lao động của người thợ sửa chữa đồng hồ là lao động phức tạp đòi hỏi phải có sự đào tạo, phải có thời gian huấn luyện tay nghề.

Trong trao đổi người ta lấy lao động giản đơn làm đơn vị tính toán và quy tất cả lao động phức tạp thành lao động giản đơn trung bình. C. Mác viết: “Lao động phức tạp,... chỉ là lao động giản đơn *được nâng lên lũy thừa*, hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được nhân lên...”¹.

Ví dụ 3: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin [1; tr.54-56], bằng phương pháp nêu vấn đề.

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin là nêu vấn đề.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện nội dung - “Hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” trong giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Sau khi nghiên cứu xong công thức chung của tư bản, Anh (Chị) hãy cho biết, công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản là gì?

Sau khi nghiên cứu xong công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản. Giảng viên có thể dựa trên hai khối kiến thức nền tảng vừa được nghiên cứu để đặt câu hỏi:

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.75.

a) Anh (Chị) hãy cho biết: Tại sao nói “hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản”?

b) Để làm rõ nội dung “tại sao nói hàng hóa sức lao động - hàng hóa đặc biệt, chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản” ta phải làm sáng tỏ những vấn đề gì? (Công thức chung tư bản là gì? Mâu thuẫn công thức chung tư bản là gì? Vì sao hàng hóa sức lao động là “chìa khóa” giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản?). Sau khi trả lời được những câu hỏi trên, sinh viên sẽ thấy được mối quan hệ logic, chỉnh thể của các nội dung kiến thức đang được nghiên cứu.

- Công thức chung tư bản : $T - H - T'$ (1). $T' = T + \Delta t$. Công thức (1) là công thức chung tư bản vì mọi tư bản đều vận động theo công thức này. C. Mác chỉ rõ: “Vay $T - H - T'$ thực sự là công thức chung của tư bản, đúng như nó trực tiếp thể hiện ra trong lĩnh vực lưu thông”².

- Mâu thuẫn công thức chung tư bản: Theo lí luận về giá trị, giá trị hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hoá; do đó giá trị chỉ được tạo ra trong sản xuất. Lưu thông dưới bất kỳ hình thức nào dù ngang giá, hay không ngang giá, dù có những kẻ luôn mua rẻ bán đắt cũng không tạo ra giá trị. Nhìn vào công thức trên, ta thấy, một mặt, giá định (T) bỏ trong két, (H) bỏ trong kho thì nhà tư bản cũng không thu được (T'); mặt khác, nhà tư bản phải bán được hàng hóa mới tiến hành tái sản xuất. Do đó, không có lưu thông không tạo ra giá trị. Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, nhưng không có lưu thông không tạo ra giá trị. Đó là mâu thuẫn công thức chung tư bản.

- Hàng hóa sức lao động là “chìa khóa” giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản, vì: với việc tìm ra hàng hóa sức lao động C. Mác đã chứng minh lưu thông không tạo ra giá trị, chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản mua được hàng hóa đặc biệt - hàng hóa sức lao động có giá trị sử dụng có tính chất đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó.

Tuy nhiên, không có lưu thông không tạo ra giá trị: Nếu không có lưu thông thì không mua được các yếu tố đầu vào của sản xuất, đặc biệt là hàng hóa sức lao động và không bán được hàng hóa sản xuất, nên cũng không thu được giá trị. Do đó, lưu thông là điều kiện, chứ không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị.

Như vậy, lưu thông không tạo ra giá trị, lưu thông là điều kiện, chứ không phải là nguồn gốc tạo ra giá trị. Chỉ trong quá trình sản xuất nhà tư bản sử dụng hàng hóa đặc

² C. Mác và Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.234.

biệt - sức lao động có giá trị sử dụng đặc biệt khi được sử dụng nó làm tăng giá trị, tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản thân nó, mới tạo ra giá trị hàng hóa. Mâu thuẫn công thức chung tư bản đã được giải quyết. Hàng hóa sức lao động là chìa khóa giải quyết mâu thuẫn công thức chung tư bản.

III. KẾT LUẬN

Bài viết nghiên cứu những nội dung lý luận cơ bản như tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung và cách thức của việc hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay: Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin bằng cách đặt câu hỏi; hướng dẫn cách học, biện pháp học; nêu vấn đề... Hy vọng rằng những kết quả của bài viết, đóng góp vào một số vấn đề nhận thức lý luận về tự học, tự nghiên cứu và hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin và nêu lên những gợi mở góp phần nâng cao hiệu quả hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Tài liệu tập huấn Hè - Dừng trong trình độ đại học các ngành không ngành về lý luận chính trị.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, ban hành theo Quyết định số 4890/BGDĐT-GDDH ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt chương trình, giáo trình dùng trong trình độ đại học các ngành không ngành về lý luận chính trị.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Tài liệu phục vụ dạy và học Chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình Các môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tập mô hình hóa kiến thức cơ bản của giáo trình các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*, tập 1, 2 (Tài liệu tập huấn giảng viên các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh các trường đại học, cao đẳng).

6. Đại học quốc gia Hà Nội (2008), *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, tập 1, 2, 3 (Sách tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
7. Hội đồng Trung ương Ban chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Một số vấn đề về chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003) *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1997), Khoa Kinh tế chính trị, *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, tập 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Kinh tế chính trị, Nguyễn Khắc Thuần (Chủ biên) (2002), *Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại (Dùng cho đào tạo sau đại học)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (Nguyễn Việt Dũng - Vũ Hồng Tiên- Nguyễn Văn Phúc) (1999), *Phương pháp giảng dạy kinh tế chính trị Mác - Lênin ở các trường đại học, cao đẳng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Đình Kháng (Chủ biên) (1999), *Một số vấn đề cơ bản về phát triển phát triển nhận thức kinh tế chính trị học Mác - Lênin trong quá trình đổi mới ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, TP. Huế - Điện thoại: 0234.3834486; Fax: 0234.3819886

Website: <http://huph.hueuni.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Q. Giám đốc: TS. Trần Bình Tuyên

Chịu trách nhiệm nội dung

Q. Tổng biên tập: TS. Nguyễn Chí Bảo

Biên tập viên

Ngô Văn Cường

Biên tập kỹ thuật

Trần Dương Hoàng Long

Trình bày, minh họa

Minh Hoàng

Sửa bản in

Ngô Cường

Đối tác liên kết xuất bản

Đoàn Sỹ Tuấn, Trường Đại học Hoa Lư, đường Xuân Thành,
thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN” (1920 - 2020)

In 35 bản, khổ 19x27cm Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Vân Thái,
89 Nguyễn Huệ, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4264-2020/
CXBIPH/01-56/ĐHH. Quyết định xuất bản số 238/QĐ/ĐHH-NXB, cấp ngày 21 tháng
10 năm 2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

ISBN: 978-604-974-686-4

HLUV

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

“100 NĂM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐẾN VỚI
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN”
(1920 - 2020)



ISBN: 978-604-974-686-4



Giá: 225.000đ